BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

NHIỀU TÁC GIẢ

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC VINH

BAN CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

PGS.TS TRẦN VIẾT QUANG - Trưởng ban
TS VŨ THỊ PHƯƠNG LÊ - Phó trưởng ban
TS PHAN VĂN TUẤN

BAN BIÊN TẬP NỘI DUNG

PGS.TS TRẦN VIẾT QUANG - Trưởng ban
TS VŨ THỊ PHƯƠNG LÊ - Phó trưởng ban
TS NGUYỄN THỊ LÊ VINH - Thư ký
TS PHẠM THỊ BÌNH
TS HẮC XUÂN CẢNH
PGS.TS ĐINH THẾ ĐỊNH
TS LÊ THỊ THANH HIẾU
TS TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO
TS PHAN VĂN TUẤN

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Vũ Thị Phương Lê — BỐI CẢNH HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở VIỆT NAM 9

Trần Viết Quang — XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC 23

Đinh Thế Định — TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN - BƯỚC NGOẶT TRONG LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ 30

Nguyễn Văn Duy - Phạm Văn Dũng — NHẬN DIỆN ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN LỢI DỤNG TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA CÁC THẾ LỰC NHẰM CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 39

Bùi Thị Cần — CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 48

Phạm Thị Bình — VĂN HÓA LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH . 57

Phan Văn Tuấn - Phạm Thị Thúy Hồng — QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN - THỰC TIỄN TẠI NGHỆ AN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA 67

Nguyễn Lê Vân — VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN TRONG XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 77

Trần Thị Thúy — TĂNG CƯỜNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở TỈNH NGHỆ AN 86

Nguyễn Khánh Ly — XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TUYÊN TRUYỀN VIÊN CƠ SỞ Ở TỈNH NGHỆ AN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 92

Nguyễn Thị Linh Giang — VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG HIỆN NAY 103

Phan Thị Hồng Duyên - Phan Thị Thu Nhài — KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC - TỪ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN ĐẾN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 110

Trần Đăng Sinh - Nguyễn Quốc Huy — VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA NGƯỜI ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY 121

Nguyễn Văn Trung — VỀ NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ TRONG XÂY DỰNG CHÍNH ĐẢNG KIỂU MỚI CỦA V.I.LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 128

Bùi Thị Cần - Phan Huy Chính — KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH .. 139

Nguyễn Chí Hải CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ KHMER VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG 148

Nguyễn Khánh Ly - Phạm Thị Thúy Hồng HIẾN ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 158

Nguyễn Thị Loan - Nguyễn Thùy Dung XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NGANG TẦM YÊU CẦU, NHIỆM VỤ THỜI KỲ MỚI 165

Doãn Thị Mai Thủy SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NGHỆ AN 174

Trần Trương Gia Bảo - Trần Đức Thắng TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG CỦA THANH NIÊN - VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 180

Lê Công Hữu NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP HUYỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI 191

Nguyễn Thị Thanh Tuyền KIỆN TOÀN TỔ CHỨC VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIỂN VÀ HẢI ĐẢO Ở VIỆT NAM 199

Trần Cao Nguyên TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU DƯỚI GÓC ĐỘ LỐI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY 207

Nguyễn Thái Sơn VÀI SUY NGHĨ VỀ VIỆC GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HIỆN NAY 215

Phạm Xuân Mỹ ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC TRONG TÌNH HÌNH MỚI 221

Trần Hậu Tân - Vũ Thị Phương Lê PHÊ PHÁN, BÁC BỎ NHỮNG QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC HIỆN NAY 229

Nguyễn Lê Lý NỘI DUNG VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG PHÁP LUẬT (RIA) KHI NGHIÊN CỨU VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC HIỆN NAY 238

Nguyễn Thị Thanh Hà TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ 245

Trương Thị Thu Hà XÂY DỰNG BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRONG ĐẤU TRANH CHỐNG CÁC LUẬN ĐIỆU XUYÊN TẠC CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH QUA GIẢNG DẠY MÔN CHÍNH TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG 252

Nguyễn Thị Diệp NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN TRONG ĐÀO TẠO NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC TIẾP CẬN CDIO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH .. 261

Lê Thị Thanh Hiếu - Nguyễn Thị Kim Thi _ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MÔ HÌNH DẠY HỌC KẾT HỢP (BLENDED LEARNING) TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH HIỆN NAY 269

Phạm Thị Hoa _____ MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC VÀ VẬN DỤNG VÀO GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC..... 276

Hoàng Thị Trang - Cao Thị Hồng Thắm __ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CHÍNH TRỊ HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC..... 285

Nguyễn Văn Sang_____ CẬP NHẬT QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TÔN GIÁO TRONG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ..... 294

Nguyễn Thu Thủy _____ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ĐÁP ỨNG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY..... 309

Hoàng Thị Trang _____ GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC THÔNG QUA TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 316

Lê Văn Sơn_____ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY..... 324

Nguyễn Thị Tình - Nguyễn Thị Kim Chi __ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY 331

Lương Thị Hoài Thanh _____ THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ HIỆN NAY 337

Hoàng Thị Nga _____ ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ NHẬN THỨC CHƯA ĐÚNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH TRONG DẠY HỌC MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 347

Trần Thanh Xuyên - Lê Văn Trung - Huỳnh Hữu Nghị.....
MỘT SỐ GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG HIỆU QUẢ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG 353

Hắc Xuân Cảnh - Võ Văn Thật _____ CỤC DIỆN THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY VÀ NHỮNG LƯU Ý TRONG GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH TRỊ HỌC VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ 359

Nguyễn Thị Lê Vinh _____ SỰ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC CỦA CÁC NƯỚC LỚN ĐỐI VỚI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM 369

Phan Thị Nhuần _____ CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI NHÌN TỪ BẤT ỔN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY 347

PHẦN THỨ HAI

NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Lê Văn Đính _____ NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ MỘT SỐ

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC TA HIỆN NAY 385

Trương Thị Phương Thảo _____ QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM VỀ NĂNG LỰC VÀ PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC 394

Nguyễn Trung Hiếu _____ PHÁT HUY TINH THẦN ĐỔI MỚI CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC, GÓP PHẦN NÂNG CAO NHẬN THỨC CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN HIỆN NAY 401

Nguyễn Duy Trình _____ VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY VẤN ĐỀ QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ 411

Lữ Quang Ngời _____ VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 418

Đỗ Quang Huy _____ TĂNG CƯỜNG BẢN CHẤT DÂN CHỦ CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 426

Mai Diệu Anh _____ NHẬN THỨC VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG THEO TINH THẦN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC HIỆN NAY 435

Phạm Thị Hoa - Ngô Đức Phương _____ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM VÀ VẬN DỤNG VÀO NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY 443

Nguyễn Hồ Thanh _____ QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VỀ TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 451

Trần Văn Long _____ QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM CỦA ĐẠI HỘI XIII VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SỚM, TỪ XA TRONG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH 469

Hoàng Thanh Hiến _____ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG 466

Lê Hoàng Nam _____ QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM CỦA ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII VỀ LỢI ÍCH QUỐC GIA VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LỢI ÍCH QUỐC GIA VỚI LỢI ÍCH NHÂN LOẠI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY 477

Lê Thị Son _____ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG 486

Nguyễn Thanh Hải _____ BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI GÓP PHẦN NÂNG CAO HÌNH ẢNH, VỊ THẾ VIỆT NAM THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG ... 494

Nguyễn Thị Hải Yến _____ VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG TRONG NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY MÔN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC 504

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

BỐI CẢNH HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở VIỆT NAM

TS. VŨ THỊ PHƯƠNG LÊ[1]

Tóm tắt:

Trên thế giới, Chính trị học là ngành khoa học có lịch sử khá lâu đời, nhưng ở Việt Nam, đây là ngành ra đời khá muộn. Mặc dầu việc đào tạo, giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam mới bắt đầu từ những năm 90 của thế kỷ trước nhưng Chính trị học đã nhanh chóng khẳng định được vị trí của mình và có nhiều đóng góp đối với thực tiễn đời sống chính trị của đất nước. Bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay đang đặt ra nhiều thuận lợi và khó khăn trong nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học. Bài viết sẽ trình bày những đặc điểm nổi bật của bối cảnh hiện nay và những vấn đề đặt ra trong nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học, những lợi thế của phương thức đào tạo theo xu thế mới so với phương thức đào tạo truyền thống. Qua đó, bài viết đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: *bối cảnh, chính trị học, giảng dạy, nghiên cứu*

MỞ ĐẦU

Chính trị học là khoa học nghiên cứu đời sống chính trị của xã hội với tư cách là một chỉnh thể nhằm làm sáng tỏ những quy luật và tính quy luật chung nhất của chính trị; nghiên cứu cơ chế tác động và những phương thức, thủ thuật chính trị để hiện thực hoá tính quy luật và những quy luật đó. Đời sống chính trị có thể được phân chia thành ba loại: sự kiện chính trị, hoạt động chính trị và quá trình chính

1 Trường Đại học Vinh

trị. Chủ thể tham gia các loại hình này là con người chính trị. Con người chính trị có thể tồn tại dưới hai dạng: cá nhân (các công dân) và tổ chức chính trị (các nhóm người, giai cấp, dân tộc...); hoặc chủ thể chính trị được nhìn nhận ở góc độ là người cầm quyền (thủ lĩnh chính trị) và người dân. Từ đó, chính trị hình thành các tổ chức khác nhau để tạo ra chế độ chính trị, hệ thống chính trị... nhằm duy trì và củng cố địa vị chính trị của các nhóm chủ thể chính trị. Như vậy, có thể thấy, Chính trị học là khoa học mang tính tổng hợp và liên ngành, có đối tượng nghiên cứu phong phú nên trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy, cần có sự vận dụng và tham gia của các chuyên ngành và các khoa học xã hội khác. Nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học là để hình thành hệ thống tri thức có tính lý luận, có căn cứ khoa học và thực tiễn để xây dựng chế độ chính trị tiến bộ, để tìm kiếm giải pháp, xây dựng chính sách tác động vào thực tiễn đời sống chính trị - xã hội. Những tri thức đó không chỉ giúp con người nhận thức được đời sống chính trị mà còn có thể cải tạo và thay đổi thực tiễn chính trị. Do vậy, Chính trị học là khoa học quan tâm, nhấn mạnh đồng thời cả hai chức năng: nhận thức và cải tạo thực tiễn.

Chính trị học ở Việt Nam có sứ mệnh nhận diện, phân tích đầy đủ, toàn diện, chính xác, kịp thời thực tiễn phát triển của đất nước; nắm bắt được nhu cầu khách quan và dự báo xu hướng vận động của thực tiễn; khái quát khoa học sự vận động có tính quy luật những vấn đề chính trị của xã hội; từ đó, đề xuất những định hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp, có tính khả thi để giải quyết hiệu quả các vấn đề chính trị của thực tiễn. Chính trị học phải có nhiệm vụ mở đường cho những nhận thức, tư duy lý luận mới, cách làm mới. Trên cơ sở đó, xác lập hệ thống tri thức chính trị một cách khoa học, vững chắc, xứng tầm bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng, tư duy lý luận của Đảng trong điều kiện mới.

Bối cảnh hiện nay với những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức đan xen nhau, đang đặt ra cho Chính trị học những yêu cầu và nhiệm vụ mới, đòi hỏi khoa học này cần quan tâm đề xuất giải pháp định hướng kịp thời để bảo vệ và phát huy những thành quả cách mạng của Đảng.

NỘI DUNG

1. Khái quát về bối cảnh hiện nay

Nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học hiện nay đang diễn ra trong bối cảnh với một số đặc điểm nổi bật sau đây:

Thứ nhất, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp nhưng hòa bình vẫn là xu thế chủ đạo. Đại hội Đảng lần thứ XIII đã khẳng định: "Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại,

khó khăn" [2, tr.105]. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, hàng loạt vấn đề tác động không nhỏ đến môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế như: tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ và tài nguyên, xung đột tôn giáo, sắc tộc, hoạt động khủng bố, chủ nghĩa dân túy, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng,... Tuy vậy, hòa bình và phát triển vẫn là xu thế vận động của thời đại và là một nội dung cốt lõi trong chiến lược của mọi quốc gia trên thế giới với mong muốn đẩy lùi chiến tranh, thiết lập một thế giới hòa bình, dân chủ và văn minh.

Các nước lớn tiếp tục giữ vai trò chi phối cục diện thế giới, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, kiềm chế và ngăn chặn lẫn nhau. Trong bàn cờ chính trị quốc tế, các nước lớn đóng vai trò chính trong việc định hình trật tự, cục diện thế giới, xây dựng luật chơi và cơ chế giải quyết các vấn đề nổi lên ở khu vực, thế giới. Quan hệ giữa các nước lớn tác động đến xu thế hội nhập, bảo vệ độc lập, chủ quyền trên con đường phát triển của các quốc gia - dân tộc. Đảng đã nhận định: "... cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét" [2, tr.207]. Sự thay đổi cục diện khu vực và thế giới đã tác động sâu sắc tới từng quốc gia - dân tộc, đòi hỏi các quốc gia - dân tộc phải điều chỉnh chiến lược phát triển cho phù hợp với tình hình mới.

Thứ hai, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế phát triển mạnh mẽ, ngày càng gắn chặt với nhau tạo thành một hợp lực, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất toàn cầu; tác động đến mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự, quốc phòng, an ninh của mỗi quốc gia - dân tộc. Đảng đã nhận định: "Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc." [2, tr.106].

Thứ ba, bối cảnh quốc tế và quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng đã đem lại cho Việt Nam những thời cơ, vận hội, đồng thời cũng làm xuất hiện nhiều thách thức, nguy cơ đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam đã từng bước khẳng định và nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế và trong khu vực, ngày càng có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của các nước trong khu vực và nhiều nước lớn trên thế giới. Vị thế và uy tín của Việt Nam được được tôn trọng hơn trong giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế. Việt Nam đã tham gia và đóng góp tích cực, có hiệu quả, đầy trách nhiệm cho cộng đồng quốc tế và khu vực. Đại hội Đảng lần thứ XIII cũng đã khẳng định: "Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*." [2, tr.25].

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của chủ nghĩa xã hội, như Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) vạch rõ: "Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra

vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ *"diễn biến hòa bình"* của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện *"tự diễn biến", "tự chuyển hóa"* trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí..." [1, tr.19]. Trong đó nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới vẫn là nguy cơ thường trực. Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn tiềm ẩn. Âm mưu thực hiện "diễn biến hòa bình" của thế lực thù địch nhằm chống phá Việt Nam với những biểu hiện mới, quyết liệt và tinh vi hơn trước. Nguy cơ từ tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", trong đó có tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí ở bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn tiếp diễn phức tạp. Thêm vào đó là nguy cơ phai nhạt, đánh mất bản sắc văn hóa, xói mòn những giá trị truyền thống của dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Mặt khác, bối cảnh hiện nay đang đặt ra thách thức rất lớn đối với sự bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững hòa bình, ổn định để phát triển.

Thứ tư, những năm gần đây, đại dịch Covid-19 hoành hành và diễn biến phức tạp trên thế giới và trong nước, gây ảnh hưởng trầm trọng đến sức khỏe nền kinh tế toàn cầu và của mỗi người dân, tác động sâu sắc tới tư duy, chính sách phát triển của các quốc gia. Dự báo trong thời gian tới, dịch bệnh vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp buộc Việt Nam phải tìm cách ứng phó và thích ứng với trạng thái bình thường sau Covid-19.

Thứ năm, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021) thành công tốt đẹp. Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII đã có một số điểm mới cơ bản, thể hiện sự phát triển tư duy lý luận, định hướng chiến lược của Đảng, đưa đất nước vào một giai đoạn phát triển mới. Đánh giá tình hình trong nước, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự báo mới: Sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Năm năm tới, Việt Nam hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn và sẽ phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra. Xu hướng già hóa dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh; biến đổi khí hậu gay gắt, phức tạp... ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước.

Chủ đề Đại hội XIII đã bổ sung điểm mới là xây dựng hệ thống chính trị cùng với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nêu khát vọng phát triển đất nước; xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng

XHCN. Bên cạnh điểm mới trong cách tiếp cận vấn đề, tư duy lý luận - thể hiện trong xác định chủ đề Đại hội, điểm mới còn thể hiện trong cách tiếp cận xác định mục tiêu và tầm nhìn phát triển; trong xác định nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ tới. Về mục tiêu phát triển, Đại hội XIII của Đảng đã xác định: phấn đấu đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại; đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại [2, tr.112].

2. Một số vấn đề đặt ra trong nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, bối cảnh quốc tế hiện nay đang đặt ra nhiều vấn đề để Khoa học chính trị ở Việt Nam tiếp tục nghiên cứu và vận dụng để xây dựng và phát triển đất nước. Trong bối cảnh thế giới có những biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, với các thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen như hiện nay, vấn đề bảo vệ lợi ích chiến lược của các quốc gia - dân tộc càng được đặt ra cấp thiết. Để bảo vệ lợi ích chiến lược của đất nước, Chính trị học cần tập trung nghiên cứu và định hướng cho người học tích cực đấu tranh bảo vệ chủ quyền, lợi ích chiến lược của đất nước đi đôi với bảo vệ hòa bình, ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ các giá trị chuẩn mực của luật pháp quốc tế. Cần đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo toàn diện tình hình và xu thế phát triển trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, đối ngoại, khoa học - công nghệ, quân sự... của quốc tế, khu vực; thực trạng và xu hướng phát triển mối quan hệ giữa các nước lớn, các nước Đông Nam Á, các nước có nhiều lợi ích liên quan đối với Việt Nam. Cần nhận diện kịp thời, đúng đắn, thực chất mối quan hệ, sự mâu thuẫn, thống nhất giữa các nước lớn; với các nước ở khu vực trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế, khu vực liên quan đến chủ quyền, lợi ích của Việt Nam. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh dân tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân tộc ly khai và chủ nghĩa dân tộc biệt lập.

Là khoa học nghiên cứu đời sống chính trị, Chính trị học ở Việt Nam cần tích cực đấu tranh, phê phán các quan điểm sai lầm, phản động trong việc tuyệt đối hóa lợi ích quốc gia - dân tộc mình, xem nhẹ lợi ích của quốc gia - dân tộc khác, lảng tránh những vấn đề toàn cầu có ảnh hưởng đến sự tồn vong của nhân loại, như dịch bệnh, đói nghèo, ô nhiễm môi trường, chiến tranh... Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới trên bộ, trên biển, đảo; bảo vệ các lợi ích chính đáng của Việt Nam phù hợp với luật pháp quốc tế.

Thứ hai, thành tựu của khoa học - công nghệ hiện đại, đặc biệt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra nhiều cơ hội và đặt ra những thách thức mới trong nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học.

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang mở ra nhiều cơ hội mới, hướng tiếp cận mới cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của nhiều ngành, nhiều bộ môn khoa học, trong đó có Chính trị học. Việc ứng dụng những thành tựu của công nghệ thông tin có thể giúp cho Chính trị học có thể trao đổi, tương tác, cập nhật những kiến thức liên ngành như Luật học, Sử học, Xã hội học, Giáo dục học, Kinh tế học... một cách dễ dàng hơn.

Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng tác động sâu sắc đến hình thức tổ chức đào tạo, chất lượng đào tạo, nguồn dữ liệu phục vụ đào tạo và các hoạt động xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho Chính trị học đổi mới về nội dung, hình thức và phương pháp dạy học. Hệ thống sách báo, tài liệu trên mạng xã hội khá phong phú; nguồn học liệu mở và học liệu điện tử khá đa dạng - trong đó có nhiều tài liệu chuyên sâu về Chính trị học. Nhiều phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng hỗ trợ quá trình dạy học như Google Translate - hỗ trợ dịch thuật; Google Reader - ứng dụng đọc các tài liệu ở các định dạng như PDF; phần mềm Prezi - hỗ trợ trình chiếu slide; Google Drive - dịch vụ lưu trữ điện toán đám mây; School Manager - phần mềm hỗ trợ quản lý... Bên cạnh đó, có nhiều phần mềm với nhiều tính năng thuận tiện có thể hỗ trợ đắc lực cho việc giảng dạy và quản lý lớp học khác như: Zoom, Microsoft Teams, Google Meet, Google Classroom, Top Hat, Zalo,...

Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong giáo dục, trong đó có hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học. Chuyển đổi số là quá trình chuyển đổi từ việc vận hành một mô hình truyền thống sang vận hành một mô hình số. Đó là mô hình kết hợp giữa ứng dụng số hóa, công nghệ thông tin với các thành tựu công nghệ, trí tuệ nhân tạo, phối hợp, bổ trợ cho nhau một cách nhịp nhàng để tạo ra một kết quả tối ưu nhất. Chuyển đổi số bắt đầu từ những đột phá công nghệ số, nhưng chuyển đổi số không phải chỉ là công nghệ số, mà quan trọng hơn, chuyển đổi số là chấp nhận cái mới, do đó, chuyển đổi số là cuộc cách mạng về tư duy, nhận thức, thể chế, chính sách nhiều hơn là một cuộc cách mạng về công nghệ. Áp dụng công nghệ số giúp mở ra một phương thức làm việc, điều hành, quản lý, lãnh đạo... một cách tự động, số hoá, không giấy tờ, để tạo ra các giá trị mới, thay đổi văn hóa công ty, doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị... theo hướng tích cực và hiện đại.

Để đáp ứng đủ nhân lực cho nền kinh tế sáng tạo, đòi hỏi Khoa học chính trị cũng phải thay đổi các hoạt động đào tạo, hình thức và phương pháp đào tạo với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Theo đó, các phương thức giảng dạy cũng cần thay đổi phù hợp với nhu cầu của xã hội. Với sự vận dụng những thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 thì người học ở bất cứ đâu đều có thể truy cập vào thư viện của nhà trường để tự học, tự nghiên cứu. Như vậy, không thể chỉ tồn tại mô hình thư viện truyền thống mà các trường phải xây dựng được thư viện điện

tử. Những mô hình giảng dạy mới như đào tạo trực tuyến không cần lớp học, không cần giáo viên đứng lớp, người học sẽ được hướng dẫn học qua mạng; những lớp học ảo, thiết bị ảo có tính mô phỏng, bài giảng được số hóa và chia sẻ qua những nền tảng như E-learning, Youtube... trở thành xu thế phát triển trong hoạt động đào tạo. Kiến thức không thể bó hẹp và độc quyền bởi một người hay trong một phạm vi tổ chức. Người học có nhiều cơ hội để tiếp cận, tích lũy, chắt lọc cái mới, cái hay, để trở thành một công dân toàn cầu có khả năng làm việc trong môi trường sáng tạo và có tính cạnh tranh. Như vậy, các cơ sở giáo dục sẽ phải chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình chỉ đào tạo "những gì thị trường cần", những nội dung của các môn cơ bản sẽ phải được rút ngắn và thay thế vào đó là những nội dung cần thiết để đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo để người học thực hiện được phương châm "học tập suốt đời". Bên cạnh đó các cơ quan nhà nước phải thiết kế mô hình tổ chức, cách thức vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, kết nối và hợp tác với nhau dễ dàng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn. Vì vậy, ngành Chính trị học cần quan tâm bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số, có năng lực kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Trong quá trình giảng dạy Chính trị học, việc sử dụng và kết hợp các công cụ kỹ thuật hỗ trợ, việc kết hợp giữa dạy học trực tiếp lẫn trực tuyến giúp người dạy và người học đa dạng hóa hình thức tương tác, có điều kiện bổ sung, cập nhật những thông tin, kiến thức, phương pháp học mới, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp tư duy trong học tập, nghiên cứu lý luận, mở rộng thông tin, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, công nghệ; khả năng chọn lọc, phân tích, đánh giá, phản bác có căn cứ các quan điểm sai trái; ứng phó kịp thời và hiệu quả trước sự "bùng nổ thông tin" hiện nay.

Bên cạnh đó, sự phát triển của khoa học - công nghệ, của không gian mạng (Facebook, Zalo, Youtube, Instagram, LinkedIn, Zingme, Google...) cũng đang tạo ra không ít thách thức đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội chính trị triệt để lợi dụng Internet, mạng xã hội, các hình thức truyền thông mới để tuyên truyền chống phá một cách có kịch bản, có chiến lược, đánh vào nhận thức, tâm lý đám đông theo kiểu "mưa dầm thấm lâu", "góp gió thành bão". Chúng tận dụng tối đa hệ thống phát thanh, báo chí, xuất bản ở nước ngoài, các kênh Facebook, Youtube... để tung thông tin xấu, độc dưới dạng thật - giả lẫn lộn. Chúng dựng lên các video clip, phóng sự có giao diện giống như của một số báo đài chính thống để đưa tin, giật tít để "câu view", "câu like". Internet và mạng xã hội đang trở thành công cụ hàng đầu để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá, chuyển hóa chính trị, khủng bố. Đấu tranh tư tưởng trên

không gian mạng hiện nay là yêu cầu khách quan, nhiệm vụ trọng yếu, là nhiệm vụ chính trị quan trọng của những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy Khoa học chính trị. Đội ngũ giảng viên Chính trị học cần nhận thức đầy đủ những thách thức và yêu cầu của nhiệm vụ, xây dựng bản lĩnh, trách nhiệm và quyết tâm cao, góp phần giữ vững nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng trước tình hình mới.

Một thách thức khác đặt ra trong đổi mới nội dung, phương pháp tiếp cận, cách thức nghiên cứu, đào tạo và giảng dạy Chính trị học là: với sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ hiện nay, lượng tri thức loài người được tạo ra sẽ rất lớn, nhưng khả năng ghi nhớ và thời gian dành cho việc nghiên cứu và học tập là có hạn; nhiều lớp học truyền thống sẽ bị thay thế bằng những khóa đào tạo trực tuyến. Mô hình giáo dục mới mang tên "mô hình giáo dục 4.0" sẽ ra đời và Chính trị học sẽ không ngoại lệ. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự "lên ngôi" của trí tuệ nhân tạo, Internet kết nối vạn vật, rô bốt, công nghệ na nô... cũng đang đặt Chính trị học trước những thách thức mới về vai trò thực sự của con người, trong đó có người thầy. Vai trò của người thầy như thế nào để giúp cho chính họ và sinh viên, học viên điều chỉnh những thay đổi xã hội? Giảng viên cần phải xây dựng kết cấu nội dung môn học và thay đổi phương pháp giảng dạy như thế nào cho phù hợp?

Thứ ba, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, xu hướng liên kết và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo Chính trị học ngày càng gia tăng. Cơ hội hợp tác, giao lưu, nhất là trong tìm kiếm, tiếp thu những thành tựu nghiên cứu của Khoa học chính trị được mở rộng. Nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến Chính trị học trên thế giới, nhất là của các học giả phương Tây được dịch và xuất bản bằng tiếng Việt. Đây là nguồn tài liệu quan trọng bổ sung, làm phong phú thêm nguồn học liệu cho công tác giảng dạy và nghiên cứu Chính trị học ở Việt Nam.

Bên cạnh việc tham gia các cuộc hội thảo quốc tế liên quan đến Chính trị học, còn có sự giao lưu, liên kết, trao đổi về đào tạo đại học và bậc sau đại học ngành Chính trị học với một số nước trong khu vực. Sự liên kết này đã tạo ra môi trường mở để giao lưu và trao đổi học thuật mạnh mẽ về Chính trị học, giúp các học viện, các trường đại học có cơ hội học hỏi và tiếp cận, cập nhật thực tiễn dạy học Chính trị học ở nhiều nước trên thế giới. Nên dù là một ngành ra đời sau so với thế giới nhưng bù lại, Chính trị học ở Việt Nam được tiếp thu, kế thừa một cách có chọn lọc các chương trình đào tạo, nội dung và phương pháp giảng dạy của các nước trên thế giới phù hợp với thực tiễn Việt Nam để khoa học này thực sự phục vụ mục tiêu, lý tưởng của Đảng, của dân tộc.

Thứ tư, những thành tựu đạt được qua hơn 35 năm đổi mới đất nước là thực tiễn phong phú, gợi mở nhiều vấn đề cho Chính trị học tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển.

Những thành tựu to lớn của hơn 35 năm đổi mới là minh chứng thuyết phục cho tính chất ưu việt của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng, đồng thời cũng là chất liệu cho Chính trị học ở Việt Nam nghiên cứu và phát triển, để khơi dậy khát vọng của nhân dân về một xã hội phồn vinh, hạnh phúc. Bên cạnh làm sáng tỏ những vấn đề lý luận mang tính hàn lâm, Chính trị học ở Việt Nam đang phải tiếp tục đi sâu giải đáp những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước, nhất là những vấn đề đương đại. Đó là: làm thế nào để phát triển đất nước trong bối cảnh các nước vừa hội nhập, hợp tác; vừa cạnh tranh và đấu tranh lẫn nhau; làm thế nào vẫn duy trì được quan hệ hòa bình, hữu nghị mà vẫn bảo vệ được lợi ích quốc gia, giữ được chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ? Hệ giá trị cần hướng tới trong xây dựng văn hóa chính trị Việt Nam hiện nay? Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa như thế nào và đặt ra vấn đề gì? Làm thế nào để phát huy quyền lực chính trị của nhân dân đồng thời với phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng? Cần nhận diện những rủi ro toàn cầu và một số xu hướng phát triển lớn mà Việt Nam phải nắm bắt để đưa ra những quyết định và hành động thích hợp, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển đất nước. Làm thế nào để phát huy vai trò định hướng, dẫn dắt của chính trị đối với kinh tế thông qua các cơ chế, chính sách phù hợp. Giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị như thế nào trong bối cảnh tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0...

Với sự phát triển của kinh tế thị trường của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sôi động hiện nay, các ngành kinh tế và kỹ thuật - công nghệ phát triển và thu hút nhiều nguồn lực. Dường như người ta quan tâm nhiều hơn đến những ngành nghề có khả năng tạo ra giá trị kinh tế, lợi nhuận hơn mà xem nhẹ hoặc ít quan tâm đến các ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn - trong đó có Chính trị học. Bối cảnh này cũng đang đặt Chính trị học trước nhiều khó khăn, thách thức về công tác đào tạo khi mà số lượng sinh viên theo học ngành này đang có xu hướng giảm.

Hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của nhân dân được thay đổi rõ rệt theo hướng đi lên. Trình độ dân trí cũng được nâng cao rất nhiều nhờ sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và mạng truyền thông Internet. Tuy nhiên, nhận thức, hiểu biết và sự quan tâm của nhân dân về các vấn đề chính trị chưa thật sâu sắc và đồng đều giữa các lực lượng và khu vực khác nhau. Sự thờ ơ, bàng quan với các vấn đề chính trị, sự ít quan tâm đến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... của nhiều người trẻ cũng là một rào cản đối với những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học trong giai đoạn hiện nay.

Thứ năm, Đại hội XIII của Đảng đang đặt ra yêu cầu mới đối với khoa học lý luận chính trị, trong đó có Chính trị học. Bối cảnh quốc tế và yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới đòi hỏi Khoa học chính trị phải có những nghiên cứu mang tính đột phá, vươn lên dẫn đường và đồng hành với thực tiễn, khắc phục tình trạng lạc hậu so với sự vận động của thực tiễn. Cùng với các khoa học xã hội khác, Chính trị học phải khai thông những điểm nghẽn về tư duy, nhận thức, quan điểm phục vụ cho việc hoàn thiện thể chế, xây dựng đường lối, chủ trương, định hướng, chính sách phát triển; khơi dậy khát vọng và phát huy ý chí, quyết tâm vươn lên của cả dân tộc; phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

Đặc biệt, trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, vai trò của công tác lý luận được nhấn mạnh và định hướng rất cụ thể gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; trực tiếp là xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, lý luận, với yêu cầu cao: "Nâng tầm tư duy lý luận của Đảng, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp kịp thời cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước" [3, tr.234 -235]. Do đó, nghiên cứu những vấn đề liên quan đến khoa học chính trị trong bối cảnh mới hiện nay phải mang tính hệ thống, tính tổng hợp rất cao (sự tích hợp của nhiều khoa học, lý thuyết, phương pháp, cách tiếp cận...); vừa đáp ứng những yêu cầu trước mắt, vừa đáp ứng những yêu cầu dài hạn; đồng thời đòi hỏi phải có tính định hướng - dự báo cao, tính thích ứng nhanh.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học trong bối cảnh hiện nay

Để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học trong bối cảnh hiện nay, cần lưu ý một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, cần phải kiên định và xuất phát từ phương pháp luận Chính trị học Mác - Lênin. Sinh thời, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh" [4, tr.120], do đó, "Đảng ta theo chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta không những nhìn vào hiện tại, mà lại nhìn vào tương lai, chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc" [4, tr.29]. Từ đó "phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta. Như thế là phải học tập lý luận, phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, trước hết là của cán bộ

cốt cán của Đảng" [5, tr.92]. Hồ Chí Minh cũng nhắc nhở: "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông. Vì vậy cho nên trong khi nhấn mạnh sự quan trọng của lý luận, đã nhiều lần đồng chí Lênin nhắc đi nhắc lại rằng lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động. Những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi" [5, tr.95]. Trong bối cảnh hiện nay, một trong những mục tiêu cần hướng đến trong nghiên cứu Chính trị học ở Việt Nam chính là góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Vậy nên, cần phải xem chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử chính là phương pháp luận quan trọng để phát huy vai trò sức mạnh của khoa học xã hội học đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước hiện nay.

Thứ hai, trong nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần quan tâm hơn đến phương pháp phân tích cấu trúc xã hội và tư duy hệ thống. Phương pháp phân tích cấu trúc xã hội được bắt nguồn từ quan điểm của C. Mác, khi ông không nghiên cứu tư bản với tư cách cá nhân mà tách toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa với tư cách là một hệ thống các thể chế, luật lệ xã hội, bảo vệ lợi ích giai cấp thống trị. Hoạt động chính trị, sự tương tác giữa nhà nước và xã hội chỉ có thể được phân tích thấu đáo trong sự thấu hiểu về cấu trúc vĩ mô, trong đó, cá thể không có tác động đáng kể. Tư duy hệ thống và phân tích cấu trúc xã hội là phân tích nhóm xã hội, xác định vị trí, vai trò, vị thế, thái độ chính trị - xã hội của các nhóm xã hội, tìm ra vấn đề chính trị cần giải quyết. Với cách tiếp cận như vậy, các phân tích chính trị vĩ mô sẽ chỉ tập trung vào những nhóm xã hội lớn như: giai cấp, sắc tộc, dân tộc, tầng lớp, nhóm xã hội...; những quá trình lớn như phân tầng xã hội, chiến tranh, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa... và các thể chế xã hội với nghĩa là tập hợp cách thức, chuẩn mực điều chỉnh các hành vi chính trị trong xã hội. Vì vậy, trong nghiên cứu Chính trị học cần quan tâm đến đến "yếu tố nhóm", "tương quan nhóm" trong phân tích, đánh giá để nắm bắt kịp thời, chính xác cũng như tạo ra cơ sở khoa học và thực tiễn trong việc tham vấn, đề xuất chính sách nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra của từng nhóm xã hội. Từ đó có những biện pháp phù hợp như: tuyên truyền vận động hay thuyết phục họ thực hiện tốt các chủ trương chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước song hành với việc giải quyết kịp thời, đúng đắn quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, nhóm và các giai tầng xã hội.

Thứ ba, nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học không thể không nhấn mạnh vai trò, sức mạnh tư duy chính trị. Trong giai đoạn hiện nay, khi các vấn đề chính trị

đang thâm nhập ngày càng sâu vào mọi mặt đời sống xã hội, thì nhận thức chính trị, ý thức chính trị có vai trò chi phối cực kỳ to lớn. Nhận thức chính trị của chủ thể cầm quyền có tác động sâu sắc tới sự vận động, phát triển của mọi lĩnh vực khác trong xã hội. Ở Việt Nam, sự phát triển của xã hội từ khi có Đảng đến nay đã hình thành tính tất yếu lịch sử về vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư duy chính trị của Đảng in đậm nét lên lịch sử phát triển đất nước hơn 90 năm qua, nhất là trong giai đoạn đất nước đổi mới. Tư duy của Chính trị học có đặc điểm cốt lõi là luôn coi trọng việc đồng thời các góc cạnh tích cực và hạn chế của đời sống chính trị cả lịch đại và đồng đại, cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Do đó có thể khẳng định, để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển Chính trị học cần phải thường xuyên đổi mới tư duy gắn với sự vận động ngày càng đa chiều và phức tạp của thực tiễn chính trị của xã hội.

Thứ tư, thay đổi tư duy về quá trình dạy học. Đây là một trong những yếu tố then chốt để tiến tới đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục nói chung và đổi mới theo hướng giáo dục 4.0 nói riêng. Đối với quá trình dạy ngành Chính trị học, cần chuyển từ truyền thụ kiến thức sang hình thành phẩm chất và phát triển năng lực người học. Cần chuyển phát triển đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng cả số lượng, chất lượng và hiệu quả; chuyển từ chú trọng giảng dạy nặng về lý thuyết sang kết hợp lý thuyết với thực hành, từ chú trọng kiến thức sang kết hợp với phát huy tốt nhất tiềm năng cá nhân; chuyển từ quan niệm cứ có kiến thức là có năng lực sang quan niệm kiến thức chỉ là yếu tố quan trọng của năng lực. Cần đổi mới mô hình, chương trình và phương thức đào tạo, từ khâu tuyển sinh đến khâu đánh giá, kiểm định chất lượng.

Thứ năm, cần tăng cường hình thức dạy học dự án trong giảng dạy Chính trị học. Dạy học dự án một phương pháp dạy học hiện đại trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực tiễn, thực hành. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập. Dạy học theo dự án là hoạt động học tập tạo cơ hội cho người học tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực áp dụng một cách sáng tạo vào cuộc sống, hình thành năng lực vận dụng, thích nghi, giải quyết vấn đề, rèn luyện tư duy độc lập. Khác với phương pháp dạy học truyền thống, giảng viên đóng vai trò trung tâm, là chuyên gia và nhiệm vụ chính là truyền đạt kiến thức, trong dạy học dự án, giảng viên chỉ là người hướng dẫn và tham vấn chứ không phải là "cầm tay chỉ việc". Theo đó, giảng viên không dạy nội dung cần học theo cách truyền thống mà từ nội dung nhìn ra sự liên quan của nó tới các vấn đề của cuộc sống, hình thành ý tưởng về một dự án liên quan đến nội dung học, tạo vai trò cho người học trong dự án, làm cho vai trò của người học gắn với nội dung cần học. Áp dụng phương pháp này sẽ giảm bớt kiến thức hàn lâm, tăng thời lượng ứng dụng, thực hành.

Đối với giảng dạy bậc sau đại học ngành Chính trị học, việc áp dụng phương pháp dạy học dự án là cần thiết. Vì người học đã được trang bị lý luận từ bậc đại học và hầu hết đã trải nghiệm thực tiễn nên khi áp dụng phương pháp dự án, giảng viên trở thành người hướng dẫn, giúp đỡ về mặt phương pháp luận, tạo môi trường thuận lợi nhất cho người học trên con đường thực hiện dự án. Muốn vậy, giảng viên cũng cần tăng cường tham gia các hoạt động nghiên cứu thực tế ở các địa phương, trong các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở để nắm bắt tốt thực tiễn. Mặt khác, cần chú trọng mở các hội thảo chuyên ngành để giúp các giảng viên nghiên cứu, giao lưu về mặt học thuật và học hỏi, mở rộng sự hiểu biết tri thức chính trị; tăng cường nghiên cứu, trao đổi, thảo luận trong nhóm chuyên môn và vận dụng giải quyết các vấn đề chính trị trong thực tiễn.

Thứ sáu, cần quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào nghiên cứu, giảng dạy Chính tri học. Khoa học chính trị tự nó không thể đi vào cuộc sống, không thể cải biến thực tiễn nếu không được thẩm thấu vào đường lối chính trị của đảng cầm quyền, vào hệ thống chính sách, pháp luật của nhà nước. Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng sâu sắc chính là làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn mà mỗi cán bộ, giảng viên cần đầu tư công phu, nghiêm túc, nghiên cứu toàn diện ngay từ đầu để từ đó tự mình quán triệt và tổ chức thực hiện theo chức trách, nhiệm vụ. Cần đầu tư nghiên cứu có tính hệ thống để cập nhật, bổ sung những quan điểm mới vào các giáo trình, tài liệu dạy học, có như vậy, nội dung giảng dạy mới có tính cập nhật, có hơi thở từ thực tiễn và toàn diện trên các vấn đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Thứ bảy, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên nghiên cứu, giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: "Tập trung xây dựng, củng cố, thường xuyên bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ giảng viên chính trị, báo cáo viên" [3, tr.236]. Đội ngũ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam phải không ngừng phấn đấu nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, đứng vững trên lập trường, quan điểm và sử dụng nhuần nhuyễn phương pháp luận mác-xít trong nghiên cứu chính trị, trong xây dựng giáo trình, thiết kế kế hoạch bài dạy và khi trực tiếp giảng dạy Chính trị học. Sử dụng hợp lý các phương pháp tiếp cận, phương pháp nghiên cứu của Chính trị học hiện đại vào nghiên cứu và giảng dạy. Chủ động nghiên cứu và theo dõi kịp thời các nghiên cứu có tính lý thuyết, học thuật về Chính trị học; bám sát đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, góp phần đưa các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống. Tài liệu, giáo trình chương trình Chính trị học cần thường xuyên bám sát và cập nhật tình hình thực tế. Các sự kiện thực tế phải mang tính thời sự, được nhiều người quan tâm, đồng thời phải tường minh, rõ ràng. Phải phân tích kỹ lưỡng để người học

nhận thức đúng cơ sở lý luận và thực tiễn, từ đó rút kinh nghiệm, vận dụng vào thực tế. Bản thân mỗi người học là nguồn thực tế sống động mà người dạy phải quan tâm, tương tác để bổ sung cho bài giảng. Bên cạnh đó, giảng viên cần nâng cao trình độ công nghệ thông tin để khai thác, cập nhật các thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các phương tiện thông tin đại chúng chính là thực tiễn đa chiều, sinh động của cuộc sống mà người giảng viên cần khai thác. Đặt biệt, một trong những yêu cầu quan trọng đối với những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam là phải kiên định tính Đảng, tính khoa học, bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên quyết đấu tranh làm thất bại những âm mưu và thủ đoạn chống phá, xuyên tạc của các thế lực phản động.

KẾT LUẬN

Bối cảnh thế giới và trong nước hiện nay đang đặt ra cho ngành Chính trị học - một ngành khoa học còn khá mới mẻ ở Việt Nam nhiều thời cơ, vận hội và những khó khăn, thách thức. Bối cảnh đó cũng đang đặt ra những yêu cầu, nội dung rất mới, rất cao về nguồn lực con người, với những giá trị xã hội, tiêu chí mới về phẩm chất và năng lực của mỗi con người và cả cộng đồng. Đồng thời, nó cũng đang đặt ra cho Chính trị học Việt Nam những yêu cầu mới về nhận thức, về xác định quan điểm, mục tiêu, cơ chế phát triển; về nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục của đất nước. Trong đó, vấn đề cấp bách đặt ra trong nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học hiện nay là cần làm sáng tỏ được những vấn đề lý luận và thực tiễn đời sống chính trị để tranh thủ được những thuận lợi, hạn chế nguy cơ nhằm phát triển đất nước nhanh, bền vững, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC

PGS.TS TRẦN VIẾT QUANG[1]

Tóm tắt:

Nhằm mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo ngành Chính trị học, trước hết cần xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên về mọi mặt: số lượng, chất lượng và cơ cấu. Bài viết khái quát quá trình xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên Chính trị học ở Trường Đại học Vinh và phân tích, đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên hiện nay, từ đó đề ra các giải pháp tăng cường xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo ngành Chính trị học.

Từ khóa: *đội ngũ giảng viên, ngành Chính trị học, xây dựng đội ngũ giảng viên*

MỞ ĐẦU

Trong lịch sử 63 năm xây dựng và phát triển của Trường Đại học Sư phạm Vinh (nay là Trường Đại học Vinh), đội ngũ giảng viên, trong đó có giảng viên Chính trị học đóng vai trò rất quan trọng, nhân tố quyết định chất lượng đào tạo các ngành học. Cùng với việc mở rộng quy mô, đa dạng hóa các loại hình đào tạo và thực hiện đào tạo ở nhiều trình độ khác nhau, số lượng và chất lượng của đội ngũ giảng viên Chính trị học từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, sự lớn mạnh của đội ngũ giảng viên trong những năm qua không theo kịp so với những chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong đào tạo ngành Chính trị học. Vì vậy, cần nghiên cứu quá trình xây dựng, phát triển và thực trạng đội ngũ giảng viên Chính trị học hiện nay, từ đó đề ra các giải pháp tăng cường xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo ngành Chính trị học ở Trường Đại học Vinh.

1 Trường Đại học Vinh

NỘI DUNG

1. Quá trình xây dựng, phát triển và thực trạng đội ngũ giảng viên Chính trị học ở Trường Đại học Vinh hiện nay

Ở các cơ sở giáo dục, đội ngũ giảng viên có vị trí, vai trò rất quan trọng trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo, nhân tố quyết định chất lượng đào tạo. Hồ Chí Minh khẳng định rằng: "Nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục... không có giáo dục, không có cán bộ thì không nói gì đến kinh tế - văn hóa" [4, tr.345]. Thầy, cô giáo là người định hướng, dẫn dắt các thế hệ người học nắm bắt tri thức khoa học, lý luận, do đó, mọi tài liệu, giáo trình dù hay đến đâu nếu không có thầy giáo hướng dẫn thì không phát huy hết tác dụng đối với người học. Chính vì lẽ đó, các trường đại học luôn quan tâm tới công tác xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên có những phẩm chất cơ bản về tư tưởng chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn, đức tính nhà giáo và kỹ năng sư phạm.

Từ việc nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của đội ngũ giảng viên trong sự phát triển của ngành Chính trị học, những năm qua, Trường Đại học Vinh và các khoa, viện rất quan tâm tới công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên. Đồng thời, các giảng viên luôn có ý thức tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn. Do đó, chất lượng đội ngũ giảng viên từng bước được nâng lên, số giảng viên có trình độ tiến sĩ ngày càng nhiều hơn và nhiều giảng viên được phong học hàm Phó giáo sư.

Hiện nay, giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo ngành Chính trị học chủ yếu ở Khoa Chính trị và Báo chí và Khoa Giáo dục Chính trị. Ngoài ra còn có các giảng viên ở các khoa, trung tâm thuộc Trường Đại học Vinh. Tổng số giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo ngành Chính trị học là 25 giảng viên, trong đó có 14 tiến sĩ (chiếm tỷ lệ 56%), 11 thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 44%), 4 Phó giáo sư, Giảng viên cao cấp (chiếm tỷ lệ 16%), 7 Giảng viên chính (chiếm tỷ lệ 28%) và 4 NCS (chiếm tỷ lệ 16%).

Về cơ cấu độ tuổi và giới tính: Giảng viên trên 50 tuổi là 7 người (chiếm tỷ lệ 28%), giảng viên có độ tuổi từ 35 đến 50 là 13 người (chiếm tỷ lệ 52%) và giảng viên tuổi dưới 35 là 5 người (chiếm tỷ lệ 20%). Số lượng giảng viên nữ là 16 người (chiếm tỷ lệ 64%) và giảng viên nam là 9 (chiếm tỷ lệ 36%).

Những con số thống kê cho thấy, đội ngũ giảng viên ngành Chính trị học của Trường Đại học Vinh hiện nay có trình độ khá cao, có nhiều giảng viên là Phó giáo sư, Giảng viên cao cấp, tiến sĩ; cơ cấu giới tính cũng như độ tuổi tương đối hợp lý.

Tham gia vào các hoạt động đào tạo ngành Chính trị học, ngoài các giảng viên cơ hữu còn có các nhà khoa học, chuyên gia đến từ các trung tâm nghiên cứu, xuất bản, các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các cơ sở giáo dục và đào tạo có uy tín ở Việt Nam như: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Khu vực II

(Thành phố Hồ Chí Minh), Học viện Chính trị Khu vực III (Đà Nẵng), Học viện Báo chí và Tuyên truyền Hà Nội, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Đại học Huế, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật... Các nhà khoa học, chuyên gia tham gia vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, tài liệu, hướng dẫn các NCS, học viên thực hiện luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ và tham gia các hội đồng đánh giá luận án, luận văn.

Sự phát triển đội ngũ giảng viên những năm qua gắn với quá trình xây dựng, phát triển của Trường Đại học Vinh và nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Chính trị học. Đồng thời, sự phát triển của đội ngũ giảng viên đã tạo điều kiện, tiền đề để ngành Chính trị học thực hiện đào tạo ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ. Năm 2012, Trường Đại học Vinh bắt đầu đào tạo cao học Chính trị học, tuyển sinh khóa đầu tiên và từ đó đến nay chuyên ngành Chính trị học luôn thu hút người học ở nhiều địa phương trong cả nước và người học đến từ Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào. Đặc biệt, đến năm 2016 chuyên ngành Chính trị học đã xuất hiện trên "bản đồ đào tạo tiến sĩ" của Trường Đại học Vinh, bên cạnh 16 chuyên ngành "truyền thống" khác. Qua 6 năm đào tạo, 8 NCS đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học và 7 NCS đang học tập, nghiên cứu.

Như vậy, ngành Chính trị học ở Trường Đại học Vinh đào tạo ở cả ba cấp: cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ. Bên cạnh đào tạo ngành Chính trị học ở ba cấp, đội ngũ giảng viên còn tham gia đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Giáo dục chính trị, Cử nhân Quản lý nhà nước và Giáo dục chính trị; giảng dạy Triết học cho học viên cao học và các môn lý luận chính trị cho sinh viên.

Tuy nhiên, sự phát triển của đội ngũ giảng viên trong những năm qua nhìn chung chưa theo kịp so với quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam, cũng như yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá ở Trường Đại học Vinh hiện nay.

Đối với chuyên ngành Chính trị học, đặt ra một số vấn đề cấp thiết, đòi hỏi cần có những giải pháp phù hợp để phát triển đội ngũ giảng viên như:

Thứ nhất, giảng viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm giảng dạy nay tuổi đã lớn (7 giảng viên là các PGS, GVCC, GVC, TS hiện nay đã trên 50 tuổi), trong khi đó, các giảng viên trẻ mặc dù được đào tạo bài bản song tuổi đời, tuổi nghề còn ít, kiến thức thực tiễn cũng như kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học chưa nhiều.

Thứ hai, giảng viên tham gia giảng dạy nhiều môn học (các môn chuyên ngành và các môn lý luận chính trị), nhiều hệ (chính quy, vừa làm vừa học, từ xa), nhiều

trình độ (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ). Đồng thời, trong quá trình mở rộng quy mô đào tạo, mở thêm ngành mới (ngành Quản lý nhà nước), giảng viên phải đảm nhận một khối lượng giờ dạy nhiều hơn so với định mức. Do phải tham gia nhiều hoạt động giảng dạy nên các giảng viên có rất ít thời gian dành cho các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, trong quá trình thực hiện tái cấu trúc, chia tách, sáp nhập các khoa, viện ở Trường Đại học Vinh, giảng viên Chính trị học được phân bổ ở 2 đơn vị: Khoa Chính trị và Báo chí thuộc Trường Khoa học xã hội và Nhân văn; Khoa Giáo dục Chính trị thuộc Trường Sư phạm. Do vậy, công tác điều hành, quản lý các hoạt động đào tạo, cũng như xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược cán bộ, phát triển đội ngũ giảng viên gặp những khó khăn nhất định.

2. Tăng cường xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên Chính trị học đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo

Nhằm phát triển đội ngũ giảng viên Chính trị học đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trước mắt cũng như lâu dài, cần tập trung thực hiện một số giải pháp như:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ giảng viên.

Nếu như 10 năm về trước, Trường Đại học Vinh chỉ đào tạo giáo viên Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị, còn giảng viên Chính trị học chủ yếu được đào tạo ở các cơ sở khác như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam..., thì nay Trường Đại học Vinh là nơi đào tạo ngành Chính trị học ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đối với nhiều đối tượng khác nhau, trong đó có các giảng viên.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trước hết cần thực hiện tốt khâu tuyển chọn đối tượng đào tạo, nhất là đối tượng học viên cao học và NCS. Việc tuyển chọn đối tượng đào tạo dựa trên các tiêu chí chung, nhưng cần chú trọng các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, định hướng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu. Nhà trường và các khoa cần xây dựng kế hoạch phù hợp, theo lộ trình, bước đi cụ thể và tạo điều kiện để các giảng viên trẻ tiếp tục đào tạo ở trình độ tiến sĩ.

Chương trình đào tạo cần được đổi mới theo hướng khoa học, hiện đại, thiết thực. Cần trang bị cho người học những kiến thức mang tính toàn diện, hệ thống, bao gồm các kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kiến thức lý luận và thực tiễn. Ngoài việc trang bị kiến thức khoa học chính trị và giáo dục bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, cần phải rèn luyện cho người học phương pháp tư duy, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng lý luận để giải quyết các vấn đề của thực tiễn chính trị xã hội.

Thứ hai, tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ giảng viên.

Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên là một giải pháp quan trọng để xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hoạt động bồi dưỡng giảng viên phải được thực hiện thường xuyên, với tất cả mọi đối tượng theo những mục đích, yêu cầu nhất định. Chính trị học là ngành học đặc thù, vừa mang tính khoa học vừa mang tính chính trị, từ đó đòi hỏi giảng viên vừa phải nắm vững lý luận vừa am hiểu thực tiễn, vừa có kỹ năng sư phạm vừa nhạy cảm về chính trị, vừa có bản lĩnh chính trị vừa có đạo đức nghề nghiệp. Do đó, đối với giảng viên trẻ, cần bồi dưỡng chuyên môn nhằm bổ sung những kiến thức lý luận và thực tiễn, nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, năng lực sư phạm... Đối với các giảng viên có trình độ tiến sĩ, cần tiếp tục bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tăng cường công bố các kết quả nghiên cứu trên các sách, tạp chí chuyên ngành, tham gia các hội thảo quốc gia, quốc tế. Nhà trường và các khoa cần động viên và tạo điều kiện để các giảng viên nỗ lực, phấn đấu đạt chuẩn Phó giáo sư. Có như vậy chất lượng đội ngũ giảng viên mới được nâng lên, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo ngành Chính trị học.

Tổ chức và phối hợp tổ chức các hội thảo khoa học về đổi mới giảng dạy và nghiên cứu khoa học giữa các cơ sở đào tạo là hoạt động cần thiết, qua đó giúp giảng viên trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học chính trị. Để hội thảo khoa học có chất lượng, mang lại hiệu quả thiết thực, cần thu hút sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau, vừa có các giảng viên vừa có các NCS, học viên cao học, vừa có các nhà nghiên cứu lý luận vừa có các cán bộ hoạt động thực tiễn...

Đối với các khoa, chuyên ngành cần tăng cường sinh hoạt chuyên môn, học thuật, chú trọng sinh hoạt chuyên đề. Nội dung sinh hoạt chuyên môn cần tập trung vào các vấn đề về đổi mới giảng dạy và nghiên cứu khoa học, với các hình thức như đa dạng như: tổ chức seminar khoa học, tọa đàm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về giảng dạy, nghiên cứu khoa học, dự giờ thăm lớp, trao đổi chuyên môn với các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín...

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển rất nhanh của khoa học và công nghệ, cần khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên tự bồi dưỡng về ngoại ngữ và tin học, giúp giảng viên tiếp cận được những thành tựu mới của khoa học và lý luận, nắm bắt kịp thời những thông tin cần thiết để vừa nâng cao trình độ chuyên môn vừa có khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong giảng dạy.

Cần quan tâm và tạo điều kiện để giảng viên thâm nhập vào thực tiễn chính trị xã hội. Các hoạt động tham quan, thực tế, học tập kinh nghiệm tại các cơ sở đào tạo,

các cơ quan, tổ chức trong và nước ngoài rất cần thiết, góp phần bổ sung kiến thức, nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận của giảng viên.

Thứ ba, làm tốt công tác tuyển dụng, bổ sung đội ngũ giảng viên.

Tuyển dụng giảng viên là một khâu rất quan trọng của công tác cán bộ, tạo ra sự ổn định, phát triển của đội ngũ giảng viên. Đây là việc làm thường xuyên nhằm bảo đảm tính liên tục, sự nối tiếp giữa các thế hệ. Qua tuyển dụng sẽ bổ sung thêm những giảng viên có trình độ, năng lực, phẩm chất tốt, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuyển dụng giảng viên phải gắn liền với sàng lọc, bố trí cán bộ, từng bước khắc phục tình trạng vừa thiếu vừa thừa giảng viên. Khâu tuyển dụng giảng viên cần tiến hành cẩn trọng, theo quy trình chặt chẽ và đặt trong kế hoạch chiến lược phát triển của ngành Chính trị học, cũng như chiến lược phát triển của Khoa và Nhà trường.

Thứ tư, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với giảng viên.

Bên cạnh tuyên truyền, giáo dục tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với giảng viên sẽ góp phần ổn định cuộc sống, từ đó giảng viên sẽ yên tâm với nghề, tập trung vào công tác chuyên môn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tích cực học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nhà trường cần vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo để cụ thể hóa các quy định về chế độ, chính sách đối với giảng viên nhằm khơi dậy tính tích cực, phát huy vai trò của giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Cần có chính sách khuyến khích, động viên các giảng viên có những đóng góp quan trọng, lập nhiều thành tích trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nhất là trong đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, công bố các kết quả nghiên cứu khoa học, tham gia các đề án, đề tài, hội thảo khoa học.

KẾT LUẬN

Như vậy, đội ngũ giảng viên có vị trí, vai trò rất quan trọng trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo, nhân tố quyết định chất lượng đào tạo. Sự phát triển về mọi mặt của đội ngũ giảng viên sẽ làm cho chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học được nâng lên.

Những năm qua, cùng với sự phát triển của Trường Đại học Vinh, của các khoa, chuyên ngành đào tạo, đội ngũ giảng viên Chính trị học từng bước trưởng thành, lớn mạnh và ngày càng giữ vị trí, vai trò quan trọng trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, sự phát triển của đội ngũ giảng viên nhìn chung chưa đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy,

kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy. Từ thực trạng đội ngũ giảng viên Chính trị học, đặt ra một số vấn đề cần giải quyết trong xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo ngành Chính trị học trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực, trình độ, phẩm chất và cơ cấu hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng bộ trường Đại học Vinh (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XXXI của Đảng bộ trường Đại học Vinh.*

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (khóa XI) của Ban chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW).*

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Nhiều tác giả (2014), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc* gia *"Quản lý các cơ sở giáo dục trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo",* Nxb Đại học Vinh, Nghệ An.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN - BƯỚC NGOẶT TRONG LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ

PGS.TS ĐINH THẾ ĐỊNH[1]

Tóm tắt:

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - tác phẩm lý luận bất hủ, bước ngoặt trong lịch sử tư tưởng chính trị và là cương lĩnh chính trị đầu tiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Hơn 170 năm kể từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, cho đến nay lịch sử đã có nhiều biến đổi lớn, sự thay đổi cơ cấu kinh tế trong nền kinh tế thế giới đã dẫn đến sự biến động về tư tưởng chính trị, song lịch sử tiếp tục chứng minh rằng những nguyên lý cơ bản đã được trình bày trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn là ánh sáng soi đường cho nhân loại tiến về tương lai và là bước ngoặt trong lịch sử tư tưởng chính trị của giai cấp vô sản. Trong bài viết này, tác giả đã khẳng định những tư tưởng, những nguyên lý trong *Tuyên ngôn* vẫn giữ nguyên giá trị của nó trong dòng chảy của lịch sử tư tưởng chính trị của nhân loại.

Từ khóa*: chính trị học, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, tư tưởng chính trị*

MỞ ĐẦU

Trong lịch sử tư tưởng chính trị, tư tưởng về nhà nước, về thủ tiêu một chế độ xã hội lỗi thời, thay thế một thiết chế xã hội tiến bộ hơn thể hiện trong các quan điểm, học thuyết của các nhà tư tưởng là một dòng chảy liên tục từ thời cổ đại cho đến ngày nay. Nó biểu hiện bản chất và khát vọng của con người vươn tới tự do, bình đẳng, đồng thời biểu hiện lịch sử đấu tranh liên tục của các đẳng cấp, giai cấp, dân tộc bị áp bức chống các giai cấp và chế độ áp bức họ. Trong số những học thuyết, quan điểm, tư tưởng đa dạng đó, quan điểm, tư tưởng về đấu tranh giai cấp, xóa bỏ nhà nước của giai cấp tư sản, xây dựng nhà nước của giai cấp vô sản của chủ

1 Trường Đại học Vinh

nghĩa Mác là sự kế thừa có phê phán và khắc phục hạn chế của những tư tưởng tiến bộ trong lịch sử nhân loại, qua các thời kì khác nhau, là một giai đoạn hiện đại trong lịch sử tư tưởng chính trị nhân loại với một sự kế thừa và phát triển mới.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác, một thế giới quan hoàn chỉnh, một quan niệm mới về các nguyên tắc nhận thức và cải tạo thế giới, bước ngoặt cách mạng vĩ đại trong lịch sử tư tưởng chính trị. Giá trị khoa học và sức sống bền vững của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong trong dòng chảy của lịch sử tư tưởng chính trị của nhân loại là kết quả của quá trình hoạt động sáng tạo về lý luận và thực tiễn của C.Mác và Ph.Ăngghen.

NỘI DUNG

Trong xã hội có giai cấp, quan hệ giữa các giai cấp, thực chất là quan hệ giữa các lợi ích chính trị và các giai cấp theo đuổi để hình thành lý luận về liên minh giai cấp, đấu tranh và hợp tác các giai cấp vì yêu cầu chính trị. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, lần đầu tiên những cơ sở của chủ nghĩa Mác về đấu tranh giai cấp xóa bỏ nhà nước của giai cấp tư sản, xây dựng nhà nước của giai cấp vô sản được trình bày một cách chặt chẽ, có hệ thống cả về nội dung và hình thức. Trong *Lời tựa,* bản tiếng Đức xuất bản năm 1883, Ph.Ăngghen khẳng định: "Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của "Tuyên ngôn" là: trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này phải do sản xuất kinh tế mà ra - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy; do đó (từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ; nhưng cuộc đấu tranh ấy hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp,- tư tưởng cơ bản ấy hoàn toàn và tuyệt đối là của Mác" [3, tr.11-12].

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là cương lĩnh chính trị của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, ngay từ phần mở đầu *Tuyên ngôn* đã khẳng định rõ lý do, mục đích của Đảng Cộng sản "...phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình" và *Tuyên ngôn* xác định "Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng là mục đích trước mắt của tất cả các đảng vô sản khác: tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền" [3, tr.615]. Bước tiếp theo là: "Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản

trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất" [3, tr.626] và xây dựng một xã hội tương lai "... trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" [3, tr.628].

Vận dụng những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận giải một cách khoa học về quy luật phát triển khách quan của lịch sử nhân loại. Nhấn mạnh vấn đề đấu tranh giai cấp, coi đấu tranh giai cấp là "động lực trực tiếp của lịch sử" trong xã hội có giai cấp đối kháng và khẳng định cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản là "đòn bẩy vĩ đại của cuộc cách mạng xã hội hiện đại", *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định: "Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp" [3, tr.596]. Xã hội tư bản ra đời cũng là kết quả tất yếu của sự phát triển trong mối quan hệ giai cấp và đấu tranh giai cấp. Cái khác trong sự ra đời của chủ nghĩa tư bản đó "...là đã đơn giản hóa những đối kháng giai cấp. Xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản" [3, tr.597].

Với sự tuân thủ nghiêm ngặt logic và hiện thực lịch sử, *Tuyên ngôn* đã tập trung sự phân tích vào hai giai cấp - hai giai cấp cơ bản, trung tâm trong sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản, đó là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Với ý nghĩa là cương lĩnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã xác định cụ thể đối tượng đấu tranh trực tiếp của giai cấp vô sản trong chủ nghĩa tư bản là giai cấp tư sản. Ý nghĩa đó thể hiện bản chất cách mạng và sức sống bền vững về phương pháp luận của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong việc xác định đối tượng đấu tranh. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta, trên cơ sở nhận thức hai mâu thuẫn của xã hội Việt Nam đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam: "Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Sự xác định này đã làm sáng tỏ mục tiêu phát triển của cách mạng Việt Nam. Mục tiêu đó đã trở thành cương lĩnh, lý luận, đường lối chính trị của Đảng ta và của cả dân tộc Việt Nam.

Trong điều kiện hiện nay, khi mà: "Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc" [1, tr.69]. Việc xác định đúng đối tượng đấu tranh, đối tượng hợp tác với bản lĩnh cách mạng của một đảng cầm quyền, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* mãi mãi là kim chỉ nam, phương pháp luận cho việc xác định đó.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sử dụng phép biện chứng trên quan điểm duy vật để luận chứng cho sứ mệnh lịch sử toàn thế

giới của giai cấp vô sản trên cơ sở phân tích, mổ xẻ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Phương thức sản xuất đã sản sinh ra hai giai cấp cơ bản của xã hội: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen xác định nguồn gốc, đặc trưng cơ bản của giai cấp vô sản với tư cách là sản phẩm của cuộc cách mạng công nghiệp và nền sản xuất công nghiệp. Cũng như các giai cấp khác trong lịch sử phát triển của xã hội, giai cấp vô sản là sản phẩm của một hoàn cảnh lịch sử cụ thể, đến xã hội tư bản: "Xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản" [3, tr.598]. Và cùng với sự tiến triển của lich sử, giai cấp vô sản cũng phát triển với những biểu hiện và đặc trưng mới.

Trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, giai cấp vô sản và giai cấp tư sản vừa có mối quan hệ ràng buộc, vừa có quan hệ đối kháng. Quan hệ ràng buộc đó làm cho "Giai cấp tư sản, tức là tư bản, mà lớn lên thì giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại... cũng phát triển theo".

Như vậy, giai cấp vô sản là sản phẩm của nền đại công nghiệp. Cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp, các giai cấp khác đều dần dần bị phân hóa, suy tàn và tiêu vong, chỉ có giai cấp vô sản là lớn lên cùng với sự phát triển của công nghiệp. Từ sự phân tích đó, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* C.Mác và Ph.Ăngghen đã đi đến kết luận "Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp" [3, tr.610].

Trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay, cùng với những điều chỉnh của nhà nước tư sản, thì cơ cấu, chất lượng, số lượng của giai cấp công nhân trong mỗi nước và trên thế giới đã có nhiều thay đổi, song giá trị bền vững, ý nghĩa lịch sử về phương pháp luận khi phân tích sự ra đời, phát triển của giai cấp công nhân trong *Tuyên ngôn* đó là: "giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp" [3, tr.610] chỉ khác ở chỗ đó là sản phẩm của nền công nghiệp lần thứ nhất hay nền công nghiệp thứ tư hiện nay và giai cấp vô sản chủ yếu lao động bằng cơ bắp thì ngày nay giai cấp công nhân lao động chủ yếu bằng trí tuệ. Thực tiễn đã chứng minh vai trò của giai cấp công nhân trong mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội ngày càng to lớn. Với phương pháp tiếp cận đó, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khẳng định "Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau" [3, tr.613] vẫn giữ nguyên giá trị trong lịch sử tư tưởng chính trị.

Trên cơ sở phân tích địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp vô sản trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra: "Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản bắt đầu ngay từ lúc họ mới ra đời" [3, tr.607]. Cuộc đấu tranh ấy phải trải qua một quá trình phát triển từ thấp đến cao, từ tự phát đến tự giác. Khi mà "giai

cấp vô sản còn là một khối quần chúng sống tản mạn" thì cuộc đấu tranh được tiến hành riêng lẻ. Khi sự phát triển của công nghiệp "đem lại sự đoàn kết cách mạng của công nhân do liên hợp lại mà có" thì cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản có tổ chức, có quy mô và mang tính chất xung đột giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản rõ rệt hơn. Khi nền đại công nghiệp do chủ nghĩa tư bản tạo ra đòi hỏi phải thủ tiêu chế độ sở hữu tư sản thì cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản có đủ những điều kiện khách quan và chủ quan, diễn ra "... thành cách mạng công khai, mà giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản". Và "Cuộc đấu tranh giai cấp ấy hiện nay đã đến giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức và khỏi những cuộc đấu tranh giai cấp".

Trên cơ sở phân tích sâu sắc các điều kiện xã hội, các yếu tố lịch sử, các tiền đề kinh tế, chính trị và tư tưởng, mà nhờ đó giai cấp vô sản có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Trước tiên trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đặt ra cơ sở cho quá trình kết hợp lý luận của của chủ nghĩa Mác với phong trào vô sản và sự kết hợp này giữ vai trò quyết định trong việc giai cấp vô sản tự ý thức được sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của mình. Sự ra đời của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã đánh dấu sự ra đời của một lực lượng chính trị - xã hội mới về chất - Đảng Cộng sản. Giai cấp vô sản đã có một tổ chức tiên tiến và tổ chức đó đã lãnh đạo giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giải phóng con người, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội. Việc đặt cơ sở cho học thuyết về đảng vô sản với tư cách là người tổ chức và lãnh đạo giai cấp công nhân, đó là cống hiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen trong lịch sử tư tưởng chính trị.

Lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng chính trị, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã trình bày nguyên lý về mối quan hệ mật thiết giữa dân tộc và giai cấp, giữa đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định mối quan hệ nhân - quả giữa áp bức giai cấp và áp bức dân tộc, giữa giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc: "Hãy xoá bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xoá bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa, thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo" [3, tr.614]. Khi luận chứng về tiến trình cách mạng của giai cấp công nhân, và để bác bỏ những điều kẻ thù buộc tội những người cộng sản là muốn xoá bỏ tổ quốc, xoá bỏ dân tộc, các tác giả của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định rõ lập trường của mình về vấn đề dân tộc: "Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải dành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu" [3, tr.623-624].

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* khi luận chứng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã làm rõ sự khác nhau giữa phong trào vô sản với các phong trào khác. Phong trào vô sản không phải là phong trào của một một số ít người mưu lợi ích cho một số ít người, mà là phong trào của đông đảo nhân dân lao động vì lợi ích của tuyệt đại đa số quần chúng. "Tất cả những phong trào lịch sử, từ trước đến nay, đều là do thiểu số thực hiện, hoặc đều mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số" [3, tr.611]. Phong trào vô sản không nhằm củng cố và duy trì chế độ sở hữu và chế độ chính trị cũ mà là nhằm xoá bỏ chế độ đó, "xóa bỏ toàn bộ phương thức chiếm hữu nói chung đã tồn tại từ trước đến nay" [3, tr.611].

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã chứng minh rằng tư bản là một lực lượng quốc tế, giai cấp tư sản các nước cấu kết với nhau để bóc lột và đàn áp phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới. Vì vậy, giai cấp vô sản cũng phải trở thành một lực lượng quốc tế. Do đó, "... trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản... trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào" [3, tr.614]. C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận chứng một cách khoa học quan điểm của giai cấp vô sản đối với việc giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế trong phong trào vô sản: "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại". Khẩu hiệu đó thể hiện tầm nhìn sâu sắc của C.Mác và Ph.Ăngghen trên nền tảng những quan điểm duy vật lịch sử mà hai ông đã xây dựng và là bước tiến vĩ đại trong lịch sử tư tưởng chính trị về đấu tranh giai cấp trong điều kiện chủ nghĩa tư bản.

Phong trào vô sản mang tính chất quốc tế, tuy nó thường diễn ra trong phạm vi từng nước "dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã" [3, tr.611]. Đó là những điều kiện khách quan tạo nên khả năng để giai cấp vô sản có thể gắn bó với dân tộc, đại diện cho dân tộc. Để "trở thành dân tộc" giai cấp vô sản thông qua chính đảng của họ, biến lợi ích của mình thành lợi ích dân tộc và làm cho lợi ích dân tộc thành lợi ích của chính mình.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, nhà nước ra đời và tồn tại, phát triển trong xã hội có giai cấp, vì thế, nhà nước trước hết và bao giờ cũng là thiết chế bảo vệ địa vị thống trị của giai cấp thống trị trong một xã hội nhất định, gắn với một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. C.Mác và Ph.Ăngghen đã cho rằng: "Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác. Nếu giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải tự tổ chức thành giai cấp, nếu giai cấp vô sản

thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính nó với tư cách là một giai cấp" [3, tr.628]. Và "Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị" [3, tr.625].

Với quan điểm lịch sử - cụ thể, với thái độ khoa học nghiêm túc, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định nguyên lý: "Chính những tư tưởng của các ông là sản phẩm của những quan hệ sản xuất và sở hữu tư sản, cũng như pháp quyền của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật pháp, cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định" [3, tr.619]. Với quan điểm đó, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khẳng định "Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với những quan hệ sở hữu kế thừa của quá khứ; không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ" [3, tr.626].

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khi phân tích con đường và những hình thức mà giai cấp vô sản trong tiến trình xóa bỏ nhà nước của giai cấp tư sản, xây dựng nhà nước của giai cấp vô sản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã vạch rõ quy luật chủ yếu của cuộc cách mạng vô sản mà bước đầu tiên của nó "là biến giai cấp vô sản thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ", con đường phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng "giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản" [3, tr.612]. Tiếp đó, giai cấp vô sản dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một giành lấy toàn bộ tư bản ở trong tay giai cấp tư sản, tập trung các công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước vô sản, làm tăng một cách nhanh chóng tổng số các lực lượng sản xuất. Tư tưởng xây dựng giai cấp vô sản thành giai cấp thống trị, giành lấy dân chủ, đoạt lấy toàn bộ tư bản ở trong tay giai cấp tư sản, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khắc phục một cách triệt để tư tưởng mang tính cải lương, cơ hội trong việc xóa bỏ nhà nước của giai cấp tư sản và xây dựng nhà nước của giai cấp vô sản trong lịch sử tư tưởng chính trị.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sử dụng phép biện chứng trên quan điểm duy vật vào việc nhận thức những cơ sở khách quan và các nhân tố chủ quan của sự phát triển xã hội, đã phân tích sâu sắc, chính xác quá khứ, hiện tại và tương lai của xã hội, đã xây dựng quan điểm khoa học về sự phát triển của xã hội loài người. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã luận chứng một cách khoa học tiến trình phát triển của lịch sử dựa trên sự phân tích quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Vận dụng quy luật đó vào sự phân tích bản chất kinh tế - xã hội của chủ nghĩa tư bản ở

thế kỷ XIX, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã vạch ra bản chất của chủ nghĩa tư bản, quy luật vận động và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, vai trò to lớn và tính tất yếu về mặt lịch sử của chế độ tư bản. Phân tích những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản, từ đó chứng minh xã hội tư bản nhất định sẽ bị thay thế bằng xã hội cộng sản, xã hội mà chính chủ nghĩa tư bản về khách quan đã và đang chuẩn bị những điều kiện và tiền đề cho sự thay thế đó.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra: bước thứ nhất trong cuộc cách mạng của giai cấp vô sản là "tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền" [3, tr.615] và giai cấp vô sản giành chính quyền: "thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản" [3, tr.612].

Bước tiếp theo trong cuộc cách mạng của giai cấp vô sản là: "Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất" [3, tr.626].

Tuyên ngôn nêu 10 biện pháp mà nhà nước của giai cấp vô sản ở những nước tiên tiến nhất có thể áp dụng để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Đồng thời, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: "Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều" [3, tr.627]. Quan điểm, tư tưởng về xây dựng nhà nước của giai cấp vô sản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự cống hiến to lớn trong lịch sử tư tưởng chính trị về sự thay đổi thiết chế xã hội phù hợp với quy luật phát triển của xã hội.

Lịch sử hơn 70 năm tồn tại, phát triển, khủng hoảng và sụp đổ của Liên Xô kéo theo sự đổ vỡ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và hiện nay với sự xuất hiện các mô hình chủ nghĩa xã hội thời kỳ đổi mới: "chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc", "chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam", "chủ nghĩa xã hội ở Lào" ...và trào lưu "chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI" ở khu vực Mỹ La-tinh. Thực tiễn đó, đã chứng minh rằng ở đâu, lúc nào vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nước, thì lúc đó, nơi đó chủ nghĩa xã hội thành công và phát triển. Ngược lại, ở đâu, lúc nào các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin bị hiểu sai, vận dụng sai, rơi vào giáo điều thì nơi đó, lúc đó chủ nghĩa xã hội rơi vào trì trệ, khủng hoảng và thất bại. 25 năm sau, trong lời tựa xuất bản tiếng Đức của *Tuyên ngôn*, C.Mác và Ph.Ăngghen lại chỉ rõ: "bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tuỳ theo hoàn cảnh lịch sử". Đó chính là giá trị bền vững về phương pháp luận, nguyên lý chỉ đạo để giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình cải tại xã hội cũ và xây dựng xã hội mới phải luôn

luôn sáng tạo, không rập khuôn, máy móc, giáo điều. Không có một con đường, mô hình chung cho tất cả các nước trong quá trình xây dựng xã hội mới.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra việc xây dựng xã hội mới bằng con đường cách mạng để đạt mục đích cuối cùng: "Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" [3, tr.628]. C.Mác và Ph.Ăngghen đã vượt qua các nhà tư tưởng chính trị trước đó và đã đặt tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa trên một cơ sở thực tiễn. Và chính thực tiễn đã cho thấy chủ nghĩa nhân đạo chỉ trở thành chủ nghĩa nhân đạo hiện thực khi nó được hình thành và phát triển dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nơi mà sự tự do thật sự của cá nhân có được trên cơ sở việc xác lập sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Không thể có một quốc gia ổn định, không có bạo lực, không phải chịu bom rơi, đạn nổ, khi quốc gia đó còn sử dụng mọi phương tiện, kỹ thuật, bạo lực giáng lên đầu các dân tộc khác. Hơn nữa, trong cuộc cách mạng 4.0 hiện nay khi mà một nhóm người, một tổ chức cực đoan có thể đe dọa đến sự tồn vong của cả một vùng, thậm chí cả một quốc gia. Thực tiễn diễn ra trên thế giới hiện nay ngày càng khẳng định tính bền vững, giá trị đích thực của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong lịch sử tư tưởng chính trị.

KẾT LUẬN

Hơn 170 năm kể từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, cho đến nay lịch sử đã có nhiều biến đổi lớn, sự thay đổi cơ cấu kinh tế trong nền kinh tế thế giới đã dẫn đến sự biến động về kết cấu và tiến trình phát triển của giai cấp vô sản trên phạm vi thế giới, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã trải qua bao thăng trầm, song lịch sử tiếp tục chứng minh rằng những nguyên lý cơ bản, những tư tưởng chính trị cốt lõi được trình bày trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn là ánh sáng soi đường cho nhân loại tiến về tương lai tốt đẹp của mình. Cuốn sách nhỏ ấy đúng như V.I.Lênin đã từng khẳng định "có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó đến bây giờ vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh" [2, tr.10]. Đó chính là sự khẳng định sức sống bền vững, giá trị đích thực của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong lịch sử tư tưởng chính trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

[3]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập,* Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

NHẬN DIỆN ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN LỢI DỤNG TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA CÁC THẾ LỰC NHẰM CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS NGUYỄN VĂN DUY - THS PHẠM VĂN DŨNG[1]

Tóm tắt:

Lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, chống phá cách mạng Việt Nam là âm mưu, thủ đoạn cố hữu thuộc về bản chất của các thế lực thù địch. Họ đã tăng cường hoạt động lợi dụng dân chủ, nhân quyền dân tộc tôn giáo để gây áp lực, can thiệp vào nội bộ của ta với nhiều biểu hiện xảo quyệt và nguy hiểm hơn. Bài viết nghiên cứu những cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay. Chỉ ra được những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và giải pháp để phòng chống những âm mưu lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Góp phần thúc đẩy các hoạt động phổ biến, giáo dục đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Từ khóa: *lợi dụng tự do tín ngưỡng, nhận diện âm mưu, thế lực thù địch, tôn giáo*

MỞ ĐẦU

Hiện nay, lợi dụng vấn đề tự do tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân chống phá cách mạng Việt Nam là thuộc tính cố hữu của các thế lực thù địch. Kẻ thù coi tín ngưỡng, tôn giáo là "trọng điểm ưu tiên", là "huyệt" nhạy cảm nhất, để chống phá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

1 Trường Đại học Quảng Bình

Thể hiện qua các hoạt động lợi dụng dân chủ, nhân quyền dân tộc tôn giáo để gây áp lực, can thiệp vào nội bộ của Việt Nam. Diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhiều phương thức thủ đoạn vừa tinh vi, vừa xảo quyệt trắng trợn, đê hèn. Vì vậy, phải nghiên cứu để nhận diện âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề về tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Để từ đó, phê phán, bác bỏ các luận điệu sai trái, xuyên tạc, phủ định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo. Góp phần thúc đẩy các hoạt động phổ biến, giáo dục đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

Theo nghĩa gốc, tín ngưỡng là niềm tin của con người vào đấng siêu nhiên - cơ sở của tôn giáo. Theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016: "Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những nghi lễ gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng" [6; khoản 1 và 5, Điều 2]. Như vậy ta thấy rằng tín ngưỡng là lòng tin của con người vào một hiện tượng, một lực lượng siêu nhiên, tôn sùng vào một điều gì đó pha chút thần bí, hư ảo, vô hình tác động đến tâm linh của đời sống con người, được con người ta tin là truyền thống để nhằm đem làm sự bình an trong tâm hồn của cá nhân cũng như cho cộng đồng có thật và tôn thờ thông qua những nghi lễ gắn liền với phong tục tập quán.

Theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016: "Tôn giáo là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức" [6; Khoản 5, Điều 2]. Từ đó, tổ chức tôn giáo tập hợp tín đồ, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu tổ chức nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo như hiện nay.

Nghiên cứu về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo trong giai đoạn hiện nay được thể hiện như sau:

Về công tác tôn giáo: xác định công tác tôn giáo trong giai đoạn mới phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa với những nội dung sau: Một là, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; Hai là, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn

giáo; Ba là, nội dung cốt lõi của công tác tín ngưỡng, tôn giáo là công tác vận động quần chúng; Bốn là, công tác tín ngưỡng, tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị. Công tác tôn giáo liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và nhiều cấp, nhiều ngành; Năm là, việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Thật vậy, chủ trương chính sách đổi mới của Đảng về tín ngưỡng, tôn giáo được thể hiện ở mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII xác định: "Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống "tốt đời đẹp đạo", đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển của đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết dân tộc" [1, tr.171]. Bên cạnh đó cũng "nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc" [1, tr. 170-171].

Từ khi thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo, đời sống tôn giáo ở Việt Nam chuyển biến rất quan trọng. Các tôn giáo ở Việt Nam hoạt động đi vào ổn định, nề nếp, chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Cụ thể là các hoạt động về tổ chức, như đại hội, hội nghị, mở trường lớp đào tạo chức sắc, phong chức phong phẩm, xuất bản ấn phẩm tôn giáo, xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự, quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo. Các tôn giáo ở Việt Nam khi được nhà nước công nhận đều xây dựng và nỗ lực thực hiện đường hướng gắn bó với dân tộc và tuân thủ pháp luật như: Phật giáo là Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội; Công giáo là Sống Phúc âm giữa lòng Dân tộc; Đạo Tin lành là Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc; Đạo Cao Đài là Nước vinh, Đạo sáng; Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo là Vì Đạo pháp, vì Dân tộc...

2. Một số biểu hiện của âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

Hiện nay, vấn đề tự do tín ngưỡng, tôn giáo đang được các thế lực thù địch coi là "trọng điểm ưu tiên", là "huyệt" nhạy cảm nhất, để chống phá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Các hoạt động của chúng nổi lên một số âm

mưu, thủ đoạn cơ bản về việc lợi dụng vấn đề tự do tín ngưỡng, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, nhiều phương thức thủ đoạn vừa tinh vi, vừa xảo quyệt trắng trợn, đê hèn. Những âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay được biểu hiện như sau:

Thứ nhất, các thế lực thù địch đi sâu tuyên truyền, gieo rắc tâm lý cho rằng: Chủ nghĩa xã hội không chấp nhận tôn giáo, xóa bỏ tôn giáo; công dân theo đạo không được xét, kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam; cố gắng tạo ra khoảng cách cũng như dùng các thủ đoạn làm tăng sự đối kháng giữa tôn giáo với đời sống hiện thực để kích động tôn giáo chống lại Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch không những phủ nhận những kết quả trong công tác tôn giáo mà còn ra sức lợi dụng tôn giáo, coi tôn giáo là vũ khí lợi hại để chống phá sự nghiệp cách mạng với nhiều chiêu thức thâm độc, tinh vi, xảo quyệt; khi thì bí mật, lúc thì trắng trợn, công khai.

Thứ hai, xây dựng các tổ chức lấy danh xưng tín ngưỡng, tôn giáo cùng với việc thiết lập các trang mạng xã hội như: Youtube, facebook, blog... để phát tán, đăng tải các video, hình ảnh, bài viết với danh nghĩa các tôn giáo để đả kích, nói xấu chế độ, bôi nhọ lãnh tụ, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Họ đi sâu vào những mặt trái của xã hội để quy kết, hạ thấp thanh danh của Đảng, Nhà nước ta, thậm chí cố tình "diễn trò", lợi dụng về đức tin và sự gắn kết cộng đồng của tôn giáo nhằm lôi kéo, tập hợp lực lượng chống phá cách mạng hay tìm mọi cách chia rẽ các tôn giáo với nhau, chia rẽ người có tôn giáo với người không có tôn giáo, nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm giảm sút lòng tin của một bộ phận nhân dân với hệ thống chính trị.

Thứ ba, các tôn giáo ở Việt Nam đều có mối quan hệ quốc tế sâu sắc. Đây chính là "mảnh đất màu mỡ" để các thế lực thù địch lợi dụng, sử dụng mọi chiêu trò để vu khống Đảng, Nhà nước ta "xâm phạm quyền tự do, đàn áp tôn giáo"; từ đó, kêu gọi các tổ chức, cộng đồng quốc tế lên tiếng, can thiệp.

Thứ tư, lôi kéo, cổ súy, hậu thuẫn cho một số linh mục, chức sắc tôn giáo có nhiều tham vọng chính trị và lợi dụng đức tin của các tín đồ đã tuyên truyền, xuyên tạc hết sức phản động về Đảng, chế độ, chính quyền các cấp; ngang nhiên phát thư ngỏ trên mạng xã hội, kêu gọi, kích động một bộ phận nhân dân có đạo gây rối.

Thứ năm, Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, song phát triển không đều về kinh tế, văn hóa, xã hội. Đời sống dân trí và các hoạt động xã hội giữa thành thị với nông thôn, miền xuôi với miền núi, vùng có đạo và không có đạo còn có sự chênh lệch. Các dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng núi cao, địa bàn có vị trí chiến lược nhưng điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn. Dựa vào đặc điểm địa lý, khó khăn

về kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số, các thế lực thù địch đã lợi dụng để hình thành, phát triển những tôn giáo cực đoan trái với các giá trị văn hóa của tôn giáo, đi ngược lại thuần phong mỹ tục của dân tộc, từ đó thúc đẩy kết hợp chống phá sự nghiệp cách mạng cả về vấn đề dân tộc và tôn giáo.

Thứ sáu, thực hiện thủ đoạn âm mưu ly khai dân tộc, thành lập Nhà nước riêng của người dân tộc thiểu số có đạo, chúng dùng các thủ đoạn: Đào xới những vấn đề lịch sử để lại, lịch sử hình thành các dân tộc "vấn đề người Thượng ở Tây nguyên"; "vấn đề người Chăm"; "vấn đề người Khmer Crôm"; "vấn đề người Hmông"; tổ chức các hội thảo về quyền con người, cái gọi là lễ mất đất (ngày 04 tháng 6); ngày thành lập FULRO (ngày 20 tháng 9) để tuyên truyền kích động đòi ly khai tự trị, đòi thành lập vương quốc Mông độc lập, nhà nước Đêga, quốc gia Khmer Crôm; quan hệ lương giáo và giữa các tôn giáo, đòi cái gọi là tự do tôn giáo hòng gây chia rẽ mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trong các khu vực dân tộc và miền núi. Từ đó chúng tìm cách luật hóa, quốc tế hóa vấn đề dân tộc, tôn giáo để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Các phần tử phản động, được sự giúp đỡ của nước ngoài đã tổ chức các hội thảo, thu thập, phát tán tài liệu; đòi lập văn phòng đại diện thường trực Ủy ban dân quyền Liên Hiệp Quốc tại những địa bàn trọng điểm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ để giám sát vấn đề về dân tộc, tôn giáo, kết nạp một số tổ chức phản động vào tổ chức UNPO (tổ chức các Quốc gia dân tộc và các dân tộc không có lãnh thổ) ban bố nhiều bộ luật, với đề tài mang tính áp đặt vô lý nhằm hỗ trợ khích lệ tinh thần của bọn phản động trong dân tộc đẩy mạnh hoạt động chống đối Việt Nam.

Ngoài ra, các thế lực thù địch còn hỗ trợ, chỉ đạo những phần tử phản động người dân tộc thiểu số lưu vong ở nước ngoài thành lập nhiều tổ chức dưới danh nghĩa nghiên cứu lịch sử, văn hóa dân tộc thiểu số nhằm khơi dậy nhiều tồn tại trong quá khứ để kích động tư tưởng "ly khai", "tự trị" của dân tộc trên một địa bàn chiến lược của ta. Thực hiện thủ đoạn xây dựng các lực lượng, hình thành các tổ chức, ổ nhóm trong khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đạo. Một mặt, họ tuyên truyền, lôi kéo, mua chuộc một số đối tượng chủ chốt; tạo dựng "ngọn cờ" tiến hành các hoạt động phá hoại, xúi dục đồng bào trong nước đòi lập các tổ chức, các hội tìm cách hợp pháp hóa để các hội nhóm hoạt động công khai. Mặt khác, họ xây dựng nuôi dưỡng các tổ chức phản động của người Việt Nam ở nước ngoài; tập hợp tài trợ, chỉ đạo lực lượng phản động trong nước, tập trung ở một số vùng dân tộc và miền núi, một số tôn giáo, hoạt động chống phá chính quyền Việt Nam như: "Liên đoàn Campuchia Crôm"; "tri thức Mông"; "Văn phòng Chăm Pa quốc tế - IOC"; "Hội bảo tồn văn hóa Campuchia Chămpa"; "Hiệp hội người thượng Đêga (MDA)"... Chúng còn hỗ trợ thành lập các đài phát thanh như VOKK (Khơmer, Cămpuchia Krôm), RFA (Châu Á tự do), đài Đề ga và in ấn báo chí,

tạp chí, tài liệu bằng tiếng dân tộc, phát tán băng đĩa, chia sẻ qua các mạng xã hội những nội dung tuyên truyền xuyên tạc vu cáo Việt Nam chiếm đất, đàn áp, kìm kẹp người dân tộc thiểu số, "vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế" nhằm khắc phục tư tưởng đòi tự trị, ly khai. Các tổ chức đó ra sức tuyên truyền chống phá cách mạng Việt Nam và tập hợp lực lượng khuếch trương thanh thế, tạo sự chú ý của dư luận quốc tế đối với các hoạt động của chúng, qua đó tìm cách "quốc tế hóa, luật pháp hóa" vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng hoạt động nhân đạo, thăm thân, du lịch, các tổ chức phi chính phủ (NGO)... để lôi kéo dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo chống phá chính quyền các cấp, hỗ trợ bọn phản động cực đoan trên địa bàn hình thành các nhóm tổ chức, tập hợp lực lượng tiến hành các cuộc hoạt động phá hoại.

3. Giải pháp để phòng chống những âm mưu lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

Các hoạt động trên cho thấy thế lực thù địch đang tìm mọi cách để lợi dụng vấn đề tôn giáo để thực hiện các âm mưu diễn biến hòa bình, bảo loạn lật đổ ở nước ta nhằm làm mất đi vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Để phòng chống những âm mưu này Đảng và Nhà nước cần thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với công tác tôn giáo. Từng bước hoàn thiện các văn bản pháp luật về tôn giáo như: Luật tín ngưỡng, tôn giáo số: 02/2016/QH14, ngày 18 tháng 11 năm 2016; Nghị định số: 162/2017/NĐ-CP, ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Quyết định số 2576 QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2021 ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, đấu tranh với các hình thức lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để hành nghề mê tín, trục lợi gây ảnh hưởng xấu đến văn hóa dân tộc, tôn giáo. Hướng dẫn về thực hiện công tác tôn giáo đối với từng địa bàn cụ thể nhằm nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới. Đồng thời, phải tiến hành có hiệu quả các chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng tại những vùng trọng điểm: Tây Bắc, Tây Nghệ An, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và dân trí cho nhân dân trong đó có đồng bào các tôn giáo nhằm tạo ra môi trường ổn định và nền tảng vững chắc cho việc thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong đồng bào các tôn giáo.

Thứ hai, cần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, xem xét, giải quyết việc cấp đăng ký hoạt động tổ chức tôn giáo theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tôn giáo để thống nhất

nhận thức trong toàn hệ thống chính trị, trong mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phải phát huy cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước đến các chức sắc, chức việc cũng như đến mỗi tín đồ các tôn giáo. Vận động chức sắc, chức việc, tín đồ sống "tốt đời, đẹp đạo" thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, tích cực tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng và thực hiện cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Hướng dẫn các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, phát huy những giá trị văn hóa đạo đức lành mạnh, hướng thiện của các tôn giáo phù hợp với văn hóa truyền thống dân tộc. Cùng với đó, phải tập trung giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc, nảy sinh trong công tác tôn giáo như: vấn đề đất đai, cơ sở thờ tự, tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Cùng với đó, phải kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật và mọi hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để kích động, chia rẽ tôn giáo, dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia; góp phần đảm bảo an ninh chính trị ở địa phương.

Thứ ba, cần tiếp tục kiện toàn bộ máy làm công tác tôn giáo của Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đặc biệt, cần phát huy hiệu quả vai trò của lực lượng vũ trang (Quân đội nhân dân và Công an nhân dân) trong tuyên truyền, vận động và làm nòng cốt cho các tầng lớp Nhân dân, nhất là đồng bào tín đồ các tôn giáo, nhận diện và tố giác âm mưu cùng các hành vi, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo phá hoại sự nghiệp cách mạng đất nước.

Thứ tư, gắn công tác tôn giáo với công tác dân tộc. Quan tâm, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo là người dân tộc thiểu số ở các khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở. Tiếp tục thực hiện công tác phát triển đảng viên, đoàn viên, hội viên trong vùng đồng bào có đạo.

Thứ năm, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tôn giáo. Có sự phân công, phân cấp trách nhiệm cụ thể. Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông... đấu tranh ngăn chặn các hoạt động lợi dụng nhân quyền, tôn giáo chống phá Việt Nam thông qua qua nhiều cấp và nhiều kênh khác nhau, giúp cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn về tình hình, chính sách, về vấn đề nhân quyền, tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Thứ sáu, cần quán triệt quan điểm, nhận thức mới đối với tôn giáo của Đảng trong việc xác định tôn giáo là vấn đề tồn tại lâu dài; tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; nhìn nhận và phát huy những giá trị tích cực đạo đức và văn hóa của tôn giáo. Giải quyết vấn đề nhận thức là nền móng, là

gốc cho việc thực hiện tốt chính sách tôn giáo. Thực hiện đầy đủ và đúng đắn chính sách và quy định pháp luật của Nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để tạo niền tin của chức sắc, tín đồ tôn giáo. Xác định công tác cốt lõi của công tác tôn giáo là vận động quần chúng, đồng thời cần quan tâm đặc biệt công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc tôn giáo, nhất là chức sắc cấp cao có uy tín ảnh hưởng trong tôn giáo, theo phương châm: "đến với một người sẽ được muôn người".

Tóm lại, khi thực hiện chính sách tôn giáo, cũng như giải quyết các vấn đề tôn giáo có sự khác biệt, nhất là những "điểm nóng tôn giáo", cần bình tĩnh, không để các phần tử cực đoan kích động tâm lý đám đông qua đức tin tôn giáo. Ở Việt Nam cũng như trên thế giới, dân tộc và tôn giáo là hai vấn đề lớn, phức tạp và nhạy cảm. Để giải quyết tốt hai vấn đề dân tộc và tôn giáo phải thực hiện đúng đắn và đầy đủ chủ trương, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Đối với dân tộc và tôn giáo, cần thận trọng, không được khinh xuất hoặc bất cẩn, nếu không thì việc nhỏ trở thành việc lớn, việc đơn giản trở thành phức tạp.

KẾT LUẬN

Có thể nói, đổi mới chính sách tín ngưỡng, tôn giáo và sự chuyển biến đời sống tôn giáo ở Việt Nam đã góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển của đất nước. Tuy nhiên tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo còn những vấn đề đặt ra cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới đây như sau:

Thứ nhất, về tình hình tôn giáo. Hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật tuy đã giảm đi nhiều nhưng vẫn còn diễn ra ở một số địa phương đối với một số tôn giáo; việc khiếu kiện, trong đó có khiếu kiện đất đai vẫn xẩy ra, một số vụ việc trở thành điểm nóng; mâu thuẫn nội bộ tôn giáo gây mất ổn định tôn giáo, xã hội; hiện tượng tôn giáo mới gia tăng ảnh hưởng tiêu cực đến tôn giáo và đời sống xã hội; một số tôn giáo phát triển nhanh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số gây xung đột văn hóa; các thế lực thù địch vẫn tìm cách lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, về công tác tôn giáo. Một số cán bộ, đảng viên chưa quán triệt về chủ trương chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo; một số nơi, nhất là ở cơ sở còn vi phạm trong việc thực hiện chính sách tôn giáo, trong đó có việc đối xử không bình đẳng giữa các tôn giáo; chưa quan tâm đến công tác vận động quần chúng và nhất là tranh thủ chức sắc, không ít trường hợp coi công tác này chỉ là hình thức.

Tóm lại, tín ngưỡng, tôn giáo liên quan đến đời sống tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân Việt Nam, đây cũng là lĩnh vực nhạy cảm và dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá, nhằm mưu đồ chuyển hóa chế độ xã hội chủ nghĩa, xóa vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với toàn xã hội. Nhận

diện được các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch về lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam, đồng thời thực hiện tốt các giải pháp nêu trên sẽ góp phần làm thất bại chiến lược "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Thị Quế Anh, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (2020), *Pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo (giáo trình sau đại học),* Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

[2]. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 01/3/2005 Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Nghị quyết 25/NQ-TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo,* Hà Nội.

[6]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo* - Số 2/2016/QH14 của Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2016.

[7]. Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS BÙI THỊ CẦN [1]

Tóm tắt:

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) luôn quan tâm và phát triển công tác tư tưởng. Trong tình hình mới, công tác tư tưởng tiếp tục được coi trọng, đặc biệt góp phần quan trọng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của ĐCSVN. Bài viết tập trung trình bày tầm quan trọng và giải pháp tăng cường công tác tư tưởng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của ĐCSVN trong tình hình mới dưới ánh sáng của Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII), Nghị quyết Đại hội XIII của Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN.

Từ khóa: *bảo vệ nền tảng tư tưởng, công tác tư tưởng, Đảng Cộng sản Việt Nam*

MỞ ĐẦU

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện ĐCSVN đã khẳng định: "Giáo dục tư tưởng và lãnh đạo tư tưởng là việc quan trọng nhất của Đảng" [7, tr.279]. ĐCSVN là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Đảng ta khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động" [4, tr.4]. Trong sự lãnh đạo của Đảng, lãnh đạo tư tưởng là một phương thức lãnh đạo quan trọng bậc nhất. Chính vì vậy, Đảng ta luôn quan tâm và thường xuyên củng cố, thực hiện công tác tư tưởng (CTTT). Từ đó góp phần tạo sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội, đẩy

1 Trường Đại học Vinh

mạnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của các cấp, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công thì CTTT của Đảng còn những khó khăn và hạn chế. Đánh giá về kết quả công tác tư tưởng của nhiệm kỳ Đại hội XII, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: "Công tác tư tưởng có nơi, có lúc chưa thực sự được cấp uỷ coi trọng, chưa kịp thời, thiếu thuyết phục" [5, tr.90]. Do đó, trong tình hình mới cần "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước" [5, tr.183] đảm bảo công tác tư tưởng đủ sức tạo ra nguồn năng lượng mạnh mẽ nhất góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của ĐCSVN.

NỘI DUNG

1. Tầm quan trọng của công tác tư tưởng đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Công tác tư tưởng là hoạt động quan trọng hàng đầu của Đảng, được nhận định *là linh hồn của mọi công tác của Đảng*. Đặc biệt, mới nhất trong Văn kiện Đại hội XIII (2021), Đảng ta đã thống nhất sử dụng thuật ngữ "công tác tư tưởng" thay cho thuật ngữ "công tác tư tưởng, lý luận" như các nhiệm kỳ trước.

Xét về bản chất, CTTT là hoạt động lãnh đạo của Đảng. Điều đó chứng tỏ không thể có quyết định lãnh đạo đúng nếu không có cơ sở lý luận đúng, không thể có hoạt động lãnh đạo hiệu quả, nếu Đảng không thực hiện tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục quần chúng. Trên cơ sở quan điểm của Đảng và kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố, có thể nhận thức CTTT của Đảng là: *Hoạt động của Đảng trong việc xác lập, phát triển, truyền bá hệ tư tưởng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước nhằm tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận xã hội; cổ vũ, động viên tinh thần sáng tạo cách mạng của nhân dân; đấu tranh chống các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng, góp phần xây dựng nền văn hóa và con người mới xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh của đất nước, con người Việt Nam ra cộng đồng quốc tế.*

Mục đích của CTTT của ĐCSVN là nhằm xác lập, phát triển hệ thống tư tưởng xã hội chủ nghĩa (XHCN), hình thành niềm tin, định hướng giá trị, xây dựng thế giới quan khoa học cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong toàn xã hội. Công tác tư tưởng là một quá trình liên tục gồm nhiều khâu, nhiều bộ phận trong đó có ba bộ phận cơ bản hay còn gọi là các hình thái chủ yếu. Gồm có: *công tác lý luận, công tác tuyên truyền và cổ động, công tác văn hóa - văn nghệ.* Với ý nghĩa là toàn bộ hoạt động trên lĩnh vực ý thức của con người, CTTT nhằm làm cho tư tưởng

tiến bộ, cách mạng thành lực lượng vật chất để xây dựng chế độ mới, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, của giai cấp công nhân, truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc được cả xã hội thừa nhận, thấm sâu trong đời sống xã hội, thúc đẩy mọi người hành động tích cực, sáng tạo, thực hiện thắng lợi mục tiêu XHCN. Đó là một phương thức lãnh đạo của Đảng, nhằm củng cố, phát triển, truyền bá tư tưởng khoa học và cách mạng, làm cho hệ tư tưởng đó trở thành nền tảng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng, của cách mạng. CTTT không ngừng bảo vệ, phát triển sáng tạo, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng đông đảo nhằm đem lại cho họ sự giác ngộ về thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, biến nó thành niềm tin, lý tưởng, lẽ sống, thành nguyên tắc đạo đức, tình cảm cách mạng thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, ĐCSVN đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng trong lĩnh vực tư tưởng, bảo vệ nền tảng tư tưởng mà điển hình nhất là Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về "*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*"... Qua đó khẳng định tầm quan trọng của CTTT đối với nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ nền tảng tư tưởng của ĐCS. Đó là một bộ phận hợp thành trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của tổ chức đảng, một mặt công tác trọng yếu của chính quyền và các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị.

Khi nói đến nền tảng tư tưởng của Đảng là nói đến nhân tố căn bản, cốt lõi tạo tiền đề quyết định mọi hoạt động xây dựng, sinh hoạt và lãnh đạo của Đảng, định hướng hoạt động của đời sống xã hội. V.I.Lênin đã chỉ rõ: "Chỉ đảng nào được lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sỹ tiên phong" [6, tr.32]. Hồ Chí Minh cũng khẳng định: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam" [7, tr.289]. Nếu nền tảng tư tưởng của Đảng bị thay đổi, tất yếu dẫn tới sự thay đổi mục tiêu, lý tưởng, nguyên tắc tổ chức, phương hướng hoạt động chính trị. Do đó, khi các thế lực thù địch xảo quyệt tìm mọi cách *để thực hiện mục tiêu chống phá, vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của ĐCSVN,* vấn đề hàng đầu là chúng tập trung mũi nhọn để tấn công nhằm phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trước âm mưu và hành động của các thế lực thù địch, thời gian qua chúng ta đã đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, ngăn chặn và đẩy lùi các âm mưu, thủ đoạn phá hoại của chúng. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được triển khai ngày càng bài bản, thống nhất, đồng bộ, toàn diện, quyết liệt, đi vào chiều sâu. Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động ngoan cố đẩy mạnh hoạt động chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng ta, âm mưu tạo ra những lỗ hổng

về tư tưởng, lý luận trong đời sống chính trị - xã hội, hòng xoay chuyển quỹ đạo phát triển của đất nước ta đi chệch hướng XHCN. Trước tình hình đó, cần nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng của CTTT và nghiên cứu đề xuất các giải pháp tăng cường hơn nữa CTTT để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Từ lý luận đến thực tiễn đều chỉ rõ, CTTT của Đảng không chỉ trong nội bộ Đảng mà còn CTTT trong toàn xã hội. Trong từng lĩnh vực ấy lại có những nét đặc thù riêng, ở mỗi cấp ủy Đảng lại có những nội dung, nhiệm vụ tương ứng. Rõ ràng, CTTT là một phương thức quan trọng để tăng cường niềm tin trong nhân dân; thực hiện sự đồng thuận và dân chủ XHCN; là vũ khí sắc bén đấu tranh lại sự phá hoại của thế lực thù địch trên trận địa tư tưởng, lý luận và văn hoá.

2. Một số giải pháp tăng cường công tác tư tưởng của Đảng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong phạm vi bài viết này tập trung phân tích một số giải pháp sau:

2.1. Làm tốt từng mặt công tác tư tưởng đồng thời xác định cụ thể về nội dung, đổi mới phương thức phù hợp với đối tượng, nhiệm vụ công tác tư tưởng của Đảng bộ các cấp

Thứ nhất, trước hết cần đánh giá đúng thực trạng CTTT hiện nay của toàn Đảng từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Thời gian qua, trong CTTT của Đảng còn có những hạn chế. Đảng ta chỉ rõ "Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu, một số vấn đề mới, khó, phức tạp chưa được làm sáng tỏ" [5, tr.34]; "Công tác thông tin, tuyên truyền một số chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa phong phú, thường xuyên, kịp thời, chưa đáp ứng được sự quan tâm của nhân dân" [5, tr.47]; "Công tác nắm bắt dư luận trước những sự kiện, tình huống bất ngờ còn chưa kịp thời" [5, tr.54]. Trên cơ sở đó, các cấp ủy Đảng cần phải thẳng thắn, trung thực để đánh giá đúng thực chất công tác tư tưởng hiện nay ở các Đảng bộ. Từ đó, tìm ra nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém, giải quyết được các điểm nghẽn mới có thể nâng cao chất lượng công tác tư tưởng.

Thứ hai, trong công tác lý luận, chú trọng nhấn mạnh đến việc phát huy dân chủ, tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của các tổ chức và cá nhân trong tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Văn kiện Đại hội XIII cũng đề cập đến việc sử dụng kết quả nghiên cứu: "Sớm kết luận những vấn đề lý luận đã chín, đã rõ, phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương xây dựng, bảo vệ Tổ quốc" [5, tr.182]; Chú trọng đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo và hiện đại; đưa việc bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp đi vào nền nếp, nâng cao chất lượng, hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng. "Tiếp tục đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng bảo đảm thiết

thực, hiệu quả" [5, tr.183], đồng thời phải coi trọng việc: "Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo tinh thần khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại" [5, tr.183]. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong hệ thống các nhà trường; công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị.

Thứ ba, căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ các cấp, cần xác định nhiệm vụ cụ thể trong tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Tiếp tục nghiên cứu có hệ thống, khẳng định và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn của Việt Nam; luận chứng và khẳng định bản chất cách mạng, khoa học, nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chỉ rõ vấn đề nào cần bổ sung, phát triển; luận giải sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam. Từ đó, góp phần làm rõ và hoàn thiện nền tảng tư tưởng; cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tập trung phân tích để bảo vệ và làm lan tỏa những nội dung mới, tầm nhìn, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Giải đáp có căn cứ khoa học những vấn đề lớn thực tiễn của địa phương gắn liền với đất nước. Đảng bộ các cấp có biện pháp cụ thể cho công cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", nhất là những vụ việc gây bức xúc trong dư luận để củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ.

Thứ tư, công tác tuyên truyền, cổ động và công tác văn hóa - văn nghệ phải hết sức chú trọng đổi mới, nâng cao hiệu quả, phối hợp nhịp nhàng. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ căn bản nội dung, phương thức tuyên truyền, cổ động và công tác văn hóa - văn nghệ, bảo đảm tính Đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời và hiệu quả; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung công tác tuyên truyền, cổ động phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ chính trị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc và của Đảng bộ, Nhân dân; tìm những giá trị đồng thuận cao; phù hợp với điều kiện và các đối tượng cụ thể. Nội dung CTTT cần tập trung vào những thắc mắc, bức xúc nhất của Nhân dân trong từng giai đoạn, tình huống cụ thể. Cần phân nhóm đối tượng để có nội dung, hình thức, kênh tuyên truyền phù hợp với yêu cầu và điều kiện của từng nhóm. Đồng thời, thực hiện mở rộng thông tin, bảo đảm quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Việc cung cấp thông tin cần phải kịp thời, đúng đối tượng và đúng thời điểm. Đặc biệt cần có hướng dẫn tích cực tuyên truyền những thành tựu phát triển trên các lĩnh vực của đất nước, địa phương; đầu tư các bài viết có định hướng, phong phú và sâu sắc trên mặt trận báo chí, đăng tải trên các phương tiện truyền thông; cần tích cực phối

hợp, tham mưu tuyên truyền, triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị và các hướng dẫn.

2.2. Nâng cao nhận thức, chủ động đổi mới hình thức, phương pháp nắm bắt dư luận xã hội

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc tầm quan trọng của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong từng mặt, lĩnh vực của CTTT. Trên cơ sở tiếp tục kiên quyết, bền bỉ thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra, làm cho mỗi cán bộ đảng viên, người dân Việt Nam nhận thức rõ đây là nhiệm vụ chính trị vừa cấp bách, vừa thường xuyên và lâu dài, không chỉ là công việc của các cơ quan đảng, Nhà nước mà là của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của mọi cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Thứ hai, bằng nhiều cách thức để giáo dục, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức đầy đủ, sâu sắc về đối tượng, âm mưu, thủ đoạn, phương thức hoạt động của các thế lực thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng. Nhận thức một cách tường minh nhất cuộc đấu tranh chống lại những toan tính thâm độc của các thế lực thù địch có tính chất phức tạp và hết sức quyết liệt. Đảng bộ các cấp căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế phải xây dựng kế hoạch, nội dung, đổi mới phương thức nắm bắt dư luận xã hội (DLXH) để kịp thời dự báo tình hình, định hướng DLXH, dùng sức mạnh của chính DLXH tích cực để đấu tranh làm lu mờ và dần tiêu vong các thông tin xuyên tạc, phản động. Tăng cường chủ động nghiên cứu, phê phán bản chất phản khoa học, phản cách mạng của các quan điểm sai trái, thù địch trên cơ sở có căn cứ, minh chứng một cách thuyết phục. Nhanh chóng đẩy mạnh công tác nghiên cứu để xác định, thiết lập một cách khoa học hệ thống luận cứ, luận điểm đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Từ đó, tìm ra đấu pháp hữu hiệu làm lộ rõ những âm mưu và hành động xảo quyệt, phản động của các thế lực thù địch; đánh trúng điểm yếu và từng bước tiêu diệt tận gốc sự chống phá của chúng.

Để khắc phục những hạn chế trong công tác nghiên cứu, định hướng DLXH, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng yêu cầu: "Nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, trong xã hội. Chú trọng nắm bắt, định hướng DLXH, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội" [5, tr.90].

2.3. Cấp ủy Đảng các cấp thống nhất nhận thức và hành động trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng với các thế lực thù địch

Bảo đảm vai trò lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của Đảng nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của cả hệ thống

chính trị tham gia thực hiện công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đó vừa là điều kiện, là nguyên tắc quan trọng để có thể đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch một cách chủ động, thiết thực, hiệu quả. Theo đó, cần tập trung:

Thứ nhất, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, kịp thời từ Trung ương đến địa phương và tạo sự phối hợp có nguyên tắc chặt chẽ giữa các cấp, các ngành. Các cấp ủy đảng cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò tham mưu của cơ quan các cấp. Đề cao vai trò, trách nhiệm của tập thể cấp ủy, người đứng đầu và từng thành viên đối với CTTT của Đảng.

Thứ hai, tập trung xây dựng tổ chức đảng các cấp trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, xác định mục đích, nội dung, hình thức, phương pháp đấu tranh tư tưởng đúng đắn, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), (khóa XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thứ ba, thường xuyên thực hiện tốt chế độ giao ban phản ánh tình hình, trao đổi thông tin, thống nhất biện pháp phối hợp đấu tranh; đa dạng hóa các hình thức đấu tranh, kết hợp tuyên truyền, giáo dục với các biện pháp tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát; giữa "xây" và "chống", lấy "xây" làm chính. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tấn, báo chí chủ động, kịp thời thông tin làm rõ sự thật, định hướng tư tưởng, dư luận cho nhân dân, nhất là trước những sự kiện nhạy cảm, phức tạp.

2.4. Tăng cường xây dựng đội ngũ công tác tư tưởng chuyên trách và phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, toàn dân

Thứ nhất, chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ làm CTTT từ cấp Trung ương đến tỉnh, thành, huyện và cơ sở. Chú trọng xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên sâu trong đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ hai, cần chủ động, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với các đơn vị cơ sở làm CTTT và với các ngành, các cấp trong hệ thống chính trị, không ngừng đổi mới công tác tư tưởng, lấy giáo dục, thuyết phục và nêu gương làm trọng tâm trong tổ chức thực hiện, hướng về cơ sở, theo sát nhiệm vụ, tình hình của cơ sở.

Thứ ba, lãnh đạo việc xây dựng quy chế và thực hiện quy chế phối hợp thống nhất giữa tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể, cấp uỷ Đảng cơ sở nhằm giải quyết mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, điều hành, Nhân dân làm chủ. Đẩy mạnh hoạt động sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm nhằm tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa cấp uỷ đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân trong CTTT ngày càng chặt chẽ, thống nhất và có hiệu quả hơn.

Ngoài các giải pháp trên thì cần hoàn thiện về mặt cơ chế, chính sách, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ CTTT để bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với CTTT của Đảng bộ các cấp; Đẩy mạnh sử dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ để tiếp tục phát huy vai trò, thế mạnh của các phương tiện truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí và mạng xã hội. Đồng thời đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về truyền thông, báo chí, nhất là quản lý thông tin trên internet và mạng xã hội.

KẾT LUẬN

Công tác tư tưởng của Đảng được làm tốt sẽ tăng cường được sự đoàn kết tạo nên động lực thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của đất nước. Đó là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của ĐCSVN, góp phần bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng cũng như sự phát triển mạnh mẽ của đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Nhờ vậy, qua hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN, đất nước ta đã gây dựng được *cơ đồ và tiềm lực*, *vị thế và uy tín quốc tế* đầy tự hào, điểm tựa vững chắc cho toàn dân tộc ta.

Để bảo vệ và phát huy những thành quả đó, công tác tư tưởng của Đảng tiếp tục được coi trọng và nâng tầm. "Công tác lãnh đạo tư tưởng là quan trọng nhất. Trong Đảng và ngoài Đảng có nhận rõ tình hình mới, hiểu rõ nhiệm vụ mới, thì tư tưởng mới thống nhất, tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất" [8, tr.554-555]. Một khi tư tưởng đã thông suốt, niềm tin của Nhân dân được phát triển trên cơ sở khoa học, có tính thuyết phục cao sẽ trở thành *chất keo* gắn kết giữa Đảng với Nhân dân, đưa tới sự thống nhất về hành động, làm cho cả dân tộc nhất trí, đồng thuận, tự giác và sáng tạo. Đó là sức mạnh tinh thần và lực lượng vật chất thúc đẩy sự nghiệp cách mạng phát triển không ngừng, giành những thắng lợi vĩ đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN khóa XII (2016), *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ,* Hà Nội, truy cập ngày 25/8/2022 tại: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quyet-so-04nq-tw-ngay-30102016-hoi-nghi-lan-thu-tu-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-tang-cuong-xay-dung-chinh-550

[2]. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Hà Nội, truy cập ngày 26/8/2022 tại: https://hoatieu.vn/phap-luat/nghi-quyet-so-35-nq-tw-2018-190288

[3]. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN (2021), *Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. V.I.Lênin (1975), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Tiến bộ, Matxcova.

[7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[9]. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Toàn Đảng, toàn dân chung sức, đồng lòng xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

VĂN HÓA LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS PHẠM THỊ BÌNH[1]

Tóm tắt:

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị Khóa XIII, Ban Tuyên Giáo Trung ương đã chỉ đạo "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc" trong toàn khóa XIII; việc nghiên cứu làm rõ thêm một số đặc trưng cơ bản trong văn hóa lãnh đạo, quản lý của người cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất các giải pháp xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ các cấp hiện nay là công việc quan trọng và rất cần thiết.

Từ khóa: *cán bộ, tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa lãnh đạo, văn hoá quản lý*

MỞ ĐẦU

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Trong di sản tư tưởng toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh, có tư tưởng về văn hóa lãnh đạo, quản lý, giữ vai trò là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động lãnh đạo, quản lý của Đảng và nhà nước ta hiện nay. Văn hóa lãnh đạo, quản lý là một bộ phận của văn hóa, là hệ thống những giá trị, chuẩn mực với những đặc trưng khác nhau của con người, của tổ chức tạo nên phong cách lãnh đạo, quản lý khoa học, có ảnh hưởng ở phạm vi rộng đến cách thức hành động của mọi người và tổ chức, nhằm đạt được sự đồng thuận thực hiện các mục tiêu đặt ra của hệ thống.

1 Trường Đại học Vinh

Tuy đều điều hành tổ chức, con người thực hiện nhiệm vụ, nhưng người lãnh đạo và người quản lý có phong cách khác nhau. Đảng ta là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Người đảng viên cần hiểu rõ "Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên" [4, tr.88]. Người lãnh đạo chủ yếu là đề ra chủ trương, động viên, gây ảnh hưởng bằng hành động nêu gương, tạo động lực, môi trường tích cực để mọi người tích cực, sáng tạo hoàn thành mục tiêu đề ra. Người quản lý chủ yếu là cụ thể hóa chủ trương, đường lối, duy trì nề nếp, điều hành mọi người tuân thủ pháp luật và quy định của tổ chức. Những cán bộ, đảng viên của Đảng hoạt động trong bộ máy nhà nước, là người lãnh đạo họ có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của Đảng; là người quản lý, họ với tư cách là đại biểu của dân, họ có nhiệm vụ thực thi quyền lực nhà nước. Cho nên khái niệm lãnh đạo, quản lý được sử dụng tương đối phổ biến và đang thực thi trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

Văn hóa lãnh đạo, quản lý của cán bộ có ảnh hưởng lớn đến nhận thức, suy nghĩ, tình cảm, niềm tin của quần chúng và trực tiếp tác động đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị ở mọi cơ quan, đơn vị. Văn hóa lãnh đạo, quản lý là loại lao động sáng tạo đặc biệt của cán bộ, phát huy trí tuệ, hướng mọi người tích cực tham gia thực thi nhiệm vụ; thúc đẩy dân chủ hóa xã hội, khắc phục bệnh quan liêu, làm dịu những căng thẳng xã hội, tạo sự đồng thuận, môi trường xã hội tích cực; góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội, nhân sức mạnh đồng thuận xã hội lên gấp nhiều lần. Văn hóa lãnh đạo, quản lý chính là vấn đề cốt lõi của văn hóa chính trị, văn hóa Đảng cầm quyền, văn hóa nhà nước pháp quyền, gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật, kỷ cương...

Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Đất nước ta, sau hơn 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao nhưng bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ, mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta. Tình hình trên có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn, đòi hỏi đội ngũ cán bộ các cấp cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn. Do vậy, việc nghiên cứu làm rõ thêm một số đặc trưng cơ bản trong văn hóa lãnh đạo, quản lý của người cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa cấp thiết.

NỘI DUNG

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về những đặc trưng cơ bản trong văn hóa lãnh đạo, quản lý của người cán bộ

Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tổng kết tư cách của người cách mạng với những đặc trưng tiêu biểu: "Tự mình phải: Cần kiệm. Hoà mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cẩn thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham muốn về vật chất. Bí mật. Đối người phải: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trực mà không táo bạo. Hay xem xét người. Làm việc phải: Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể" [5, tr.280-281]. Có thể khái quát, văn hóa lãnh đạo, quản lý của cán bộ là hệ thống những giá trị chuẩn mực của cán bộ trong ứng xử với tự mình, với mọi người và với công việc.

Một là, với tự mình, phải có đạo đức cách mạng. Người cán bộ lãnh đạo, quản lý có trong tay ít nhiều quyền lực, địa vị, rất dễ đứng trên nhân dân, có nhiều ham muốn, dễ lợi dụng quyền lực, trở thành "Ông quan cách mạng". Theo Hồ Chí Minh, cán bộ, đảng viên cần nhớ: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức" [7, tr.16]. Đạo đức là gốc, là nền tảng, là sức mạnh, là tiêu chuẩn hàng đầu của người cán bộ: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân... tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?" [6, tr.292-293]. Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là sự nghiệp rất vẻ vang, cũng là nhiệm vụ rất nặng nề, phải đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, tiêu chí cơ bản của đạo đức cách mạng là: Trung với nước, hiếu với dân, thương yêu con người, sống có tình có nghĩa, Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư và có tinh thần quốc tế trong sáng. Để có đạo đức cách mạng cần phải rèn luyện "như rửa mặt mỗi lần", vượt qua thử thách "Giàu sang không thể quyến rũ; Nghèo khó không thể chuyển lay; Uy lực không thể khuất phục" [8, tr.50]. Cần phải thực hành đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, liên hệ chặt chẽ với nhân dân. Việc gì cũng bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ, có khuyết điểm thì thật thà phê bình trước nhân dân. Mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý cần nhớ rằng: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và cả ngày mai nữa vẫn được

mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân" [11, tr.672].

Hai là, dân chủ với mọi người trong khi sử dụng quyền lực của mình. Văn hóa của người cán bộ lãnh đạo, quản lý là thực hành dân chủ rộng rãi. Người cán bộ phải tôn kính dân, phải liêm khiết, phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, có lề lối làm việc dân chủ, tác phong sâu sát, làm sao cho quần chúng biết hưởng quyền dân chủ của mình. Đối với nhân dân, không thể lý luận chính trị suông: "làm sao tự mình nêu gương và giáo dục cho đảng viên, đoàn viên, cán bộ giữ gìn, phát triển đạo đức cách mạng, làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm" [11, tr.293]. Ông cha ta có câu "khôn bầy hơn khôn độc", dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra. Người lãnh đạo, quản lý biết tôn trọng, lắng nghe ý kiến tập thể, phát huy trí tuệ tập thể thì sẽ tìm ra sáng kiến. Dân chủ trong Đảng là hạt nhân mở rộng dân chủ trong toàn xã hội. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau." [11, tr.622]. Muốn có dân chủ phải chống thứ giặc nội xâm là tham ô, lãng phí, quan liêu, vi phạm dân chủ. Để chữa bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu phải thực hiện 6 điều: đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, việc gì cũng bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ, có khuyết điểm thì thật thà phê bình trước nhân dân và dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa, sẵn sàng học hỏi nhân dân, tự mình phải làm gương cần, kiệm, liêm, chính để nhân dân noi theo. Phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và quần chúng. Không thể chỉ dùng báo, sách vở, mít tinh, khẩu hiệu, truyền đơn, chỉ thị là đủ mà phải làm công tác dân vận, tìm mọi cách giải thích cho người dân hiểu rõ lợi ích và nhiệm vụ của mình; dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa. Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân; khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng. "Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc" [7, tr.234].

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý không được lạm dụng quyền lực, biết lắng nghe, tranh thủ ý kiến của cán bộ cấp dưới, của quần chúng, đưa họ tham gia vào việc ra quyết định và thực hiện quyết định; luôn đặt lợi ích của tập thể, của quần chúng lên trên hết, vì lợi ích của nhân dân. Cần biết kết hợp tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách; khi đã có quyết định của tập thể, cán bộ lãnh đạo, quản lý phải giữ

nguyên tắc quyết đoán kịp thời, đúng đắn, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những thời điểm quan trọng. Văn hóa của người cán bộ lãnh đạo, quản lý là ở chỗ biết đặt mình trong tổ chức, không cho tự đặt mình cao hơn và ở ngoài sự kiểm tra, giám sát của tổ chức. Ngược lại ở nơi nào, cán bộ nào có phong cách độc đoán, chuyên quyền, hoặc tự do, tùy tiện thì ở đó mất dân chủ, trí tuệ tập thể không được phát huy, công việc không chạy, kém hiệu quả, tập thể không đoàn kết, niềm tin thấp.

Ba là, lãnh đạo, quản lý theo phong cách khoa học, sâu sát, cụ thể, tỉ mỉ, luôn đổi mới, sáng tạo, tìm ra cách làm hay, mang lại hiệu quả. Bản chất văn hóa là không ngừng sáng tạo, mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý cần rèn luyện phong cách làm việc khoa học, có kế hoạch tổ chức, sắp xếp công việc hợp lý, động viên cấp dưới và quần chúng thực hiện; biết kiểm soát tình hình thực thi nhiệm vụ, biết rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng kịp thời. Đề phòng và khắc phục tư tưởng chủ quan, duy ý chí, bệnh quan liêu, chung chung, xa rời thực tiễn, nói không đi đôi với làm, thiếu kế hoạch, thiếu trách nhiệm, không ngăn nắp, không đúng giờ hoặc phô trương hình thức. Dù ở bất cứ cấp nào, nhất là tổ chức thực thi đường lối, đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo, quản lý của phải có tác phong sâu sát, cụ thể, tỉ mỉ, gương mẫu, nói đi đôi với làm; thực sự hiểu rõ từng người, từng việc, từng mốc thời gian cụ thể. Đi sâu, đi sát, hiểu rõ cấp dưới, hiểu rõ nguyện vọng của quần chúng. Chỉ ở nơi nào, khi nào người cán bộ nào biết phát huy dân chủ thì sẽ phát huy trí tuệ, tìm ra những điều kiện thuận lợi cho cấp dưới, cho quần chúng chủ động tham gia tích cực vào công việc chung, tạo ra tâm lý tích cực, gần gũi, thân thiện, đoàn kết, tin tưởng vào cán bộ. Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, đoàn kết, tương thân, tương ái; thực hành tiết kiệm, sống khiêm tốn, giản dị, trong sạch, chống xa hoa, lãng phí. Uy tín của người cán bộ vì thế ngày càng được củng cố và nâng cao.

Văn hóa lãnh đạo, quản lý của cán bộ, theo Hồ Chí Minh là phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Là người lãnh đạo phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, phải cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, gần gũi nhân dân, có cả đức và tài, vừa hiền lại vừa minh, vừa gương mẫu chấp hành pháp luật, am hiểu pháp luật và nắm vững chuyên môn. Là người đầy tớ thật trung thành của dân nghĩa là phải tận tụy, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, mỗi suy nghĩ hành động của cán bộ lãnh đạo, quản lý cần luôn luôn vì tập thể, vì nhân dân: "Việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh". Mỗi cán bộ phải vừa "hồng" vừa "chuyên", tức là vừa có đạo đức cách mạng, vừa có năng lực thực tế giữ một nhiệm vụ cụ thể trong bộ máy nhà nước, có tinh thần học hỏi, giỏi nghề, thể hiện sự mẫu mực, toàn tâm, toàn ý và có nhiều sáng tạo, đổi mới với công việc chung.

2. Một số giải pháp xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý của cán bộ các cấp hiện nay

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ lãnh đạo, quản lý. Quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; Tổ chức thực hiện tốt Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, cụ thể là chuyên đề toàn khóa (2021-2016) "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc". Cần coi nhận thức sâu sắc, thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là công việc thường xuyên, không thể thiếu của mỗi cán bộ, đảng viên; đưa học tập, vận dụng, làm theo vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của đảng bộ, chi bộ cấp mình, gắn với nhiệm vụ chính trị; đẩy mạnh vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước; nêu cao trách nhiệm nêu gương trong mọi cán bộ, đảng viên. Đề cao việc phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương về ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh của đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tự giác nêu gương "trên trước, dưới sau", "đảng viên đi trước, làng nước theo sau"; phải thể hiện tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng vì nước, vì dân.

Xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý cho cán bộ với phong cách dân chủ, sâu sát thực tiễn, thật sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể; luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, toàn diện, công tâm, công khai, minh bạch, chính xác, chống cục bộ địa phương, bè phái trong mọi hoạt động. Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, mẫu mực về nhân cách, lối sống; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành; không tham nhũng, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm, không để người nhà, người thân lợi dụng vị trí công tác để vụ lợi. Nghiêm túc tự phê bình và phê bình, thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh. Coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng tự trọng và danh dự của cán bộ để hình thành văn hóa không chạy chức, chạy quyền. Những nội dung nêu trên là yếu tố cơ bản nhất để cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật có "văn hóa trách nhiệm".

Xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý của cán bộ phải gắn liền với đấu tranh phản bác các quan điểm phản văn hóa như các luận điệu sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, chủ động thông tin kịp thời, chính xác, khách quan, đúng định hướng chính trị để phòng, chống "diễn biến hòa bình", loại thông tin xấu, độc trên internet, mạng xã hội, để cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn, tích cực tham gia bảo

vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, bồi đắp thế giới quan, phương pháp luận và niềm tin khoa học trong mỗi cán bộ, đảng viên và người dân, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ. Thể chế, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng về công tác cán bộ theo hướng: Đồng bộ, liên thông, nhất quán trong hệ thống chính trị và phù hợp với thực tế; ràng buộc trách nhiệm và kiểm soát chặt chẽ quyền lực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ. Xây dựng quy định để việc nhận trách nhiệm, từ chức, từ nhiệm trở thành nếp văn hóa ứng xử của cán bộ; hoàn thiện các quy định về cách chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm để việc "có lên, có xuống", "có vào, có ra" trở thành bình thường trong công tác cán bộ. Quy trình công tác cán bộ phải được tiếp tục đổi mới đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; chống chạy chức, chạy quyền. Xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Thực hiện công khai, minh bạch tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục và hồ sơ nhân sự; cung cấp, trao đổi thông tin và giải trình khi có yêu cầu. Xác minh, xử lý kịp thời, hiệu quả, hợp lý thông tin phản ảnh từ các tổ chức, cá nhân và phương tiện thông tin đại chúng. Tập trung vào hai trọng tâm lớn về công tác cán bộ là chuẩn hoá, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo phục vụ phát triển và có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tập trung xây dựng đội ngũ bí thư cấp uỷ, người đứng đầu các cấp đi đôi với phân cấp, phân quyền nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực của cán bộ.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới. Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan đơn vị phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác cán bộ và tạo môi trường, điều kiện để xây dựng đội ngũ cán bộ. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, "trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức

trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết" [2, tr. 187].

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo và quản lý, nâng cao giáo dục đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong đó chú trọng nội dung xây dựng Đảng về đạo đức, truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa đào tạo với rèn luyện trong thực tiễn; thực hiện nghiêm túc chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, nhất là cán bộ trẻ được đào tạo ở nước ngoài. Cấp ủy các cấp và người đứng đầu phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, tạo điều kiện, cơ hội phát triển cho cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Quy định trách nhiệm của lãnh đạo và cấp ủy viên các cấp trong việc tiến cử người có đức, có tài; người đứng đầu có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng, tiến cử người thay thế mình.

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải thường xuyên học tập, tu dưỡng, rèn luyện toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, nhân cách: Thực hiện cần kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, chân thành; không có biểu hiện cơ hội, sống ích kỷ, ganh ghét, đố kỵ. Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần có sự hiểu biết và ham học hỏi, có tầm nhìn và sự quyết đoán, dũng cảm và kiên trì; có tầm nhìn và sự quyết đoán đưa ra những quyết định kịp thời và sáng suốt. Họ phải rèn luyện có sự dũng cảm vượt qua sự khó khăn; biết cách lãnh đạo, quản lý và lập kế hoạch, có kỹ năng truyền cảm hứng; có kỹ năng giao tiếp tốt bằng cả văn nói và văn viết; biết tuyên truyền, khuyến khích, động viên, biết cách thương thuyết. Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải có khả năng phối hợp hoạt động cùng những người khác, biết lắng nghe, sống trung thực và cởi mở, biết sắp xếp và bố trí công việc cho nhân viên một cách khoa học và hợp lý, biết cách giải quyết và dàn xếp những mâu thuẫn nội bộ...

Thứ tư, thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương đi đôi với phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng và phải nghiêm khắc với bản thân, thường xuyên "tự soi", "tự sửa" và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên, *"thấy rõ bổn phận và trách nhiệm, của mình, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, danh vọng; đấu tranh có hiệu quả với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu, cơ hội, cục bộ, bè phái, mất đoàn kết nội bộ"* [2, tr. 237]. *Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức, gương mẫu tuân thủ pháp luật, thực hành dân chủ; chức vụ càng cao càng phải gương mẫu để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, tạo sự lan tỏa trong mọi tầng lớp nhân dân.*

Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan đơn vị phải thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ. Đặc biệt là phải cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát trong công tác cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ. Cụ thể hóa để mọi tổ chức, cán bộ lãnh đạo, quản lý đều phải chịu sự giám sát nghiêm khắc của nhân dân. Có quy định rõ về việc bảo vệ những người tố giác những người tham nhũng, hối lộ. Văn hóa của cán bộ lãnh đạo, quản lý là phải làm tốt công tác dân vận, thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân; Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân; Xây dựng văn hóa xin lỗi nhân dân khi cán bộ làm ảnh hưởng xấu hoặc gây thiệt hại đến nhân dân. Đồng thời phải nghiên cứu mở rộng các hình thức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với từng đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị một cách phù hợp.

Nâng cao nhận thức của lãnh đạo, quản lý các cấp về xây dựng văn hóa kiểm tra, giám sát để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình trong công tác này, phát huy mặt tích cực, khắc phục, sửa chữa những sai lầm, thiếu sót; kịp thời phát hiện, ngăn chặn ngay từ khi cán bộ có dấu hiệu sai lầm.

Xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý phải gắn liền với việc phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên trong thực hiện quy định nêu gương. Xử lý kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm. Khen thưởng, biểu dương, động viên kịp thời những mô hình hay, các điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu.

KẾT LUẬN

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ta xác định rõ phương hướng: "Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân." [3, tr.228-229]. "... phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ "then chốt" của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh của chế độ: cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp cách mạng" [3, tr.226]. Xuất phát từ tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ, trong bối cảnh Đảng ta đang triển khai thực hiện mô hình cán bộ lãnh đạo Đảng đồng thời là cán bộ quản lý chính quyền; việc xây dựng văn hóa lãnh đạo,

quản lý cho đội ngũ cán bộ là rất quan trọng, có ý nghĩa lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ tư cách của cán bộ cách mạng với những biểu hiện cụ thể về phong cách ứng xử với chính mình, với công việc và với mọi người. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện các giải pháp xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp hiện nay cũng chính là góp phần xây dựng văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực khơi dậy mạnh mẽ ý chí tự lực, tự cường thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII "*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*".

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[8]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[9]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[10]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[11]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN - THỰC TIỄN TẠI NGHỆ AN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TS PHAN VĂN TUẤN - THS PHẠM THỊ THÚY HỒNG[1]

Tóm tắt:

Dân chủ là bản chất của chế độ XHCN, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng CNXH; xây dựng nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Làm rõ, hoàn thiện lý luận, phát huy phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" trong thực tiễn đời sống xã hội vấn đề cấp thiết, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi hiện nay. Bài viết bàn về một số vấn đề lí luận về quyền làm chủ của nhân dân, phân tích thực trạng thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ở Nghệ An; từ đó đề xuất một số giải pháp phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

Từ khoá: *Nghệ An, quyền làm chủ của nhân dân, thực tiễn*

MỞ ĐẦU

Nghệ An là tỉnh nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ có diện tích tự nhiên rộng nhất nước với 16.493,7 km2, có đường biên giới dài 468 km và 82 km bờ biển. Tỉnh Nghệ An có 21 huyện, thành phố, thị xã với 460 xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã), trong đó 150 xã loại 1, 283 xã loại 2, 27 xã loại 3; 3.803 khối, xóm, bản.

Dân số toàn tỉnh trên 3,3 triệu người, đồng bào người dân tộc thiểu số chiếm 14,76% (Thái, Thổ, Khơ Mú, Mông, Ơ Đu, tộc người Đan Lai...). Đồng bào theo tôn giáo hợp pháp có khoảng 390.000 tín đồ (Công giáo khoảng 290.000 tín đồ, Phật giáo khoảng 100.000 tín đồ).

1 Trường Đại học Vinh

Trong những năm qua, nội dung phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, "Nhân dân làm chủ" trong cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" được các cấp ủy đảng quan tâm chỉ đạo và nhân dân đồng tình thực hiện.

Tỉnh ủy Nghệ An đã tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản của Đảng, trong đó tập trung vào nội dung Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng cụ thể hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" bằng nội dung "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp" với những quy chế, quy định, quy trình cụ thể; quy định rõ hơn Đảng phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân về những quyết định của mình; Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, trong đó đi sâu vào nội dung "tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh"; "Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân...", những chủ trương lớn về quyền con người, gắn quyền con người với sự phát triển phồn vinh, hạnh phúc của dân tộc; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, gắn quyền với nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Vấn đề phát huy quyền làm chủ của Nhân dân được xác định rõ trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An, nhiệm kỳ 2015 - 2020 [5] và nhiệm kỳ 2020 - 2025 [6].

NỘI DUNG

1. Một số vấn đề lý luận về quyền làm chủ của nhân dân và phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"

Tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng vai trò, vị trí, lực lượng, sức mạnh to lớn của nhân dân, là một trong những nội dung quan trọng trong tư tưởng của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "Dân là quý nhất, là quan trọng hơn hết, là tối thượng", "bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều là của dân". Người nhấn mạnh: "Nước ta là một nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân vì dân là chủ"; "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là chủ". Toàn bộ quyền lực nhà nước đều bắt nguồn từ nhân dân, do nhân dân, nhằm phụng sự lợi ích của nhân dân, thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Đây là tư tưởng nền tảng mà Đảng ta hướng tới, đồng thời là cách thức thực hiện mục tiêu, con đường đi lên CNXH ở nước ta.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, căn cứ vào tình hình thực tiễn và quan điểm mở rộng dân chủ, Đảng ta đã bổ sung 02 khâu trong phương châm: "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thành "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" [7; tr.73].

Như vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã bổ sung nội dung "dân giám sát", "dân thụ hưởng" vào nội dung phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Đây là sự phát triển tư duy lý luận, hoàn thiện chủ trương của Đảng về dân chủ [7, tr.71]. Sự phát triển, hoàn thiện đó có ý nghĩa thiết thực, quan trọng trong xây dựng và phát huy nguồn lực con người, là động lực, yếu tố sống còn, có ý nghĩa quyết định đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước giai đoạn tiếp theo.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: "Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm "dân là gốc"; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" [8]. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

"Dân biết" là nhân dân hiểu và nắm rõ được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật liên quan đến cuộc sống nhân dân, vận mệnh đất nước, dân tộc. Nhân dân nắm, biết để bàn bạc, đóng góp ý kiến, hoạch định, góp phần bảo đảm khi được ban hành, thực hiện trong đời sống, đem lại kết quả tốt. Nhân dân biết, nắm rõ, hiểu được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, tạo cơ sở để thống nhất, đồng thuận, đồng lòng, đoàn kết tổ chức, thực hiện đạt kết quả cao trong cuộc sống. Nhân dân hiểu rõ mục đích cuối của chủ trương, chính sách, pháp luật là phục vụ lợi ích của chính nhân dân, thành quả của chủ trương, chính sách, pháp luật mang lại do nhân dân thụ hưởng, tạo ra xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Để nhân dân "biết", phải sử dụng hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, thuyết phục.

"Dân bàn" là nhân dân được thảo luận, bàn bạc, ý kiến, góp ý với Đảng và Nhà nước, để việc hoạch định, thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật được thực hiện một cách chính xác, phù hợp, hiệu quả. Nhân dân bàn bạc, thống nhất cách thức, biện pháp tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả vào thực tiễn công việc, mang lại lợi ích cho nhân dân, đất nước. Khi nhân dân góp ý kiến đúng, xác đáng phải trân trọng, tiếp thu, hoàn thiện cho tốt hơn; khi nhân dân góp ý kiến chưa xác đáng, chưa phù hợp phải giải thích, tuyên truyền, thuyết phục để nhân dân hiểu, nắm rõ chủ trương, chính sách, pháp luật và những lợi ích đem lại. Để nhân dân "bàn", phải có cơ chế, cách thức tổ chức phù hợp.

"Dân làm" là nhân dân làm việc, thực hiện, hành động chủ trương, nghị chính sách, pháp luật vào thực tiễn cuộc sống, đảm bảo hiệu quả. Nhân dân thực hiện tinh thần làm chủ, vai trò chủ thể thực hiện, triển khai hoạt động, công việc với cách thức, phương pháp, phương tiện, lực lượng thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật, việc làm vào đời sống đạt hiệu quả. Trong quá trình đó, cán bộ,

đảng viên trước hết làm tốt vai trò là một công dân, với tinh thần là hạt nhân, đi đầu trong tổ chức, triển khai, thực hiện.

"Dân kiểm tra" là việc nhân dân xem xét, đánh giá thực tế thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, việc làm, qua đó phát hiện những sai lệch, thiếu sót, đề xuất, ngăn chặn, xử lý, đưa ra biện pháp điều chỉnh kịp thời, bảo đảm thực hiện có hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra. Mặt khác, qua kiểm tra để khuyến khích, biểu dương những việc làm tốt, mô hình hay. Nhân dân kiểm tra bằng cơ chế dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện gián tiếp thông qua các cơ quan đại diện dân cử, nhất là dân chủ ở cơ sở. Để nhân dân kiểm tra được cần có cơ chế cụ thể, cách thức tiến hành phù hợp.

"Dân giám sát" là nhân dân theo dõi, xem xét, đánh giá quá trình thực hiện, kết quả thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án, công việc thực hiện. Nhân dân theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình có đúng, có tuân thủ đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật không. Giám sát bằng hình thức, phương pháp cụ thể, thường xuyên, theo nội dung công việc, trực tiếp, hoặc gián tiếp.

"Dân thụ hưởng" là nhân dân được nhận, thụ hưởng thành quả, kết quả của quá trình phát triển về đời sống vật chất, tinh thần mà các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật mang lại sau quá trình tổ chức, thực hiện. Nhân dân thụ hưởng lợi ích, giá trị dẫn tới xã hội có trật tự, kỷ cương, cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; đồng thời nhân dân thấy được mục đích, động lực thực sự, cuối cùng của chủ trương, chính sách, pháp luật mà Đảng, Nhà nước đề ra và tổ chức thực hiện đều vì con người, vì nhân dân, lan toả giá trị tiến bộ, nhân văn, phẩm giá con người, bản chất chất của chế độ xã hội.

2. Thực trạng phát huy quyền làm chủ của Nhân dân ở Nghệ An hiện nay

2.1. Những kết quả đạt được

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An triển khai ngày càng sâu rộng, từng bước vững chắc và thực sự đi vào cuộc sống, nhất là phát huy dân chủ ở cơ sở, đạt kết quả tích cực.

2.1.1. Những nội dung công khai để Nhân dân biết

Cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp ở tỉnh Nghệ An đã tăng cường công khai, phổ biến thông qua các hình thức phù hợp để nhân dân nắm được các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến đời sống người dân và các biện pháp thực hiện.

Cấp ủy Đảng ở Nghệ An phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và nghị quyết, chỉ thị, báo cáo chuyên đề liên quan đến người dân, công tác quy hoạch, tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ; kết quả kiểm tra, giám sát, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng; việc thi hành kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm theo quy định.

Các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền tỉnh Nghệ An phổ biến, công khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; các dự án, công trình, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn; công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; phương án sáp nhập thôn, xóm, đề án sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã; điều chỉnh địa giới hành chính cấp xã; các cơ chế chính sách tạo điều kiện, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; các chính sách an sinh xã hội; các quy định về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân và các nội dung liên quan khác.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Nghệ An thực hiện khá tốt vai trò cầu nối, cung cấp thông tin, tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức người dân nắm bắt, hiểu rõ các thông tin được phổ biến, cung cấp.

2.1.2. Những nội dung Nhân dân bàn, quyết định và tham gia ý kiến

Trong thời gian qua, cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An thể hiện tinh thần cầu thị, lắng nghe, tiếp thu ý kiến nhân dân; đặc biệt đã tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp nhiều nội dung quan trọng theo đúng quy định.

Cấp ủy Đảng quan tâm lấy ý của nhân dân về dự thảo báo cáo chính trị trình đại hội Đảng các cấp, các dự thảo nghị quyết chuyên đề của cấp ủy về phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy các cấp quản lý...

Các cấp chính quyền ở Nghệ An tạo điều kiện để Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp các nội dung công việc, trọng tâm là các chủ trương, chính sách và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí; việc xây dựng hương ước, quy ước thôn, xóm. Đặc biệt, trong xây dựng nông thôn mới, người dân đã phát huy tốt vai trò chủ thể của mình trong việc bàn bạc và quyết định việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch gắn với tình hình đặc điểm từng địa phương, cơ sở; từ đó đạt được nhiều kết quả nổi bật.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã thực hiện tốt vai trò tổng hợp ý kiến đề xuất, kiến nghị của nhân dân tham gia góp ý các chương trình, đề án, cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn và nhu cầu nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

2.1.3. Những nội dung, hình thức Nhân dân giám sát

- *Đối với cấp ủy Đảng*: Nhân dân thường xuyên theo dõi, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đột phá của Nghị quyết đại hội Đảng các cấp; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của cấp ủy; việc thực hiện quy chế làm việc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ của cấp ủy theo quy định; công tác đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện các chính sách đối với cán bộ; việc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với tập thể, cá nhân.

- *Đối với các cấp chính quyền*: Thực hiện nghiêm túc việc tạo điều kiện và chịu sự giám sát của Nhân dân với những nội dung đã công khai, những nội dung để nhân dân bàn, quyết định và tham gia ý kiến; nhất là việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kế hoạch, tiến độ triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; chất lượng, tiến độ các công trình, dự án triển khai trên địa bàn ảnh hưởng trực tiếp đến người dân; việc giải quyết các tồn đọng, ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân; việc triển khai thực hiện các cơ chế chính sách trên địa bàn, việc thu và quản lý, sử dụng các khoản thu của nhân dân; việc rèn luyện, phẩm chất, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, công chức, của đại biểu dân cử.

- *Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội* vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân phát huy ý thức, trách nhiệm trong việc giám sát đối với cấp ủy đảng, chính quyền theo quy định của pháp luật; từng bước phát huy vai trò của tổ chức đại diện thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW [4], Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) [2], Quy định 124-QĐ/TW của Ban bí thư (khóa XII) [1].

Thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân đã giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong huy động nội lực của nhân dân để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; việc huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của phụ huynh, học sinh trong các trường công lập; công tác tổng rà soát việc thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng; công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong xây dựng nông thôn mới; chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ở các loại hình doanh nghiệp; chất lượng sản phẩm vật tư nông nghiệp trên địa bàn... Bên cạnh đó, tiếp tục phát huy vai trò giám sát của nhân dân thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng đạt được những kết quả tích cực.

2.1.4. Những kết quả nhân dân thụ hưởng

Tất cả các thành quả mà tỉnh Nghệ An tạo ra, đạt được trong thời gian qua đều để nâng cao đời sống nhân dân, phục vụ nhân dân, vì sự bình yên của nhân dân,

tạo thuận lợi cho nhân làm ăn, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, vì hạnh phúc của nhân dân. Thể hiện rõ nhất trong vấn đề nhân dân thụ hưởng đó là kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, tất cả các địa phương về đích Nông thôn mới đều là một cuộc cách mạng làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt nông thôn, nhất là hạ tầng giao thông, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; nhân dân vừa là chủ thể trong xây dựng Nông thôn mới vừa là người trực tiếp thụ hưởng thành quả do xây dựng Nông thôn mới mang lại.

2.2. Một số vấn đề tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, việc tổ chức quán triệt về các nội dung trong thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" chưa sâu sắc; một số chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh chưa kịp thời phổ biến đến mỗi người dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biển, miền núi cao và các doanh nghiệp.

*Thứ hai, m*ột số nơi chính quyền cơ sở nhận thức chưa đầy đủ và chưa thực sự coi trọng việc thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" trong quá trình chỉ đạo điều hành, nên một số nội dung kết quả chưa cao, chưa tạo được sự đồng thuận của nhân dân.

Thứ ba, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở một số cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An chưa xác định đúng mức vai trò của tổ chức mình trong việc thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", phát huy dân chủ ở cơ sở, mặt khác một số nơi chưa được chính quyền quan tâm tạo điều kiện về thông tin, kinh phí để thực hiện, do đó thiếu chủ động sáng tạo trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ trong hệ thống ngành dọc. Cải cách hành chính, chống tham nhũng, lãng phí; việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở còn có mặt hạn chế.

Thứ tư, ở một số nơi, chính quyền chưa công khai đầy đủ về quy hoạch sản xuất, giao thông, thuỷ lợi, quy hoạch đất đai, xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là các công trình, dự án đầu tư vốn không phải do nhân dân đóng góp; công khai chưa đầy đủ cho dân biết giá cả bồi thường giải phóng mặt bằng, các khoản thu quỹ; một số chương trình, dự án đầu tư chưa được thông tin đầy đủ cho dân biết để tham gia giám sát.

3. Các giải pháp để thực hiện tốt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở Nghệ An trong thời gian tới

3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trình độ hiểu biết của nhân dân về dân chủ và phát huy dân chủ

Muốn thực hiện quyền làm chủ thì trước tiên nhân dân phải hiểu biết đúng đắn, đầy đủ các quyền tự do dân chủ. Các quyền tự do dân chủ của người dân là quyền được biết những công việc mà chính quyền có trách nhiệm phải công khai,

quyền được bàn và quyết định trực tiếp, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định đối với những vấn đề có liên quan đến lợi ích nhân dân, quyền giám sát các công việc của chính quyền... Khi đó người dân sẽ chủ động, tích cực thực thi và sử dụng các quyền dân chủ và đấu tranh bảo vệ quyền dân chủ; đồng thời rèn luyện phương pháp thực hành dân chủ và có bản lĩnh thực hành dân chủ; nhân dân mới thực hiện quyền làm chủ thực sự, tránh tình trạng dân chủ chung chung, dân chủ hình thức.

3.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của chế độ thực hành dân chủ trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị

Hồ Chí Minh đã khẳng định: *"Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"*. Mỗi cơ quan, đơn vị cần nêu cao ý thức, trách nhiệm trong vấn đề thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị mình. Đặc biệt là những nội dung liên quan tới quản lý tài chính, tài sản, thi đua, khen thưởng, chính sách cán bộ... phải được tập thể cán bộ, công chức, viên chức thảo luận và thông qua. Cơ quan, đơn vị thông qua các cấp công đoàn cơ sở tổ chức quán triệt ý nghĩa, nội dung quy chế dân chủ nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tuyên dương các gương điển hình tiêu biểu trong thực hiện phát huy dân chủ.

Gắn đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng để xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện tốt quyền làm chủ của nhân dân, góp phần kiểm soát, giám sát công tác cán bộ.

3.3. Các cấp uỷ chính quyền tỉnh Nghệ An phải quán triệt và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ

Quần chúng nhân dân có quyền tranh luận, nêu ý kiến của riêng mình và có quyền bảo lưu ý kiến lên cấp lãnh đạo cao nhất. Lãnh đạo, thủ trưởng các cơ quan phải khuyến khích thảo luận, tranh luận những ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau để đi đến thống nhất về quan điểm, nhưng khi đã thành Nghị quyết, quyết định của tập thể thì tất cả mọi đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân phải tôn trọng, thực hiện nghiêm. Quy chế dân chủ theo Pháp lệnh, Nghị định nhằm đảm bảo nhân dân được bàn bạc, thảo luận và quyết định mọi công việc của địa phương, cơ sở, từ những công việc nhỏ, cụ thể đến những vấn đề lớn như xây dựng đường lối, hệ thống pháp luật. Trước khi ban hành chủ trương, Nghị quyết... các cấp ủy đảng Tỉnh Nghệ An cần tổ chức các đoàn đi khảo sát, đánh giá thực tế các loại hình tổ chức cơ sở đảng ở các địa bàn, vùng, miền khác nhau. Sau khi khảo sát, các cấp uỷ đảng, chính quyền cần đánh giá, tổ chức các cuộc tọa đàm,

hội thảo để lấy ý kiến góp ý, đề xuất để nâng cao chất lượng các Nghị quyết của Đảng; những chủ trương, nghị quyết quan trọng liên quan đến quyền lợi của đông đảo nhân dân thì phải xin ý kiến nhân dân tham gia.

3.4. Tiếp tục xây dựng các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp thực sự của dân, do dân và vì dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

Xây dựng các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp trên địa bàn Tỉnh Nghệ An trong sạch vững mạnh, vì nhân dân phục vụ, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân; công khai, minh bạch; chuyển mạnh từ chính quyền hành chính sang chính quyền phục vụ dân, kiến tạo và đồng hành cùng doanh nghiệp. Phát huy cao độ vai trò giám sát bộ máy nhà nước của nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời, phát huy dân chủ đòi hỏi phải đi liền với việc đề cao trách nhiệm công dân và bảo đảm giữ vững kỷ luật, kỷ cương xã hội. Các cấp uỷ đảng cần tuyên truyền, vận động nhân dân không nên tụ tập đông người, khiếu nại vượt cấp gây mất an ninh, trật tự và chống đối người thi hành công vụ trong khi những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đang được cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Nếu cá nhân có hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, lợi dụng dân chủ để gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì phải chịu xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3.5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, góp phần kiểm soát, giám sát quyền lực

Ban Thường vụ Đảng uỷ các cấp cần xây dựng và ban hành kịp thời các nghị quyết để định hướng lãnh đạo cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Các cấp uỷ Đảng phải phát huy tối đa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội để kiểm soát, giám sát quyền lực của các cơ quan nhà nước, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Hàng năm và định kỳ, đảng uỷ các cấp phải có đánh giá, rút kinh nghiệm về những nội dung mà nhân dân được bàn, được tham gia quyết định cũng như những nội dung nhân dân được tham gia giám sát; thường xuyên thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với nội dung xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

KẾT LUẬN

Như vậy, việc thực hiện phát huy tốt dân chủ là yếu tố quan trọng tạo đoàn kết, thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương; tạo niềm tin trong nhân dân đối với cấp ủy đảng, chính quyền. Để làm tốt điều đó, đảm bảo việc thực hiện quy chế dân chủ đi vào thực chất, thiết thực, hiệu quả, tránh

hình thức, trong thời gian tới, các cấp uỷ Đảng chính quyền trên địa bàn Tỉnh cần tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là người đứng đầu, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về dân chủ và thực hành dân chủ; đồng thời, khuyến khích các tầng lớp nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; gắn việc thực hiện quy chế dân chủ với việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, tiếp tục nâng cao trình độ dân trí, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban Bí thư (2018), Quy định 124-QĐ/TW ngày 02 tháng 02 năm 2018 *Về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*.

[2] Ban Chấp hành Trung ương (2013), Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12 tháng 12 năm 2013 *về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*.

[3] Ban Thường vụ Tỉnh ủy (2021), Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 19/11/2021 về *"Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo"*.

[4] Bộ Chính trị (2013), Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12 tháng 12 năm 2013 *Ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*.

[5] Đảng bộ tỉnh Nghệ An (2015), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2015 - 2020*.

[6] Đảng bộ tỉnh Nghệ An (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025*.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8] Nguyễn Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, Báo Nhân Dân, ngày 17/5/2021.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN TRONG XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THS NGUYỄN LÊ VÂN[1]

Tóm tắt:

Bài viết luận giải và làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân; trình bày cơ sở hình thành, phát triển và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân. Từ việc phân tích ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân, tác giả đề xuất quan điểm và giải pháp vận dụng tư tưởng của Người trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *nhà nước của dân, do dân, vì dân; nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tư tưởng Hồ Chí Minh*

MỞ ĐẦU

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam, được Đảng ta tổng kết, hệ thống hóa thành các quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân là một nội dung rất quan trọng.

Thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa gắn với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, những thắng lợi trên các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng có nguyên nhân quan trọng, đó là hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà

1 Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh

nước. Tuy nhiên, bộ máy Nhà nước ta hiện nay vẫn còn có sự chồng chéo giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; tình trạng quan liêu, tham ô, tham nhũng, lãng phí, hiện tượng mất dân chủ còn xảy ra khá phổ biến, những quyền cơ bản của người dân đâu đó còn bị vi phạm. Nguy hại nhất là một bộ phận cán bộ công chức Nhà nước thoái hóa, biến chất, làm mất lòng tin của nhân dân.

Trong đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện Nhà nước. Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị" [3, tr.174]. Đồng thời, để xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tất yếu phải nhận thức và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân.

NỘI DUNG

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân

1.1. Cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân

Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước trước hết bắt nguồn từ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, bao gồm cả truyền thống tổ chức, xây dựng nhà nước, pháp luật; bắt nguồn từ các giá trị, tinh hoa văn hóa nhân loại, cả phương Đông và phương Tây trong lĩnh vực nhà nước, quản lý xã hội và luật pháp. Và nguồn gốc lý luận quan trọng, quyết định nhất hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước là học thuyết Mác - Lênin về Nhà nước nói chung, Nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa nói riêng. Trên cơ sở các tiền đề tư tưởng đó, Hồ Chí Minh đã dần dần hình thành các quan điểm lý luận riêng về một kiểu nhà nước phù hợp với thực tế Việt Nam - nhà nước dân chủ nhân dân.

Ngoài nguồn gốc lý luận - tư tưởng còn phải đề cập đến cơ sở thực tiễn - yếu tố xã hội trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân. Bởi lẽ, chính từ trong hoạt động thực tiễn cách mạng - xã hội mà từng bước, Hồ Chí Minh đã tìm ra quy luật vận động xã hội, hiện thực của thời đại, khái quát nhận thức của mình thành lý luận. Lý luận ấy lại được Người vận dụng và kiểm nghiệm trong thực tiễn. Cũng từ trong hoạt động thực tiễn cách mạng của mình, tư tưởng lý luận cách mạng, về chính quyền nhà nước của Hồ Chí Minh đã hình thành và phát triển hoàn thiện.

Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân có quá trình

phát triển lâu dài, qua các giai đoạn chủ yếu: trước 1945; từ 1945 đến 1954 và từ 1954 đến khi Người qua đời. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong *Di chúc* lịch sử để lại trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, Hồ Chí Minh vẫn còn căn dặn toàn Đảng chăm lo xây dựng, hoàn thiện Nhà nước, để nó thực sự là công cụ để nhân dân thực hiện quyền dân chủ của mình.

Sự phát triển tư tưởng về nhà nước của dân, do dân và vì dân dựa trên cơ sở đúc rút, tổng kết thực tiễn, gắn liền với quá trình hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã thể hiện vai trò rất quan trọng của mình trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Việt Nam. Hồ Chí Minh là người sáng lập Nhà nước ta, đứng đầu Nhà nước trong vòng 24 năm, để lại dấu ấn sâu đậm về một phong cách lãnh đạo Nhà nước, trở thành chuẩn mực cho các thế hệ lãnh đạo sau này. Hồ Chí Minh đã xác lập các cơ sở, nền móng pháp lý tổ chức, hoạt động của Nhà nước ta. Các cơ sở pháp lý đó là nền tảng tư tưởng để tổ chức, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước qua các giai đoạn cách mạng của dân tộc. Hồ Chí Minh là người khơi nguồn cho truyền thống dân chủ hiện đại ở Việt Nam, đã làm cho dân ta được hưởng các quyền tự do, dân chủ, hướng dẫn nhân dân làm chủ, thực hành dân chủ trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, trình độ dân trí thấp, từng bước quá độ dần lên chủ nghĩa xã hội.

1.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân

Nhà nước của dân

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước, cơ quan quyền lực Nhà nước phải là của dân, dân là chủ. Nhà nước mới theo Hồ Chí Minh trước hết phải là Nhà nước của cả dân tộc, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân. Do vậy, khi đã tìm được con đường giải phóng dân tộc, lựa chọn một mô hình nhà nước mới cho dân ta, Hồ Chí Minh đã cùng Đảng, cùng dân ta bắt tay ngay vào xây dựng "Nhà nước dân chủ, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân". Bộ máy Nhà nước phải do dân tự lập ra, người đứng đầu Nhà nước cũng phải do dân bầu ra. Nhà nước ở Việt Nam là Nhà nước dân chủ nhân dân, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, do nhân dân "tự quyết định".

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước của dân là Nhà nước trong đó nhân dân là chủ; dân là người có địa vị cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước, dân tộc. Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: Nước ta là nước dân chủ; địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ; bao nhiêu quyền hạn là của dân; quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Trong Nhà nước ta, toàn bộ quyền lực đều thuộc về nhân dân.

Trong Nhà nước ta, dân là chủ thể của quyền lực thì người cầm quyền, cán bộ công chức nhà nước chỉ là người được ủy quyền, được nhân dân trao quyền để

gánh vác, giải quyết những công việc chung của đất nước. Hồ Chí Minh gọi người cầm quyền, cán bộ công chức nhà nước là "đầy tớ", "công bộc" của dân. Từ quan niệm chung về vị thế của người cầm quyền, Hồ Chí Minh ý thức rất rõ vị trí của Người trong hệ thống quyền lực nhà nước Việt Nam. Người nhiều lần nhắc nhở: Ở nước ta từ Hồ Chủ tịch trở xuống là đầy tớ của nhân dân; dân đặt ở đâu thì làm ở đó; Người làm Chủ tịch nước cũng là nhận sự trao quyền, ủy thác của nhân dân.

Nhà nước do dân

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước do dân là dân làm chủ Nhà nước; Nhà nước phải tin dân và dựa vào dân. Nội dung quyền làm chủ Nhà nước của dân rất rộng, trước hết thể hiện ở chỗ: Nhân dân là người tổ chức nên các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương thông qua thực hiện chế độ tổng tuyển cử phổ thông, trực tiếp, bỏ phiếu kín bầu các đại biểu xứng đáng vào các cơ quan quyền lực nhà nước...

Nhân dân có quyền bầu cử, ứng cử thì cũng có quyền thực hiện chế độ bãi miễn theo ba mức độ từ thấp đến cao: bãi miễn đại biểu; bãi miễn các cơ quan nhà nước; bãi miễn nội các Chính phủ nếu các đại biểu đó, các cơ quan nhà nước và nội các Chính phủ không còn phù hợp với nhân dân, đi ngược lại lợi ích của nhân dân.

Nhà nước do dân, nghĩa là nhân dân có quyền tham gia công việc quản lý nhà nước, đồng thời có trách nhiệm, nghĩa vụ đóng góp trí tuệ, sức người, sức của tổ chức, xây dựng, bảo vệ và phát triển Nhà nước. Nhà nước do dân còn bao hàm một nội dung quan trọng: nhân dân có quyền phê bình, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu do mình cử ra. Mọi nguồn lực mà Nhà nước có để hoạt động đều được huy động từ dân. Sự thành bại của cách mạng đều gắn với vai trò của quần chúng nhân dân lao động. Thực tế lực lượng của nhân dân rất lớn, khả năng của nhân dân là phi thường. Trong mọi vấn đề của cách mạng, nếu có dân là có tất cả, ngược lại không có dân thì thất bại trong tầm tay.

«Dễ mười lần không dân cũng chịu

Khó trăm lần dân liệu cũng xong» [5, tr.212].

Nhà nước do dân, dân làm chủ Nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh là sự thống nhất biện chứng của cả quyền và nghĩa vụ làm chủ; nó thể hiện bản chất dân chủ triệt để của Nhà nước kiểu mới.

Nhà nước vì dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước dân chủ nhân dân là Nhà nước phục vụ nhân dân, đem lại lợi ích cho dân. Mọi hoạt động của chính quyền phải nhằm mục tiêu mang lại quyền lợi cho nhân dân và lấy con người là mục tiêu phấn đấu lâu dài. Hồ Chủ tịch từng nêu rõ trách nhiệm của Nhà nước trước hết là nhằm thoả mãn các nhu cầu thiết yếu nhất của nhân dân, trong đó phải

"Làm cho dân có ăn

Làm cho dân có mặc

Làm cho dân có chỗ ở

Làm cho dân có học hành" [4, tr.152].

Nhà nước do dân, vì dân tự xây dựng nên điều này phải hiểu là nhà nước tồn tại và hoạt động vì quyền lợi của toàn thể nhân dân lao động, chứ không vì quyền lợi của một nhóm người hay một tập đoàn xã hội nào đó như Nhà nước ở các chế độ xã hội khác; một nhà nước đặt lợi ích của dân lên trên hết. Nhà nước đó phải có các đường lối, chủ trương và các chính sách đều phải phục vụ cho lợi ích của dân. Công việc gì của Nhà nước mà có lợi cho dân là phải làm ngay, việc có hại thì phải tránh, theo lời dặn dò của Người:

"Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh" [4, tr.57].

Bên cạnh đem lại lợi ích cho dân, chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân, Nhà nước phải biết kết hợp, điều chỉnh các loại lợi khác nhau giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, các bộ phận dân cư để luôn được mọi người dân ủng hộ, xây dựng.

2. Quan điểm và giải pháp xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1. Quan điểm xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân, Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời cho đến nay, luôn coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật - phương tiện quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền để hiện thực hoá quyền lực của nhân dân. Điều 2, *Hiến pháp năm 2013* khẳng định: "1. Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 2. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; 3. Quyền lực Nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp" [6].

Công cuộc đổi mới ở nước ta được tiến hành toàn diện về mọi mặt. Trong đó, việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, phát huy vai trò và hiệu quả quản lý Nhà nước là vấn đề hết sức quan trọng. Sự nghiệp đổi mới đang đi vào chiều sâu, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang được đẩy mạnh, đòi hỏi Nhà nước phải phát huy hơn nữa những mặt tích cực, khắc phục những hạn chế, yếu kém, đưa sự nghiệp xây dựng đất nước giành thắng lợi. Đứng trước

yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta khẳng định: việc cải cách nền hành chính Nhà nước là vấn đề trọng tâm của việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước trong điều kiện mới. Mục tiêu cải cách hành chính Nhà nước là nhằm xây dựng, củng cố nền hành chính trong sạch, vững mạnh đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và hiệu quả công việc của Nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển.

Cần đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Cần chú ý giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, trong đó phải quán triệt quan điểm: Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy Nhà nước tinh gọn; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước.

Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị" [3, tr.174]. Đại hội XIII cũng đề ra phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo; "hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa"; hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng của, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước"; "tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước,..." [3, tr.178].

2.2. Một số giải pháp xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam

Để xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải thực hiện đồng thời các giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Muốn có một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt

Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng với các cơ quan nhà nước. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện hiện nay cần thực hiện đồng bộ các biện pháp như:

Một là, các giải pháp chỉnh đốn, đổi mới Đảng, xây dựng Đảng xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc; thực sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực trí tuệ và uy tín làm tròn trọng trách của lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Trong chỉnh đốn, xây dựng Đảng cần tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; kiên quyết khắc phục sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức trong cán bộ, đảng viên; tiếp tục đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ; đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng gắn với xây dựng chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng của quần chúng; đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Hai là, các giải pháp đổi mới nội dung và phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Cần phân định vai trò lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước, đồng thời tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy chế phối hợp làm việc giữa cơ quan, tổ chức của Đảng với cơ quan, tổ chức của Nhà nước ở tất cả các cấp theo phương châm tôn trọng Điều lệ Đảng, tôn trọng Hiến pháp, pháp luật, thể chế của cơ quan nhà nước, tính đến đặc thù của từng lĩnh vực, nội dung lãnh đạo.

Tiếp tục tổng kết và đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng trong các lĩnh vực xây dựng Nhà nước, xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật, nhất là cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng Đảng và chính quyền cơ sở. Đồng thời cần tăng cường hoạt động kiểm tra, bảo vệ nội bộ Đảng, chỉ đạo sát sao hơn đối với hoạt động thanh tra và hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật khác. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác cán bộ trong bộ máy nhà nước, bảo đảm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước

Cần kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, chất lượng các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Tiến hành sắp xếp lại bộ máy hành chính ở các cấp chính quyền theo phương châm tinh, gọn. Tránh sự phân định quyền hạn, trách nhiệm của các cấp không rõ gây phiền hà cho dân. Xác định rõ mối quan hệ giữa lập pháp, hành

pháp và tư pháp, giữa Trung ương với địa phương. Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh việc xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền.

Thứ ba, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế

Tăng cường và mở rộng dân chủ, nhất là dân chủ ở cơ sở đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục, toàn dân nâng cao ý thức chấp hành luật pháp.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực Nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực, đáp ứng yêu cầu tình hình mới

Chúng ta phải hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức; có chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý ở các cơ quan nhà nước. Sắp xếp lại đội ngũ theo những chức danh, tiêu chuẩn và tăng cường cán bộ cơ sở; phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội ở địa phương.

Thứ năm, tích cực thực hành tiết kiệm, ngăn ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển nền kinh tế thị trường, cần nhận thức sâu sắc và khắc phục những nguy cơ, trong đó tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ. Cùng với tham nhũng là sự lãng phí, quan liêu; phải chống tệ nạn này một cách triệt để và phải có biện pháp cụ thể bằng cách bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, tiếp tục xóa bỏ các thủ tục hành chính phiền hà; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chuyên ngành và sự giám sát của nhân dân, phát huy vai trò và trách nhiệm của đảng viên và chi bộ, của các cơ quan đoàn thể quần chúng... Phải xử lý nghiêm minh theo luật định và theo Điều lệ Đảng đối với cá nhân, đơn vị vi phạm và khen thưởng người có công, v.v..

KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì trước hết bắt nguồn từ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, bao gồm cả truyền thống tổ chức, xây dựng nhà nước, pháp luật; được hình thành trên cơ sở kế thừa và phát triển sáng tạo các tư tưởng tiến bộ về nhà nước; tiếp thu, phát triển và vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về nhà nước nói chung, nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa nói riêng. Tư tưởng đó được hình thành, phát triển trên cơ sở thực tiễn, từ chính trong quá trình tìm đường cứu nước và quá trình lãnh đạo cách mạng của Người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân và vì dân là một hệ thống các quan điểm lý luận về con đường hình thành nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, về bản chất, tính chất, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức của nhà nước. Đó là tư tưởng tiến bộ, khoa học về một nhà nước kiểu mới, nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, phản ánh lợi ich chung của công nhân, nông dân, trí thức và dân tộc Việt Nam.

Việt Nam đang trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị ở nước hiện nay. Trong quá trình đó, tất yếu phải quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), *Tài liệu hỏi - đáp về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Hồ Chí Minh (2012), *Toàn tập*, Tập 12, Nhà xuất bản Chính trị quốc giaSự thật, Hà Nội.

[6]. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Nxb Tư pháp, Hà Nội.

TĂNG CƯỜNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở TỈNH NGHỆ AN

TS TRẦN THỊ THÚY[1]

Tóm tắt:

Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị là một trong những khâu có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và giữ vai trò quyết định đối với công tác xây dựng Đảng. Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị không những trang bị kiến thức, kỹ năng mà còn nâng cao bản lĩnh chính trị và trách nhiệm xã hội cho mỗi cán bộ, đảng viên. Bài viết làm rõ tầm quan trọng, thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên ở tỉnh Nghệ An trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp tăng cường đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên ở tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

Từ khoá: *cán bộ, đảng viên, đào tạo - bồi dưỡng, lý luận chính trị*

MỞ ĐẦU

Đào tạo lý luận chính trị là quá trình truyền thụ, tiếp thu hệ thống tri thức lý luận chính trị; củng cố thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao tầm nhìn, tư duy, phương pháp, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và vận dụng thực tiễn cho đội ngũ cán bộ. Đào tạo lý luận chính trị gồm 3 cấp: sơ cấp, trung cấp, cao cấp [1]. Theo quy định về phân cấp đào tạo lý luận chính trị hiện nay, Trung tâm Chính trị cấp huyện đào tạo sơ cấp; Trường chính trị cấp tỉnh đào tạo trung cấp; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đào tạo cao cấp.

1 Trường Chính trị tỉnh Nghệ An

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX đã khẳng định: "Công tác giáo dục lý luận chính trị, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên có nhiều đổi mới về chương trình, nội dung, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và nâng cao hiệu quả" [3, tr.45]. Mặc dầu còn không ít khó khăn, những năm vừa qua, công tác đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tỉnh Nghệ An đã đạt nhiều kết quả đáng được ghi nhận. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về ý nghĩa, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được nâng lên; trình độ, bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy vận dụng vào thực tiễn cuộc sống và công việc để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

NỘI DUNG

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, trong đó đặc biệt chú ý đến đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị.

Ban Thường vụ đã ban hành: Quyết định số 2392-QĐ/TU, ngày 30/5/2012 về ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2012-2020; Kế hoạch số 69-KH/TU, ngày 30/01/2013 về thực hiện chương trình sơ cấp lý luận chính trị; Quy định số 4288-QĐ/TU, ngày 8/7/2013 về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Nghệ An; Kế hoạch số 94-KH/TU, ngày 29/7/2013 về xây dựng nội dung và thực hiện chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên các cấp năm 2013-2015; Kế hoạch số 81-KH/TU, ngày 20/7/2017 về học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị bắt buộc; Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 21/8/2017 về tăng cường lãnh đạo, quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quy định số 2651-QĐ/TU ngày 12/02/2019 về nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nghệ An; Đề án số 35-ĐA/TU ngày 16/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bồi dưỡng kiến thức thực tế đối với cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Nghệ An và trung tâm chính trị cấp huyện giai đoạn 2020-2025...

Trong thời gian tới, tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 225-KH/TU, ngày 30/01/2020 của Ban Thường vụ tỉnh uỷ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nghệ An năm 2020 và giai đoạn 2021-2025, gắn với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 1659/QĐ-TTg, ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chương trình mục tiêu quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ công chức, viên chức, giai đoạn 2019-2030; Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

Trước sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, mạnh mẽ của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong những năm qua đã từng bước bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra. Chương trình sơ cấp lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được 21/21 Trung tâm Chính trị triển khai thường xuyên. Từ năm 2008-2018, có 13.670 lớp với 1.520.840 lượt cán bộ, đảng viên và các hội viên đoàn thể quần chúng được bồi dưỡng lý luận chính trị tại các Trung tâm Chính trị cấp huyện [3].

Được phân cấp đào tạo trung cấp lý luận chính trị, Trường Chính trị tỉnh có nhiều cố gắng đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo lý luận chính trị nhằm bảo đảm phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của tình hình mới. Tính từ năm 2012-2020, có 14.772 người học trung cấp lý luận chính trị (vượt 5,12% kế hoạch). Chất lượng học tập lý luận chính trị của học viên từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu về lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên. Trong năm 2021, Trường Chính trị tỉnh đã phối hợp và đào tạo, bồi dưỡng được 108 lớp với 7.155 học viên hệ trung cấp lý luận chính trị. Trong đó, có 1.459 học viên đạt loại giỏi (chiếm 20,4%); có 5.402 học viên đạt loại khá (chiếm 75,5%); và 294 học viên đạt loại trung bình (chiếm 4,1%) [5].

Ngoài loại hình đào tạo trung cấp LLCT, Trường Chính trị tỉnh phối hợp đào tạo cao cấp lý luận chính trị. Tính từ năm 2012-2020, có 2.161 người học cao cấp lý luận chính trị (vượt 3,4% kế hoạch). Đáp ứng yêu cầu đặt ra ngày càng cao của đội ngũ cán bộ, công chức, các loại hình bồi dưỡng như: chuyên viên; chuyên viên chính; lãnh đạo, quản lý cấp phòng; kỹ năng soạn thảo văn bản; bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho đối tượng 3, đối tượng 4; bồi dưỡng 08 chức danh cán bộ chủ chốt cấp cơ sở theo Đề án số 18-ĐA/TU. Đặc biệt, thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU [5], có 6.934 cán bộ cấp xã (bí thư, phó bí thư đảng ủy; chủ tịch, phó chủ tịch HĐND; chủ tịch, phó chủ tịch UBND; cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội); có 5.047 công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng công tác với khoảng 100 lớp trong năm 2021 và năm 2022.

Công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ngày càng chặt chẽ, từng bước khoa học hoá công tác quản lý đào tạo. Công tác quản lý sĩ số học viên học trên lớp gồm quản lý sĩ số học viên từng môn học, sĩ số từng ngày học, từng buổi học luôn được coi trọng đảm bảo duy trì nề nếp, thái độ, ý thức học tập của học viên. Ngoài ra, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên luôn được tiến hành một cách khách quan, khoa học để nhận định đúng giá trị kiến thức, khả năng tư duy, vận dụng thực tiễn của học viên sau một thời gian học tập. Chất lượng đầu vào được đảm bảo thông qua việc xét cử và chiêu sinh đào tạo trung cấp lý luận chính trị đúng đối tượng, tiêu chuẩn.

Tuy nhiên, việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên hiện nay cũng có một số hạn chế nhất định, đó là: "việc giáo dục tư tưởng, chính trị cho cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, một bộ phận đảng viên chưa nắm vững

được chủ trương, đường lối của Đảng. Việc học tập lý luận chính trị tuy có nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu" [2, tr.172]. Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX cũng đã chỉ rõ: "Việc học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước có lúc, có nơi còn hình thức; triển khai xây dựng một số chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện chỉ thị, nghị quyết còn chậm, chất lượng, hiệu quả thấp" [4, tr.60]. Trong thời gian tới, để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên ở Nghệ An, cần chú ý một số vấn đề sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên. Không ngừng đổi mới tư duy, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, chú trọng nhận thức đúng mục tiêu, yêu cầu và tầm quan trọng của học lý luận chính trị trong bối cảnh đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 35-CT/TW, ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị về "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới". Quán triệt quan điểm Đảng thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị. Quán triệt quy định của Trung ương về chức năng đào tạo trung cấp lý luận chính trị của Trường Chính trị cấp tỉnh [1] để thống nhất về quản lý, đảm bảo đúng định hướng và mục tiêu của Đảng về công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Hai là, nâng cao ý thức trách nhiệm của cấp uỷ, thủ trưởng cơ quan cử cán bộ, đảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị.

Sự quan tâm này thể hiện ở sự quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết, hướng dẫn của Tỉnh uỷ để tạo sự thống nhất cao, sự nhận thức đúng về đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở nghị quyết, quy định, quyết định của cấp trên, các cấp uỷ đảng đã xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, đề án, kế hoạch tham gia đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Đặc biệt, quán triệt thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX: "Đối với cán bộ chuyên trách cấp xã: 100% có trình độ đại học, cao đẳng và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác" [4, tr.77]. Cần xây dựng quy hoạch cán bộ, đảng viên học tập nâng cao trình độ hàng năm, trong đó có tham gia đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; lựa chọn, xét cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng LLCT đúng đối tượng, tiêu chuẩn mà vẫn không ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của đơn vị. Bên cạnh đó, cấp uỷ đảng, thủ trưởng cơ quan cần quan tâm, tạo mọi điều kiện, bố trí người đảm đương công việc thay thế nếu đi học tập trung, hỗ trợ về kinh phí (nếu có) để người học yên tâm học. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; lấy kết quả học tập lý luận chính trị làm thước đo để đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Cần kiên quyết gắn việc xây dựng quy hoạch cán bộ với xây

dựng kế hoạch đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên theo tiêu chuẩn chức danh của từng giai đoạn; cử, chọn cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị đúng đối tượng, thiết thực, tránh tràn lan, gây tốn kém lãng phí.

Ba là, luôn quan tâm đội ngũ làm công tác tư tưởng của Đảng và đội ngũ chuyên trách đảm nhận công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị là cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh và các đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; có kế hoạch đào tạo, đào tạo gắn với sử dụng; thường xuyên đánh giá, rà soát, kiểm tra, xác nhận chất lượng, hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị cho đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Giảng viên là người trực tiếp và chủ yếu giảng dạy, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học và phẩm chất chính trị cho người học. Họ là những người trực tiếp tham gia nghiên cứu bổ sung và phát triển lý luận chính trị, làm sáng rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trên con đường xây dựng xã hội mới.

Cùng với nhiệm vụ cung cấp tri thức, giảng viên phải xây dựng niềm tin của học viên đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trong hoạt động giáo dục, tuyên truyền, một trong những nhân tố chủ yếu nhất là làm cho nhận thức biến thành niềm tin để làm cho mọi người đồng ý với một quan điểm nhất định và bảo vệ quan điểm đó, đồng thời có hành động đúng, phù hợp. Thực tiễn cho thấy, đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức và tài năng, am tường lý luận sâu sắc, dày dạn kinh nghiệm thực tiễn, có năng lực sư phạm tốt, phương pháp truyền đạt hấp dẫn, cuốn hút sẽ góp phần khắc phục bệnh lười học, ngại học lý luận chính trị trong một bộ phận cán bộ, đảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị hiện nay.

Bốn là, nâng cao ý thức tự giác của cán bộ, đảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị.

Để tham gia bồi dưỡng, đào tạo lý luận chính trị mang lại chất lượng, hiệu quả thì bản thân mỗi cán bộ, đảng viên phải coi việc học tập lý luận chính trị là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mình. Ý thức tự rèn luyện của mỗi cá nhân là phương pháp quan trọng để bổ sung và hoàn thiện về lý luận chính trị, về năng lực và kinh nghiệm công tác, đáp ứng sự vận động và phát triển của cách mạng trong giai đoạn hiện nay.

Phát huy tính tích cực, chủ động của mỗi cán bộ, đảng viên trong tự học tập, tự nghiên cứu lý luận chính trị. Thường xuyên học tập, trau dồi phẩm chất đạo đức chính trị, gắn việc học lý luận với thực tiễn công việc hằng ngày, gắn những tri thức thu được vào thực tiễn cuộc sống, vào nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị, tránh lý luận suông. Mỗi cán bộ, đảng viên luôn chủ động đấu tranh, phê phán với các quan điểm sai trái, thù địch để làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam.

Xác định việc học lý luận chính trị là trách nhiệm và quyền lợi của bản thân, xây dựng kế hoạch cá nhân phù hợp để tập trung cho việc học nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu của nhiệm vụ công tác. Mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện bản lĩnh chính trị, tu dưỡng lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, xác định học tập lý luận chính trị là vinh dự, nghĩa vụ nên phải thực hiện thường xuyên, liên tục, lâu dài, chịu khó nghiên cứu tài liệu, giáo trình và liên hệ với công tác của bản thân trong mỗi bài giảng lý luận chính trị.

KẾT LUẬN

Cán bộ, đảng viên là đội ngũ kế tục sự nghiệp cách mạng, đóng vai trò then chốt trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Thực tiễn đặt ra yêu cầu đòi hỏi người cán bộ, đảng viên luôn nỗ lực không ngừng để đáp ứng nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao cho. Một trong những cách thức để hoàn thành nhiệm vụ đó là nâng cao trình độ về lý luận chính trị thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Tham gia đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị vừa là trách nhiệm, yêu cầu và cũng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên rèn luyện và phấn đấu, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài, "vừa hồng, vừa chuyên", vững vàng về bản lĩnh chính trị, có nhân cách sống cao đẹp, có khát vọng cống hiến để phát huy những thành quả cách mạng, đưa đất nước vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Quy định về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị,* số 57-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 2022.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Ngô Công Mạnh (2019), *Không ngừng đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị ở trung tâm chính trị cấp huyện*, truy cập ngày 22/9/2022 tại: https://nghean.dcs.vn/vi-vn/tin/khong-ngung-doi-moi-cong-tac-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-o-trung-tam-chinh-tri-cap-huyen/405534-488093-268664

[4]. Tỉnh uỷ Nghệ An (2020), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.*

[5]. Tỉnh uỷ Nghệ An (2021), *Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về kết quả thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2020*, số 104-KL/TU ngày 16/8/2021.

[6]. Tỉnh uỷ Nghệ An, (2021), *Đề án xây dựng chương trình, nội dung bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng công tác cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2023,* số 05-ĐA/TU, ngày 11/10/2021.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TUYÊN TRUYỀN VIÊN CƠ SỞ Ở TỈNH NGHỆ AN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS NGUYỄN KHÁNH LY[1]

Tóm tắt:

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và thiết bị đa phương tiện đã làm thay đổi hoàn toàn cách thức tiếp nhận thông tin của mọi đối tượng, từ đó tác động trực tiếp đến công tác tư tưởng nói chung, công tác tuyên truyền miệng nói riêng. Việc đổi mới cách thức hoạt động của đội ngũ tuyên truyền viên - lực lượng chủ yếu tiến hành công tác tuyên truyền miệng ở cơ sở là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong bối cảnh hiện nay.

Từ khoá: báo cáo viên, tuyên truyền miệng, tuyên truyền viên

MỞ ĐẦU

Tuyên truyền miệng là một hình thức hoạt động có hiệu quả để tuyên truyền, giáo dục, truyền bá đường lối, quan điểm của Đảng đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; là cầu nối giữa Đảng với nhân dân. Đồng thời, tuyên truyền miệng cũng là vũ khí sắc bén kịp thời đấu tranh phòng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; góp phần quan trọng vào việc giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Hiện nay, các loại hình truyền thông đa phương tiện phát triển mạnh mẽ, truyền tải một lượng thông tin lớn, đa dạng, đa chiều; trong đó có không ít thông tin xấu, độc do các thế lực thù địch, cơ hội chính trị thực hiện. Tuy nhiên, những hình thức, lợi thế của các phương tiện thông tin, truyền thông hiện đại không

1 Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

thể thay thế, lấn át hoạt động tuyên truyền miệng. Những nguyên tắc cơ bản của tuyên truyền miệng đã, vẫn được giữ vững và ngày càng phát huy. Hoạt động tuyên truyền miệng tiếp tục góp phần đảm bảo tính Đảng, tính chiến đấu, tính quần chúng và tính khoa học. Tuyên truyền miệng là một trong những kênh thông tin quan trọng, chính thống, không thể thay thế. Trong thời đại bùng nổ thông tin, càng khẳng định vị trí, vai trò của tuyên truyền miệng - một vũ khí sắc bén, linh hoạt, có truyền đạt, có đối thoại và định hướng, phản bác những luận điệu xuyên tạc, những thông tin sai trái, trong đó có những thông tin "nhạy cảm" mà không thể một tài liệu, phương tiện truyền thông nào có thể truyền đạt được. Điều này đã và đang đặt ra yêu cầu, đòi hỏi đối với công tác tuyên giáo nói chung, công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên nói riêng phải tích cực, nỗ lực đổi mới, nâng cao chất lượng để bảo đảm tính nhanh nhạy, chính xác, đúng định hướng và sát cơ sở. Bác Hồ đã dạy "Người tuyên truyền bao giờ cũng phải tự hỏi viết cho ai xem, nói cho ai nghe".

NỘI DUNG

1. Vai trò của báo cáo viên, tuyên truyền viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ra đời gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và sự xuất hiện của nhiều loại hình, phương tiện thông tin đa dạng, nhanh chóng đang từng ngày, từng giờ đi sâu vào các lĩnh vực đời sống xã hội, đã tác động rất lớn đến công tác tư tưởng nói chung, công tác tuyên truyền nói riêng. Tuy nhiên, tuyên truyền miệng vẫn được xem là kênh thông tin chính thống của công tác tư tưởng, không chỉ chuyển tải những thông tin nội bộ, giải thích cho đảng viên và nhân dân hiểu đúng, hiểu rõ qua đó ủng hộ và chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà còn góp phần định hướng tư tưởng chính trị và dư luận xã hội trước các vấn đề mới nảy sinh trong đời sống xã hội.

Tuyên truyền miệng được hiểu là một hình thức tuyên truyền giáo dục trực tiếp, thông qua nghệ thuật diễn giải, đưa tiếng nói và tình cảm của Đảng đến với mọi đối tượng, tác động trực tiếp vào trái tim, khối óc của từng con người. Hình thức tuyên truyền này còn là sự giao tiếp và đối thoại sinh động giữa người nói và người nghe, thực hiện có hiệu quả thông tin hai chiều trong quá trình dân chủ hóa thông tin trong Đảng và trong xã hội; đồng thời, nó còn chuyển tải được nhiều vấn đề quan trọng mà vì nhiều lý do khác nhau, các phương tiện thông tin đại chúng khác không thực hiện được. Tuyên truyền miệng là một giải pháp định hướng tư tưởng trực tiếp rất hiệu quả, dễ thay đổi phương pháp cho phù hợp với từng đối

tượng, góp phần tăng cường mối quan hệ trực tiếp, sinh động giữa Đảng với nhân dân, góp phần khắc phục tệ quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng.

Là lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền miệng, các tuyên truyền viên đã cùng với đội ngũ báo cáo viên ở cơ sở duy trì thường xuyên việc tuyên truyền đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị và của tổ chức đoàn thể. Tuyên truyền viên còn là những nhân tố tích cực trong vận động, cổ động quần chúng nhân dân tham gia vào các phong trào phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh.

Trong tuyên truyền miệng, báo cáo viên, tuyên truyền viên chính là lực lượng nòng cốt, chủ lực để tiến hành công tác tuyên truyền miệng ở cơ sở. Trong đó, đặc biệt là đội ngũ tuyên truyền viên với phương thức hoạt động chủ yếu là vận động trực tiếp từng người, từng nhóm trong sinh hoạt, lao động, công tác, học tập. Với điều kiện gần gũi với quần chúng nhân dân cho nên thuận lợi cho tuyên truyền viên trong việc nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân cũng như những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn đời sống của cơ sở. Thông qua đó, giúp cho tuyên truyền viên không chỉ tuyên truyền, giải thích cho quần chúng nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng những chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của địa phương, mà còn từng bước nâng cao nhận thức, cảnh giác đối với những quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch nhằm mục đích phá hoại công cuộc xây dựng đất nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc...; góp phần giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân.

Qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đóng vai trò "cầu nối" giữa cấp ủy đảng, chính quyền với nhân dân. Chỉ thị số 14 CT-TW, ngày 03/8/1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV); Thông báo 71-TB/TW, ngày 07/6/1997 của Thường vụ Bộ Chính trị (khóa VIII), cũng như Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư (khóa X) đều khẳng định hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên "là một trong những kênh thông tin quan trọng nhất, trực tiếp truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phổ biến, giáo dục, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trước các vấn đề thời sự quan trọng trong nước và quốc tế; góp phần tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin, cổ vũ phong trào cách mạng".

Các tuyên truyền viên, báo cáo viên đã kịp thời cung cấp và định hướng thông tin đến cán bộ, đảng viên và nhân dân về các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, công tác xây dựng đảng và hệ thống chính trị trên địa bàn

tỉnh, nhất là tuyên truyền về các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, của địa phương; phòng chống dịch Covid-19; tuyên truyền về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, ứng phó với biến đổi khí hậu; đào tạo nghề cho lao động nông thôn, củng cố mạng lưới các trường dạy nghề; phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; triển khai các chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chăm sóc sức khoẻ sinh sản, bình đẳng giới, hôn nhân và kế hoạch hoá gia đình; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng...

Được xác định là một trong những kênh thông tin quan trọng nhất của công tác tư tưởng, do vậy công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên luôn được Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Nghệ An quan tâm thường xuyên. Với phương châm hướng về cơ sở, trong quá trình triển khai công tác tuyên truyền, Ban Tuyên giáo các cấp luôn phát huy vai trò của lực lượng tuyên truyền viên ở cơ sở trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia hưởng ứng và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Thực trạng và hiệu quả hoạt động của lực lượng Tuyên truyền viên tỉnh Nghệ An

2.1. Những kết quả tích cực

Cùng với sự phát triển của đội ngũ Báo cáo viên các cấp, lực lượng Tuyên truyền viên cơ sở của tỉnh Nghệ An cũng được các cấp uỷ, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội quan tâm xây dựng đội ngũ và tổ chức hoạt động thường xuyên ở cơ sở.

Hằng năm, thực hiện các văn bản hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, hoạt động báo cáo viên trên địa bàn tỉnh. Nhận thức của cấp ủy các cấp về vị trí, vai trò của công tác tuyên truyền miệng, hoạt động báo cáo viên đã được nâng lên; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp được kiện toàn, bổ sung kịp thời, cơ sở vật chất được quan tâm, đầu tư phục vụ công tác tuyên truyền miệng.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ tỉnh đến cơ sở được kiện toàn, củng cố hàng năm, trình độ, năng lực của báo cáo viên không ngừng được nâng lên. Tính đến tháng 5/2022, toàn tỉnh có 8.052 báo cáo viên, tuyên truyền viên. Trong đó: Báo cáo viên cấp Trung ương công tác tại tỉnh 7 đồng chí; báo cáo viên cấp tỉnh 57 đồng chí; báo cáo viên cấp huyện và tương đương 597 đồng chí; báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở 7.391 đồng chí [3, tr.2]. Đối tượng tham gia lực lượng Tuyên truyền viên hầu hết là cán bộ chủ chốt của các chi, tổ, hội quần chúng trong các đoàn thể chính trị xã hội ở cấp huyện đến tận các thôn, xóm và một số chức danh không chuyên trách của Uỷ ban nhân dân cấp xã. Riêng Đoàn thanh niên thì thực hiện

phương châm "mỗi đoàn viên là một tuyên truyền viên", còn Mặt trận Tổ quốc thì lựa chọn đối tượng là người có uy tín đồng thời là tuyên truyền viên để tiến hành tuyên truyền, vận động quần chúng ở địa bàn dân cư.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh; nhiệt tình, tâm huyết với công việc, có ý thức tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đã trở thành lực lượng chủ lực trong công tác tuyên truyền miệng của Đảng bộ và ngày càng có những đóng góp tích cực, mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác tư tưởng, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng trước các luận điểm sai trái và âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Từ kết quả đó đã tạo nên sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, tạo động lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị mà đại hội đảng bộ các cấp đề ra.

Việc truyền đạt thông tin đến với cán bộ, đảng viên và nhân dân được đội ngũ tuyên truyền viên thực hiện bằng các diễn đàn, các hình thức linh hoạt, phong phú tuỳ theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ sở, góp phần quan trọng tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, ổn định tình hình tư tưởng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở các cấp, các ngành và từng cơ sở...

Ở Nghệ An, hình thức tổ chức tuyên truyền miệng cũng khá đa dạng, ngoài việc tuyên truyền miệng thông qua các buổi báo cáo chuyên đề của các báo cáo viên thì còn có các cuộc mít-tinh, lễ hội, hội thi, hội diễn văn hoá - văn nghệ, thể dục thể thao, các phong trào thi đua sôi nổi trong đoàn viên, hội viên. Nội dung tuyên truyền còn được lồng ghép vào các buổi sinh hoạt của các chi, tổ, hội, tổ dân phố, câu lạc bộ... ở địa bàn dân cư, đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc đưa chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đến với đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân. Câu lạc bộ thời sự được hình thành và hoạt động ở thành phố, thị xã và vùng trung tâm các huyện. Hội nghị báo cáo viên các cấp được thực hiện định kỳ hàng tháng có nền nếp để kịp thời phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình thời sự đáng quan tâm trong tỉnh, trong nước và thế giới.

Song song với tuyên truyền, cổ động, các tuyên truyền viên còn là những người tiêu biểu, gương mẫu trong các phong trào thi đua yêu nước như Phong trào thi đua sản xuất - lao động giỏi trong công nhân, viên chức và người lao động, Xây dựng nông thôn mới - đô thị văn minh, Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, các phong trào lập nghiệp - khởi nghiệp, giúp nhau làm kinh tế của Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ cùng các phong trào tình nguyện - xã hội...

Hàng năm, đội ngũ tuyên truyền viên các cấp được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về công tác tuyên truyền miệng do Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên truyền tổ chức; tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tại các trung tâm chính trị tỉnh, huyện. Qua đó, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền nói chung, tuyên truyền miệng nói riêng; nắm vững nội dung, phương pháp, nghiệp vụ về công tác tuyên truyền miệng.

Để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tuyên truyền miệng, những năm qua Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ cũng rất chú trọng đến việc cung cấp thông tin cho lực lượng báo cáo viên - tuyên truyền viên, ngoài việc định kỳ biên soạn và phát hành Bản tin thông báo nội bộ đến tận thôn, xóm với những nội dung tin bài phong phú cùng những kinh nghiệm thực tiễn trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá xã hội, xây dựng hệ thống chính trị - đây là nguồn thông tin chính thống, quan trọng mang tính định hướng cao phục vụ cho công tác tuyên truyền miệng ở cơ sở. Bên cạnh đó, còn tổ chức kết nối trực tuyến hội nghị báo cáo viên Trung ương đến các điểm cầu ở xã, phường, thị trấn, từ đó giúp cho lực lượng tuyên truyền viên được tiếp cận những thông tin có giá trị, có tính lý luận, khoa học, thực tiễn và những thông tin nội bộ quan trọng để phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền miệng ở cơ sở.

2.2. Một số tồn tại, khó khăn

Bên cạnh những kết quả tích cực, hoạt động của lực lượng Tuyên truyền viên tỉnh Nghệ An còn gặp những khó khăn, hạn chế.

Do lực lượng tuyên truyền viên được tổ chức ở cấp cơ sở, không có hệ thống dọc từ Trung ương, không có tổ chức chính thức (như báo cáo viên), mà chỉ hoạt động kiêm nhiệm (trừ một số tuyên truyền viên là cán bộ hưu trí, người có uy tín), do vậy, hoạt động của lực lượng tuyên truyền viên còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện công tác, sinh hoạt cũng như tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình và năng lực tuyên truyền của từng tuyên truyền viên.

Việc tổ chức hoạt động tuyên truyền chủ yếu tập trung vào các đợt cao điểm, các ngày lễ, kỷ niệm lớn, chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục. Nguyên nhân khách quan do đời sống kinh tế của đoàn viên, hội viên và nhân dân vẫn còn khó khăn nên việc tham gia sinh hoạt tại các chi, tổ hội đoàn thể chưa được duy trì đều đặn, mặt khác đối với đội ngũ tuyên truyền viên chưa thật sự chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền nên ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

Trong tuyên truyền miệng, đôi lúc thiếu tính thống nhất về nội dung cũng như chưa có nhiều cải tiến về hình thức. Nội dung tuyên truyền chưa đi vào chiều sâu và chưa thật sự gắn kết với thực tiễn đời sống, sinh hoạt của nhân dân ở địa bàn cơ

sở. Ở một số địa phương, hình thức tuyên truyền chưa phong phú và chưa sát hợp với nhu cầu của từng đối tượng. Tuyên truyền còn mang tính độc thoại, một chiều, chưa mạnh dạn sử dụng các phương pháp như đối thoại, trao đổi, thảo luận cũng như chưa kết hợp và sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại để phục vụ thiết thực cho công tác tuyên truyền. Đặc biệt do tính chất tuyên truyền miệng là thông qua sự giao tiếp trực tiếp với đối tượng nhưng do hạn chế về năng lực tuyên truyền, kỹ năng giao tiếp nên việc tiến hành tuyên truyền còn thiếu tính thuyết phục.

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ với đội ngũ báo cáo viên các cấp, từ đó tổ chức tuyên truyền chưa bám sát vào hướng dẫn và định hướng tuyên truyền của cơ quan chức năng. Bên cạnh đó, trong thời đại thông tin toàn cầu, ảnh hưởng sâu sắc đến nhu cầu và tiếp cận thông tin của người dân đặc biệt là trên các trang, mạng thông tin điện tử và mạng xã hội thì những nội dung thông tin tuyên truyền miệng thường chậm, chưa theo kịp yêu cầu tiếp nhận thông tin của nhân dân cho nên cũng góp phần làm giảm sự thu hút của tuyên truyền miệng.

Việc tiếp cận thông tin của lực lượng tuyên truyền viên còn hạn chế, bất cập. Thời gian gần đây, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ đã có bước cải tiến trong việc cung cấp thông tin cho lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở thông qua việc tổ chức kết nối các hội nghị báo cáo viên Trung ương trực tuyến đến tận xã, phường, thị trấn, Tuy nhiên việc tiếp cận thông tin qua hình thức này chưa nhiều, mặt khác do điều kiện công tác, sinh hoạt (vì lực lượng này chủ yếu là kiêm nhiệm và đa phần là các chức danh không chuyên trách ở cơ sở) nên còn hạn chế trong việc nghiên cứu, nắm bắt thông tin, trau dồi kiến thức, nghiệp vụ công tác.

Ngoài ra, một khó khăn nữa của lực lượng tuyên truyền viên cơ sở đó là khả năng vận dụng ngôn ngữ dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền nhất là ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi, từ đó cũng làm giảm hiệu quả tuyên truyền miệng cho đối tượng là người đồng bào dân tộc.

Dù còn nhiều khó khăn, hạn chế, nhưng nhìn chung đội ngũ báo cáo viên - tuyên truyền viên cơ sở đã thể hiện tính tích cực trong công tác tuyên truyền miệng, góp phần đưa tiếng nói của Đảng, Nhà nước đến với quần chúng nhân dân nhất là ở cơ sở.

3. Những giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng Tuyên truyền viên cơ sở

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và thiết bị đa phương tiện làm thay đổi hoàn toàn cách thức tiếp nhận thông tin của mọi đối tượng. Từ đó đặt ra vấn đề cần phải có cách tiếp cận cũng như đổi mới phương thức đối với công tác tuyên truyền nói chung, tuyên truyền miệng nói riêng.

Với đặc điểm là người sống và công tác ở địa bàn cơ sở, thường có mối quan hệ gần gũi, gắn với quần chúng - đây là lợi thế cơ bản trong việc tiến hành công tác tuyên truyền miệng thông qua sự tiếp xúc trực tiếp với đối tượng, vì thế tuyên truyền viên chính là lực lượng chủ yếu để tiến hành công tác tuyên truyền miệng ở cơ sở. Do vậy để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng tuyên truyền viên, cần phải chú trọng làm tốt các giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tập trung đổi mới hình thức tuyên truyền miệng phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn

Quan tâm và thường xuyên đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền theo hướng tiếp cận sát đối tượng để lựa chọn nội dung, hình thức tuyên truyền đáp ứng nhu cầu của đối tượng, nhất là đối với những đối tượng đặc thù như phụ nữ, thanh niên, công nhân, đồng bào dân tộc. Có thể vận dụng linh hoạt nhiều hình thức tuyên truyền như: thông báo nhanh, giới thiệu nghị quyết, chính sách, pháp luật, thông tin thời sự, báo cáo điển hình, gương người tốt việc tốt... Với đối tượng là đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân, cần hạn chế việc tổ chức các cuộc hội nghị, cuộc họp để tuyên truyền mà nên lồng ghép vào các buổi họp tổ dân phố và các buổi sinh hoạt cộng đồng dân cư với nội dung, thời lượng vừa phải; có thể tiến hành theo từng nhóm nhỏ, nhóm đối tượng riêng (như đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, nông dân, công nhân, doanh nhân...), vừa thuận tiện hơn trong việc tiếp cận và tương tác với người nghe, giúp cho người nghe dễ dàng tiếp thu và tiếp nhận thông tin, đồng thời giúp cho báo cáo viên có thể thu nhận thông tin phản hồi theo nhóm đối tượng để lựa chọn cách thức phù hợp làm tăng hiệu quả tuyên truyền.

Cần gắn kết chặt chẽ tuyên truyền vận động với đối thoại, giải đáp thắc mắc, nhất là đối với những vấn đề dư luận xã hội quan tâm và các vấn đề có liên quan thiết thân đến đời sống nhân dân. Hiện nay, với trình độ dân trí ngày một cao, dân chủ hoá các lĩnh vực đời sống xã hội ngày càng được coi trọng, vì vậy việc dân chủ hoá trong công tác tuyên truyền được coi là yêu cầu quan trọng, cấp bách để tăng cường tính thuyết phục, hiệu quả của tuyên truyền miệng.

Thứ hai, chú trọng việc lựa chọn đối tượng làm công tác tuyên truyền miệng

Nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên - tuyên truyền viên là một trong những yêu cầu cấp thiết hiện nay nhằm không ngừng đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả của tuyên truyền miệng. Do vậy, bên cạnh việc lựa chọn những người có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ học vấn và chuyên môn phù hợp, có trách nhiệm, nhiệt tình, có kinh nghiệm thực tiễn phong phú phụ trách tuyên truyền miệng, cũng cần thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, kỹ năng nghiệp vụ cho tuyên truyền viên cơ sở.

Một trong những đặc điểm và ưu thế của tuyên truyền miệng là sử dụng ngôn ngữ nói và cả yếu tố phi ngôn ngữ thông qua giao tiếp trực tiếp, giúp cho việc tuyên truyền có sự gần gũi cũng như dễ dàng nắm bắt tâm tư, tình cảm, nhu cầu của đối tượng, có thể lựa chọn những hình thức, phương pháp tuyên truyền phù hợp,mang lại hiệu quả cao trong tuyên truyền. Nhà tuyên truyền Xô-viết M. Ka-li-nin đã nói: *"ngôn ngữ đối với cán bộ tuyên truyền - cổ động: đó là tất cả"*. Vì vậy trong việc lựa chọn cũng cần chú ý đặc biệt đến năng lực (năng khiếu) tuyên truyền và kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ báo cáo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở.

Thứ ba, tăng cường sự phối hợp trong hoạt động của báo cáo viên và tuyên truyền viên

Phát huy vai trò, trách nhiệm của báo cáo viên cấp tỉnh và huyện trong việc kết nối, hỗ trợ cho hoạt động của lực lượng tuyên truyền viên cơ sở, nhất là đối với việc cung cấp những thông tin có tính chất nội bộ, chuyên gia, thông tin chuyên đề, cũng như vận dụng những kiến thức lý luận khoa học, pháp lý để vận dụng vào tuyên truyền, đối thoại, giải đáp thắc mắc liên quan đến những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

Có thể quy định mỗi báo cáo viên cấp tỉnh, huyện phụ trách chỉ đạo hoạt động của lực lượng tuyên truyền viên tại địa bàn cơ sở để đảm bảo tính định hướng, thống nhất trong tuyên truyền miệng...

Thứ tư, đảm bảo việc cung cấp và định hướng thông tin cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở

Thông tin là một trong những yếu tố hàng đầu giúp cho lực lượng tuyên truyền viên có được nguồn lực, tiền đề và cơ sở để tiến hành công tác tuyên truyền miệng. Thông tin của lực lượng tuyên truyền viên rất phong phú, đa dạng, ngoài các nội dung chủ yếu như: chủ trương, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước và của địa phương, đơn vị, còn bao gồm các kiến thức tự nhiên - xã hội, các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn cuộc sống - nắm được nguồn thông tin là yếu tố cốt lõi hàng đầu giúp làm tăng tính thu hút, hấp dẫn của tuyên truyền miệng. Do vậy, để lực lượng tuyên truyền viên vận dụng thực hiện tốt công tác tuyên truyền miệng, một mặt, Ban Tuyên giáo các cấp cần duy trì tốt chế độ hội nghị báo cáo viên định kỳ để triển khai nhiệm vụ, cung cấp và định hướng thông tin cho đội ngũ báo cáo viên - tuyên truyền viên ở cơ sở; tăng cường kết nối và trao đổi thông tin với đội ngũ báo cáo viên các cấp, ngoài ra, bản thân các tuyên truyền viên cũng cần phải có ý thức và thường xuyên nghiên cứu, nắm bắt thông tin - điều này giúp đa dạng hóa nguồn thông tin và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau góp phần thiết thực nâng cao chất lượng hoạt động.

Ngoài ra, khu vực miền núi Nghệ An với đặc thù là vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, do vậy hướng tới Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ sẽ nghiên cứu, biên dịch

tài liệu tuyên truyền sang tiếng dân tộc thiểu số để phục vụ cho cho công tác tuyên truyền miệng ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Thứ năm, nghiên cứu, sắp xếp kiện toàn lực lượng làm công tác tuyên truyền miệng

Từ thực tiễn cho thấy, đội ngũ làm công tác tuyên truyền miệng ở cơ sở hiện nay (bao gồm báo cáo viên và tuyên truyền viên) tuy đông nhưng chất lượng hoạt động không đồng đều, thiếu chủ động, mạnh dạn, hiệu quả tuyên truyền chưa cao. Do vậy, việc sắp xếp tinh gọn tổ chức cho sát hợp với thực tiễn yêu cầu vừa tạo thuận lợi trong quản lý, hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động, vừa tạo cơ sở để tuyển chọn những người thực sự có trình độ, năng lực, nhiệt tình và có khả năng tuyên truyền tham gia lực lượng này.

Trước hết, cần thống nhất một chức danh là báo cáo viên hoặc tuyên truyền viên ở cơ sở nhằm tạo sự đồng bộ trong chỉ đạo tổ chức hoạt động (hiện nay vừa là báo cáo viên, vừa là tuyên truyền viên, với chế độ chính sách khác nhau, trong đó báo cáo viên ở một số địa phương cơ sở có chế độ phụ cấp, còn tuyên truyền viên thì không được hưởng phụ cấp). Đồng thời cần sớm xây dựng các chính sách mới phù hợp để động viên những cán bộ, giáo viên hưu trí, cựu chiến binh, người có uy tín, có kinh nghiệm, nhiệt tình trong công tác xã hội tham gia vào lực lượng cũng như có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ thoả đáng đối với lực lượng làm công tác tuyên truyền miệng ở cơ sở.

Trước những diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường của tình hình thế giới, đã tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống xã hội, trước hết là trên lĩnh vực tư tưởng, bên cạnh đó, một trong những khó khăn thách thức hiện nay đó là sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng ngày càng gay go, phức tạp và quyết liệt. Trong điều kiện đó, để giữ vững trận địa an ninh tư tưởng, đòi hỏi chúng ta phải không ngừng phát huy vai trò của các bộ phận tuyên truyền, trong đó tuyên truyền miệng thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là lực lượng giữ vai trò nòng cốt, chủ lực - chủ thể tiến hành tuyên truyền miệng đặc biệt là ở địa bàn cơ sở, phải luôn xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình, không ngừng rèn luyện nâng cao phẩm chất, năng lực nhằm đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới.

KẾT LUẬN

Có thể khẳng định rằng, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là một trong những lực lượng nòng cốt trên mặt trận tư tưởng, chính trị. Trong thời đại mạng xã hội, truyền thông đa phương tiện phát triển đã và đang đặt ra yêu cầu mới đối với công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên, đòi hỏi công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên cần phát huy ưu thế, thực sự nhanh nhạy,

sắc bén, hiệu quả trong cung cấp thông tin, định hướng dư luận và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái. Đồng thời từng bước nâng cao nhận thức, cảnh giác của nhân dân đối với những quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch nhằm mục đích phá hoại công cuộc xây dựng đất nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Bí thư (1977), *Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 3/8/1977 về việc tổ chức đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên của Đảng.*

[2] Ban Bí thư (2010), *Quyết định số 340-QĐ/TW ngày 03/12/2010 về việc ban hành Quy chế cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền miệng của Đảng.*

[3]. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (6/2022), *Tổng hợp đội ngũ Báo cáo viên*.

[4]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2011), *Quyết định số 518-QĐ/BTGTW ngày 10/11/2011 về việc ban hành Quy chế hoạt động báo cáo viên của Đảng.*

[5]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2019), *Bồi dưỡng nghiệp vụ và cập nhật kiến thức cho đảng viên và cán bộ làm công tác tuyên giáo ở cơ sở,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Hà Thị Bình Hòa (2012), *Tâm lý học tuyên truyền*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG HIỆN NAY

ThS NGUYỄN THỊ LINH GIANG[1]

Tóm tắt:

Đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận là nhiệm vụ quan trọng của đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị; khắc phục những nhận thức mơ hồ, lệch lạc, sai lầm về tư tưởng. Hiện nay, cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận ở nước ta tiếp tục diễn ra gay gắt, quyết liệt, phức tạp và để bảo vệ nền tảng tư tưởng, quan điểm, chủ trương của Đảng đòi hỏi phải thực hiện nhiều nội dung, biện pháp khác nhau, trong đó việc phát huy vai trò của giảng viên giảng dạy lý luận chính trị có vai trò rất quan trọng.

Từ khóa: bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giảng viên, lý luận chính trị.

MỞ ĐẦU

Đảng ta ngay từ khi mới thành lập và trong quá trình lãnh đạo cách mạng luôn quan tâm đến việc bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Vì vậy, đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận của Đảng là tập trung làm sáng tỏ và sâu sắc bản chất cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định tính tất yếu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống những luận điệu sai trái, thù địch.

1 Trường Chính trị tỉnh Quảng Bình

Hiện nay, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Internet, mạng xã hội và một số vấn đề nảy sinh từ mặt trái của nền kinh tế thị trường; một số yếu kém trong điều hành, quản lý của Nhà nước; tình trạng ô nhiễm môi trường và các vụ việc phức tạp liên quan đến vấn đề dân chủ, nhân quyền, tín ngưỡng, tôn giáo,... các thế lực thù địch tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta với nhiều phương thức, thủ đoạn mới. Chúng xuyên tạc lịch sử, xét lại, phủ nhận những thành tựu lãnh đạo của Đảng; triệt để lợi dụng những hạn chế, sai sót trong công tác lãnh đạo, quản lý để xuyên tạc, thổi phồng khuyết điểm, quy chụp về bản chất của Đảng, của Nhà nước, chế độ; tăng cường tuyên truyền những quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc hòng phá hoại nền tảng tư tưởng, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; dùng nhiều thủ đoạn làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân mất phương hướng về chính trị, tư tưởng, thúc đẩy nhanh quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ nhằm thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ" nhất là thời điểm hiện nay.

Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị khoá XII ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW "Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới". Trong đó, chúng ta cần bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Đồng thời với quá trình ấy là đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Để giữ vững nền tảng tư tưởng, cả hệ thống chính trị thường xuyên, tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương, Nghị quyết của Đảng, huy động sức mạnh tổng hợp của cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, trong đó có hệ thống các trường chính trị. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa sống còn, vừa mang tính trước mắt, thường xuyên, vừa mang tính chiến lược, lâu dài của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị phải là lực lượng nòng cốt, tiên phong, gương mẫu đi đầu trong mặt trận khó khăn, phức tạp này.

NỘI DUNG

Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội, chống đối chính trị sử dụng mọi hình thức, biện pháp khác nhau để trực tiếp hoặc gián tiếp phủ nhận chủ nghĩa

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm lãnh đạo của Đảng Cộng sản và định hướng xã hội chủ nghĩa. Các thế lực phản động ca ngợi, sùng bái nền dân chủ tư sản, thổi phồng những thành tựu của chủ nghĩa tư bản và chủ trương đi theo con đường chủ nghĩa tư bản. Vì vậy, giảng viên ngoài việc tuyên truyền lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiên định đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam còn có nhiệm vụ định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân để họ có được những nhận thức đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc về nền tảng tư tưởng của Đảng. Khi được trang bị đầy đủ những kiến thức cơ bản, từ nhận thức đúng sẽ dẫn đến hành động đúng, không những biết cách bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng mà cán bộ, đảng viên và nhân dân còn biết đấu tranh, phản bác chống lại các luận điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch là bảo vệ tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng; bảo vệ Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Đây là cuộc đấu tranh rất phức tạp, khó khăn, đòi hỏi phải thực hiện thường xuyên, liên tục, quyết liệt, triệt để. Vì vậy, trong giảng dạy, giảng viên phải tuyên truyền những giá trị chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thành tựu của công cuộc đổi mới để nâng cao nhận thức cho học viên và khả năng nhận diện những thủ đoạn chống phá, đồng thời đề ra những biện pháp đấu tranh, ngăn chặn.

Đấu tranh bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin là một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp. Trong cuộc đấu tranh đó, đòi hỏi sự tham gia của mọi lực lượng, mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức, đoàn thể, là nghĩa vụ và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị ở nước ta, trong đó có vai trò rất quan trọng của đội ngũ giảng viên Trường Chính trị các tỉnh, thành phố. Để đấu tranh có hiệu quả với những quan điểm, tư tưởng chống phá Đảng ta hiện nay, đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị cần nhận thức và thực hiện tốt những vấn đề sau:

Thứ nhất, tích cực, chủ động nhằm phát hiện sớm, nhận diện đúng tư tưởng, quan điểm, hoạt động chống phá Đảng của các thế lực phản động, thù địch

Phát hiện sớm, nhận diện đúng tư tưởng, quan điểm, hoạt động chống phá Đảng ta của các thế lực phản động, thù địch là nhiệm vụ quan trọng và thực sự khó khăn, phức tạp, vì các thế lực phản động, thù địch đã móc nối, lôi kéo, kích động, xúi giục, mua chuộc được một số ít cán bộ, đảng viên, những phần tử cơ hội, bất mãn trong nội bộ ta, những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Giảng viên cần phải "tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch".

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có ý nghĩa nền tảng cơ bản, không chỉ giúp chúng ta có nhãn quan chính trị nhạy bén, sắc sảo, tư duy lôgíc, biện chứng; có luận cứ khoa học, lập luận chặt chẽ, sắc bén và thuyết phục để đấu tranh, phản bác có hiệu quả với những quan điểm, tư tưởng phủ nhận, xuyên tạc của các thế lực phản động, thù địch, mà còn giúp chúng ta phân biệt rõ sự khác nhau giữa tư tưởng chống phá, xuyên tạc với ý kiến đóng góp tâm huyết, bổ sung, bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của những người mácxít chân chính; phân biệt rõ sự khác nhau giữa tư tưởng phản động với những sai lầm, lệch lạc do trình độ nhận thức, không bị mơ hồ, mất cảnh giác hoặc quy kết sai lầm về đối tượng. Để thực hiện điều đó, đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị cần phải không ngừng nâng cao hệ thống tri thức toàn diện và sự giác ngộ sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng.

Thứ ba, có thái độ dứt khoát, lập trường kiên định, kiên quyết và tư duy sắc bén trong đấu tranh với những quan điểm, tư tưởng, hoạt động chống phá

Đây là vấn đề hết sức quan trọng thể hiện rõ quan điểm, lập trường của những người mácxít chân chính trong đấu tranh chống các thế lực phản động, thù địch, để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm lãnh đạo của Đảng. Dũng khí đấu tranh tư tưởng, lý luận cũng chính là một trong những phẩm chất quan trọng, nhân tố cơ bản bảo đảm cho đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực đấu tranh tư tưởng, lý luận. Đấu tranh với tư tưởng, quan điểm của các thế lực phản động, thù địch chống phá Đảng ta là cuộc đấu tranh trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng và lý luận; cuộc đấu trí rất căng thẳng, lâu dài và phức tạp; thực chất là cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực ý thức hệ. Trong quá trình đấu tranh, phải luôn tỏ rõ bản lĩnh và trí tuệ của người cộng sản chân chính, với tư duy sắc bén, lập luận khoa học, chặt chẽ, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục đối với các quan điểm, tư tưởng, hoạt động chống phá của các thế lực phản động, thù địch. Qua đó, không những chỉ ra các điều phi lý, tư duy siêu hình, lập luận phi lôgíc, viện dẫn thiếu chứng cứ, phi khoa học của chúng, mà còn vạch trần bộ mặt thật của những kẻ phản động, cơ hội, bất mãn chống phá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm lãnh đạo của Đảng hiện nay.

Thứ tư, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị

Để thực hiện việc đấu tranh có hiệu quả với những quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch chống phá Đảng ta hiện nay, cần chú trọng nâng cao chất lượng giảng

viên lý luận chính trị, nhất là nâng cao bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp, tư tưởng đạo đức; tập trung đổi mới công tác đào tạo, tự đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn giảng viên lý luận chính trị theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá; đẩy mạnh đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo động lực khuyến khích giảng viên lý luận chính trị không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp; phát huy và nâng cao tính tích cực, tính tự giác của giảng viên lý luận chính trị trong nâng cao năng lực chuyên môn, rèn luyện nhân cách. Cập nhật kịp thời, đầy đủ các quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn; tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Những chính sách và nghị quyết của Đảng đều vì lợi ích của nhân dân. Vì vậy, đạo đức cách mạng của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng, làm gương mẫu cho quần chúng. Mọi đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng; phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân" [7, tr. 607].

Thứ năm, không ngừng rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức cách mạng của người giảng viên lý luận chính trị

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành nhiều thời gian và công sức quan tâm chăm lo rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên. Một yếu tố cốt lõi, theo Người là mỗi cán bộ, đảng viên phải có đạo đức cách mạng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đạo đức cách mạng có thể nói tóm tắt là: Nhận rõ phải, trái. Giữ vững lập trường. Tận trung với nước. Tận hiếu với dân. Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng, hay là không" [6, tr. 354], "là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân". Đạo đức cách mạng đòi hỏi phải ra sức thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của nhân dân, của tập thể, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, giữ vững kỷ luật của Đảng. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, các thế lực thù địch đang ra sức chống phá cách mạng nước ta với những luận điệu sai trái, thù địch nhằm phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, đã làm cho một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên dao động, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, với những biểu hiện về sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, sa vào chủ nghĩa cá nhân, chạy theo danh lợi, tiền tài, địa vị, tham ô, tham nhũng, mưu cầu lợi ích nhóm...; một số cán bộ, đảng viên bị các thế lực thù địch lôi kéo tham gia vào các hoạt động chống phá Đảng, chống phá Nhà nước. Trước thực tế đó, là người tham gia vào công tác truyền bá nền tảng tư tưởng của Đảng, đòi hỏi giảng viên các Trường Chính trị phải luôn kiên định, giữ vững lập trường chính

trị tư tưởng, đạo đức cách mạng, không dao động trước khó khăn, thách thức. Mỗi giảng viên phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; cống hiến, tâm huyết, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân.

Thứ sáu, cập nhật, nghiên cứu, phân tích các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn của đất nước, địa phương; tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XIII, Đảng ta đã chỉ rõ nhiệm vụ, giải pháp: "Tăng cường đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của nghiên cứu, học tập lý luận chính trị, đề cao trách nhiệm tự học, tự nghiên cứu của cá nhân; xây dựng chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị định kỳ, thường xuyên đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý". Từ đây, đòi hỏi giảng viên lý luận chính trị phải tăng cường phát huy vai trò, trách nhiệm trong giảng dạy lý luận chính trị, không ngừng nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn; tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và hội nhập quốc tế, qua đó tạo ra những bài giảng hay, lôi cuốn; giúp cán bộ, đảng viên nhận thức rõ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị; khơi dậy tính chủ động, tích cực tham gia học tập lý luận chính trị, khắc phục tình trạng lười học, ngại học, học qua loa, chiếu lệ trong cán bộ, đảng viên hiện nay.

Tóm lại, giảng viên lý luận chính trị cần xây dựng ý chí quyết tâm, động cơ, thái độ, trách nhiệm trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; không hoang mang, dao động trước mọi luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam; kết hợp giữa bồi dưỡng nâng cao nhận thức với thường xuyên rèn luyện bản lĩnh, ý chí, kỹ năng đấu tranh với các quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch; thường xuyên làm tốt việc bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng đấu tranh tư tưởng, lý luận và khuyến khích giảng viên lý luận chính trị vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức đấu tranh tư tưởng, lý luận; nắm vững những quan điểm chỉ đạo của Đảng về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, phải xem đây là trách nhiệm của giảng viên giảng dạy lý luận chính trị trong bối cảnh hiện nay.

KẾT LUẬN

Để góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới khi giảng dạy lý luận chính trị cần

phải nắm vững quan điểm có tính nguyên tắc, mang ý nghĩa sống còn của Đảng ta, đó là: kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bám sát tổng kết thực tiễn những thành quả về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Trên cơ sở đó, công tác bảo vệ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, ngăn chặn và đẩy lùi các âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, phản động, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội sẽ được thực hiện triệt để, hiệu quả.

Như vậy, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ quan trọng của hệ thống chính trị, cán bộ đảng viên và nhân dân. Đây là công cuộc lâu dài, phức tạp, đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải phát huy vai trò, trách nhiệm trong mọi hoàn cảnh, trong công việc và cuộc sống. Với lợi thế trong thực hiện nhiệm vụ, giảng viên trường chính trị có điều kiện tuyên truyền Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các đối tượng học viên. Cũng trong quá trình ấy, giảng viên có điều kiện chia sẻ quan điểm, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch đến học viên. Vì vậy, nếu làm tốt chức trách, nhiệm vụ được phân công, mỗi giảng viên trường chính trị sẽ là một chiến sĩ tích cực trên mặt trận tư tưởng, góp phần vào thắng lợi của công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.*

[2]. Chính phủ (2005), *Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 01/3/2005 Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), *Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về chính trị trong Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC - TỪ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN ĐẾN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS PHAN THỊ HỒNG DUYÊN - ThS PHAN THỊ THU NHÀI[1]

Tóm tắt:

Kiểm soát quyền lực là vấn đề trọng tâm trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Vì vậy, việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bài viết trình bày khái quát quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về kiểm soát quyền lực nhà nước và sự vận dụng, phát triển vào thực tiễn xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam.

Từ khóa: *kiểm soát quyền lực, quyền lực, quyền lực nhà nước*

MỞ ĐẦU

Nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, do vậy, với mục tiêu xóa bỏ xã hội áp bức, bóc lột, bất công, để xây dựng một xã hội tốt đẹp cho con người, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã bàn và phân tích chỉ rõ về vấn đề quyền lực, nhất là vấn đề kiểm soát quyền lực. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay thực tiễn Việt Nam và thế giới đã và đang có nhiều biến đổi sâu sắc trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, việc nghiên cứu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề quyền lực, kiểm soát quyền lực cần có quan điểm biện chứng để bổ sung, phát triển và vận dụng sáng tạo phù hợp với ở nước ta.

1 Trường Đại học Hoa Lư - Ninh Bình

NỘI DUNG

1. Quyền lực và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về kiểm soát quyền lực

1.1. Khái quát chung về quyền lực và kiểm soát quyền lực

Quyền lực là một phạm trù được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau và đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về quyền lực. Theo Từ điển Tiếng Việt, "Quyền lực là quyền định đoạt mọi công việc quan trọng về mặt chính trị và sức mạnh để bảo đảm việc thực hiện quyền lực ấy" [14, tr.815]. Tác giả Nguyễn Khắc Viện cho rằng, "Quyền lực là năng lực được một người, hay nhóm người sử dụng để buộc những cá nhân hay những nhóm người khác phải có một hành vi nhất định" [12, tr.105]. Tác giả Lưu Văn Sùng quan niệm, "quyền lực là mối quan hệ giữa các chủ thể hành động của đời sống xã hội, trong đó chủ thể này có thể chi phối hoặc buộc chủ thể khác phải phục tùng ý chí của mình nhờ có sức mạnh, vị thế nào đó trong quan hệ xã hội" [13, tr.236].

Như vậy, đã có các quan niệm khác nhau về quyền lực, song theo nghĩa chung nhất, quyền lực là năng lực, khả năng của một tổ chức hay cá nhân tác động đến hành động, hành vi của người khác, buộc họ phải thực hiện ý chí của mình thông qua các phương thức, phương tiện như quyền hành, cơ chế, chính sách, thể chế để một sự việc phải xảy ra hoặc một hành động phải được thực hiện.

Trong xã hội hiện đại, xuất phát từ yêu cầu cần có sự phối hợp các hoạt động mang tính liên hợp, nên quyền lực là của một tập hợp người cố kết lại với nhau trong một bộ máy quản lý trên cơ sở ủy quyền. Đó là quyền lực lãnh đạo, quản lý, quyền lực chủ thể quản lý với đối tượng quản lý nhằm phối hợp hành động của các cá nhân trong xã hội hướng đến thực hiện thành công mục tiêu chung. Khi một quốc gia, dân tộc hoạt động ổn định và dựa trên điều kiện lịch sử cụ thể, thì bộ máy quản lý nhà nước và cơ cấu phân chia quyền lực giữa các chức vụ, chức danh và vị trí việc làm trong bộ máy quản lý nhà nước được định hình. Mỗi chức vụ, chức danh, vị trí công tác trong bộ máy quản lý được phân chia một phạm vi quyền lực nhất định và giao cho một cá nhân cụ thể đảm nhiệm. Điều đó dẫn đến cần phải thiết lập cơ chế kiểm soát hữu hiệu để người có quyền lực sử dụng một cách đúng đắn.

Kiểm soát quyền lực là khả năng phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế các hành vi vượt quá giới hạn được ủy quyền của các chủ thể nắm quyền lực, buộc những người này phải thực hiện đúng mục đích mà chủ thể trao quyền đặt ra bằng các công cụ, thể chế hay cơ chế nhất định.

1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền lực và kiểm soát quyền lực

Thứ nhất, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền lực

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, quyền lực là mối quan hệ xã hội, trong đó, cá nhân hay nhóm người này chi phối hành vi của cá nhân,

nhóm người kia theo cách áp đặt, buộc họ phải phục tùng. Có hai loại quyền lực cần được phân biệt rõ: *Một là*, quyền lực chính trị là quyền lực do chính đảng của giai cấp công nhân nắm quyền lực nhà nước đề ra chủ trương, đường lối phát triển đất nước. Giai cấp này nắm được quyền lực nhà nước, bởi vì nó đại biểu cho quan hệ sản xuất thống trị. *Hai là*, quyền lực nhà nước là quyền lực công được các giai cấp trong xã hội chấp nhận dưới hình thức niềm tin tôn giáo hoặc ý thức về luật pháp; quyền lực trong các tổ chức kinh tế, xã hội khi mọi người cần phải hành động chung và phối hợp với nhau. Khi xã hội không còn giai cấp đối kháng, thì quyền lực của giai cấp thống trị sẽ mất đi. Ngược lại, khi nhà nước trong xã hội không còn phân chia thành các giai cấp đối kháng có tiêu vong, thì quyền lực trong tổ chức, quản lý xã hội sẽ không mất đi.

Bản chất quyền lực nhà nước, theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đó là sự thống trị giai cấp. Trong xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng, nhà nước là bộ máy quyền lực mà giai cấp thống trị sử dụng để buộc giai cấp bị trị phải tuân thủ ý chí của giai cấp mình. Điều đó, thể hiện ở việc duy trì quan hệ sản xuất có lợi cho giai cấp thống trị và sử dụng quyền lực nhà nước để xây dựng trật tự xã hội phù hợp với quan hệ sản xuất đó; đấu tranh giai cấp chính là đấu tranh giành quyền lực, tức là giành quyền điều hành nhà nước. Trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định, trong xã hội có giai cấp, đấu tranh giai cấp là tất yếu khách quan và điều đó đã, đang được chứng minh bằng toàn bộ lịch sử phát triển tiến hóa của nhân loại. Quá trình này không phụ thuộc vào việc người ta có quan niệm như thế nào về nó. "Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp..., những kẻ áp bức và những người bị áp bức, luôn luôn đối kháng với nhau, đã tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng, lúc công khai, lúc ngấm ngầm, một cuộc đấu tranh bao giờ cũng kết thúc hoặc bằng một cuộc cải tạo cách mạng toàn bộ xã hội, hoặc bằng sự diệt vong của hai giai cấp đấu tranh với nhau" [11, tr.596-597]. Khi đi sâu phân tích về quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước ở các nước tư bản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen đã phát hiện những bất hợp lý trong tổ chức xã hội, trong sử dụng quyền lực và kiểm soát quyền lực của xã hội tư bản, từ đó, phát hiện và chỉ dẫn những định hướng chiến lược cho các Đảng Cộng sản trong lãnh đạo quần chúng làm cách mạng xây dựng một xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa, với giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về kiểm soát quyền lực

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, việc kiểm soát quyền lực nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm phòng, chống sự lạm dụng quyền lực nhà nước và tính năng động, sáng tạo, linh hoạt, mềm dẻo cần phải có để tiến hành các công việc nhà nước. Trong quá trình lãnh đạo trong nhà nước Xô viết, V.

I.Lênin đã thấy rõ thực tiễn nguy cơ tha hóa quyền lực nhà nước và ngay cả trong thời kỳ xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa. Quản lý nhà nước là do nhân dân ủy quyền, song những người được ủy quyền vẫn có nguy cơ chiếm quyền, lạm quyền, lộng quyền, không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, bộ máy nhà nước trở thành thiết chế đứng ngoài và đứng trên nhân dân. Điều đó, bởi vì, chủ nghĩa tư bản, sở hữu tư nhân và những nhu cầu tư lợi cá nhân vẫn tồn tại; trình độ dân trí thấp, chưa đủ sức kiểm soát quyền lực nhà nước. "... trong các tổ chức chính trị và công đoàn của chúng ta, viên chức bị hủ hóa (hay nói cho đúng hơn, có xu hướng bị hủ hóa) bởi hoàn cảnh tư bản chủ nghĩa; họ có xu hướng biến thành những người quan liêu, nghĩa là thành những nhân vật có đặc quyền, thoát ly quần chúng và *đứng trên* quần chúng" [7, tr.141]. Do vậy, để hạn chế sự tha hóa quyền lực của viên chức nhà nước, bảo đảm cho quyền lực nhà nước được thực hiện có hiệu quả cần phải thiết lập được cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

Về cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài bộ máy nhà nước: Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh đến việc nhân dân tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước, phát huy dân chủ rộng rãi, lôi cuốn nhân dân tham gia vào các công việc của Đảng, của Nhà nước. Đây là cơ chế hữu hiệu để bảo đảm cho các cơ quan nhà nước hoạt động thực sự vì lợi ích và ý chí của người chủ mà họ được ủy quyền. Sau khi được ủy quyền cho cơ quan nhà nước, thì người dân vẫn phải có quyền kiểm soát bộ máy nhà nước đó, để không bị mất quyền, lạm quyền. Nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực nhà nước, trước hết, phải có quyền lựa chọn người đại diện thực sự xứng đáng để họ tin cậy ủy quyền cho mình "Quần chúng phải có quyền được tự mình cử ra những người lãnh đạo có trách nhiệm... Quần chúng phải có quyền được đề bạt trong nội bộ của họ bất kỳ một công nhân nào lên phụ trách chức vụ lãnh đạo" [8, tr.192]. Tuy nhiên, quyền bầu cử lựa chọn những người đại diện cho nhân dân chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn quyền đó với quyền bãi miễn những đại biểu mà họ thấy không còn xứng đáng, không còn là đại diện thực sự cho lợi ích và nguyện vọng của họ nữa.

Để nhân dân có thể thực hiện quyền bầu cử và bãi miễn những đại biểu của mình, thì vấn đề quan trọng là nhân dân phải kiểm soát được hoạt động của những người đại diện cho mình. "Quần chúng phải có quyền được thay đổi những người lãnh đạo của mình, phải có quyền được hiểu rõ và kiểm tra mỗi bước nhỏ nhất trong hoạt động của những người đó" [8, tr.192]. Theo V.I.Lênin để kiểm soát được hoạt động của cán bộ, công chức nhà nước, cần phải thành lập những cơ quan chuyên trách về thanh tra để theo dõi, giám sát hoạt động của họ. Những cơ quan thanh tra này có thể là tổ chức thanh tra của quần chúng "Thu hút *toàn bộ* quần chúng lao động, nam giới và *đặc biệt là phụ nữ*, để họ tham gia vào Ban Thanh tra công nông" [9, tr.74]. Đồng thời, các cơ quan thanh tra của nhà nước cũng cần có sự

tham gia, phối hợp của nhân dân và cần phải thường xuyên tiếp dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phải xây dựng "quy chế về ngày giờ mở cửa tiếp công chúng cần phải được yết thị ở từng cơ quan"; phải làm sao để người dân được tạo thuận lợi, dễ dàng trong việc giám sát các đảng viên, các cơ quan công quyền một cách "tự do, không cần có giấy phép" và "không mất tiền". Thậm chí, để nhân dân đề đạt được những ý kiến, kiến nghị của mình tới các cơ quan cấp trên, thì các cơ quan tư pháp, kiểm tra nhà nước có thể hỗ trợ nhân dân bằng cách viết đơn hộ không lấy tiền cho những người không biết chữ...

Về việc kiểm soát quản lý nhà nước trong nội bộ, giữa các nhánh quản lý nhà nước với nhau: Các cơ quan tư pháp được quyền kiểm soát hoạt động ban hành các đạo luật, nghị quyết, quyết định hành chính của các cơ quan dân cử (Quốc hội, hội đồng nhân dân ở địa phương) và cơ quan hành pháp. "Ủy viên công tố chịu trách nhiệm làm sao cho bất cứ quyết định nào của bất cứ một cơ quan hành chính địa phương nào cũng không được đi ngược lại pháp luật, và chỉ có trên quan điểm đó, ủy viên công tố mới có trách nhiệm kháng nghị đối với mọi quyết định ngược với pháp luật; nhưng làm như thế, ủy viên công tố không có quyền đình chỉ việc thi hành quyết định, mà chỉ có trách nhiệm dùng những biện pháp cần thiết để làm cho sự nhận thức về pháp chế được hoàn toàn nhất trí trong toàn nước cộng hòa" [10, tr.233-234]. Thông qua cơ chế này, cơ quan công tố có thẩm quyền kiểm tra, giám sát hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định hành chính của các cơ quan nhà nước khác, bao gồm cả cơ quan thuộc nhánh lập pháp và hành pháp. Đây chính là cơ chế kiểm soát quyền lực của nhánh tư pháp đối với lập pháp và hành pháp.

Ở đây, V.I.Lênin đưa ra định hướng là giữa các cơ quan nhà nước cần có sự kiểm soát quyền lực lẫn nhau. Song, mới chỉ nói đến cơ quan tư pháp kiểm soát hoạt động của cơ quan hành pháp, lập pháp, ngược lại, cơ chế kiểm soát của cơ quan lập pháp và hành pháp đối với cơ quan tư pháp thì chưa được nêu ra cụ thể.

Theo V.I.Lênin điều kiện để đảm bảo tính hiệu lực trong kiểm soát quyền lực nhà nước là phải đảm bảo tính độc lập, đủ quyền lực của các chủ thể kiểm soát đối với các đối tượng kiểm soát. Để đảm bảo tính độc lập đó, trước hết, phải có sự phân công quyền lực, giao nhiệm vụ một cách độc lập, rõ ràng giữa các cơ quan nhà nước. Nếu cơ quan tư pháp lại thực hiện những nhiệm vụ hành chính, thì không thể kiểm soát các cơ quan hành chính được. "Viện kiểm sát, trong khi làm công việc kiểm sát của mình, không có bất cứ một quyền hành chính nào, nó không có quyền biểu quyết trong bất cứ một vấn đề nào thuộc phạm vi hành chính. Ủy viên công tố có quyền và có bổn phận chỉ làm một công việc mà thôi, tức là: làm thế nào cho trong toàn nước cộng hòa có một sự nhận thức thật sự nhất trí về pháp chế dù là ở các địa phương có những đặc điểm và có những ảnh hưởng thế nào chăng nữa"

[10, tr.232-233]. Để đảm bảo tính độc lập của chủ thể kiểm soát với đối tượng kiểm soát, thì phải tránh sự kiêm nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức. Bởi vì, nếu đại biểu trong cơ quan lập pháp lại kiêm nhiệm các chức vụ trong cơ quan hành pháp, tư pháp thì cũng rất khó để cơ quan lập pháp có thể kiểm soát hoạt động của cơ quan hành pháp, tư pháp. Thực tế, "Kỳ họp của Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga đã cho thấy rõ sự sai lầm trong việc xếp đặt thành phần của Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga. Đại đa số các ủy viên của Ban chấp hành trung ương đều là những người giữ chức vụ" [10, tr.238]; cần phải tăng đại biểu chuyên trách, những người không giữ bất cứ chức vụ nào trong cơ quan nhà nước tham gia vào các Xô-viết, cơ quan lập pháp. "Thừa nhận là cần phải đảm bảo ít nhất 60% thành viên của Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga là công nhân và nông dân, những người này không giữ một chức vụ nào trong cơ quan Xô-viết toàn Nga; ít nhất 67% thành viên của Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga phải là đảng viên cộng sản" [10, tr.238]. Có đảm bảo được tính độc lập này mới đảm bảo được tính khách quan và hiệu quả trong hoạt động của các chủ thể kiểm soát quyền lực trong bộ máy nhà nước.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền lực và kiểm soát quyền lực vào thực tiễn Việt Nam

Thứ nhất, xác định tầm quan trọng cần phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

Việc kiểm soát quyền lực trước hết là để bảo đảm cho quyền lực luôn thuộc về nhân dân, được sử dụng đúng mục đích, không bị lợi dụng, lạm quyền. Bởi vậy, ngay từ khi mới thành lập và trong giai đoạn hoạt động bí mật, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề cao quan điểm quyền lực thuộc về đông đảo nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trong *Chánh cương vắn tắt* thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (tháng 02 năm 1930) đã nêu rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là: "đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập, dựng ra chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông..." [6, tr.19]. Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú khởi thảo năm 1930 cũng nêu rõ: Mục tiêu của "tư sản dân quyền cách mạng thì một mặt là phải đấu tranh để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bổn và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập... Và điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường lối chính trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng... Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin là gốc..." [6, tr.28-29]. Báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam* tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2 năm 1951) một lần nữa khẳng

định: "Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược, đánh đổ bọn bù nhìn Việt gian phản nước, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất...; phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Động lực của cách mạng Việt Nam là nhân dân, chủ yếu là công nông. Giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân" [6, t r.53-54]. Trong đó, liên minh công nông được xác định là nền tảng đoàn kết dân tộc, chỗ dựa và sức mạnh của quyền lực nhà nước. Như vậy, ngay từ đầu, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ cơ chế thực thi quyền lực là Đảng lãnh đạo, Nhà nước đại diện cho nhân dân lao động giữ quyền quản lý đất nước.

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước mới có điều kiện thiết lập từng bước thể chế thực thi quyền lực dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tại Đại hội VI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định "Chúng ta đã xác định mối quan hệ *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý* thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội" [2, tr.443]. "Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động" [1, tr.29]. Đến Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) xác định mối quan hệ giữa "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" là một trong số những mối quan hệ lớn cần phải nắm vững và giải quyết trong quá trình thực hiện phương hướng xây dựng và phát triển đất nước. Việc giải quyết mối quan hệ này, thực chất cũng là thực hiện cơ chế tổng thể về quản lý xã hội, giám sát quyền lực chính trị, nhằm mục đích bảo đảm sự phát triển bền vững của chế độ xã hội.

Đại hội lần thứ XI của Đảng đã xác định rõ nhiệm vụ cấp thiết phải xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: "Nghiên cứu xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để đảm bảo nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hành quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp" [3, tr.247]. Quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay thực chất cũng là quá trình hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, nhất là kiểm soát giữa các nhánh quyền lực. Đại hội XII của Đảng tiếp tục "Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất" [4, tr.176]. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, Đảng và Nhà nước ta phải đối mặt với nhiều khó

khăn, thách thức, nhất là nạn tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp; các hiện tượng lộng quyền, lạm quyền, vi phạm quyền dân chủ, chạy theo lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm; "Cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ. Hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn..." [5, tr.89]. Điều đó khẳng định yêu cầu bức thiết của việc hoàn thiện nhằm đảm bảo vận hành hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước để khắc phục và hạn chế tối đa những biểu hiện tiêu cực trong xã hội.

Thứ hai, vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên ngoài và bên trong bộ máy nhà nước.

Một là, đối với cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài bộ máy nhà nước.

Nhận thức và tư duy của Đảng thời kỳ đổi mới đã đặt cơ sở lý luận cho việc hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên ngoài - kiểm soát của nhân dân đối với việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước. Cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài bộ máy nhà nước được thể hiện ở việc ghi nhận quyền bầu cử và bãi miễn của nhân dân đối với các đại biểu của mình. Đây là một trong những quyền cơ bản của công dân nhằm phát huy dân chủ và đảm bảo sự kiểm soát quyền lực của nhân dân đối với việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước. Song, thực tế ở nước ta mới chỉ có quyền bầu cử của nhân dân được đảm bảo thực hiện, còn quyền bãi miễn của nhân dân vẫn chưa được bảo đảm thực hiện, bởi vì, những quy trình để thực hiện quyền này ở nước ta vẫn còn khá nhiều phức tạp.

Việc vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền kiểm tra hoạt động của cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước thông qua các cơ quan thanh tra của nhân dân hoặc tham gia phối hợp với các cơ quan nhà nước vào thực tiễn cho thấy, ở nước ta đã có thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư ở cộng đồng.... Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả cơ chế kiểm soát này, thì cần phải đa dạng hóa các biện pháp, hình thức kiểm soát của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước như: Thông qua quyền bầu cử, quyền bãi miễn đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, hoặc đến các phòng tiếp công dân, gửi đến các kiến nghị đến chính cơ quan nơi cán bộ công tác, khiếu kiện lên cơ quan tư pháp để họ tham gia khi có dấu hiệu vi phạm, thông qua các tổ chức báo chí.... Trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước bên ngoài, chủ nghĩa Mác - Lênin chủ yếu nhấn mạnh đến chủ thể thực hiện quyền này là nhân dân. Do vậy, ở nước ta cần tiếp tục có sự bổ sung, phát triển về cơ chế kiểm soát của các chủ thể bên ngoài đối với quyền lực nhà nước là Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội.

Hai là, đối với cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong bộ máy nhà nước.

Những quan điểm, định hướng về kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước ở nước ta trong thời gian qua đã thể hiện rõ sự vận dụng, phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều đó, được thể hiện ở nước ta đã quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp trong bộ máy nhà nước. Xác định rõ cơ chế kiểm soát, chế ước lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực trong quá trình tổ chức, thực thi quyền lực nhà nước. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát của Quốc hội đối với hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, nhất là với Chính phủ; thiết lập cơ chế kiểm soát của cơ quan hành pháp đối với các cơ quan lập pháp và cơ quan tư pháp; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp. Viện Kiểm sát nhân dân đã thực hiện khá tốt việc kiểm soát thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp bộ và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, đến Hiến pháp 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001 thì Viện Kiểm sát không còn thẩm quyền kiểm soát chung nữa. Đặc biệt, theo quy định của Hiến pháp năm 2013, quyền tư pháp được xác định là quyền xét xử do Tòa án nhân dân thực hiện thì vai trò kiểm soát quyền lực của tư pháp đối với các cơ quan nhà nước khác chủ yếu thuộc về Tòa án nhân dân. Do vậy, hiện nay vẫn chưa có cơ chế nào thể hiện vai trò của Viện Kiểm sát nhân dân trong việc kiểm soát quyền lập pháp và hành pháp. Đồng thời, đối với vai trò kiểm soát quyền lực của cơ quan hành pháp đối với quyền lực lập pháp và tư pháp cũng chưa có những định hướng cụ thể. Đến nay, nước ta vẫn chưa xây dựng được cơ chế để đảm bảo kiểm soát quyền lực của cơ quan hành pháp đối với quyền lập pháp và tư pháp. Ngoài quyền đề xuất, xây dựng và trình chính sách đối với Quốc hội, thể chế pháp lý chưa có quy định nào cho thấy sự tác động trở lại của Chính phủ đối với Quốc hội. Do vậy, đây là những vấn đề lớn đặt ra về mặt lý luận và thực tiễn cần tiếp tục nghiên cứu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin để có sự bổ sung, vận dụng cho phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở nước ta cũng có nhiều điểm vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chẳng hạn, đối với vai trò kiểm soát của cơ quan lập pháp đối với quyền lực hành pháp và quyền tư pháp, mặc dù chưa được đề cập và bàn luận chi tiết, song nước ta cũng đã xây dựng được những cơ chế cụ thể về kiểm soát này thông qua những hình thức giám sát của cơ quan quyền lực (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp) đối với cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp và thông qua cơ chế lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những chức danh trong bộ máy hành pháp và tư pháp do Quốc hội và Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Cơ chế kiểm soát này vẫn đang vận hành trong thực tiễn, vì vậy cần phải tiếp tục được nghiên cứu để đổi mới, hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn để nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực của cơ quan lập pháp đối với quyền hành pháp và tư pháp.

Thứ ba, vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về điều kiện để đảm bảo tính hiệu lực trong kiểm soát quyền lực nhà nước.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, yêu cầu, điều kiện để đảm bảo tính hiệu lực trong kiểm soát quản lý nhà nước, đó là, đảm bảo tính độc lập, đủ quyền lực của các chủ thể kiểm soát đối với các đối tượng kiểm soát. Vì vậy, trước hết, phải hạn chế việc các đại biểu thực hiện nhiệm vụ trong cơ quan lập pháp lại kiêm nhiệm các chức vụ trong cơ quan hành pháp, tư pháp. Tuy nhiên, trong thực tiễn tổ chức bộ máy nhà nước ở nước ta chưa thực sự đảm bảo được yêu cầu này. Thực tế, cơ cấu đại biểu trong các cơ quan dân cử ở nước ta cho thấy, tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách còn ít, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân làm việc trong các cơ quan hành pháp, tư pháp còn nhiều tạo ra tâm lý nể nang, né tránh trong hoạt động kiểm soát quyền lực. Số đông đại biểu kiêm nhiệm các chức vụ trong bộ máy hành chính nhà nước dẫn tới sự chồng chéo, thiếu khách quan và độc lập trong kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước.

Có thể nói, những yêu cầu, điều kiện đảm bảo tính hiệu lực của kiểm soát quyền lực nhà nước là đảm bảo tính độc lập giữa chủ thể và đối tượng kiểm soát quyền lực nhà nước mà chủ nghĩa Mác - Lênin đưa ra là rất đúng đắn. Tuy nhiên, việc vận dụng vào thực tiễn ở nước ta hiện nay vẫn cần tiếp tục có sự bổ sung, phát triển cho phù hợp.

KẾT LUẬN

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề cập tới những vấn đề khái quát và toàn diện về kiểm soát quyền lực nhà nước; tầm quan trọng của việc kiểm soát quyền lực nhà nước; cơ chế, điều kiện đảm bảo tính hiệu lực kiểm soát quyền lực nà nước. Điều đó, hiện nay vẫn là những định hướng có giá trị quan trọng đối với việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về kiểm soát quyền lực cần có sự kế thừa có chọn lọc, để bổ sung, phát triển cho phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội.

[6]. Lê Mậu Hãn (2000), *Các đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Tập 33, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8]. V.I.Lênin (2005), Toàn tập, Tập 36, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[9]. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Tập 40, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[10]. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Tập 45, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[11]. C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[12]. Dương Xuân Ngọc (chủ biên) (1999), *Chính trị học đại cương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[13]. Viện Khoa học chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Tập bài giảng Chính trị học*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[14]. Viện ngôn ngữ học, Hoàng Phê (Chủ biên) (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng.

VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA NGƯỜI ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY

PGS. TS TRẦN ĐĂNG SINH[1] - Đại tá NGUYỄN QUỐC HUY[2]

Tóm tắt:

Chính trị học là khoa học về quyền lực chính trị. Cũng như các môn khoa học khác, Chính trị học có đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu riêng. Để có thể nâng cao chất lượng dạy học Chính trị học cần thiết phải làm rõ các thuật ngữ chuyên ngành. Bài viết làm sáng tỏ các khái niệm cơ bản của Chính trị học là Văn hóa chính trị và các yếu tố cấu thành của Văn hóa chính trị với tư cách là một chỉnh thể; làm rõ các yếu tố cấu thành của tri thức chính trị - nhân tố quan trọng của văn hóa chính trị trong mỗi người Đảng viên ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *Chính trị học, đảng viên, tri thức chính trị, văn hóa chính trị*

MỞ ĐẦU

Khoa học chính trị nghiên cứu mối quan hệ giữa các giai cấp, các lực lượng chính trị trong xã hội mà vấn đề cơ bản là vấn đề giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước, các hoạt động của bộ máy nhà nước. Khoa học chính trị bao giờ cũng được giai cấp nắm quyền thống trị xã hội đề cao bởi nó trực tiếp phục vụ cho việc nắm và phát huy vai trò thống trị xã hội theo lý tưởng, mục đích của giai cấp thống trị. Đảng chính trị của giai cấp cầm quyền thông qua cương lĩnh, đường lối của mình, bằng các biện pháp khác nhau để thực hiện mục tiêu chính trị của mình. Để có thể giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị một cách hiệu quả thì nhà cầm quyền cần có văn hóa chính trị. Văn hóa chính trị lại chịu sự quy định của tri thức chính trị. Tri thức chính trị xét về mặt chỉnh thể lại được tạo bởi nhiều yếu tố. Cần thiết phải làm rõ các yếu tố cấu thành của tri thức chính trị - nhân tố quan trọng của văn hóa chính trị trong mỗi người Đảng viên ở Việt Nam hiện nay.

1 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2 Đảng ủy Công an Trung ương

NỘI DUNG

1. Khái niệm Văn hóa chính trị

Văn hóa là một khái niệm mà tùy cách tiếp cận, mục đích nghiên cứu khác nhau mà có cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên có thể hiểu một cách khái quát: Văn hóa là những sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị do con người sáng tạo ra và đáp ứng nhu cầu chính đáng của con người trong lịch sử xã hội. Văn hóa chứa đựng giá trị nhân loại là Chân, Thiện, Mỹ. Văn hóa là tất cả những gì đối lập với "vô văn hóa".

Có hai loại hình văn hóa chung nhất là văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Nếu xem văn hóa trong mối quan hệ với các sinh hoạt của con người thì có văn hóa trang phục, văn hóa ứng xử, văn hóa ẩm thực.... Nếu xem văn hóa trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội thì có văn hóa đạo đức, văn hóa thẩm mỹ, văn hóa tôn giáo, văn hóa chính trị,...

Văn hóa chính trị là một hình thức văn hóa, khác với các hình thức văn hóa khác ở chỗ, nó là văn hóa của nhà cầm quyền trong xã hội có giai cấp, văn hóa của người và tổ chức có quyền lực chính trị trong một thể chế chính trị nhất định. Thể chế chính trị trong xã hội có giai cấp có thể hiểu là thể chế nhà nước, là sự thể hiện rõ bản chất nhà nước theo hướng quân chủ hay dân chủ.

Văn hóa chính trị gắn liền với quyền lực chính trị của đảng chính trị, người cầm quyền trong hệ thống chính quyền Nhà nước. Văn hóa chính trị là văn hóa trong lĩnh vực chính trị. Văn hóa chính trị là biểu hiện bản lĩnh chính trị của cá nhân, tổ chức có và đang thi hành quyền lực chính trị.

2. Các yếu tố cấu thành văn hóa chính trị

Văn hóa chính trị nếu được xem như một chỉnh thể được tạo thành bởi các yếu tố cơ bản là: *tri thức chính trị, ý thức chính trị, năng lực hành động chính trị và kinh nghiệm chính trị* [1, tr. 55].

Tri thức chính trị được coi là hạt nhân của văn hóa chính trị, là sự hiểu biết chính trị của người nắm quyền lực chính trị. Tri thức chính trị là một bộ phận của tri thức nói chung. Nó giống với các hình thức tri thức khác ở chỗ là sự hiểu biết của con người, được tích lũy và phát triển trong lịch sử xã hội, đáp ứng nhu cầu đời sống xã hội của con người. Tri thức chính trị khác với các loại hình tri thức khác ở chỗ, nó là tri thức trong lĩnh vực chính trị, thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp lợi ích kinh tế và các lợi ích khác của người nắm quyền lực chính trị. Người nắm quyền lực chính trị có thể là cá nhân, tổ chức, đảng phái, hệ thống chính trị.

Tri thức chính trị của người nắm quyền lực chính trị là sự hiểu biết một cách có hệ thống và sâu sắc các quy luật của xã hội, đủ khả năng cắt nghĩa và tìm được những câu trả lời đúng trước những biến động phức tạp của đời sống xã hội, hiểu và vận dụng những nguyên lý, quy luật của lịch sử xã hội. Để có tri thức chính trị,

trước hết cần phải có vốn hiểu biết về lịch sử xã hội, về văn hóa, triết học, tâm lý, địa lý, lịch sử, tôn giáo, phong tục, tập quán, lối sống... của con người, cộng đồng người trong quan hệ chính trị.

Trong lịch sử xã hội chiếm hữu nô lệ và xã hội phong kiến ở phương Đông cũng như phương Tây, người ta đã rất chú trọng việc dạy học các môn lịch sử, văn chương, võ nghệ, thuật trị quốc... cho con, cháu dòng dõi vua, quan ngay từ nhỏ.

Ở Trung quốc thời Xuân Thu - Chiến quốc, để có thể ra làm quan, học sinh phải học "lục nghệ" (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số). Ở Hy Lạp thời cổ đại, Platon cho rằng, thông thái là tiêu chuẩn không thể thiếu của nhà cầm quyền. Thông thường, vua, hoàng đế trong xã hội cổ đại thường sử dụng "quân sư" để tham vấn cách giải quyết các vấn đề nảy sinh trong việc trị nước.

Ở Việt Nam, trong xã hội phong kiến, các hoàng tử thường được dạy về đạo làm người, đường lối trị nước, học thuật, thế, pháp, nghệ thuật sử dụng người hiền tài. Các đề tài trong các khóa thi tiến sĩ đều gắn liền với văn hóa, đạo đức, chính trị, kinh tế của quốc gia dân tộc. Những người đỗ đạt cao, có hiểu biết rộng thường được bổ nhiệm các chức quan trong bộ máy chính quyền.

Tri thức chính trị, xét về mặt cấu trúc, được tạo thành bởi hai yếu tố là tri thức kinh nghiệm và tri thức lý luận.

Tri thức kinh nghiệm chính trị được hình thành trong hoạt động thực tiễn chính trị. Những người hoạt động chính trị thường có nhiều kinh nghiệm chính trị và do đó, có năng lực hoạt động chính trị. Để có tri thức kinh nghiệm chính trị cần phải tắm mình trong các hoạt động chính trị, các phong trào chính trị, đảm trách các chức vụ từ nhỏ đến lớn trong hệ thống chính trị, các tổ chức đảng chính trị.

Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Do vậy, trong các tiêu chí cần để cất nhắc, bổ nhiệm cán bộ trong hệ thống chính trị thì chứng chỉ lý luận chính trị là một tiêu chí cứng. Đội ngũ cán bộ nguồn học trong hệ thống trường Chính trị của Đảng được học các môn Lý luận chính trị như: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thực tế cho thấy, hệ tư tưởng giữ vai trò thống trị xã hội bao giờ cũng là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội thông qua quyền lực chính trị của mình. Song quyền lực chính trị về bản chất là sự phản ánh và chịu sự quy định của quyền lực kinh tế. Giai cấp nào nắm quyền thống trị về kinh tế đồng thời cũng là giai cấp thống trị về chính trị. V.I.Lênin cho rằng, chính trị là sự tập trung của kinh tế. Kinh tế ở đây thực chất là lợi ích kinh tế của con người dưới dạng là một cá nhân, hoặc một cộng đồng (tập thể, giai cấp, dân tộc, nhân loại...). Mọi vấn đề chính trị của một

giai cấp, của một thời đại suy cho cùng đều phản ánh lợi ích kinh tế và chịu sự quy định của tất yếu kinh tế. Một nền chính trị ổn định, vững mạnh là điều kiện đảm bảo cho nền kinh tế phát triển. Kinh tế phát triển lại là nền tảng của một nền chính trị ổn định, vững mạnh. Thực tế đã chứng minh rằng, lợi ích kinh tế được biểu hiện thông qua quan điểm chính trị thông qua lăng kính giai cấp, không có văn hóa chính trị nào lại không mang tính chính trị. Tất nhiên, văn hóa chính trị phản ánh quan điểm, tư tưởng chính trị của những người hoạt động chính trị.

Trong xã hội ta hiện nay, đường lối chính trị do Đảng lãnh đạo có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của dân tộc, của đất nước. Đảng đặc biệt quan tâm tới khoa học chính trị Mác - Lênin, bởi nhờ nó Đảng mới có nhận thức đầy đủ về những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, định ra đường lối, chủ trương đúng đắn để đưa đất nước, dân tộc trên con đường hội nhập và phát triển. Mục đích chính trị của Đảng là: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Thực hiện đường lối chính trị của Đảng vừa là nghĩa vụ vừa là trách nhiệm và quyền lợi của mỗi công dân Việt Nam trong đó giữ vai trò nòng cốt là đội ngũ đảng viên - bộ phận ưu tú nhất của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cách mạng. Người đảng viên hơn lúc nào hết, để hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình phải ra sức học tập Lý luận chính trị, bồi dưỡng và phát triển văn hóa chính trị.

Để có văn hóa chính trị, không những chỉ có tri thức chính trị mà còn phải có *ý thức chính trị*. Ý thức chính trị được tạo thành bởi tình cảm chính trị và quan điểm, tư tưởng chính trị.

Tình cảm chính trị trước hết là cảm xúc, niềm tin chính trị. Cảm xúc chính trị là yếu tố tâm lý đặc biệt trước những sự kiện chính trị diễn ra trong đời sống xã hội. Xúc cảm chính trị của người đảng viên hiện nay được biểu lộ bằng thái độ yêu mến, lòng tự hào về truyền thống cách mạng vẻ vang của dân tộc, của Đảng, ý chí quyết tâm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bằng thái độ kiên quyết đấu tranh phản bác những luận điểm sai trái của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước.

Tình cảm chính trị còn được thể hiện cụ thể bằng việc ham học hỏi các môn khoa học chính trị để không ngừng nâng cao năng lực lý luận chính trị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay.

Tình cảm chính trị là cơ sở hình thành và phát triển niềm tin chính trị. *Niềm tin chính trị* được biểu hiện ở sự tuyệt đối trung thành với Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; quyết tâm và kiên định con đường cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam đã chọn. Phẩm chất chính trị của người đảng viên được biểu hiện

tập trung nhất ở lòng yêu nước, lòng trung thành, niềm tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Hiện nay có rất nhiều quan điểm sai trái nhằm làm lung lay niềm nin của quần chúng vào Đảng. Có quan điểm do không phân biệt được Cương lĩnh chính trị của tổ chức Đảng với việc một số đảng viên suy thoái đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đã cho rằng, Đảng không đủ tư cách đại diện cho giai cấp, dân tộc để đưa đất nước hội nhập và phát triển trong điều kiện hiện nay. Rằng, thực tiễn Chủ nghĩa xã hội đã suy thoái, khủng hoảng và tan rã do đó, lý luận về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không còn đúng nữa, cần phải tìm con đường khác phù hợp hơn để phát triển đất nước... Trước những luận điểm ấy, người đảng viên, không chỉ cần có trình độ lý luận chính trị vững vàng, nhãn quan chính trị sáng suốt mà còn phải có kinh nghiệm chính trị, tin tưởng và kiên định lập trường chính trị. Trong xã hội hiện nay, có những người đã rời bỏ lập trường chính trị đúng đắn do mình đã chọn trước đây, "tự giác" quay lưng lại với lịch sử, với cách mạng, ra sức bôi nhọ, bóp méo sự thật lịch sử cách mạng, đứng vào hàng ngũ những kẻ chống đối lại chế độ do Đảng lãnh đạo, đi ngược lại với lợi ích dân tộc.

Quan điểm, tư tưởng chính trị là một yếu tố của tri thức chính trị, là tri thức chính trị ở cấp độ lý luận.

Quan điểm chính trị là sự thể hiện rõ thái độ chính trị của người đảng viên trước sự vận động của đời sống chính trị, là kết quả của nhận thức chính trị đúng hay sai, tích cực hay tiêu cực, tiến bộ hay phản động... thông qua các luận điểm, nhận định, đánh giá trên lập trường chính trị rõ ràng.

Tư tưởng chính trị là hệ thống các quan điểm chính trị được trình bày có hệ thống, lô gic, là sự thể hiện trình độ lý luận chính trị trong thực hiện các hoạt động chính trị. Tư tưởng chính trị đúng là ánh sáng soi đường cho hành động chính trị đúng. Hiện nay, "Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta" [2, tr.108] được xem là một trong bốn nguy cơ dẫn đến sự tồn vong của chế độ thì việc xác định rõ và kiên định tư tưởng, lập trường chính trị là điều hết sức cần thiết.

Để có văn hóa chính trị, người đảng viên cần phải có năng lực hành động chính trị.

Năng lực hành động chính trị là một hình thức năng lực đặc biệt, là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Năng lực hành động chính trị được hình thành và phát triển trong thực tiễn hoạt động chính trị. Để có năng lực hành động chính trị, trước hết và đương nhiên cần có năng lực lý luận chính trị. Đảng chủ trương: "Tiếp tục đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại; đưa việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược đi vào nền nếp, nhất quán từ trung ương đến cơ sở, phù hợp với từng đối tượng, chú trọng chất lượng, hiệu quả, siết chặt kỷ luật, kỷ cương" [3, tr.182-183]. Song yếu tố trực tiếp cho sự hình thành và phát triển năng lực hành động chính trị là năng lực tổ chức thực tiễn các hoạt động chính trị. Kết quả hoạt động thực tiễn chính trị là thước đo để đánh giá năng lực hành động chính trị của con người chính trị. Đảng đã có Nghị quyết số 26 - NQ/TW, ngày 19 - 5 - 2018, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, "Về tập trung xây dựng đội ngũ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ" trong đó đòi hỏi cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành, nhất là cán bộ cấp chiến lược. Vì "thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý", do vậy, để có thể đánh giá năng lực hành động chính trị của người đảng viên cần phải không chỉ căn cứ vào lời nói, bằng cấp, chứng chỉ... mà còn phải căn cứ vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị, hiệu quả của công tác tổ chức vận động quần chúng, sự gương mẫu của đảng viên trong đời sống hàng ngày, sự tín nhiệm của quần chúng. Hồ Chí Minh cho rằng: "năng lực của người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có mà một phần lớn do công tác, do luyện tập mà có" [4, tr.320].

Do vậy, người đảng viên hiện nay, để có thể hoàn thành tốt chức trách và nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần phải chú ý nâng cao cả năng lực lý luận chính trị và năng lực hành động chính trị. Người đảng viên "nói được, làm được" thì dân mới tin, mới kính, mới quý và tin theo.

Tri thức kinh nghiệm chính trị là một yếu tố cấu thành của tri thức chính trị. Tri thức kinh nghiệm chính trị là sự phản ánh trực tiếp đời sống chính trị, được hình thành trong thực tiễn chính trị. Những bài học về "thắng, thua" trong hoạt động chính trị tạo thành tri thức kinh nghiệm chính trị. Tri thức kinh nghiệm chính trị thường có ở những đảng viên có tuổi đảng cao. Đảng viên trẻ thường có nhiệt huyết, quyết tâm, mạnh dạn trong thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên có ít kinh nghiệm chính trị nên trong hoạt động không phải lúc nào cũng thành công là vì thế. Các đảng viên lão thành hiện nay tuy sức khỏe có hạn chế song là tài sản vô giá để lớp đảng viên trẻ học hỏi, trau dồi và phát triển tri thức chính trị.

KẾT LUẬN

Văn hóa không chỉ là mục đích mà còn là nền tảng của đời sống xã hội, là nguồn lực của sự phát triển. Văn hóa chính trị là cái cốt lõi của nền chính trị ổn định. Văn hóa chính trị trong mỗi đảng viên - đội ngũ tiên phong của giai cấp công

nhân, nông dân và trí thức cách mạng hiện nay lại được hình thành và phát triển trên cơ sở của tri thức chính trị. Không có tri thức chính trị thì không có văn hóa chính trị. Các yếu tố cấu thành tri thức chính trị có vị trí và vai trò khác nhau song không thể thiếu trong mỗi đảng viên. Cần thấy rõ mỗi yếu tố của tri thức chính trị, trên cơ sở đó hình thành và phát triển văn hóa chính trị của mỗi đảng viên trong điều kiện hiện nay. Đảng viên có tri thức chính trị là điều kiện tiên quyết để có thể hoàn thành chức trách, nhiệm vụ do Đảng giao phó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Trọng Chuẩn (2020), "Chính trị dựa trên nền tảng văn hóa - cái gốc tạo nên sức mạnh cho đảng cầm quyền", *Tạp chí Cộng sản*, số 934, tr. 55 - 60.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn *kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

VỀ NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ TRONG XÂY DỰNG CHÍNH ĐẢNG KIỂU MỚI CỦA V.I.LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS NGUYỄN VĂN TRUNG[1]

Tóm tắt:

Trên cơ sở quan điểm của V.I.Lênin về nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng chính đảng kiểu mới - chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân, bài viết tập trung làm rõ sự vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quá trình xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đến nay.

Từ khóa: *Đảng Cộng sản, Điều lệ Đảng, V.I.Lênin, nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng Đảng*

MỞ ĐẦU

Kế thừa và phát triển tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen về tính tất yếu sự ra đời chính đảng, là sản phẩm tự nhiên của cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp, V.I.Lênin bổ sung, phát triển và xây dựng trên thực tiễn chính đảng kiểu mới - Đảng Bônsêvích Nga (chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân). Một trong những nguyên tắc quan trọng mà V.I.Lênin nhấn mạnh trong xây dựng chính đảng kiểu mới là "tập trung dân chủ". V.I. Lênin khẳng định, đây là nguyên tắc tổ chức duy nhất đúng của đảng vô sản kiểu mới, là nguyên tắc phân biệt chính đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân với các đảng phái khác.

Vận dụng sáng tạo lý luận của V.I.Lênin trong công tác xây dựng Đảng, kể từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn thực hiện đầy đủ nguyên tắc đó trong tổ chức và hoạt động của Đảng. Đây là tiền đề tạo nên sự lớn mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng trong hơn 92 năm qua.

1 Trường Đại học Vinh

NỘI DUNG

1. Quan điểm của V.I.Lênin về nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng chính đảng kiểu mới

Tại Hội nghị thứ nhất Đảng Bônsêvich (12/1905), nguyên tắc tập trung dân chủ được V.I.Lênin nêu ra và lần đầu áp dụng. Nghị quyết của Hội nghị đã nêu rõ: Nguyên tắc chế độ tập trung dân chủ không có gì phải tranh cãi [3]. Đến tháng 4/1906, theo đề nghị của V.I.Lênin, Đại hội đại biểu thống nhất lần thứ IV Đảng Bônsêvich thông qua Điều lệ tổ chức, trong đó Điều 2 quy định: Mọi tổ chức của Đảng đều được xây dựng trên nguyên tắc tập trung dân chủ. Đây là lần đầu tiên nguyên tắc tập trung dân chủ được xác định trong Điều lệ Đảng [3] và coi đây là "...một nhiệm vụ quan trọng, nghiêm túc và vô cùng trọng đại..." [12, tr.77]. Theo V.I.Lênin nguyên tắc đó gồm 10 nội dung chủ yếu sau:

1) Tổ chức cơ sở đảng trở thành hạt nhân tổ chức cơ bản của Đảng;

2) Tất cả các cơ quan cấp trên đều thực sự được bầu ra, có trách nhiệm báo cáo công tác và có thể bị bãi miễn;

3) Tổ chức đảng là tổ chức của những công nhân dân chủ - xã hội giác ngộ và sinh hoạt độc lập;

4) Phải thực hiện bằng được chế độ tự trị của mọi tổ chức đảng;

5) Cần xóa bỏ và xóa bỏ bằng được sự tranh giành địa bàn, sự lo sợ "phái" khác;

6) Thống nhất về tổ chức, đồng thời có sự đấu tranh thuần túy về tư tưởng giữa các trào lưu tư tưởng dân chủ - xã hội khác nhau trong nội bộ các tổ chức đảng;

7) Xác định rõ rệt nguyên nhân tranh luận giữa các trào lưu tư tưởng trong đảng là điều kiện cần thiết để phát triển đảng một cách lành mạnh, để giáo dục giai cấp công nhân và tránh được sự sai lầm về đường lối;

8) Trong sinh hoạt tư tưởng, phải chỉ ra vấn đề nào là đã thống nhất, vấn đề nào còn bất đồng và còn bất đồng đến mức nào. Bỏ thói quen sinh hoạt theo lối tiểu tổ cũ (tức là thích kêu gào, thích buộc tội mà không phân tích một cách thực sự cầu thị những ý kiến bất đồng);

9) Cung cấp cho đảng viên đầy đủ tài liệu về sinh hoạt của đảng, để đảng viên có thể độc lập nghiên cứu những sự bất đồng trong quá trình ra các nghị quyết của đảng;

10) Thảo luận hết sức rộng rãi những quyết định của đại hội đảng, đảng viên phải có thái độ hoàn toàn tự giác và có tính chất phê phán đối với những nghị quyết của đảng. Thông qua thảo luận, báo chí, sinh hoạt ở tiểu tổ...tạo điều kiện cho đảng viên và các tổ chức công nhân hiểu mọi tình hình và nói lên sự đồng tình hay phản đối của mình đối với vấn đề này hay vấn đề kia. Tự do thảo luận, thống nhất hành động. Trong một đảng thống nhất, cuộc đấu tranh tư tưởng không được chia rẽ về tổ chức, không được phá hoại sự thống nhất hành động của giai cấp vô sản" [15].

Nội hàm của nguyên tắc tập trung dân chủ về cơ bản, tương đồng với nguyên tắc "dân chủ" trong khoa học chính trị hiện đại. Có điều, nguyên tắc này, trong lúc coi tính dân chủ như là một nguyên tắc, người sáng tạo ra nó - V.I.Lênin, đã chú ý đến vấn đề "tập trung" - tính thống nhất, tính tổ chức và tính nguyên tắc...

Thống nhất giữa hai mặt tập trung và dân chủ là vấn đề có tính nguyên tắc, trong các điều kiện khác nhau sẽ được vận dụng khác nhau, mặc dù vậy chỉ nên hiểu rằng đây là một nguyên tắc - nguyên tắc tập trung có tính dân chủ. Không thể có tập trung mà không có dân chủ, không qua dân chủ, không bằng các cách thức dân chủ. Nói cách khác, đây là nguyên tắc "dân chủ được tập trung lại".

Lý giải nguyên nhân cần thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng *trước hết, xuất phát từ bản chất và yêu cầu, nhiệm vụ lịch sử của Đảng Cộng sản.* Bởi Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất của giai cấp công nhân, là đội ngũ có tổ chức chặt chẽ nhất, giác ngộ nhất của giai cấp công nhân. Đảng chỉ kết nạp vào trong đội ngũ của mình những người ưu tú, tiên tiến, giác ngộ nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Hơn nữa, nguyên tắc này có tác dụng quan trọng đối với việc nâng cao tính tích cực và sáng kiến của đảng viên trong cuộc đấu tranh cách mạng vì sự nghiệp của Đảng, để các quyết định của Đảng trở thành sản phẩm trí tuệ tập thể của tất cả các đảng viên và của các cơ quan lãnh đạo của Đảng, làm tăng thêm tính kỷ luật, tính tự giác vô sản của Đảng. V.I.Lênin viết: "...chế độ tập trung dân chủ, một mặt, thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và, mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ" [13, tr.185]; "Không có gì sai lầm bằng việc lẫn lộn chế độ tập trung dân chủ với chủ nghĩa quan liêu và với lối rập khuôn máy móc" [13, tr.186].

2. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quá trình xây dựng tổ chức Đảng

Trong hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã kết luận: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Từ những năm 20 của thế kỷ XX, khi trả lời câu hỏi: Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Người khẳng định: "Trước hết phải có Đảng cách mệnh" [14, tr.289]. Người nhận thức rõ rằng: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin" [14, tr.289] và "Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin" [14, tr.304]. Với những nhận thức đúng đắn như trên, để chuẩn bị cho việc thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc và những đồng chí của mình tích cực truyền bá lý luận cách mạng vô sản vào Việt Nam. Bằng nỗ lực hoạt động của Người, mùa Xuân 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Ngay tại Hội nghị thành lập Đảng, đã thông qua

Điều lệ của Đảng, quy định "bất cứ về vấn đề nào đảng viên đều phải hết sức thảo luận và phát biểu ý kiến, khi đa số đã nghị quyết thì tất cả đảng viên phải phục tùng mà thi hành" [7, tr.9]. **Tháng 10/1930, Hội nghị BCH Trung ương Đảng đã thông qua Điều lệ Đảng và quy định:** "Đảng Cộng sản Đông Dương cũng như các chi bộ của Quốc tế Cộng sản phải tổ chức theo lối dân chủ tập trung" [7, tr.119]. Và giải thích rõ nội dung của nguyên tắc ấy là:

a) Đảng bộ hạ cấp cho đến thượng cấp do các đảng bộ hội nghị và Đảng Đại hội cử ra.

b) Các Đảng bộ mỗi cấp cử ủy viên thì phải báo cáo lên thượng cấp.

c) Đảng bộ hạ cấp nhất định phải thừa nhận nghị quyết của thượng cấp, phải giữ kỷ luật đảng phải chấp hành các nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và các cơ quan chỉ huy của Đảng một cách thiết thực và mau mắn.

d) Cơ quan chỉ huy một địa phương tức là thượng cấp các bộ phận trong địa phương ấy.

đ) Các đảng viên đối với các vấn đề trong Đảng chỉ có quyền thảo luận trong đảng bộ mình khi vấn đề ấy chưa có nghị quyết ra. Các nghị quyết của Quốc tế Đại hội, hoặc Đảng Đại hội, hoặc của các cơ quan chỉ huy thì các đảng bộ phải nhất định chấp hành, dầu có một bộ phận đảng viên hoặc mấy địa phương đảng bộ không đồng ý với nghị quyết ấy cũng cứ phải chấp hành" [7, tr.119-120]. Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội I đến Đại hội XI đều giải thích rõ nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng.

Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội I của Đảng đã quy định "Nguyên tắc tổ chức của Đảng là dân chủ tập trung" [8, tr.117]. Điều lệ Đảng tại **Đại hội II (2/1951), đã ghi:** "Đảng Lao động Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung và có kỷ luật rất nghiêm, kỷ luật tự giác. Dân chủ và kỷ luật của Đảng là cốt để giữ cho Đảng được thống nhất tư tưởng và hành động để tẩy trừ những khuynh hướng cơ hội, bè phái ra khỏi Đảng. Đảng dùng phương pháp phê bình và tự phê bình một cách thường xuyên để sửa chữa những sai lầm khuyết điểm của mình và luôn luôn tiến bộ" [9, tr.445].

Điều lệ Đảng tại Đại hội III (1960) đã ghi: "Đảng Lao động Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có kỷ luật rất nghiêm minh. Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức căn bản của Đảng. Nội dung của nó là tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ dưới sự lãnh đạo tập trung. Mục đích của nó một mặt là phát huy và nâng cao tính tích cực cách mạng, tính sáng tạo của đông đảo đảng viên và các tổ chức của Đảng, mặt khác là bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động và gìn giữ kỷ luật của Đảng. Đảng phải luôn luôn nắm vững lãnh đạo tập thể là nguyên tắc lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng thời kết hợp với phân công phụ trách. Đảng

chống mọi hiện tượng phân tán, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật cũng như chống mọi hiện tượng tập trung quan liêu, sự vụ, gia trưởng, độc đoán, coi thường tập thể, coi thường cấp dưới" [10, tr.781].

Việc sửa cụm từ "Dân chủ tập trung" ghi trong Điều lệ Đại hội II thành "Tập trung dân chủ" ở Đại hội lần thứ III không phải là một sự thay đổi về nội dung mà thuật ngữ này được sử dụng để viết cho đúng với ngữ pháp của tiếng Việt thay cách viết của Hán ngữ. Việc sửa đổi này không có liên quan đến nội dung, bởi vì Đảng Cộng sản là một tổ chức chặt chẽ, một tổ chức thống nhất với kỷ luật nghiêm minh dựa trên một nền dân chủ được quy định ở nhiều điều, nhiều chương, trong đó có quy định quyền của đảng viên và của các tổ chức đảng. So với Điều lệ được thông qua ở Đại hội lần thứ II, phần này của Điều lệ có bổ sung một nguyên tắc khác: "Đảng phải luôn luôn nắm vững lãnh đạo tập thể là nguyên tắc lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng thời kết hợp với phân công phụ trách. Đảng chống mọi hiện tượng phân tán, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, tự do vô kỷ luật cũng như chống mọi hiện tượng tập trung quan liêu, sự vụ, gia trưởng, độc đoán, coi thường tập thể, coi thường cấp dưới" [10, tr.781]. Sự bổ sung này nhằm làm cho đảng viên nắm được toàn diện những nguyên tắc về tổ chức; mặt khác là nhằm bảo đảm sự thống nhất của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Một điểm mới có ý nghĩa lý luận và thực tiễn là Đảng ta đã đổi nguyên tắc "phê bình và tự phê bình" thành nguyên tắc "tự phê bình và phê bình": "Đảng Lao động Việt Nam lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển của Đảng. Đảng luôn luôn khuyến khích và mở rộng tự phê bình và phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên, và cấm ngặt những hành động trấn áp phê bình. Đảng đấu tranh không điều hoà chống mọi biểu hiện khuynh hữu hoặc khuynh "tả", chống mọi biểu hiện của những tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, phong kiến và tư tưởng không vô sản khác. Đảng yêu cầu mỗi đảng viên phải xác định nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Đảng khuyến khích và hoan nghênh việc quần chúng nhân dân phê bình công việc, cán bộ, đảng viên của Đảng và thành khẩn tiếp thu sự phê bình đúng đắn của quần chúng" [10, tr.781-782.]. Điều lệ Đảng lần này còn bổ sung và nhấn mạnh: "Đảng rất coi trọng việc tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ đảng vì đó là sinh mệnh của Đảng. Đảng kiên quyết chống lại mọi hiện tượng chia rẽ, bè phái trong Đảng. Mỗi đảng viên phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như "giữ gìn con ngươi của mắt". Sự đoàn kết nhất trí đó phải dựa trên những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối chính sách của Đảng và chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở đấu tranh nội bộ về tư tưởng một cách nghiêm chỉnh..." [10, tr.782]. Những quy định trên đây của Điều lệ Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ và về tự phê bình và phê bình càng chứng tỏ rằng việc đảo ngược cụm từ "dân chủ

tập trung" thành "tập trung dân chủ" không có nghĩa là sự bó hẹp dân chủ như có người nghĩ. Trái lại, nó chứng tỏ rằng, khi Đảng ta nhấn mạnh tính thống nhất tập trung của Đảng thì chính cơ sở của sự tập trung cao ấy ngày càng phải đi liền với việc bảo đảm dân chủ nội bộ đảng một cách đầy đủ.

Đến Đại hội lần thứ IV, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam được áp dụng thống nhất cho toàn Đảng. Những nguyên tắc về tập trung dân chủ trong Đảng, về chế độ "lãnh đạo tập thể" (sau này đổi là "tập thể lãnh đạo") và nguyên tắc tự phê bình và phê bình về căn bản vẫn giữ những nội dung chính đã ghi trong Điều lệ do Đại hội lần thứ III của Đảng thông qua.

Điểm mới của Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội IV cô đúc các nguyên tắc đó vào trong một nội dung chung thể hiện tính thống nhất của Đảng, và đồng thời nhấn mạnh một số nội dung mới: "Đảng Cộng sản Việt Nam là một khối thống nhất về ý chí và hành động, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy tự phê bình và phê bình làm một quy luật phát triển và có kỷ luật nghiêm minh. Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng" [11, tr.920].

Về nguyên tắc lãnh đạo tập thể kết hợp chặt chẽ với cá nhân phụ trách có nhấn mạnh phải phát huy tinh thần trách nhiệm của cá nhân, bổ sung "dân chủ và kỷ luật phải được xây dựng thành chế độ chặt chẽ. Đảng chống mọi biểu hiện tập trung quan liêu, độc đoán, dân chủ tập thể hình thức..." [11, tr.920].

Về tự phê bình và phê bình, Đảng nhấn mạnh là phải "thành thật, thẳng thắn, và nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng tổ chức, giúp đỡ nhau tiến bộ. Đảng nghiêm cấm những hành động trấn áp phê bình, trù dập cá nhân" [11, tr.921].

Về "giữ gìn sự đoàn kết nhất trí", bổ sung thêm các ý "giữa cán bộ, đảng viên phải xây dựng tình thương yêu đồng chí sâu sắc", và nhắc lại câu trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình" [11, tr.921].

Các quy định trên đây của Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội lần thứ IV được giữ nguyên qua các kỳ Đại hội lần thứ V và lần thứ VI của Đảng.

Đến Đại hội lần thứ VII, Điều lệ Đảng chỉ giữ lại các ý lớn và thu gọn lại: "Đảng là một khối thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hành lãnh đạo tập thể và cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thực hiện dân chủ đầy đủ và kỷ luật chặt chẽ trong sinh hoạt đảng; giữ vững đoàn kết, thống nhất trong Đảng trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng" [4]. Đến Đại hội lần thứ VIII và lần thứ IX, về căn bản Điều lệ giữ như quy định trên đây, chỉ nhấn mạnh "Đảng là một tổ chức chặt chẽ" và ghi thêm ý "Thương yêu đồng chí" đã ghi trong các Điều lệ trước Đại hội VII. Cụ thể là: "Đảng là một tổ

chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng" [5].

Điều lệ do Đại hội X thông qua đã diễn đạt lại nội dung về nguyên tắc tập trung dân chủ như sau: "Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật" [6]. Tiếp đó, Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội XI không thay đổi diễn đạt nội dung như trên.

Đại hội XII và XIII của Đảng không thông qua Điều lệ Đảng. Sau Đại hội XIII, ngày 30/7/2021, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Quy định thi hành Điều lệ Đảng (Quy định số 24-QĐ/TW). Nội dung quy định về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Quy định mới này cơ bản giữ như Quy định số 29-QĐ/TW. Đồng thời, để thống nhất giữa các quy định của Trung ương đã ban hành, Quy định mới đã bổ sung một số căn cứ xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng *(vào Điểm 9.1.1)* và diễn đạt lại là: "Căn cứ vào Điều lệ Đảng, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ và quy chế làm việc của cấp uỷ cấp trên, các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ phải xây dựng quy chế làm việc bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao. Tổ chức đảng có trách nhiệm báo cáo với tổ chức đảng cấp trên và thông báo cho tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp biết quy chế làm việc của tổ chức mình" [1].

Nhằm đồng bộ với các quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của đảng viên, Quy định mới đã bổ sung cụm từ *"kiểm điểm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên" (vào Điểm 9.2.1)* và diễn đạt lại là: "Hằng năm, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở và tương đương trở lên, cấp ủy cấp cơ sở, đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy viên các cấp và đảng viên phải tự phê bình và phê bình tập thể, cá nhân, kiểm điểm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; có kế hoạch, biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm" [1].

Bổ sung cụm từ "tiêu cực" và cụm từ "thực hiện các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên" *(vào Điểm 9.2.2)* về thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình và diễn đạt lại là: "Đối với cá nhân cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy, ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng, ủy viên ủy ban kiểm tra

phải đi sâu kiểm điểm về trách nhiệm chính trị, mức độ phấn đấu hoàn thành công việc được giao và những vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm cá nhân; về giữ gìn phẩm chất cá nhân (tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu) và thực hiện các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên" [1].

3. Kết quả thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trải qua hơn 92 năm xây dựng và phát triển, đặc biệt là trong những năm gần đây, Đảng Cộng sản Việt Nam đạt nhiều thành tựu quan trọng trong việc cụ thể hóa, thể chế hóa và thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ trên tất cả lĩnh vực hoạt động. Tiêu biểu là:

Thứ nhất, trong xây dựng Cương lĩnh, hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng: Từ khi thành lập Đảng, đặc biệt là trong những năm đổi mới, những quyết định lớn, đường lối, chủ trương của Đảng, từ dự thảo Cương lĩnh đến dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng đều được tổ chức thảo luận dân chủ lấy ý kiến rộng rãi. Những vấn đề mới, khó, phức tạp được tổ chức hội thảo, tọa đàm để thảo luận, trao đổi kỹ, lấy ý kiến chuyên gia trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Các chủ trương, chính sách của Đảng đều được công bố rộng rãi để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cho ý kiến. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định các dự thảo đều phải công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc các phương tiện truyền thông đại chúng để nhân dân góp ý.

Nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 217-QĐ/TW về việc ban hành *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*, trong đó quy định rõ việc trước khi ban hành và trong quá trình thực thi các chủ trương, chính sách đều được lấy ý kiến giám sát và phản biện. Đối với những vấn đề lớn, nhạy cảm đều được xin ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, các đồng chí lãnh đạo cao cấp có kiến thức lý luận và thực tiễn đã nghỉ hưu...

Thứ hai, dân chủ trong sinh hoạt Đảng. Sinh hoạt Đảng, sinh hoạt cấp ủy ngày càng dân chủ hơn; góp ý, phản ánh của đảng viên được các tổ chức Đảng lắng nghe và sửa đổi cho phù hợp. Nhiều quy định của Đảng được ban hành hoặc tiếp tục thực hiện có hiệu quả như: việc phê bình, chất vấn tại các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hoặc trong thời gian giữa hai kỳ họp; chất vấn và trả lời chất vấn trong Đảng; việc thực hiện chế độ thông báo, báo cáo của các cấp ủy, tổ chức Đảng đi vào nền nếp, từng bước có chiều sâu; các quyết định kỷ luật đảng viên được bàn bạc công khai, dân chủ, quyết định theo đa số và thông báo rộng rãi...

Chỉ tính riêng nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đã có nhiều chỉ thị, quyết định được ban hành góp phần cho quá trình thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ thuận tiện, dễ dàng hơn. Điển hình như "Quy chế làm việc mẫu của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương" (kèm theo Quyết định số 168 QĐ-TW), ngày 28/12/2018 của Ban Bí thư, đã xác định rõ chế độ công tác, thẩm quyền, trách nhiệm của thường trực, thường vụ cấp ủy, nhất là của bí thư cấp ủy đối với cấp ủy; khắc phục tình trạng lạm dụng quyền lực của người đứng đầu cấp ủy hoặc lợi dụng tập thể để quyết định những vấn đề trái thẩm quyền theo quy định.

Thứ ba, dân chủ trong công tác cán bộ. Trong thời kỳ đổi mới, nhất là nhiệm kỳ Đại hội XII đã có rất nhiều văn bản liên quan đến dân chủ trong công tác cán bộ được ban hành, như: Thông báo số 13-TB/TW, ngày 17/8/2016 của Ban Bí thư về *xác định tuổi của đảng viên*; Kết luận số 24-KL/TW, ngày 15/12/2017 về *nguyên tắc điều động, phân công bố trí công tác đối với cán bộ diện Trung ương quản lý*; Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 4/8/2017 về *khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*; Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 8/3/2018 về việc *kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị*; Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/2/2019 về *chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ*; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 về *kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền*... Đặc biệt, để chuẩn bị tốt nhân sự cho đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIII của Đảng, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Quy định số 105-QĐ/TW, ngày 19/12/2017 về *phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*, trong đó xác định rõ quy trình 5 bước lựa chọn nhân sự với những quy trình dân chủ, chặt chẽ, phát huy trí tuệ và sự đồng thuận của tập thể.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ vẫn còn những hạn chế nhất định. Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã chỉ ra như: Thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số tổ chức đảng còn chưa nghiêm, thậm chí vi phạm; *dân chủ xã hội chủ nghĩa có lúc có nơi chưa được quan tâm và phát huy đầy đủ*.

KẾT LUẬN

Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản. Thực chất của nguyên tắc này chính là nhằm nâng cao tính tích cực và năng lực sáng tạo của đảng viên, để các quyết định của Đảng luôn là sản phẩm kết tinh bởi trí tuệ tập thể và bảo đảm tính kỷ luật tự giác của mỗi tổ chức đảng và đảng viên khi ý chí của đa số được khẳng định và bắt buộc phải phục tùng.

Xuất phát từ cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; từ kinh nghiệm lịch sử của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và từ kinh nghiệm

hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng ta luôn thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác xây dựng Đảng, nhờ đó phát huy được sức mạnh trí tuệ của Đảng và Nhân dân, làm nên những thành tự to lớn qua các thời kỳ cách mạng. Nhằm thực hiện thành công các mục tiêu nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra, trong thời gian tới Đảng ta cần tăng cường thực hiện đầy đủ nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ theo quy định tại Điều lệ Đảng hiện hành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Quy định số 24-QĐ/TW về thi hành Điều lệ Đảng*, truy cập ngày 26/8/2022 tại: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/quy-dinh-so-24-qdtw-ngay-3072021-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-ve-thi-hanh-dieu-le-dang-7687.

[2]. Lê Huy Bảo (2006), *Điều lệ Đảng từ Đại hội đến Đại hội (Lý luận và thực tiễn)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Đảng Cộng sản Liên Xô*, truy cập ngày 26/9/2022 tại: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ho-so-su-kien-nhan-chung/phong-trao-cong-san-cong-nhan-quoc-te/cac-dang-cong-san-cong-nhan/dang-cong-san-lien-xo-3209.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Điều lệ Đảng (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua),* truy cập ngày 26/9/2022 tại: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/dieu-le-dang/dieu-le-dang-do-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-ix-cua-dang-thong-qua-262.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Điều lệ Đảng (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng thông qua),* truy cập ngày 26/9/2022 tại: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/dieu-le-dang/dieu-le-dang-do-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-ix-cua-dang-thong-qua-262.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Điều lệ Đảng (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng thông qua),* truy cập ngày 26/9/2022 tại: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/dieu-le-dang/dieu-le-dang-do-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-x-cua-dang-thong-qua-3834.

[7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[9]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[10]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 21, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[11]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 37, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[12]. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập,* Tập 13, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[13]. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập,* Tập 36, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[14]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[15]. Phan Xuân Sơn (2010), *Quan điểm của V.I Lê-nin về chế độ dân chủ và nguyên tắc tập trung dân chủ,* truy cập ngày 26/9/2022 tại: https://tuyengiao.vn/tuyen-truyen/quan-diem-cua-v-i-le-nin-ve-che-do-dan-chu-va-nguyen-tac-tap-trung-dan-chu-19286.

[16]. Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình Xây dựng Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

TS BÙI THỊ CẦN - ThS PHAN HUY CHÍNH[1]

Tóm tắt:

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà chính trị thiên tài mà còn là nhà văn hóa kiệt xuất. Cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa chính trị với văn hóa, hướng tới đỉnh cao giá trị văn hóa và nhân văn của loài người. Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh thuộc phạm trù VHCT mác-xít, được phản ánh trong toàn bộ hệ thống tư tưởng, sự nghiệp chính trị của Người; định hướng cho đường lối, chủ trương và hoạt động của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức quần chúng và con người chính trị Việt Nam. Bài viết tập trung trình bày khái niệm và những đặc trưng của VHCT Hồ Chí Minh.

Từ khóa: *đặc trưng, Hồ Chí Minh, văn hóa chính trị*

MỞ ĐẦU

Văn hóa chính trị (VHCT) là một bộ phận, một biểu hiện đặc biệt của văn hóa nhân loại và văn hóa của quốc gia - dân tộc. Ở Việt Nam, VHCT ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước. VHCT của mỗi quốc gia được nhìn nhận là một cấu trúc phức tạp bao gồm đa dạng tri thức về các lĩnh vực của đời sống chính trị, xã hội; sự định hướng tư tưởng, tình cảm, niềm tin và thái độ, hành vi chính trị. VHCT của quốc gia, dân tộc có mối quan hệ chặt chẽ với VHCT của các cá nhân.

Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh là VHCT cá nhân với tính cách là lãnh tụ chính trị của một dân tộc. Do vậy, cấu trúc của VHCT Hồ Chí Minh phản ánh mối quan hệ giữa các yếu tố có tính chỉnh thể về tư tưởng và hành vi chính trị gắn liền với cuộc đời, sự nghiệp chính trị của Người, biểu hiện qua nhân cách và các di sản chính trị mà Người để lại trong đời sống chính trị hiện thực. Sự nghiệp chính trị của Hồ Chí Minh là sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Sự nghiệp đó của Người đã góp phần quan trọng để đưa nhân dân lao động Việt Nam lên địa vị người chủ của đất nước và làm chủ vận mệnh của mình là một tiến bộ vượt bậc về văn hóa. VHCT Hồ Chí Minh thuộc phạm trù VHCT mác-xít, có giá

1 Trường Đại học Vinh

trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Trong đó, khái niệm và các đặc trưng VHCT Hồ Chí Minh cần được tiếp tục nghiên cứu, phân tích làm cơ sở để đi sâu nghiên cứu và vận dụng trong giai đoạn hiện nay.

NỘI DUNG

1. Khái niệm văn hóa chính trị và văn hóa chính trị Hồ Chí Minh

1.1. Văn hóa chính trị

Ý niệm về văn hóa chính trị đã được xuất hiện manh nha từ thời cổ đại. Platon, nhà triết học cổ đại Hy Lạp định nghĩa: "Chính trị là nghệ thuật cai trị những con người với sự bằng lòng của họ" [10, tr.67]. Cho đến khoảng giữa thế kỷ XX, các nhà khoa học mới nêu ra thuật ngữ văn hóa chính trị (political culture).

Từ cách tiếp cận mác-xit, VHCT được hiểu là một bộ phận, một phương diện của văn hoá trong xã hội có giai cấp. Nó biểu hiện khả năng, năng lực của con người trong việc giác ngộ lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc, trong việc tổ chức, hoàn thiện hệ thống tổ chức quyền lực nhằm hiện thực hoá lợi ích giai cấp, hay lợi ích nhân dân phù hợp với mục tiêu chính trị và sự tiến bộ xã hội. VHCT cũng thể hiện khả năng, mức độ điều chỉnh những quan hệ chính trị phù hợp với truyền thống và những chuẩn mực giá trị của cộng đồng. Với cách tiếp cận này, một số tài liệu đã đưa ra khái niệm về văn hoá chính trị như sau: *Văn hoá chính trị là trình độ phát triển của con người thể hiện ở sự hiểu biết về chính trị, ở trình độ tổ chức hệ thống quyền lực theo một chuẩn giá trị xã hội nhất định, nhằm điều hoà các quan hệ lợi ích giữa các giai cấp và bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền, phù hợp với xu thế phát triển và tiến bộ xã hội*. Văn hóa chính trị, do vậy, góp phần định hướng mục tiêu hoạt động cho các tổ chức chính trị, cho các phong trào chính trị trong một xã hội nhất định.

Từ cách tiếp cận hành vi, VHCT chủ yếu được nghiên cứu dựa trên các hoạt động, các quyết định lựa chọn của con người khi họ tham gia vào đời sống chính trị. Nếu hiểu văn hoá là một hệ thống các ý nghĩa và niềm tin, thì VHCT sẽ là hệ thống các ý nghĩa và niềm tin liên quan đến chính trị, nghĩa là liên quan đến quan hệ quyền lực giữa các cá nhân, giữa các nhóm trong một quốc gia, cũng như giữa các quốc gia với nhau. Những người đặt nền móng cho cách nhìn này là các nhà nghiên cứu chính trị học người Mỹ, Gabriel Almond và Sidney Verba, được thể hiện trong tác phẩm *Văn hóa công dân (The civic culture)* xuất bản năm 1963. G.Almond và S.Verba giới hạn VHCT trong lĩnh vực nhận thức. Coi "văn hóa chính trị là tổng hợp trạng thái tâm lý của cá nhân, thể hiện dưới ba cấp độ: nhận thức, cảm xúc và giá trị. Nói cách khác "văn hóa chính trị" là tổng hợp những quan niệm, chính kiến, cảm xúc và đánh giá có tính bền vững. Trong khi đó, Sidney Verba lại cho rằng: "Văn hoá chính trị là một hệ thống các niềm tin mang tính kinh nghiệm, những biểu tượng

chuyển tải các ý nghĩa và các giá trị định hình nên môi trường trong đó các hành động chính trị diễn ra". Chính môi trường văn hóa này sẽ xác lập các giới hạn đối với hoạt động của hệ thống chính trị bằng cách tạo ra các nguyên tắc, các khuôn khổ cả chính thức và phi chính thức.

Các định nghĩa trên dù sử dụng khá nhiều thuật ngữ tâm lý học, nhưng các nhà nghiên cứu không dừng lại ở phạm vi tâm lý cá nhân. G. Almond và Verba xem VHCT như một *hệ thống chính trị được nội tâm hoá trong nhận thức*, tình cảm, sự đánh giá của quần chúng. Một số nghiên cứu cho rằng, khi nói đến VHCT có nghĩa là phải nói tới *thái độ* và *niềm tin* của người dân với hai vấn đề: (i) Chính quyền nên được điều hành như thế nào; (ii) Nó nên làm những gì. Đằng sau hai vấn đề này là những nguyên tắc liên quan đến giá trị, niềm tin, thái độ cảm xúc của mọi thành viên trong cộng đồng đối với đời sống chính trị.

Từ nhiều cách hiểu khác nhau, từ cách tiếp cận hành vi, các tài liệu đã đưa ra khái niệm VHCT như sau: *Văn hóa chính trị là những thái độ, giá trị, niềm tin được cộng đồng chia sẻ có ý nghĩa định hướng hành vi của các cá nhân đối với hệ thống chính trị của mình.*

Từ nhiều các định nghĩa, VHCT có thể được hiểu theo các cấp độ khác nhau:

(i) Đó là tâm lý chính trị của một quốc gia, một dân tộc (hay một nhóm người).

(ii) Đó là định hướng của các công dân của một quốc gia đối với chính trị và nhận thức của họ về tính chính đáng và những truyền thống hay thực tiễn chính trị.

(iii) Đó là các giá trị, thái độ của các cá nhân đối với chính trị (bao gồm các vấn đề như: Hệ thống chính trị, chính phủ, các nhà chính trị; phẩm chất của một nhà lãnh đạo quốc gia; mục tiêu của chế độ và cách thức để đạt được mục tiêu...

Theo tác giả Phạm Hồng Tung, gần đây, ở phương Tây có hai cách định nghĩa tiêu biểu về VHCT của giới khoa học chính trị Đức, theo đó cách định nghĩa thứ nhất của Werner J. Patzelt, được đưa ra trong cuốn sách "*Nhập môn khoa học chính trị*", xuất bản năm 1992. Tác giả định nghĩa: VHCT là một khái niệm tập hợp dùng để chỉ những giá trị chính trị quan trọng, tri thức, quan niệm và thái độ trong một xã hội; những dạng thức được bộc lộ ra thông qua hoạt động chính trị và tham dự chính trị; những quy tắc công khai hay mặc nhiên được thừa nhận của quá trình chính trị và những cơ sở thường nhật của các hệ thống chính trị. Qua đó cho thấy, VHCT không chỉ là các giá trị của tri thức chính trị, thái độ chính trị mà còn bao gồm những dạng thức của hành vi và sự tham dự chính trị.

1.2. Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh

Văn hóa chính trị của mỗi cá nhân là sản phẩm của một nền VHCT, chịu sự chi phối, tác động bởi VHCT của cộng đồng, quốc gia nhưng cũng có vai trò nhất định trong việc bảo tồn, duy trì và phát triển VHCT của cộng đồng, quốc gia đó. Một số cá nhân tiêu biểu như các lãnh tụ chính trị, danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc...

thì VHCT của riêng họ không chỉ là sự hội tụ và tỏa sáng của VHCT truyền thống mà còn là nhân tố tác động, góp phần bổ sung, làm chuyển biến VHCT truyền thống của cả một cộng đồng, dân tộc lên một nấc thang mới, bước phát triển mới.

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu đã công bố, một số công trình đã đưa ra định nghĩa về VHCT Hồ Chí Minh như:

Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh là một hệ thống giá trị về tri thức, lý tưởng, niềm tin, phẩm chất, năng lực chính trị... được hình thành trong quá trình hoạt động chính trị của Người; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển văn hóa chính trị Mác - Lênin, sự tích hợp các giá trị văn hóa chính trị truyền thống dân tộc và nhân loại nhằm xây dựng một nền chính trị dân quyền [3, tr.31].

Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh là phương diện nổi bật của văn hóa Hồ Chí Minh, bao gồm tổng hòa các giá trị về tư tưởng và hành vi chính trị mang tính Chân, Thiện, Mĩ mà Người sáng tạo ra trong suốt quá trình đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người trên lập trường giai cấp công nhân; là sự tích hợp, vận dụng, phát triển các giá trị văn hóa chính trị của dân tộc, nhân loại, và chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam; được biểu hiện ở tư tưởng, hành vi và nhân cách chính trị mang đặc trưng riêng; có giá trị, ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và góp phần làm phong phú thêm các giá trị văn hóa chính trị của nhân loại [4, tr.33].

Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam gắn liền với những hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh đã cho thấy Người luôn có sự kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa chính trị và văn hóa, tạo nên nghệ thuật lãnh đạo Hồ Chí Minh, có sức lôi cuốn mãnh liệt đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nói chung. VHCT Hồ Chí Minh bao gồm các giá trị về tri thức, lý tưởng, niềm tin, phẩm chất, năng lực và hành vi chính trị mang tính chân - thiện - mỹ mà Người sáng tạo ra trong suốt quá trình đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Các định nghĩa nêu trên đã tiếp cận VHCT Hồ Chí Minh ở phạm vi rộng nhất, là một chỉnh thể, một đối tượng nghiên cứu độc lập và chỉ ra những nội dung cơ bản của VHCT Hồ Chí Minh. Đó là:

Thứ nhất, VHCT Hồ Chí Minh là một phương diện nhưng là phương diện cơ bản và nổi bật nhất của văn hóa Hồ Chí Minh, bao gồm cả giá trị tư tưởng và giá trị hành vi. Đề cập đến VHCT Hồ Chí Minh là đề cập đến tính chỉnh thể và hệ thống của mối quan hệ giữa con người, sự nghiệp cùng những sản phẩm của tư tưởng và hành vi chính trị mà Người sáng tạo ra. Những sản phẩm đó xuất phát từ thực tại khách quan, có tính phổ quát cao, tính nhân văn và nhằm mang lại cho con người một đời sống chính trị tốt đẹp hơn, phù hợp với xu thế thời đại và tiến bộ xã hội.

Thứ hai, VHCT Hồ Chí Minh mang bản chất của giai cấp công nhân và hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nghĩa là,

bản chất giai cấp công nhân và sự kết hợp chặt chẽ ba sự nghiệp giải phóng nói trên không chỉ là sợi chỉ đỏ xuyên suốt và chỉ đạo mọi tư tưởng và hành động cách mạng Hồ Chí Minh, mà còn là một đặc trưng cơ bản trong VHCT của Người.

Thứ ba, cơ sở hình thành, phát triển VHCT Hồ Chí Minh là sự tích hợp, vận dụng và phát triển các giá trị VHCT của dân tộc, nhân loại và chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết vấn đề của thực tiễn chính trị Việt Nam. Nghĩa là, việc hình thành, phát triển của VHCT Hồ Chí Minh có cả cơ sở lý luận và thực tiễn gắn liền với nhân tố chủ quan của Người. Trong đó, cơ sở lý luận là những hạt nhân tích cực, hợp lý của tư tưởng nhân loại và những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin mà Người tiếp thu được thông qua khả năng tự học và thực tiễn hoạt động cách mạng phong phú.

Thứ tư, sản phẩm của VHCT Hồ Chí Minh là những tư tưởng, hành vi và nhân cách chính trị của Người. Trong đó, tư tưởng chính trị là hệ thống các quan điểm lý luận về quá trình cách mạng Việt Nam, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng XHCN. Hành vi chính trị là toàn bộ những ứng xử trong quá trình tương tác với các yêu cầu, nhiệm vụ chính trị đáp ứng đòi hỏi của cách mạng, phù hợp với xu thế thời đại và nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Nhân cách chính trị Hồ Chí Minh là những phẩm chất về ý chí, nghị lực, phương pháp, phong cách, sự thống nhất giữa nói và làm, cùng những phẩm chất đạo đức cách mạng mà Người đã sáng tạo ra và gương mẫu thực hiện.

Thứ năm, VHCT Hồ Chí Minh có giá trị, ý nghĩa to lớn đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Nghĩa là, VHCT Hồ Chí Minh vừa có tính dân tộc, vừa có tính nhân loại. Đặc biệt, VHCT Hồ Chí Minh được hình thành, phát triển trong quá trình giải quyết mâu thuẫn lớn của thời đại đó là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa thực dân với các dân tộc bị áp bức. Mặt khác, VHCT Hồ Chí Minh có giá trị lịch sử và giá trị hiện thực to lớn.

Có thể nói, VHCT Hồ Chí Minh phản ánh mối quan hệ giữa các yếu tố có tính chỉnh thể về tư tưởng và hành vi chính trị gắn liền với cuộc đời, sự nghiệp chính trị của Người, được biểu hiện qua nhân cách và các di sản chính trị để lại trong đời sống chính trị hiện thực. Những hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, từ học tập, lao động, nhận thức tư tưởng hay ứng xử với các vấn đề chính trị đều hướng vào một lý tưởng cao cả là các dân tộc trên thế giới đều được bình đẳng, đoàn kết và cùng chung sống hòa bình trên cơ sở tôn trọng sự đa dạng về bản sắc văn hóa; trong xã hội không còn tình trạng áp bức, bóc lột, bất công; con người được giải phóng khỏi mọi sự ràng buộc, có điều kiện phát triển toàn diện và được hưởng mọi thành quả văn hóa do chính con người tạo ra. Do đó, VHCT Hồ Chí Minh định hướng cho đường lối, chủ trương và hoạt động của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức quần chúng và con người chính trị Việt Nam.

2. Đặc trưng văn hóa chính trị Hồ Chí Minh

Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước và nhân văn sâu sắc. Việt Nam với chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài lịch sử của dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước là truyền thống quý báu, nổi bật nhất và cũng là đặc sắc của giá trị văn hóa Việt Nam, đặt cơ sở cho VHCT Việt Nam truyền thống mà sau này Hồ Chí Minh đã đúc kết thành một chân lý bất hủ: "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*". Độc lập, tự do là cái quý nhất ở đời, là giá trị của mọi giá trị, là điều kiện đầu tiên để tồn tại với tư cách là một con người và cao hơn là của một dân tộc. Cũng từ nền tảng VHCT đó mà Hồ Chí Minh trở thành một nhà VHCT yêu chính nghĩa, đấu tranh kiên quyết cho độc lập, tự do dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân.

Trong hành trình tìm đường, dẫn lối cho cách mạng Việt Nam giành thắng lợi, Hồ Chí Minh luôn thể hiện sự quan tâm đến con người, hướng đến giải phóng con người, đấu tranh để con người sống trong độc lập, tự do, bình đẳng và hạnh phúc. Hướng đến những giá trị cao đẹp nhất cho con người. Chính trị trong quan niệm của Hồ Chí Minh là *đoàn kết và thanh khiết*, là đạo đức và hành động cách mạng vì nước, vì nhân dân, vì con người. Đối với Hồ Chí Minh, chính trị không chỉ là vấn đề quyền lực và cầm quyền mà còn là đạo đức, lối sống, là thái độ và hành vi ứng xử của người lãnh đạo, của người cầm quyền đối với nhân dân, là lòng trung thành, tận tụy phục vụ nhân dân của mỗi cán bộ đảng viên của Đảng và công chức của Nhà nước. Vấn đề cốt yếu của quyền lực chính trị, theo Hồ Chí Minh là biến quyền lực chính trị thành quyền lực nhân dân, là thực thi quyền lực có hiệu quả để phục vụ nhân dân.

Kế thừa, phát triển giá trị nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã xác định đúng đắn và nhất quán giữa mục tiêu chính trị, đường lối chính trị của cách mạng Việt Nam. VHCT Hồ Chí Minh là kiểu mẫu của chính trị nhân văn, lấy giá trị con người làm cốt lõi, lấy giải phóng và phát triển con người, phát triển xã hội làm mục tiêu và động lực. Người khẳng định: Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì độc lập, tự do cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Hồ Chí Minh trăn trở và bộc bạch mong muốn: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" [5, tr.187]. Đó là chính trị, một kiểu chính trị yêu nước, nhân văn Hồ Chí Minh.

Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh thể hiện sự tôn trọng, tin tưởng, yêu quý nhân dân, kế thừa sáng tạo và mang bản chất của giai cấp công nhân. Đó là sự kế thừa và phát huy VHCT truyền thống của dân tộc lấy dân làm gốc. Trong xã hội cổ truyền Việt Nam, thành phần cơ bản, đông nhất là nông dân. Nguyễn Trãi từng nói *thuyền bị lật mới biết sức dân mạnh như nước*. Tiếp nối giá trị ấy, Hồ Chí Minh cho rằng: "Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân" [7, tr.276].

Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh là đỉnh cao của VHCT Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, thể hiện ở lòng thương yêu, quý trọng và tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân. Người nói: "Nước lấy dân làm gốc... Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân" [6, tr.501-502]. Nói về lực lượng Nhân dân, Hồ Chí Minh khẳng định: trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Nói về lòng dân, Hồ Chí Minh đúc kết: "Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả. Nếu không được lòng dân thì ta không thể làm tốt công tác" [8, tr.142]. Người cho rằng, chế độ ta là chế độ dân chủ, tức nhân dân là người chủ, địa vị cao nhất là dân, Nhà nước là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, VHCT của chính thể Dân chủ Cộng hòa là phải xây dựng tâm lý độc lập tự lực, tự cường cho dân tộc. Cán bộ, đảng viên phải biết và dám hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. Đảng và Nhà nước phải xây dựng một xã hội mà mọi sự nghiệp gắn với phúc lợi của nhân dân, lấy hạnh phúc của đồng bào, của dân tộc làm cơ sở. Đặc biệt chế độ Dân chủ Cộng hòa *phải hàm chứa một nền chính trị dân quyền.*

Không chỉ kế thừa xuất sắc các giá trị VHCT Việt Nam truyền thống, bằng ý chí, nghị lực và khả năng tự học, Hồ Chí Minh còn tiếp xúc, vận dụng sáng tạo tương đối nhiều học thuyết chính trị, các hệ tư tưởng cổ, kim, Đông, Tây trên thế giới. Trong các học thuyết đó thì chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận, nguồn gốc chủ yếu quyết định nhất cho việc hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như VHCT của Người. Thực tiễn cho thấy, sau khi tiếp xúc với Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, Hồ Chí Minh mới xác định chắc chắn con đường cách mạng cần phải đi; mới chuyển từ lập trường yêu nước truyền thống sang lập trường của giai cấp vô sản và lấy Cách mạng tháng Mười Nga làm tấm gương, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho mọi tư tưởng và hành động chính trị của mình. Từ đó, Người đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Bằng năng lực của mình, Hồ Chí Minh đã *vượt gộp* tất cả để sáng tạo ra những giá trị mới. Do đó, VHCT Hồ Chí Minh không xa lạ với VHCT truyền thống của dân tộc mà lại bổ sung và làm giàu cho VHCT truyền thống.

Một trong những nét đặc trưng của VHCT Hồ Chí Minh là tư tưởng và hành động ứng xử với giai cấp công nhân trong quá trình cách mạng. Vượt lên so với các bậc tiền bối và các nhà chính trị đương thời, Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên nhận ra vai trò to lớn và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Trên cơ sở kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng và nắm chắc thực tiễn đất nước, cùng với việc đề cao vai trò lãnh đạo, Hồ Chí Minh luôn đề cao giai cấp công nhân với tính cách là động lực chủ yếu của cách mạng. Nội dung biểu hiện rõ nét đặc trưng bản chất giai cấp công nhân trong VHCT Hồ Chí Minh là việc, Người thường xuyên chăm lo củng cố, tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng và của Nhà

nước. Người yêu cầu, Đảng phải là đảng của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc; nhà nước phải mang bản chất của giai cấp công nhân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo và với chức năng của mình, nhà nước phải hướng tới mục tiêu xây dựng thành công CNXH ở Việt Nam.

Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh chú trọng thực hành dân chủ. Hồ Chí Minh là con người của lý tưởng dân chủ, là tấm gương mẫu mực về thực hành dân chủ trong ứng xử với nhân dân, cán bộ, đảng viên, cộng đồng xã hội. Người khẳng định: Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương đều do dân cử ra. Trong VHCT Hồ Chí Minh, ứng xử với cộng đồng, thực hành dân chủ tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc xây dựng VHCT Việt Nam. Suốt đời, Người tranh đấu để đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người tự do, làm chủ đất nước, làm chủ XHCN. Hồ Chí Minh khẳng định rằng: "Thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi khó khăn" [8, tr.325]. Trước khi đi xa, trong *Di chúc*, Người căn dặn: "Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết thống nhất của Đảng" [8, tr.622].

Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa tư duy và hành động, lý luận với thực tiễn và nói đi đôi với làm. Trong di sản VHCT Hồ Chí Minh, tư duy và hành động, giá trị tư tưởng và giá trị hành vi luôn thống nhất chặt chẽ, bổ sung cho nhau. Những tư tưởng chính trị của Người đều từng bước được hiện thực hóa và được kiểm nghiệm bằng thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước, thương dân và lòng tự tôn dân tộc không chỉ dừng lại ở giá trị tư tưởng mà đã trở thành hành động cụ thể quyết chí đi tìm đường cứu nước; tìm mọi cách để lật đổ chế độ thuộc địa, nửa phong kiến, thiết lập chế độ chính trị của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Cùng với việc nhận thức rõ, cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, Người đã tham gia sáng lập một số tổ chức có tính chất quốc tế và đặt nền móng cho quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và các nước có chủ quyền với những chế độ chính trị khác nhau trên thế giới.

Thống nhất giữa tư duy và hành động, giữa lời nói và việc làm trong VHCT Hồ Chí Minh đã tạo nên một phong cách làm việc mới. Cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh đã nêu tấm gương sáng ngời về thực hành đạo đức mới với những biểu hiện cụ thể của hành động trung thành với mục tiêu, lý tưởng và quyền lợi của dân tộc; yêu thương nhân dân, khoan dung, độ lượng với con người; suốt đời cần cù, tiết kiệm, trung thực, thẳng thắn... Tấm gương mẫu mực về sự thống nhất giữa tư tưởng và hành vi, lý luận và thực tiễn, nói và làm ở Hồ Chí Minh trở thành nét đặc sắc của VHCT Hồ Chí Minh.

KẾT LUẬN

Văn hóa không phải lĩnh vực đứng ngoài chính trị mà còn quan hệ mật thiết, phục vụ, thấm sâu, làm cho chính trị trở thành khoa học, cách mạng và nhân văn. VHCT Hồ Chí Minh có những đặc trưng và có giá trị sâu sắc. Trong bối cảnh trên thế giới, khu vực, trong nước đang đặt ra nhiều thời cơ và thách thức đối với đất nước ta, vì vậy nghiên cứu thấu đáo để học tập và noi theo VHCT Hồ Chí Minh là một yêu cầu cấp bách trước mắt vừa có tính chiến lược lâu dài, sẽ là yếu tố quan trọng để nâng cao hơn nữa tính VHCT cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hiện nay. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: "Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế" [2, tr.202] và "Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc" [2, tr.34].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phạm Ngọc Anh và Bùi Đình Phong (2009), *Hồ Chí Minh văn hoá và phát triển,* Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Minh Khoa (2016), *Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh với việc xây dựng văn hóa chính trị Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Hữu Lập (2016), *Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn,* Nxb Quân đội nhân dân.

[5]. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8]. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, Tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[9]. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh nhà văn hoá kiệt xuất,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[10]. Marcel Prelot và Georges Lescuyer (1975), *Lịch sử các tư tưởng chính trị*, Nxb Dalloz, Bản dịch của Viện Chính trị học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ KHMER VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN CHÍ HẢI[1]

Tóm tắt:

Cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long có vị trí, vai trò quan trọng trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân và trực tiếp quản lý xã hội trên địa bàn được trật tự, ổn định và phát triển. Cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Dựa trên phương pháp nghiên cứu tài liệu, các dữ liệu thứ cấp, bài viết nêu lên đặc điểm của đồng bào Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer; trên cơ sở thực trạng của chính sách, bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: *bồi dưỡng, cán bộ, chính sách, công chức, đào tạo, Khmer, vùng Đồng bằng sông Cửu Long*

1 Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

Cán bộ, công chức là nhân tố quan trọng của cách mạng Việt Nam, công tác cán bộ là một khâu "then chốt". Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nên được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Để thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 164-QĐ/TW ngày 01/02/2013 về "Chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp" [3].

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ, Người đã nhận định: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém" [5, tr.309-313]. Đảng ta còn chỉ rõ tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/03/2003 của Ban chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc, Đảng ta tiếp tục đưa ra mục tiêu và giải pháp "Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của địa phương", "thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc" [1, tr.4-6].

Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII đã ra Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, Đảng ta tiếp tục chỉ rõ: "Cấp uỷ các cấp và người đứng đầu phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, tạo điều kiện, cơ hội phát triển cho cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số" [2, tr.7].

Bên cạnh đó, Chính phủ đã ra Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về Công tác dân tộc; và Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới" [8]. Các văn bản pháp quy trên là cơ sở để các cấp, các ngành, các địa phương làm căn cứ triển khai thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp huyện là người dân tộc thiểu số. Trong đó, có cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer.

Ủy ban Dân tộc đã ra Quyết định 162/QĐ-UBDT ngày 26/03/2018 về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng Đề án "Chính sách ưu đãi nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số Khmer; đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long" [11]. Chính sách thuộc đề án này được thực hiện đối với người dân tộc thiểu số Khmer, các chính sách chủ yếu trong đề án gồm: nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, chuyển đổi nghề, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, giáo dục và đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer gồm các chương trình chuyên viên, chuyên viên chính,

chuyên viên cao cấp; bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng về tin học, ngoại ngữ... Nhiều cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer được quan tâm cử tuyển đi học chuyên môn, nghề nghiệp ở các trường đại học. Cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer được tham gia đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo các chương trình đào tạo của địa phương, cơ quan ban, bộ, ngành. Nhờ đó, chất lượng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer ở các tỉnh trong vùng được nâng lên một bước khá lớn, hoạt động hiệu quả hơn, góp phần to lớn vào việc củng cố và phát triển khối đại đoàn kết các dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và ổn định chính trị vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tuy nhiên, việc thực thi chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer còn một số hạn chế, yếu kém như xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chưa thật sát với nhu cầu về quy mô, cơ cấu đào tạo, chưa đáp ứng kịp với thực tiễn đặt ra; kiến thức và năng lực của một bộ phận cán bộ sau đào tạo vẫn còn yếu, đáng chú ý đội ngũ cán bộ cơ sở phần lớn chưa được đào tạo cơ bản, hệ thống, tỷ lệ chưa đạt chuẩn còn cao. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu phục vụ cho yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý mà chưa đào tạo theo cơ cấu ngành nghề; tạo nguồn cán bộ còn yếu; mối liên kết giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng thiếu chặt chẽ; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng còn thiếu trọng tâm, trọng điểm.

NỘI DUNG

1. Đặc điểm dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long có số lượng khá lớn, sống ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong vùng. Có gần 1,3 triệu người Khmer sinh sống, chiếm gần 7% số dân, họ sinh sống rải rác ở các tỉnh, thành phố trong vùng, song sống tập trung với số lượng khá lớn ở tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau và Bạc Liêu, đông nhất là ở tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng người Khmer sống tập trung ở đồng bằng ven biển; ở tỉnh An Giang và Kiên Giang họ sống tập trung ở vùng biên giới. Đồng bào chủ yếu cư trú co cụm trên đất giồng, đất ruộng, ven theo các con kênh, rạch nhỏ; dọc đường giao thông dạng vành khăn ven theo chân núi, mật độ dân số tăng nhanh và không đồng đều với các loại hình cư trú.

Đồng bào Khmer có nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước cổ truyền với các loại hình đa dạng, phong phú gắn liền với chùa Phật giáo Tiểu thừa Khmer. Đồng bào Khmer sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước theo kiểu đặc trưng của đồng bằng miền Tây Nam bộ. Đây là nghề truyền thống từ lâu đời. Đồng bào có nhiều kinh nghiệm về gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch lúa và hoa màu. Hơn 90% dân số Khmer chuyên sống bằng việc sản xuất ra lúa gạo và gần như toàn bộ

đất đai của người Khmer dành cho việc trồng lúa và hoa màu. Ngoài sản xuất nông nghiệp, đồng bào còn sản xuất đồ gốm, dệt vải, đường thốt nốt; đan lát và chế tạo các đồ dùng bằng tre, mây, như: thúng, rổ rá, bàn ghế, nông cụ phục vụ đời sống và lao động, sản xuất.

"Phum", "Sóc" là những đơn vị cư trú cổ truyền của đồng bào Khmer. Phum bao gồm nhiều hộ gia đình có quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân cùng cư trú. Một số nơi Phum có một vài gia đình không có quan hệ huyết thống hay có cả gia đình người Kinh, người Hoa cùng cư trú. Sóc là đơn vị cư trú rộng hơn, bao gồm nhiều Phum. Phần lớn các Sóc của đồng bào Khmer đều có sự chen lẫn ít nhiều gia đình người Kinh, người Hoa và các dân tộc khác cùng cư trú.

Vấn đề dân tộc và văn hóa của đồng bào Khmer là một trong những trọng tâm bị các thế lực lợi dụng xuyên tạc, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, chống phá Đảng và Nhà nước ta. Các thế lực thù địch thường kết hợp vấn đề này với lịch sử hình thành vùng đất Nam bộ để xuyên tạc, phá hoại. Các hoạt động phá hoại được thực hiện trong chiến lược diễn biến hòa bình. Hiện nay, vấn đề dân tộc, tôn giáo luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm thực hiện tốt.

2. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer

Trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát và chỉ ra đầy đủ những công việc chủ yếu cần thực hiện, cách thực hiện để xây dựng được cán bộ, công chức đảm bảo thắng lợi của cách mạng, gồm: đào tạo, bồi dưỡng các bộ ở trường, lớp, nhất là trong thực tiễn cách mạng, Người thường gọi là huấn luyện cán bộ, và khẳng định việc huấn luyện cán bộ "là công việc gốc của Đảng". Đồng thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ rõ những công việc quan trọng khác như: kiểm tra; chọn; dùng cán bộ; đối đãi với cán bộ; phê bình và sửa chữa khuyết điểm của cán bộ. Người nhấn mạnh việc tự học, tự rèn luyện, phấn đấu của từng cán bộ, nhất là tự học, tự rèn luyện trong thực tiễn cách mạng.

Quyết định 162/QĐ-UBDT ngày 26/03/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng Đề án "Chính sách ưu đãi nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số Khmer; đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long" của Ủy ban Dân tộc [11]. Chính sách thuộc đề án này được thực hiện đối với người dân tộc thiểu số Khmer, các chính sách chủ yếu trong đề án gồm chuyển đổi nghề, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, giáo dục và đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer, thời gian qua, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương

vùng Đồng bằng sông Cửu Long quan tâm thực hiện. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer được quan tâm về nội dung đào tạo, bồi dưỡng, chính sách đãi ngộ. Cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ở tất cả các cấp học tại các Trường Chính trị từ Trung ương đến các cấp.

3. Những yêu cầu của việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nói chung và cán bộ, công chức là người Khmer

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người Khmer đáp ứng yêu cầu của việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Trong hệ thống chính trị nói chung và nhà nước nói riêng, cán bộ, công chức là người đại diện cho nhân dân về ý chí và quyền lợi. Người dân tộc Khmer là một bộ phận trong cộng đồng dân tộc. Vì vậy, người Khmer cũng phải có người đại diện của mình trong hệ thống chính trị cũng như trong bộ máy nhà nước. Hiện nay người Khmer cần được chú ý đào tạo, bồi dưỡng về học vấn phổ thông, về năng lực trình độ chuyên môn nhất định.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người Khmer là yêu cầu cấp bách trước thực tế thiếu hụt cán bộ và trình độ năng lực của cán bộ, công chức là người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Có thể nhận ra rằng đồng bào dân tộc Khmer cán bộ, công chức có trình độ học vấn thấp hơn các dân tộc khác do những điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội (về lối sống, canh tác, phong tục tập quán ràng buộc). Cán bộ, công chức là người Khmer phải là người tiêu biểu và hiểu biết hơn những người Khmer khác. Trong điều kiện mới không thể và không chỉ là lựa chọn những người tốt có uy tín trong đời sống sinh hoạt hàng ngày mà cần lựa chọn những người có trình độ văn hoá, trình độ chính trị, trình độ năng lực lãnh đạo quản lý nhất định.

4. Thực trạng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long gồm thành phố Cần Thơ là thành phố trực thuộc Trung ương và 12 tỉnh gồm Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, Hậu Giang [9]. Đồng bằng sông Cửu Long có 125 đảng bộ cấp huyện, 47 đảng bộ khối và tương đương cấp huyện, 7.448 tổ chức cơ sở đảng và 545.595 đảng viên, trong đó có 18.205 đảng viên là người Khmer [4].

Cán bộ, công chức là người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã tăng về số lượng, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương. Trong thời gian gần đây, cán bộ, công chức là người Khmer ở các tỉnh đã có bước đổi mới mạnh mẽ, nhất là từ khi thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức góp phần bảo đảm số lượng cán bộ là người Khmer trong hệ thống chính trị các tỉnh được cải thiện. Đến năm 2020, cán bộ, công chức là người Khmer trong hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở ở các tỉnh vùng Đồng bằng

sông Cửu Long có đông đồng bào Khmer như Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau là 14.701 người, chiếm 11,01% tổng số cán bộ, công chức, viên chức. Số lượng cán bộ cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của các địa phương, cụ thể.

Ở Trà Vinh số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer trong hệ thống chính trị là 4.424 người, chiếm 20,4% số cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh (toàn tỉnh có 21.665 người), trong đó, từ cấp huyện trở lên có 4.063 người, cấp xã có 361 người.

Sóc Trăng số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer có 5.125 người, chiếm 18,9% số cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh (toàn tỉnh có 27.116 người), trong đó, từ cấp huyện trở lên có 2.351 người, cấp xã có 2.774 người.

Kiên Giang số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer có 2.232 người, chiếm 18,81% số cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh (toàn tỉnh có 11.866 người), trong đó, từ cấp huyện trở lên có 870 người, cấp xã có 1.362 người.

An Giang số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer ở tỉnh là 1.428 người, chiếm 3,21% số cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh (toàn tỉnh có 44.427 người), trong đó, từ cấp huyện trở lên có 1.124 người, cấp xã có 304 người.

Với số lượng cán bộ, công chức là người Khmer trong hệ thống chính trị ở các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện tại cơ bản đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ chính trị nơi có đồng bào Khmer sinh sống. Cơ cấu cán bộ, công chức là người Khmer trong hệ thống chính trị vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã có chuyển biến tích cực cả về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn bước đầu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Đến năm 2020, cán bộ, công chức là người Khmer trong hệ thống chính trị vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 14.701 [6].

Cơ cấu độ tuổi của cán bộ, công chức là người Khmer có xu hướng phát triển tích cực, có tính chuyển giao, kế thừa. Dự báo trong những năm tới, về cơ bản, cán bộ, công chức là người Khmer hiện nay không có biến động lớn, là điều kiện góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ chính trị của các địa phương.

Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức là người Khmer, có thể thấy, số cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đại học, cao đẳng chiếm đa số (61,02%), có trình độ cần thiết để đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, quản lý xã hội, đảm nhận tốt hoạt động lãnh đạo, quản lý trên cương vị công tác và chức trách, nhiệm vụ được giao. Thực tiễn ở các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy, cơ cấu trình độ chuyên môn nghiệp vụ đang phát triển theo xu hướng giảm mạnh cán bộ có trình độ chuyên môn trung cấp và cao đẳng, tăng nhanh cán bộ có trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đã hình thành trong cán bộ, công chức chủ chốt các cấp, ý thức về phấn đấu học tập để đạt

trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về chuyên môn, nghiệp vụ trở thành xu hướng tốt trong cán bộ, công chức.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn một số hạn chế như số lượng cán bộ là người Khmer tuy có tăng nhưng cơ bản chưa đáp ứng đủ số lượng theo yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở các địa bàn cấp xã có đông đồng bào Khmer sinh sống, vẫn còn biểu hiện tăng lên về số lượng cán bộ là người Khmer một cách đơn thuần, hình thức ở những địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống, nhất là cấp cơ sở. Ở một số ngành, lĩnh vực, đơn vị trực thuộc ở một số tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống vẫn còn tình trạng thiếu cán bộ là người Khmer trong thời gian khá dài, dẫn tới một số cán bộ phải kiêm nhiệm công việc và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ kiêm nhiệm không cao.

Cơ cấu cán bộ, công chức là người Khmer tuy được điều chỉnh theo hướng tích cực thời gian qua, song nhìn chung chưa bảo đảm, đồng bộ, chưa có sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các độ tuổi. Cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi là người Khmer chiếm tỷ lệ thấp. Thực trạng cán bộ, công chức là người Khmer nêu trên đặt ra nhiều vấn đề cần được các tỉnh uỷ quan tâm, giải quyết để thật sự góp phần nâng cao chất lượng cán bộ, công chức là người Khmer.

Chất lượng cán bộ, công chức là người Khmer tuy có nhiều tiến bộ, song nhìn chung nhiều mặt còn thấp, về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. Tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, không giữ gìn tư cách của người cán bộ, đảng viên vẫn còn xảy ra ở nhiều cán bộ là người Khmer. Một số cán bộ là người Khmer có những biểu hiện giảm sút tinh thần trách nhiệm, chưa tính cực đấu tranh với những tư tưởng, quan điểm sai trái và những tiêu cực trong tổ chức đảng, đơn vị và ở địa phương, chưa tích cực phê bình những cán bộ có việc làm sai trái vẫn tồn tại ở một số cán bộ là người Khmer ở hầu hết các tỉnh.

5. Giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Xác định đúng nhu cầu để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long cụ thể, rõ ràng, đúng đối tượng. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức do các cơ quan, đơn vị tự chủ động xây dựng, khó tránh khỏi những thiếu sót, tồn tại. Để có kế hoạch cụ thể, rõ ràng, sát thực với thực tế, các cơ quan, đơn vị, phải tiến hành rà soát kỹ lưỡng thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức về trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, các loại chứng chỉ quy định và độ tuổi, giới tính, đối tượng, sàng lọc đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với quy hoạch, vị trí việc làm và nhu cầu trong tương lai. Từ đó, mới tiến hành xây dựng kế hoạch đào

tạo, bồi dưỡng gắn với đối tượng cụ thể, sát với thực tế, dự kiến kinh phí và đề ra giải pháp cần thiết để đạt mục tiêu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đã đặt ra.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức có vị trí, vai trò quan trọng đối với việc phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, phải nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức để có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác triển khai thực hiện đảm bảo theo mục tiêu của chính sách đào tạo, bồi dưỡng đã đề ra. Các cấp ủy Đảng, chính quyền có vai trò vô cùng to lớn đối với việc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch phải cụ thể, rõ ràng, đảm bảo đúng đối tượng, công tác đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với vị trí việc làm, quy hoạch, bổ nhiệm, đề bạt nhằm thúc đẩy cán bộ, công chức tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với đối tượng là cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer. Chương trình, tài liệu giảng dạy nên được đổi mới, vì còn thiếu một số nội dung liên quan đến tri thức bản địa, sự phát triển bền vững, phong tục tập quán, văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số Khmer, kiến thức đối với từng chức danh công chức và vị trí việc làm. Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phải phù hợp với từng đối tượng, từng chức danh công chức và vị trí việc làm, gắn lý thuyết với thực tiễn, có kiến thức về tri thức bản địa, phát triển bền vững về kinh tế và xã hội, về nhân học, khắc phục những lý thuyết bị trùng lặp, chồng chéo.

Thay đổi nhận thức của cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer về tầm quan trọng của chính sách đào tạo, bồi dưỡng. Đào tạo, bồi dưỡng không phải là có bằng cấp để được thăng hoa tiến chức, được đề bạt, bổ nhiệm vào vị trí này, vị trí kia, mà đào tạo, bồi dưỡng là nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc, thái độ phục vụ nhân dân; khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, mà phải tự giác vươn lên vượt qua mọi khó khăn để trưởng thành. Nhà nước chỉ tạo ra cơ chế, chính sách, còn cán bộ, công chức là người trực tiếp thực hiện chính sách. Thay đổi phong tục, tập quán, lối sinh hoạt của đồng bào dân tộc để hòa đồng với văn hóa chung, tránh tư tưởng cục bộ không thích phát triển.

Huy động các nguồn lực để thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số. Trong các nguồn lực thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer chú trọng nguồn lực tài chính cho đào tạo, bồi dưỡng. Ngân sách huyện để chi cho hoạt

động đào tạo, bồi dưỡng là không đủ, vì vậy, huyện phải huy động các nguồn lực, tranh thủ nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và tỉnh cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích cán bộ, công chức tự đi đào tạo, bồi dưỡng, trên cơ sở có cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm sau khi kết thúc đào tạo, bồi dưỡng.

KẾT LUẬN

Cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer có vai trò quan trọng đối với sự phát triển, nhiệm vụ chính trị vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long triển khai thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer đạt được những kết quả nhất định. Chất lượng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer được nâng cao, được chuẩn hóa đảm bảo theo tiêu chuẩn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên, vẫn còn một số cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, tình trạng cán bộ, công chức làm việc không theo chuyên môn đào tạo còn nhiều, đào tạo không gắn với vị trí việc làm, với quy hoạch. Các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban chấp hành Trung ương (2003), *Nghị quyết số 24-NQ/TW về Công tác dân tộc,* ban hành ngày 12/03/2003, Hà Nội.

[2]. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 26-NQ/TW về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ,* ban hành ngày 19/5/2018, Hà Nội.

[3]. Bộ Chính trị (2013), *Quy định số 164-QĐ/TW của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp,* ngày 1/2/2013, Hà Nội.

[4]. Huỳnh Văn Long (2003), *Xây dựng đội ngũ bí thư huyện uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện ở Đồng bằng sông Cửu Long ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Luận án tiến sĩ khoa học chính trị, chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

[5]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 5,* Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[6]. Trần Thanh Sang (2018), *Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp xã ở Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn hiện nay,* Luận án tiến sĩ khoa học chính trị, chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

[7]. Ngô Quang Sơn, Vũ Thị Thanh Minh (2016), "Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào Khmer trong thời gian qua thực trạng và những vấn đề đặt ra", *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, số 16, trang 7-12.

[8]. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 402/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới,* ban hành ngày 14/3/2016, Hà Nội.

[9]. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định 1832/QĐ-TTg về Khung hành động đổi mới cơ chế, chính sách đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long*, ngày 18/11/2020, Hà Nội.

[10]. Nguyễn Thu Thủy (2001), *Quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Hà Nội.

[11]. Ủy ban Dân tộc (2018), *Quyết định 162/QĐ-UBDT về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng Đề án "Chính sách ưu đãi nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số Khmer; đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long"*, ngày 26/03/2018, Hà Nội.

HIẾN ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ThS NGUYỄN KHÁNH LY[1] - ThS PHẠM THỊ THÚY HỒNG[2]

Tóm tắt:

Kiểm soát quyền lực nhà nước luôn là vấn đề cơ bản, cấp thiết của quá trình hoàn thiện nền dân chủ và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trong bài viết này, tác giả nhấn mạnh những hiến định cơ bản nhằm thực thi quyền lực nhà nước, đảm bảo quyền tự do, dân chủ của nhân dân và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Từ khoá: *Hiến pháp, kiểm soát quyền lực, nhà nước pháp quyền*

MỞ ĐẦU

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn ý thức nâng cao tính chính đáng của sự cầm quyền, chăm lo xây dựng chỉnh đốn Đảng, đảm bảo tính khách quan trong thực thi quyền lực nhà nước và đảm bảo quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Đảng ta luôn nhấn mạnh: Kiểm soát được quyền lực sẽ hạn chế và triệt tiêu việc lạm quyền, chuyên quyền, quan liêu, tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, "nhất là việc tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí trong nội bộ cơ quan, đơn vị còn yếu; tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực trong một số cơ quan, đơn vị khu vực hành chính, dịch vụ công chưa

1 Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
2 Trường Đại học Vinh

được đẩy lùi. Tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe doạ sự tồn vong của Đảng và chế độ ta" [1, tr.93]. Sự nhất quán về kiểm soát quyền lực được thể hiện rõ ràng và thống nhất từ tư tưởng chỉ đạo tại các kỳ Đại hội Đảng, Hiến pháp, Luật và cơ chế giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp; trong ý thức giám sát của đảng viên và của quần chúng nhân dân. Ngay từ buổi đầu thành lập nước, Đảng ta đã khẳng định: Nhân dân giữ vai trò là chủ thể quyết định việc thiết kế, tổ chức và xác định cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước (KSQLNN), hạn chế (tránh) sự xâm phạm về quyền trong xây dựng và tổ chức bộ máy nhà nước.

NỘI DUNG

1. Hiến định về kiểm soát quyền lực nhà nước và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay

Trước khi Hiến pháp 1992 ra đời thì khái niệm "kiểm soát quyền lực nhà nước" hay "Nhà nước pháp quyền" chưa được sử dụng một cách chính thức, nhưng hàm ý trong các điều khoản của Hiến pháp 1946, 1959, 1980 luôn nhấn mạnh cơ chế kiểm soát từ cả bên trong và bên ngoài đối với quyền lực nhà nước (QLNN).

Hiến pháp 1946 nhấn mạnh quyền giám sát đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước thuộc về Nhân dân: "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo" [2] (Điều 1). Hiến pháp cũng quy định về sự phân quyền: "Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết, nếu hai phần ba tổng số nghị viên đồng ý. Cách thức phúc quyết sẽ do luật định" [2] (Điều 32), sửa đổi Hiến pháp phải do toàn dân quyết định "Những điều thay đổi khi đã được Nghị viện ưng chuẩn thì phải đưa ra toàn dân phúc quyết" [2] (Điều 70, khoản c).

Hiến pháp 1959 tiếp tục khẳng định: "Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan Nhà nước khác đều thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ" [3] (Điều 4), thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật.

Quy định rõ hơn về quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng Nhà nước, Hiến pháp 1980 khẳng định: "Giám sát công tác của Hội đồng bộ trưởng, của Toà án nhân dân tối cao, của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao" [4] (Điều 83), "Giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, nhằm phát huy chức năng cơ quan đại biểu nhân dân của Hội đồng nhân dân" [4] (Điều 100). Mặc dù

xây dựng rất nhiều quy định liên quan đến KSQLNN, nhưng vì tổ chức QLNN khi đó theo nguyên tắc trung ương tập quyền nên chưa thực sự minh bạch trong phân công, phân nhiệm; chưa có cơ chế kiểm soát quyền lực.

Quan điểm nhận thức và thực tiễn KSQLNN có sự phát triển mới, thể hiện ở Hiến pháp 1992. Lần đầu tiên, khái niệm "Nhà nước pháp quyền" được sử dụng trong văn kiện Đảng và Nhà nước. Sự phân công, phối hợp giữa các tổ chức quản lí nhà nước và quyền lực giám sát của nhân dân được thực hiện theo nguyên tắc phân công, phối hợp và mọi quyền lực thuộc về nhân dân. "Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức" [5] (Điều 2). "Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện" [5] (Điều 3).

Hiến pháp 1992 cũng nhấn mạnh, nhân dân sử dụng QLNN thông qua cơ quan đại diện, do nhân dân bầu ra là Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Điều 8 Hiến pháp 1992 nêu rõ: "Các cơ quan Nhà nước, cán bộ, viên chức Nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tuỵ phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng" [5]. Trong Hiến pháp năm 1992, những quy định về QLNN đã có sự thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Khi Tổng Bí thư Trung ương Đảng làm trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng thì việc KSQL, nhất là lộng quyền, lạm dụng, lợi dụng quyền lực để trục lợi của một bộ phận cán bộ, đảng viên nắm giữ những vị trí chủ chốt, quan trọng bị đưa ra ánh sáng.

Đến Hiến pháp 2013, nguyên tắc phân công, phối hợp QLNN được tiếp tục khẳng định và quy định rõ hơn về các chủ thể thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. "Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp về tư pháp" [6] (Điều 2). Trong đó, "Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước" [6] (Điều 69); các cơ quan nhà nước khác, đặc biệt là Chính phủ ngoài chức năng là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất cũng có quyền tham gia vào quy trình lập hiến, lập pháp "Thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội" [6] (Điều 94); Toà án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, có nhiệm vụ "Bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền

công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân" [6] (Điều 102).

Trong quy trình quản lý nhà nước và xây dựng luật, Hiến pháp 2013 quy định: Ngoài nhiệm vụ quản lý xã hội, quản lý Nhà nước thống nhất từ Trung ương đến địa phương thì Chính phủ còn thực hiện quyền hành pháp với tư cách là cơ quan hành pháp cao nhất. Chính phủ có vai trò triển khai, tiếp nhận ý kiến phản hồi của quần chúng nhân dân để hoàn thiện các dự luật; giải trình các dự án luật khi Quốc hội có ý kiến đề nghị sửa đổi; các cơ quan nhà nước có quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhưng không được trái với Hiến pháp và luật.

Quá trình đổi mới nhận thức về KSQLNN trong lịch sử lập hiến, lập pháp của nước ta là sự vận động tất yếu, bao gồm sự kế thừa, phát triển của cả nhận thức và hoạt động thực tiễn đấu tranh với thói hư, tật xấu của bộ phận người được phân quyền nhưng lạm quyền khi thực thi nhiệm vụ. Việc phát triển và hoàn thiện các hiến định về nguyên tắc kiểm soát quyền lực và phân công, phân nhiệm, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (NNPQXHCN) của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2. Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay

2.1. Những kết quả đạt được

Ở Việt Nam hiện nay, QLNN là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Việc thiết lập cơ chế kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan quyền lực nhà nước nhằm ngăn chặn sự lạm quyền, bảo đảm QLNN được sử dụng đúng mục đích. Việc KSQLNN ở nước ta hiện nay, đặc biệt là trong 5 năm trở lại đây đã đạt được những kết quả quan trọng, hướng đến giá trị cơ bản của NNPQXHCN. Bộ máy nhà nước ngày càng hoàn thiện hơn, tính pháp lý được củng cố, năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức được hoàn thiện. Các thể chế kiểm soát quyền lực mang tính nhà nước, như: Hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội, Hội đồng nhân dân; hoạt động thanh tra của Chính phủ... được phát huy.

Cùng với quá trình dân chủ hoá và hoàn thiện các thể chế pháp lý, quyền tự do, dân chủ của nhân dân được khẳng định, sự giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, của cơ quan truyền thông và của người dân được chú trọng. Kết quả giám sát đã phanh phui nhiều vụ án tham nhũng có quy mô lớn; không ít cán bộ cao cấp thoái hoá, biến chất bị xử lý theo khung hình luật pháp; nhiều cơ chế, chính sách bất cập đã được bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tế, chất lượng lập pháp được cải thiện. Dưới áp lực của sự giám sát, hoạt động của bộ máy nhà nước đã gần với nhân dân, có trách nhiệm với nhân dân hơn; những thủ tục hành chính gây

phiền hà bị bãi bỏ; tính công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền các cấp, thái độ phục vụ nhân dân của công chức nhà nước được cải thiện.

2.2. Những tồn tại, hạn chế

Một là, việc ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền, chuyên quyền từ cán bộ thực thi và cơ quan công quyền trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước chưa hiệu quả. Những vụ việc liên quan đến sự tha hoá quyền lực thời gian gần đây như các vụ án "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", "Đưa hối lộ", "Tham ô tài sản", "Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản", "Tổ chức đánh bài, đánh bạc"... không được ngăn chặn, xử lý kịp thời đã để lại những hậu quả nghiêm trọng, tổn thất số lượng lớn tài sản của nhà nước, của nhân dân. Một số trường hợp cán bộ, nhân dân đấu tranh chống tham nhũng bị cô lập, trù dập, phải chịu oan ức, thiệt thòi.

Hai là, vấn đề thực thi cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước vẫn còn mang tính hình thức và kém hiệu quả.

Hoạt động giám sát rất phong phú nhưng vấn đề thực chất thực thi còn mờ nhạt, sức ảnh hưởng đối với các chủ thể bị giám sát không lớn, chủ yếu dừng lại ở việc kiến nghị. Nhiều vấn đề nổi cộm, bức xúc của nhân dân được nêu ra trên các diễn đàn của Quốc hội và Hội đồng nhân dân nhưng không được làm rõ kịp thời, không đi đến tận cùng của vấn đề. Giám sát mang tính hình thức, xử lý sau giám sát chưa cao, chế tài chưa đủ mạnh và có những lĩnh vực mặc dù được giám sát, chất vấn nhiều nhưng việc khắc phục rất chậm, khiến dư luận xã hội bức xúc.

Công tác kiểm tra, phòng ngừa sai phạm, khuyết điểm còn bị động, chạy theo vụ việc nổi cộm; xử lý theo xu hướng quan tâm của dư luận, dẫn đến chậm phát hiện và xử lý các vi phạm lớn.

Một số cán bộ Thanh tra Nhà nước có tâm lý ngại va chạm nên khi phát hiện và xử lý các hiện tượng quan liêu, tham nhũng không hiệu quả. Giải quyết khiếu nại, tố cáo ở một số địa phương còn hữu khuynh, né tránh, dẫn đến tố cáo vượt cấp, kéo dài.

Cơ chế cho hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên chưa nhiều nên sức ảnh hưởng không lớn. Các phương tiện thông tin đại chúng còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận thông tin. Các thiết chế làm chủ của nhân dân còn hình thức, khó thực hiện.

Một bộ phận nhỏ cán bộ thực thi nhiệm vụ trong cơ quan tư pháp yếu chuyên môn, nghiệp vụ, không làm tròn trách nhiệm, không bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của người dân; việc giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp giữa công dân với cơ quan nhà nước còn thiên vị dẫn tới dư luận xã hội bất bình.

Ba là, hoạt động kiểm soát quyền lực chưa chặt chẽ, chưa đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Vấn đề kiểm soát quyền lực còn yếu nên dẫn đến các quyền tự do, dân chủ của nhân dân (tự do báo chí, hội họp, thông tin...) cũng bị ảnh hưởng; quyền bãi miễn của nhân dân đối với đại biểu không còn tín nhiệm trên thực tế chưa được thực hiện nghiêm túc; quyền bầu cử mang tính dân chủ hình thức.

3. Một số giải pháp cơ bản góp phần hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực ở nước ta hiện nay

Thứ nhất, đổi mới nhận thức về kiểm soát quyền lực; xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu, chống "chạy chức, chạy quyền". Thực tiễn vận hành của mô hình quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay cho thấy cần phải thiết lập được cơ chế kiểm soát quyền lực, nhấn mạnh kiểm soát lẫn nhau từ bên trong các thiết chế quyền lực; nhấn mạnh công tác bầu cử và chọn người đại diện cho quyền lực của nhân dân. Quá trình hiện thực hoá cơ chế kiểm soát quyền lực từ trung ương đến địa phương phải có sự phân công, phân nhiệm để vừa đảm bảo tính độc lập trong thực thi nhiệm vụ, vừa kiểm soát chéo để ngăn chặn sự lạm quyền của bộ phận nào đó trong hệ thống quyền lực. Phân công quyền lực và kiểm soát quyền lực phải nằm trong mối quan hệ biện chứng, là tiền đề, điều kiện của nhau trong thực thi nhiệm vụ và kiểm soát quyền lực; nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, hoàn thiện các cơ chế kiểm soát từ bên ngoài. Xây dựng cơ chế công khai, minh bạch về mọi hoạt động của cơ quan công quyền, tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các cơ quan truyền thông và nhân dân giám sát quyền lực.

Thứ hai, phải xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, thống nhất từ trung ương đến địa phương, coi đó là nội dung trọng tâm của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Muốn đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền, cần xây dựng thể chế kiểm soát quyền lực trong bộ máy của Đảng. Cần xây dựng cơ chế bỏ phiếu tín nhiệm thường kỳ đối với các cá nhân lãnh đạo; thăm dò, điều tra dư luận để nắm bắt ý kiến của quần chúng, đảng viên đối với tổ chức Đảng và cán bộ đảng viên; công bố kết quả công khai để nhân dân biết. Ngoài việc thể chế hoá vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ cơ bản giữa Đảng và Nhà nước cũng cần có cơ chế nghiêm minh trong xử lý những quan điểm, chính sách vi hiến. Phải coi việc kiểm soát quyền lực là một trong những tiêu chí đánh giá trình độ pháp quyền, dân chủ quốc gia.

Thứ ba, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực theo hướng đảm bảo và mở rộng các quyền tự do, dân chủ nhân dân. Lịch sử phát triển của xã hội loài người là lịch sử đấu tranh cho quyền tự do, dân chủ. Để người dân làm chủ, để dân chủ trở nên thực chất, trở thành hành động và thói quen cần tạo cơ chế, điều kiện thuận lợi để người dân dễ dàng thực hiện quyền làm chủ của mình. Giải quyết những bất đồng, tranh chấp

trong khiếu nại, tố cáo một cách công bằng, minh bạch theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Nâng cao dân trí là điều kiện đầu tiên để các quyền tự do bầu cử, ứng cử; tự do tư tưởng, ngôn luận; tiếp cận được thông tin... được vận hành hiệu quả.

KẾT LUẬN

Việc hệ thống những quan điểm về kiểm soát quyền lực nhà nước xuyên suốt trong lịch sử Hiến pháp Việt Nam không chỉ là thống kê lôgic mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ về nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (1946), *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,* truy cập ngày 16/8/2022 tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1946-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36134.aspx.

[3]. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (1959), *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,* truy cập ngày 18/8/2022 tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1959-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36855.aspx.

[4]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1980), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, truy cập ngày 19/8/2022 tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1980-Cong-hoa-Xa-hoi-Chu-Nghia-Viet-Nam-36948.aspx.

[5]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩaViệt Nam (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* truy cập ngày 20/8/2022 tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1992-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-Viet-nam-38238.aspx.

[6]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩaViệt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, truy cập ngày 20/8/2022 tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NGANG TẦM YÊU CẦU, NHIỆM VỤ THỜI KỲ MỚI

ThS NGUYỄN THỊ LOAN - ThS NGUYỄN THÙY DUNG[1]

Tóm tắt:

Xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị (LLCT) đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ là việc làm thường xuyên được coi trọng của các cấp ủy Đảng, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Hiện nay, nhìn chung đội ngũ giảng viên giảng dạy LLCT ở nước ta đều đáp ứng được tiêu chuẩn, yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trong tình hình mới, các cấp ủy Đảng, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT cần tiếp tục xác định rõ những yêu cầu và tìm ra giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên vững mạnh, thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong công tác nghiên cứu, giảng dạy LLCT; tham gia tư vấn chính sách cho Đảng, nhà nước; tích cực trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Từ khóa: *đội ngũ giảng viên, giảng viên lý luận chính trị, xây dựng đội ngũ.*

MỞ ĐẦU

Thực tiễn đổi mới và hội nhập quốc tế đang đặt ra những vấn đề cấp bách, đòi hỏi công tác lý luận, nhất là hoạt động nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị phải vươn lên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Xây dựng đội ngũ giảng viên LLCT đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới là góp phần nâng cao sức mạnh lực lượng tham gia nghiên cứu, giảng dạy LLCT; tham gia tư vấn chính sách cho Đảng, Nhà nước; tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống,

1 Trường Chính trị Nghệ An

những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII xác định: "Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam"[5, tr.181-182]... "Tiếp tục đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nghiên cứu lý luận"[5, tr.182]...."Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại"[5, tr.182-183]...

Trước thời và thế mới, việc xây dựng đội ngũ giảng viên LLCT vững mạnh là việc làm cấp thiết cần được các cấp ủy Đảng, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT chú trọng và quan tâm đúng mức.

NỘI DUNG

1. Thực trạng chất lượng đội ngũ giảng viên LLCT

Xác định công tác giảng dạy LLCT là nhiệm vụ trọng yếu trong công tác tư tưởng của Đảng, trong đó nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên là then chốt, thời gian qua các cấp ủy Đảng, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT đã thường xuyên tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên vững mạnh. Nhờ triển khai đồng bộ nhiều giải pháp quyết liệt chất lượng giảng viên giảng dạy LLCT ngày càng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Nhìn chung, đội ngũ giảng viên LLCT đạt yêu cầu về số lượng; cơ cấu theo ngạch bậc, độ tuổi; giới tính; chất lượng cơ bản đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ giảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, tin tưởng vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn; được đào tạo cơ bản cả về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, tin học.

Đa số giảng viên có kiến thức sâu về chuyên ngành thuộc chuyên môn giảng dạy và tri thức về các môn thuộc ngành khoa học xã hội - nhân văn khác. Nhiều giảng viên có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực và các phương tiện kỹ thuật hiện đại nhằm nâng cao chất lượng bài giảng.

Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn. Nhiều giảng viên là những chuyên gia đầu ngành tham gia tư vấn chính sách cho Đảng, Nhà nước ở trung ương và địa phương; tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị... Các đề tài, công trình nghiên cứu của giảng viên ngày càng phong phú về nội dung, tốt về chất lượng, có nhiều công trình nghiên cứu được áp dụng thành công

vào quá trình giảng dạy và có những đóng góp đáng kể vào công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển kinh tế - xã hội cho quê hương, đất nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong những năm gần đây, mặc dù đội ngũ giảng viên đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, nhưng ở một số cơ sở đào tạo, bồi dưỡng số lượng giảng viên có trình độ chuyên môn cao chưa nhiều; cơ cấu về độ tuổi, giới tính chưa thật sự cân đối và phù hợp (số giảng viên trẻ chiếm tỷ lệ cao; giảng viên nữ chiếm số đông; số giảng viên được bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh...) chưa nhiều; năng lực giảng dạy và kiến thức thực tiễn của một bộ phận giảng viên, nhất là giảng viên trẻ còn có những bất cập so với yêu cầu, nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng LLCT trong thời kỳ mới; Phương pháp giảng dạy, học tập chậm được đổi mới, nặng về truyền đạt kiến thức, chưa phát huy được tính tích cực, sáng tạo của người học, một số cán bộ, giảng viên còn thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lý, nghiệp vụ hành chính, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học; khả năng kết hợp giữa lý luận và thực tiễn chưa thực sự nhuần nhuyễn; một số giảng viên có tư tưởng thỏa mãn, bằng lòng, chưa có ý thức tự học, tự rèn luyện, nghiên cứu nhằm nâng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; sự hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước còn chưa sâu sắc, chưa toàn diện và thiếu tính hệ thống; một số giảng viên chưa đạt trình độ LLCT theo yêu cầu; cá biệt vẫn có giảng viên có biểu hiện nói và viết thiếu chuẩn mực, họ đã mượn diễn đàn giảng dạy để khai thác nhiều vấn đề tiêu cực của xã hội, nói về sự bất mãn của cá nhân... Điều đó đã gây tâm lý tiêu cực, giảm sút niềm tin cho người học... Hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia tổng kết thực tiễn có mặt còn hạn chế, năng lực nghiên cứu khoa học của một bộ phận giảng viên còn nhiều bất cập. Chưa tích cực tham gia và có những bài viết lý luận sắc bén trong công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Mặt khác, những năm gần đây, sự xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đang làm băng hoại nền đạo đức xã hội, băng hoại truyền thống nhân văn của dân tộc. Các thế lực phản động, thù địch đang ra sức tấn công nền tảng tư tưởng của Đảng, chống phá cách mạng với đủ chiêu trò, một trong những đối tượng chúng hướng đến là đội ngũ cán bộ, đảng viên suy thoái hoặc có biểu hiện bất mãn... Trong đó, cán bộ, giảng viên nghiên cứu, giảng dạy LLCT không là ngoại lệ. Đây là những thách thức lớn nhất của công cuộc đổi mới đất nước, là nguy cơ đe dọa sự sống còn của chế độ ta, làm giảm sút uy tín của Đảng, Nhà nước, làm xói mòn lòng tin của quần chúng nhân dân vào Đảng, vào chế độ, cản trở sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước... Hơn lúc nào hết Đảng, nhà nước Việt Nam đang rất cần một lực lượng cán bộ, giảng

viên LLCT ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ mới, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng để nghiên cứu, giảng dạy LLCT; tham gia tư vấn chính sách cho Đảng, Nhà nước; tham gia có hiệu quả trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, xuống cấp về đạo đức xã hội, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

2. Yêu cầu đối với giảng viên LLCT trong giai đoạn hiện nay

Thứ nhất, giữ vững phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng

Đây là yêu cầu hàng đầu của người giảng viên giảng dạy LLCT, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Đội ngũ giảng viên phải là người nắm vững và trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, thực sự là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Gương mẫu thực hiện nghiêm đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; kiên quyết đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, chống phá của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Cùng với phẩm chất chính trị, người giảng viên còn phải có đạo đức cách mạng trong sáng. Đó là lòng yêu nghề, tâm huyết và trách nhiệm với những nhiệm vụ mà nghề nghiệp đặt ra. Mỗi giảng viên phải là một tấm gương không ngừng tu dưỡng, giữ gìn bản lĩnh chính trị, đạo đức lối sống... Họ cần ý thức rõ trách nhiệm của nghề nghiệp, có kế hoạch thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao kiến thức mọi mặt để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đó là sự khẳng định giá trị định hướng niềm tin về mục tiêu, lý trưởng của Đảng, của chế độ trong thời và thế mới. Có bản lĩnh vững vàng để người giảng viên kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Đảng thông qua việc khẳng định những giá trị to lớn, vượt thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định tính đúng đắn trong từng chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước; không giao động, hoang mang trước những vấn đề nóng, vấn đề khó của đất nước. Người giảng viên giảng dạy LLCT cần có "nhãn quan chính trị tinh thông" để biết khai thác và chỉ ra những giá trị đích thực trong mỗi chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước; trong cách lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trước các sự việc, sự kiện nẩy sinh trong đời sống, định hướng dư luận theo chiều hướng tích cực.

Thứ hai, không ngừng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ

Giảng viên giảng dạy LLCT phải là người thật sự thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng chính sách, pháp luật của Nhà nước để truyền thụ, định hướng cho người học giúp họ có được nhận thức và hành động đúng đắn.

Ngoài ra, họ phải không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt, trong đó chú trọng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức thực tiễn. Bởi chỉ khi có trí tuệ, kiến thức "đủ tầm", người giảng viên mới đủ khả năng phân tích, tổng hợp và chỉ ra "chân lý" để định hướng suy nghĩ và hành động của người khác theo hướng tích cực.

Ba là, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy

Hiện nay, việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực đang trở thành một yêu cầu không thể thiếu trong công tác giảng dạy LLCT. Sự lựa chọn và sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với từng môn học, từng đối tượng cũng là một bước quan trọng góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng LLCT.

Đổi mới phương pháp giảng dạy đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và người học; trong đó, giảng viên giữ vai trò chủ đạo, lấy người học làm trung tâm. Trước hết giảng viên phải thiết kế giáo án cho phù hợp với cách dạy mới. Giảng viên chỉ nêu lên các nội dung rất cơ bản, sau đó phải chỉ ra phương pháp để người học tìm hiểu, nghiên cứu tranh luận và dẫn dắt người học đi tìm được câu trả lời đúng. Ngoài ra, đòi hỏi giảng viên phải có phương pháp tiếp cận thông tin mới, biết khai thác và sử dụng các trang thiết bị hiện đại làm "công cụ hỗ trợ" đắc lực cho quá trình giảng dạy.

Bốn là, có năng lực nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn

Các môn lý luận chính trị thường rất trừu tượng, tư duy khái quát cao. Nhận thức, lượng kiến thức thu nhận được của người học phụ thuộc rất nhiều vào trình độ kiến thức, năng lực lý luận và thực tiễn; phẩm chất, nhân cách đạo đức cũng như phương pháp truyền đạt của người thầy.

Bài giảng LLCT sẽ hấp dẫn, lôi cuốn người học, giúp người học dễ hiểu, dễ nhớ là khi mỗi bài giảng được người giảng viên gắn với thực tiễn sinh động của đời sống xã hội. Muốn làm được điều đó, người giảng viên phải có phông kiến thức rộng liên ngành, phải tích cực nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, đi thực tế; tham gia nhiều các diễn đàn khoa học... để tích lũy kiến thức thực tiễn. Đây chính là nguồn dẫn chứng, ví dụ, liên hệ sinh động trong mỗi bài giảng để giảng viên làm mềm hóa những kiến thức lý luận.

3. Giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên LLCT trong giai đoạn hiện nay

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng LLCT nói riêng, sự phát triển xã hội nói chung, các cấp ủy Đảng, các cơ sở đào tạo LLCT cần tiếp tục có những giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên LLCT vững mạnh toàn diện, cụ thể:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên

Trước hết, Đảng, Nhà nước cần có định hướng, rà soát tổng thể về số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên LLCT trong hệ thống.

Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT tiến hành quy hoạch đội ngũ giảng viên trên cơ sở cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, chất lượng và xu hướng phát triển của đơn vị. Hàng năm, rà soát đánh giá, bổ sung quy hoạch. Tiến hành quy hoạch đội ngũ giảng viên theo yêu cầu giảng dạy các bộ môn.

Thực hiện luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác theo đúng quy định, phù hợp với thực tế đội ngũ giảng viên của từng đơn vị. Đáp ứng đủ số lượng hiện tại và số lượng cần tuyển dụng thêm để bổ sung cho các giai đoạn kế tiếp.

Thực hiện tốt quy hoạch cơ cấu, bao gồm cơ cấu độ tuổi hợp lý, giới tính, đảm bảo tính kế thừa, liên tục đồng thời đáp ứng nhu cầu bổ nhiệm trước mắt và lâu dài; bảo đảm tính kế thừa, phát triển. Khi quy hoạch phải xác định trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị là những tiêu chí hàng đầu cho từng vị trí việc làm.

Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch; đào tạo trước khi bổ nhiệm và phải trên cơ sở quy hoạch.

Quy hoạch phải thực sự gắn kết với các khâu khác trong công tác cán bộ: nhận xét đánh giá; đào tạo, bồi dưỡng; luân chuyển, sắp xếp, bố trí, sử dụng. Quy hoạch phải mang tính khoa học và thực tiễn, tạo động lực thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của giảng viên, đề phòng cơ hội, máy móc. Thực hiện quy hoạch "động" và "mở". Thực hiện công khai trong công tác quy hoạch.

Đối với các cơ sở đào tạo chuyên ngành lý luận chính trị, trong tuyển sinh đầu vào cần có cơ chế để thu hút học sinh giỏi đăng ký vào học. Trong đào tạo cần xây dựng kế hoạch đào tạo cơ bản, chuyên sâu theo yêu cầu của thực tiễn đang đặt ra. Tạo điều kiện, cơ hội để giữ lại khoa chuyên môn những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc để tiếp tục bổ sung lực lượng nghiên cứu, giảng dạy LLCT trong giai đoạn mới.

Thứ hai, tiếp tục nâng cao trình độ, phẩm chất cho đội ngũ giảng viên

Coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đảm bảo theo tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Xác định giảng viên LLCT phải là tấm gương tự học, học tập suốt đời; có thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng; có bản lĩnh chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong, trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên, giảng viên trong việc giảng dạy LLCT; có phương pháp tư duy khoa học, khả năng vận dụng lý luận và năng lực tổng kết thực tiễn. Giảng viên LLCT trước hết phải là cán bộ, đảng viên của Đảng; được tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những tri thức văn hóa, chính trị, xã hội khác phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đáp ứng ba yêu cầu: "vững vàng về lý luận, nhuần nhuyễn về phương pháp, sâu sát về thực tiễn". Trên cơ sở cơ cấu, quy hoạch đội giảng viên, hàng năm bố trí cho giảng viên đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên sâu theo các chuyên ngành. Mặt khác, cần có kế hoạch hàng năm bố trí cho đội ngũ giảng viên đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đi thực tế, tổng kết thực tiễn. Đối với đội ngũ giảng viên đã có quá trình trải qua thực tiễn công tác ở các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị thì hàng năm bố trí đi thực tế ít nhất một tháng, để tiếp cận thực tiễn.

Đối với đội ngũ giảng viên trẻ, chưa qua thực tiễn công tác ở cơ sở, cần bố trí về công tác ở các địa phương, cơ quan, đơn vị, trong hệ thống chính trị ít nhất 6 tháng đến một năm, tùy theo đội tuổi và chuyên ngành giảng dạy, sau đó hàng năm, mỗi năm đi thực tế một tháng để tích lũy kiến thức thực tiễn. Quá trình đi thực tế cơ sở tổng kết thực tiễn của giảng viên cần theo một chương trình, kế hoạch và đề cương được lãnh đạo các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT phê duyệt với yêu cầu, nội dung cụ thể, hết thời gian thực tế phải có bài thu hoạch được nghiệm thu kết quả làm cơ sở đánh giá xếp loại giảng viên hàng năm. Đi đôi với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, kiến thức thực tiễn cần quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giảng viên. Hàng năm các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT cần quan tâm cử giảng viên đi dự các lớp tập huấn ngắn hạn, dài hạn về chuyên môn nghiệp vụ. Tiếp tục phối hợp mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học tích cực cho đội ngũ giảng viên. Quy định tiêu chuẩn bắt buộc giáo viên đứng lớp phải có chứng chỉ sư phạm (nếu không phải tốt nghiệp ở các trường sư phạm). Đẩy mạnh phong trào thi đua đổi mới phương pháp dạy học, thao giảng, dự giờ, thi giảng viên giỏi các cấp, tăng cường kiểm tra giáo án, tổ chức hội thảo khoa học, sinh hoạt chuyên môn...

Thứ ba, xây dựng môi trường làm việc tốt, kịp thời động viên, khích lệ đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên là nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi cơ sở đào tạo trong mọi giai đoạn lịch sử. Chính vì vậy, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT luôn phải quan tâm tạo dựng môi trường công tác thuận lợi để giảng viên say sưa, tâm huyết, sáng tạo, phát triển tài năng, cống hiến trưởng thành. Muốn vậy, cần phải tiếp tục đổi mới công tác đánh giá, bố trí sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ. Đánh giá cán bộ, giảng viên phải trên cơ sở tiêu chí cụ thể, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, uy tín trong tập thể cán bộ, giảng viên. Quá trình đánh giá phải được tiến hành theo một quy trình công khai dân chủ, đảm bảo công bằng, khách quan. Tiếp tục rà soát bổ sung hoàn thiện quy trình bố trí, đề bạt và thực hiện chính sách cán bộ. Thông qua việc đánh giá cán bộ

về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, uy tín, năng lực sở trường, hiệu quả công tác,... để thực hiện chính sách cán bộ. Phải thường xuyên quan tâm, cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ giảng viên. Tạo điều kiện để giảng viên nâng cao thu nhập, đảm bảo đời sống gia đình bằng chính lao động nghề nghiệp của mình. Đổi mới trang thiết bị dạy học, nhất là phương tiện ứng dụng công nghệ thông tin để giảng viên cải thiện điều kiện, nâng cao chất lượng giảng dạy. Phải xây dựng trong nhà trường một môi trường sư phạm, công bằng, dân chủ, đoàn kết, thân ái, đầy tình đồng chí, đồng nghiệp. Ở trong môi trường đó ai cũng thấy mình được quan tâm, được đối xử công bằng, đều có điều kiện phát huy năng lực sở trường, tự do sáng tạo, đều có cơ hội cống hiến trưởng thành.

Thứ tư, đảm bảo chế độ chính sách cho đội ngũ giảng viên

Thực hiện đúng và đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách của Nhà nước đối với đội ngũ giảng viên. Cán bộ, giảng viên đi học, được hưởng nguyên lương và các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT cần có cơ chế, chính sách riêng nhằm động viên, khuyến khích đội ngũ giảng viên không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt.

Xây dựng các chính sách thu hút nhân tài về làm việc tại đơn vị, đặc biệt là những người có trình độ cao, cán bộ các chuyên ngành đã qua công tác thực tiễn: Hỗ trợ kinh phí ban đầu, ưu tiên chính sách lương, tạo môi trường, vị trí, điều kiện làm việc thuận lợi...

Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng. Ghi nhận và biểu dương khen thưởng kịp thời cả về vật chất lẫn tinh thần đối với những thành tích và đóng góp của giảng viên, động viên sự nỗ lực phấn đấu, tận tụy, trách nhiệm với công việc của giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu.

KẾT LUẬN

Xây đội ngũ giảng viên lý luận chính trị vững mạnh là yêu cầu cấp thiết của Đảng, Nhà nước nói chung, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng LLCT nói riêng trong giai đoạn hiện nay. Với góc nhìn từ thực trạng chất lượng đội ngũ giảng viên lý LLCT và yêu cầu đặt ra trong công tác nghiên cứu, giảng dạy LLCT trong tình hình mới, chúng tôi mạnh dạn đề xuất những yêu cầu và giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên LLCT trong giai đoạn hiện nay. Nếu được áp dụng và triển khai đồng bộ, tin rằng những định hướng về công tác nghiên cứu, giảng dạy LLCT trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng sẽ được hiện thực hóa trong thực tiễn; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với mở cửa và hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2021) Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XIII của Đảng *về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ"*, Hà Nội.

[2] Bộ Chính trị (2014), *Nghị quyết 32-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý*, ban hành ngày 26 tháng 5 năm 2014, Hà Nội.

[3] Bộ Chính trị (2014), *Nghị quyết số 37-NQ/TW về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*, ban hành ngày 9 tháng 10 năm 2014, Hà Nội.

[4] Bộ Chính trị, *Nghị quyết 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, ngày 22 tháng 10 năm 2018, Hà Nội.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NGHỆ AN

ThS DOÃN THỊ MAI THỦY[1]

Tóm tắt:

Tư tưởng, đạo đức và phong cách của Hồ Chí Minh nếu được thấm nhuần, sẽ biến thành sức mạnh vĩ đại đưa đất nước đi đến mục tiêu đã chọn. Đồng thời những giá trị đạo đức của Người sẽ có tác dụng thiết thực đến đời sống xã hội, mà trước hết mỗi học sinh, sinh viên - lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, sự cần thiết phải tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ quan trọng hiện nay đối với tất cả các trường đại học và cao đẳng nói chung và Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An nói riêng.

Từ khóa: *đạo đức, học sinh, sinh viên trường, phong cách của Hồ Chí Minh*

MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh không những để lại cho dân tộc ta một di sản vô cùng quý giá về tư tưởng, mà còn là tấm gương đạo đức sáng ngời, phong cách tiêu biểu và sinh động nhất. Sự cổ vũ to lớn và sức cảm hóa mãnh liệt của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã tạo nên sức mạnh vĩ đại của dân tộc ta trong những chặng đường đấu tranh giải phóng dân tộc và sự nghiệp xây dựng đất nước.

Cuộc đời Hồ Chí Minh là một biểu tượng trong sáng, cao đẹp về chí khí cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng yêu nước, yêu nhân dân tha thiết, đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, tác phong khiêm tốn, giản dị. Người để lại cho chúng ta một tấm gương sáng, về lòng nhân hậu, một tình cảm chan chứa yêu thương, vì nước, vì dân, vì Đảng; một trí tuệ anh minh, mẫn tiệp; một tầm nhìn xa rộng, sâu sắc; một mẫu mực tuyệt vời về phong cách tư duy, phong cách diễn

1 Trường CĐSP Nghệ An

đạt, phong cách làm việc; phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt; sự nhất quán giữa tư tưởng và hành động, giữa nói và làm.

NỘI DUNG

1. Sự cần thiết phải tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

Trong giai đoạn hiện nay, tư tưởng, đạo đức và phong cách của Người nếu được thấm nhuần, sẽ biến thành sức mạnh vĩ đại đưa đất nước đi đến mục tiêu đã chọn. Đồng thời những giá trị đạo đức của Người sẽ có tác dụng thiết thực đến đời sống xã hội, mà trước hết mỗi học sinh, sinh viên - lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng. Chính vì vậy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ quan trọng hiện nay đối với tất cả các trường đại học và cao đẳng nói chung và Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An nói riêng.

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn giành sự quan tâm đặc biệt đối với hệ hệ trẻ. Trong thư gửi các bạn thanh niên ngày 17.8.1947, viết: "*Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại thì phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc để chuẩn bị tương lai đó*" [4, tr.185].

Trong bối cảnh hội nhập và mở cửa hiện nay, đất nước đang đứng trước những thời cơ và thách thức lớn lao, hơn bao giờ hết, vai trò và trách nhiệm của thanh niên, của thế hệ trẻ càng vinh dự và nặng nề.

Hiện nay để lực lượng thanh niên nói chung, học sinh, sinh viên nói riêng thực hiện tốt Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta cần trang bị cho họ về thế giới quan duy vật, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và phương pháp luận biện chứng, nhằm giúp họ nhận thức đúng về vai trò của mình mà có tư tưởng, hành động cách mạng tiến công, từng bước hình thành, hoàn thiện và phát triển toàn diện nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện lời dạy của Người, trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, sự đoàn kết nhất trí của cán bộ, giảng viên, sự nỗ lực học tập, rèn luyện của các em học sinh, sinh viên, Nhà trường đã gặt hái được nhiều thành tích quan trọng, trong đó có thành tích về công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong thời gian qua được Đảng ủy, Ban Giám hiệu chỉ đạo đến các Phòng, Ban, Khoa, các Tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên phối hợp triển khai thường xuyên, đổi mới và cập nhật. Nội dung giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên được lồng ghép trong các môn

học như: Pháp luật, Chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tâm lý học, Giáo dục học... Đặc biệt Nhà trường triển khai toàn diện cho tất cả cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên học tập theo tinh thần Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị ngày 15/5/2016.

Cuộc vận động "Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"; phong trào "Sinh viên 5 tốt", các hoạt động Tình nguyện hè, Tiếp sức mùa thi, các cuộc thi: Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Tiếng hát học sinh, sinh viên... đều được học sinh, sinh viên tích cực tham gia và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường còn tổ chức đợt thi đua toàn diện, thi đua chuyên đề với nhiều hoạt động hướng vào giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

Tuy nhiên, trước tình hình chung của sự suy thoái đạo đức lối sống của giới trẻ hiện nay, sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An không tránh khỏi sự ảnh hưởng. Biểu hiện là không ít đoàn viên, thanh niên không quan tâm đến học tập, tu dưỡng đạo đức, chỉ thích hưởng thụ. Một số em bỏ học, học hình thức, sa vào các quán game, net; "sống thử", quan hệ tình dục trước hôn nhân, vi phạm luật giao thông, uống rượu say, cờ bạc, lười lao động và học tập, không dám đấu tranh với những biểu hiện sai trái, thờ ơ vô cảm, thiếu kỹ năng sống...

Đáng lo ngại hơn nhiều sinh viên cho rằng đó là chuyện bình thường. Họ đang xa rời những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, coi thường kỷ cương pháp luật, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng, khai thác những hiện tượng tiêu cực đó để tiến hành chiến lược "Diễn biến hòa bình" nhằm chống phá, sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

2. Một số giải pháp nhằm tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho học sinh - sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An.

Để nâng cao chất lượng công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An thời kỳ đổi mới hiện nay, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, cần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong toàn trường.

Lúc sinh thời Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh và khẳng định rằng: Một tấm gương sống còn có giá trị hơn 100 bài diễn văn tuyên truyền. Người nói thầy tốt thì ảnh hưởng tốt, người xấu thì ảnh hưởng xấu. Một hành vi xấu của thầy có thể làm tổn thương, làm mất lòng tin của cả một lớp người. Ngược lại một tấm gương sáng của người thầy sẽ có cả một thế hệ noi theo.

Theo Hồ Chí Minh: "Nhiệm vụ giáo dục rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục, không có giáo dục thì không có cán bộ thì

không nói gì đến kinh tế - văn hóa" [5. 184]. Cho nên trong mọi chương trình, mọi chính sách, tài liệu giáo khoa dù hay đến đâu nếu không có thầy giáo tốt thì không có tác dụng dì với thế hệ trẻ. Người nói: Thời trước, giáo dục là gõ đầu trẻ để kiếm cơm. Bây giờ nhiệm vụ khác trước, các cô, các chú có nhiệm vụ bồi dưỡng công dân, mục đích bây giờ là phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, đào tạo lớp cán bộ mới.

Do đó, trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện, có thể giáo dục cho học sinh, sinh viên điều hay, lẽ phải, ý thức được chủ nhân tương lai của đất nước thì bản thân nhà giáo dục phải tự giáo dục. Nếu đội ngũ cán bộ, giảng viên tốt, gương mẫu, công tác quản lý trong trường học khách quan, khoa học sẽ tạo ra môi trường cơ hội cho sinh viên học hỏi, tạo ra sự thống nhất ý chí trong nhà trường, định hướng phát triển cho hoạt động giáo dục trên cơ sở mục tiêu chung hướng tới sự nỗ lực của mọi người vào mục tiêu đó, tổ chức, điều hòa, phối hợp, hướng dẫn hoạt động của các cá nhân trong quá trình giáo dục, tạo động lực cho mọi cá nhân, tạo môi trường và điều kiện bảo đảm phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả.

Hai là, tăng cường các hoạt động giáo dục ngoại khóa, các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh, sinh viên.

Việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho học sinh, sinh viên cần phải thông qua hoạt động giáo dục ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp được thông qua các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ dưới nhiều hình thức sẽ giúp học sinh, sinh viên hình thành kỹ năng sống và mạnh dạn hơn trong giao tiếp. Nên tập hợp thu hút sinh viên vào các hoạt động bổ ích, thiết thực như câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, hội thi nữ sinh thanh lịch, các cuộc thi tìm hiểu về cuộc sống dân tộc và cách mạng, hoạt động văn hóa thể thao, cuộc thi rung chuông vàng, cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh với tên gọi ánh sáng soi đường cần được khuyến khích, duy trì tập hợp giáo dục, thuyết phục học sinh, sinh viên, qua đó giúp học sinh, sinh viên có cơ hội rèn luyện bản lĩnh cá nhân và tinh thần làm việc nhóm. Kêu gọi sinh viên tham gia các phong trào tình nguyện, chiến dịch mùa hè xanh. Tổ chức các buổi hội thảo, tuyên truyền lên án các tệ nạn xã hội. Tích cực đấu tranh chống các hình thức mê tín dị đoan, sử dụng văn hóa phẩm độc hại. Đoàn Thanh niên cần tổ chức cho các đoàn viên, thanh niên đăng ký, cam kết không mua bán, tàng trữ sử dụng chất ma túy và không sa vào các tệ nạn xã hội, cổ vũ học sinh, sinh viên tham gia các cuộc vận động "Tuổi trẻ sống đẹp", "Sống và làm việc theo pháp luật", đẩy mạnh các hoạt động giao lưu thể thao, văn hóa, văn nghệ lành mạnh, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho học sinh, sinh viên. Kết thúc các hoạt động cần nêu gương, biểu dương các tấm gương xuất sắc, điển hình để học sinh, sinh viên có lối sống tích cực

Thứ ba, giáo dục ý thức tự giác, cần cù, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên.

Tự học và rèn luyện là một trong những yếu tố quyết định đến kết quả học tập của người học. Trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi học sinh, sinh viên phải có ý chí nghị lực và quyết tâm cao nhằm phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động sáng tạo trong học tập. Đây chính là điều kiện cần thiết để các em có thể đáp ứng được những yêu cầu mới của xã hội đặt ra. Vì vậy việc giáo dục cho học sinh, sinh viên những điều trên sẽ góp phần tạo nên bản lĩnh trí tuệ cho họ trong nền kinh tế tri thức, quan tâm hơn công tác thi đua và tạo môi trường thi đua, "thầy thi đua dạy, trò thi đua học", thi đua trong trường và thi đua giữa các trường với nhau. Khi đã phát động thi đua thì phải có tổng kết, đánh giá, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tấm gương người tốt, việc tốt, phê phán đúng mức các hiện tượng sai trái, đúng người, đúng tội, xử lý nghiêm và công khai các hành vi, vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế nhà trường.

Bốn là, làm tốt công tác phát triển Đảng trong học sinh, sinh viên.

Xác định sinh viên các trường đại học và cao đẳng là nguồn cơ bản nhất để xây dựng và phát triển đội ngũ tri thức. Công tác phát triển Đảng viên trong sinh viên là hoạt động của tổ chức Đảng có thẩm quyền thực hiện các nội dung, các bước, các quy trình, thủ tục để đưa các quần chúng ưu tú là sinh viên vào Đảng, nhằm thực hiện mục tiêu, quan điểm của Đảng ở đâu có quần chúng thì ở đó có Đảng viên, ở đâu có tổ chức thì ở đó có tổ chức Đảng. Để tuyên truyền, lãnh đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng công tác chính trị phát triển Đảng viên trong sinh viên của cấp ủy Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên của các trường đại học và cao đẳng là rất cần thiết.

Công tác phát triển Đảng viên trẻ chứa đựng tính năng động, sáng tạo rất cao trong sinh viên. Sinh viên thường tích cực, chủ động tham gia hiệu quả các phong trào thanh niên, chương trình tình nguyện, phát triển cộng đồng, nghiên cứu khoa học, phát triển xã hội khi nhận được sự quan tâm định hướng đúng đắn của các cấp ủy, tổ chức đoàn hội nơi sinh viên học tập. Thông qua công tác phát triển Đảng bồi dưỡng cho sinh viên đạo đức, lối sống, phong cách tốt đẹp hướng tới chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân, thấm nhuần và thực hiện tư tưởng giáo dục đúng đắn sâu sắc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn trường, học sinh - sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An đã và đang phát huy được sự sáng tạo, năng động, nhiệt tình, yêu khoa học... Học sinh - sinh viên Nhà trường đang ra sức tu dưỡng, học tập và rèn luyện để cùng với toàn Đảng, toàn dân thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng một nước Việt Nam

Năm là, gia đình, nhà trường, xã hội cùng kết hợp với nhau trong việc tăng cường giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho sinh viên.

Gia đình, nhà trường và xã hội là môi trường giáo dục cần thiết đối với sinh viên. Gia đình là nơi nuôi dưỡng hình thành nhân cách bởi, từ gia đình con người có những định hướng giá trị đầu tiên của cuộc sống. Đây là nơi nuôi dưỡng và gắn bó suốt đời của một con người nên môi trường gia đình có ảnh hưởng lớn đến tâm

lý, tình cảm, nếp sống, đạo đức, phong cách của mỗi con người. Tuy nhiên do điều kiện nước ta nói chung và sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An nói riêng đều sống xa nhà nên sự quan tâm, uốn nắn, giáo dục các hành vi của sinh viên từ gia đình còn chưa thực sự sát sao. Chính vì thế công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tốt thì gia đình cần có sự giáo dục định hướng, quản lý, kiểm soát kịp thời hướng con mình sống theo những giá trị, chuẩn mực đạo đức, tránh lối sống ích kỷ, hư hỏng, thực dụng

Cùng với gia đình, nhà trường có vai trò không thể thiếu, là chủ thể trong giáo dục đạo đức, phong cách cho sinh viên. Trong nhà trường phải có kỷ cương, nề nếp dạy và học. Cần có những biện pháp cứng rắn cương quyết, đồng thời phải gần gủi tìm hiểu hoàn cảnh của sinh viên để giúp các em tránh những suy nghĩ lệch lạc về bản thân, tạo niềm tin, chỗ dựa tinh thần cho các em phấn đấu sữa chữa, vươn lên thành người tốt.

Gia đình, nhà trường, môi trường xã hội là yếu tố cần thiết trong giáo dục đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho sinh viên. Xã hội tạo ra sức mạnh, dư luận theo chiều hướng tích cực để sinh viên có thái độ sống phù hợp, có ích, biết chia sẻ chung sức cùng cộng đồng trong các hoạt động tập thể, đoàn kết phấn đấu xây dựng lối sống lành mạnh có đạo đức, có tri thức.

KẾT LUẬN

Chăm lo giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên cho sinh viên Việt Nam hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cho "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Cùng với giáo dục thể chất, văn hoá, giáo dục chuyên môn, nghiệp vụ, sự cần thiết đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh góp phần hoàn thiện các mặt, đức, trí, thể, mỹ cho học sinh, sinh viên Việt Nam nói chung, học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An nói riêng - thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng nước nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/ QĐ - BGDĐT ban hành *chương trình các môn lý luận chính trị, trình độ ĐH&CĐ, đào tạo theo học chế tín chỉ*, Hà Nội.

[3]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

[4]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

[5]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG CỦA THANH NIÊN - VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN TRƯƠNG GIA BẢO[1] - TRẦN ĐỨC THẮNG[2]

Tóm tắt:

Xuất hiện từ những năm 60 của thế kỷ XX, toàn cầu hóa đã trở thành một trong những khái niệm quen thuộc và ngày càng thể hiện sự tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống trong đó có lý tưởng cách mạng của thanh niên Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích nội dung từ các tài liệu có liên quan đến toàn cầu hóa và lý tưởng cách mạng của thanh niên. Kết quả nghiên cứu cho thấy ba tác động cơ bản của toàn cầu hóa đến lý tưởng cách mạng của thanh niên ngày nay. Thông qua đó, cung cấp cái nhìn tổng thể về những thách thức cho công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: *Chính trị học, lý tưởng cách mạng, thanh niên, toàn cầu hóa*

MỞ ĐẦU

Về bản chất của toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ sự tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới trong tiến trình vận động và phát triển làm cho thu hẹp khoảng cách không gian và biên giới quốc gia. Nhìn nhận ở góc độ khác thì "toàn cầu hóa là sự thay đổi của xã hội, sự liên thông ngày càng tăng của các xã hội và các yếu tố của nó do quá trình đan xen văn hóa kết hợp với sự bùng nổ của giao thông và các công nghệ truyền thông góp phần

1 Trường Đại học Cần Thơ
2 Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

thúc đẩy kinh tế quốc tế và giao lưu văn hóa" [5, tr.25]. Toàn cầu hóa mà cốt lõi là toàn cầu hóa kinh tế một quá trình tất yếu khách quan của xã hội với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, kinh tế thị trường... diễn ra nhanh chóng, rộng khắp và nhiều tầng nấc, đa chiều.

Lý tưởng cách mạng của thanh niên được nhìn nhận với nhiều góc độ khác nhau, qua nhiều chuyển biến hoàn cảnh, nhưng xét về bản chất thì đó chính là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Do lý tưởng cách mạng của thanh niên cũng là lý tưởng cách mạng của Đảng, nhân dân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đối với nhân dân, *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* đã trở thành khát vọng, niềm tin mãnh liệt của các chiến sĩ, mỗi người dân đã cống hiến và hy sinh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội* là lý tưởng, mục tiêu cách mạng cao nhất, khát vọng mãnh liệt để giành lấy. Đó là sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước, khát vọng dân tộc, khát vọng đi lên xã hội chủ nghĩa trong đó kết hợp chặt chẽ mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*, xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp, tiến bộ và hiện đại.

Thanh niên luôn là bộ phận nhạy cảm với thời cuộc, nắm bắt nhanh và chịu tác động lớn bởi toàn cầu hóa, chính vì thế lý tưởng cách mạng của thanh niên Việt Nam hiện nay không những phải đảm bảo những vấn đề cốt lõi của lý tưởng của Đảng mà còn thể hiện trách nhiệm của bản thân trước sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Chính vì thế việc đi sâu vào làm rõ sự tác động của toàn cầu hóa đến lý tưởng cách mạng của thanh niên hiện nay là một vấn đề đáng được quan tâm nghiên cứu.

NỘI DUNG

1. Lý tưởng cách mạng của thanh niên trong giai đoạn hiện nay

Lý tưởng chính là một khái niệm mang tính chất trừu tượng. Lý tưởng có một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội của con người, thúc đẩy nhận thức và hành động của mỗi cá thể. Đến nay tồn tại nhiều cách định nghĩa khác nhau về lý tưởng. Theo *Từ điển Tiếng Việt* thì lý tưởng chính là "mục đích cao nhất, tốt đẹp nhất mà người ta phấn đấu tới" [4, tr.590]. Lý tưởng cách mạng chính là nội dung cốt lõi của lý tưởng và tác động đến các nội dung khác. Đối với những thế hệ đi trước, lý tưởng cách mạng đã trở thành lẽ sống, hướng đi, mục đích chiến đấu và hy sinh để có được hòa bình, độc lập. Vì lẽ đó mà họ đã đánh đổi bằng cả mạng sống để quyết tâm đạt được lý tưởng cách mạng cho mình. Chính lý tưởng cách mạng đã nuôi ý chí, nghị lực và niềm tin vào tương lai tốt đẹp, xóa bỏ ách thống trị của đế quốc, thực dân để có cuộc sống độc lập, ấm no, hạnh phúc.

Thanh niên Việt Nam hiện nay là lớp người sinh ra và trưởng thành sau chiến tranh, có được những điều kiện vật chất, tinh thần đầy đủ hơn và được giáo dục bài bản. Họ đang là nhân tố có tính quyết định đối với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Thanh niên là một bộ phận quan trọng, không thể tách rời của dân tộc, do đó lý tưởng của thanh niên gắn liền với lý tưởng cách mạng của Đảng và của dân tộc. Chính vì thế, lý tưởng cách mạng của thanh niên trong thời đại ngày nay chính là "xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản" [1, tr.4].

Bước vào thế kỷ XXI, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp. Xét một cách tổng thể thì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế giữ vai trò chủ đạo, chi phối lĩnh vực của đời sống chính trị quốc tế. Tuy nhiên, thế giới vẫn luôn thay đổi và tiềm ẩn nhiều nhân tố khó lường, vận động và biến đổi không theo quy luật. Trào lưu dân chủ hóa, toàn cầu hóa đã mở ra một kỷ nguyên đa phương trong mọi hoạt động của thế giới ngày nay. Đại hội XIII đã đánh giá cụ thể: "Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới" [2, tr.106]. Việt Nam cũng là một quốc gia đang phát triển và có những chuyển biến kinh tế, xã hội hết sức nhanh chóng.

Thanh niên là những người mang cho mình trí thức, trình độ, năng động, sáng tạo, chính vì lẽ đó nên thanh niên ngày nay có một vị trí đặc biệt trong sự phát triển của đất nước. Lý tưởng thanh niên trong xã hội ngày nay chính là ước mơ, hoài bão, khát vọng được cống hiến. Lý tưởng cách mạng của thanh niên cũng là hình mẫu của một xã hội phát triển và tiến bộ. Lý tưởng cách mạng của thanh niên còn là điển hình tiêu biểu trong xã hội, là tiêu chuẩn đánh giá, cơ sở để sáng tạo và phát triển, học tập và rèn luyện để hoàn thiện về đạo đức, nhân cách, để tạo động lực vươn lên. Trong giai đoạn hiện nay, *lý tưởng cách mạng của thanh niên là khát vọng học tập, lao động và phát triển bản thân cả về vật chất và tinh thần được biểu hiện qua ý thức, trách nhiệm, nỗ lực, sáng tạo, để cống hiến. Đồng thời đó còn là ước mơ, hoài bão, nguyện vọng được góp sức xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.*

Lý tưởng cách mạng phải trải qua quá trình giáo dục, rèn luyện lâu dài với những nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp. Do đó Đại hội XIII đề ra yêu cầu phải "Tăng cường giáo dục cho thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống văn hóa, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên" [2, tr.168]. Con đường để thanh niên có thể tiếp cận lý tưởng cách mạng trước hết được giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi đây là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng, đồng thời cung cấp tri thức, thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng để định hướng nhận thức, ước mơ được đúng đắn. Bên cạnh đó, còn có sự lãnh đạo của Đảng nhằm định

hướng tư tưởng và tạo môi trường để thanh niên cống hiến, phát huy sức trẻ của mình. Cùng với đó, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chính là tổ chức của thanh niên, là trường học xã hội chủ nghĩa nhằm đồng hành, phát triển thanh niên thành con người xã hội chủ nghĩa. Một nhân tố quan trọng khác chính là sự quản lý của Nhà nước về công tác thanh niên. Bằng pháp luật, chính sách Nhà nước sẽ tạo điều kiện để thanh niên có cơ hội để cống hiến, trở thành nguồn lực chất lượng cao cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Đối với lý tưởng cách mạng, có sự khác biệt giữa các nhà tư tưởng, các bậc vĩ nhân, trong mỗi thời đại, giai đoạn đều có quan điểm riêng về lý tưởng cách mạng khác nhau để đấu tranh thực hiện. Với những chuyển biến liên tục, đến thời đại ngày nay, nhìn chung lý tưởng cách mạng của thanh niên chính là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lý tưởng cách mạng biểu hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, thể hiện trên nhiều lĩnh vực, nội dung, đối với thanh niên ngày nay, lý tưởng cách mạng trở thành điểm nhấn quan trọng, là gốc rễ của để hình thành các giá trị lý tưởng khác. Lý tưởng cách mạng của thanh niên giai đoạn hiện nay là khái niệm có nội hàm khá rộng, trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi xin đề cập tới ba nội dung: lý tưởng chính trị, lý tưởng đạo đức, lý tưởng học tập và lao động.

2. Tác động toàn cầu hóa đến lý tưởng cách mạng của thanh niên

Toàn cầu hóa ngày nay có những biểu hiện rõ nét, rộng lớn, nhưng có thể điểm qua một số đặc điểm nổi bật. Trên lĩnh vực kinh tế, toàn cầu hóa tạo ra hàng loạt sự phát triển kinh tế thế giới; gia tăng các tập đoàn, công ty xuyên quốc gia, thúc đẩy tiến độ của khoa học công nghệ mới; các công ty xuyên quốc gia và các thể chế tài chính trở thành trụ cột trong quan hệ kinh tế quốc tế; việc đẩy mạnh tự do hóa thương mại và gia tăng nhanh chóng mậu dịch, đẩy mạnh chuyển giao vốn đầu tư, công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ chế quản lý, mở rộng các hình thức kinh tế quốc tế. Nâng cao khả năng nắm bắt thông tin, tri thức mới, thúc đẩy hội nhập quốc tế; tăng cường sự hiểu biết, giao lưu hợp tác toàn cầu. Ở khía cạnh văn hóa - xã hội, toàn cầu hóa ngày càng rõ xu hướng chuyển hóa nhiều bộ phận dân tộc đa dạng thành một nền văn minh nhân loại chung nhất, đồng thời nó cũng thể hiện xu hướng chuyển hóa cộng đồng các dân tộc vào một xã hội toàn cầu, hình thành nền văn hóa toàn cầu. Thế giới ngày càng đồng nhất hơn, sự khác biệt giữa con người giảm xuống, bắt đầu lối sống và suy nghĩ công dân toàn cầu. Xuất hiện nhiều nguy cơ xã hội và môi trường. Toàn cầu hóa đã làm cho nảy sinh những nguyên tắc, hành động mới trong cộng đồng.

Với tư cách là một xu thế lịch sử, toàn cầu hóa hay quá trình dẫn đến toàn cầu hóa đang diễn ra khắp nơi. Xu hướng này tác động mạnh mẽ lên mọi lĩnh vực đời sống xã hội của loài người, lôi cuốn sự tham gia của các quốc gia, dân tộc, với nhiều hình thức, nội dung, mức độ khác nhau. Toàn cầu hóa là một quá trình chứa tính

hai mặt các ảnh hưởng của nó mang cả chiều tích cực và tiêu cực. Vì vậy xu thế toàn cầu hóa đang có tác động đến các quốc gia, khu vực và Việt Nam, trong đó thanh niên Việt Nam cũng chịu không ít tác động từ quá trình này.

2.1. Toàn cầu hóa tác động đến lý tưởng chính trị của thanh niên

Toàn cầu hóa làm cho thanh niên tiếp thu nhanh chóng thông tin, càng củng cố và có niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do những giá trị mà nó mang lại cho đến ngày nay là một điều không thể phủ nhận được. Với những biến động không ngừng trên thế giới, Việt Nam ngày càng chứng tỏ được vai trò, vị thế của mình trên trường quốc tế cũng như thành tựu sau 36 năm đổi mới đã làm minh chứng sống động cho thanh niên ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở nên nhanh chóng và rộng khắp qua các phong trào, cuộc thi được tổ chức rộng rãi góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng đồng thời thu hút sự tham gia của đông đảo của thanh niên. Với vai trò và trách nhiệm của mình, thanh niên ngày nay mang trong mình niềm tự hào dân tộc với ý thức xây dựng quê hương, đất nước cùng khát vọng cống hiến. Toàn cầu hóa đã cho thấy những vấn đề mang tính toàn cầu cần được giải quyết bởi sự đồng lòng của các quốc gia. Đặc biệt, có thể thấy trong đợt dịch COVID-19 vừa qua, tinh thần xung kích đi đầu của thanh niên đã tạo ra làn sóng tích cực và thể hiện trách nhiệm và tình nguyện vì lợi ích cộng đồng. Đó chính là một sức mạnh to lớn góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà Đảng và nhân dân đề ra. Sự phát triển của Việt Nam ngày nay càng làm cho thanh niên khơi dậy ý chí, sức trẻ để cống hiến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với sức khỏe, trí tuệ và nhiệt huyết. Hơn nữa, thanh niên ngày nay ngày càng thể hiện ý thức hơn về nghĩa vụ, trách nhiệm trong xây dựng Đảng, Nhà nước, thể hiện qua nhiều hành động cụ thể như bầu đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp, tham gia ý kiến vào các dự thảo luật, nghị quyết, phản ánh những hành vi sai trái.

Ngày nay, lý tưởng chính trị của thanh niên đã mở rộng ra phạm vi quốc gia, lãnh thổ mà có thể đạt đến những giá trị chung, có tính toàn cầu như đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, độc lập, chống chiến tranh,... Toàn cầu hóa cũng làm cho các giá trị tự do, dân chủ, bình đẳng dần trở nên phổ biến hơn và bỏ lại những quan niệm đã lỗi thời, hướng thanh niên có cái nhìn rộng hơn và thúc đẩy những hành động mang tính cộng đồng nhiều hơn. Bên cạnh đó, toàn cầu hóa còn tạo điều kiện cho thanh niên năng động hơn, thẳng thắn đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; dũng cảm hơn trong cuộc chiến với cái xấu, cái ác; quan tâm ngày càng nhiều vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Thanh niên ngày nay ngày càng mạnh dạn đóng góp và xây dựng đối với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước thông qua nhiều kênh, trong đó việc thay đổi tư duy đóng góp bằng trực tuyến là một điểm nhấn.

Mặt khác, các thế lực thù địch, phản động cả trong và ngoài nước lợi dụng quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam để thúc đẩy chiến lược *diễn biến hòa bình*, trong đó tầng lớp thanh niên là một mục tiêu quan trọng. Lợi dụng quá trình giao lưu quốc tế, hợp tác thì các thế lực thù địch không ngừng tuyên truyền tư tưởng đa nguyên, đa đảng, dân chủ, tự do tôn giáo, hành tinh xanh,... để kích động thanh niên đánh vào tâm lý giới trẻ từ đó sinh ra sự hoài nghi đối với sự lãnh đạo của Đảng. Bên cạnh đó, các văn hóa phẩm độc hại mang tính chất tuyên truyền chống phá dễ dàng tiếp cận thanh niên, điều này đã có tác động lớn thanh niên về mặt tư tưởng và nhận thức. Với cách tiếp thu văn hóa hiện đại cùng lối sống phương Tây cùng những công nghệ hiện đại đã ảnh hưởng đến lý tưởng cách mạng của thanh niên một cách nhanh chóng dẫn đến những hành động và việc làm vi phạm đạo đức, pháp luật. Tinh thần yêu nước, lý tưởng cách mạng của thanh niên bị thách thức lớn trong xu thế toàn cầu hóa do tác động của lợi ích kinh tế quá lớn làm chi phối xã hội, đến cả y tế và giáo dục cũng có xu hướng thương mại hóa. Những điểm xấu của xã hội được thông tin nhanh chóng tạo dư luận trái chiều ngày càng nhiều cũng tác động không ít đến quan điểm, lý tưởng cách mạng của thanh niên.

2.2. Toàn cầu hóa tác động đến lý tưởng đạo đức của thanh niên

Việc đề cao ý thức cá nhân, nhìn nhận các giá trị đạo đức dưới góc độ cá nhân tạo ra sức mạnh trong quá trình ly khai với những quan điểm đạo đức truyền thống đã không còn phù hợp trong thời đại ngày nay. Tự ý thức cá nhân và giảm sự tác động từ những định kiến, thành kiến của xã hội đã làm cho sức sáng tạo của cá nhân tăng lên, chịu khó tiếp cận những giá trị mới. Toàn cầu hóa chính là chất xúc tác loại bỏ những quan điểm đã lỗi thời, và thanh niên ngày nay đang có những bước chuyển trong nhìn nhận các giá trị đạo đức mới trong một môi trường biến động và linh hoạt. Hơn nữa, dưới sự tác động, phát triển của khoa học công nghệ, giao lưu quốc tế đã làm cho khoảng cách giữa con người với con người, các nền văn hóa, xã hội trở nên dễ dàng mà ở đó các giá trị đạo đức chung được tiếp thu và thừa nhận khiến thanh niên trở nên cởi mở và có lý tưởng đạo đức vượt qua khuôn khổ vùng miền, quốc gia. Có thể thấy lý tưởng đạo đức từ một xã hội chịu tác động từ truyền thống trở nên hội nhập hơn và những quan điểm mới, tiến bộ cũng được phổ biến hơn. Với những hành động nhân văn, cao đẹp mang không gian lan tỏa cộng đồng không chỉ bó hẹp trong phạm vi địa phương mà nhanh chóng thông qua các phương tiện truyền thông, do đó các giá trị ấy được lan tỏa và mang tính giáo dục cho thanh niên nhiều hơn.

Bên cạnh những tác động tích cực, toàn cầu hóa cũng mang lại không ít tiêu cực đối với lý tưởng đạo đức của thanh niên. Toàn cầu hóa đã tác động đến một bộ phận thanh niên trở nên thực dụng, có lối sống cá nhân, đề cao vật chất trong

quan hệ xã hội thậm chí vô cảm trước những người xung quanh mình cho dù mọi sự hoạt động, tình huống xã hội diễn ra liên tục. Những sự hy sinh cao đẹp cùng tinh thần quan tâm giúp đỡ giảm sút và được đánh giá qua lợi ích kinh tế, thậm chí những cử chỉ cao đẹp còn được cho là hành động "bao đồng, việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng". Từ đó cổ xúy cho các hành động vô cảm của xã hội. Một số thanh niên chỉ thích sống hưởng thụ, đòi hỏi quyền lợi một cách quyết liệt mà quên đi nghĩa vụ của bản thân đối với tập thể, quê hương, gia đình, đất nước. Không ít thanh niên ngại khó, ngại khổ và ngại tham gia nghĩa vụ quân sự. Việc chủ nghĩa cá nhân dẫn đến coi trọng lợi ích cá nhân lên trên tập thể, vật chất thực dụng hơn tinh thần và những lợi ích trước mắt hơn lâu dài, xem kinh tế là thước đo đánh giá con người trên đạo đức. Chính vì thế, con đường tham gia cờ bạc, ma túy, mại dâm... của thanh niên có dấu hiệu đáng báo động. Còn nhiều thái độ cư xử thiếu văn hóa, đạo đức, diễn ra hàng ngày, hàng giờ được thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua đó làm xấu đi hình ảnh thanh niên ngày nay. Lối sống đề cao cá nhân, *nổi loạn* đang trở thành một xu hướng mới trong thanh niên đã khiến cho các chuẩn mực đạo đức bị xem nhẹ. Sự xuống cấp đạo đức xã hội chính là một hệ lụy không nhỏ mà quá trình toàn cầu hóa mang lại.

2.3. Toàn cầu hóa tác động đến lý tưởng học tập và lao động nghề nghiệp của thanh niên

Toàn cầu hóa tạo ra một sân chơi rộng lớn để thanh niên thử sức, học hỏi, trau dồi qua hoạt động giao lưu quốc tế, cuộc thi, học bổng... để từ đó mỗi thanh niên có nhìn nhận về trình độ, năng lực của mình để cố gắng phát huy, đồng thời thấy được nhu cầu lao động của xã hội đối với nghề nghiệp nhất định, từ đó có quyết tâm, ý chí để phấn đấu học tập và lao động đúng đắn. Trên cơ sở đó, thanh niên nhận thức được việc tiếp tục học tập và rèn luyện không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của quá trình toàn cầu hóa. Trong đó, những khái niệm có vẻ như mới lạ nhưng dần trở nên phổ biến hơn như kinh tế tri thức, điện toán đám mây, Big data... đã mở ra kỷ nguyên phát triển mới của nhân loại cùng với sự thúc đẩy của toàn cầu hóa làm cho thanh niên phải thích nghi và cố gắng không ngừng để đáp ứng được xu thế thời đại. Thanh niên hiểu được rằng, chỉ có quá trình học tập mới có thể nêu cao giá trị bản thân trong một xã hội của nền kinh tế năng động. Hơn nữa, cùng với các ngành nghề truyền thống, nhiều cơ hội việc làm và ngành nghề mới liên tục mở rộng, thu hút người học và nhân lực sau khi tốt nghiệp, điều này tạo cho sinh viên sự trải nghiệm, thử thách bản thân và hội nhập sâu hơn với quá trình toàn cầu hóa. Nghề nghiệp hiện nay không còn mang tính địa phương, quốc gia mà có thể làm việc ở nhiều nước trên thế giới.

Bên cạnh đó, xu thế toàn cầu hóa cũng tạo ra đảo lộn trật tự nhận thức trong xã hội, đó là sự tăng lên của cá nhân tố thực dụng như: trọng tài hơn đức, trọng bằng

cấp hơn nhân cách, trọng kinh tế hơn nghiên cứu, coi trọng lĩnh vực dễ kiếm tiền và ứng dụng hơn cơ bản, coi nhẹ công tác chính trị - tư tưởng... từ đó chi phối không nhỏ đến việc chọn ngành, chọn nghề và địa điểm làm việc của thanh niên. Một hệ quả tất yếu của việc này là xem nhẹ chính trị và đặt nặng lợi ích kinh tế, đồng thời xem nhẹ lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Có thể thấy rằng thanh niên ngày nay đã có những thay đổi nhất định về việc lựa chọn giữa đại học, cao đẳng hay học nghề, tuy nhiên tâm lý chuộng đại học vẫn là tâm lý chung và chi phối. Không ít thanh niên chọn du học nước ngoài, được tiếp thu những quan điểm dân chủ tư sản không trở về nước làm việc cũng như nảy sinh quan điểm hạ thấp trong nước. Cùng với đó, khối ngành khoa học xã hội và nhân văn được xem nhẹ hơn khối ngành khoa học kỹ thuật do chênh lệch về thu nhập, sự đa dạng nghề nghiệp, lợi ích thấy nhanh. Do đó sự sức hút của khối ngành khoa học xã hội và nhân văn bị giảm dần. Thanh niên ngày càng cuốn theo giá trị vật chất làm cho lý tưởng cống hiến, xây dựng quê hương, đất nước dần bị coi nhẹ.

3. Một số vấn đề cần lưu ý trong việc nâng cao lý tưởng cách mạng của thanh niên trong giai đoạn mới

Trải qua 30 năm được tách ra thành khoa học độc lập, Chính trị học Việt Nam đã góp phần không nhỏ vào công tác nghiên cứu, tham mưu các vấn đề mang tính nền tảng lý luận; giảng dạy và đào tạo nguồn nhân lực chủ chốt, trong đó có công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên ... Để góp phần vào công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay trước tác động của toàn cầu hóa, công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần lưu ý hai vấn đề sau:

3.1. Công tác nghiên cứu và giảng dạy chính trị học cần phải bổ sung nội dung và thay đổi phương pháp để giúp thanh niên nhận thức toàn diện về bản thân

Một là, tiếp tục đổi mới nội dung và thay đổi phương thức nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cho phù hợp, thiết thực, hiệu quả với đặc điểm lứa tuổi, dân tộc, tôn giáo, địa phương. Cần chú trọng nội dung về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, công tác này làm cho thanh niên thấy rõ tầm quan trọng, ý thức trách nhiệm bản thân trong thực hiện lý tưởng chung của Đảng - Nhà nước, đó cũng là lý tưởng cách mạng của thanh niên.

Hai là, công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học chú trọng khơi dậy lòng tự hào dân tộc, truyền thống đấu tranh anh hùng, bất khuất, ý thức xây dựng quê hương, đất nước phục vụ cho sự nghiệp cách mạng và lợi ích của dân tộc, nhân dân. Nâng cao nhận thức, cảnh giác với các thế lực thù địch và các hành động chống phá liên tục, tinh vi trên nhiều mặt trận. Đồng thời, phát huy vai trò của thanh niên trong công tác đấu tranh phòng chống chiến lược *diễn biến hòa bình* trong thế kỷ XXI. Tiếp

tục đẩy mạnh thực hiện *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* trong thanh niên; chú trọng giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu.

Ba là, công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần chú trọng lý luận phải đi đôi với thực tiễn, bám sát thực tiễn của địa phương, đơn vị và cập nhật các vấn đề thời sự, sự kiện, hiện tượng tích cực trong đời sống xã hội để xây dựng nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên kịp thời, đồng bộ, sinh động. Kết hợp giảng dạy thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, ứng dụng khoa học và công nghệ, xây dựng các blog, trang mạng xã hội, website tuyên truyền... để tiếp cận nhanh, dễ dàng với thanh niên.

Bốn là, công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần phải quán triệt sâu sắc quan điểm của của Đảng - Nhà nước đối với báo chí, truyền thông trong tình hình mới. Tiếp tục phối hợp giữa cơ quan Tuyên giáo, Thông tin và Truyền thông và các bên có quan liên quan trong hoạt động quản lý báo chí và truyền thông, đặc biệt là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Để làm rõ hơn mối quan hệ giữa chính trị và truyền thông. Vì đây là lĩnh vực có nhiều tác động đối với thanh niên, ảnh hưởng lớn đến lý tưởng cách mạng của thanh niên. Tích cực đấu tranh với những thông tin xấu độc trên những phương tiện truyền thông không chính thống, của các tổ chức phản động ở nước ngoài trên mạng Internet.

3.2. Công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần phải phối hợp hài hòa với của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Thứ nhất, công tác thanh niên nói chung và giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt. Tuy nhiên những giải pháp, vấn đề đặt ra chỉ là định hướng ban đầu, do đó cần sự chung tay triển khai cụ thể theo từng lĩnh vực. Công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần phải tham mưu cho Đảng ủy các cấp phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời công tác giáo dục lý tưởng cách mạng ở địa phương cho phù hợp tình hình thực tiễn bằng Nghị quyết, Chỉ thị, văn bản cụ thể. Định kỳ tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi với thanh niên để nắm bắt tư tưởng của thanh niên, từ đó có bước giúp đỡ, hỗ trợ cũng như công tác định hướng lý tưởng, chỉ đạo kịp thời. Phát huy vai trò của các cấp lãnh đạo, cấp ủy đơn vị thật sự là tấm gương điển hình để thanh niên học tập và noi theo. Cùng với đó, cấp ủy, chính quyền cần đi sâu vào đời sống, tiếp cận thực tiễn để hiểu được tâm tư, tình cảm của thanh niên, qua đó trở nên gần gũi, đồng cảm và giải pháp định hướng hiệu quả cùng đề xuất với các cấp thực hiện tốt công tác thanh niên.

Thứ hai, công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần kết hợp với Đoàn Thanh niên trong việc phát huy vai trò nòng cốt trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho thanh niên. Phải xây dựng các mặt công tác vững mạnh để phát huy vai trò nòng cốt đối với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình, nghị quyết, đề án công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chú trọng hoạt động thực tiễn của Đoàn nhằm thực hiện chỉ thị 42 của Ban Bí thư về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030,* luật Thanh niên số 57/2020/QH14. Các cấp bộ Đoàn tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, cần xác định đây là nội dung trọng tâm trong công tác. Mỗi cán bộ Đoàn cần nâng cao năng lực, nắm bắt tình hình trong thanh niên để từ đó chủ động phối hợp, tham mưu thực hiện công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên được hiệu quả. Tiếp tục coi trọng công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và nêu gương điển hình tiên tiến, khắc phục những khuyết điểm, tồn đọng kéo dài.

Thứ ba, công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần làm rõ giá trị của giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng, hoạch định, thực thi chính sách, pháp luật liên quan đến công tác thanh niên. Các tổ chức cần phải có kế hoạch trong dài hạn, từng giai đoạn, trong đó chú trọng đến công tác giáo dục lý tưởng trong thanh niên và phù hợp, thiết thực với đời sống và những vấn đề bức xúc mà thanh niên quan tâm. Kịp thời biểu dương, khen thưởng thanh niên làm tốt công tác giám sát và phản biện xã hội và có mô hình, cách làm hay trong thanh niên tham gia vào công tác này.

Thứ tư, công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần phải kết hợp tổ chức thêm các hội thi, cuộc thi ở các cấp, chú trọng đẩy mạnh phát triển trên mạng Internet, mạng xã hội để tiếp cận thanh niên. Trong đó lồng ghép các nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng phù hợp mang tính giáo dục cao. Thông qua đó giúp thanh niên định hướng giá trị bản thân, hoàn thiện định hướng và phát triển lý tưởng cách mạng. Qua những hoạt động này, Đảng sẽ phát hiện những nhân tố tích cực, hạt nhân phong trào tiêu biểu trong quần chúng mà bồi dưỡng, kết nạp, góp phần xây dựng đội ngũ đảng viên trẻ, giàu nhiệt huyết và tri thức thời đại. Phong trào thi đua yêu nước chính là một hình thức đoàn kết, tập hợp thanh niên tham gia xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc, là môi trường tích cực để thanh niên phát huy tài năng, sức trẻ, phẩm chất, tiếp tục phấn đấu và rèn luyện. Qua những phong trào này, thanh niên có được những trải nghiệm thực tiễn sống động để chuyển biến tích cực lý tưởng cách mạng để có niềm tin sâu sắc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

KẾT LUẬN

Toàn cầu hòa đã trực tiếp tác động đến lý tưởng chính trị; lý tưởng đạo đức; lý tưởng học tập và lao động của thanh niên. Cùng với sự vận động của thực tiễn đời

sống xã hội và nhiệm vụ của thời đại mới đặt ra đã làm lý tưởng cách mạng của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay đã có những phát triển tuy nhiên vẫn đảm bảo được lý tưởng cao cả của Đảng là *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.* Chính vì thế, công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học cần phải bổ sung nội dung và thay đổi phương thức thực hiện, bên cạnh đó cần phải phối hợp với các cấp các ngành trong hệ thống chính trị, toàn xã hội, gia đình và đặc biệt là tổ chức Đoàn cần phải có những hành động cụ thể để hỗ trợ và đồng hành với thanh niên trong việc xây dựng lý tưởng cách mạng trong bối cảnh mới và từ đó phát huy tốt vai trò động lực của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII - Tập 1,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3] Nguyễn Văn Lý (2021), "Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên" *Tạp chí Lý luận chính trị,* số 8.

[4] Hoàng Phê (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[5] Nguyễn Ngọc Thiện (2017), "Việt Nam chủ động và tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa", *Tạp chí Cộng sản,* số 901.

[6] Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định phê duyệt Chương trình "Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030".*

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP HUYỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

ThS LÊ CÔNG HỮU[1]

Tóm tắt:

Năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện được thể hiện trong xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa tổ chức cơ sở đảng, đảng viên với nhân dân. Qua thực tiễn công việc, trong sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng cán bộ chủ chốt. Thể hiện ở việc nêu gương, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ chủ chốt ở nơi làm việc và nơi cư trú, nhất là đảng viên là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý. Bài viết nghiên cứu quan điểm và vai trò về năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện. Từ đó định hướng giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Thực hiện nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên hiện nay.

Từ khóa: *cán bộ chủ chốt huyện, năng lực lãnh đạo, yêu cầu nhiệm vụ*

MỞ ĐẦU

Ngày nay, trước sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, một số cán bộ chủ chốt cấp huyện trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo, quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới, nhất là về quản lý kinh tế thị trường, quản lý xã hội, luật pháp. Đại hội đại biểu lần thứ X, Đảng ta đã chỉ ra những yếu kém đó: "Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt, yếu kém về phẩm chất và năng lực, vừa thiếu tính tiên phong gương mẫu, vừa không đủ trình

1 Thanh tra tỉnh Quảng Bình

độ hoàn thành nhiệm vụ" [1, tr. 66]. Gắn với việc đổi mới cơ cấu, bộ máy lãnh đạo là việc nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất của cán bộ, đảng viên, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; có tư duy đổi mới, sáng tạo, có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ then chốt để nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới ở nước ta hiện nay.

Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997 của Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII, *"Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"* xác định: "Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng". Hiện nay, đã có nhiều chủ trương, chính sách về công tác cán bộ như: Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, *"Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, chủ chốt, viên chức"*; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, *"Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"*; Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII, *"Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ"*; Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *"Về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền"*; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, *"Về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"*. Trên cơ sở đó, các tỉnh, thành phố và huyện bám sát các quan điểm, nguyên tắc của Đảng trong công tác cán bộ để triển khai vào thực tiễn, ngày càng đi vào nền nếp và đạt được những kết quả quan trọng.

NỘI DUNG

1. Quan điểm và vai trò về năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện trong giai đoạn hiện nay

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến công tác cán bộ, năng lực cán bộ, nhất là việc cá nhân nắm quyền lực. Người nhiều lần nhấn mạnh rằng, cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Quyền lực có được sử dụng đúng hay không phụ thuộc rất lớn vào cán bộ, mà để có cán bộ tốt, trước hết phải thực hiện tốt công tác cán bộ. Đối với người có quyền lực, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở, không phải làm cán bộ để "thăng quan phát tài", để làm "quan cách mạng", mà để làm người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Thấm nhuần tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác cán bộ và cán bộ, Đảng ta đã luôn quan tâm đến công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. Văn kiện Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Đảng ta đã xác định: "Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng". Tại Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) ban hành Nghị quyết 22 (2008) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nghị quyết Đại hội XIII: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiền phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên". Đặc biệt Hội nghị Trung ương 5 (khóa XIII) đã xem xét Báo cáo công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên giai đoạn 2010-2020, ban hành Nghị quyết số 21, ngày 16/6/2022 về *"Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"*.

Quan niệm về năng lực và năng lực lãnh đạo

Theo Viện khoa học và xã hội Việt Nam, Viện ngôn ngữ học, trong cuốn *Từ điển tiếng Việt* của Giáo sư Hoàng Phê (chủ biên) do Trung tâm từ điển ngôn ngữ xuất bản đã nhấn mạnh: Năng lực là "khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó. Mọi người bình thường đều có năng lực suy nghĩ. Phẩm chất tâm lý và sinh lý tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao. Có năng lực tổ chức. Bồi dưỡng năng lực chuyên môn" [7, tr. 656]; "năng lực tư duy của con người, khả năng đủ để thực hiện tốt công việc: có năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức" [8, tr.1172].

Lãnh đạo là người "dẫn dắt tổ chức phong trào theo đường lối cụ thể: lãnh đạo cuộc đấu tranh", lãnh đạo còn có nghĩa là "cơ quan lãnh đạo, bao gồm những người có khả năng tổ chức dẫn dắt phong trào: chờ lãnh đạo cho ý kiến" [8, tr.1979]. Lãnh đạo là người "đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức, động viên thực hiện. Đảng lãnh đạo cách mạng. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Lãnh đạo hội nghị" [7, tr. 540]. Ngoài ra lãnh đạo còn được hiểu là cơ quan lãnh đạo, trong quan hệ với người được lãnh đạo hoặc là xin ý kiến lãnh đạo, góp ý cho lãnh đạo một vấn đề nào đó.

Như vậy có thể hiểu, năng lực lãnh đạo là khả năng của một tập thể hay cá nhân có khả năng đề ra mục tiêu, chủ trương, đường lối và khả năng tổ chức, dẫn dắt tập thể, thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương đó.

Cho nên, năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện là khả năng nắm bắt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Từ đó, cán bộ lãnh đạo đề ra được mục tiêu cách mạng đúng đắn, cơ bản, lâu dài qua các giai đoạn và bằng những phương thức, phương pháp đúng đắn để tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan,

đơn vị mình có hiệu quả hơn. Bên cạnh đó năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện là khả năng nắm bắt chủ trương, đường lối, và năng lực xây dựng nghị quyết, chỉ thị, năng lực tổ chức thực hiện đường lối, năng lực đôn đốc, kiểm tra, giám sát. Đó là khả năng nghiên cứu cụ thể hóa bằng việc xây dựng cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chiến lược và sách lược của Đảng, đồng thời nó phải là sự định hướng phát triển cho cơ quan, đơn vị mình phụ trách. Vì vậy, người lãnh đạo cấp huyện phải nghiên cứu, am hiểu để dự báo, tổng kết thực tiễn, khái quát lý luận thành Nghị quyết và xây dựng giải pháp mang tính đồng bộ để thực hiện đối với tất cả lĩnh vực liên quan đến đơn vị mình phụ trách phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của đơn vị.

Hoạt động năng lực lãnh đạo là một dạng hoạt động tự giác của con người theo đuổi những mục đích của mình, nó gắn liền với việc đưa ra các quyết định kịp thời. Từ đó, tổ chức thực hiện các quyết định, điều khiển một hệ thống theo mục đích đã định sẵn. Hoạt động đó mang tính chất là một dạng hoạt động đặc thù vì nó không tồn tại một cách biệt lập mà gắn chặt với tất cả các dạng hoạt động khác và mọi dạng hoạt động đều cần có năng lực lãnh đạo thật sự. Đó là hoạt động mang tính chất chỉ huy, là hệ thần kinh trung ương trong hệ thống các hoạt động sống của con người.

Hoạt động năng lực lãnh đạo cũng giống như bất cứ một hoạt động nào khác của con người cũng phải là sự thống nhất giữa các nhân tố khách quan và chủ quan. Thật vậy, năng lực lãnh đạo là xác định vấn đề đâu là mục tiêu và sứ mệnh của tổ chức, năng lực lãnh đạo chủ yếu nhấn mạnh quá trình định hướng cho khách thể. Quá trình lãnh đạo là quá trình làm thức tỉnh nhận thức, hành vi của con người, định hướng hoạt động cho con người và xã hội thông qua hệ thống các đường lối, chủ trương, chính sách của cấp trên. Trong lãnh đạo, con người vừa là khách thể, vừa là chủ thể của mọi tác động xã hội và tự nhiên.

Năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện thể hiện được đặc trưng dân chủ. Dân chủ trong việc ra các quyết định chung ảnh hưởng đến lợi ích của nhiều người. Dân chủ trong việc phát huy các nguồn lực hình thành đội ngũ chuyên gia, cũng như bộ máy chuyên môn của hoạt động lãnh đạo, trong việc thu hút rộng rãi quá trình tham gia tích cực của quần chúng và đội ngũ trí thức cho việc xây dựng các mục tiêu lãnh đạo và điều chủ yếu là cho việc hiện thực hóa được các mục tiêu đó.

Trên nền tảng của năng lực lãnh đạo các chủ thể lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện có khả năng phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của nhân tố khách quan, nhân tố chủ quan, nhân tố cá nhân, nhân tố cộng đồng hướng sự hoạt động của xã hội theo những mục tiêu đã xác định, đồng thời có những điều chỉnh mục tiêu, phương hướng thực hiện phù hợp với xu thế trong tình hình mới.

Vai trò của người lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện được đặc biệt chú trọng bởi vì nó là khâu then chốt trong bộ máy lãnh đạo, quản lý xã hội hiện tại. Đội ngũ

lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện là những người tham gia xây dựng và hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội ở chính quyền địa phương. Đó là sự thống nhất giữa đức và tài, lý trí và tình cảm, bản lĩnh chính trị và sự thích ứng với thời đại, nội dung và phong cách lãnh đạo, hành vi bản năng và hành vi xã hội, lợi ích cá nhân và lợi ích giai cấp, lợi ích cộng đồng mang lại. Thật vậy, để trở thành một người cán bộ chủ chốt cấp huyện có năng lực lãnh đạo chân chính, một người lãnh đạo đúng nguyên nghĩa từ vựng vừa đủ đức, vừa đủ tài thì phải có một cấu trúc nhân cách bao gồm các dấu hiệu chủ yếu sau:

Thứ nhất, thông minh, giàu tính sáng tạo. Người có sự hiểu biết sâu rộng, am hiểu về chuyên môn, dễ phát hiện ra các vấn đề mang tính bản chất. Có năng lực dự báo, định hướng, để xác định mục tiêu. Có năng lực tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu đã định với chất lượng hiệu quả cao. Cán bộ lãnh đạo là người phải giải quyết những vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích toàn cục, đến những mối quan hệ lớn, những xu hướng chiến lược, do vậy cần có tri thức phong phú và toàn diện cả bề rộng của kiến thức lẫn bề sâu của tư duy tiến kịp thời đại.

Thứ hai, có khả năng ra quyết định quyết đoán, biết tập hợp quần chúng và sử dụng người tài hợp lý. Cán bộ chủ chốt cấp huyện cần đưa ra phương án hành động sau khi tính toán cân nhắc, lựa chọn. Ra quyết định tạo nên cốt lõi của lãnh đạo cán bộ chủ chốt cấp huyện, đây là chức năng quan trọng nhất trong số các chức năng cơ bản của người lãnh đạo. Thể hiện bản lĩnh, tính quyết đoán, tầm nhìn xa và tư duy sáng tạo của người lãnh đạo cán bộ chủ chốt cấp huyện.

Từ đó, có khả năng phát huy được sức mạnh của quần chúng, động viên được sự lạc quan và nhiệt tình xã hội của quần chúng. Cán bộ chủ chốt cấp huyện phải có phương thức phát huy sức mạnh cộng sự và cấp dưới; là khả năng đoàn kết và phát huy sức mạnh tập thể. Người lãnh đạo phải có khả năng bố trí công việc công bằng, công tâm, có khả năng duy trì trật tự, kỷ cương, biết thưởng phạt công minh là trung tâm của sự đoàn kết.

Thứ ba, người cán bộ lãnh đạo cấp huyện phải có cả đức lẫn tài, trong đó đức là gốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân" [6, tr. 292]. Thật vậy, người cán bộ chủ chốt cấp huyện là gốc của mọi công việc, công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Đây là khâu quan trọng nhất, khâu then chốt của vấn đề then chốt. Vì cán bộ lãnh đạo cấp huyện là người gần gũi, trực tiếp nắm bắt tâm tư nguyện vọng, tình cảm của quần chúng nhân dân. Người cầu nối giữa chính quyền và nhân dân, trực tiếp giải quyết những vấn đề bức xúc nảy sinh từ đời sống của nhân dân, tổ chức hướng dẫn nhân dân thực hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thứ tư, phải luôn nâng cao năng lực tư duy lý luận đối với hoạt động lãnh đạo. Phải nắm bắt sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm của Đảng. Từ đó, cụ thể hóa các chính sách vào địa phương. Vì họ đồng thời cũng là người tổ chức, điều hành, thực hiện để hiện thực hóa chủ trương, đường lối, chính sách đó trong đời sống xã hội.

Năng lực tư duy lý luận giúp người cán bộ lãnh đạo cấp huyện nâng cao năng lực nhận thức thực tiễn và vận dụng sáng tạo lý luận, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc đề ra những nghị quyết, chủ trương, chính sách cụ thể trên địa bàn mình phụ trách. Năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát trong nhận thức và góp phần nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn, trên cơ sở đó nâng cao năng lực dự báo, định hướng trong hoạt động lãnh đạo của họ.

2. Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới

Trong công tác đào tạo cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện cần tập trung chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả, đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo vị trí việc làm, từng chức danh cán bộ chủ chốt cấp huyện, nhất là quan tâm đào tạo cán bộ chủ chốt các cấp trong diện quy hoạch, để từng bước đáp ứng được yêu cầu trước khi đề bạt, bổ nhiệm và chuẩn hóa cán bộ. Đặc biệt chú trọng bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, lịch sử, văn hoá, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về xây dựng Đảng, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý xã hội, khoa học - công nghệ, ngoại ngữ, tin học... và đào tạo, bồi dưỡng gắn chặt với chức năng, nhiệm vụ của cán bộ chủ chốt cấp huyện, giúp họ đủ bản lĩnh, tri thức, kinh nghiệm, giải quyết tốt công việc, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phải đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đổi mới, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện. Chủ động nắm tình hình, diễn biến tư tưởng, kịp thời định hướng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trước những vấn đề phát sinh. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ chủ chốt trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch. Bên cạnh đó, nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, làm cơ sở cho cán bộ chủ chốt tự giác tu dưỡng, rèn luyện. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, *"tự soi"*, *"tự sửa"*, đề cao danh dự, lòng tự trọng của đảng viên.

Thứ hai, cần quan tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả các nội dung, phương thức lãnh đạo của công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện phù hợp với thực tiễn. Đổi mới nội dung, phương thức, phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp

huyện, bảo đảm vai trò hạt nhân và lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết trong Đảng.

Thứ ba, cấp uỷ cấp trên trực tiếp phải nắm tình hình và phân công cấp uỷ viên phụ trách, dự sinh hoạt với tổ chức đảng ở cơ sở cấp huyện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở đảng. Lấy hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng ở huyện là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp uỷ cấp trên trực tiếp và cấp uỷ viên được phân công phụ trách. Nhất là người đứng đầu phải gương mẫu, nêu cao trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng ở đảng bộ, chi bộ nơi mình sinh hoạt; chịu trách nhiệm khi tổ chức đảng nơi mình đang sinh hoạt yếu kém, xảy ra tham nhũng, tiêu cực. Quan tâm công tác quy hoạch, tạo nguồn, xây dựng cán bộ cơ sở, đưa cán bộ cấp trên, cán bộ trẻ về làm việc tại xã, phường, thị trấn để tạo nguồn.

Thứ tư, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện. Đẩy mạnh công tác đào tạo lý luận chính trị, thường xuyên bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt về kỹ năng, nghiệp vụ công tác đảng, công tác quần chúng, công tác dự báo, đánh giá tình hình, khả năng cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị mình công tác.

Thứ năm, coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc thực hiện Điều lệ Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ công tác, trách nhiệm nêu gương, quy định về những điều đảng viên không được làm. Tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với tổ chức cơ sở đảng.

Thứ sáu, trong bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện cần thực hiện công khai thông tin về các ứng cử viên cán bộ, công chức cấp huyện trước khi bầu cử, bổ nhiệm. Hơn nữa, cần công khai, minh bạch thông tin của cán bộ, công chức cấp huyện để nhân dân thực hiện quyền giám sát, xây dựng Đảng. Thực hiện tốt cơ chế kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền trong đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện. Các huyện ủy cần có kế hoạch và quy định cụ thể thực hiện nghiêm túc Quy định số 205-QĐ/TU, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị, *"Về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền"*. Thực hiện tốt cơ chế kiểm soát quyền lực trên nguyên tắc: *"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"*, thông qua tự phê bình và phê bình trong Đảng, việc ban hành và thực thi các quy định của Đảng, quy định của pháp luật, giám sát của nhân dân. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

KẾT LUẬN

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên luôn được Đảng ta coi trọng và xác định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ chủ chốt cấp huyện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn mới trong đó khẳng định: "Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Hoàn thiện thể chế, quy định về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí, cơ chế đánh giá cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết" [3, tr. 187]. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết số 21, Hội nghị Trung ương 5 (khóa XIII) ngày 16/6/2022 về *"Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"*; Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, để tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ cấp huyện có chất lượng, ngang tầm nhiệm vụ mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Hoàng Phê (chủ biên) (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Hà Nội.

[8]. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - thông tin, Hà Nội.

KIỆN TOÀN TỔ CHỨC VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIỂN VÀ HẢI ĐẢO Ở VIỆT NAM

ThS NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN[1]

Tóm tắt:

Biển và hải đảo Việt Nam là khu vực có ảnh hưởng to lớn trong đời sống chính trị, pháp lý đối với sự phát triển quốc gia, khu vực và quốc tế trong lịch sử, hiện tại và tương lai. Từ thực trạng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về biển và đảo ở Việt Nam, bài viết đưa ra một số đề xuất nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về biển và hải đảo trước yêu cầu mới.

Từ khóa: *biển, hải đảo, cán bộ, quản lý nhà nước*

MỞ ĐẦU

Quản lý nhà nước về biển và hải đảo là sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua các thể chế pháp lý, các thiết chế và con người nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả phối hợp liên ngành, liên vùng giữa các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong việc tham gia vào quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sử dụng và khai thác, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển phù hợp với định hướng, yêu cầu phát triển bền vững, đồng thời bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Quản lý nhà nước về biển và hải đảo có nội hàm rất rộng, đa dạng, vừa quản lý tổng hợp, vừa quản lý ngành và chuyên ngành liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của hầu hết các ngành, lĩnh vực.

1 UBND xã Hòa Long, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Năng lực quản lý nhà nước về biển và hải đảo được xác định qua các nhóm quan hệ dọc, quan hệ bên trong, quan hệ hàng ngang và quan hệ với bên ngoài; khả năng thích ứng và phát triển. Với cách tiếp cận này, để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về biển và hải đảo cần tập trung nâng cao năng lực quản lý toàn diện, trong đó trọng tâm là năng lực thể chế, năng lực kiến tạo, năng lực hành động để biến mục tiêu thành hành động, biến kỳ vọng thành kết quả và biến mong đợi của nhân dân thành sự hài lòng, sự tin tưởng.

NỘI DUNG

1. Thực trạng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo ở Việt Nam

1.1. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về biển và hải đảo ở Việt Nam

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về biển và hải đảo của nước ta được hoàn thiện qua các giai đoạn. Trước năm 1998, chưa có bộ máy quản lý chuyên ngành về biển và hải đảo, trách nhiệm quản lý chung do Chính phủ thực hiện. Các vấn đề liên quan đến biển và hải đảo được các bộ, ngành quản lý như Bộ Thủy sản (trước đây), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng... giúp Chính phủ thực hiện. Ở địa phương có biển và hải đảo, các cơ quan chuyên môn ở cấp tỉnh, cấp huyện cũng chưa được thiết lập nhằm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về biển và hải đảo. Vì thế, hiệu quả quản lý nhà nước về biển và hải đảo chưa được bảo đảm.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về biển và hải đảo, ngày 28/8/1998, Cục Cảnh sát biển (nay là Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển) được thành lập theo Quyết định số 1069/1998/QĐ-BQP. Cảnh sát biển là lực lượng chuyên trách của Nhà nước, thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam. Tuy nhiên, tính chất và phạm vi hoạt động của Cục Cảnh sát biển có đặc trưng riêng, gắn với tính chất chuyên môn về cảnh sát mà chưa bao quát đầy đủ các nội dung quản lý nhà nước về biển và hải đảo.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 khóa X đặt ra yêu cầu phải xây dựng "cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển có hiệu lực, hiệu quả" để khắc phục những hạn chế của quản lý nhà nước về biển và hải đảo theo ngành. Thực hiện chiến lược này, ngày 04/3/2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 25/2008/NĐ-CP (đã được thay thế bởi Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04/3/2013 và Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; trong đó, thành lập Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam với chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên

và Môi trường quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo. Ngày 27/8/2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 116/2008/QĐ-TTg (đã được thay thế bởi Quyết định số 43/2014/QĐ-TTg ngày 01/8/2014, Quyết định số 06/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam. Việc ra đời cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quản lý nhà nước về biển và hải đảo. Tại 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển, đến nay đã thành lập được 22 Chi cục Biển và Hải đảo ở các tỉnh, còn lại là các Phòng Biển và Hải đảo. Tuy nhiên, ở một số tỉnh còn ghép cơ quan quản lý nhà nước về biển và hải đảo vào các cơ quan chuyên môn khác.

Về tổng thể, do tính chất liên ngành, liên vùng của quản lý nhà nước về biển và hải đảo, hiện nay công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo còn tương đối phân tán về thẩm quyền, lĩnh vực quản lý nhà nước. Trên thực tế, lĩnh vực biển và hải đảo đang được quản lý bởi nhiều bộ, ngành, địa phương với những khía cạnh khác nhau:

- Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và thủy sản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi tại các vùng biển, ven biển và hải đảo.

- Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản và dầu khí: Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước về khoáng sản; Bộ Công thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại lĩnh vực dầu khí, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; Bộ Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng.

- Cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải biển: Bộ Giao thông vận tải là cơ quan quản lý về giao thông vận tải, trong đó giao thông vận tải biển với sự tham gia trực tiếp của Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Đăng kiểm.

- Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch biển: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc quản lý nhà nước về du lịch biển và hải đảo.

- Cơ quan quản lý nhà nước về ngoại giao và biên giới lãnh thổ quốc gia không phân cấp cho chính quyền địa phương: Ủy ban Biên giới quốc gia trực thuộc Bộ Ngoại giao, có chức năng quản lý về biên giới, lãnh thổ quốc gia (bao gồm: xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách về biên giới quốc gia trên biển, phân định cắm mốc, quản lý mốc biên giới, đàm phán ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến biên giới lãnh thổ quốc gia trên biển).

- Cơ quan quản lý nhà nước về quốc phòng trên biển: Các lực lượng của Bộ Quốc phòng đóng vai trò nòng cốt trong thực thi pháp luật và phòng thủ trên khu vực biên giới biển, đảo. Các đơn vị của Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ quan trọng liên quan đến công tác quản lý nhà nước về quốc phòng trên biển, bao gồm: điều hành chung các hoạt động tác chiến, trong đó các lực lượng chiến đấu trực tiếp là các đơn vị hải quân, không quân, biên phòng, cảnh sát biển, tìm kiếm, cứu nạn...

- Cơ quan quản lý nhà nước về an ninh vùng biển, ven biển: Bộ Công an là cơ quan quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội trong phạm vi cả nước.

Có thể nói, các cơ quan quản lý nhà nước về biển và hải đảo hiện nay còn tương đối phân tán. Sự phân tán trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về biển và hải đảo hiện nay cho thấy những bất cập cơ bản sau đây:

Thứ nhất, thiếu sự thống nhất trong quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sử dụng và khai thác, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững, đồng thời bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Thứ hai, không phát huy được nguồn lực tổng thể trong quản lý nhà nước về biển và hải đảo, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về biển và hải đảo.

Thứ ba, thiếu cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về biển và hải đảo, các hình thức phối hợp chưa đa dạng và thiếu sự chủ động trong các hoạt động phối hợp liên ngành, liên vùng trong quản lý nhà nước về biển và hải đảo.

Thứ tư, ảnh hưởng không tốt đến việc sử dụng có hiệu quả năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác này, trong điều kiện đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về biển và hải đảo còn thiếu và yếu cả về số lượng và chất lượng.

1.2. Thực trạng năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo

Năng lực quản lý nhà nước về biển và hải đảo phụ thuộc trực tiếp vào đội ngũ cán bộ, công chức, nhưng hiện nay đội ngũ này còn những hạn chế về cả số lượng và chất lượng. Hiện nay, nhân lực của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam có khoảng 800 công chức (tính tròn số). Ở địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường có biên chế công chức bình quân theo dõi lĩnh vực này là khoảng 07 người. Ở cấp huyện và cấp xã chưa có công chức chuyên trách về lĩnh vực biển, đảo. Tại bộ phận quản lý tổng hợp các vấn đề về biển, đảo thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh ven biển và công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện ven biển, huyện đảo, số lượng công chức được đào tạo chuyên môn về lĩnh vực biển còn ít, chủ yếu là công chức hoạt động kiêm nhiệm. Tại một số Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đã điều chuyển một số ít công chức làm công tác thủy sản sang tăng cường.

Số lượng công chức làm công tác biển, đảo ở địa phương chưa ổn định, nhiều nơi phải kiêm nhiệm các lĩnh vực khác có liên quan đến chuyên môn được đào tạo. Đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo đang có những hạn chế sau đây:

Một là, phần lớn chưa được đào tạo đúng chuyên ngành. Ngay tại Tổng cục Biển và Hải đảo, đội ngũ có chuyên môn sâu về biển và hải đảo chỉ chiếm khoảng 1/5 số lượng công chức.

Ở các địa phương, đội ngũ công chức quản lý nhà nước về biển và hải đảo còn yếu về chuyên môn, kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, bởi phần lớn được tích lũy từ kinh nghiệm thực tiễn mà chưa được đào tạo bài bản.

Hai là, còn thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo. Các nội dung như: điều phối đa ngành, hợp tác giữa các địa phương, vùng ven biển, quản lý không gian biển phù hợp với đặc trưng tài nguyên biển... vẫn còn tương đối xa lạ với không ít công chức làm công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo.

Ba là, còn mất cân đối giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến biển và hải đảo.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực quản lý nhà nước về biển và hải đảo còn nhiều khó khăn. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng mới được xây dựng. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho biển, đảo tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, khí tượng thủy văn biển, kỹ thuật tàu thủy, kỹ thuật xây dựng trên biển, giao thông vận tải trên biển, hải dương học. Chưa xây dựng các chương trình đào tạo liên quan tới môi trường biển, sinh thái biển, địa chất, địa vật lý và khoáng sản biển, quản lý biển, quy hoạch phát triển kinh tế biển, luật về biển. Việc đào tạo, bồi dưỡng công chức chuyên sâu về biển và hải đảo còn nhiều hạn chế, thiếu hụt đội ngũ giảng viên và các chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực này.

2. Một số đề xuất kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về biển và hải đảo

Để kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về biển và hải đảo trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung vào các giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực thể chế quản lý nhà nước về biển và hải đảo. Việc nâng cao năng lực thể chế cần chú ý ở cả ba cấp độ, bao gồm: năng lực của công chức; năng lực của cơ quan quản lý nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về biển và hải đảo. Tạo lập khung thể chế phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về biển và hải đảo trong từng giai đoạn, có khả năng dự báo và đưa ra những kịch bản ứng phó hiệu quả với những thay đổi trong quản lý nhà nước về biển

và hải đảo. Năng lực thể chế của các cơ quan quản lý nhà nước về biển và hải đảo là tiền đề quan trọng để hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước về biển và hải đảo, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý lĩnh vực này.

Thứ hai, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về biển và hải đảo ở Trung ương và địa phương. Ở các địa phương, cần khắc phục tình trạng lồng ghép cơ quan quản lý nhà nước về biển và hải đảo vào các cơ quan khác, dẫn đến phân tán các nỗ lực quản lý nhà nước. Cần tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, liên địa phương trong quản lý nhà nước về biển và hải đảo, khắc phục tình trạng quy hoạch vùng bị ảnh hưởng bởi quy hoạch ngành và sự phân tán trong xây dựng và triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch về biển và hải đảo. Tăng cường cơ chế phối hợp thông qua việc hình thành các tổ, nhóm công tác, thông qua xây dựng quy hoạch, kế hoạch, văn bản quản lý nhà nước, khắc phục sự tách biệt giữa các địa phương có biển, hải đảo trong công tác quản lý nhà nước.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo. Về lâu dài cần chú ý đến vấn đề tạo nguồn nhân lực quản lý nhà nước về biển và hải đảo, thông qua việc định hướng dư luận xã hội, tạo lập cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về biển và hải đảo. Trong ngắn hạn cần tập trung vào công tác bồi dưỡng quản lý nhà nước về biển và hải đảo cho công chức, chủ yếu là các nội dung:

- Đào tạo lại, bồi dưỡng ngắn hạn nhằm cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ hàng năm.

- Đào tạo dài hạn sau đại học theo hướng chuyên sâu cho các chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực biển, đảo.

- Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hoá những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước, kinh tế, kỹ thuật, khoa học công nghệ, lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh.

- Đào tạo, bồi dưỡng các chuyên gia về kỹ năng lập và phân tích, đánh giá, quy hoạch sử dụng biển, đảo, giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường biển, đảo.

- Đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng quản lý, khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường bản đồ biển nói chung và công tác thiết lập, quản lý hồ sơ các vùng biển nhạy cảm, vùng bờ cần bảo vệ.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về lập, triển khai và đánh giá hiệu quả chương trình, kế hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức các hoạt động điều tra, nghiên cứu, tuyên truyền, thu hút sự tham gia của cộng đồng vào quá trình quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường biển.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ biển, giải quyết các vấn đề có tầm vĩ mô về biển.

Thứ tư, thiết lập cơ chế và nâng cao hiệu quả áp dụng phương thức quản lý tổng hợp về biển và hải đảo. Tính tổng hợp trong quản lý tài nguyên biển và hải đảo được thể hiện trên 3 phương diện:

- Tổng hợp theo tính hệ thống: mỗi vùng biển được coi là một hệ thống tài nguyên thống nhất, được quản lý theo phương thức không cắt rời, chia nhỏ hay xem xét các thành phần một cách riêng biệt để đảm bảo tính toàn vẹn; đồng thời, xem xét vùng biển là hệ thống tương tác giữa tự nhiên và xã hội, giữa các yếu tố sinh học và phi sinh học.

- Tổng hợp theo chức năng: mỗi vùng biển là một hệ thống nhiều chức năng, cần được xem xét sử dụng cho phù hợp với các chức năng đó và trong giới hạn chịu tải của hệ thống, tiểu hệ thống trong vùng.

- Tổng hợp về phương thức quản lý: phương thức quản lý theo chiều dọc (các cấp) và chiều ngang (các bên liên quan) để đảm bảo tính đa ngành, đa cấp; đồng thời, phải có cơ chế liên kết chặt chẽ giữa các chính sách quản lý và hành động quản lý.

Quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo với phương châm không làm thay quản lý ngành, lĩnh vực mà đóng vai trò định hướng, điều phối các hoạt động quản lý ngành, lĩnh vực; khắc phục các xung đột, mâu thuẫn trong quản lý theo ngành, lĩnh vực; sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái biển, hải đảo; thống nhất các hoạt động quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo từ Trung ương đến địa phương, đảm bảo phát triển bền vững biển và hải đảo.

Thứ năm, đầu tư cơ sở vật chất, khoa học công nghệ phục vụ quản lý nhà nước về biển và hải đảo. Trong giai đoạn hiện nay cần đặc biệt chú ý đầu tư có chiều sâu, trọng điểm về các thiết bị công nghệ, nâng cao năng lực của trang thiết bị và công nghệ phục vụ công tác điều tra cơ bản, khảo sát, kiểm soát, thăm dò, nghiên cứu biển, hải đảo và đại dương nhằm phục vụ có hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

Thứ sáu, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý nhà nước về biển và hải đảo, thông qua cộng đồng để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý dựa vào cộng đồng, xây dựng sinh kế cho cộng đồng ở vùng biển và hải đảo. Điều này sẽ đảm bảo các thể chế, chính sách về biển và hải đảo đi vào thực tiễn, vừa đảm bảo yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội vừa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ chủ quyền trên biển.

Thứ bảy, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giải quyết các vấn đề biển và hải đảo. Hoạt động hợp tác quốc tế nhằm tìm hiểu kinh nghiệm quản lý nhà nước về biển và hải đảo, khai thác có hiệu quả lợi thế về biển và hải đảo để vừa đảm bảo yêu cầu bảo vệ chủ quyền, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển quốc gia, tạo ra thế và lực để quốc gia phát triển, tăng sức ảnh hưởng của quốc gia đối với đời sống khu vực và quốc tế.

KẾT LUẬN

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực biển và hải đảo, thời gian tới, cần thiết phải nâng cao năng lực quản lý nhà nước về biển và hải đảo cho đội ngũ cán bộ, đồng thời đẩy mạnh nhận thức cho cộng đồng, người dân, doanh nghiệp, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền trong thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chủ trương, giải pháp về phát triển bền vững kinh tế biển, khai thác tài nguyên biển; rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách về biển theo hướng phát triển bền vững, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực luật pháp và điều kiện thực tiễn; tạo hành lang pháp lý thuận lợi để huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực và chuyển giao tri thức về biển; tiếp tục kiện toàn, đổi mới tổ chức, vận hành hiệu quả tổ chức quản lý tổng hợp, thống nhất về biển; tăng cường cơ sở vật chất, năng lực quản lý Nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển, hải đảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Lê Mai Anh (2006), *Luật biển quốc tế hiện đại*, Nxb Lao động - xã hội.

[2]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Nghị quyết số 09-NQ/TƯ Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X ngày 09/02/2007 "về Chiến lược biển Việt Nam đến 2020"*.

[4]. Nguyễn Thành Minh, Phạm Ngọc Sơn, Nguyễn Thanh Tùng (2017), *Tăng cường công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo phục vụ phát triển bền vững*, Hội thảo quốc tế, Hà Nội.

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU DƯỚI GÓC ĐỘ LỐI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

TS TRẦN CAO NGUYÊN[1]

Tóm tắt:

Toàn cầu hoá là một hiện tượng đột phá, mang tính cách mạng, làm thay đổi tư duy, nhận thức của nhân loại trên mọi phương diện: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Dưới góc nhìn từ quan điểm chính trị học hiện đại chúng tôi cho rằng, toàn cầu hoá là hiện tượng, là xu hướng phát triển tất yếu của xã hội loài người. Trong xu hướng ấy, có dòng chảy thuận, nhưng cũng có nhiều dòng chảy nghịch. Có những dòng chảy thực sự khai phóng, làm mới tư duy, tinh thần, lối sống, phong cách dân tộc, nhưng cũng có dòng chảy đang "cố tình" làm tan loãng, xoá mờ, thậm chí làm biến dạng "hồn cốt" dân tộc. Trong khuôn khổ phạm vi của hội thảo khoa học, chúng tôi muốn luận bàn những tác động của toàn cầu hoá đến lối sống của người Việt Nam dưới góc độ văn hóa truyền thống.

Từ khóa: *lối sống của người Việt, toàn cầu hoá, văn hóa truyền thống*

MỞ ĐẦU

Toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sâu sắc trong thế giới hiện đại, không chỉ dừng lại trong lĩnh vực kinh tế, mà còn mở rộng, lan tỏa, thâm nhập các lĩnh vực khác của đời sống, từ xã hội, môi trường đến khoa học, công nghệ, văn hóa, pháp luật, giáo dục,... Chính quá trình tác động và thấm sâu của toàn cầu hóa vào toàn bộ các lĩnh vực của một dân tộc, mà nhân loại đang đứng trước nhiều vấn đề hệ trọng đối với sự đứng vững, tồn tại và phát triển của từng quốc gia, dân tộc và

1 Trường Đại học Vinh

của từng khu vực trên thế giới trong quan hệ mang tính toàn cầu đang diễn ra cực kỳ phong phú và phức tạp hiện nay. Toàn cầu hóa vừa là thời cơ cho sự hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cũng là những thách thức to lớn, nhiều khi hoàn toàn mới mẻ, đối với vấn đề giữ gìn, bảo vệ, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa riêng biệt, độc đáo, có tính truyền thống của mỗi dân tộc, quốc gia trong bối cảnh và đặc điểm mới của thế giới hiện đại.

NỘI DUNG

1. Vai trò và tác động của toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa - globalization: là "sự lan truyền của các sản phẩm, công nghệ, thông tin, việc làm xuyên biên giới và văn hóa quốc gia"; là "quá trình phát triển kinh tế theo xu thế phát triển hiện đại, kèm theo những khuynh hướng tiên tiến, khi đó, quá trình toàn cầu hoá được xem như một quá trình tăng lên mạnh mẽ của các mối liên hệ, và có sự phụ thuộc, ảnh hưởng qua lại giữa các khu vực, quốc gia và các dân tộc trên thế giới"; "Toàn cầu hóa chính là sự kết nối về nhiều mặt như: chính trị - kinh tế - xã hội - văn hóa giữa các quốc gia". Chính sự kết nối với quan hệ phụ thuộc đã tạo động lực thúc đẩy các quan hệ, ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ tới giá trị riêng của mỗi quốc gia, dân tộc.

Từ những đặc điểm trên, có thể thấy rằng toàn cầu hóa là một hiện tượng có ý nghĩa cách mạng trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Quá trình này dẫn tới những biến đổi mạnh mẽ trong cấu trúc kinh tế - chính trị của quan hệ quốc tế, song song với những thay đổi về đời sống văn hóa-xã hội của người dân trên khắp toàn cầu. Tuy nhiên, đây không phải là một hiện tượng đơn nhất, bất biến mà là một quá trình phức tạp, đa phương diện, đa chiều hướng và luôn vận động, biến đổi.

- *Xét trên phương diện tích cực:* sự không phân biệt ranh giới giữa các quốc gia, sự "cởi mở" về mọi phương diện đời sống xã hội đã khiến quá trình toàn cầu hoá trở nên hữu ích và cần thiết đối với nhân loại thế kỷ XXI. Cụ thể:

+ Về phương diện chính trị, đối thoại và hợp tác trở thành công cụ giúp các quốc gia trên thế giới hướng tới hoà bình, ổn định, phát triển. Hơn nữa, toàn cầu hoá còn tạo tiền đề cho việc thành lập các tổ chức chính trị hợp pháp nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích của con người.

+ Về phương diện kinh tế, toàn cầu hoá cho phép tự do hoá thương mại phát triển, "cấp phép" cho các tập đoàn kinh tế lớn vươn tầm ảnh hưởng tới mọi khu vực, vùng, lãnh thổ trên thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc giải quyết vấn đề việc làm, nhân công lao động tại chỗ, giá thành sản phẩm... thúc đẩy quá trình cải cách, đổi mới nâng cao hiệu quả cạnh tranh trên thị trường.

+ Về xã hội, toàn cầu hoá cho phép mở rộng cơ hội giao lưu, học tập, tiếp cận và tiếp thu những thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến... giữa các vùng dân cư với nhau.

+ Về văn hoá, có thể nói, toàn cầu hoá đã tác động khá toàn diện đến mọi phương diện của đời sống tinh thần dân tộc. Cho phép người dân ở mỗi quốc gia tiếp xúc với phong tục, tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật, nét đặc trưng tác thành bản sắc dân tộc. Sự tiếp xúc, giao lưu văn hoá đó làm giảm dần những khác biệt, tạo nên sự hiểu biết lẫn nhau. Lối sống cũng nhờ đó phong phú, đa dạng và cởi mở hơn.

- *Xét trên phương diện tiêu cực:* toàn cầu hoá cũng mang lại nhiều vấn đề khiến các quốc gia phải mau chóng tìm biện pháp giải quyết nếu không muốn bị hoà tan về văn hoá, bị thao túng bởi chính trị, bị dẫn dắt bởi kinh tế, xã hội trong nước bất ổn, môi trường tự nhiên và các nguồn tài nguyên bị tổn hại.

2. Một số ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đối với lối sống của người Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa

Bàn luận về khái niệm "lối sống", có rất nhiều cách tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu đều hướng tới các giá trị văn hóa, phương thức ứng xử của con người và của cộng đồng.

Theo Từ điển Tiếng Việt, "lối sống" *là hình thức diễn ra của hoạt động đã trở thành ổn định, mang đặc điểm riêng* [3]; GS. Phạm Hồng Tung, lại cho rằng: "Lối sống của con người là các chiều cạnh chủ quan của văn hóa, là quá trình hiện thực hóa các giá trị văn hóa thông qua hoạt động sống của con người. Lối sống bao gồm tất cả những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động sống được một bộ phận lớn hoặc toàn thể nhóm hay cộng đồng người chấp nhận và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định, đặt trong mối tương tác biện chứng của các điều kiện sống hiện hữu và trong các mối liên hệ lịch sử của chúng" [5]; Nhà tâm lý học người Áo Alfred Adler (1870 - 1937) khẳng định, "lối sống": *là những nét điển hình được lặp đi, lặp lại và định hình thành phong cách, thói quen trong đời sống, cá nhân, nhóm xã hội, dân tộc hay cả nền văn hóa*.

Như vậy, theo cách tiếp cận về khái niệm *"lối sống"*, như đã trình bày ở trên, có thể nói, các nhà nghiên cứu đều khẳng định có cả những giá trị, những truyền thống và những cách ứng xử được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, nhưng cũng bao gồm cả những giá trị ngoại sinh, những cách ứng xử và những biểu tượng... ngoại nhập" [5].

Từ những quan niệm trên, có thể hiểu, lối sống của người Việt Nam chính là phương thức sống được thể hiện qua sự lựa chọn các hoạt động và cách thức thực hiện các hoạt động của họ. Lối sống đó chịu sự chi phối mạnh mẽ của không gian địa lý, thời gian lịch sử, sự tác động của nền kinh tế, thể chế chính trị và truyền

thống văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, lối sống không phải là sản phẩm thụ động được kết hợp một cách máy móc bởi các yếu tố trên mà nó hoàn toàn phụ thuộc vào con người. Do vậy, lối sống mang đậm dấu ấn cá nhân.

Lịch sử Việt Nam đã trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Quá trình đó rèn luyện và tạo nên những thế hệ con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, thương yêu con người, tinh thần chịu thương chịu khó, tương thân tương ái, cần cù lao động ... Những đức tính đó đã trở thành những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam mà hàng ngàn đời nay các thế hệ kế tiếp nâng niu, gìn giữ. Ngày nay, sự du nhập văn hoá phương Tây với những quan niệm về giá trị sống, phong cách sống, lối sống mới, một mặt, tác động tích cực đến việc làm thay đổi lối sống khép kín, cam chịu, phụ thuộc vốn có của người Việt Nam sang một lối sống cởi mở, năng động, tự lập, dám chịu trách nhiệm, phù hợp với xu thế thời đại. Mặt khác, làm phương hại đến giá trị sống truyền thống và văn hoá truyền thống của người Việt. Cụ thể:

Thứ nhất, ảnh hưởng tích cực của toàn cầu hoá đến lối sống của người Việt Nam

Để thích ứng với môi trường toàn cầu hoá, con người phải sáng tạo, năng động và có khả năng thích ứng nhanh với sự biến động của xã hội, thời cuộc, sự phát triển của khoa học công nghệ. Đây là thời cơ, đòi hỏi mỗi cá nhân phải tích cực, sáng tạo, chủ động tiếp cận và biến đổi hoàn cảnh. Nhận thức rõ điều đó, người Việt Nam đã chủ động học tập, trau dồi phẩm chất đạo đức cần thiết của thời đại công nghiệp, hiện đại. Rèn luyện phong cách làm việc công nghiệp, lối sống trách nhiệm, chủ động, mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, ý thức kỷ luật, tự giác, nỗ lực vươn lên. Lối sống, do đó, có sự chuyển mình tích cực. Lối sống của người Việt hiện nay không còn bó hẹp trong sinh hoạt, giao tiếp gia đình, quanh mảnh đất "chôn nhau cắt rốn", nay đã được mở rộng theo nhu cầu văn hoá vượt qua ranh giới làng, xóm, huyện, tỉnh, đến liên tỉnh, quốc gia, khu vực và toàn thế giới. Tầm nhìn, tư duy cũng được khai phá nhiều chiều. Đây có lẽ là một trong những tác động tích cực nhất của toàn cầu hóa đến lối sống người Việt.

Những giá trị của toàn cầu hoá, của nền văn minh công nghiệp, văn minh trí tuệ đã hiện đại hoá lối tư duy, phong phú hoá các dạng thức và tiện nghi sinh hoạt, các điều kiện kinh tế, các phương tiện giao thông, làm cho cuộc sống vật chất - tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt. Lối sống người Việt Nam cũng theo đó được mở rộng, năng động hơn, tích cực quan tâm đến các vấn đề xã hội hơn; biết chung tay, góp sức san sẻ yêu thương; biết sống có trách nhiệm với vận mệnh quốc gia, dân tộc; biết hướng tới lý tưởng cao cả; biết nhìn ra thế giới... để tự thay đổi, hoàn thiện bản thân. Đặc biệt, biết phát huy những giá trị đạo đức truyền thống đã được gìn giữ từ bao đời nay để vun bồi tình cảm, đạo lý, lẽ sống của dân tộc Việt Nam.

Thứ hai, tác động tiêu cực của toàn cầu hoá đến lối sống của người Việt Nam

Quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ đang làm nhiều giá trị tinh thần nói chung, giá trị đạo đức nói riêng bị ảnh hưởng tiêu cực. Đặc biệt, một số giá trị đạo đức tốt đẹp, thiêng liêng... vốn có vị trí quan trọng trong hệ giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam đang có nguy cơ bị mai một và tha hoá. Hiện tượng suy đồi đạo đức đang trở thành mối quan tâm chung của xã hội. Chẳng hạn, lối sống tình nghĩa, đậm chất nhân văn kiểu "thương người như thể thương thân", "tối lửa tắt đèn có nhau", "tình làng nghĩa xóm"... vốn là một trong những giá trị đạo đức truyền thống của nền văn hóa làng xã Việt Nam đã từng tồn tại hàng ngàn năm nay đang bị mai một, mờ nhạt dần. Ở không ít nơi, cả thành thị lẫn nông thôn, một bộ phận dân cư đã chịu ảnh hưởng của lối sống ích kỷ, hẹp hòi, lấy lối sống theo kiểu "đèn nhà ai nấy rạng" thay cho lối sống rất "con người" trước đây.

Toàn cầu hóa, với những tác động nhiều chiều khiến quan niệm sống, đặc biệt của giới trẻ có phần "bung mở", rộng rãi, phóng túng, thậm chí cuồng loạn, coi thường giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống, xem nhẹ tình thân, ruột thịt. Lối sống trọng tình, trọng nghĩa; thương người như thể thương thân; gắn bó với thiên nhiên; cần cù, chịu khó; thuận hoà; nhân nghĩa vẫn được gìn giữ song không tránh khỏi sự thật bị tổn hại, xâm phạm.

Để cổ súy cho cái gọi là "mới" là "hiện đại", là "văn minh", là "mốt", một bộ phận người dân đã quay lưng lại giá trị văn hoá gia đình, dân tộc truyền thống. Họ không ngớt chê bai những phong tục này, tập quán nọ, những thói quen thưa gửi, chào hỏi, đồng thời kết tội cho nó là phức tạp, rườm rà, rắc rối, lạc hậu và cổ hủ. Từ suy nghĩ lệch lạc, tất yếu dẫn đến hệ quả lệch chuẩn về các giá trị đạo đức. Chưa hết, hiện tượng sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hoá dân tộc... chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ đã và đang để lại những tác động tiêu cực đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Lối sống thực dụng, phóng túng khiến người trẻ tuổi Việt Nam dễ sa vào các tệ nạn xã hội. Quan niệm sống thử, quan hệ tình dục trước hôn nhân nếu xét theo hướng tích cực thì có thể góp phần giải phóng sự trói buộc về tư tưởng trinh tiết của người con gái, tôn trọng quyền tự do cá nhân, nhưng nếu xét theo chiều tiêu cực, chính quan niệm này đã phá vỡ những giá trị tinh thần thiêng liêng, đó là chưa nói tới hậu quả làm suy giảm chất lượng nòi giống và sức khoẻ giới trẻ.

Chủ nghĩa vật chất, lối sống ích kỷ đã khiến một bộ phận người dân sẵn sàng bất chấp tất cả để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Thực tế chứng minh, số vụ buôn lậu, buôn bán ma tuý, làm hàng giả được phát hiện ngày càng tăng. Một loạt tội danh mới nguy hiểm đã xuất hiện như: khủng bố cá nhân; tống tiền; bắt cóc trẻ em; buôn bán phụ nữ; buôn bán chất nổ, chất ma tuý... với số lượng lớn; tổ chức đâm thuê chém mướn; môi giới mại dâm....

Trào lưu sống ảo, xa rời thế giới hiện thực ngày càng phát triển. Công nghệ thông tin bùng nổ, internet và các phương tiện truyền thông len lỏi vào từng ngóc ngách của đời sống. Một thế giới ảo đã xuất hiện song song tồn tại với thế giới thực. Một bộ phận không nhỏ thanh niên đang chìm vào thế giới ảo, ngụp lặn trong thế giới ảo với đủ các câu chuyện hay dở trên đời. Đáng lo ngại hơn cả là hệ luỵ về tư tưởng, về nhận thức, là sự biến đổi và sự phá vỡ các chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ xã hội, làm lệch lạc lẽ sống, lý tưởng sống của mỗi cá nhân.

Dường như, dòng chảy toàn cầu hoá đẩy con người tiệm cận nhanh hơn với những lợi ích cá nhân, với chủ nghĩa kim tiền, lối sống thoáng, sống gấp, sống hưởng thụ. Thêm vào đó, phương tiện vật chất phục vụ cuộc sống con người, làm cho cuộc sống con người tiện nghi hơn, dễ dàng khiến họ quên đi bài học ứng xử mang giá trị nhân văn đích thực giữa con người với con người, con người với thiên nhiên, môi trường sống. Do vậy, vấn đề đặt ra hiện nay không phải là chống lại toàn cầu hoá mà thuận theo, hoà nhập trong dòng chảy toàn cầu hoá nhưng không thể hoà tan. Gìn giữ, đề cao, phát huy những giá trị văn hoá người Việt, những giá trị làm nên bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam và đất nước Việt Nam.

3. Một số giải pháp tiếp tục giữ gìn và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc trong điều kiện toàn cầu hóa

Để hội nhập và phát triển đất nước theo những giá trị tích cực mà toàn cầu hóa mang lại, trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, xây dựng bản lĩnh văn hoá Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa

Trong bối cảnh quốc tế đầy biến động như hiện nay, chúng ta cần tiếp cận các giá trị văn hoá của nhân loại để hiện đại hoá nền văn hoá dân tộc, nhưng cũng cần phải giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống để không đánh mất bản thân mình, đồng thời đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử, truyền thống yêu nước, lòng tự tôn, tự hào dân tộc... để hun đúc khí phách, cốt cách và tư chất con người Việt Nam trong thế ứng xử với xu thế giao lưu, hội nhập ngày càng sâu rộng. Nêu cao tính chủ động để sẵn sàng giao lưu, hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hoá nhân loại với tư thế, tư chất và khí phách con người Việt Nam. Một nền văn hoá có bản lĩnh, một hệ giá trị truyền thống không thể ở thế bị động trong xu thế giao lưu, hội nhập với các nền văn hoá khác. Tạo thế chủ động trong xây dựng bản lĩnh nền văn hoá Việt Nam có ý nghĩa to lớn đối với việc giữ gìn giá trị đạo đức truyền thống nói riêng và sự phát triển của văn hoá Việt Nam nói chung.

Hai là, giữ gìn và phát huy giá trị đạo đức truyền thống phải đi đôi với việc tăng cường giáo dục pháp luật cho mọi tầng lớp nhân dân

Coi trọng việc giữ gìn và phát huy đạo đức truyền thống phải luôn đi liền với coi trọng quản lý xã hội bằng pháp luật. Bởi pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng

đối với việc điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội. Cùng với đạo đức, pháp luật hướng con người tới hệ giá trị chân - thiện - mỹ, ngăn chặn cái ác, cái xấu nhằm làm lành mạnh hoá xã hội. Do vậy, cần phải giáo dục ý thức pháp luật cho mọi tầng lớp nhân dân, giúp họ tránh được những hành vi phạm pháp và trở thành những công dân sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Cần làm cho hệ giá trị đạo đức xã hội được bổ sung, hoàn thiện, được tuyên truyền sâu rộng trong toàn xã hội và làm cho nó trở thành hệ giá trị quy định lương tâm con người trong nhận thức và hành động. Tiếp tục nghiên cứu đưa các chuẩn mực đạo đức mới vào các văn bản pháp luật để pháp luật thực sự là công cụ hữu hiệu bảo vệ và phát triển giá trị đạo đức truyền thống.

Ba là, xây dựng môi trường đạo đức lành mạnh nhằm nâng cao vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ

Gia đình là môi trường quan trọng bậc nhất của việc giáo dục hình thành nhân cách con người, là nơi bảo tồn và phát huy tốt nhất hệ giá trị truyền thống dân tộc. Một dân tộc muốn vững mạnh, muốn giữ gìn và phát huy giá trị đạo đức truyền thống của mình trước hết phải chăm lo gia đình lành mạnh, trong đó hệ giá trị truyền thống dân tộc phải được ưu tiên số một. Trong gia đình, các bậc ông bà, cha mẹ phải nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc truyền dạy, giáo dục và rèn giũa các giá trị đạo đức cho con cái. Bên cạnh đó, các bậc cha mẹ phải thực sự trở thành tấm gương cho con cái trong việc tôn trọng và tiếp thu các giá trị đạo đức truyền thống.

Cùng với gia đình, giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong nhà trường và xã hội góp phần đào tạo cho đất nước những con người có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước hiện nay và trong tương lai. Cần tạo môi trường lành mạnh cho giáo dục, tạo ra sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ. Chú trọng việc xây dựng nội dung chương trình, bố trí thời gian cho từng cấp học, ngành học; kết hợp việc học đạo đức trong nhà trường với thực hành, gắn lý luận với thực tiễn...Giữa gia đình, nhà trường và xã hội phải có sự thống nhất về quan điểm, định hướng, nội dung trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống; có sự phối hợp giúp đỡ thế hệ trẻ một cách kịp thời và hiệu quả.

KẾT LUẬN

Toàn cầu hóa như một cơn lốc mạnh. Mặc dầu đã có sự chuẩn bị, song chúng ta chưa lường hết được tác động phức tạp của quá trình đó, vì vậy, văn hóa của chúng ta đang chịu những sức ép, sự va đập mạnh và sâu, đang đứng trước những thử thách gay gắt chưa từng có.

Nhận thức sâu sắc đặc điểm, thách thức và quy luật đó của quá trình toàn cầu hóa, cần phải khẳng định rằng, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong quá trình toàn cầu hóa, trước những thách thức và tác động phức tạp của mặt trái toàn cầu hóa trên lĩnh vực văn hóa, chúng ta sẵn sàng và chủ động mở cửa, hội nhập, hòa mình vào xu thế chung của thế giới hiện đại, đồng thời đứng vững trên những nguyên tắc quan trọng, làm cơ sở cho việc tranh thủ thời cơ, vượt qua trở ngại, thách thức và tự lực, chủ động xây dựng văn hóa dân tộc bằng sức mạnh, bản lĩnh, cốt cách của chính dân tộc ta với tinh thần tự chủ hòa nhập mà không hòa tan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ngô Hoàng Anh - Lê Thị Nghệ (2019), *Tác động của toàn cầu hóa đến giá trị văn hóa truyền thống ở Việt Nam*, Tạp chí điện truy cập ngày 25/09/2022 tại https://r.search.yahoo.com/_ylt=Awr49_Eqbkpj8_sTjn5XNyoA;_

VÀI SUY NGHĨ VỀ VIỆC GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

PGS. TS NGUYỄN THÁI SƠN[1]

Tóm tắt:

Vấn đề thống nhất giữa lý luận và thực tiễn có tầm quan trọng đặc biệt trong dạy học nói chung và trong giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực chính trị nói riêng. Đảm bảo được tính thống nhất này là chìa khóa cho sự thành công của mọi bài giảng. Tuy nhiên, trong thực tế, việc dạy và học các môn lý luận chính trị ở các trường đại học hiện nay vấn đề này dường như đang bị xem nhẹ. Chính vì thế, việc đảm bảo tính gắn kết, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn đang được đặt ra như một yêu cầu, một nguyên tắc tối quan trọng và mang tính tất yếu khách quan nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giảng dạy - đào tạo.

Từ khóa: *chính trị, giảng dạy chính trị, lý luận, thống nhất, thực tiễn*

MỞ ĐẦU

Vấn đề quan hệ giữa lý luận và thực tiễn có tầm quan trọng đặc biệt trong dạy học nói chung và trong giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực chính trị nói riêng. Tầm quan trọng đó không chỉ thể hiện ở chỗ: "Quan điểm về đời sống về thực tiễn, phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức", mà trong suốt quá trình đấu tranh, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã rút ra bài học vô giá là: "Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn của đảng". Chính vì vậy việc tìm hiểu mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn là cần thiết. Đặc biệt, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, giảng dạy các môn khoa học thuộc lĩnh vực chính trị, theo chúng tôi thì rõ

1 Trường Đại học Vinh

ràng linh hồn, xương sống cho sự thành công, cho việc đảm bảo chất lượng, hiệu quả, cho việc nâng cao tính thuyết phục, sức lôi cuốn, nâng cao tính sinh động, hấp dẫn của mọi giờ giảng, bài giảng ở mọi đối tượng, mọi trình độ chính là sự đảm bảo được tính thống nhất, gắn kết được một cách hài hoà giữa lý luận và thực tiễn. Điều này đã như là một tiền đề, một chân lý hiển nhiên bởi ai cũng biết "mọi lý thuyết đều chỉ là màu xám, chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi".

NỘI DUNG

Yêu cầu thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình giảng dạy tại các trường đại học nói chung và các bộ môn chính trị nói riêng có tầm quan trọng đặc biệt như vậy nhưng trong thực tế hiện nay, vấn đề này dường như đang bị xem nhẹ, nếu không nói là bị bỏ qua. Trong rất nhiều giờ giảng, giảng viên hầu như chỉ cắm cúi vào giáo trình, nhắc lại một cách mòn mỏi những điều đã có, đã được ghi chép một cách đầy đủ, rõ ràng trong sách vở, tài liệu. Nhiều giờ học trôi qua trong sự nhàm chán, nặng nề bởi giáo viên hầu như chỉ biết có lý thuyết suông. Bài giảng thiếu sức sống, không thuyết phục, không sinh động đang là một hiện tượng khá phổ biến tại các trường, các cơ sở đào tạo chính trị hiện nay. Hệ quả tất yếu kéo theo đó là chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, giảng dạy thấp, thậm chí đôi khi còn phản tác dụng và tạo ra tâm lý ức chế, khiên cưỡng, gò ép người học. Từ đó nhiều người dễ cho rằng chính trị dường như là một lĩnh vực khô khan, thiếu sức sống, thiếu sức truyền cảm. Xuất phát từ thực trạng hiện nay các bài giảng của một số giáo viên chính trị về cơ bản mang nặng tính lý thuyết, thiếu tính thực tiễn nên nhiều người cho rằng dường như học chính trị chỉ là học một mớ lý thuyết mang tính kinh viện, sáo rỗng, không thực tế. Cũng xuất phát từ quan niệm sai lầm này mà nhiều học viên đã đến với các bài học, bài thi các môn chính trị bằng một tâm lý đối phó, chỉ chú trọng học vẹt, học thuộc lòng, học sao cho miễn là qua được các kỳ thi, còn bản chất vấn đề thì hầu như không hiểu hoặc không cần hiểu, niềm đam mê hứng thú hầu như không có. Với những quan niệm và tâm lý như vậy, rõ ràng chất lượng, hiệu quả ở đây có lẽ là vấn đề đáng được báo động.

Những nguyên nhân cơ bản nào dẫn đến thực trạng đáng buồn như trên? Có thể nói là rất nhiều. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi xin đề cập đến những nguyên nhân được xem là cơ bản nhất. Trước hết cần phải thấy một sự thực khá hiển nhiên là sở dĩ bài giảng của giáo viên chính trị còn thiếu tính thực tiễn do chính vốn sống, vốn kinh nghiệm thực tiễn của nhiều giáo viên chính trị hiện nay quá ít ỏi. Đối với các giáo viên trẻ mới ra trường thì việc thiếu vốn sống, thiếu tư liệu thực tiễn dường như là một hiện tượng khá phổ biến. Nhiều giáo viên trẻ nắm vững lý thuyết, thuộc làu giáo án, có phương pháp giảng dạy tốt, có khả năng sư phạm nhưng bài giảng vẫn chưa hay, vẫn còn thiếu sức thuyết phục, vẫn bị học viên "chê" là "non", là "lý

thuyết suông", nguyên nhân cơ bản cũng chỉ nằm ở chỗ bài giảng thiếu tính thực tiễn. Cụ thể là thiếu những dẫn chứng, những ví dụ sinh động, nóng hổi tính thời sự, thiếu đi cái "hơi thở" thực sự của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội đang diễn ra hàng ngày hàng giờ xung quanh những quan điểm lý luận mà giảng viên đó trình bày. Đối với một số giáo viên lớn tuổi, từng trải hơn, già dặn hơn trong nghề thì có thể vốn sống, kinh nghiệm sống sẽ dồi dào hơn. Qua đó hàm lượng thực tiễn trong bài giảng, trong giáo án của họ có thể tăng lên và nhờ vậy giờ giảng của những giáo viên này sẽ phần nào thuyết phục hơn, có sức sống hơn. Tuy nhiên ở đây chúng ta dễ bắt gặp một tình trạng cũng rất đáng lo ngại, có thể gọi tình trạng đó bằng cụm từ "xơ cứng". Sự xơ cứng ở đây thể hiện ở chỗ các ví dụ thể hiện sự minh hoạ cho tính thực tiễn thường bị lặp đi lặp lại, thường ít được đổi mới. Một tình huống thực tiễn có thể được sử dụng cho nhiều bài giảng, minh hoạ cho nhiều nội dung. Điều này cũng sẽ gây ra sự nhàm chán, đôi lúc còn vô tình hạ thấp, làm tầm thường hoá những quan điểm lý luận sâu xa. Dĩ nhiên hệ quả của nó thì ai cũng biết.

Không chỉ thiếu hụt vốn sống, vốn hiểu biết thực tiễn, nhiều giáo viên chính trị hiện nay còn tỏ ra không theo kịp tốc độ biến đổi của đời sống thực tiễn. Đất nước đã bước vào thời kỳ đổi mới hơn 36 năm (nếu tính từ năm 1986), đã hội nhập, mở cửa, đã tham gia hầu hết những tổ chức, những diễn đàn quốc tế quan trọng nhất, nền kinh tế thị trường với cả những tác động tích cực lẫn tiêu cực, thuận chiều lẫn trái chiều đang diễn ra một cách sôi động, thấm sâu và hiển hiện tận cả những vùng, những miền xa xôi hẻo lánh nhất. Vậy mà nhiều giáo viên chính trị ngày nay hình như vẫn còn chìm đắm say sưa với những tháng ngày bao cấp, không chịu đổi mới tư duy, không thích nghi với những tất yếu khách quan của đời sống thực tiễn. Có thể thấy rất rõ điều này không chỉ trong đời sống cá nhân mà còn cả trong từng bài giảng, từng cách hiểu, cách phân tích các quan điểm lý luận của những giáo viên này. Bản thân con người không chịu đổi mới thì nói gì đến bài giảng hay là những vấn đề khác có liên quan. Có thể kết luận cho tình trạng này đó chính là sự không thích nghi một cách toàn diện. Dĩ nhiên về lâu dài đây chính là một trong những trở lực ngăn cản ngay chính sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Chúng ta cần thấm nhuần một trong những nguyên lý quan trọng của triết học Mác đó là "ý thức xã hội thường có tính lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội". Trong tính phổ biến, trong những điều kiện hoàn cảnh chung, chúng ta thấy ý thức xã hội thường tỏ ra không theo kịp, không phản ánh kịp thời những biến đổi của tồn tại xã hội. Điều tất yếu đương nhiên này cũng xảy ra ngay cả trong lĩnh vực học tập, giảng dạy chính trị và nó cũng không hề khách sáo hay ngoại lệ ngay cả đối với bản thân rất nhiều giáo viên chính trị.

Ngoài ra có thể thấy một nguyên nhân khá quan trọng khiến cho việc thực tiễn và lý luận thường không gắn kết, không thống nhất (hay thậm chí là bị tách

rời) trong bài giảng của các giảng viên chính trị hiện nay đó chính là sự "tế nhị", sự "nhạy cảm" ngay trong lĩnh vực chính trị. Chúng ta ai cũng biết đời sống thực tiễn bao giờ cũng cực kỳ phong phú, rộng lớn, bao la. Trong đó có biết bao thứ bộn bề hỗn độn, đặc biệt là trong cái thực tiễn tạm gọi là rất "thô ráp" đó còn lẫn lộn biết bao thứ thật giả, phải trái, tốt xấu, trắng đen. Cái nào đúng, cái nào sai, cái nào là chân giá trị, cái nào là giả dối, cái nào nên dùng, cái nào nên vứt bỏ, đâu là cái mới, cái tiến bộ, hợp quy luật, đâu là những thứ bọt bèo rác rưởi cần phải sàng lọc, gạt qua một bên, thậm chí phải vứt bỏ hoàn toàn? Hàng trăm hàng nghìn câu hỏi hóc búa được đặt ra, có biết bao nhiêu là vấn đề phải lựa chọn sàng lọc để có được một hình ảnh thực tiễn vừa hấp dẫn, sinh động, vừa đúng đắn, phù hợp với quan điểm đường lối. Chúng tôi thường gọi đùa đây là "thực tiễn đẹp". Rõ ràng quan điểm thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy chính trị đòi hỏi chúng ta phải biết lựa chọn, sàng lọc, phải biết "rút tỉa" từ trong thực tiễn những gì là tinh tuý nhất, những gì là bản chất nhất, linh hồn nhất để rồi tiếp tục cô đọng nó, hoà quyện nó một cách tự nhiên, hài hoà với những quan điểm lý luận vốn khô khan và trừu tượng. Đây là một việc làm vô cùng khó, nó đòi hỏi ở người giáo viên chính trị không chỉ sự cần cù, chăm chỉ, tích cực học hỏi, lượm lặt mà còn là cả một sự thông minh, óc vận dụng sáng tạo, khiếu quan sát nhạy bén và trên hết là một khả năng tổng hợp, phân tích, khái quát hoá, trừu tượng hoá rất cao. Dĩ nhiên là người giáo viên chính trị nào cũng được đào tạo để có đủ khả năng hoàn thành công việc này, nhưng trong thực tế không phải ai cũng làm được. Và do không làm được, lại sẵn tâm lý ngại "đụng chạm", ngại "nói sai" nên nhiều giáo viên đã áp dụng luôn cái khuôn khổ biết thì thưa thốt, không biết thì im lặng bỏ qua. Tốt nhất là cứ lý thuyết suông mà diễn giải. Do đó bài giảng đã nặng nề lại càng thêm nặng nề hơn.

Vậy để giải quyết vấn đề nêu trên, theo chúng tôi trước hết cần phải xác định rõ khái niệm thực tiễn, phân biệt nó với khái niệm hoạt động, sau đó là với khái niệm hoạt động lý luận. Trong các tài liệu khoa học, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về thực tiễn, nhưng có thể nói, chưa có một ý kiến thống nhất về vấn đề này. Tính đến các quan điểm khác nhau, chúng tôi xin trình bày vắn tắt quan điểm về khái niệm thực tiễn như sau.

Thứ nhất, thực tiễn là hình thức hoạt động đặc thù của con người. Khái niệm thực tiễn đặc trưng cho hoạt động sống của xã hội loài người. Thứ hai, thực tiễn là hoạt động người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội. Đây là điểm khác biệt của thực tiễn so với hoạt động nhận thức. Thứ ba, thực tiễn là hoạt động được chủ thể tiến hành để đạt tới mục đích được đặt ra từ trước. Thứ tư, thực tiễn mang tính chất lịch sử xã hội. Đó là những đặc điểm chung của thực tiễn mà nhiều tác giả đã nhất trí.

Vậy thực tiễn và hoạt động khác nhau ở điểm nào? Phải lưu ý rằng có nhiều tác giả đã đồng nhất hai khái niệm này với nhau. Theo chúng tôi, không có cơ sở để

đồng nhất hai khái niệm đó. Cần chú ý rằng thực tiễn bao giờ cũng là sự vật chất hóa các ý niệm, là phương thức chuyển cái ý niệm thành cái vật chất, còn hoạt động lý luận là quá trình ngược lại, mặc dù nó bắt nguồn từ thực tiễn.

Qua đó có thể kết luận rằng phạm trù "hoạt động", xét về ngoại diên, là rộng hơn phạm trù "thực tiễn". Vậy thì vấn đề quan hệ giữa hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn với tư cách là hai lĩnh vực cơ bản nhất của hoạt động xã hội phải được hiểu như thế nào?

Đây là hai phương thức quan hệ khác nhau với thế giới. Kết quả của quan hệ lý luận là tái hiện lại đối tượng trong ý thức, là mô hình lý luận của đối tượng. Còn kết quả của hoạt động thực tiễn là sự cải tạo vật chất đối với đối tượng. Thực tiễn chỉ có mặt ở nơi có các hình thức hoạt động có đối tượng cảm tính, có sự cải tạo đối tượng trên thực tế, chứ không phải là trong suy nghĩ. Do vậy theo chúng tôi, hoạt động lý luận khoa học, giáo dục, tuyên truyền không phải là thực tiễn. Bản thân khoa học chỉ có khả năng đem lại bức tranh lý tưởng về thế giới trong những đặc trưng, bản chất của nó. Vấn đề cũng không thay đổi ngay cả khi khoa học trở thành lực lượng sản xuất vật chất trực tiếp. Bởi khi đó, bản thân lực lượng sản xuất tồn tại với tư cách là hình thức được đối tượng hoá của khoa học, còn khoa học vẫn tiếp tục là hình thức hoạt động tinh thần của con người, là sự phản ánh lý tưởng hiện thực.

Như vậy, giữa lý luận và thực tiễn bao giờ cũng tồn tại một mối liên hệ không thể tách rời. Song cho dù thực tiễn có hàm lượng lý luận nhiều đến đâu đi chăng nữa, thì thực tiễn và lý luận vẫn tồn tại với tư cách là hai lĩnh vực tương đối độc lập của hoạt động xã hội và bao giờ hình ảnh lý tưởng (kết quả của hoạt động lý luận) cũng đi trước hoạt động thực tiễn. Nói cách khác, hoạt động bao giờ cũng bao hàm hai khâu cơ bản và mối liên hệ giữa chúng luôn mang tính lịch sử - cụ thể - đó là khâu nhận thức lý luận (sản xuất ra tri thức) và khâu thực tiễn (cải tạo hiện thực).

Từ đó suy ra rằng thực tiễn và lý luận không thể là tuyệt đối đối lập với nhau. Tính tương đối của sự đối lập ấy trước hết được quy định bởi một vấn đề rất đơn giản, lý luận của con người với thế giới không bao giờ tuyệt đối biệt lập. Không những thế, lý luận luôn phục tùng thực tiễn, phục vụ thực tiễn và phát triển trên cơ sở cải tạo thực tiễn xã hội. Mọi lý luận suy cho cùng đều phải dựa trên cơ sở quan hệ thực tiễn với hiện thực. Đến lượt mình vốn là hoạt động của chủ thể có ý thức và ý chí, thực tiễn luôn bao hàm một hàm lượng lý luận của chủ thể với khách thể với tư cách là vòng khâu đặt mục đích của hoạt động thực tiễn.

Song, cũng cần nhấn mạnh rằng tính độc lập tương đối của lý luận là có tính chất tương đối. Thí dụ, lý luận cách mạng hoàn toàn không phải là thực tiễn cách mạng. Tuy nhiên vốn được sinh ra bởi các nhu cầu của thực tiễn xã hội, lý luận cách mạng trở thành một bộ phận cấu thành tất yếu của thực tiễn xã hội. Khi tiên đoán

tương lai, bản thân lý luận bắt nguồn từ thực tiễn quá khứ và hiện tại. Lý luận hoàn thành một chức năng nào đó trong xã hội không phải là ở ngoài khuôn khổ của thực tiễn, mà là ở bên trong bản thân thực tiễn xã hội.

Quan hệ giữa thực tiễn và lý luận là một quá trình mang tính lịch sử - xã hội cụ thể. Quan hệ giữa chúng là quan hệ biện chứng. Nắm bắt được tính chất biện chứng của quá trình đó, theo chúng tôi, là tiền đề quan trọng bậc nhất giúp chúng ta luôn có được một lập trường thực tiễn sáng suốt, tránh được chủ nghĩa thực dụng thiển cận, cũng như chủ nghĩa giáo điều máy móc và bệnh lý luận suông.

KẾT LUẬN

Từ những phân tích nêu trên, chúng tôi cho rằng trong thực tiễn giảng dạy các bộ môn khoa học lý luận chính trị hiện nay, việc đảm bảo tính gắn kết, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn đang được đặt ra như một yêu cầu, một nguyên tắc tối quan trọng và mang tính tất yếu khách quan nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giảng dạy - đào tạo. Mỗi một bộ môn, mỗi một giáo viên đều cần phải quán triệt yêu cầu có tính sống còn này. Đồng thời việc nghiên cứu, tìm tòi phát hiện các giải pháp có tính khả thi nhằm thực hiện nguyên tắc này không chỉ là trách nhiệm của các cấp lãnh đạo, của các nhà quản lý mà có thể xem đây như là trách nhiệm chung của toàn ngành, của toàn thể giáo viên, cán bộ giảng dạy chính trị nói chung.

ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

PGS.TS PHẠM XUÂN MỸ[1]

Tóm tắt:

Hiện nay, trong thế giới đa cực xuất hiện những trào lưu tư tưởng chính trị rất khác nhau, nhiều quan điểm chính trị đối lập nhau. Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam kiên quyết giữ vững vai trò lãnh đạo duy nhất, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh thời đại, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là những vấn đề chính trị quan trọng nhất ở Việt Nam cần khẳng định và thực hiện có hiệu quả. Bài viết sau gợi mở cụ thể những vấn đề đó nhằm góp phần đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, giảng dạy Chính trị học của Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh hiện nay.

Từ khóa: *Chính trị học, đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu*

1. Sự cần thiết đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, giảng dạy Chính trị học

Xuất phát từ vai trò của lý luận chính trị

Lý luận là sự tổng kết kinh nghiệm, bài học từ hoạt động thực tiễn của con người thành những quy luật về tự nhiên, xã hội và tư duy. Lý luận có vai trò "như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi", "Làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong đêm tối vừa chậm chạp vừa hay vấp váp" [4, tr.357]. Chính trị là biểu hiện tập trung của hoạt động sáng tạo văn hóa, của tính nhân văn, của sự giải phóng. Theo V.I.Lênin, chính trị có vai trò rất quan trọng *"Chính trị là biểu hiện*

1 Học viện Báo chí và Tuyên truyền

tập trung của kinh tế... Chính trị không thể không chiếm vị trí hàng đầu so với kinh tế" [2, tr.349]. Ở Việt Nam, nói tới chính trị thì trước hết là bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, hiệu lực quản lý của nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Hiện nay, các vấn đề chính trị quốc tế diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp làm xuất hiện nhiều trào lưu tư tưởng chính trị khác nhau. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá chủ nghĩa Mác - Lênin, chống phá Đảng, Nhà nước ta với nhiều thủ đoạn mới, nguy hiểm, gieo rắc hoang mang, nghi ngờ, phân tâm trong xã hội ta... Chỉ nắm vững lý luận và có lập trường chính trị vững nhất mới có thể phân biệt đúng sai, thật giả, lợi hại. Đây là đòi hỏi khách quan đối với mọi quốc gia, mọi tổ chức và mọi người, nhất là cơ sở đào tạo chính trị học Việt Nam.

Đại hội XIII của Đảng đã xác định một trong ba đột phá chiến lược trong những năm tới là phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; *ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt* trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [1, tr.203].

Thời gian qua, ngành đào tạo Chính trị học thu hút sự quan tâm của các cơ sở đào tạo và người học. Ở Việt Nam, nhiều cơ sở đào tạo thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đang đào tạo ngành học này và đã góp phần bổ sung và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, một cơ sở đào tạo đa ngành có uy tín của cả nước, trong hơn chục năm qua đã đạt nhiều thành tích trong đào tạo Chính trị học. Đây là cơ sở, là yêu cầu mới để trường tiếp tục nâng cấp, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, nghiên cứu và giảng dạy ngành học này trong tình hình mới.

2. Đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy Chính trị học

2.1. Về chương trình đào tạo: Trong ngành Chính trị học Việt Nam, Chuyên ngành Chuyên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước Việt Nam nên có một số học phần cơ sở: *Lịch sử xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam*, *Lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam*, *Lịch sử xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam; Lịch sử tư tưởng quản lý.*

2.2. Căn cứ đổi mới nội dung giảng dạy chính trị học

- Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII có Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018

"Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới";

- Bộ Chính trị khóa XII có Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 "Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới". Trong đó khẳng định: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

- Chủ trương của Đại hội XIII: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước" [1, tr.181]. "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa" [1, tr.57].

Sự cần thiết và mục đích học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh hiện nay. Bộ Chính trị khóa X có Chỉ thị 06-CT/TW (11-2006) về "Tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; Bộ Chính trị khóa XI có Chỉ thị số 03-CT/TW (5-2011) về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Bộ Chính trị khóa XII có Chỉ thị số 05-CT/TW (5-2016) Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Bộ Chính trị khoá XIII về "Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Đó là tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; coi đây là công việc thường xuyên hằng ngày, là trách nhiệm cụ thể thiết thân của mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tạo chuyển biến mạnh mẽ và sâu rộng hơn nữa về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Đó là những văn bản quan trọng định hướng giáo dục lý luận chính trị hiện nay.

2.3. Về nội dung chính trị cần tập trung nghiên cứu, giảng dạy

Một là, khẳng định những giá trị bền vững và vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với Đảng Cộng sản Việt Nam và sự nghiệp cách mạng Việt Nam

Chủ nghĩa Mác - Lênin là kết tinh những giá trị đỉnh cao của tri thức nhân loại. Đó là một hệ thống lý luận khoa học hoàn chỉnh mà mọi người, bất kể chính giới nào đều có thể tìm ra được phương pháp nhìn nhận quy luật vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và của tư duy con người. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết duy nhất nêu rõ mục tiêu, con đường, lực lượng, phương thức giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đây là học thuyết mở, mang tính chất cách mạng, luôn sống động, không ngừng tự phê phán và tự đổi mới, thường xuyên được bổ sung và phát triển trong thực tiễn cách mạng, không chỉ giải thích thế giới mà vấn đề căn bản là cải tạo thế giới phát triển. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin" [3, tr.289]; "Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình"[8]. Bảo vệ, bổ sung, phát triển hoàn thiện chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực tiễn cách mạng từng nước, từng lĩnh vực cụ thể là trách nhiệm của các đảng cộng sản và công nhân.

Hai là, về tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Tư tưởng về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân. Tư tưởng về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng: Về vai trò của đạo đức cách mạng. Các tiêu chí đạo đức cách mạng: Trung với Đảng, hiếu với dân; thương yêu

con người; Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư; tinh thần quốc tế trong sáng. Con đường rèn luyện đạo đức: Bền bỉ, thường xuyên, tự giác, nêu gương, kết hợp xây dựng đạo đức cách mạng với chống chủ nghĩa cá nhân.

- Phong cách Hồ Chí Minh gồm: phong cách tư duy, phong cách lãnh đạo, phong cách làm việc, phong cách ứng xử, phong cách diễn đạt, phong cách sống đời thường.

Ba là, những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng mà Đại hội XIII đã khẳng định

- *Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng* và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Củng cố niềm tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

- *Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế,* xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; có chính sách hỗ trợ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, nhất là trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự; khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước.

- *Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh,* xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

- *Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam* trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hoá vùng đồng bào dân

tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

- *Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội*, trước hết là việc thực thi tinh thần "thượng tôn pháp luật", gương mẫu tuân theo pháp luật, kỷ cương và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

- *Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên*; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bốn là, nghiên cứu làm rõ ba đột phá chiến lược của cách mạng Việt Nam

- *Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.* Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật.

- *Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao;* ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng* đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Năm là, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc

hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật.

3. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị

- Giáo viên lý luận chính trị cần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của các môn lý luận, khuyến khích có sự say mê, yêu thích và nắm vững và nâng cao kiến thức chuyên sâu ngành lý luận chính trị.

- Cần xây dựng chương trình mỗi học phần thành các phân khúc (Module), mỗi Module có các tiết giảng lý thuyết và thực hành thảo luận. Áp dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, tự nghiên cứu trước tài liệu; tăng cường tương tác giữa người dạy và người học.

- Vận dụng công nghệ thông tin vào dạy học lý luận chính trị. Soạn Slide trình chiếu trong Powerpoint, thường sử dụng cỡ chữ 24 pt, màu nền, màu chữ trong các slide có tương phản, không nên quá loạn màu sắc, có thể in đậm, nghiêng, gạch dưới... Nên dùng kiểu chữ dễ đọc (Arial, Tahoma, Times New Roman); mỗi slide không nên quá nhiều chữ, chỉ nên 4 - 6 dấu đầu dòng, giới hạn khoảng 40 từ. Mỗi slide trình bày một chủ đề, xen kẽ là hình ảnh, tư liệu.

- Giảng chính trị có thể đính kèm đoạn video clip phù hợp, minh họa cho bài giảng như các phim thời sự, tài liệu chính trị của VTV1; Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, CD-rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Bộ sách điện tử *Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh- biên niên sử truyền hình*. Các hình ảnh, tư liệu, sơ đồ minh họa phải có tính khoa học, có độ tin cậy cao. Nên chọn các đoạn phim tư liệu ngắn.

- Tăng cường tính thực tiễn trong các bài giảng lý luận chính trị. Cần nhớ, "Lý luận không gắn với thực tiễn là lý luận suông". Mỗi ngành đào tạo, cần liên hệ các vấn đề lý luận chính trị gắn với lịch sử ngành, lịch sử lĩnh vực. Vì lịch sử không chỉ là mô tả mà là rút ra từ quá khứ kinh nghiệm, bài học cần thiết như Bác Hồ đã nói "Lịch sử Đảng ta là pho lịch sử bằng vàng". Tuy vậy giảng lý luận cần tránh sa vào liệt kê sự kiện, hoặc lý luận xuôi chiều. Ví dụ thực tiễn cần được chọn lọc cẩn thận, phù hợp với đối tượng. Không phải tất cả các vấn đề lý luận đều đưa ví dụ và không phải các ví dụ đều liên hệ cho tất cả các đối tượng.

4. Đổi mới công tác quản lý, phục vụ giảng dạy lý luận chính trị

- Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Các Tỉnh ủy cần tạo điều kiện cho giảng viên lý luận chính trị dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về các Nghị quyết mới của Đảng; các chuyên đề tiếp tục "đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; về phương pháp dạy lý luận chính trị,...

- Các cơ quan quản lý Bộ Giáo dục, các phòng khảo thí cần đổi mới công tác quản lý sinh viên, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng thực chất, hiệu quả hơn; khắc phục tính hình thức trong các khâu thi, kiểm tra, đánh giá tốt nghiệp.

- Các cơ sở đào tạo cần tăng cường trang bị và bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất, phương tiện dạy học lý luận chính trị. Cung cấp các phần mềm dạy học phù hợp; trang bị đủ máy tính, máy chiếu, màn hình, âm thanh hội trường,...

- Cần và có thể tổ chức cho người học tham quan điển hình tiên tiến, các bảo tàng cách mạng, các Di tích văn hóa lịch sử, cách mạng ở Trung ương, ở các địa phương.

KẾT LUẬN

Trước yêu cầu khách quan của tình hình thế giới, trong nước, việc đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, giảng dạy lý luận chính trị là rất cần thiết. Bài viết chỉ phác họa những nét cơ bản, một số khuyến nghị chủ yếu về nội dung, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo và giảng dạy lý luận chính trị trong tình hình mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập,* Tập 42, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva.

[3]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

PHÊ PHÁN, BÁC BỎ

NHỮNG QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC HIỆN NAY

PGS.TS TRẦN HẬU TÂN[1] - TS VŨ THỊ PHƯƠNG LÊ[2]

Tóm tắt:

Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch trong quá trình giảng dạy những nội dung thuộc chương trình Chính trị học hướng vào bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng, quyền lực quản lý của Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền lực của Nhân dân... là vấn đề có tính nguyên tắc, yêu cầu khách quan, nhu cầu bức thiết trước mắt và lâu dài, là trách nhiệm và niềm tin khoa học, là thái độ và tình cảm cách mạng của những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy Khoa học chính trị, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là một trong những vấn đề đang đặt ra trong nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học hiện nay. Trong bài viết này, tập trung làm rõ việc gắn giảng dạy một số nội dung chủ yếu thuộc chương trình của Khoa học chính trị với phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái thù địch.

Từ khoá: *chính trị học, giảng dạy, phê phán, quan điểm sai trái, thù địch*

MỞ ĐẦU

Chính trị học là khoa học nghiên cứu đời sống chính trị của xã hội với tư cách là một chỉnh thể nhằm làm sáng tỏ những quy luật và tính quy luật chung nhất của chính trị; nghiên cứu cơ chế tác động và những phương thức, thủ thuật chính trị để hiện thực hoá tính quy luật và những quy luật đó trong xã hội được tổ chức thành nhà nước.

1 Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng
2 Trường Đại học Vinh

Với tư cách là môn khoa học, thông qua nghiên cứu và giảng dạy, Chính trị học cung cấp hệ thống tri thức cơ bản và có tính chỉnh thể về các vấn đề của chính trị. Chính trị học dựa trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp thống trị, của các đảng phái chính trị cầm quyền và bảo vệ nền tảng, hệ tư tưởng chính trị ấy.

Giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam hiện nay trước hết phải làm rõ phạm trù, khái niệm chính trị và sử dụng đúng đắn khái niệm này trong toàn bộ các chương trình Chính trị học. Trong đó, cần bám sát các quan điểm, luận điểm về chính trị của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là: chính trị là lĩnh vực quan hệ giai cấp, là lợi ích giai cấp (cũng như quan hệ, lợi ích quốc gia, dân tộc); là vấn đề quyền lực (quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, quyền lực - quyền làm chủ của nhân dân, quyền độc lập và chủ quyền quốc gia) và vấn đề giành, giữ, tổ chức và sử dụng quyền lực chính trị, nhà nước; là hoạt động chính trị thực tiễn của giai cấp, tầng lớp xã hội, đảng chính trị, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân nhằm xây dựng và thực hiện thắng lợi mục tiêu, đường lối chính trị đúng đắn của Đảng.

Trong tình hình hiện nay, các thế lực thù địch, phản động ra sức chống phá cách mạng Việt Nam mà trọng tâm là hướng vào chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; coi đó là "mũi đột phá", "cây cầu dẫn vào trận địa" để loại bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xoá bỏ Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đại hội lần thứ XIII của Đảng (năm 2021) đã xác định nhiệm vụ: "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ" [2, tr.183]. Do vậy, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ quyền lực Nhà nước và tập trung nhất là bảo vệ những quan điểm, luận điểm khoa học và cách mạng về chính trị, phản bác quan điểm sai trái, thù địch về những nội dung này một cách kiên quyết và có cơ sở khoa học trong giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam luôn là đòi hỏi cấp thiết hiện nay.

Việc phê phán, bác bỏ quan điểm sai trái, thù địch trong giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam còn bắt nguồn từ chức năng, nhiệm vụ của môn học này trong hệ thống giáo dục quốc dân. Cùng với các môn lý luận chính trị, Chính trị học giúp người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học này còn trang bị cho người học hệ thống tri thức cơ bản và kỹ năng chủ yếu về chính trị, góp phần xây dựng và củng cố nhận thức chính trị một cách khoa học và cách mạng, phát triển năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách hiệu quả và sáng tạo; hình thành phương pháp, kỹ năng và tham gia chính trị, nâng cao đạo đức cách mạng, xây dựng lối sống trong sáng, lành mạnh.

Với những lý do trên, việc đấu tranh phê phán, bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch trong quá trình giảng dạy Chính trị học ở nước ta hiện nay vừa là yêu cầu cấp thiết, trước mắt, vừa là đòi hỏi cơ bản, lâu dài.

NỘI DUNG

Chương trình Chính trị học hiện nay được biên soạn phù hợp với nhiều đối tượng đào tạo trong các học viện, trường đại học. Mặc dù có sự khác nhau giữa các trường trong thiết kế về nội dung các chuyên đề/bài học, về số lượng tín chỉ, về phân bố thời gian lý thuyết - thực hành/thảo luận - tự học, thuộc nhóm học phần bắt buộc hay tự chọn... nhưng chương trình Chính trị học đó đều chứa đựng những kiến thức cơ bản nhất mà Khoa học chính trị cần trang bị cho người học. Quá trình giảng dạy, cùng với việc trang bị cho đối tượng người học những kiến thức cơ bản, cần phải gắn chặt với phê phán, bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch ở từng nội dung. Trong đó, cần quan tâm ở những vấn đề chính, cụ thể sau:

Trước hết, khi giảng dạy nội dung *Khái luận về chính trị học*: Cùng với việc làm rõ các vấn đề như đối tượng, nội dung và phương pháp tiếp cận, nghiên cứu của Chính trị học, cần làm rõ Chính trị học ở Việt Nam là Chính trị học mácxít. Phê phán quan điểm sai trái, thù địch trước hết phải bắt đầu từ việc làm sáng tỏ những tri thức và giá trị chủ yếu về chính trị trong lịch sử chính trị của nhân loại và của Việt Nam; làm rõ những quy luật và những vấn đề có tính quy luật của chính trị và vấn đề chính trị là một phạm trù lịch sử mà Chính trị học cần nghiên cứu. Bên cạnh việc luận giải về cách tiếp cận, nội dung và phương pháp nghiên cứu, giảng dạy của Chính trị học trên thế giới, cần hướng nội dung và phương pháp nghiên cứu, giảng dạy Chính trị học vào việc nhận thức và giải quyết đúng đắn những vấn đề của thực tiễn chính trị trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Các nội dung trên cần được tiếp cận, luận giải trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Quá trình giảng dạy, cùng với trang bị những kiến thức trên cần gắn với phê phán quan điểm cho rằng Chính trị học chỉ nghiên cứu những vấn đề, quy luật chung nhất của chính trị và xem nhẹ những vấn đề, quy luật riêng của các nền chính trị, chế độ chính trị hay mô hình chính trị cụ thể ở mỗi quốc gia - dân tộc, trong đó có Việt Nam. Cần luận giải trên tinh thần phê phán, bác bỏ quan niệm của Chính trị học phương Tây khi cho rằng chính trị chỉ là vấn đề cai trị, phương pháp và nghệ thuật cai trị, chính trị là công việc chung, là sự thỏa hiệp và đồng thuận, là quyền phân bổ tài nguyên và giá trị xã hội... và xem đây là đối tượng nghiên cứu của Chính trị học. Đồng thời, cần giới thiệu và chỉ ra những hạn chế của các phương pháp nghiên cứu của Chính trị học phương Tây.

Tiếp theo, trong giảng dạy nội dung về *Quyền lực chính trị và cầm quyền*, cần làm rõ các quan niệm khác nhau về quyền lực, quyền lực chính trị. Ở phạm trù trung tâm và xuất phát điểm này của Chính trị học, nhất là Chính trị học mácxít ở Việt Nam cần nắm chắc quan điểm của Ph.Ăngghen về nguồn gốc, bản chất và xu hướng vận động của quyền lực, quyền lực chính trị và một số quan điểm của các nhà kinh điển về vấn đề giành, giữ và thực thi quyền lực, nhất là chính quyền (tầm quan trọng, phương pháp, tình thế, thời cơ giành chính quyền), xác định đây là quan điểm có ý nghĩa nền tảng và khái niệm có tính công cụ khi nghiên cứu quyền lực chính trị. Cần sử dụng phép biện chứng duy vật để luận giải các tác động của thế giới biến đổi đối với quyền lực chính trị như một tất yếu khách quan. Trong tình hình hiện nay, với sự "xuất hiện của một số loại quyền lực mới - quyền lực mềm, quyền lực thông minh, quyền lực công chúng...", "sự phân tán" của quyền lực chính trị hiện nay không làm thay đổi bản chất, nhất là bản chất giai cấp của quyền lực chính trị, mà chỉ là những thay đổi các hình thái biểu hiện của quyền lực hiện nay. Đặc biệt, tiếp tục khẳng định quyền lãnh đạo của Đảng, quyền lực quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân trong bối cảnh lịch sử mới.

Gắn với việc luận giải, phân tích làm rõ những vấn đề trên, cần tập trung phê phán, bác bỏ quan điểm cho rằng: quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước dường như ngày càng suy yếu, thay vào đó là "sự lên ngôi" của quyền lực mềm, quyền lực thông minh, quyền lực công chúng... và quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, nhất là quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính đảng chân chính của nó là Đảng Cộng sản và quyền quản lý của Nhà nước dường như ngày càng trở nên mờ nhạt và ít cần thiết. Cần phê phán việc cổ súy tư tưởng dân túy, mị dân trong chính trị và xã hội, những nhận thức mơ hồ, lệch lạc về dân chủ, nhân quyền, chủ quyền v.v... Mặt khác, cần kiên quyết chống lại những quan điểm đòi thủ tiêu quyền lãnh đạo của Đảng và quyền quản lý của Nhà nước ta hiện nay, với ý đồ thâm độc là thay thế vào đó là sự cầm quyền của đảng và nhà nước của giai cấp tư sản.

Khi giảng dạy về nội dung *Văn hóa chính trị*, cần nhận thức đúng đắn quan niệm mácxít về văn hóa và văn hóa chính trị với tính cách là một phương diện của văn hóa làm cơ sở cho việc nêu khái niệm văn hóa và văn hóa chính trị. Phải chỉ ra được tính chất, bản chất giai cấp của văn hóa chính trị (hệ tư tưởng, nền tảng chính trị - pháp lý, các giá trị, chuẩn mực, niềm tin chính trị chủ đạo được áp dụng cho toàn xã hội). Đồng thời, chỉ ra trình độ giác ngộ lý luận chính trị, lập trường, quan điểm của giai cấp là những thành tố quan trọng hàng đầu của văn hóa chính trị.

Đi đôi với phân tích làm rõ những vấn đề trên, cần phê phán quan điểm sai trái, thù địch khi cổ súy hoàn toàn cho văn hóa chính trị, văn hóa dân chủ, nhân quyền... của phương Tây và các văn hóa chính trị ngoại lai, không phù hợp khác.

Trong giới thiệu về *Hệ thống chính trị và các mô hình hệ thống chính trị*, cần phân tích khái niệm, cấu trúc của hệ thống chính trị... với những biểu hiện khác nhau, nhưng thực chất vẫn là hệ thống chuyên chính của giai cấp thống trị dù ở các nước tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa đều như vậy. Trong luận giải, so sánh giữa các mô hình hệ thống chính trị, cần chỉ ra không chỉ những giá trị mà còn phải chỉ ra những hạn chế của các mô hình hệ thống chính trị. Cần làm rõ hoàn cảnh lịch sử, tương quan lực lượng chính trị, đặc điểm kinh tế, văn hóa và xã hội ở các nước theo mỗi mô hình hệ thống chính trị được giới thiệu. Khi vận dụng liên hệ, luận giải về hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay, cần chỉ rõ mục tiêu, bản chất của hệ thống này là hệ thống chính trị bao gồm đảng kiểu mới, nhà nước kiểu mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Cùng với việc luận giải làm rõ những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị và các mô hình hệ thống chính trị, cần phê phán những quan điểm sai trái, xuyên tạc cho rằng, việc chuyển sang sử dụng khái niệm "hệ thống chính trị", như ở nước ta hiện nay, là từ bỏ "chuyên chính vô sản"; không thấy rõ hoặc lảng tránh vấn đề thực chất của "chuyên chính giai cấp" trong mỗi hệ thống chính trị; cổ súy chế độ đa nguyên, đa đảng, nhà nước tam quyền phân lập; nhìn nhận phiến diện, đề cao một chiều chế độ dân chủ nghị viện hay chế độ tổng thống...; không thấy rõ thực chất, bối cảnh lịch sử hình thành, tồn tại và những nan giải, thậm chí khủng hoảng của các chế độ đa nguyên, đa đảng, tam quyền phân lập, dân chủ đa nguyên...ở nhiều nước trên thế giới cho đến nay. Để từ đó, đi tới hô hào đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập và phê phán Đảng Cộng sản Việt Nam không chịu đổi mới về chính trị, "không chịu thực hiện đa nguyên chính trị, giữ độc quyền lãnh đạo"; rằng ở Việt Nam "không có đa nguyên, đa đảng thì không bao giờ có dân chủ". Họ cho rằng chế độ và thể chế chính trị một đảng duy nhất cầm quyền là mảnh đất tốt cho sự nảy sinh, dung dưỡng và phát triển tư tưởng và hành vi chuyên quyền, độc đoán, từ đó dẫn đến sự lộng hành quyền lực của bản thân đảng cầm quyền, gây mất dân chủ, làm rối loạn chính trị, bế tắc kinh tế, cản trở quá trình phát triển xã hội. Họ quy kết "Độc tài, Đảng trị là cái gốc sai chính của nhà cầm quyền Việt Nam hiện tại" và "khuyên" "Đảng chỉ nên giữ vai trò lãnh đạo chính trị, không nên và không thể lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối". Các thế lực thù địch đòi Việt Nam phải sửa đổi Hiến pháp, xoá bỏ Điều 4, hiến định về Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo toàn xã hội... Nhận diện đúng những luận điệu này để kịp thời phê phán, bác bỏ trong quá trình giảng dạy.

Khi trình bày *Kinh nghiệm xử lý tình huống chính trị - xã hội* ở Việt Nam hiện nay, cần chú trọng làm rõ tính đa dạng và phức tạp của các tình huống chính trị - xã hội, nhất là những tình huống có yếu tố tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền... Theo đó, cần nắm vững quan điểm mácxít khi phân tích về mục tiêu, yêu cầu và quy trình

xử lý tình huống, nhận diện tình huống và nguyên nhân của tình huống, phân biệt, phân loại tình huống. Từ đó, vận dụng nhuần nhuyễn quan điểm mácxít trong phân tích các vấn đề nguyên tắc và phương pháp, chức năng, nhiệm vụ và kỹ năng xử lý tình huống. Đồng thời, học tập có chọn lọc kinh nghiệm xử lý tình huống chính trị - xã hội để chủ động, sáng tạo mà không rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm khi xử lý tình huống, nhất là những tình huống mới, phức tạp. Gắn với việc trang bị những kiến thức đó, cần phê phán, bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch như xuyên tạc, chia rẽ, kích động, can thiệp, "tài trợ" vào các tình huống chính trị - xã hội, gây mất ổn định chính trị - xã hội, cản trở công cuộc đổi mới, phát triển đất nước.

Đối với nội dung *Vấn đề an ninh chính trị trong thế giới biến đổi hiện nay*, khi trình bày cần nắm vững quan điểm, quan niệm của C.Mác và V.I.Lênin trong tiếp cận và giải quyết vấn đề an ninh. Tập trung làm rõ khái niệm, nội dung và nhiệm vụ, thời cơ và thách thức đối với an ninh tư tưởng chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; an ninh thể chế chính trị, bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Đi liền với làm rõ những vấn đề cơ bản trên, cần phê phán, bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch về những vấn đề an ninh chính trị và xã hội, trong đó có an ninh tư tưởng (nhất là an ninh nền tảng tư tưởng của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa); an ninh thể chế (an ninh đối với tổ chức Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống chính trị...), an ninh về con người, trong đó có an ninh về cán bộ (bảo vệ cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực công tác cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm); an ninh về văn hóa, văn hóa chính trị, nhất là văn hóa lãnh đạo, quản lý và tham gia chính trị; về khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong chính sách đối ngoại và đoàn kết quốc tế; phê phán việc lợi dụng dân chủ, nhân quyền, chạy theo tư tưởng dân túy... kìm hãm công cuộc đổi mới, phát triển đất nước.

Trong *Giới thiệu các tác phẩm của C. Mác, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh và văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về chính trị*, một mặt, cần làm nổi bật những phát minh vĩ đại của C.Mác, đóng góp to lớn của Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh để xây dựng nên học thuyết chính trị khoa học, cách mạng của thời đại và hệ thống tư tưởng cách mạng đặc sắc Hồ Chí Minh, nhất là những quan điểm, luận điểm khoa học và cách mạng về chính trị như về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và quyền lực của nhân dân... Mặt khác, cần nhận diện rõ các thế lực thù địch đã và đang ra sức chống phá xuyên tạc, phủ nhận giá trị, tính khoa học, cách mạng của học thuyết Mác - Lênin nhằm phá vỡ nền tảng tư tưởng, loại bỏ Đảng Cộng sản Việt Nam ra khỏi đời sống chính trị, xã hội. Những chiêu bài mà họ đang sử dụng không mới, nhưng rất tinh vi và thâm độc. Họ tập trung phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng học thuyết này chỉ phù hợp với thực tiễn ở thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, còn đến nay nó đã "lỗi thời, lạc hậu"...

Mặt khác, cần nhận diện và phê phán các chiêu bài phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh của các thế lực thù địch, đó là việc chúng nêu các quan điểm có tính chất xuyên tạc, bóp méo, thậm chí vu cáo, bôi nhọ đời tư, hạ thấp uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Họ quy kết Hồ Chí Minh là người dân tộc chủ nghĩa, tiếp thu mù quáng, đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là một sai lầm... Cùng với đó, lại có quan điểm cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là kết quả sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, mà là kết quả sự vận dụng giáo điều, xơ cứng, "say sưa với tư tưởng bạo lực" của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam, và tư tưởng Hồ Chí Minh lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, cơ sở, mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã "lỗi thời lạc hậu", không phù hợp với đặc điểm Việt Nam. Từ đó, họ cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh không phù hợp, không thể và không nên vận dụng vào Việt Nam. Vì thế, không nên lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng cho dân tộc Việt Nam...

Một số lực lượng thù địch còn tìm cách đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, đòi đưa chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Do việc tấn công một cách trực diện vào tư tưởng Hồ Chí Minh là rất khó, vì vậy, chúng tinh vi lựa chọn đi đường vòng. Chúng quy chụp, áp đặt một cách vô căn cứ rằng chủ nghĩa Mác - Lênin là "chủ nghĩa chia rẽ và cực đoan" đối lập với tư tưởng "đoàn kết và thống nhất của học thuyết Hồ Chí Minh" và cho rằng, hiện nay chủ nghĩa Mác - Lênin đã "lỗi thời", chỉ có tư tưởng Hồ Chí Minh là đáng giá, phù hợp với dân tộc Việt Nam. Do vậy, chỉ cần dựa vào tư tưởng Hồ Chí Minh, đề cao "chủ nghĩa Hồ Chí Minh" để thay thế chủ nghĩa Mác - Lênin. Theo đó, chúng đòi đưa chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng. Điều này, mới nghe qua có người dễ lầm tưởng, đó là sự đánh giá đúng tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng đây thật sự là một chiêu trò rất nguy hiểm để thực hiện mục tiêu phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh. Họ cắt rời, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực chất của quan điểm trên không chỉ là sự phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn xuyên tạc, bóp méo, cô lập tư tưởng Hồ Chí Minh. Tính chất nguy hiểm của các quan điểm này còn thể hiện ở chỗ: bằng nhiều hình thức phát tán, lan truyền nhanh thông qua mạng xã hội; từ đó phần nào gieo rắc sự hoài nghi, dao động về nền tảng tư tưởng của Đảng; tạo nên "khoảng trống" về tư tưởng và ý thức hệ để chúng dễ bề truyền bá các quan điểm, tư tưởng phi vô sản vào đời sống tinh thần xã hội ta; tạo ra sự "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" từ nội bộ, nhất là "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" về tư tưởng chính trị, làm phai nhạt lý tưởng cách mạng và niềm tin cộng sản; thiếu niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân từ đó dẫn đến "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" về những mặt khác trong xã hội.

Cùng với đó, chúng xuyên tạc, bóp méo, phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chúng cho rằng dân chủ xã hội chủ nghĩa là phi dân chủ, bất chấp những gì Cương lĩnh đã ghi: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển đất nước; xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế của cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Chúng xuyên tạc tính chất dân chủ của Nhà nước ta - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Nhằm phủ nhận Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, các thế lực thù địch đưa ra luận điệu cho rằng đó là bộ máy chuyên chính, với cơ chế quyền lực thống nhất, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì không thể nào bảo đảm dân chủ thực sự được. Chúng đòi xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước, đòi thực hiện cơ chế tam quyền phân lập trong bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa...

Như vậy, trong quá trình giới thiệu các tác phẩm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh và các văn kiện của Đảng về chính trị, giảng viên cần phải giúp người học nhận diện rõ những quan điểm sai trái, phản động và kiên quyết đấu tranh phê phán, phản bác những quan điểm sai trái đó, nhằm bảo vệ quan điểm, luận điểm khoa học và cách mạng về chính trị.

KẾT LUẬN

Quá trình giảng dạy Chính trị học hiện nay, giảng viên không chỉ trang bị cho người học kiến thức về Khoa học chính trị mà còn phải rèn luyện cho họ kỹ năng phản biện, hình thành thái độ khách quan, khoa học để nhận diện, phê phán và bác bỏ những luận điểm sai trái, thù địch, vì bảo vệ những luận điểm khoa học và cách mạng về chính trị cũng chính là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Để làm được điều này có hiệu quả, đòi hỏi, mỗi cán bộ, giảng viên Chính trị học một mặt, phải đứng vững trên lập trường, quan điểm và sử dụng nhuần nhuyễn phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong nghiên cứu chính trị, Chính trị học. Mặt khác, cần nắm vững những quan điểm, luận điểm - nhất là những quan điểm, luận điểm mácxít có tính nền tảng về chính trị, cùng những tri thức, thành tựu mới của khoa học chính trị trong nước và trên thế giới. Nhận diện đúng những quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực phản động, có thái độ kiên quyết và dũng cảm tham gia đấu tranh phê phán, phản bác trên cơ sở có nguyên tắc, với lập luận khoa học, căn cứ thực tiễn và có sức thuyết phục về những vấn đề liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2021), *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Vũ Văn Hiền (chủ biên) (2021), *Một số luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Vũ Văn Hiền (chủ biên) (2021), *Một số luận cứ phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Chính trị học (2008), *Tập bài giảng Chính trị học đại cương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Xuân Thắng (2021), Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, truy cập vào tháng 8 năm 2022, tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/ content/tang-cuong-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-trong-tinh-hinh-moi.

[7]. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

NỘI DUNG VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG PHÁP LUẬT (RIA) KHI NGHIÊN CỨU VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC HIỆN NAY

ThS NGUYỄN LÊ LÝ[1]

Tóm tắt:

Đánh giá tác động pháp luật (Rugulatory Impact Assessment - RIA) là phương pháp đánh giá chi phí, lợi ích của những tác động có thể xảy ra đối với các nhóm trong xã hội, các khu vực hoặc toàn bộ xã hội và nền kinh tế từ sự thay đổi chính sách hoặc pháp luật, được thực hiện trong quá trình làm luật, sửa đổi bổ sung các quy định pháp luật hoặc ban hành chính sách mới. Với tầm quan trọng và vai trò của RIA trong phần Xây dựng pháp luật, bài viết nêu lên cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho thấy sự cần thiết và ý nghĩa để đưa nội dung RIA vào phần Xây dựng pháp luật trong giảng dạy Nhà nước và pháp luật hiện nay.

Từ khoá: đánh giá tác động chính sách, đánh giá tác động pháp luật, giảng dạy Chính trị học, nhà nước và pháp luật Việt Nam

MỞ ĐẦU

RIA không còn là một khái niệm hoàn toàn mới mẻ ở Việt Nam như vào thời điểm Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008 đề cập đến. Khái niệm này được tiếp thu từ quy trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật của các quốc gia trên thế giới nhằm chỉ đến một phương pháp đánh giá chi phí, lợi ích của những tác động có thể xảy ra đối với các nhóm xã hội, các khu vực hoặc toàn bộ xã hội và nền kinh tế từ sự thay đổi chính sách pháp luật [6, tr.15]. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã đặt ra cơ sở pháp lý cho việc thực hiện đánh giá tác động pháp

1 Trường Đại học Bạc Liêu

luật ở Việt Nam. RIA giúp cơ quan có thẩm quyền lựa chọn giải pháp chính sách dựa trên phân tích những tác động tích cực và tiêu cực có thể xảy ra do sự can thiệp của nhà nước. Từ cơ sở đó có thể quyết định nhà nước có nên can thiệp hay không, can thiệp như thế nào nhằm đạt được hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất [3, tr.3].

Khi nghiên cứu về xây dựng pháp luật Việt Nam trong Giáo trình nhà nước và pháp luật Việt Nam [4, tr. 363-396], về mặt lý luận, các nội dung được đưa ra bao gồm khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc xây dựng pháp luật, quy trình xây dựng pháp luật và hệ thống hoá pháp luật, điều kiện bảo đảm xây dựng pháp luật. Trong đó, quy trình xây dựng pháp luật bao gồm năm bước là (i) xây dựng chương trình kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, (ii) thông qua chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, (iii) giai đoạn phân bổ chương trình và soạn thảo, (iv) giai đoạn lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và (v) giai đoạn thông qua và ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Như vậy, mặc dù hoạt động đánh giá tác động pháp luật giữ vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật nhưng trong phần nghiên cứu và giảng dạy về phần Xây dựng pháp luật chưa đề cập đến nội dung này. Từ đó, mặc dù những vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng pháp luật và các giải pháp bảo đảm xây dựng pháp luật ở Việt Nam được giảng dạy chi tiết, nhưng công cụ chính sách RIA nhằm hỗ trợ quá trình hoạch định chính sách chính trị chưa được đề cập nghiên cứu, thảo luận đầy đủ.

NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận

1.1. RIA là gì?

Như đã nói trên, với ý nghĩa chung nhất, RIA là phương pháp đánh giá chi phí, lợi ích của những tác động có thể xảy ra đối với các nhóm trong xã hội, các khu vực hoặc toàn bộ xã hội và nền kinh tế từ sự thay đổi chính sách hoặc pháp luật, được thực hiện trong quá trình làm luật, sửa đổi bổ sung các quy định pháp luật hoặc ban hành chính sách mới [10, tr.5]. Đây là một hoạt động bao gồm nhiều bước cần được thực hiện một cách logic trong quá trình xây dựng đề xuất chính sách.

Về mặt ban hành chính sách mang tính vĩ mô, RIA mang lại những kết quả bao gồm (1) giảm bớt rủi ro các lỗi về chính sách, vì cơ quan có thẩm quyền đã xác định được mục tiêu của việc ban hành văn bản; đánh giá tác động đầy đủ sự thay đổi dự kiến; xác định và đánh giá các phương án lựa chọn để đạt được mục tiêu; đảm bảo tính hài hoà, thống nhất với các phương án đang sử dụng; biết trước là liệu lợi ích có lớn hơn chi phí hay không; đảm bảo quá trình xây dựng chính sách có sự tham gia của người dân và đảm bảo tính minh bạch của việc xây dựng chính sách; tính

đến bảo đảm tuân thủ các thoả thuận quốc tế và (2) cải thiện tình hình lạm phát về văn bản quy phạm pháp luật vì văn bản chỉ được ban hành sau khi đã cân nhắc tương đối đầy đủ các tác động kinh tế - xã hội và thấy lợi ích của việc thi hành lớn hơn chi phí [2, tr.253].

Tất cả các quyết định chính trị, chính sách cần dựa trên phân tích hợp lý trên cơ sở các dữ liệu tốt nhất có thể thu thập được, Từ đó, hệ thống RIA giúp các cơ quan nhà nước thiết kế chính sách và luật tốt hơn; giúp cung cấp thông tin cho quá trình đưa ra quyết định trong suốt quá trình xây dựng quy định pháp luật; đảm bảo phối hợp sớm giữa các cơ quan nhà nước; cân nhắc nhiều đối tượng tác động, tuân thủ chính sách công khai minh bạch đối với tất cả cơ quan và tổ chức xã hội khác; giúp đảm bảo tính đồng bộ của các chính sách, thống nhất các mục tiêu trong các chiến lược phát triển; nâng cao chất lượng của đề xuất chính sách thông qua phân tích lợi ích và chi phí của các phương án nhằm giúp đảm bảo phương án can thiệp của nhà nước đơn giản và hiệu quả; góp phần đảm bảo các nguyên tắc hỗ trợ và cân xứng, giải thích lý do vì sao biện pháp can thiệp đề xuất là cần thiết và thích hợp [11, tr.5-7].

1.2. Nội dung và quy trình thực hiện RIA

1.2.1. Nội dung đánh giá tác động pháp luật

Các tác động cần được đánh giá bao gồm (1) Tác động lên thị trường, tăng trưởng và việc làm: tác động lên kinh tế vĩ mô, tác động đến sự cạnh tranh trong thị trường nội địa, tác động lên các doanh nghiệp về mặt đầu tư, chi phí, hoạt động, sản phẩm và dịch vụ, tác động lên sự phát triển và đổi mới công nghệ, tác động lên các doanh nghiệp về gánh nặng chi phí hành chính, tác động đến người tiêu dùng, tác động đến số lượng và chất lượng việc làm, tác động lên các nước thứ ba và quan hệ đối ngoại; tác động đối với thương mại quốc tế và đầu tư xuyên quốc gia; tác động lên các cơ quan công quyền; (2) Tác động phi thị trường, đặc biệt là về môi trường và sức khoẻ [2, tr.260-271]. Nghĩa là, trong khi thực hiện đánh giá tác động có thể sẽ xác định được bản chất và quy mô của vấn đề, diễn tiến của nó, đối tượng chịu tác động lớn nhất, quan điểm của các bên liên quan, sự cần thiết để nhà nước tham gia can thiệp, mục tiêu được đề ra khi giải quyết vấn đề, các phương án chính sách để thực hiện mục tiêu, các tác động tiềm tàng về kinh tế, xã hội và môi trường của các phương án, so sánh tính hiệu quả và thống nhất trong giải quyết vấn đề của các phương án và việc tổ chức thực hiện công tác giám sát và đánh giá trong tương lai.

1.2.2. Quy trình thực hiện RIA

Việc thực hiện RIA phải tuân thủ phương pháp, nguyên tắc và các yêu cầu thực hiện đánh giá tác động theo quy trình như sau [12, tr.13]:

Bước một, nhận biết, đánh giá vấn đề: nhận biết vấn đề chính (hiểu rõ vấn đề, xác định mục tiêu, xem xét các phương án thay thế, lựa chọn giữa các phương án),

tiến hành tham vấn ban đầu đối với các tác nhân chính để đánh giá xem có cần thực hiện đánh giá RIA sơ bộ hay không và chuẩn bị RIA sơ bộ (dự thảo báo cáo ban đầu đánh giá tác động pháp luật).

Bước hai, tiến hành RIA sơ bộ: chuẩn bị tài liệu tham vấn và phổ biến, bao gồm các việc như chuẩn bị báo cáo sơ bộ đánh giá dự báo tác động pháp luật.

Bước ba, tham vấn với các đối tượng: tiến hành tham vấn chính thức (chú ý các bước, các nội dung của quá trình tham vấn, áp dụng một số trong thông lệ ưu việt trong quá trình tham vấn, mô tả quá trình tham vấn ý kiến), hoặc thu thập ý kiến bằng văn bản, tiến hành khảo sát nếu cần thiết.

Bước bốn, thu thập số liệu và phân tích: Tóm tắt nội dung tham vấn, thu thập và phân tích số liệu, xác định thông tin còn thiếu và xác định nhu cầu thông tin và dữ liệu (có cần tiến hành tham vấn bổ sung hoặc thu thập thêm số liệu không). Trong bước này sử dụng đến các phương pháp đánh giá kinh tế (phân tích rủi ro, phân tích lợi ích - chi phí, phân tích về tính tiết kiệm chi phí).

Bước năm, lập báo cáo RIA đày đủ: Báo cáo RIA đầy đủ bao gồm kết quả tóm tắt của quá trình tham vấn. Bước này mô tả quá trình tham vấn ý kiến, mục đích và bản chất của đề xuất thay đổi pháp luật dự kiến, đánh giá các phương án lựa chọn nhằm giải quyết vấn đề, phân tích kinh tế của các phương án khả thi (các ngành và nhóm bị ảnh hưởng, phân tích lợi ích và chi phí, mức độ nhạy cảm đối với một số giả định, tóm tắt lợi ích và chi phí), triển khai tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện, tóm tắt và khuyến nghị.

Bước sáu, chấp thuận RIA: Đệ trình để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước hết, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật được coi là một trong những nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá hiện nay. Điều này đã được thể hiện trong Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị). Tăng cường năng lực xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các ngành, các cấp được Nhà nước Việt Nam coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chương trình phát triển quốc gia và chính sách phát triển bền vững [2, tr.5]. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008 đã cụ thể hoá quá trình xây dựng pháp luật, trong đó về thực chất, RIA được thực hiện ở hai giai đoạn là giai đoạn đề nghị xây dựng văn bản (luật, pháp lệnh, nghị định) và giai đoạn soạn thảo văn bản. Việc đánh giá tác động kinh tế xã hội của một đạo luật là yêu cầu bắt buộc, là một khâu của quy trình xây dựng pháp luật.

Đến nay, Luật sửa đổi bổ sung Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (2015, 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành được ban hành tiếp tục điều chỉnh về hoạt động đánh giá tác động chính sách nhằm đổi mới căn bản việc xây dựng chính sách trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có nhiều yêu cầu mới về đánh giá tác động của chính sách, nhằm nâng cao chất lượng của chính sách nói riêng, chất lượng của văn bản quy phạm pháp luật nói chung cũng như nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc thực hiện đánh giá tác động chính sách trong hoạt động xây dựng pháp luật đã dần đi vào nền nếp và có tác động tích cực tới quá trình các cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) bổ sung các quy định *về đánh giá tác động của chính sách có liên quan đến chính sách dân tộc; sửa đổi nội dung đánh giá tác động về hệ thống pháp luật để bảo đảm chính xác hơn, theo đó t*ác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với *tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật;* khả năng về thi hành và tuân thủ *pháp luật* của các cơ quan, tổ chức, cá nhân*;* khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế *mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Sửa đổi về nội dung đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với quy định mới; Sửa mẫu Báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo hướng hợp lý hơn. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, vấn đề thực hiện RIA đã có cơ sở pháp lý đầy đủ ở cả văn bản luật và văn bản dưới luật được quy định khá rõ ràng và tương đối đầy đủ về nội dung, quy trình thực hiện.*

RIA là một công cụ chính sách đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới như các quốc gia OECD, Liên minh Châu Âu, Australia v.v. Đã có những nghiên cứu về nội dung, quy trình, nguyên tắc, yêu cầu của RIA ở các quốc gia này để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Và thực tế ở Việt Nam, quy trình thực hiện RIA đã được đảm bảo trong quá trình xây dựng pháp luật từ khi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành cho đến nay. Mặc dù vẫn còn những hạn chế nhất định trong quá trình thực hiện nhưng có thể nhận thấy RIA đã được ghi nhận rõ ràng và được tiến hành cụ thể để đạt được mục tiêu chính sách nói chung.

3. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc đưa nội dung RIA trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam

Thứ nhất, việc bổ sung nội dung RIA vào nghiên cứu xây dựng pháp luật ở Việt Nam nhằm tạo ra nhận thức một cách thống nhất, đầy đủ về mục tiêu, ý nghĩa, vai

trò, nội dung của hoạt động đánh giá tác động kinh tế xã hội đối với toàn bộ quá trình xây dựng một dự án Luật (bắt đầu từ khi đưa ra sáng kiến lập pháp và cho đến khi đạo luật được ban hành).

Thứ hai, hiện nay, RIA vẫn đang được nghiên cứu để hoàn thiện về cả những vấn đề lý luận và theo dõi, tổng kết thực tiễn thi hành. Trong đó bao gồm các vấn đề về thực trạng đánh giá tác động dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta thời gian qua đã chỉ ra những ưu điểm, thành tựu đạt được cũng như những hạn chế, bất cập và đưa ra các khuyến nghị, giải pháp cho nâng cao hiệu quả thực hiện RIA ở Việt Nam. Việc bổ sung nội dung RIA vào nghiên cứu xây dựng pháp luật ở Việt Nam góp phần xây dựng cơ sở lý luận trong điều kiện hiện nay, tạo điều kiện cho những tham mưu trong công tác hoặc nghiên cứu chuyên sâu đóng góp vào thực tiễn để nâng cao kỹ năng, có những đề xuất hiệu quả cũng như hoàn thiện các quy định về vấn đề này.

Thứ ba, việc bổ sung nội dung RIA vào nghiên cứu xây dựng pháp luật ở Việt Nam cho thấy tính cập nhật, sự gắn liền với biến động xã hội, nắm bắt các thay đổi văn bản quy phạm pháp luật quy định về quá trình xây dựng pháp luật, cho thấy những yêu cầu của thực tiễn, đòi hỏi người học phải có cái nhìn toàn diện, tổng thể, khái quát vấn đề, làm sâu sắc hơn nhận thức của người học khi nghiên cứu về xây dựng pháp luật ở Việt Nam.

KẾT LUẬN

RIA - Đánh giá tác động pháp luật là công cụ chính sách quan trọng trong quá trình xây dựng pháp luật tại Việt Nam đã được luật hoá và thực hiện trong thực tiễn. Qua các dự thảo luật, pháp lệnh và nghị định trong thời gian từ khi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến nay, công cụ này đã và đang phát huy hiệu quả đáng kể trong công tác xây dựng pháp luật nhằm mục tiêu chính sách và phát triển bền vững. Để công cụ này ngày càng hoàn thiện hơn, cần gia tăng sự hiểu biết của toàn xã hội về vấn đề đánh giá tác động, nhất là đối với bộ phận cán bộ công chức tham gia thực hiện quy trình này. Trong đào tạo Chính trị học, việc đưa nội dung đánh giá tác động pháp luật vào chương trình giảng dạy nhà nước và pháp luật là hoàn toàn cần thiết vì ý nghĩa lý luận và thực tiễn của nó. Mục tiêu cuối cùng của vấn đề này vẫn là để có được phương án chính sách phù hợp và hiệu quả với sự huy động tham gia của nhiều đối tượng trong xã hội mà những người tham vấn, nghiên cứu và trực tiếp thực hiện càng không thể đứng ngoài cuộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phạm Văn Bằng (2014), Luận văn Thạc sĩ *Hoàn thiện các quy định về đánh giá tác động pháp luật tại Việt Nam,* Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Bộ Tư pháp, DỰ ÁN VIE 02/015 "*Hỗ trợ thực thi Chiến lược phát triển hệ thống pháp luật đến năm 2010*'' (2011), Sổ tay kỹ thuật soạn thảo, thẩm định, đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

[3]. Chương trình cải thiện chất lượng chính sách PERQ (2011), *Hướng dẫn đánh giá tác động pháp luật*.

[4]. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[5]. Thảo Linh, *Nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật - Cần sửa đổi quy định về đánh giá tác động văn bản,* truy cập vào tháng 8 năm 2022 tại: https://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/201312/nang-cao-chat-luong-xay-dung-va-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-can-sua-doi-quy-dinh-ve-danh-gia-tac-dong-van-ban-293324/

[6]. Cao Phan Long (2011), Luận văn Thạc sĩ *Đánh giá tác động dự thảo quy phạm pháp luật*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

[7]. Nguyễn Lê, *RIA dự báo tác động điều chỉnh quả quy phạm pháp luật: Thay đổi văn hoá và tư duy quản lý nhà nước*, truy cập vào tháng 8 năm 2022 tại: https://daibieunhandan.vn/lap-phap-nghi-vien/RIA-du-bao-tac-dong-dieu-chinh-cua-quy-pham-phap-luat-Thay-doi-van-hoa-va-tu-duy-quan-ly-Nha-nuoc-i206270/

[8]. Nguyễn Lê, *RIA đánh giá tác động của quy phạm pháp luật: Phạm vi của RIA,* truy cập vào tháng 8 năm 2022 tại: https://daibieunhandan.vn/nghi-vien-the-gioi-viet-nam-va-the-gioi/Ria-danh-gia-tac-dong-cua-quy-pham-phap-luat-Pham-vi-cua-RIA-i206997/

[9]. Hoàng Giang, *Cán bộ công chức VPCP nâng cao kỹ năng phân tích chính sách,* truy cập vào tháng 8 năm 2022 tại: https://vpcp.chinhphu.vn/can-bo-cong-chuc-vpcp-nang-cao-ky-nang-phan-tich-chinh-sach-11522061011352698l.htm

[10]. Norman Lee (2002), *Developing and Applying Regulatory Impact Assessment Methodologies in low and middle income countries*, Working Paper No 30, Centre on Regulation and Competition, University of Manchester.

[11]. Uỷ ban Châu Âu (2009), *Hướng dẫn đánh giá tác động*, SEC (2009) 92.

[12]. Raymond Mallon (2005), *Cẩm nang đánh giá dự báo tác động pháp luật (RIA),* Khuôn khổ hợp tác giữa GTZ và Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ (PMRC).

TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TS NGUYỄN THỊ THANH HÀ[1]

Tóm tắt:

Đất nước đang trong giai đoạn hội nhập sâu vào quá trình toàn cầu hóa và quốc tế hóa, đặt ra những yêu cầu và nhiệm vụ trong giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên (SV). Nâng cao hiệu quả giảng dạy lý luận chính trị (LLCT) kết hợp với tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hiện nay. Trong khuôn khổ bài viết, trên cơ sở vai trò, đặc điểm tình hình dạy và học các môn LLCT, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV hiện nay.

Từ khóa: *giáo dục đạo đức, lối sống, lý luận chính trị, lý tưởng, sinh viên*

MỞ ĐẦU

Arixtốt (384-322 TCN) là một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của triết học Hy Lạp cổ đại. Đối với Arixtốt, giáo dục như là "cứu cánh" của con người, của nhân loại, là điều kiện rất quan trọng để cá nhân hòa đồng với xã hội. Ông cho rằng: "phải đi từ điều đã biết, phải có sẵn một nền giáo dục luân lí tốt đẹp nếu người ta muốn nghe bàn luận một cách bổ ích về những điều lương thiện" [1, tr.27]. Theo ông, tài sản tối cao mà mọi người đều mong ước đó là hạnh phúc nhưng con người hạnh phúc không phải là con người ở tình trạng tự nhiên mà là con người được giáo dục, con người sống tốt, có đạo đức.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn giành sự quan tâm sâu sắc đến thế hệ trẻ cũng như thấy rõ vị trí, vai trò to lớn của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng

1 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, Người khẳng định: "Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên" [6, tr.216]. Trong Di chúc, Người viết: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết" [8, tr.612]. Hồ Chí Minh đã dạy: "Chỉ đem lí luận khô khan nhét cho đầy óc họ... Thế là lí luận suông, vô ích. Một cách là trong lúc học lí luận phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi, họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị có thể làm những công việc thực tế... thế là lí luận thiết thực, có ích" [7, tr.309]. Trong mục tiêu đào tạo chung của các trường đại học hiện nay, bên cạnh nhiệm vụ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, bao giờ cũng có nội dung quan trọng về giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức cho SV và cái đích hướng đến là đào tạo một thế hệ vừa "hồng" vừa "chuyên" phục vụ cho sự nghiệp đổi mới của đất nước đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Những chỉ dẫn trên cho thấy tầm quan trọng của việc học tập các môn lí luận chính trị, đáp ứng những yêu cầu của con người Việt Nam trong giai đoạn mới. Từ đây đặt ra yêu cầu quá trình học tập, nghiên cứu môn học của các SV đồng thời phải là quá trình giáo dục, tự giáo dục, tu dưỡng và rèn luyện để từng bước hoàn thiện mình trong đời sống cá nhân cũng như trong đời sống cộng đồng xã hội. Mục tiêu giáo dục giá trị đạo đức cho SV không chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức mà yêu cầu phải đạt đến là thể hiện được thái độ cá nhân rõ ràng và có hành vi phù hợp với những chuẩn mực đạo đức xã hội hiện thời. Do đó, học phải đi đôi với hành, giáo dục phải gắn liền với cuộc sống thực tiễn là nguyên tắc cơ bản trong giáo dục giá trị đạo đức cho SV.

Nhận rõ vai trò của thanh niên, SV là rường cột nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta luôn đặt thanh niên, SV ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay, Đảng ta chủ trương: "Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho *thế hệ trẻ*" [5, tr.162]

Đề án "*Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020*" của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng xác định mục tiêu là: Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam nhằm tạo chuyển biến căn bản về đạo đức, lối sống, phát triển toàn diện, yêu gia đình, có đạo đức trong sáng, lối sống văn hóa, yêu nước, tự hào dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH; có ý thức tuân thủ pháp luật, có năng lực và bản lĩnh trong hội nhập quốc tế, có sức khỏe tri thức và kỹ năng lao động, trở thành những công dân có ích, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN [2].

NỘI DUNG

1. Vai trò của các môn lý luận chính trị đối với việc giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên

Thực hiện chủ trương của Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Chương trình các môn LLCT trình độ đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ) cho SV khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Quyết định này, chương trình LLCT gồm 3 môn học: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam [3]. Giữa năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Quyết định số 3056/QĐ-BGDĐT ngày 19/7/2019 về việc ban hành Chương trình các môn LLCT trình độ ĐH, CĐ cho SV khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chương trình LLCT mới bao gồm 5 môn học: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam [4]. Tổng thời lượng giảng dạy là 11 tín chỉ cho cả 5 môn.

Quá trình thực hiện giảng dạy các môn LLCT cho thấy việc sắp xếp, đổi mới trong giảng dạy LLCT là phù hợp, đáp ứng được yêu cầu đổi mới và những vấn đề lý luận do thực tiễn đặt ra, tạo ra tính thống nhất, đồng bộ trong đào tạo ở các trường ĐH, CĐ. Liên quan đến vấn đề giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV thì các môn LLCT có điều kiện hết sức thuận lợi để thực hiện bởi những lí do sau:

Thứ nhất, ở Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được coi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của đời sống xã hội. Qua học tập các môn học này sẽ trang bị cho SV thế giới quan, phương pháp luận khoa học và nhân sinh quan cách mạng đúng đắn. Từ đó, giúp SV phát triển tư duy, tầm nhìn khoa học biện chứng, nhận ra và nắm chắc lý tưởng sống, nhất là trung thành với lý tưởng cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc và CNXH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Thứ hai, việc giảng dạy các môn LLCT đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định, quy chế của địa phương, cơ quan, trường học,... Qua đó, hình thành thái độ, nhân cách, phẩm chất đạo đức cho SV: trung với nước, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; lòng yêu thương con người; tinh thần quốc tế trong sáng,... Đi đôi với đó là tăng cường giáo dục các giá trị đạo đức mới như: chủ động, sáng tạo lập thân lập nghiệp, năng động, vượt khó vươn lên, tự khẳng định bản thân, tự tin hòa nhập cộng đồng, hội nhập quốc tế, đặc biệt trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0.

Thứ ba, các môn LLCT với tư cách là môn học ở bậc đại học tiếp nối môn Giáo dục công dân ở phổ thông, do đó có thể thông qua việc giảng dạy các môn LLCT để tiếp tục phát triển những nội dung học tập về các giá trị đạo đức, truyền thống,

hình thành lý tưởng cách mạng, xây dựng lối sống, tôn trọng Hiến pháp và pháp luật cho SV trong môi trường giáo dục đại học. Qua đó, việc giáo dục lý tưởng, đạo đức và lối sống co SV được thực hiện một cách bài bản, trực tiếp và liên tục.

Thứ tư, thông qua các môn học LLCT, giáo dục SV kế thừa, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, hình thành lối sống lành mạnh, trong sáng, giàu lòng nhân ái, bao dung, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Xây dựng lối sống mới cho SV thông qua giảng dạy các môn LLCT, nhất là qua môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh với cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*".

2. Tình hình giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị gắn với giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên

Giảng dạy LLCT gắn với giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV là một nhiệm vụ quan trọng được ngành giáo dục đặc biệt quan tâm thực hiện. Kết quả của mục tiêu này phụ thuộc nhiều vào hiệu quả giảng dạy và học tập các môn LLCT trong trường ĐH, CĐ. Để có cái nhìn đầy đủ, chúng tôi đã tham khảo và thực hiện một số khảo sát về tình hình giảng dạy, học tập các môn LLCT ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và thu được những kết quả như sau:

Với câu hỏi: "*Việc học tập các môn LLCT ở trường Đại học, theo anh, chị có cần thiết hay không?*". Kết quả trả lời có 88,5% số phiếu là cần thiết; còn 11,5% cho là không cần thiết. Điều này cho thấy đa số SV có nhận thức tốt về việc học tập các môn học LLCT.

Với câu hỏi: "*Anh, chị có thái độ như thế nào khi học các môn LLCT?*". Kết quả thu được là: 32,7% cảm thấy hứng thú khi học; 21,7% có thái độ học đối phó; 9,2% cảm thấy chán nản và có đến 36,4% SV cho rằng khó đánh giá. Như vậy, thực tế có một số SV chưa có thái độ học tập đúng đắn với các môn học này.

Với câu hỏi: "*Đánh giá của anh, chị về mức độ hiệu quả giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho SV qua giảng dạy và học tập các môn LLCT?*". Kết quả: 47,4% cho là hiệu quả tốt; 25,3% cho là đạt; còn lại 27,3% không trả lời. Kết quả này cho thấy đa số SV đồng ý cho rằng giảng dạy các môn LLCT có vai trò và thực hiện có hiệu quả trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho SV.

Như vậy, với kết quả điều tra thu được và thông qua khảo nghiệm trong quá trình giảng dạy, chúng tôi nhận thấy rằng:

Về phía SV, trình độ nhận thức của người học không đồng đều, nguyên nhân do trình độ đầu vào đa dạng, hình thức đào tạo khác nhau. Trình độ tư duy trừu tượng của SV còn hạn chế, do khi bước vào đại học, chủ yếu dừng ở tư duy cụ thể, trực quan, cảm tính, khả năng trừu tượng chưa cao nên khi đào tạo họ phải đảm bảo tính hệ thống, tính khoa học, nhưng phải cụ thể và tỉ mỉ. Kinh nghiệm thực tiễn cuộc sống của SV còn ít và thiếu, họ gặp nhiều khó khăn khi học tập các môn LLCT,

đặc biệt là gắn việc học tập với việc tăng cường nhận thức, hành động về lý tưởng, đạo đức, xây dựng lối sống mới.

Về phía giảng viên (GV), trong giảng dạy LLCT có một số ưu điểm và hạn chế nhất định. Về ưu điểm: đội ngũ GV có nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của việc giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV thông qua giảng dạy các môn LLCT; đồng thời đã triển khai và thu được hiệu quả; việc đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD) nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đã có sự thống nhất giữa khoa, bộ môn và GV. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: trong đổi mới nội dung, PPGD các môn LLCT, nhiều GV thực hiện thiếu tính liên tục, hiệu quả chưa cao, đôi khi còn theo phong trào. Việc kết hợp giảng dạy với giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV có thực hiện nhưng chậm đổi mới, thiếu tính đồng bộ.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên: việc đổi mới nội dung, PPGD các môn LLCT gắn với giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ; các hình thức giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV trong nhà trường chưa đa dạng, phong phú và hấp dẫn; cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động này còn nhiều hạn chế...

3. Một số giải pháp tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên trong dạy học các môn lý luận chính trị

3.1. Nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, chính quyền, đoàn thể Nhà trường trong công tác giảng dạy lý luận chính trị gắn với giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống sinh viên

Lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền cùng với Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Hội SV Trường cần xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho SV, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, đưa nhiệm vụ này vào nghị quyết của cấp ủy Đảng, vào kế hoạch công tác từng năm của từng đơn vị. Đồng thời phải phân công rõ ràng về người phụ trách của từng cấp ủy, đơn vị trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho SV.

3.2. Tăng cường tính hiệu quả trong việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị gắn với giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên

Như chúng ta đã biết, nội dung, PPGD các môn LLCT là cơ sở quan trọng, có vai trò trong việc tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV. Nội dung của Đề án đã nhấn mạnh: chú trọng xây dựng nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong nhà trường đảm bảo thiết thực hiệu quả, phù hợp với đối tượng, đảm bảo nội dung giáo dục tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa dân tộc và nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Gắn giáo dục LLCT với giáo dục hình thành nhân cách, đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự

học, sáng tạo ở trường. Đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất người học, phát huy tính tích cực của SV; tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống [10].

3.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên các môn lý luận chính trị trước yêu cầu của tình hình mới

Để công tác giáo dục chính trị có chất lượng thì người GV không chỉ có kiến thức, nghiệp vụ sư phạm cao, mà còn phải có lập trường tư tưởng vững vàng, có tác phong chuẩn mực, đạo đức tốt, có lối sống văn hóa, là tấm gương sáng mẫu mực mọi nơi, mọi lúc cho sinh viên học tập và noi theo. Muốn vậy, bản thân mỗi GV phải không ngừng rèn luyện về mọi mặt, thường xuyên tự học, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3.4. Đổi mới các hình thức giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên trong nhà trường

Bên cạnh việc đổi mới nội dung, PPGD thì đổi mới các hình thức giảng dạy, giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV là rất cần thiết nhằm phát triển năng lực, phẩm chất và tính tích cực của SV. Cùng với hoạt động giảng dạy nội khóa trên lớp, cần tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo: tham quan học tập ở Bảo tàng Quân khu 4, Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh, Khu Di tích Kim Liên, một số di tích lịch sử như Truông Bồn, Ngã 3 Đồng Lộc; tổ chức thăm hỏi các gia đình thương binh liệt sĩ, các nhân chứng lịch sử; triển lãm về *Hoàng Sa và Trường Sa - những bằng chứng lịch sử*, chiếu phim "*Theo dòng lịch sử*", tổ chức sân khấu hóa, hội thi *Tuyên truyền ca khúc cách mạng*, ca ngợi về Bác Hồ, về Đảng; cuộc thi *Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Hội thi *Sinh viên với các môn LLCT*, bài thi tìm hiểu về các danh nhân, anh hùng cách mạng; xây dựng tủ sách Hồ Chí Minh... Việc đa dạng hóa các hình thức giáo dục sẽ làm sinh động, hấp dẫn và thuyết phục đối với SV.

3.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học, đặc biệt là hoạt động giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên

Muốn nâng cao chất lượng giáo dục LLCT, ngoài những yêu cầu về đội ngũ GV, cơ chế, chính sách, nội dung và PPGD, hình thức giáo dục,... thì cơ sở vật chất đóng vai trò không thể thiếu được. Cơ sở vật chất bao gồm hệ thống giảng đường, phòng học, máy móc, trang thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu tham khảo, mạng internet,... cần được trang bị đầy đủ, thường xuyên sửa chữa và bổ sung mới. Nhà trường, phòng Quản trị thiết bị phải thường xuyên và định kỳ kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, để có biện pháp khai thác tối đa các trang thiết bị phục vụ dạy học, kịp thời sửa chữa, bổ sung, mua sắm thêm trang thiết bị, đảm bảo việc giảng dạy và giáo dục SV.

Để kết hợp việc giảng dạy các môn LLCT với việc tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV có hiệu quả, thì các biện pháp trên cần được thực hiện tốt và đồng bộ, không tách rời.

KẾT LUẬN

Giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV trong dạy học các môn LLCT vừa là yêu cầu cơ bản, thường xuyên của sự nghiệp cách mạng, vừa là nhiệm vụ cấp bách hiện nay, nhằm khơi dậy và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đấu tranh khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội; hình thành và phát triển các giá trị đạo đức mới, từng bước xây dựng con người Việt Nam có nhân cách cao đẹp, có bản lĩnh vững vàng, lối sống lành mạnh, quan hệ xã hội nhân văn, tiến bộ. Do đó, việc tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV trong giảng dạy và học tập các môn LLCT là vấn đề có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn hiện nay.

Công tác giảng dạy các môn LLCT gắn với giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho SV trong thời gian tới nhất định sẽ có những chuyển biến mới, góp phần quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng để nhanh chóng hình thành một lớp SV có lý tưởng cách mạng, giàu về trí tuệ, trong sáng về đạo đức, phong phú về tâm hồn, lành mạnh về lối sống. Phát huy cao độ thế mạnh và tiềm năng to lớn của SV ra sức phấn đấu cùng toàn Đảng, toàn dân hoàn thành sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, thực hiện thắng lợi mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Arixtốt (2013), *Chính trị luận* (Nông Xuân Trường dịch). Nxb Thế giới.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Quyết định ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 1501 của Thủ tướng chính phủ*. Số 410/QĐ-BGDĐT ngày 4/2/2016.

[3]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình các môn khoa học lý luận chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Dự thảo* giáo trình các môn khoa học lý luận chính trị (*dành cho khối không chuyên ngành lý luận chính trị*), Tài liệu tập huấn hè, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[8]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[9]. Thủ tướng chính phủ (2012), *Quyết định phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020"*, Số 771/QĐ- TTg, ngày 13/6/2012, truy cập ngày 22/8/2022 tại: https://moet.gov.vn/content/tintuc/lists/news/Attachments/3799/tt4230_711-QD-TTg.pdf

[10]. Thủ tướng chính phủ (2015), *Quyết định phê duyệt Đề án "Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020"*, Số 1501/QĐ- TTg, ngày 28/8/2015.

XÂY DỰNG BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRONG ĐẤU TRANH CHỐNG CÁC LUẬN ĐIỆU XUYÊN TẠC CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH QUA GIẢNG DẠY MÔN CHÍNH TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG

ThS TRƯƠNG THỊ THU HÀ[1]

Tóm tắt:

Sinh viên là lực lượng đông đảo trong xã hội, giàu nhiệt huyết, có tri thức, có khả năng tiếp nhận và ứng dụng nhanh những tiến bộ, phát minh của khoa học công nghệ. Tuy nhiên, sinh viên cũng là đối tượng mà các thế lực thù địch thực hiện âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" nhằm một mục đích mưu đồ can thiệp và phá hoại an ninh chính trị của Việt Nam. Trong chương trình giáo dục Đại học, môn Chính trị học đại cương cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản, nền tảng về các vấn đề chính trị, xã hội. Để xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản bác các quan điểm sai trái đòi hỏi đội ngũ giảng viên giảng dạy là người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng - lý luận của Đảng, từng bài giảng phải thể hiện được tính đảng sâu sắc, giúp cho sinh viên hình thành, phát triển thế giới quan, phương pháp luận khoa học, hình thành niềm tin khoa học, từng bước rèn luyện, củng cố phẩm chất và bản lĩnh chính trị, có đủ sức "đề kháng", "miễn dịch" với sự xâm nhập của các luận điệu sai trái, thù địch.

Từ khóa: *bản lĩnh chính trị, Chính trị học đại cương, đấu tranh, luận điệu xuyên tạc*

1 Trường Đại học Quảng Bình

MỞ ĐẦU

Sinh viên là một tầng lớp đặc biệt của xã hội. Muốn có sự phát triển lâu dài, bền vững thì sinh viên - thế hệ trí thức tương lai của đất nước cần được quan tâm số một. Họ là những tầng lớp ưu tú của quốc gia, đại diện cho thế hệ trẻ năng động, trí tuệ, sáng tạo, đầy nhiệt huyết, có lý tưởng cách mạng. Sinh viên thường khá nhanh nhạy trong việc tiếp nhận các thông tin, cũng như những luồng tư tưởng mới trong xã hội, song khả năng phân tích và chọn lọc còn có những hạn chế. Trong thực tế, nhiều sinh viên còn chưa hiểu sâu về chính trị, lập trường tư tưởng chưa vững vàng, nên dễ dao động, dễ bị lôi kéo...

Trong tình hình thế giới hiện nay, kẻ thù vẫn chưa từ bỏ âm mưu phá hoại cách mạng Việt Nam. Với "diễn biến hòa bình", kẻ thù tấn công chúng ta trên các lĩnh vực văn hóa, tư tưởng để làm xói mòn niềm tin của Nhân dân vào sự nghiệp của Đảng. Đối tượng trực tiếp của chúng là lớp trẻ, trong đó có sinh viên - những người chủ tương lai của đất nước. Dựa vào đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi sinh viên, kẻ thù dùng mọi thủ đoạn hòng lôi kéo sinh viên xa rời cội nguồn, sống quay lưng chế độ, với Nhân dân, khuyến khích sống hưởng thụ mà không nghỉ đến tương lai. Vì vậy, tăng cường giáo dục xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên đang là yêu cầu cấp thiết, cần có sự phối hợp, tham gia của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị, Bộ Giáo dục - Đào tạo và các trường đại học, cao đẳng, với nhiều giải pháp đồng bộ. Bài viết tập trung vào một số các giải pháp xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên thông qua việc giảng dạy môn Chính trị học đại cương.

NỘI DUNG

1. Mục tiêu, nhiệm vụ của môn học Chính trị học đại cương

Môn Chính trị học đại cương là môn học nghiên cứu xoay quanh các vấn đề của đời sống chính trị nhằm làm sáng tỏ những quy luật chung nhất của đời sống chính trị, cơ chế tác động, cơ chế sử dụng cùng những phương thức, những thủ thuật chính trị để hiện thực hoá những quy luật chung đó. Vấn đề trung tâm của Chính trị học là nghiên cứu quyền lực chính trị, phương thức giành quyền lực chính trị, các thiết chế và các hình thức tổ chức thực hiện quyền lực chính trị, các kiểu hệ thống chính trị đã có trong lịch sử và đang tồn tại trong thời đại ngày nay. Xuất phát từ các đối tượng đó, chính trị học có những nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, luận giải và khoanh vùng phạm vi khái niệm chính trị, chỉ ra nguồn gốc và bản chất sâu xa của vấn đề chính trị liên quan đến lợi ích kinh tế của giai cấp thống trị xã hội; thứ hai, nghiên cứu lịch sử tư tưởng và các học thuyết chính trị nhằm kế thừa những giá trị của tiền nhân, đồng thời chọn lọc và đề xuất áp dụng những tinh hoa chính trị cho thời đại ngày nay; thứ ba, nghiên cứu vấn đề quyền

lực chính trị, quá trình hình thành và phát triển của quyền lực chính trị, việc tổ chức và cơ chế thực thi quyền lực chính trị, việc giành, giữ và chuyển giao quyền lực chính trị; thứ tư, nghiên cứu hệ thống chính trị: Kết cấu và chức năng của một hệ thống chính trị; thứ năm, nghiên cứu văn hoá chính trị với tư cách là một thiết chế chi phối và tác động tích cực tới hoạt động chính trị; thứ sáu, nghiên cứu các vấn đề về Đảng chính trị và Đảng cầm quyền, công tác tư tưởng, tổ chức và xây dựng một Đảng chính trị; thứ bảy, nghiên cứu vai trò của con người - với tư cách là một động vật chính trị; các phẩm chất cần thiết của một chính khách với tư cách là thủ lĩnh chính trị; thứ tám, tìm hiểu một số vấn đề chính trị quốc tế: như các cơ quan và tổ chức quốc tế, pháp luật quốc tế.

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay, Chính trị học ở Việt Nam tập trung nghiên cứu vấn đề dân chủ hoá hệ thống chính trị nói riêng, dân chủ hoá đời sống xã hội nói chung trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu phương diện chính trị của quá trình đa dạng hoá cơ cấu xã hội - giai cấp, đấu tranh giai cấp, nghiên cứu lí luận chung về đảng cầm quyền, những đặc trưng và yêu cầu quản lí nhà nước trong điều kiện dân chủ hoá đời sống xã hội; nghiên cứu các quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau giữa chủ thể lãnh đạo và chủ thể quản lí cũng như giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo, quản lí và bị quản lí; nghiên cứu những phương pháp có hiệu quả trong quản lí, trong kiểm soát xã hội; nghiên cứu các quá trình hình thành và ảnh hưởng của văn hoá chính trị đối với hoạt động chính trị, đối với việc tích cực hoá hoạt động chính trị của mọi thành viên trong xã hội, đối với việc hoàn thiện kĩ năng hoạt động của cán bộ lãnh đạo và quản lí các quá trình chính trị xã hội; nghiên cứu những động lực hoạt động chính trị và sự thể hiện của chúng trong quá trình đổi mới hiện nay ở Việt Nam.

2. Sự cần thiết xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên trong đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch trong giảng dạy môn Chính trị học đại cương

Bản lĩnh, trước hết được hiểu là khả năng, ý chí vững vàng, không dao động, thay đổi trước mọi hoàn cảnh. Người có bản lĩnh là người luôn kiên định lập trường quan điểm, không bị tác động, thay đổi bởi hoàn cảnh xung quanh. Bản lĩnh chính trị là phẩm chất chính trị đặc biệt của người có bản lĩnh, biểu hiện ở lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang, dao động trước những tình huống, hoàn cảnh chính trị cụ thể.

Bản lĩnh chính trị không phải bản năng, không do bẩm sinh hay tự nhiên mà có, mà là kết quả của quá trình bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện, thử thách lâu dài trong thực tiễn công tác, chiến đấu, lao động, học tập, trong đó công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đóng vai trò quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định việc

tạo nền tảng chính trị, sự giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... của mỗi cá nhân. Nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên góp phần nâng cao sức mạnh của Đảng, của hệ thống chính trị và toàn xã hội nhằm kiên định thực hiện mục tiêu, lý tưởng và con đường mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: "Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội" [3].

Bên cạnh những sinh viên tích cực rèn luyện ý chí, ý thức và bản lĩnh chính trị, lại có một bộ phận sinh viên chưa thực sự quan tâm đến đời sống chính trị, thậm chí có những nhận thức sai lệch về tình hình chính trị của đất nước, về vai trò lãnh đạo của Đảng, hoài nghi vào sự thành công của con đường đi lên CNXH ...do bị tác động bởi những thông tin "xấu", "độc", quan điểm sai trái của các thế lực thù địch; dẫn đến những phát ngôn và hành động thiếu chuẩn mực cả trong đời sống sinh hoạt hàng ngày lẫn trên mạng xã hội; không ít sinh viên thờ ơ với những hoạt động mang tính cộng đồng, không tham gia các phong trào do Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức; có một bộ phận sinh viên lập trường tư tưởng không vững vàng, mờ nhạt về lý tưởng, lối sống buông thả, chạy theo đồng tiền và những thị hiếu tầm thường, dễ bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội.

Đặc biệt, hiện nay các thế lực thù địch sử dụng rất nhiều chiêu trò để chống phá cách mạng Việt Nam. Nội dung thông tin tuyên truyền xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch hết sức đa dạng, phức tạp, trên tất cả các lĩnh vực tư tưởng, chính trị, văn hóa, xã hội... nhằm xuyên tạc lý tưởng cách mạng, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng..., để thực hiện mưu đồ can thiệp và phá hoại an ninh chính trị của Việt Nam, những chiêu trò này vốn không mới nhưng được sử dụng ngày một tinh vi, thâm hiểm. Sinh viên là những thanh niên trẻ và là đối tượng "đặc biệt" để thực hiện âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình", nhằm gieo rắc những thông tin, tư tưởng xấu, độc, âm mưu làm "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về tư tưởng, đạo đức, gây nhiều khó khăn đối với công tác định hướng, giáo dục bản lĩnh chính trị của thanh niên. Vì thế, xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay là việc làm cần thiết và hết sức cấp bách. Đây cũng chính là yêu cầu và nhiệm vụ quan trọng trong bối cảnh Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đang đẩy mạnh giáo dục bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ và đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018, của Bộ Chính trị khóa XII *"Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới"* [1].

Xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên trong đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch có thể thực hiện ở nhiều nội dung, với nhiều hình thức thông qua chương trình học tập; thông qua vai trò tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên; thông qua việc phối hợp giữa gia đình và xã hội; ... trong đó vai trò đặc biệt quan trọng của môn Chính trị học đại cương trong chương trình giáo dục.

Thông qua dạy học môn Chính trị học đại cương sẽ giáo dục xác lập cơ sở phương pháp luận cho sinh viên, phản ánh đúng đắn những tính quy luật và những quy luật cơ bản nhất của đời sống chính trị trong khuôn khổ một nước cũng như trên quy mô quốc tế. Môn C*hính trị học đại cương* sẽ *cung cấp cho sinh viên* hệ thống tri thức cơ bản, nền tảng về các vấn đề *chính trị,* xã hội và những kĩ năng giải quyết những *vấn đề gặp phải trong đời sống, giúp* nuôi dưỡng và giáo dục bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ, chuẩn bị cho sinh viên bước vào cuộc sống tương lai với hành trang tri thức, trí tuệ, đạo đức, ý chí, niềm tin khoa học và lý tưởng cách mạng. Từ đây, sinh viên nắm được những kiến thức căn bản, cốt lõi, quan trọng để xây dựng cơ sở khoa học cho nhận thức và niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng.

Bên cạnh đó, thông qua quá trình giảng dạy bằng trình độ, kinh nghiệm, kiến thức và năng lực sẽ giúp sinh viên có khả năng đánh giá, nhìn nhận các vấn đề chính trị đang diễn ra trong thực tiễn. Sinh viên sẽ hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng không dao động trước sự chống phá của các thế lực thù địch. Mặt khác, sinh viên sẽ phát hiện, đúng sai, có năng lực phê phán những âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù.

3. Một số giải pháp xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên trong đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch trong giảng dạy môn Chính trị học đại cương

Trước hết, giảng viên giảng dạy cần phải hiểu sâu sắc trách nhiệm xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên

Trong thời đại hiện nay với xu thế hội nhập, quốc tế hóa, toàn cầu hóa làm cho sự giao lưu diễn ra trên nhiều mặt. Quá trình này vừa đem lại nhiều cơ hội cho sự phát triển của đất nước, đồng thời cũng đặt ra nhiều thử thách. Sinh viên là thế hệ trẻ có sức khỏe, tri thức, sẵn sàng dấn thân, xong còn ít kinh nghiệm, khó tránh khỏi những dao động về lập trường chính trị, chưa xây dựng được bản lĩnh chính trị vững vàng trước những biến đổi phức tạp của thời cuộc. Vì thế, để có thể hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của người giảng viên, những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác hiệu quả đối với những quan điểm sai trái, thù địch đó, đồng thời định hướng được tư tưởng đến sinh viên thì mỗi giảng viên cần:

Một là, giảng viên phải là những tấm gương về bản lĩnh chính trị vững vàng, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng, nói viết và làm theo đúng chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong đó, phải đặc biệt chú trọng việc nghiên cứu, quán triệt những quan điểm chỉ đạo của Đảng về đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, thù địch, thực hiện nghiêm kỷ luật phát ngôn trong nghiên cứu và giảng dạy, để vừa chủ động phòng tránh nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" với chính mình, vừa có thể tạo được sự lan tỏa và định hướng về tư tưởng đúng đắn cho người học, giúp họ nâng cao khả năng "miễn dịch" và tinh thần đấu tranh quyết liệt với âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Hai là, để có những bài viết, bài giảng có tính chiến đấu cao, đòi hỏi giảng viên phải không ngừng học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời phải tăng cường nghiên cứu, nắm bắt kịp thời những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn để từ đó có cơ sở khoa học, chắc chắn trong phân tích, làm rõ tính đúng đắn những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và trong luận giải những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn, để từ đó giúp cho người học có cơ sở vững chắc để củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng; đấu tranh, phản bác lại một cách hiệu quả đối với những quan điểm điệu sai trái, thù địch nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Đặc biệt, trong quá trình giảng dạy, tùy vào từng bài giảng và từng nội dung, giảng viên phải linh hoạt trong gắn kết nội dung bài giảng với việc lồng ghép, dẫn chứng, liên hệ những vấn đề thực tiễn đang đặt ra mà các thế lực thù địch đang tập trung chống phá, để giúp học viên nhận thức rõ vấn đề và sẽ có tinh thần chủ động trong đấu tranh với âm mưu "diễn biến hòa bình" và những thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Ba là, trong quá trình giảng dạy người dạy phải trang bị kiến thức, trang bị kỹ năng, phương pháp tư duy, phương pháp phát hiện vấn đề cho người học, xây dựng và thực hành các tình huống chính trị, giúp sinh viên tiếp thu nhanh và vận dụng sáng tạo kiến thức lý luận chính trị được học vào thực tiễn. Cần khắc phục những thiếu sót trong các trường đại học, cao đẳng thời gian qua khi chưa chú trọng việc xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên. Khi sinh viên vừa có tri thức vừa có lập trường, bản lĩnh chính trị vững vàng sẽ góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tương lai.

Bốn là, trong nghiên cứu và giảng dạy, giảng viên phải luôn chú trọng phát huy tính chiến đấu trong mỗi bài viết, bài giảng. Điều này đòi hỏi, trong mỗi bài viết, bài giảng, những vấn đề lý luận và thực tiễn giảng viên đề cập đến đều phải ẩn chứa trong đó những quan điểm, thái độ và tinh thần phê phán, đấu tranh quyết liệt với

những biểu hiện tiêu cực, với những quan điểm sai trái, thiếu tính xây dựng, thiếu căn cứ khoa học. Phải đảm bảo mỗi bài viết, bài giảng của giảng viên sẽ là một "viên đạn" hiệu quả công phá vào những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng của Đảng.

Ngoài ra, cần vận dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ và pháp lý, giải thích, biện luận để xử lý kịp thời, kiên quyết và có hiệu quả đối với các tổ chức và cá nhân cung cấp thông tin, dịch vụ truyền thông có nội dung xấu, độc hại, sai trái, xuyên tạc, phủ nhận giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vu khống, xuyên tạc, bôi đen lãnh tụ, lãnh đạo Đảng, Nhà nước... cho các em sinh viên. Giảng viên cần kịp thời cung cấp những thông tin chính thống từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nhằm đi trước định hướng cho sinh viên trước những âm mưu chống phá của các thế lực thù đich.

Năm là, để làm tốt mỗi giảng viên cần tích cực đổi mới cả về nội dung và phương pháp giáo dục. Việc biên soạn nội dung, chương trình và phương pháp truyền đạt phải theo hướng: ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng đối tượng, từng lĩnh vực đào tạo nhằm từng bước thẩm thấu nâng cao nhận thức của sinh viên. Qua đó, một mặt tạo sự hứng khởi cho sinh viên trong nắm bắt, tiếp thu các vấn đề chính trị, nhất là nội dung liên quan đến chuyên ngành đào tạo; mặt khác, cần tạo cho họ có thói quen quan tâm tới tình hình chính trị, biết phân biệt đúng sai, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng và quan trọng hơn là có trách nhiệm với tình hình chính trị của đất nước được thể hiện bằng hành động cụ thể.

Thứ hai, nâng cao nhận thức cho sinh viên về tầm quan trọng của việc xây dựng bản lĩnh chính trị cho bản thân

Sau khi đã nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc cần thiết phải xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên, giảng viên cần tiếp tục làm cho sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của việc xây dựng bản lĩnh chính trị cho chính bản thân mình. Cần làm cho sinh viên hiểu rằng bản lĩnh là cần thiết cho mỗi người trong cuộc sống hàng ngày, bản lĩnh chính trị của sinh viên là cần thiết, là quyết định con đường phát triển tương lai của cả đất nước, bởi sinh viên là lực lượng nắm giữ vận mệnh tương lai của dân tộc. Vì vậy, nếu lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị không vững vàng, dễ dao động khi đứng trước những khó khăn, thử thách thì sẽ lái con đường của đất nước đi về đâu? Thiếu bản lĩnh chính trị sinh viên sẽ dễ bị lôi kéo vào các âm mưu chính trị, chiến lược "diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Khi đó, người sinh viên đã không làm tròn trách nhiệm của mình với Tổ quốc, không phát huy được truyền thống yêu nước hào hùng của dân tộc, mặt khác còn khiến cho dân tộc rơi vào tình trạng mất ổn định chính trị, thậm chí lâm vào tình thế nguy hiểm.

Thứ ba, giáo dục sinh viên về lý tưởng cách mạng, truyền thống yêu nước của dân tộc

Cần thực hiện tốt Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban bí thư trung ương Đảng về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030" [2]. Các trường đại học, cao đẳng thông qua các môn học chính trị học, người giảng viên quyết tâm xây dựng lớp sinh viên thời kỳ mới có lý tưởng cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, giàu lòng yêu nước, khát vọng vươn lên; chủ động học tập, sáng tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới; có đạo đức, lối sống văn hóa, ứng xử văn minh; có tri thức, sức khỏe, kỹ năng thực hành xã hội; tích cực tham gia các hoạt động thể hiện trách nhiệm với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa, với cộng đồng, với xã hội.

Đồng thời kêu gọi toàn thể sinh viên Việt Nam đang học tập trong, ngoài nước: hãy nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa thông qua những việc làm cụ thể. Mỗi sinh viên hãy đề cao tinh thần cầu thị, ham học hỏi: học ở thầy cô, học ở nhà trường, học ở bạn bè và những điều tốt đẹp trong cuộc sống; hãy lan tỏa tinh thần chia sẻ, tình nguyện vì cộng đồng, xã hội. Mỗi sinh viên là một câu chuyện đẹp trong cuộc sống, trong các hoạt động tình nguyện, tham gia giải quyết các vấn đề bức xúc của đơn vị, địa phương. Làm được những điều trên, nghĩa là sinh viên đã kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc trong thời đại mới.

Thứ tư, tăng cường giáo dục về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, của cách mạng. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin nghiên cứu những quy luật phổ biến nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy, những quy luật của đấu tranh cách mạng, của xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nắm chủ nghĩa Mác - Lênin là nắm cái chung, quy luật chung để có cơ sở nhận thức, xử lý, áp dụng đúng đắn vào cái riêng, cái cụ thể. V.I.Lênin đã từng nói, người nào không nắm được cái chung mà bắt tay ngay vào giải quyết cái riêng thì không tránh khỏi tình trạng lúng túng, mò mẫm, lầm lạc, mất phương hướng, thậm chí có khi dao động một cách tệ hại do thiếu bản lĩnh lý luận. Vì vậy Đảng ta khẳng định phải "kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam" [4, tr.94]. Chủ nghĩa Mác - Lênin mang bản chất khoa học và cách mạng, nó trang bị thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho con người để nhận thức và cải tạo thế giới, tạo nền tảng lý luận, bản lĩnh lý luận cho cán bộ, đảng viên để ứng xử đúng trong mọi tình huống, trong mọi nhiệm vụ công tác được phân công.

KẾT LUẬN

Sinh viên là lực lượng đông đảo - chủ nhân của đất nước trong tương lai, giữ vai trò quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phần lớn sinh viên đều có lòng yêu nước nồng nàn, nhận thức đúng đắn và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới đất nước, có ước mơ, hoài bão, lý tưởng lớn, không ngừng khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu vươn lên để trở thành những công dân hữu ích cho xã hội,... Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay một bộ phận sinh viên còn hạn chế về nhận thức chính trị, thiếu niềm tin, sống buông thả, là một trong những đối tượng mà các thế lực thù địch lợi dụng lôi kéo vào hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam. Vì vậy, việc xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên trong đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thông qua giảng dạy môn Chính trị học đại cương là điều hết sức cần thiết. Thông qua giảng dạy môn Chính trị học đại cương giảng viên sẽ cung cấp hệ thống tri thức cơ bản, nền tảng về các vấn đề chính trị, xã hội và những kĩ năng giải quyết những vấn đề gặp phải trong cuộc sống nói chung và những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Nghị quyết số 35-NQ/TW 2018 về Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030,* Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn *kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN TRONG ĐÀO TẠO NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC TIẾP CẬN CDIO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

ThS NGUYỄN THỊ DIỆP[1]

Tóm tắt:

Năng lực tự học của sinh viên là một trong những nhân tố đóng vai trò quyết định chất lượng đào tạo bậc đại học. Bài viết đề cập đến các nội dung liên quan đến năng lực tự học và nâng cao năng lực tự học cho sinh viên trong đào tạo Cử nhân Chính trị học tiếp cận CDIO, được trình bày qua các vấn đề cơ bản: (1) Sự cần thiết *nâng cao năng lực tự học cho sinh viên* trong đào tạo Cử nhân Chính trị học tiếp cận CDIO, (2) Giải pháp nâng cao năng lực tự học của sinh viên trong đào tạo Cử nhân Chính trị học tiếp cận CDIO.

Từ khóa: năng lực tự học, sinh viên

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4-11-2013, của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" đưa ra các quan điểm chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khẳng định việc "chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học" [2].

Trong các năng lực của người học, năng lực tự học có vai trò rất quan trọng, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi khoa học, công nghệ đang có bước phát triển rất nhanh và nhân loại đã bước vào kỷ nguyên thông tin. Thông tin và tri thức tăng nhanh theo cấp số nhân và thực tế đó đòi hỏi giáo dục cần đổi mới mạnh mẽ theo

1 Trường Đại học Vinh

hướng chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học, chú trọng phát triển, nâng cao năng lực tự học của người học. Vì vậy, nâng cao năng lực tự học cho sinh viên trong các trường đại học nói chung, sinh viên ngành Chính trị học nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội là vấn đề quan trọng, cấp bách trước mắt cũng như lâu dài.

1. Sự cần thiết nâng cao năng lực tự học cho sinh viên trong đào tạo Cử nhân Chính trị học tiếp cận CDIO

Với các góc độ tiếp cận khác nhau sẽ có nhiều quan niệm khác nhau về tự học. Theo nghĩa chung nhất, có thể hiểu tự học là quá trình học tập, nhận thức không có người dạy trực tiếp, quá trình tự nỗ lực tiếp thu của bản thân người học để đạt được mục tiêu học tập đề ra.

Năng lực tự học là khả năng tư duy, vận dụng kiến thức, kĩ năng và những phẩm chất cần thiết một cách chủ động, tự giác, sáng tạo trong học tập, khám phá và nghiên cứu nhằm nắm bắt, trau dồi, nâng cao tri thức và kĩ năng của người học.

Năng lực tự học của sinh viên phụ thuộc vào yếu tố chủ quan thuộc về bản thân sinh viên và yếu tố khách quan, bên ngoài.

Về yếu tố chủ quan, năng lực tự học phụ thuộc chủ yếu vào mục đích, động cơ học tập, năng lực trí tuệ và phương pháp học tập của người học. Khi người học xác định được mục đích, động cơ học tập đúng đắn, trên cơ sở đó có thái độ học tập tích cực thì khi đó họ mới có thể phát huy hết năng lực của bản thân trong học tập và đạt được kết quả cao. Năng lực trí tuệ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng nắm bắt tri thức của người học, đến việc tiếp cận và giải quyết vấn đề trong quá trình nghiên cứu học tập. Phương pháp học tập cũng là nhân tố đóng vai trò rất quan trọng đối với kết quả tự học. Nếu người học tìm được phương pháp học phù hợp với bản thân, với phương thức đào tạo và đặc điểm môn học thì sẽ tiếp thu kiến thức một cách nhanh chóng, hiệu quả tự học sẽ cao.

Về yếu tố bên ngoài, năng lực tự học của người học phụ thuộc vào nội dung chương trình và phương thức đào tạo, phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc học tập và các hoạt động liên quan đến tự học. Nếu nội dung chương trình đào tạo phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sẽ ảnh hưởng tới năng lực tự học của người học. Đặc biệt, phương thức đào tạo tác động trực tiếp đến việc tự học của họ. Phương pháp giảng dạy của người dạy đóng vai trò rất quan trọng, tác động trực tiếp đến việc tự học và hiệu quả của hoạt động này. Nếu người dạy áp dụng các phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài giảng, phù hợp với đối tượng người học, và nhất là biết khuyến khích cũng như tạo áp lực buộc người học phải chủ động đọc, nghiên cứu các nguồn học liệu thì

chắc chắn người học sẽ phải thực hiện và tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu. Năng lực tự học còn phụ thuộc rất nhiều vào nguồn học liệu cũng như trang thiết bị phục vụ cho việc học tập. Nếu giáo trình và các tài liệu tham khảo đầy đủ, có tính cập nhật cùng với cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc học tập thư viện, phòng đọc và phòng tự học, máy tính kết nối Internet... sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tự học, giúp người học vừa lĩnh hội được tri thức, vừa rèn luyện được khả năng tư duy của mình.

Nâng cao năng lực tự học trong đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng nói chung, Đại học Vinh cũng như ngành Chính trị học nói riêng là một tất yếu khách quan xuất phát từ những lý do sau:

Thứ nhất, Cách mạng công nghiệp 4.0 với nội dung cốt lõi: trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (IOT) và dữ liệu lớn (Big Data) dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng về mặt tri thức cũng như các lĩnh vực ngành nghề đào tạo. Trong thời đại 4.0, các trường đại học không còn đơn thuần là nơi tạo ra tri thức mới và chuyển tải tri thức đến người học mà điều quan trọng hơn là phải dạy cho họ cách tư duy, cách phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn. Từ đó đòi hỏi các trường đại học, cao đẳng phải đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Như vậy, đổi mới giảng dạy theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất của sinh viên đáp ứng yêu cầu của xã hội là một tất yếu khách quan và đào tạo theo tiếp cận CDIO chính là một phương thức đào tạo nhằm hiện thực hóa đổi mới giáo dục.

Thứ hai, trong quá trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, năng lực tự học của sinh viên có thể coi là một nhân tố quyết định chất lượng đào tạo bởi họ chính là trung tâm trong chu trình đào tào tạo chặt chẽ: ý tưởng - thiết kế - thực hiện - vận hành. Trong đào tạo theo tiếp cận CDIO, thời lượng dành cho phần lý thuyết cơ bản giảm xuống, thời lượng thảo luận, thực hiện dự án hay bài tập lớn tăng lên. Để thực hiện các nội dung này đòi hỏi sinh viên phải tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Do vậy, muốn thực hiện có hiệu quả mô hình đào tạo tiếp cận CDIO thì nâng cao năng lực tự học của sinh viên là vấn đề cần thiết.

Thứ ba, mục tiêu của chương trình đào tạo Cử nhân Chính trị học là đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức cơ bản và hệ thống về chính trị học, có khả năng nghiên cứu khoa học các vấn đề về chính trị học, có năng lực hoạt động trong các lĩnh vực đòi hỏi sự am hiểu về chính trị học, có kĩ năng làm việc nhóm, có khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập, có thái độ tích cực thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để thực hiện được những mục tiêu đó thì ứng dụng tiếp cận CDIO chính là phương thức đào tạo phù hợp nhất hiện nay trong đào tạo ngành cử nhân Chính trị học. Tuy nhiên, mô hình đào tạo tiếp cận CDIO chỉ có thể thực sự đem lại hiệu quả khi có sự nỗ lực của bản thân chủ thể tham gia, đó chính là sinh viên. Sinh viên

cần chủ động trong việc thiết kế cũng như thực hiện kế hoạch học tập cho mình. Để đáp ứng những yêu cầu học tập mới theo tiếp cận CDIO đòi hỏi sinh viên cần phải nâng cao năng lực tự học của mình.

Thứ tư, nâng cao năng lực tự học không những giúp sinh viên hiểu và nắm vững tri thức mà còn rèn luyện cho họ thói quen độc lập trong suy nghĩ, giải quyết vấn đề, kích thích tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc tìm kiếm, lĩnh hội và tiếp thu tri thức. Trên cơ sở đó hình thành được những kĩ năng cơ bản như nghiên cứu giáo trình, tài liệu, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm... Đây là những kĩ năng rất cần thiết trong hoạt động học tập cũng như hoạt động nghề nghiệp đối với sinh viên ngành Chính trị học. Nâng cao năng lực tự học giúp sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức chuyên ngành Chính trị học vào thực tiễn xã hội, phân tích, đánh giá các vấn đề trong đời sống xã hội và nghề nghiệp của bản thân sau này. Như vậy, tự học sẽ giúp sinh viên tăng cường khả năng liên hệ thực tiễn, gắn lí thuyết với thực hành.

2. Một số giải pháp nâng cao năng lực tự học của sinh viên trong đào tạo Cử nhân Chính trị học tiếp cận CDIO

2.1. Nhóm giải pháp từ phía sinh viên

Để nâng cao năng lực tự học của sinh viên góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Cử nhân Chính trị học tiếp cận CDIO, cần tập trung vào những giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, xác định đúng mục tiêu, động cơ học tập. Ứng dụng tiếp cận CDIO nhằm hướng tới đào tạo sinh viên phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như năng lực thực tiễn. Tuy nhiên để thực hiện được mục tiêu đó, đòi hỏi sinh viên phải là người chủ động, tích cực trong quá trình học tập. Do đó, giảng viên cũng như nhà trường cần giúp sinh viên xác định được mục tiêu của việc học tập trong thời đại ngày nay là "học để biết, học để làm, học để chung sống với nhau và học để tồn tại" (UNESCO,1996). Nói cách khác, đó là học cho bản thân mình, học để làm việc và học để tồn tại. Có nhận thức được như vậy thì sinh viên mới có tinh thần tích cực đối với hoạt động tự học và do đó, mới có ý thức thường xuyên nâng cao năng lực tự học của bản thân.

Thứ hai, nâng cao năng lực trí tuệ, tư duy. Năng lực trí tuệ, tư duy không chỉ phụ thuộc vào tư chất bẩm sinh mà còn phụ thuộc rất nhiều vào việc rèn luyện tư duy của mỗi người. Vì vậy, cùng với việc quan tâm chăm sóc và bồi dưỡng não bộ, rèn luyện trí nhớ, sinh viên cần tích cực học tập, thường xuyên rèn luyện tư duy hệ thống, tư duy lôgic, tư duy phản biện, năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề qua đó nâng cao năng lực tự học. Để thực hiện điều này đòi hỏi sinh viên cần phải đi học chuyên cần, lắng nghe bài giảng của giảng viên và ghi chép bài đầy đủ. Cần tập trung trong quá trình học tập để thu nhận thông tin từ giảng viên, bạn học.

Sinh viên phải biết cách đặt ra câu hỏi về các vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu với bạn bè, thầy cô và những người am hiểu chuyên môn; thường xuyên trao đổi, thảo luận các vấn đề trong sách, báo, tài liệu tham khảo, băng hình... tránh thái độ tự ti, ỷ lại, tâm lý dễ thỏa mãn. Cần tránh tình trạng học vẹt, thay vào đó là học hiểu với việc đi sâu làm rõ bản chất vấn đề.

Thứ ba, áp dụng phương pháp học tập hiệu quả. Để nâng cao năng lực tự học, sinh viên cần được trang bị và áp dụng các phương pháp học tập như: phương pháp tìm tài liệu, đọc tài liệu, sơ đồ hóa kiến thức, học qua việc hỏi và đặt câu hỏi... Trong quá trình tự học, cần tập trung tinh thần cao độ, đọc, suy ngẫm để hiểu bản chất vấn đề và ghi chép một cách khoa học phù hợp với mục đích đặt ra. Cần áp dụng các phương pháp học tập phù hợp với đặc điểm của các học phần. Đối với các học phần đại cương, cần dành nhiều thời gian đọc và sơ đồ hóa kiến thức vì các môn học này có nhiều kiến thức trừu tượng, song lại là những kiến thức cơ bản, nền tảng. Đối với các học phần chuyên ngành, nên thường xuyên cập nhật các tình huống để áp dụng; đồng thời tăng cường vận dụng vào thực tiễn để hiểu sâu vấn đề và bước đầu tích lũy kinh nghiệm cho công việc sau này.

Thứ tư, xây dựng kế hoạch học tập hợp lý. Sinh viên muốn đạt được kết quả học tập tốt cần xây dựng cho mình một kế hoạch học tập hợp lý, xây dựng thời gian biểu phù hợp giữa các môn học, địa điểm, thời gian, hình thức tự học... Có thể có sự điều chỉnh kế hoạch trong quá trình tự học nhưng phải có ý chí thực hiện thời gian biểu đã đặt ra, tránh trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện được một thời gian đầu. Đồng thời, phải biết kết hợp học tập với hoạt động giải trí, thể thao để giảm bớt áp lực trong quá trình tự học. Cân đối giữa thời gian học và thời gian giải trí để tránh rơi vào tình trạng căng thẳng.

2.2. Nhóm giải pháp từ phía giảng viên

Trong đào tạo tiếp cận CDIO, vai trò của giảng viên có sự thay đổi từ truyền thụ kiến thức theo cách truyền thống chuyển sang hướng dẫn người học. Do đó, nhiệm vụ chính của giảng viên là tạo môi trường học tập cho sinh viên theo hướng tích cực và sáng tạo. Mặc dù có sự thay đổi đó nhưng suy cho cùng, giảng viên vẫn là nhân tố quyết định đến chất lượng giảng dạy vì họ chính là người sẽ dẫn dắt sinh viên đi theo con đường ngắn nhất để tiếp cận và lĩnh hội kiến thức. Để góp phần nâng cao năng lực tự học cho sinh viên cần tập trung vào những giải pháp sau:

Thứ nhất, giảng viên cần nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, am hiểu thực tế. Bản thân mỗi giảng viên cần phải ý thức được vai trò trách nhiệm của mình, tầm quan trọng của công tác tự bồi dưỡng năng lực chuyên môn của mình nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời,

giảng viên phải không ngừng tự học nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của bản thân bằng cách tích cực tham gia dự giờ đồng nghiệp; chủ động tìm kiếm các thông tin có liên quan trên các phương tiện thông tin để kịp thời cập nhật những kiến thức cần thiết cho bản thân.

Thứ hai, giảng viên cần tích cực đổi mới phương pháp dạy học và phải coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trước yêu cầu phát triển của giáo dục đại học nhằm phát huy tính tích cực của sinh viên. Một điều cần lưu ý là: tương ứng với mỗi nội dung sẽ có một phương pháp phù hợp, mang lại hiệu quả cao nhất; không thể vận dụng hay thay thế phương pháp này bằng phương pháp khác một cách tùy tiện. Để xác định và sử dụng phương pháp dạy học tối ưu, trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần phải trả lời được câu hỏi: *Dạy cái gì? (Nội dung gì?)* trước khi xác định *Dạy như thế nào? (Bằng phương pháp nào?).* Đổi mới phương pháp giảng dạy phải bám sát yêu cầu phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo của sinh viên, chú trọng rèn luyện cho người học khả năng tự học, tự nghiên cứu, biết vận dụng tri thức lý luận vào học tập chuyên ngành, vào việc tiếp thu tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, cũng như luận giải các vấn đề thực tiễn xã hội. Với đặc thù của ngành Chính trị học - ngành khoa học xã hội nghiên cứu các vấn đề về chính trị học mang tính kinh điển, trừu tượng cao nên trong quá trình giảng dạy, đòi hỏi giảng viên cần phải định hướng và kích thích ý thức tự học cho sinh viên, khơi dậy tư duy sáng tạo, sự say mê nghiên cứu cho sinh viên. Với mỗi học phần, mỗi nội dung, giảng viên cần phải đưa ra những yêu cầu học tập cụ thể, giới thiệu các nguồn tài liệu khác nhau và định hướng những kiến thức cần tiếp cận.

Thứ ba, giảng viên cần tăng cường hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên xây dựng kế hoạch tự học khoa học, hợp lý, phù hợp với điều kiện của mình để đạt tới đích một cách hiệu quả nhất. Ngay khi bắt đầu môn học, giảng viên cần phải cung cấp cho sinh viên đề cương về môn học với các nội dung như: mục tiêu môn học, nội dung chi tiết của môn học, nội dung thảo luận, hình thức kiểm tra - đánh giá của từng hoạt động học tập... theo từng tuần học của học kỳ đó. Việc cung cấp đề cương ngay từ đầu kỳ học sẽ giúp cho sinh viên có được những hình dung cơ bản về môn học mà mình sắp được tiếp cận. Giảng viên cần giới thiệu đầy đủ các tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo, cách thu thập, tra cứu và xử lý thông tin trong tài liệu với những hướng dẫn chi tiết, cụ thể. Trên cơ sở đó, giảng viên cùng sinh viên làm việc theo đúng đề cương đã được chuẩn bị theo từng tuần.

Thứ tư, tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động thảo luận nhóm. Hoạt động thảo luận nhóm là hình thức dạy và học tích cực thông qua trao đổi, chất vấn, đối thoại giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên. Trong quá trình chuẩn bị nội dung thảo luận, sinh viên phải nghiên cứu bài giảng, tìm tư liệu và xử lý thông tin trước khi đưa nội dung ra trước tập thể lớp. Quá trình này làm cho sinh viên

không những nắm được kiến thức cơ bản mà còn mở rộng và nâng cao sự hiểu biết về nội dung tri thức của môn học. Tổ chức thảo luận là cơ hội để sinh viên trình bày chính kiến, học hỏi lẫn nhau, cùng nhau đối thoại để giải quyết một vấn đề lý luận hoặc thực tiễn. Như vậy, thảo luận sẽ nâng cao năng lực tự học, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng trình bày vấn đề khoa học.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động thảo luận nhóm, giảng viên cần phải tạo cho sinh viên cảm hứng học tập, sự say mê nghiên cứu, thậm chí cần phải tạo sự áp lực học tập, nghiên cứu. Với mỗi nội dung thảo luận, giảng viên cần phải đưa ra những yêu cầu học tập cụ thể, hướng dẫn, giới thiệu các nguồn tài liệu khác nhau và định hướng những kiến thức cần tiếp cận. Đồng thời, trong quá trình thảo luận cần khuyến khích sinh viên trình bày các ý kiến độc lập, nhiều chiều để đi đến các kết luận khoa học.

Giảng viên cần phải biết lắng nghe các ý kiến trả lời của từng sinh viên, trên cơ sở đó chỉ ra chỗ đúng, chỗ chưa đúng theo hướng khuyến khích, đồng thời có thể đánh giá điểm cho những sinh viên có câu trả lời tốt câu hỏi ngay trên lớp. Điều này sẽ làm cho sinh viên có thêm "động cơ" để học tập tích cực hơn trong quá trình thảo luận.

Thứ năm, đổi mới cách đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên là một khâu quan trọng trong quá trình dạy, học, đồng thời đó cũng là động lực kích thích tính tích cực học tập của sinh viên. Nội dung thi, kiểm tra không chỉ đơn thuần là những kiến thức mà sinh viên đã được học tập trong tài liệu, giáo trình mà còn phải kiểm tra, đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Bên cạnh đó, giảng viên phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong suốt quá trình thảo luận môn học thông qua các hình thức kiểm tra đa dạng như: chấm bài chuẩn bị nội dung thảo luận của từng cá nhân sinh viên, đánh giá kết quả thảo luận theo nhóm. Qua đó hình thành cho sinh viên cách làm việc nghiêm túc, phát huy tính tích cực và ý chí phấn đấu vươn lên để đạt kết quả cao trong học tập.

2.3. Nhóm giải pháp từ phía Nhà trường, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên

Đối với Nhà trường, cần tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống học trực tuyến Elearning nhằm giảm thời lượng học trực tiếp trên lớp, tăng thời lượng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Đồng thời đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số thư viện, tăng cường tài liệu số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có thể truy cập bất cứ ở đâu và vào thời gian nào. Bên cạnh đó, Nhà trường cần mở rộng không gian tự học (phòng đọc, phòng tự học,...), bảo đảm hệ thống wifi, phòng máy dành cho tra cứu trực tuyến,... luôn vận hành tốt. Ngoài ra, Nhà trường cần có các chính sách khen thưởng hợp lý nhằm động viên cổ vũ phong trào tự học trong sinh viên.

Đối với Đoàn thanh niên và Hội sinh viên, trực tiếp là các liên chi đoàn, chi đoàn cần duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ học tập, tổ chức các hội thảo, các buổi trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm... về các kỹ năng mềm, kiến thức chuyên môn, phương pháp cũng như kinh nghiệm học tập và nghiên cứu khoa học.

Như vậy, đổi mới giảng dạy theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất của sinh viên đáp ứng yêu cầu của xã hội là một tất yếu khách quan, gắn với quá trình đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận CDIO ở Trường Đại học Vinh hiện nay. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp từ phía sinh viên, giảng viên, Nhà trường, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên sẽ góp phần nâng cao năng lực tự học của sinh viên trường Đại học Vinh nói chung và sinh viên ngành Chính trị học nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Thị Diệp (2017), "Phát huy tính tích cực của sinh viên trong thảo luận môn "Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ở các trường đại học, cao đẳng, *Tạp chí Giáo dục,* số 418, kỳ 2, tr 46-48,29.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (khóa XI) của Ban chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW).*

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam,* Tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6]. Phan Trọng Ngọ, (2005), *"Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường"*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[7]. Nhiều tác giả (2014), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia* "Quản lý các cơ sở giáo dục trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo", Nxb Đại học Vinh, Nghệ An.

[8]. Trần Viết Quang, (2018), *"Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy học phần Tác phẩm Mác - Lênin về chính trị theo tiếp cận CDIO"*, Đề tài NCKH cấp Trường, Trường Đại học Vinh, Nghệ An.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MÔ HÌNH DẠY HỌC KẾT HỢP (BLENDED LEARNING) TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH HIỆN NAY

TS LÊ THỊ THANH HIẾU - ThS NGUYỄN THỊ KIM THI[1]

Tóm tắt:

Mô hình dạy học kết hợp (Blended learning) là mô hình dạy học kết hợp giữa hình thức dạy học trực tiếp (face-to-face) và hình thức dạy học trực tuyến (e-Learning). Mô hình này giúp người học cảm thấy hứng thú hơn, tiếp thu được nhiều lợi ích hơn nhờ việc tận dụng được các ưu điểm của hình thức đào tạo truyền thống và e-Learning. Blended learning được xem là một giải pháp hiệu quả và là xu thế phát triển tất yếu của xã hội. Ở trường Đại học Vinh với điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực vận hành hệ thống, đặc thù sinh viên của Trường thì Blended learning là một lựa chọn hợp lý. Bài viết này đề cập đến một số nội dung các mô hình dạy học kết hợp, thực tiễn áp dụng Blended learning trong giảng dạy Chính trị học ở Trường Đại học Vinh.

Từ khóa: *Blended learning, cách mạng công nghiệp 4.0, dạy học kết hợp, giảng viên, sinh viên, trực tuyến*

MỞ ĐẦU

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động đến môi trường giáo dục đại học. Điều đó đòi hỏi các trường đại học phải thay đổi chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy nhằm hướng đến mục tiêu đào tạo một con người toàn diện, một công dân toàn cầu với những kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc trong môi trường hợp tác. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, e-Learning đã trở thành xu thế học tập mới ở Việt Nam. Môi trường học tập e-Learning tạo ra cơ hội cho người học tham gia các khóa học được tự do lựa chọn thời gian, địa điểm thích hợp để học tập. Hệ thống e-Learning phân phối các nội dung học thông qua các công cụ điện tử như máy tính, mạng Internet... trong đó, nội dung học được

1 Trường Đại học Vinh

thể hiện dưới nhiều hình thức đa dạng như audio, video, mô phỏng. Tuy nhiên, các hình thức dạy học dựa trên nền tảng e-Learning bên cạnh những ưu điểm vẫn có những hạn chế. Chính vì thế, việc kết hợp giữa hai hình thức dạy học trực tuyến và truyền thống thành một hình thức dạy học mới - dạy học kết hợp, được xem là một giải pháp hiệu quả và là sự lựa chọn tốt nhất đối với Nhà trường.

NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận

1.1. Khái niệm Blended learning

Blended learning được kế thừa từ sự phát triển của mô hình học trực tuyến. Có nhiều cách tiếp cận khái niệm "Blended learing". Theo từ điển Tiếng Anh, Blended learning là mô hình học tập kết hợp và bổ trợ cho nhau giữa cách học trực tuyến và cách học truyền thống. Đây là phương pháp trường đại học Cambridge nghiên cứu đầu tiên trong việc giảng dạy ngoại ngữ, sau đó mô hình này được áp dụng rộng rãi trong các tổ chức đào tạo khác [1]. Học tập kết hợp là mô hình học tập xóa bỏ các rào cản về thời gian, địa điểm, đồng thời cho phép tương tác giữa giảng viên và sinh viên. Các nhiệm vụ học tập trực tuyến và trực tiếp cần bổ trợ cho nhau. Người học được hướng dẫn các học phần bằng cách học trực tuyến như xem bài giảng về một chủ đề và ghi chép lại những ý chính ở các phần học trên lớp nên có thể thảo luận nhóm về các khái niệm, nội dung quan trọng trong video thuyết trình đó để hiểu sâu sắc hơn hoặc có cái nhìn tổng quát từ nhiều góc nhìn khác nhau hơn về vấn đề đã học.

1.2. Mô hình Blended learning

Hiện nay trên thế giới có 6 mô hình Blended learning đang được áp dụng để giảng dạy cho bậc đại học, bao gồm:

- Mô hình 1: Là hình thức dạy học mà người học tiếp thu nội dung bài học thông qua sự tương tác trực tiếp của người dạy và kết hợp các phương tiện kết nối internet, phù hợp với những lớp học đa dạng về trình độ, nơi mà khả năng nhận thức của người học có sự chênh lệch. Mô hình này tổ chức theo kế hoạch cố định và thực hiện tại lớp học truyền thống.

- Mô hình 2: Giống như mô hình học tập theo trạm, trong đó người học học tập luân phiên giữa các trạm học tập hoặc học tập trực tuyến hoặc học trực tiếp với người dạy. Mô hình này đòi hỏi người học phải thay đổi địa điểm học tập hoặc luân phiên hình thức học tập theo lịch trình học tập và phù hợp với cấp bậc thấp hơn giáo dục đại học.

- Mô hình 3: Các chương trình giảng dạy được phân phối trên nền tảng kỹ thuật số, người học chủ yếu học tập trực tuyến và người dạy đóng vai trò trực tiếp hướng dẫn, thảo luận. Mô hình này phù hợp với những người hạn chế về thời gian đến lớp hoặc vừa học vừa làm.

- Mô hình 4: Là chương trình đào tạo trực tuyến và người học tập trung học tại những phòng máy chuyên dụng trên lớp. Mô hình này tiết kiệm về cơ sở vật chất và nguồn lực bởi giảng viên sẽ không tham gia quản lý trực tiếp mà thay vào đó là các trợ giảng tham gia quản lý trực tiếp và giải đáp thắc mắc cho người học.

- Mô hình 5: Bên cạnh lớp học truyền thống, người học có thể tham gia các khóa học trực tuyến nằm ngoài chương trình học chính thống để trau dồi kiến thức. Mô hình này đòi hỏi người học tự khai thác kho tài liệu số đã được đồng bộ hóa và nó phù hợp với cấp độ đại học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kĩ năng cho người học.

- Mô hình 6: người học hoàn thành khóa học dựa trên nền tảng quản lí trực tuyến, sự tương tác giữa người học và người dạy thông qua phần mềm trực tuyến. Mô hình này giúp người học linh động trong thời gian học tập phù hợp với những người gặp trở ngại về khoảng cách địa lí.

Như vậy, các mô hình học tập kết hợp đều có sự pha trộn giữa học truyền thống và học trực tuyến ở các mức độ khác nhau, đặc biệt tạo tính linh động cho người học. Bên cạnh đó, mô hình Blended learning thực sự lí tưởng cho những người học khi họ thích sử dụng tính năng trò chuyện để chia sẻ ý kiến và cũng cho phép người dạy kết nối với người học theo những cách sâu sắc, chân thực hơn.

1.3. Lợi ích của mô hình Blended learning

Theo thang đo nhận thức của Bloom, mô hình Blended learning khuyến khích và phát triển các kỹ năng tư duy của người học ở mức độ cao hơn so với mô hình dạy học trực tuyến và truyền thống, cụ thể được so sánh như sau:

Mô hình Blended learning bắt nguồn từ ý tưởng học tập không chỉ là một sự kiện diễn ra một lần mà học tập là một quá trình liên tục. Do đó, kết hợp mang lại nhiều lợi ích khác nhau so với việc sử dụng bất kì phương tiện phân phối học tập đơn lẻ nào. Mô hình học tập kết hợp giúp cải thiện sự thành công, sự hài lòng và giữ được chân của người học, tăng cường kĩ năng học tập, khả năng tiếp cận công nghệ thông tin nhiều hơn, đồng thời có cơ hội học với người khác và dạy người khác. Bên cạnh đó, những lợi ích chính của việc học tập kết hợp được thể hiện như sau:

Học tập dựa trên công nghệ cho phép người học kiểm soát thời gian và địa điểm học mà không gặp trở ngại. Bằng cách tự do theo dõi thời gian và cường độ học của mình, người học dành thời gian cho những nội dung khó hoặc không quen thuộc.

Học tập kết hợp cung cấp một nền tảng để tạo điều kiện tương tác tốt hơn giữa người học. Người học có điều kiện tương tác với người hướng dẫn thông qua email để giải đáp kịp thời các vấn đề khó khăn và được phản hồi ngay lập tức, liên tục trong quá trình học tập.

Các hoạt động học tập bổ sung cải thiện sự tham gia và có thể giúp người học đạt được mức độ học tập cao hơn và có ý nghĩa hơn. Bên cạnh đó, giúp người học phát triển các phẩm chất như tự động viên, tự chịu trách nhiệm, kỉ luật.

Các kĩ năng học tập kĩ thuật số đang dần trở thành điều cần thiết để trở thành người học suốt đời và các khóa học kết hợp giúp người học nắm vững các kĩ năng sử dụng nhiều loại công nghệ.

Mô hình Blended learning gia tăng tính sáng tạo trong giáo dục, tăng khả năng tự giác học tập và tạo động lực trong giai đoạn đầu triển khai. Đồng thời, mô hình này tạo cơ hội học tập cho mọi người trước những điều kiện khó khăn về cơ sở vật chất, gia tăng tính tương tác cho người học và người dạy thông qua các diễn đàn trao đổi, tinh gọn trong công tác quản lí hoạt động đào tạo do áp dụng công nghệ. Ngoài ra, có những lợi ích mà mô hình này đem lại cho người sử dụng (nhà trường, người dạy, người học) như giảm chi phí tài chính cho việc học tập mọi lúc, mọi nơi; tiết kiệm thời gian; kiểm soát quá trình học tập và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Thực tiễn áp dụng Blended learning trong giảng dạy Chính trị học ở Trường Đại học Vinh

Trong bối cảnh toàn thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, Nhà trường đã phát triển Hệ thống quản lý học tập LMS kết hợp xây dựng bài giảng e-Learning và phòng học trực tuyến để người học "không đến trường nhưng không ngừng học" với chất lượng dạy học ngày càng cao. Trường Đại học Vinh đã ban hành Quyết định số 3901/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về hình thức tổ chức dạy học và dự thảo Quy định về mô hình tổ chức dạy học ở Trường Đại học Vinh năm 2022 nhằm mục tiêu triển khai chương trình đào tạo tích hợp đáp ứng chuẩn đầu ra; hướng đến cá nhân hóa, học tập chủ động; đảm bảo sự linh hoạt cho hoạt động dạy và học; tăng thời gian trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh.

2.1. Các mô hình Blended learning trong giảng dạy Chính trị học ở Trường Đại học Vinh

Trường đã triển khai mô hình Blended learning với thời lượng cho phương pháp dạy học truyền thống là 70% và e-learning còn lại là 30% (năm 2021). Trong dạy học Chính trị học ở Trường Đại học Vinh, đã áp dụng các mô hình Blended learning sau:

- *Mô hình dạy học kết hợp 1*: Dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến không đồng thời diễn ra song song với nhau để thực hiện một hoạt động dạy học. Trong đó, học liệu điện tử tối thiểu cần có là: đề cương học phần cho dạy học kết hợp, bài giảng e-learning mức 1, các bài kiểm tra đánh giá học phần trên hệ thống LMS; hoạt động dạy học trực tuyến nhằm bổ trợ cho phần tự học của sinh viên (một tín chỉ có 30 tiết tự học); thời lượng dạy học trực tiếp của học phần tương ứng với số tiết quy định trong khung chương trình đào tạo.

- *Mô hình dạy học kết hợp 2*: Dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến đồng thời luân phiên nhau để thực hiện một hoạt động dạy học. Trong đó, học liệu điện tử

tối thiểu cần có là: đề cương học phần cho dạy học kết hợp, bài giảng e-learning mức 2, các bài kiểm tra đánh giá trên LMS; tổng thời lượng dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến đồng thời của học phần tương ứng với số tiết quy định trong khung chương trình đào tạo.

- *Mô hình dạy học kết hợp 3*: Dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến không đồng thời luân phiên nhau để thực hiện một hoạt động dạy học. Trong đó, học liệu điện tử tối thiểu cần phải có là: đề cương học phần cho dạy học kết hợp, bài giảng e-learning mức 2 hoặc mức 3, các bài kiểm tra đánh giá trên LMS; thời lượng dạy học trực tuyến không đồng thời thay thế cho thời lượng dạy học trực tiếp của học phần được quy định riêng cho từng bậc trình độ và hình thức đào tạo.

Trong đó, mô hình dạy học kết hợp 2 và mô hình dạy học kết hợp 3 được ngành Chính trị học sử dụng nhiều nhất cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

2.2. Kết quả triển khai mô hình Blended learning trong giảng dạy Chính trị học ở trường Đại học Vinh hiện nay

Sau khi triển khai mô hình Blended learning trong giảng dạy Chính trị học trường Đại học Vinh cho thấy kết quả học tập của người học trong các môn học được nâng cao đáng kể. Bởi ngoài lớp học, các giảng viên chia sẻ các tài liệu học tập như PowerPoint bản trình bày, tệp Word, tệp PDF, và các tài liệu số khác, và tải chúng lên nền tảng e-Learning. Người học có thể xem video, tìm kiếm tài liệu, tham gia vào các cuộc thảo luận và gửi các dự án trên nền tảng công nghệ số. Các giảng viên đã sử dụng e-Learning để cung cấp quyền truy cập vào tài liệu thực hành và học tập tài nguyên, cho phép người học gửi bài tập và các báo cáo và nhận được phản hồi từ người dạy. Hơn một năm thời gian truy cập của người học có xu hướng tăng dần, kết quả học tập các học phần cao hơn. Với kho học liệu mở, mỗi người học có thể truy cập vào hệ thống thư viện điện tử bằng tài khoản người học và được hướng dẫn truy cập cơ sở dữ liệu điện tử, sách điện tử, truy cập mở...

2.3. Hạn chế Blended learning trong giảng dạy Chính trị học ở Trường Đại học Vinh hiện nay

Trong quá trình triển khai và vận hành Blended learning đạt được kết quả nhất định và mang lại lợi ích cho Nhà trường, đội ngũ giảng viên giảng dạy Chính trị học và sinh viên, học viên chuyên ngành, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục:

Về cơ sở vật chất: Hệ thống công nghệ thông tin và hạ tầng kết nối mạng internet còn xảy ra hiện tượng nghẽn mạng hay quá tải do đó năng lực đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng còn hạn chế.

Về đội ngũ cán bộ giảng viên giảng dạy Chính trị học: Mô hình Blended learning đòi hỏi giảng viên phải thiết kế được học liệu điện tử (bài giảng e-Learning mức 1, 2, 3, Tài liệu tham khảo,...) phục vụ cho giảng dạy trực tuyến. Tuy nhiên, đối với người

dạy việc sử dụng các công cụ phần mềm để thiết kế slide bài giảng chất lượng, lên kịch bản, quay video, cắt ghép chỉnh sửa video còn gặp nhiều khó khăn, cần phải có thời gian để học tập và nghiên cứu.

Về người học: đa số sinh viên, học viên chuyên ngành Chính trị học đã quen với cách học truyền thống, học tập theo cách thụ động, thầy, cô hướng dẫn trực tiếp, do đó trong trường hợp áp dụng mô hình Blended learning trong giảng dạy mà người học không có khả năng tự học, tự nghiên cứu sẽ dẫn đến tâm lý chán nản, kết quả học tập giảm sút do không tìm ra được phương pháp học tập phù hợp. Một số sinh viên, học viên việc tiếp xúc với công nghệ còn chưa nhiều, thiếu các công cụ để phục vụ học trực tuyến (Laptop, hệ thống Wifi, 4G...), có thể kể đến người học ở các khu vực miền núi, vùng xa.

3. Giải pháp tăng cường Blended learning trong giảng dạy Chính trị học ở Trường Đại học Vinh hiện nay

- Về phía Nhà trường: Tăng cường đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kết nối mạng Internet đáp ứng được nhu cầu người học tránh tình trạng nghẽn mạng, quá tải khi người học tham gia tải tài liệu, xem video tự học, làm bài tập, bài kiểm tra online,... Xây dựng hệ thống quản lý học tập: không bị giới hạn thời gian, không gian, cho phép sinh viên, học viên có thể truy cập mọi lúc, mọi nơi; hệ thống cần đơn giản, có hướng dẫn cụ thể để người học dễ dàng tiếp cận và có các công cụ để có thể đánh giá được quá trình tự học của bản thân. Đối với hệ thống quản lý nội dung học tập cần cung cấp các học liệu điện tử đa dạng, phù hợp với sở thích, cách học của nhiều người, như: sách điện tử, video dạy học, bài giảng điện tử...

Cần có cơ chế riêng để khuyến khích người dạy đầu tư cho mô hình dạy học Blended learning: Tăng cường các buổi tập huấn sử dụng phần mềm dạy học, các công cụ phục vụ dạy học trực tuyến... đưa ra chính sách để hỗ trợ cán bộ giảng viên như: thay đổi hệ số tính giờ giảng đối với các môn học chuyên ngành Chính trị học có áp dụng mô hình dạy học Blended learning, có thay đổi phương pháp dạy học, có làm mới tài liệu học tập phục vụ mô hình dạy học Blended learning...

- Về đội ngũ cán bộ giảng viên giảng dạy Chính trị học: Để áp dụng được mô hình Blended learning trong giảng dạy, thu hút được sự quan tâm của sinh viên, học viên, người dạy cần thiết kế và cung cấp tài liệu học tập đa dạng, phù hợp với khả năng của người học. Để làm được điều này, người dạy cần đầu tư thêm thời gian cho việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm hỗ trợ cho việc thiết kế bài giảng, thay đổi phương pháp giảng dạy...

Để người học có thể dễ dàng tiếp cận được với tài liệu tự học, người dạy cần có hướng dẫn chi tiết, cụ thể, có các kênh thông tin online để thuận tiện trong việc hỗ trợ, góp ý và khích lệ người học. Bên cạnh đó, để khuyến khích người học nâng

cao khả năng tự học, người dạy cần thiết kế các công cụ để giám sát người học (Bài kiểm tra cá nhân, bài thảo luận nhóm...), người dạy cần phải tạo ra kênh thông tin để người học có thể dễ dàng trao đổi thông tin khi cần, khuyến khích người học mạnh dạn hỏi và chia sẻ thông tin.

- Đối với sinh viên, học viên chuyên ngành Chính trị học: Để học tập theo mô hình Blended learning, người học cần có sự chuẩn bị về các công cụ để phục vụ cho học trực tuyến như: Laptop, hệ thống kết nối nối mạng... Kết quả học tập của người học ngoài chịu sự tác động của phương pháp giảng dạy, tài liệu học tập, trang thiết bị thì yếu tố chính là do bản thân người học. Người học phải có sự chuẩn bị tâm lý, phải làm quen dần với các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tìm ra cách học phù hợp với bản thân. Người học cần mạnh dạn hỏi, trao đổi, thảo luận nhóm... để tìm được sự hỗ trợ khi cần và nâng cao các kỹ năng mềm cần thiết.

KẾT LUẬN

Trường Đại học Vinh với đặc thù đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội thì việc ứng dụng mô hình dạy học kết hợp là thật sự cần thiết trong cuộc cách mạng công nghệ số. Để dạy học Blended Learning trong giảng dạy Chính trị học ở Trường Đại học Vinh đạt được hiệu quả cao đòi hỏi sự nỗ lực không mệt mỏi, sự năng động, sáng tạo, của mỗi cán bộ giảng viên, người học. Đồng thời, sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, động viên kịp thời của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và sự phối hợp của các đối tác nhằm mục đích giải quyết những vấn đề lớn trong đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển quốc gia và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Graham, C.R, Woodfield, W& Harison, J.B, (2013), "A framework for institutional adoption and implementation of Blended learning in higher education", *Internet and Higher Education*, 18(3), p4-14, retrieved from: 10.1016/j.iheduc.2012.09.003.

[2] Phạm Thị Thu Huyền (2021), *Vận dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended learning) trong giảng dạy bậc đại học ở Việt Nam hiện nay,* truy cập ngày 24/8/2022 tại: *https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/van-dung-mo-hinh-hoc-tap-ket-hop-blended-learning-trong-giang-day-bac-dai-hoc-tai-viet-nam-hien-nay-85009.htm.*

[3]. Đàm Quang Vinh, Nguyễn Thị Hải Yến (2017), "Xu hướng áp dụng mô hình Blended learning trong đào tạo đại học và khả năng áp dụng tại trường Đại học Kinh tế quốc dân", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC VÀ VẬN DỤNG VÀO GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC

TS PHẠM THỊ HOA[1]

Tóm tắt:

Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học là một trong những nội dung quan trọng nhằm cải cách căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Việc chuyển từ phương pháp giảng dạy một chiều sang phương pháp giảng dạy tích cực không chỉ là một quá trình chuyển biến về phương pháp mà còn là sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả học tập [5, tr.5]. Học tập, nghiên cứu lý luận chính trị, trong đó có chính trị học là một nhiệm vụ quan trọng đối với mỗi công dân, giúp nâng cao nhận thức, định hướng thái độ, củng cố niềm tin và chỉ dẫn hành động cho họ. Trong khi đó, nội dung khoa học chính trị vốn bị gán nhãn là khô khan, khó học, các phương pháp giảng dạy chủ yếu thiên về truyền thống, một chiều ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học chính trị học. Để cải thiện tình trạng này, phải bắt đầu từ đổi mới phương pháp theo hướng hiện đại. Vận dụng các phương pháp, phương tiện hiện đại vào nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học chính trị học vừa là yêu cầu, vừa là nhu cầu của công tác giáo dục, đào tạo lý luận chính trị hiện nay.

Từ khóa: *chính trị học, đổi mới phương pháp, phương pháp giảng dạy hiện đại, phương pháp giảng dạy tích cực*

MỞ ĐẦU

Phương pháp là cách thức, là con đường, là phương tiện để đạt tới mục đích nhất định, để giải quyết những nhiệm vụ nhất định trong nhận thức và trong hoạt

1 Học viện Báo chí và Tuyên truyền

động thực tiễn. Phương pháp giảng dạy là cách thức hoạt động, tác động *giữa người dạy* (chủ thể dạy - người thầy) trực tiếp hoặc gián tiếp (qua các phương tiện như sách, nghe, nhìn) *với người học* (vừa là đối tượng của giảng dạy, vừa là chủ thể học, tự học) cùng nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung dạy học.

Các phương pháp giảng dạy truyền thống gồm các phương pháp cơ bản như: phương pháp thuyết trình, phương pháp vấn đáp, phương pháp đàm thoại, phương pháp trực quan, phương pháp trình bày thí nghiệm...

Phương pháp giảng dạy tích cực hay còn gọi là phương pháp giáo dục chủ động, phương háp sư phạm hiện đại... là những phương pháp, cách thức, kỹ thuật khác nhau giúp cho giờ học trở nên sinh động và hấp dẫn, tạo cơ hội cho người học được làm việc một cách chủ động và sáng tạo [5, tr.18]. Đây là quá trình trao đổi thông tin giữa người dạy và người học, trong đó, giảng viên là người giữ vai trò hướng dẫn, gợi ý, tổ chức, giúp cho người học tự tìm kiếm, khám phá những tri thức mới thông qua tranh luận, thảo luận nhóm. Phương pháp giảng dạy tích cực rất chú trọng kỹ năng thực hành, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn, coi trọng việc rèn luyện kỹ năng và khả năng tự nghiên cứu, khả năng sáng tạo và vận dụng tri thức của người học. Phương pháp giảng dạy tích cực gồm nhiều phương pháp, trong đó có thể kể đến những phương pháp như làm việc nhóm, phương pháp tình huống, phương pháp nêu ý kiến ghi lên bảng, phương pháp phỏng vấn nhanh, phương pháp sàng lọc...

Phương pháp giảng dạy tích cực mang lại những lợi ích to lớn cho cả người dạy và người học.

Chính trị học là một khoa học tổng hợp, liên ngành, còn tương đối mới mẻ ở Việt Nam. Nhận thức chung của xã hội về tri thức chính trị học còn chưa đồng đều và tương đối hạn chế trong khi đó những kiến thức chính trị học lại rất cần thiết cho mọi công dân trong xã hội hiện đại. Để thay đổi được ý thức, nhận thức và kiến thức chính trị của các tầng lớp nhân dân trong xã hội, việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực tăng sự hấp dẫn, hứng thú người học là một yêu cầu có tính khách quan trong bối cảnh hiện nay. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trug vào 3 phương pháp: phương pháp chuyên gia, phương pháp sàng lọc và phương pháp làm việc nhóm.

NỘI DUNG

1. Phương pháp hỏi chuyên gia

1.1. Tổng quan về phương pháp hỏi chuyên gia

Khi cần mở rộng hiểu biết và nâng cao nhận thức cho người học về một vấn đề hay một nội dung trong chương trình giảng dạy, các giáo viên nên sử dụng phương pháp Hỏi chuyên gia. Để phương pháp này phát huy hiệu quả, người học phải là người đã

nắm bắt được một cách cơ bản những tri thức đó. Phương pháp này có thể được thực hiện sau khi kết thúc một chủ đề, một chương, một môn học, một khóa học [5, tr.50].

**** Các bước và cách thức tiến hành phương pháp***

Phương pháp hỏi chuyên gia được thực hiện qua 6 bước bao gồm: nêu chủ đề, giới thiệu chuyên gia (nếu cần), ddề nghị người học đặt câu hỏi, thu thập câu hỏi, trả lời các câu hỏi, giáo viên tổng kết.

Các thức tiến hành các bước trên như sau

Bước 1. Nêu chủ đề

Nêu rõ mục đích của cuộc trao đổi, làm rõ nội dung cần trao đổi, định hướng để người học thấy cần thiết và muốn hỏi về chủ đề nêu ra.

Bước 2. Giới thiệu chuyên gia (nếu có)

Chuyên gia có thể là giáo viên, khách mời bên ngoài hoặc cũng có thể là chính người học trong lớp có kiến thức chuyên sâu. Nếu giáo viên đồng thời là chuyên gia thì không cần giới thiệu. Nếu chuyên gia là khách mời bên ngoài thì cần phải giới thiệu đầy đủ, ngắn gọn về chuyên gia, đặc biệt nhấn mạnh về khả năng chuyên sâu của chuyên gia trong lĩnh vực mà người học đang quan tâm và cần được giải đáp.

Bước 3. Đề nghị người học đặt câu hỏi: giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho người học khi yêu cầu họ đặt câu hỏi như: chủ đề, số lượng câu hỏi, thời gian suy nghĩ đặt câu hỏi, ghi câu hỏi vào đâu... Sau đó người dạy hiển thị những yêu cầu này lên bảng, lên giấy để người học quan sát. Người dạy có thể yêu cầu tất cả các thành viên trong lớp đặt câu hỏi. Nếu lớp đông thì chia lớp thành nhiều nhóm và yêu cầu từng nhóm đặt câu hỏi.

Bước 4. Thu thập câu hỏi

Khuyến khích người học viết câu hỏi vào giấy và chủ động ghim, dán các câu hỏi lên bảng. Giáo viên phân loại, sắp xếp các câu hỏi theo từng nhóm vấn đề để xác định các lĩnh vực mà người học quan tâm. Sau đó, chuyên gia sẽ trả lời theo từng nhóm vấn đề, tránh trả lời nhiều lần cùng một vấn đề.

Bước 5. Trả lời các câu hỏi

Phần trả lời cần ngắn gọn, đúng trọng tâm. Làm chủ thời gian, không sa đà vào thuyết trình. Sau mỗi câu trả lời, người dạy nên hỏi lại người học xem còn cần điều gì chưa rõ không. Nên đánh dấu vào câu đã trả lời xong để tránh nhầm lẫn với câu chưa trả lời. Có thể nhờ một người hoặc chính giáo viên ghi tóm tắt các câu trả lời của chuyên gia lên một chiếc bảng khác hoặc giấy khổ lớn để cả lớp theo dõi tiến trình giải đáp hay ghi chép lại.

Bước 6. Giáo viên tổng kết

Giáo viên tổng kết ngắn gọn, khái quát lại các câu hỏi và các câu trả lời. Giáo viên dẫn dắt vào nội dung tiếp theo của bài giảng.

*** Ưu điểm, hạn chế và một số lưu ý khi sử dụng phương pháp***

Đây là phương pháp có sức thuyết phục cao. Người học sẽ được giải đáp vấn đề một cách thỏa đáng cả về lý luận và thực tiễn bởi các chuyên gia trong lĩnh vực mà họ quan tâm. Hơn nữa, chuyên gia chỉ tập trung vào chủ đề mà người học cần hiểu rõ và sâu hơn, tiết kiệm được nhiều thời gian.

Tuy nhiên, thực hiện phương pháp này gặp phải một số khó khăn như việc mời chuyên gia bên ngoài có khả năng sẽ gặp khó khăn vì không phải lúc nào họ cũng sẵn sàng nhận lời; phải có dự toán kinh phí để mời chuyên gia khi cần; vì thời lượng có hạn nên có thể có những câu hỏi cần giải đáp nhưng chưa được đặt ra; Người học có thể đưa ra những câu hỏi không liên quan đến chủ đề; có thể có một số câu hỏi được giải đáp kĩ trong khi nhiều câu khác bị bỏ qua.

Để khắc phục hạn chế đó, cần lưu ý một số điểm sau: chủ đề người học đặt câu hỏi không được quá rộng hoặc quá hẹp; phải chắc chắn rằng người học đã có một số hiểu biết nhất định về vấn đề nêu ra; cần khống chế số lượng câu hỏi. Giáo viên phải chủ động trong việc điều khiển buổi học. Không nên áp dụng nhiều lần trong một buổi học.

1.2. Một số gợi ý áp dụng phương pháp hỏi chuyên gia trong giảng dạy chính trị học

Trong giảng dạy chính trị học, có nhiều nội dung thuộc các môn học khác nhau và quy mô, hình thức lớp học khác nhau có thể áp dụng phương pháp hỏi chuyên gia. Ví dụ trong các lớp vừa làm vừa học hoặc lớp cao học, thi thoảng có những học viên công tác trong một lĩnh vực chuyên môn sâu rất đặc thù có liên quan đến một phần nội dung các môn học trong chương trình thì có thể nhờ chính học viên đó đóng vai chuyên gia. Hoặc trong giảng dạy chương trình Chính trị học đại cương hiện nay, 37,5 tiết mà vẫn giới thiệu đủ 9 chương, thì có thể thiết kế phương pháp hỏi chuyên gia trong đó có hai cách, một là giao cho một nhóm sinh viên học tốt nhất lớp nghiên cứu nội dung chương đó trước và đóng vai chuyên gia, các bạn còn lại đặt câu hỏi. Hoặc giáo viên sẽ đóng vai chuyên gia, không giảng chi tiết nội dung chương đó như thông thường mà sẽ đề nghị sinh viên nghiên cứu trước bài học, có câu hỏi gì ghi ra giấy, mỗi người tối thiểu 1 câu, tối đa 2 câu, sau đó giảng viên với tư cách chuyên gia sẽ tập hợp câu hỏi để chuẩn bị cho phần trả lời. Hoặc trong môn học Thể chế chính trị, có những thể chế được giới thiệu ở 2, 3 quốc gia, thì cũng có thể áp dụng phương pháp chuyên gia bằng cách giáo viên sẽ giảng rất kĩ ở 1, 2 quốc gia trước còn quốc gia còn lại sẽ áp dụng phương pháp chuyên gia và giáo viên sẽ trực tiếp đóng vai chuyên gia, trả lời tất cả các câu hỏi của sinh viên có liên quan đến thể chế chính trị đó, chẳng hạn như thể chế chính trị Ô-xtrây-li-a.

2. Phương pháp sàng lọc

2.1. Tổng quan về phương pháp sàng lọc

Phương pháp sàng lọc có thể dùng để ôn tập bài cũ, đánh giá sự tiếp thu kiến

thức của người học sau một nội dung, một bài, một chương hay một khóa học. Người dạy cũng có thể sử dụng phương pháp này để chốt lại nội dung mới, giúp người học vận dụng những kiến thức vừa học vào việc bình luận, giải thích, chứng minh để làm rõ và khẳng định được vấn đề nêu ra [5, tr.60].

**** Các bước và cách thức tiến hành phương pháp***

Phương pháp sàng lọc được thực hiện theo 6 bước sau đây: nêu chủ đề, nêu phiếu sàng lọc; dành thời gian cho người học suy nghĩ; sàng lọc nội dung trên các phiếu; giải thích, bình luận nội dung trên các phiếu, giáo viên tổng kết.

Các bước này được tiến hành cụ thể như sau:

Bước 1. Nêu chủ đề

Chủ đề sàng lọc phải được thể hiện lên bảng để người học quan sát và suy nghĩ về vấn đề nêu ra. Chủ đề phải rõ ràng, phù hợp với nội dung bài giảng và vừa sức với người học. Nêu rõ tiêu chí sàng lọc: đúng - sai; nên - không nên; thuận lợi - khó khăn; ưu điểm - nhược điểm...

Bước 2. Nêu phiếu sàng lọc

Giáo viên chuẩn bị trước nội dung cần sàng lọc và viết lên các phiếu. Các phiếu chứa đựng cả hai loại nội dung đối lập nhau để người học sàng lọc. Giáo viên lần lượt đọc to thông tin trên từng phiếu rồi ghim lên bảng. Chủ đề và tiêu chí sàng lọc thường nằm ở một nửa bảng, các phiếu chưa được sàng lọc sẽ được ghim vào vị trí đúng sau khi sàng lọc xong.

Bước 3. Dành thời gian cho người học suy nghĩ.

Các giáo viên cần dành thời gian nhất định cho người học suy nghĩ để họ chuẩn bị về kiến thức và tâm thế trước khi đưa ra quan điểm của mình. Với phương pháp này, người học phải quan sát các nội dung trên phiếu, suy nghĩ và đưa ra quyết định cuối cùng xem nên lựa chọn và sắp xếp thế nào cho đúng với các tiêu chí và chủ đề đã nêu ra trước đó.

Bước 4. Sàng lọc phiếu

Mời người học lên bảng chọn nội dung được ghi trên các phiếu để đưa về vị trí thích hợp theo tiêu chí sàng lọc mà giáo viên nêu ra. Nếu lớp đông người, giáo viên có thể chọn cách giơ từng phiếu trước lớp và hỏi cả lớp xem nên đặt phiếu ở vị trí nào. Giáo viên sẽ đặt phiếu ở vị trí mà đa số người học đề nghị. Giáo viên cũng có thể chia lớp thành nhiều nhóm rồi phát cho mỗi nhóm một số phiếu để họ thảo luận rồi cử đại diện lên bảng ghim vào vị trí mà họ cho là đúng sau khi đã thống nhất quan điểm.

Bước 5. Giải thích, bình luận các nội dung trên phiếu

Bước này được coi là bước đặc thù của phương pháp sàng lọc. Người học không chỉ sắp xếp các phiếu về vị trí thích hợp mà còn được tiếp tục trao đổi với những học

viên khác trong lớp về những nội dung trên phiếu dưới sự dẫn dắt, điều hành của người dạy. Người học phải vận dụng kiến thức đã học để giải thích, bình luận, chứng minh nhằm làm sáng tỏ nội dung. Người dạy tham gia bình luận, trao đổi, giải thích nội dung phiếu cùng người học. Đối với phiếu có nội dung khó hoặc có nhiều ý kiến khác nhau, người dạy có thể yêu cầu người học giải thích ngắn gọn về phương án lựa chọn của mình và sau đó chốt lại vấn đề. Người dạy động viên, khuyến khích các thành viên trong lớp tham gia trao đổi, điều chỉnh các phương án đã lựa chọn theo đáp án đúng.

Bước 6. Tổng kết

Đưa ra kết luận cuối cùng, chốt lại nội dung chính, củng cố kiến thức, dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

***** Ưu điểm, hạn chế và một số lưu ý khi sử dụng phương pháp***

Phương pháp này có ưu điểm chính là lôi cuốn người học vào bài giảng khi họ vừa quan sát vừa động não, vừa được trình bày, giải thích quan điểm của mình và phản biện quan điểm của người khác. Các nội dung nêu ra được khai thác sâu và làm sáng tỏ. Người học nhớ bài nhanh và lâu hơn. Người dạy có thể nắm trình độ, năng lực của người học một cách nhanh chóng.

Tuy nhiên, phương pháp này có hạn chế là mất nhiều thời gian và chi phí cho việc chuẩn bị các phiếu sàng lọc, giấy màu các loại, bút dạ, bảng ghim, băng dính...

Để sử dụng hiệu quả phương pháp này cần lưu ý: xác định chủ đề và tiêu chí sàng lọc rõ ràng, chính xác; các nội dung, thông tin đưa ra phải được chuẩn bị kĩ, không quá dễ hoặc quá khó, không những thế còn phải rõ ràng, chính xác, phù hợp với chủ đề và tiêu chí sàng lọc; chữ viết trên phiếu to, rõ, dễ đọc; có thể viết trực tiếp các nội dung sàng lọc lên bảng; cần khuyến khích học viên tham gia trao đổi, bình luận nội dung trên phiếu, chuẩn bị các phương tiện cần thiết tùy theo hoàn cảnh và điều kiện, có thể kết hợp với các phương pháp khác và sử dụng linh hoạt cho các loại lớp, ở mọi thời điểm trong buổi học.

2.2. Một số gợi ý áp dụng phương pháp sàng lọc trong giảng dạy chính trị học

Phương pháp sàng lọc có thể được sử dụng để nâng cao hiệu quả giảng dạy một số nội dung trong chương trình chính trị học như: trong môn Chính trị học so sánh, giáo viên có thể dùng phương pháp sàng lọc ghi các đặc điểm chính trị của các khu vực chính trị khác nhau trên thế giới và yêu cầu sinh viên tập trung tìm ra những đặc điểm chính trị của một khu vực đã học nhằm củng cố kiến thức về khu vực chính trị đó. Hoặc khi giảng về chế độ chính trị phương Đông và phương Tây, có thể dùng phương pháp sàng lọc ghi các đặc điểm của nhà nước phong kiến phương Đông, các đặc điểm của nhà nước phong kiến phương Tây và yêu cầu học viên sàng lọc các đặc điểm đó thành 2 cột tương ứng với phương Đông và phương Tây. Trong môn học Thể chế chính trị thế giới đương đại, khi cần củng cố kiến thức về một thể chế đã học

hoặc một đơn vị kiến thức cụ thể, ví dụ như quyền lực của Tổng thống Mỹ chẳng hạn, cũng có thể dùng các phiếu sàng lọc để ghi các quyền lực của tổng thống Mỹ, có trộn lẫn thêm một số phiếu không phải là quyền lực của Tổng thống Mỹ và cho sinh viên sử dụng phương pháp sàng lọc, chọn ra các phiếu chính xác để củng cố hơn kiến thức về quyền lực của tổng thống Mỹ. Cũng có thể dùng phương pháp này để xác định những mốc thời gian gắn với các năm thay đổi Hiến pháp Việt Nam trong môn chính trị học Việt Nam bằng cách làm các phiếu ghi các năm có gắn với mốc sửa đổi Hiến pháp của Việt Nam và để lẫn một số phiếu sai, sau đó cho sinh viên sàng lọc các phiếu có ghi năm tương ứng với những năm Việt Nam sửa đổi Hiến pháp, từ đó giúp các em xác định chính xác và nhớ lâu hơn các mốc sửa đổi Hiến pháp của Việt Nam.

3. Phương pháp làm việc nhóm

3.1. Tổng quan về phương pháp làm việc nhóm

Phương pháp làm việc nhóm là phương pháp giảng dạy tích cực giúp người dạy tổ chức người học thành các nhóm học tập nhỏ từ 5 đến 7 người, mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập, vừa có trách nhiệm chia sẻ và giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đã giao cho cả nhóm. Làm việc nhóm là cách hữu hiệu để khuyến khích sự sáng tạo và sự tích cực của mọi thành viên trong lớp [5, tr.86].

**** Các bước và cách thức tiến hành phương pháp***

Phương pháp làm việc nhóm được tiến hành qua 6 bước chính gồm: giới thiệu nội dung làm việc nhóm, giao nhiệm vụ nhóm; chia nhóm; người học làm việc nhóm; trình bày kết quả làm việc nhóm; giáo viên tổng kết, bổ sung.

Các bước tiến hành chi tiết như sau:

Bước 1. Giới thiệu nội dung

Nội dung có khả năng tranh luận, càng mang tính thời sự càng tốt. Bám sát mục tiêu bài giảng; phù hợp với người học; rõ ràng, ngắn gọn.

Bước 2. Giao nhiệm vụ nhóm

Ghi rõ nhiệm vụ lên bảng, giấy; quy định cụ thể thời gian làm việc nhóm bao gồm thời gian bắt đầu, kết thúc và thời gian trình bày; quy định rõ vị trí ngồi làm việc của từng nhóm.

Bước 3. Chia nhóm

Mỗi nhóm nên có từ 3 đến 9 người, chia một cách ngẫu nhiên, thuận tiện theo điều kiện lớp học. Có thể đặt tên nhóm hoặc lấy số thứ tự làm tên.

Bước 4. Người học làm việc nhóm

Đề cử trưởng nhóm và thư ký, khuyến khích mọi thành viên tham gia, các thành viên cần có kĩ năng làm việc nhóm. Người hướng dẫn cần quan tâm tới tất

cả các nhóm: xác định rõ vấn đề cần thảo luận chưa, có ai nói quá nhiều hay quá ít không, kiểm soát về thời gian làm việc của từng nhóm.

Bước 5. Trình bày kết quả làm việc nhóm

Có nhiều cách để trình bày kết quả làm việc của nhóm: một nhóm báo cáo, các nhóm khác bổ sung, từng nhóm thuyết trình riêng, trưng bày áp phích, ghi ý kiến lên bảng...

Bước 6. Giáo viên tổng kết, bổ sung

Giáo viên phải kết nối được ý kiến của các nhóm, định hướng đúng yêu cầu, nhiệm vụ của nhóm, bổ sung làm rõ được những vấn đề cần giải quyết, đưa ra lời kêu gọi hành động từ những kết quả thu được.

***** Ưu điểm, hạn chế và một số lưu ý khi sử dụng phương pháp***

Phương pháp này được áp dụng cho mọi đối tượng và mọi quy mô lớp học. Có thể dùng phương pháp này khi giảng những kiến thức có liên quan đến cuộc sống của người học, các vấn đề cần thảo luận trong tình huống thực tế, cần trả lời dạng câu hỏi nhiều ý kiến trái chiều, cần trao đổi về việc áp dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.

Tuy nhiên phương pháp này cũng có những hạn chế như: khó quản lý khi số lượng người học đông, một số thành viên của nhóm ỷ lại vào những bạn khá hơn, tích cực hơn, có thể đi chệch hướng chủ đề thảo luận, có một số sinh viên nổi trội quyết định quá trình thảo luận nên không huy động được cả nhóm tương tác bình đẳng, nếu lấy kết quả thảo luận chung là kết quả học tập cho từng cá nhân thì chưa thật sự công bằng và chưa đánh giá được nỗ lực của từng cá nhân.

Để khắc phục điều này, giáo viên cần chú ý: phải giao nhiệm vụ nhóm, hướng dẫn kỹ cách thực hiện trước khi chia nhóm; tiến hành chia nhóm ngẫu nhiên; khi các nhóm trình bày kết quả thảo luận nên lựa chọn các phương án giúp tiết kiệm thời gian và đảm bảo nội dung không bị lặp lại, giáo viên cần trang bị kĩ năng giao tiếp, điều hành và quản lý.

3.2. Một số gợi ý áp dụng phương pháp làm việc nhóm trong giảng dạy chính trị học

Trong giảng dạy chính trị học, có rất nhiều nội dung có thể áp dụng phương pháp làm việc nhóm một cách hiệu quả và phù hợp. Có thể gợi ý một số chủ đề như trong môn Khoa học chính sách công, có thể áp dụng phương pháp thảo luận nhóm khi giảng về các phương pháp thực hiện chính sách. Ở đó chia cả lớp ra thành 3 nhóm, mỗi nhóm tập trung phân tích 01 phương pháp theo phân công và những yêu cầu về nội dung của giáo viên. Hoặc khi giảng về chính sách công ở Việt Nam có thể áp dụng phương pháp làm việc nhóm để chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tập trung phân tích một chính sách công tiêu biểu trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Khi giảng về Chính trị học so sánh, có thể áp dụng phương pháp làm

việc nhóm để chia mỗi một nhóm thảo luận về một tiểu khu vực trong một châu lục theo phân công của giáo viên. Khi giảng về Thể chế chính trị đương đại cũng có thể áp dụng phương pháp làm việc nhóm cho cả lớp trong 1 bài, ngoài phần nội dung đầu tiên có thể áp dụng phương pháp hỏi - đáp, các nội dung từ II đến V chia thành 4 nhóm và phân công công việc cho 4 nhóm tìm hiểu về từng nội dung theo logic của bài học.

KẾT LUẬN

Trong giảng dạy nói chung, giảng dạy chính trị học nói riêng, phương pháp đóng vai trò rất quan trọng. Lựa chọn đúng phương pháp góp phần quyết định chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy và học. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin, cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tiến tới 5.0 mang lại nhiều cơ hội và cũng nhiều thách thức cho công tác giáo dục, đào tạo mà trực tiếp là hình thức, phương pháp giảng dạy, học tập. Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 vừa qua một lần nữa cho con người thấy được khả năng thích ứng của con người với sự thay đổi điều kiện học tập, cũng đồng thời chứng minh mục đích giáo dục, đào tạo hoàn toàn có thể đạt được bằng những hình thức, phương pháp đa dạng, và đổi mới theo hướng đa dạng, linh hoạt các hình thức phương pháp dạy và học vừa là yêu cầu, vừa là nhu cầu tự thân của quá trình này. Giảng dạy và học tập chính trị học cũng không nằm ngoài xu thế chung đó nên việc nghiên cứu các phương pháp giảng dạy tích cực để hiểu và vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn dạy và học chính trị học hiện nay là thực sự cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Duy Bắc (2004), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn dạy và học môn học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - Lý luận biện pháp kĩ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2015), *Tập bài giảng phương pháp dạy - học tích cực*, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Kỳ (2002), *Phương pháp dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Thị Minh Phượng, Phạm Thị Thúy, Lê Viết Chung (2018), *Cẩm nang phương pháp sư phạm - Những phương pháp và kỹ năng sư phạm hiện đại, hiệu quả từ các chuyên gia Đức và Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CHÍNH TRỊ HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

ThS HOÀNG THỊ TRANG - ThS CAO THỊ HỒNG THẮM[1]

Tóm tắt:

Chuyển đổi số trong giáo dục là xu thế tất yếu trong bối cảnh cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay. Một trong những tác động tích cực mà chuyển đổi số đem lại trong giáo dục là đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy. Trên cơ sở phân tích thực trạng năng lực số của đội ngũ giảng viên Chính trị học, bài viết trình bày một số giải pháp nhằm phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên Chính trị học trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay ở các trường đại học.

Từ khóa: *chuyển đổi số, năng lực số, phát triển năng lực số*

MỞ ĐẦU

Chuyển đổi số với những thay đổi diễn ra một cách nhanh chóng chưa từng có trong lịch sử, đang trở thành xu thế tất yếu trong bối cảnh cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay. Chuyển đổi số đã ảnh hưởng và tác động rất lớn đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực chịu sự tác động sâu sắc và mạnh mẽ nhất. Chuyển đổi số đã đem lại cho giáo dục và đào tạo một diện mạo hoàn toàn mới với phương thức, cách thức, phương pháp, kĩ thuật, công cụ và phương tiện mới. Chuyển đổi số không chỉ là số hóa bài giảng hay ứng dụng các phần mềm vào soạn bài dạy mà còn là sự chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người

1 Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng, Thành phố Hồ Chí Minh

học sang không gian số, khai thác công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy thành công. Thông qua học liệu số và môi trường học tập số mà mô hình, cách thức dạy học được đổi mới theo hướng hiệu quả hơn. Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng đang đặt ra những thách thức không nhỏ đối với hoạt động giảng dạy nói chung, hoạt động giảng dạy Chính trị học nói riêng hiện nay ở các trường đại học đòi hỏi đội ngũ giảng viên nói chung, đội ngũ giảng viên Chính trị học nói riêng phải không ngừng phát triển năng lực số để thích nghi với bối cảnh mới, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế trong bối cảnh hiện nay.

NỘI DUNG

1. Một số vấn đề chung về chuyển đổi số và năng lực số

Trên thế giới, chuyển đổi số bắt đầu được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2015, phổ biến từ năm 2017. Ở Việt Nam, chuyển đổi số bắt đầu được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2018. Mặc dù cách diễn đạt có thể khác nhau do cách tiếp cận khác nhau nhưng có thể hiểu chuyển đổi số chính là chuyển các hoạt động từ thế giới thực sang thế giới ảo trên môi trường mạng, là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách chúng ta sống, làm việc, học tập và liên hệ với nhau.

Để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, cùng với các đơn vị trong các lĩnh vực khác, các nhà trường cũng đang chạy đua với công cuộc chuyển đổi số. Chuyển đổi số nhà trường là quá trình chuyển đổi hoạt động nhà trường từ không gian truyền thống sang kết hợp không gian truyền thống với không gian số thông qua công nghệ mới (thay đổi phương thức điều hành, giáo dục, dịch vụ công...) thành trường học thông minh nhằm hình thành và nâng cao năng lực số cho giáo viên và học sinh.

Chuyển đổi số là bước ngoặt làm thay đổi các hình thức hoạt động thực tiễn và tư duy của con người, hình thành nên một năng lực đặc biệt của con người - năng lực số. Tuỳ theo cách tiếp cận mà có nhiều quan điểm khác nhau về năng lực số. Theo UNESCO, năng lực số là khả năng truy cập, quản lý, hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua công nghệ số để phục vụ cho các công việc từ đơn giản đến phức tạp cũng như khởi nghiệp. Năng lực số là tổng hợp các năng lực công nghệ thông tin và năng lực truyền thông.

Cũng theo UNESCO, năng lực số bao gồm những năng lực sau đây: (1) Vận hành thiết bị và phần mềm; (2) Khai thác thông tin và dữ liệu; (3) Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; (4) An toàn và an sinh số; (5) Sáng tạo nội dung số; (6) Học tập và phát triển kỹ năng số; (7) Sử dụng năng lực số cho nghề nghiệp. Theo đó, năng lực số của mỗi cá nhân sẽ được phát triển dựa trên các nền tảng của các năng lực đó.

Từ những lập luận trên, theo chúng tôi phát triển năng lực số của giảng viên là phát triển khả năng của giảng viên trong việc sử dụng thành thạo máy tính, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại và khai thác hiệu quả các thiết bị công nghệ để phục vụ tối ưu trong quá trình giảng dạy.

2. Một số giải pháp nhằm phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên Chính trị học trong bối cảnh chuyển đổi số ở các trường đại học hiện nay

2.1. Thực trạng năng lực số của đội ngũ giảng viên Chính trị học hiện nay ở các trường đại học

Chuyển đổi số đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ, là điều kiện thúc đẩy sự phát triển năng lực số của đội ngũ giảng viên nói chung, đội ngũ giảng viên Chính trị học nói riêng ở các trường đại học ở nước ta hiện nay. Phần lớn đội ngũ giảng viên Chính trị học đã nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển năng lực số trong bối cảnh chuyển đổi số nên đã không ngừng học tập để nâng cao năng lực số của bản thân. Vì vậy, năng lực số của giảng viên ngày càng được nâng lên. Từ chỗ lúng túng, nghi ngại ban đầu, đội ngũ giảng viên Chính trị học đã từng bước làm chủ công nghệ dạy học trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá năng lực sinh viên. Nhiều giảng viên đã phát huy khả năng sáng tạo, khai thác các lợi thế, tiện ích của công nghệ thông tin, kho bài giảng E-learning và các thông tin, tư liệu mới để thiết kế các bài giảng điện tử sinh động, trực quan, giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách chủ động, linh hoạt.

Các phương pháp giảng dạy mới, tiên tiến cũng được đội ngũ giảng viên cập nhật, bổ sung kịp thời, áp dụng vào quá trình giảng dạy. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên thường xuyên cập nhật kiến thức mới, nội dung giảng dạy gắn với yêu cầu thực tiễn, sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học theo nguyên tắc "lấy người học làm trung tâm". Các bài giảng đã được giảng viên linh hoạt ứng dụng các phần mềm dạy học mới theo hình thức E-learning như: Zoom, Microsoft Teams, Google meet hoặc mô hình Blended learning...Chất lượng các bài giảng điện tử cũng không ngừng được nâng cao, tận dụng được những tiện ích công nghệ trong chuyển tải tri thức, kỹ năng cho người học. Cùng với đó là sự chuyển đổi về hình thức kiểm tra, đánh giá được thực hiện trên nền tảng công nghệ số. Dạng thức thi viết trực tuyến, bài tập lớn và tiểu luận, thi trắc nghiệm... dựa trên sự hỗ trợ công nghệ số đã được áp dụng với nhiều môn học.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, năng lực số của đội ngũ giảng viên Chính trị học hiện nay ở các trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi số vẫn còn nhiều hạn chế. Một số giảng viên vẫn chưa nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số cũng như phát triển năng lực số đối với bản thân, còn tâm lý lo ngại khi tham gia và sử dụng không gian mạng. So với đội ngũ giảng viên ở các ngành khác, mặt

bằng trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ giảng viên Chính trị học còn thấp, đặc biệt là những giảng viên lớn tuổi. Tuy chuyên môn tốt, dày dạn kinh nghiệm giảng dạy... nhưng khả năng sử dụng công nghệ lại rất thấp, kỹ năng thiết kế bài giảng, khóa học trên nền tảng kỹ thuật số đến nay vẫn chưa thành thạo. Việc thiết kế kịch bản dạy học, xây dựng hình ảnh, video clip, tích hợp các trang màn hình... còn gặp rất nhiều khó khăn. Đối với đội ngũ giảng viên trẻ tuy có trình độ công nghệ thông tin tốt, được xem là lực lượng đi đầu trong quá trình phát triển năng lực số nhưng lại thiếu kinh nghiệm giảng dạy, chưa mạnh dạn áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại nên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Chính trị học vì vậy nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế về năng lực số của đội ngũ giảng viên Chính trị học hiện nay xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân. Để phát triển năng lực số, đội ngũ giảng viên Chính trị học chủ yếu đều phải tự học, tự bồi dưỡng là chính, chưa được trải qua các lớp đào tạo một cách bài bản. Một bộ phận giảng viên vẫn chưa có nhận thức đúng đắn về phát triển năng lực số trong bối cảnh chuyển đổi số nên vẫn còn trì trệ, thụ động. Hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ cho hoạt động giảng dạy như hạ tầng mạng, trang thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền, dịch vụ internet ở một số cơ sở đào tạo đại học hiện nay vẫn chưa đồng bộ, chất lượng của hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ nghiên cứu các môn Chính trị học còn ít được số hóa, tài liệu mới chưa được cập nhật, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu và học tập để đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực số của đội ngũ giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

2.2. Một số giải pháp nhằm phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên Chính trị học trong bối cảnh chuyển đổi số ở các trường đại học hiện nay

Để phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên Chính trị học hiện nay ở các trường đại học cần phải kết hợp thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, từ phía đội ngũ giảng viên và cả từ phía các trường đại học.

Giải pháp từ phía đội ngũ giảng viên

Để phát triển năng lực số, đội ngũ giảng viên Chính trị học cần thực phải thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất: nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mình về việc phát triển năng lực số trong bối cảnh chuyển đổi số

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội giảng viên Chính trị học về vị trí, vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của việc phát triển năng lực số là vấn đề quan trọng, thiết thực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy Chính trị học hiện nay ở các trường đại học. Chuyển đổi số chính là chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền

thống sang môi trường số nên có thể nói, khó khăn lớn nhất của chuyển đổi số chính là thay đổi thói quen, thách thức lớn nhất của chuyển đổi số chính là có nhận thức đúng. Sự thay đổi về năng lực số của giảng viên trước hết phải nằm ở nhận thức của chính bản thân giảng viên. Đó là quá trình đòi hỏi mỗi giảng viên phải nhận thức được sứ mệnh của mình, trang bị cho bản thân năng lực số đảm bảo ba yếu tố: (1) Kiến thức, (2) Kỹ năng, (3) Thái độ để có thể tương tác có hiệu quả trong môi trường số. Khi giảng viên tự nhận thức được vai trò của việc ứng dụng công nghệ số vào trong giảng dạy chắc chắn họ sẽ ra sức học tập, nghiên cứu để phát triển năng lực số của mình. Để đáp ứng yêu cầu của bối cảnh chuyển đổi số, các trường đại học hiện nay đang ra sức áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ và trang bị các thiết bị công nghệ hiện đại vào quá trình dạy học, mở ra một cuộc chạy đua, cạnh tranh để khẳng định vị thế của các trường trong xã hội hiện đại. Vì thế, nếu không nhận thức đúng về vai trò và nhiệm vụ phát triển năng lực số cho bản thân thì giảng viên sẽ trở nên lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển và chắc chắn sẽ sớm bị đào thải ra khỏi cuộc đua đó. Chính vì vậy, đội ngũ giảng viên Chính trị học các trường đại học trước hết phải có nhận thức đúng về phát triển năng lực số để nhanh chóng thay đổi và thích nghi cho phù hợp.

Thứ hai: nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

Một trong những yêu cầu cơ bản không thể thiếu đối với hoạt động giảng dạy trong thời đại chuyển đổi số của giảng viên hiện nay là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Năng lực số của giảng viên trong quá trình dạy học được thể hiện thông qua năng lực ứng dụng các thiết bị công nghệ thông minh. Điều này yêu cầu giảng viên phải chủ động nắm bắt những tri thức về khoa học công nghệ, làm chủ các thiết bị công nghệ để sẵn sàng tương tác và biến chúng để trở thành những phương tiện thông minh phục vụ cho chính quá trình giảng dạy của mình. Phải thẳng thắn thừa nhận rằng chất lượng khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin của giảng viên trong dạy học Chính trị học hiện nay ở các trường đại học so với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Vẫn còn một số ít giảng viên chưa có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, tính tự giác để nâng cao trình độ năng lực công nghệ thông tin chưa thường xuyên, khả năng sử dụng một số phần mềm chuyên dụng trong giảng dạy còn một số hạn chế nhất định. Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ giảng viên Chính trị học hiện nay là phải nâng cao hơn nữa năng lực ứng dụng công nghệ thông tin vào xây dựng bài giảng, trong quản lý lớp học, trong tổ chức thi và chống gian lận thi cử, trong sử dụng thiết bị công nghệ thông minh, trong ứng dụng lưu trữ dữ liệu, chia sẻ thông tin và đặc biệt là sử dụng thành thạo các phần mềm liên quan đến hoạt động dạy học một cách hiệu quả nhất.

Thứ ba: nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu

Tự học được xem là phương thức chủ động để người học có thể phát huy tối đa sự tự giác trong nghiên cứu, tìm tòi tri thức. Trong Giáo dục và Đào tạo, tự học được xem là chìa khóa quyết định hiệu quả học tập. Đặc biệt là đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, tự học không chỉ giúp bản thân trau dồi tri thức, làm giàu thêm vốn tri thức của mình mà còn giúp lan tỏa tinh thần tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi mà công cuộc chuyển đổi số đang diễn ra một cách nhanh chóng như vũ bão. Trong thời đại chuyển đổi số, tố chất quan trọng của người giảng viên cần có bên cạnh kiến thức chuyên môn và năng lực sư phạm còn phải là khả năng thích nghi với sự thay đổi và tinh thần học tập suốt đời. Để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số, người thầy ngày nay phải tự học, tự đào tạo, tự hoàn thiện mình để thích ứng với thời cuộc, nhất là tam giác của nội lực nghề nghiệp: khoa học về môn học; khoa học nghiệp vụ sư phạm; khoa học công nghệ và ứng dụng công nghệ trong dạy học và giáo dục. Thực tế đòi hỏi người thầy trong thời đại chuyển đổi số không chỉ phải không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn mà còn phải liên tục cập nhật kỹ năng, kiến thức về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kinh tế - chính trị - xã hội... để có thể thích nghi với sự phát triển không ngừng của công nghệ số. Để nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu nhằm phát triển kỹ năng số trong thời đại chuyển đổi số của mình, mỗi giảng viên cần phải có tinh thần vượt khó để tự học, tự nghiên cứu nghiêm túc, xây dựng được kế hoạch tự học, tự nghiên cứu một cách khoa học, xác định đúng nội dung tự học, tự nghiên cứu, phải có hình thức tự học, tự nghiên cứu phù hợp và phải biết tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu của mình.

Giải pháp từ phía các trường đại học

Thứ nhất: tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường trong việc phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên

Để phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên nói chung, đội ngũ giảng viên Chính trị học nói riêng, lãnh đạo các trường đại học cũng cần phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền để làm cho mọi giảng viên nhận thức sâu sắc rằng phát triển năng lực số trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay là khâu đột phá quan trọng, yếu tố quyết định trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy Chính trị học. Đặc biệt là phải có những đánh giá đúng đắn thực trạng năng lực số của đội ngũ giảng viên Chính trị học hiện nay để có hướng bồi dưỡng, phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên một cách phù hợp và bài bản nhằm đáp ứng yêu cầu của bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ hai: đầu tư xây dựng hạ tầng thông minh để thúc đẩy năng lực số cho giảng viên

Năng lực số của giảng viên chỉ thực sự phát huy khi có điều kiện tương tác trong một môi trường số. Điều kiện lý tưởng để phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên là xây dựng mô hình giảng đường thông minh. Trong điều kiện chưa đạt được giảng đường thông minh thì việc bước đầu tạo ra một hạ tầng kỹ thuật thông minh để tạo điều kiện thúc đẩy năng lực số của giảng viên là điều kiện vô cùng cần thiết. Thực chất đó là quá trình tận dụng tối đa những gì mà cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại: Internet, công nghệ Internet vạn vật (IoT: Internet of Things), chuỗi khối (Blockchain), công nghệ di động, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, thực tế ảo...(Aucancela et al., 2022). Đây là các yếu tố điều kiện đặc biệt quan trọng thúc đẩy năng lực số của giảng viên, ảnh hưởng trực tiếp chất lượng và hiệu quả tương tác trong quá trình giảng dạy của giảng viêntrong môi trường số. Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông minh để tạo điều kiện cho giảng viên phát triển năng lực số cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, kế hoạch hóa hoạt động đầu tư, xác định và lựa chọn các hạng mục đầu tư để đảm bảo các yếu tố đồng bộ, chất lượng, hiệu quả, bền vững.

Thứ ba: xây dựng mô hình khung năng lực số cho đội ngũ giảng viên Chính trị học

Khung năng lực giảng dạy được xây dựng để đánh giá và hỗ trợ phát triển năng lực giảng dạy cho giảng viên giúp giảng viên cập nhật và áp dụng những nguyên lý sư phạm và phương pháp giảng dạy hiện đại trong hoạt động dạy học. Hiện nay Đại học Quốc gia Hà Nội đã ban hành Khung năng lực giảng dạy của giảng viên cho đội ngũ giảng viên trường mình. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh cũng đưa ra mô hình khung tham chiếu năng lực công nghệ số dành cho giảng viên hiện nay bao gồm 5 nhóm: 1) Sử dụng máy tính và Internet; 2) Biên soạn tài nguyên dạy học trực tuyến; 3) Tổ chức hoạt động dạy học trực tuyến; 4) Kiểm tra đánh giá trong dạy học trực tuyến; 5) Thiết kế khoá học trực tuyến tiêu chuẩn hoá. Các trường đại học có thể tham khảo và vận dụng những mô hình này để xây dựng khung năng lực số cho đội ngũ giảng viên của mình nói chung, đội ngũ giảng viên Chính trị học nói chung cho phù hợp. Mặt khác, để nâng cao năng lực số của mình đòi hỏi mỗi giảng viên cũng phải tự đánh giá được khung năng lực số của bản thân, từ đó thiết lập một kế hoạch phát triển năng lực số cho phù hợp.

Thứ tư: có chiến lược bồi dưỡng trình độ ứng dụng các thiết bị công nghệ thông tin vào quá trình dạy học cho giảng viên

Để phát triển năng lực số, tính tự giác trong tự học, tự bồi dưỡng của giảng viên đóng vai trò vô cùng quan trọng nhưng bên cạnh đó các trường đại học cũng cần phải có chiến lược phát triển năng lực số cho giảng viên một cách bài bản, phải đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên Chính trị học có kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng

yêu cầu chuyển đổi số. So với đội ngũ giảng viên của các bộ môn khác thì trình độ sử dụng các thiết bị công nghệ cũng như sự thích ứng với môi trường số của giảng viên Chính trị học có "mặt bằng" thấp hơn. Vì vậy, để giảng viên Chính trị học tự tin bước vào môi trường số, tương tác hiệu quả trong môi trường đó thì cần phải bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin, điều khiển được các thiết bị công nghệ, thành thạo sử dụng máy tính, hiểu biết về trí thông minh nhân tạo, biết quản lý tài nguyên mạng như biết tra cứu thông tin phục vụ công tác nghiên cứu, nâng cao kiến thức chuyên môn và lấy tư liệu hỗ trợ soạn giảng; biết sử dụng các phần mềm hỗ trợ soạn giảng để tạo ra các bài giảng điện tử như MS Powerpoint, Violet, iSpring Presenter và các phần mềm dựng phim, nhạc... từ đó triển khai các tiết học có ứng dụng công nghệ thông tin một cách sinh động và phong phú. Ngoài ra, giảng viên còn phải biết sử dụng các phần mềm hỗ trợ làm đề thi, đề kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên như: McMix, Quest, MS Excel..., biết sử dụng diễn đàn, email như một phương tiện để giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với các giảng viênk hác. Mặt khác, nhà trường cũng cần phải tạo điều kiện để giảng viên Chính trị học tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng, an toàn thông tin cần thiết để sẵn sàng tác nghiệp trong môi trường số.

KẾT LUẬN

Phát triển năng lực số có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc hoàn thiện và phát triển năng lực nghề nghiệp của giảng viên Chính trị học. Trước yêu cầu chuyển đổi số dưới tác động của cuộc CMCN 4.0, mỗi giảng viên Chính trị học cần phải không ngừng nâng cao năng lực số của mình, phải có thái độ tự học, tự nghiên cứu một cách đúng đắn, nghiêm túc, cầu thị, phải tự học, tự nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi bằng mọi phương tiện, mọi hình thức có thể. Mặt khác, phải khắc phục tâm lý ngại khó, ngại khổ, ngại nghiên cứu, thực hiện học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn một cách kiên trì, bền bỉ, sáng tạo không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn và hoàn thiện bản thân. Các trường đại học cũng cần phải có chiến lược dài hơi trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng mạng và thiết bị thông tin đồng bộ, hiệu quả phục vụ cho công tác dạy và học, xây dựng khung đánh giá năng lực người dạy và người học, nhất là đội ngũ giảng viên phù hợp với phương thức đào tạo số thay thế khung đánh giá năng lực giảng viên hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Aucancela, M. A., Andrade, A. C., Urerna, D. A., & Torres, J. P (2022), *Lifelong Learning as a Strategy for Digital Literacy in University Teachers,* pp. 123-134, retrieved from: https://doi.org/10.1007/978-3-030-96043-8_10

[2]. Nguyễn Tấn Đại, Nguyễn Thị Hảo (2021), *Đề xuất khung tham chiếu năng lực công nghệ số dành cho giảng viên Đại học Quốc gia TP. HCM*, truy cập ngày 31/8/2021 tại https://hal.archives-ouvertes.fr/hal-03539637/document.

[3]. In M. Botto-Tobar, H. Cruz, A. Díaz Cadena, & B. Durakovic (Eds.) (2022), *Emerging Research in Intelligent Systems,* Cham: Springer International Publishing.

[4]. Li, M., & Yu, Z (2022), Teachers' Satisfaction, Role, and Digital Literacy during the COVID-19 Pandemic, *Sustainability,* 14(3), retrieved from: https://doi.org/10.3390/su14031121

[5]. Phạm Thị Hằng, Trịnh Quang Dũng (2018), Cuộc cách mạnh công nghiệp lần thứ tư và sự tác động đến phương pháp dạy học ở Việt Nam, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, kì 2 tháng 5/2018, tr 94-97.

[6]. Phan Thị Thanh Hải (2022), *Phát triển năng lực của giảng viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục đại học,* truy cập ngày 25/08/2022 tại http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dao-tao-boi-duong/item/4462-phat-trien-nang-luc-cua-giang-vien-dap-ung-yeu-cau-chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc.html

[7]. Võ Văn Lộc (2018), *Năng lực giảng viên của các đại học thông minh ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[8]. Nguyễn Thành Nam (2017), *Xu hướng của nền giáo dục 4.0 và các nguyên tắc cơ bản về trường học thông minh trong bối cảnh của cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.

[9]. Tô Hồng Nam (2020), *Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Thực trạng và giải pháp,* truy cập ngày 24/08/2022 tại https://dhkthc.bocongan.gov.vn/TrangChu/tin-tuc/365-chuyen-doi-so-trong-linh-vuc-giao-duc-va-dao-tao-thuc-trang-va-giai-phap.html.

CẬP NHẬT QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TÔN GIÁO TRONG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TS NGUYỄN VĂN SANG[1]

Tóm tắt:

Sự đổi mới trong nhận thức về tôn giáo của Đảng là kết quả của quá trình tư duy lâu dài trên cơ sở kế thừa, vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và là kết quả của thực tiễn lãnh đạo cách mạng. Đây là tiền đề để hoàn thiện chính sách, pháp luật tôn giáo ở Việt Nam, tiến tới xây dựng môi trường xã hội ổn định, nhân dân đoàn kết trong công cuộc phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Quan điểm, chính sách, pháp luật đó của Đảng và Nhà nước cần được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục trong đời sống xã hội, do đó các giảng viên thuộc bộ môn lý luận chính trị nhất định cần có sự cập nhật quan điểm, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo.

Từ khoá: *công tác tôn giáo, lý luận chính trị, quan điểm của Đảng về tôn giáo, tôn giáo*

MỞ ĐẦU

Lý luận chính trị là tên gọi chung của các môn khoa học thuộc nền tảng tư tưởng của Đảng, bao gồm các môn lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,... Giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học hiện nay giữ vai trò rất quan trọng trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng, bồi đắp nền tảng tư tưởng, hình thành phẩm chất, nhân cách, đạo đức cách mạng cho sinh viên, góp phần quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo.

1 Trường Đại học Vinh

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội và nó không tách rời khỏi đời sống chính trị. Ở Việt Nam nhiều bậc danh tăng, tu sĩ được đào tạo thành những hiền tài, nguyên khí quốc gia. Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo đã góp phần tạo nên diện mạo một một nền văn hóa và con người Việt Nam giàu bản sắc, một đường lối chính trị lấy dân làm gốc, một chính sách khoan thư sức dân, một nếp sống tôn ti trật tự từ trong gia đình đến ngoài xã hội, một phong cách kiến trúc, hội họa, thi ca, âm nhạc... Trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng, Nhà nước ta luôn nhất quán chính sách tôn trọng, đảm bảo và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Chính sách đó được xây dựng dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng, tôn giáo và ngày càng có sự bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các nhà khoa học ngày càng trao đổi nhiều hơn việc phát huy các nguồn lực của tôn giáo để phát triển đất nước. Trong bối cảnh đó, những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị có những thuận lợi lớn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Đồng thời, đội ngũ này cũng cần xác định được những thách thức để vượt qua, ví dụ như việc nghiên cứu và giảng dạy của mình cần có sự cập nhật và truyền tải được đến người đọc, người học... tinh thần đổi mới, sáng tạo; nội dung khoa học, có tính khái quát kịp thời thực tiễn sinh động trong các quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Có thể xem đây là một trong những yếu tố góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn vững vàng và những phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng và lý tưởng sống cao đẹp.

NỘI DUNG

1. Sự cần thiết của việc cập nhật quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo trong nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị

Trong lý luận của mình, V.I.Lênin khẳng định: "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng", "chỉ đảng nào có được một lý luận tiền phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiền phong" [10, tr.30-32]. Nhận thức sâu sắc quan điểm này, Đảng cộng sản Việt Nam đã không ngừng nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ, trung thành và bảo vệ nền tảng tư tưởng của mình. Hơn 92 năm qua, Đảng ta đã tiến hành 13 kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc, có 3 Cương lĩnh về cách mạng dân tộc dân chủ và 1 Cương lĩnh về xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (Bổ sung, phát triển năm 2011). Theo tiến trình lịch sử, mỗi Cương lĩnh của Đảng chứa đựng những giá trị, ý nghĩa lớn lao riêng và cần được tuyên truyền đến quần chúng nhân dân, để lý luận có thể thâm nhập, dẫn đường và chỉ đạo thực tiễn. Trong các trường học nói chung, các trường đại học nói riêng việc cập nhật về đường lối và chính sách của Đảng

trong nghiên cứu và giảng dạy mang tính tất yếu. Điều này có ý nghĩa lớn trong việc trang bị thế giới quan và phương pháp luận khoa học, đồng thời bồi dưỡng tư tưởng chính trị, đạo đức cho người học, góp phần xây dựng nền tảng ý thức, tinh thần xã hội nói chung.

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, xét về bản chất, Ph.Ăngghen cho rằng: "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế". Nguồn gốc của tôn giáo nằm trong tồn tại xã hội, trong quan hệ giữa người với tự nhiên và trong các quan hệ xã hội. Trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng và Nhà nước luôn tôn trọng, đảm bảo, bảo vệ nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và quan tâm đến đời sống của đồng bào có đạo trong xã hội. Đường lối, chính sách, pháp luật vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước được ban hành là có tính nhất quán và kết quả của quá trình nghiên cứu khoa học hết sức nghiêm túc, cầu thị để từng bước hoàn thiện, tiến tới xây dựng một môi trường ổn định và đồng thuận, nhân dân đoàn kết gắn bó. Nói như vậy để thấy được rằng, đường lối, chính sách, pháp luật tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta là lý luận của một tập thể tiên phong, có trách nhiệm lớn lao và thực sự nghiêm túc trong nghiên cứu để vận dụng vào thực tiễn, thực hiện đại đoàn kết dân tộc nhằm hiện thực hoá mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Chúng ta cũng nhận thấy rằng, xã hội ở các giai đoạn lịch sử khác nhau, sự tồn tại của tôn giáo là tất yếu và mọi nhà nước đều rất quan tâm đến lĩnh vực này.

Xét về phương diện thế giới quan, có thể thấy thế giới quan duy vật Mác - xít và thế giới quan tôn giáo có sự đối lập nhau. Nhưng bởi tính nhân văn, cách mạng, khoa học trong lý luận của mình mà những người cộng sản không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp của nhân dân. Ngược lại, chủ nghĩa Mác - Lênin và những người cộng sản, chế độ xã hội chủ nghĩa luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân. Lênin từng nói với đại ý rằng, không nên tuyên chiến với tôn giáo bởi điều đó đồng nghĩa với tự sát. Vi phạm nguyên tắc này là cố tình đẩy xã hội tới chỗ phân chia, đẩy những người có đạo tới chỗ chống chính quyền, là không thấy được chức năng liên kết xã hội của tôn giáo và đi ngược lại dân chủ xã hội chủ nghĩa, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, quyền tự do theo hay không theo một tôn giáo, là chệch với mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đối với Việt Nam, từ năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị ban hành chính sách "Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết". Xuyên suốt qua các thời kỳ, Đảng và Nhà nước luôn khẳng định các tôn giáo đều tồn tại trong lòng dân tộc, lợi ích của từng tôn giáo gắn với lợi ích của dân tộc. Quan điểm này không những góp

phần làm thất bại mọi âm mưu phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch, mà còn từng bước nhận diện, phát huy các nguồn lực tôn giáo vào sự phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Ở một khía cạnh khác, trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trường đại học, việc nghiên cứu giảng dạy và học tập lý luận được coi trọng. Chuyển biến này là vô cùng ý nghĩa, dẫn đến chất lượng học tập được nâng cao cả về thời lượng lẫn chất lượng; việc cụ thể hóa lý luận được coi trọng, nhiều bài giảng hay thu hút được sự quan tâm, chú ý, tích cực học tập của người học. Điều khích lệ lớn cho những ai làm công tác nghiên cứu, giảng dạy lý luận ở các trường đại học là xã hội và người học ngày càng coi trọng các tri thức lý luận, suy ngẫm nhiều hơn để có thể hình thành được một thế giới quan, nhân sinh quan tích cực, phù hợp để thúc đẩy bản thân trong cuộc sống luôn biến động. Kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng nhấn mạnh rằng không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng. Mà lý luận chỉ có ý nghĩa khi liên hệ với thực tiễn. Ở khía cạnh cụ thể, khi nghiên cứu, giảng dạy về lý luận, chúng ta không thể bỏ qua các nội dung liên quan đến tôn giáo - Một vấn đề được xem là nhạy cảm, một nội dung có thể liên hệ và kết nối với tình hình thực tiễn sinh động.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo trước năm 2003

Quá trình phát triển nhận thức của Đảng về tôn giáo được thể hiện qua các thời kỳ. Năm 2003 là một mốc thời gian quan trọng, có ý nghĩa lớn trong quá trình này khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết 25-NQ/TW ngày 12/3/2003. Đây là Nghị quyết riêng về công tác tôn giáo, vấn đề tôn giáo.

Trước khi Nghị quyết 25-NQ/TW được ban hành, Đảng và Nhà nước đã khẳng định và luôn nhất quán chính sách tôn trọng, đảm bảo và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Đường lối, chính sách đó được xây dựng dựa trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng, tôn giáo, và ngày càng có sự bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với từng giai đoạn lịch sử của đất nước.

Theo C.Mác, tôn giáo là một sản phẩm của lịch sử. Mặc dù không trình bày những hình thái biến đổi cụ thể của tôn giáo trong lịch sử, nhưng Mác lại nêu lên những vấn đề mang tính phương pháp luận để xem xét các hình thái tôn giáo, với câu nói nổi tiếng: "*Con người sáng tạo ra tôn giáo,* chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người... Nhưng *con người* không phải là một sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới. Con người chính là *thế giới con người,* là nhà nước, là xã hội. Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo" [2, tr.569]. Khi bàn về tôn giáo phương Đông, C.Mác chỉ ra quyền sở hữu tối cao nằm trong tay một người sở hữu duy nhất: "Cái nhân tố duy nhất - một phần là kẻ chuyên chế thực sự, một phần là ông thần tưởng

tượng của bộ lạc" [2, tr.569] mà ta thường gọi là ông con trời (thiên tử) hay ông vua - thần cai quản cả phần hồn và phần xác, cả cộng đồng người sống và người chết trong lãnh thổ mà ông cai quản.

C.Mác cho rằng, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội. Để có sự tác động tích cực, phù hợp trở lại tồn tại xã hội, phải có sự phê phán đối tôn giáo và đây là bước khởi đầu, là một bộ phận trong hoạt động đấu tranh chính trị và sáng tạo khoa học, để xây dựng nền triết học mới là chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Bản thân tôn giáo chứa đựng nhiều tiêu cực, nó xoa dịu nỗi đau con người bằng thứ thuốc an thần hư ảo chứ không đề ra được giải pháp đúng đắn, khoa học để xoá bỏ những bất công xã hội, chỉ khuyên con người sống nhẫn nhục và chấp nhận. Bởi thế C.Mác dự báo, ở xã hội văn minh, khi con người được vũ trang bằng sức mạnh của khoa học cùng với niềm tin vào bản thân thì lúc đó tôn giáo sẽ tự tiêu vong. Tuy nhiên, C.Mác khuyến nghị rằng, chúng ta không nên vận dụng một cách máy móc chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc nghiên cứu tôn giáo.

Nhận thức sâu sắc những quan điểm trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính sách tôn trọng, đảm bảo và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được khẳng định và nhất quán thực hiện nhằm tạo nên sự đồng thuận, đoàn kết trong toàn xã hội. Tuy nhiên, để tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước, Đảng ta khẳng định "phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần." [5, tr.324]; khẳng định tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng của đất nước, cho nên cần "khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế... nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam." [5, tr.336]. Có thể nói, đây là nhận thức đúng đắn về mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, trong đó có hình thái ý thức tôn giáo.

Khi nghiên cứu và phát triển quan điểm về tôn giáo của học thuyết Mác, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Tôn giáo là hiện tượng có tính lịch sử, xã hội và văn hoá, tham gia vào quá trình sáng tạo văn hoá nhân loại. Người viết: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát triển đó tức là văn hoá" [7, tr.458]. Như vậy, ở đây Người đã đề cập đến tôn giáo với tư cách là một trong những sáng tạo của con người.

Thực tiễn trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, vấn đề tôn giáo đã được chú ý đến trong các tác phẩm *Đường Kách mệnh, Chính cương, Sách lược Vắn tắt* (1930), Luận cương Chính trị (1930). Trong thời kỳ này, những người cách mạng Việt Nam

tập trung tư duy, ý thức và hành động để có được thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân. Tuy vậy, có không ít nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam đã có được những quan điểm đúng đắn vượt trội về tôn giáo, điều mà trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lúc đó không phải Đảng Cộng sản nào cũng có được.

Trong phiên họp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà cần tuyên bố tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết. Trên cơ sở đó, bản Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã xác định "quyền tự do tín ngưỡng" là một trong các quyền cơ bản của công dân. Với việc công nhận quyền tự do tín ngưỡng của công dân, bản Hiến pháp này đã trở thành cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chính sách đối với tôn giáo ở nước ta.

Tiếp đến, ngày 16/3/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 234/SL về vấn đề tôn giáo. Sắc lệnh này quy định từ "đảm bảo tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng, quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào", đến những vấn đề như hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của các tôn giáo; vấn đề ruộng đất tôn giáo, quan hệ giữa chính quyền với tôn giáo... Trong đó, Chính phủ đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào". Sắc lệnh 234/SL là văn bản có tính chất pháp luật tiêu biểu và hoàn chỉnh nhất cho những cống hiến quan trọng của Hồ Chí Minh trên chặng đường xây dựng luật pháp tôn giáo ở Việt Nam.

Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam (1975), Đảng và Nhà nước có điều kiện và nâng cao nhận thức để tiếp tục quan tâm sâu sát đến đời sống tôn giáo, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Nghị quyết số 297/NQ-HĐBT (11/11/1977) về một chính sách đối với tôn giáo đã đưa ra 05 nguyên tắc của chính sách tôn giáo. Tiếp đến, Hiến pháp 1980 quy định: "Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước". Như vậy, bản Hiến pháp này không chỉ công nhận quyền tự do tín ngưỡng mà đồng thời chống việc lợi dụng tôn giáo.

Có thể khẳng định, việc ban hành các văn bản trong giai đoạn trước đổi mới này đã góp phần quan trọng trong việc tạo niềm tin của đồng bào có đạo vào Đảng và Nhà nước. Nhưng mới chỉ là bước đầu thực hiện quản lý pháp luật đối với một số hoạt động tôn giáo, bởi vì những quy đinh hoạt động tôn giáo còn đơn giản, chưa cụ thể; cơ quan quản lý Nhà nước về tôn giáo chỉ có ở cấp Trung ương, chưa có cơ quan chuyên trách.

Từ 1990 đến nay, các quan điểm, đường lối tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngường, tôn giáo không chỉ thể hiện trong văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc

của Đảng, mà còn được cụ thể hóa trong những nghị quyết của các cơ quan của Đảng về công tác tín ngưỡng, tôn giáo. Nghị quyết số 24/NQ-TW ngày 16/10/1990 về "tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới" là dấu mốc mở đầu cho bước ngoặt phát triển nhận thức về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Sự đổi mới nhận thức đó hoàn toàn không xa rời nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo. Nghị quyết này thể hiện ba luận điểm căn bản có tính đột phá trong nhận thức: Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; Tôn giáo là vấn đề tồn tại lâu dài; Tôn giáo có những giá trị văn hóa đạo đức phù hợp với chế độ mới.

Tiếp đến có Nghị định số 69/HĐBT ngày 21/3/1991 "quy định về các hoạt động tôn giáo", ghi bổ sung thêm điều khoản về "từ bỏ", "thay đổi" tôn giáo là: "Mọi công dân có quyền tự do theo hoặc không theo một tôn giáo, từ bỏ hoặc thay đổi tôn giáo". Ngoài ra, có Chỉ thị số 379/TTG năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ "về các hoạt động tôn giáo".

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá thực hiện Nghị quyết 24/NQ-TW, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rõ những kết quả, khuyết điểm trong công tác tôn giáo, ngày 02/7/1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị 37/CT-TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Chỉ thị này yêu cầu công tác tôn giáo của hệ thống chính trị phải tuần thủ 05 nguyên tắc sau:

Thứ nhất, tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi trước pháp luật, không phần biệt người theo đạo và không theo đạo, cũng như giữa các tôn giáo khác nhau.

Thứ hai, đoàn kết gắn bó đồng bào theo các tôn giáo và không theo tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân.

Thứ ba, mọi cá nhân và tổ chức hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; gìn giữ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.

Thứ tư, những hoạt động tôn giáo ích nước, lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ được bảo đảm. Những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy.

Thứ năm, mọi hành vi lợi dụng hoạt động tôn giáo để làm mất trật tự an toàn xã hội, phương hại nền độc lập dân tộc, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, chống lại Nhà nước, gây tổn hại các giá trị đạo đức, lối sống, văn hoá của dân tộc, ngăn cản tín đồ, chức sắc các tôn giáo thực hiện nghĩa vụ công dân, đều bị xử lý theo pháp luật. Hoạt động mê tín phải bị phê phán và loại bỏ.

Tiếp tục tinh thần đổi mới trong lĩnh vực công tác này, Nghị định số 26/1999/NĐ-CP "về các hoạt động tôn giáo"quy định: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo". Đây là văn bản được xem có bước tiến quan trọng trong việc đảm bảo quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam.

3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo từ năm 2003 đến trước Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam

Có thể khẳng định, nếu Nghị quyết 24-NQ/TW năm 1990 về "tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới", Đảng ta mới chỉ nêu ra ba quan điểm chỉ đạo, thì đến Nghị quyết 25-NQ/TW năm 2003, Đảng đã nêu ra 05 quan điểm và chính sách, tiếp tục khẳng định những quan điểm trước đây và bổ sung một số quan điểm mới. Cụ thể:

Thứ nhất, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH. Đảng tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân, xem đây là chính sách lâu dài của đất nước.

Thứ hai, Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia. Quan điểm này là sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo và là sự bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Đảng ta. Nó có tính đúng đắn và có ý nghĩa thực tiễn to lớn bởi các tôn giáo đều tồn tại trong lòng dân tộc Việt Nam, lợi ích của từng tôn giáo gắn với lợi ích của cả dân tộc. Với tồn tại đó, để tạo nên sức mạnh trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam tất yếu phải đoàn kết toàn dân, trong đó có bộ phận đồng bào có đạo.

Thứ ba, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Đảng ta khẳng định, thực chất công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, yêu cầu các cấp, các ngành quan tâm giải quyết những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của chức sắc, tín đồ tôn giáo; nắm bắt và giải quyết kịp thời những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; quan tâm đời sống nhân dân. Đối với công tác vận

động quần chúng, yêu cầu phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước và ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.

Thứ tư, công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý Nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

Thứ năm, vấn đề theo đạo và truyền đạo. Nghị quyết 25-NQ/TW khẳng định, mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách, giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo theo quy định của pháp luật. Không được lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của pháp luật.

Nghị quyết 25-NQ/TW cũng đã chỉ rõ 06 nhiệm vụ của công tác tôn giáo và 04 giải pháp chủ yếu để thực hiện công tác này: Tập trung nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo; Tăng cường công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị ở cơ sở; Tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo; Tăng cường công tác tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo.

Tiếp đến, năm 2004, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ - CP hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo; Ban Bí thư Trung ương có Thông báo số 160/TB-TW và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg về một số công tác đối với đạo Tin lành... Có thể thấy, các văn bản này đều đảm bảo thực hiện chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước đối với tôn giáo, là cơ sở pháp lý bảo đảm quyền tự do tôn giáo của nhân dân. Ngoài ra các văn bản pháp lý này còn xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước về tôn giáo, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân tôn giáo tại Việt Nam.

Riêng Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 đã thể chế hóa đầy đủ những quan điểm, chủ trương, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước được ghi nhận trong các kỳ đại hội của Đảng đến thời điểm đó. Pháp lệnh đã hướng đến việc bảo đảm tính tương thích với luật pháp quốc tế điều chỉnh về quyền con người trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Pháp lệnh cũng thể hiện chính

sách dân chủ, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức tôn giáo, trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; tôn trọng và bảo đảm nguyên tắc những việc nội bộ của các tổ chức tôn giáo.

Đến Đại hội X (2006), Đảng ta tiếp tục thể hiện rõ sự đổi mới tư duy của mình trên lĩnh vực tôn giáo. Điểm mới trong văn kiện lần này là đưa ra quan điểm đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do của nhân dân.

Đại hội XI (2011), Đảng ta tiếp tục khẳng định một số quan điểm đã được nêu trong các kỳ Đại hội trước và có một số điểm mới bổ sung. Trong đó, vấn đề tôn giáo được trình bày chủ yếu trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) và Báo cáo Chính trị.

Cương lĩnh khẳng định: Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật. Cần lưu ý, từ Đại hội VIII trở về trước, các quan điểm của Đảng chỉ nêu "tôn trọng", đến Đại hội IX, X và XI bổ sung thêm cụm từ "bảo đảm". Thuật ngữ tín ngưỡng, tôn giáo ở Đại hội XI có sự phân biệt rõ ràng "tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật". Đại hội XI đã có những nhận định mở đường cho việc tiếp tục đổi mới chính sách tôn giáo, một mặt yêu cầu "tiếp tục đổi mới chính sách tôn giáo", mặt khác nhấn mạnh "hoàn thiện luật pháp tôn giáo", đây là một nội dung trong nghiên cứu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền cơ bản của con người. Ở nước ta, quyền cơ bản này được ghi nhận trong Hiến pháp 1946 và được tái khẳng định trong các Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992, 2013. Điều 24, Hiến pháp 2013 ghi nhận: "1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật". Hiến pháp cũng bổ sung nguyên tắc về việc hạn chế quyền con người trong các trường hợp nhất định phải do luật định. Theo đó, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền con người, nên việc quy định hạn chế quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải được quy định cụ thể và bằng luật.

Đến Đại hội XII (2016), Đảng nêu các quan điểm, chính sách tôn giáo với các vấn đề cơ bản:

+ Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân;

+ Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

+ Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo;

+ Tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ theo quy định của pháp luật;

+ Kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Như vậy, các quan điểm, chính sách tôn giáo tại Đại hội XII của Đảng là sự tiếp tục khẳng định những quan điểm đã được nêu ra trong các kỳ Đại hội trước, đồng thời có sự bổ sung và phát triển cho phù hợp với tình hình mới về công tác tôn giáo.

Ngày 01/01/2018, *Luật Tín ngưỡng*, tôn giáo chính thức có hiệu lực, là sự thể hiện nhất quán chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; khắc phục những tồn tại, bất cập của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn công tác tôn giáo; phù hợp với các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Luật tín ngưỡng, tôn giáo cũng quy định hạn chế can thiệp hành chính nhà nước vào công việc nội bộ của tổ chức tôn giáo. Chuyển đổi cơ chế quản lý từ kiểm soát sang giám sát và hướng dẫn...

Như vậy, đến thời điểm này các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước những vấn đề tôn giáo ở nước ta đã có sự bổ sung, hoàn thiện, hướng đến sự đúng đắn, phù hợp với thực tiễn, trở thành chỗ dựa tin cậy để tiếp tục nhận thức, giải quyết các vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng.

4. Những điểm nổi bật về tôn giáo trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới đó là tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, thực hiện tốt đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Đáng chú ý, thuật ngữ "nguồn lực" khi nhận định về những đóng góp của các tôn giáo trong Chỉ thị số 18-CT/TW (2018) của Bộ Chính trị khóa XII được khẳng định và bổ sung thành "các nguồn lực của các tôn giáo". Đảng ta khẳng định: "Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước" [4, tr.171]. Đây là quan điểm sát đúng về tôn giáo và công tác tôn giáo ở nước ta. Hiện nay, Nhà nước đã công nhận và cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho 43 tổ chức, thuộc 16 tôn giáo với hơn 27 triệu tín đồ, chiếm khoảng 28% dân số cả nước, trên 55.000 chức sắc, gần 150.000 chức việc, gần 30.000 cơ sở thờ tự [1, tr.44-46]. Đại đa số chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo nêu cao tinh thần yêu nước, "sống tốt đời đẹp đạo".

Các tổ chức tôn giáo thực hiện đúng đường hướng, phương châm hành đạo gắn bó với dân tộc; tăng cường hoạt động xã hội, từ thiện, đóng góp ngày một lớn cho công tác an sinh xã hội. Các nguồn lực của các tôn giáo rất đa dạng: nguồn lực con người; nguồn lực từ cơ sở vật chất, nguồn vốn, khả năng vận động, huy động tài chính; những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo.... Những nguồn lực này được sử dụng vào việc "Đời", ích nước - lợi dân thì đó là một trong những nguồn lực cần phát huy trong phát triển đất nước.

Trước hết, cần khẳng định, văn kiện Đại hội XIII của Đảng đề cập toàn diện về tôn giáo và công tác tôn giáo.

- Trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, nhấn mạnh: "Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; có những chính sách đặc thù giải quyết khó khăn cho *đồng bào dân tộc thiểu số*; thực hiện tốt *đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc*. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cản trở sự phát triển của đất nước" [4, tr.50-51]. Để xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam, cần phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng. Phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan.

- Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, mục tiêu được xác định là: "Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật. Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giữ gìn và nâng cao đạo đức truyền thống xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội" [4, tr.272].

- Trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Đảng đã có những đánh giá những thành tựu và hạn chế liên quan đến tôn giáo.

+ Về thành tựu đạt được, văn kiện nêu rõ: "Tình hình tôn giáo ổn định; đa số chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, góp phần đấu tranh, phản bác luận điệu xuyên tạc, vu cáo chính quyền vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo" [5, tr.45].

+ Về hạn chế còn tồn tại, văn kiện nêu rõ: "Quản lý Nhà nước về văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng có mặt còn hạn chế. Có hiện tượng thương mại hóa các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở một số nơi" [5, tr.73].

+ Đảng xác định nhiệm vụ, giải pháp: "Tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt đúng quy định của pháp luật; chủ động giúp đỡ, giải quyết các nhu cầu hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh của quần chúng, đồng thời chủ động

phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tôn giáo." [5, tr.141]

Tiếp đến, cũng tại Đại hội XIII, Đảng ta đánh giá khách quan, khái quát những điểm cốt lõi về tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ổn định ở nước ta.

- Trong những năm gần đây, các tôn giáo ở Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc Nhà nước luôn quan tâm, tạo điều kiện và bảo đảm hoạt động, sinh hoạt tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo luôn có sự phối hợp, liên kết dưới mái nhà chung Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các cấp để tham gia các hoạt động ích nước, lợi dân, được chính quyền và xã hội đánh giá cao. Không có những mâu thuẫn giữa các tôn giáo và trong nội bộ từng tôn giáo. Đảng, Nhà nước ta trân trọng ghi nhận, biểu dương những kết quả, đóng góp của đồng bào có đạo trong sự nghiệp cách mạng nói chung, thời kỳ đổi mới nói riêng. Bên cạnh đó, Đảng ta cũng chỉ ra: quản lý Nhà nước về tôn giáo có mặt còn hạn chế và còn có các hiện tượng thương mại hóa các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở một số nơi. Đây là một trong những hạn chế được dư luận hết sức quan tâm trong thời gian qua.

- Trong dự báo tình hình quốc tế và khu vực thời gian tới, Đảng xác định vấn đề xung đột tôn giáo là một trong những thách thức lớn đe dọa sự ổn định và phát triển ở một số khu vực, quốc gia. Từ đó, xác định nhiệm vụ, giải pháp thực hiện về công tác tôn giáo: "Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống "tốt đời đẹp đạo", đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc." [4, tr.171]

Trong văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta có kế thừa, tiếp thu những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà lãnh đạo, quản lý, quản trị về tôn giáo, các nhà khoa học và tín đồ, chức sắc của các tôn giáo, trên cơ sở đó có sự bổ sung, cập nhật một số nội dung cụ thể.

- Văn kiện chỉ rõ: "Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước". Ở Việt Nam, thuật ngữ "nguồn lực tôn giáo" khá mới, nhưng về cơ bản nguồn lực tôn giáo được xác định gồm nguồn lực vật chất và nguồn lực tinh thần. Những nguồn lực này được sử dụng vào việc "Đời", ích nước, lợi dân thì đó là một trong những nguồn lực cần phát huy trong phát triển đất nước.

- Phù hợp với truyền thống lịch sử và các lý thuyết về xây dựng khối sức mạnh toàn dân, Đảng ta đã đặt mục tiêu của công tác tôn giáo là đoàn kết tôn giáo trong mục tiêu chung đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đảng ta tiếp tục khẳng định việc đảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho mọi người. Bảo đảm ở đây bao hàm cả sự tôn trọng, quan tâm, tạo điều kiện về mặt pháp lý lẫn thực tế đối với quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Đối tượng bảo đảm được mở rộng là "con người", không những là tổ chức, "nhân dân", "công dân" ở trong nước mà còn là tổ chức, cá nhân người nước ngoài có tôn giáo khi họ sinh sống, học tập, làm việc ở Việt Nam cũng như người Việt ở nước ngoài khi về nước.

- Trong văn kiện Đại hội XIII, Đảng khẳng định sự chủ động nhằm giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ cần được tiến hành song song, đề cao tính chủ động của hệ thống chính trị, nhất là các cơ quan chức năng, đó là: (1) Giúp đỡ, giải quyết các nhu cầu hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh của quần chúng; (2) Phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đảng ta đánh giá tầm quan trọng, vai trò của quản lý nhà nước về công tác tôn giáo ở nước ta: "Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tôn giáo". Xác định quản lý nhà nước về công tác tôn giáo phải là trung tâm, các cơ quan chức năng phải có đủ năng lực, hệ thống luật pháp, cơ chế bảo đảm phù hợp và đảm bảo nâng cao chất lượng hiệu quả tiến hành công tác tôn giáo.

KẾT LUẬN

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng và Nhà nước luôn nhất quán chính sách tôn trọng, đảm bảo và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Đường lối, chính sách đó được xây dựng dựa trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng, tôn giáo và luôn được bổ sung, phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử, thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước cũng như tình hình khu vực, quốc tế, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay.

Trong giai đoạn hiện nay, việc giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học giữ vai trò rất quan trọng trong tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trong đó có nội dung về tôn giáo và công tác tôn giáo. Để thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy các môn lý luận chính trị cần cập nhật và truyền tải tinh thần đổi mới, sáng tạo; nội dung khoa học, có tính khái quát kịp thời thực tiễn sinh động trong các quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Việc cập nhật này cần được thực hiện một cách thường xuyên, qua nhiều kênh thông tin khác nhau như nghiên

cứu tài liệu, tham gia các hội nghị, tập huấn, nắm bắt thông tin liên quan qua truyền hình, internet, qua sinh hoạt chuyên đề, v.v.. Căn cứ vào đặc thù và nội dung các môn học cụ thể, mà hoạt động nghiên cứu và giảng dạy có thể đề cập một cách hợp lý đến các quan điểm, chính sách về tôn giáo nhưng nhất định phải đảm bảo đúng nội dung khoa học và tinh thần cách mạng trong các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước. Từ đó, góp phần khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam; tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, hoàn thành các mục tiêu cụ thể được xác định vào các thời điểm năm 2025, 2030 và 2045.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Tôn giáo Chính phủ (2021), *Công tác tôn giáo 2021,* Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

[2]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, *Sắc lệnh số 234/SL,* ngày 14/6/1955.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chỉ thị số 37 của Bộ Chính trị, ngày 02/7/1998 về công tác tôn giáo trong tình hình mới.*

[7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8]. *Nghị quyết số 297-CP về một chính sách đối với tôn giáo,* ngày 11/11/1977, Hội đồng Chính phủ quyết định những nguyên tắc và chính sách cụ thể đối với tôn giáo.

[9]. *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003,* Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác tôn giáo.

[10]. V.I.Lênin (1975), *Toàn tập,* Tập 6, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ĐÁP ỨNG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY

TS NGUYỄN THU THỦY[1]

Tóm tắt:

Chuyển đổi số trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị đã làm thay đổi môi trường dạy học, phương thức dạy học, thay đổi kỹ thuật, công nghệ dạy học, vị trí và vai trò của thầy và trò. Từ vị trí chủ động, giảng viên trao quyền tự chủ cho sinh viên tự do sáng tạo thông qua các kho dữ liệu số với hạ tầng số hiện đại. Công tác kiểm tra, đánh giá được chú trọng theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất đạo đức của sinh viên; hướng tới xây dựng công dân số có thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng, niềm tin, lý tưởng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước.

Từ khóa: *chuyển đổi số, giáo dục, lý luận chính trị*

MỞ ĐẦU

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) tạo ra bước đột phá lớn về mặt khoa học và công nghệ trên thế giới trong ba lĩnh vực chính: công nghệ sinh học, kỹ thuật số, vật lý. Sự ra đời của điện toán đám mây, công nghệ in 3D, trí tuệ nhân tạo AI... đã xóa bỏ mọi ranh giới giữa các vật thể, thế giới số hóa, thế giới sinh học. Một trong những yếu tố cốt lõi của kỹ thuật số trong CMCN 4.0 là IoT không chỉ giúp kết nối con người với con người mà còn cho phép con người giao tiếp với máy, đồ vật giao tiếp với nhau. Điều này đã làm thay đổi mạnh mẽ về sự phân bố các nguồn lực sản xuất, cách thức sản xuất và tiêu dùng, đặc biệt năng suất lao động của các quốc gia nâng cao rõ rệt. Để có thể vận hành được nền sản xuất "thông minh" trên thì không

1 Đại học Hạ Long, Quảng Ninh

thể thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, có trí tuệ, đạo đức nghề nghiệp tốt. Từ đó, đặt ra cho các cơ sở đào tạo phải có chiến lược cụ thể, sáng tạo trong chương trình giảng dạy, bắt kịp với xu hướng thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Với lí do trên, việc chuyển đổi số trong giảng dạy ở các trường đại học là một xu thế tất yếu. Với các học phần lý luận chính trị thì việc chuyển đổi số chính là làm thay đổi phương pháp dạy và học giữa giảng viên và sinh viên. Từ việc giảng dạy trực tiếp là chính, giảng viên có thể xây dựng các lớp học ảo, kết nối với sinh viên qua các hệ thống phần mềm; khuyến khích người học chủ động tự nghiên cứu, đưa ra các quan điểm, hình thành thế giới quan cách mạng, định hướng lý tưởng đúng đắn.

NỘI DUNG

1. Khái niệm chuyển đổi số

Hiện nay, có rất nhiều định nghĩa và cách hiểu khác nhau về chuyển đổi số. Theo Công ty Nghiên cứu và Tư vấn công nghệ thông tin Gartner, chuyển đổi số là việc ứng dụng công nghệ trong thay đổi mô hình kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó tạo thêm nhiều cơ hội và giá trị mới, giúp doanh nghiệp gia tăng tốc độ tăng trưởng và đạt doanh số tốt hơn.

Theo Microsoft, chuyển đổi số là việc tư duy lại cách thức các tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo những giá trị mới.

Theo Techopedia, chuyển đổi số là những thay đổi tổng thể và toàn diện liên quan đến công nghệ số và tất cả các khía cạnh của đời sống xã hội, làm thay đổi cách chúng ta sống, làm việc và giao dịch với nhau.

Ở nước ta, quan niệm về chuyển đổi số đã được đề cập từ rất sớm nhưng đến Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh thêm vai trò của vấn đề này: Cùng với sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là một trong ba trụ cột cần phải phát triển nhanh, bền vững, đồng thời là một trong những khâu đột phá lớn, góp phần "tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh" [5, tr.221].

Trong lĩnh vực giáo dục, theo tác giả Tô Hồng Nam, chuyển đổi số "là chuyển các hoạt động của chúng ta từ thế giới thực sang thế giới ảo ở trên môi trường mạng" [7, tr.15 -18]. Cách hiểu này đã nêu được đúng quá trình hoạt động, tuy nhiên chưa làm rõ được bản chất bên trong của dạy học trong chuyển đổi số, bởi quá trình này không chỉ bao hàm dạy học ảo (dạy học trực tuyến). Về nội dung của chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo (GDĐT), ông cho rằng: Chuyển đổi số trong GDĐT tập trung vào hai nội dung chủ đạo là chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học. Trong quản lý giáo dục, bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển

khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu...) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định trong GDĐT một cách nhanh chóng, chính xác. Trong dạy học, kiểm tra, đánh giá chuyển đổi số gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường đại học ảo, tạo sự kết nối giữa người dạy và người học qua hệ thống Internet.

Như vậy, trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, chuyển đổi số được hiểu là một phương thức giáo dục. Chuyển đổi số vừa tạo ra môi trường vận hành giáo dục, vừa thay đổi cách quản trị cơ sở giáo dục. Trong dạy học, chuyển đổi số được hiểu là vừa thay đổi môi trường dạy học, vừa thay đổi phương thức dạy học, vừa thay đổi kỹ thuật, công nghệ dạy học, vị trí và vai trò của thầy và trò có sự thay đổi lớn.

2. Sự cần thiết tiến hành chuyển đổi số trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị

2.1. Trang bị thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng, thay đổi phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo

Thực hiện chuyển đổi số trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị là hướng tới bồi dưỡng thế giới quan duy vật, nhân sinh quan cách mạng; giúp cho sinh viên có niềm tin, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, là nền tảng tinh thần, định hướng đúng đắn trước sự tác động đa chiều của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay.

Chúng ta đã biết toàn cầu hóa ra đời đã tạo ra sự thay đổi căn bản trong hoạt động kinh tế của con người, vị trí và tính chất của thị trường trao đổi hàng hóa được mở rộng. Nếu như trước đây thị trường mang tính quốc gia, thì nay thị trường đã mang tính quốc tế, điều này cũng làm tăng giá trị của hàng hóa ngày càng cao. Thị trường tài chính, tiền tệ, dịch vụ mở rộng không ngừng. Tuy nhiên, mặt trái của toàn cầu hóa là các thế lực thù địch, phần tử phản động, cơ hội chính trị dưới rất nhiều lớp vỏ ngụy trang khác nhau không ngừng lợi dụng các diễn đàn truyền thông, mạng xã hội để xuyên tạc, chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, thành quả cách mạng của nhân dân. Chúng tìm mọi cách lôi kéo số đông, đặc biệt là giới trẻ, học sinh, sinh viên hưởng ứng theo. Đứng trước vấn đề trên, các giảng viên chính trị phải tỉnh táo, nhạy bén nhận diện, chủ động đấu tranh, giữ vững tư tưởng, lập trường chính trị; đồng thời truyền bá tư tưởng cùng các nhiệt huyết cho sinh viên để giúp họ "miễn nhiễm" trước thông tin độc hại, trước âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Việc xây dựng các học liệu, bài giảng điện tử cho các học phần lý luận chính trị trên điện toán đám mây là cách thức để giảng viên và sinh viên kết nối, giảng dạy và học tập gần nhau. Trước đây các học phần này đa số giảng viên là sử dụng cách

giảng dạy truyền thống face to face; khi tiến hành chuyển đổi số sẽ khắc phục mọi khoảng cách địa lý, không gian, thời gian; tạo nhiều cơ hội học tập đa dạng. Dưới tác động của đại dịch Covid-19 với phương châm "tạm dừng đến trường, không dừng việc học", giảng viên và sinh viên đã tương tác với nhau rất nhanh chóng trên nền tảng số qua hệ thống câu hỏi thảo luận nhóm, bài tập, các dự án nhỏ; các bài thi trực tuyến. Từ đó, có thể sinh viên phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của mình. Dựa trên sự tương tác đó giảng viên sẽ điều chỉnh linh hoạt các mức độ khó - dễ của các gói câu hỏi phù hợp với từng đối tượng học tập.

2.2. Chuyển đổi số trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị sẽ từng bước giáo dục người học trở thành công dân số trong tương lai

Ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 749/QĐ-TTg, phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia. Mục tiêu chính là đưa Việt Nam thành một quốc gia số mà những năm đầu tiên của chương trình này là xây dựng Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Mục tiêu đến năm 2025: 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã; Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80% [8, tr.2-3].

Theo chương trình đề ra bất cứ công dân nào cũng phải có kỹ năng số để đáp ứng với mục tiêu trên. Công dân số (Digital Citizen) là người am hiểu, thích nghi với việc sử dụng công nghệ thông tin, tiến bộ khoa học kĩ thuật để gắn kết, kết nối với những người xung quanh. Trên thế giới hiện nay, tiêu chí đánh giá người công dân số thường dựa trên các kỹ năng cơ bản (truy cập số; thương mại số; truyền thông số; kiến thức số; nghi thức số; luật lệ số; quyền và trách nhiệm số; sức khỏe thể chất và tâm lý số; an ninh số). Trong 9 kỹ năng trên thì kỹ năng thứ 6 - Luật lệ số (Digital Law) - chính là nhấn mạnh đến việc người công dân số phải tuân thủ các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, hướng tới điều chỉnh cách ứng xử của con người trên không gian mạng [3, tr.11-14].

Các học phần lý luận chính trị có đặc thù thông qua các phạm trù, nguyên lý, quy luật có tính khái quát hóa, trừu tượng hóa cao hướng tới giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người học; thì nay bằng sự trải nghiệm thực tế "ảo" dưới dạng không gian ba chiều, với kho học liệu trực quan, sinh viên được tận mắt chứng kiến các tình huống sẽ trải qua ngoài đời thực mà không phải đến tận nơi thực tập; làm quen được môi trường làm việc chuyên nghiệp, từ đó hình thành tư duy phản biện trong công việc, khả năng đánh giá, phân tích các hành vi phù hợp trong các tình huống trên; các phẩm chất nghề được hình thành. Sinh viên thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng và xã hội. Thông qua các công cụ kết nối số, môi trường văn hóa học đường được định hình rõ nét, sinh viên biết giao tiếp ứng xử theo hướng thân thiện, hợp tác.

3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng công tác chuyển đổi số trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị tại các trường đại học trong thời gian tới

Thứ nhất, giảng viên lý luận chính trị phải cập nhật thường xuyên, kịp thời những thành tựu khoa học công nghệ nói chung, công nghệ thông tin nói riêng để có đủ phương tiện, công cụ dạy và học một cách thông minh.

Cách mạng công nghiệp 4.0 ra đời kéo theo sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ tạo thành dòng chảy không ngừng trong xu hướng phát triển của thế giới, khám phá những quy luật mới của tự nhiên, xã hội. Con người sống trong môi trường đó luôn phải linh hoạt, vận động không ngừng để phù hợp với xu hướng trên. Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị cần thấy được vai trò, trách nhiệm của mình trong quá trình chuyển đổi số để thường xuyên cập nhật những kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin, kỹ thuật số, ngôn ngữ giao tiếp với máy tính, bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ. Đây được coi là công cụ hiện đại hỗ trợ đắc lực cho hoạt động giáo dục, là cánh cửa bước vào hội nhập quốc tế sâu rộng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề tự học và nỗ lực học. "Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân" [6, tr.215]. Học tập lời dạy của Người, mỗi giảng viên phải thường xuyên tự học, tự nghiên cứu không ngừng bởi đó là cách tối ưu làm tăng chất lượng đào tạo, biết tự "thải loại" những kiến thức lạc hậu và không ngừng bổ sung, "làm mới" vốn tri thức, kĩ năng của mình trước sự thay đổi như vũ bão của thế giới.

Thứ hai, giảng viên cần được trao quyền sắp xếp, thiết kế chương trình giảng dạy các học phần lý luận chính trị phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên từng ngành, nghề.

Theo Công văn 3056 ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành "Hướng dẫn thực hiện giáo trình, chương trình" các học phần lý luận chính trị, chuyển từ giảng dạy 3 học phần sang 5 học phần: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh [2]. Sự thay đổi này là hoàn toàn phù hợp với đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu từng môn học, với điều kiện thực tiễn hiện nay.

Tuy nhiên, việc sắp xếp thứ tự các học phần cần có sự điều chỉnh hợp lý nhằm tăng khả năng nhận thức của người học. Theo các nhà mác-xít quá trình nhận thức của con người đi từ "trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng trở về thực tiễn", học phần Triết học Mác - Lênin là điều kiện tiên quyết để học các học phần tiếp theo; với tính lý luận cao rất khó cho sinh viên năm đầu khi thực tiễn của bản thân còn hạn chế. Theo tác giả, Bộ Giáo dục và đạo tạo nên trao quyền sắp xếp chương trình giảng dạy cho các trường đào tạo theo hướng: các học

phần có tính thực tiễn cao, lý luận thấp trước, tăng độ khó qua các năm sau: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Triết học Mác - Lênin.

Để đáp ứng với yêu cầu của chuyển đổi số, việc xây dựng các chương trình giảng dạy các học phần lý luận chính trị cần linh hoạt phù hợp với các khối chuyên ngành. Tùy vào đặc điểm của từng chuyên ngành để tăng hoặc giảm số tiết lý thuyết và thảo luận (hiện nay là 70 lý thuyết, 30 thảo luận), tập trung vào hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề trong thực tế cuộc sống.

Thứ ba, đổi mới công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá các học phần lý luận chính trị

Kiểm tra đánh giá thông qua các kỳ thi thực chất là một cách để giúp cả người dạy và người học xác định được kiến thức, kỹ năng cụ thể để giúp giảng viên có thêm thông tin về kiến thức của sinh viên, từ đó đưa ra phương pháp giảng dạy phù hợp; đồng thời giúp bản thân người học hiểu rõ về năng lực cùa họ và sau đó "tự điều chỉnh hiệu quả vào quá trình tiếp nhận kiến thức sau này". Kiểm tra và đánh giá là hai hoạt động tương hỗ, phát triển song song trong đó kiểm tra nhằm mục đích xem xét, ra soát lại công việc; kiểm tra cũng là xem xét tình hình thực tế để cung cấp những dữ kiện, thông tin là cơ sở cho việc đánh giá quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả công việc dựa vào sự phân tích những thông tin thu được [1].

Với cách dạy và học truyền thống trước đây, đa phần các học phần lý luận chính trị sẽ được tổ chức kiểm tra đánh giá dưới dạng tự luận, học gì thi nấy. Một số trường đại học đã triển khai cách thức thi trắc nghiệm trên máy. Mỗi một hình thức thi, kiểm tra đánh giá có ưu, nhược điểm riêng. Thi tự luận giúp sinh viên biết cách tư duy, đánh giá các vấn đề được học, vận dụng vào thực tiễn ngoài xã hội, tuy nhiên tính lặp lại cao, khá tẻ nhạt, cồng kềnh, mất nhiều thời gian, công sức đối với giảng viên; tạo áp lực lớn, nhiều trường hợp học vẹt, học tủ. Thi trắc nghiệm đòi hỏi người học phải nắm khối lượng kiến thức rộng, phản xạ nhanh; nhưng kỹ năng trình bày kém. Vì vậy, để đánh giá toàn diện kiến thức, hình thành kỹ năng người học đáp ứng với sự phát triển của chuyển đổi số cần xây dựng cách thức thi trực tuyến, kiểm tra phù hợp. Có thể kết hợp trắc nghiệm 60%, tự luận 40% với hệ thống phần mềm với các ứng dụng công nghệ thông tin: ứng dụng Zoom kết hợp với LMS, hoặc Zoom kết hợp với Bookwidgets, Google classroom.v.v.

Thứ ba, xây dựng hạ tầng số đáp ứng tốt công tác dạy và học.

Chất lượng giáo dục không chỉ quyết định bởi lực lượng giảng viên, sinh viên mà còn phụ thuộc vào nền tảng hạ tầng số - một yếu tố tiên quyết trong quá trình chuyển đổi số. Trước hết các trường đại học cần trang bị hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại (wifi, internet, thiết bị phần cứng, camera, cảm biến v.v.) có khả

năng kết nối vạn vật, phục vụ tốt cho việc dạy và học online, kiểm tra đánh giá và hội thảo trực tuyến. Việc kết nối các thiết bị thông minh cũng có thể tự động kích hoạt bật hoặc tắt hệ thống điều hoà, máy chiếu; phần mềm điểm danh tự động giúp cho giảng viên nhanh chóng bao quát được số lượng sinh viên trong lớp.

Xây dựng hệ thống sách điện tử (sách giáo khoa, sách tham khảo) của các học phần lý luận chính trị, kho dữ liệu số với các bài giảng E-learning, video, clip phong phú, hấp dẫn đáp ứng nhu cầu khai thác dữ liệu của sinh viên ở mọi lúc, mọi nơi. Đồng thời, cần tranh thủ sức mạnh của mạng xã hội như: Facebook, Zalo, Telegram... là công cụ tuyên truyền tạo sự lan tỏa những nội dung giáo dục rất hiệu quả.

KẾT LUẬN

Có thể khẳng định rằng, chuyển đổi số trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị là hoàn toàn phù hợp với xu thế toàn cầu hóa hiện nay. Để chuyển đổi số trong lĩnh vực này thành công đòi hỏi các trường đại học phải bám sát sự phát triển của khoa học công nghệ, ứng dụng hiệu quả làm thay đổi tư duy của các chủ thể giáo dục, không ngừng mở rộng kho dữ liệu số các học phần lý luận chính trị; lồng ghép với công tác giáo dục đạo đức, ý thức chính trị cho học sinh, sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Hồ Sỹ Anh (2011), "*Đề xuất giải pháp đánh giá chất lượng học sinh phổ thông Việt Nam*", Kỉ yếu Hội thảo khoa học Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tập 1, Hải Phòng.

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Công văn 3056 ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành "Hướng dẫn thực hiện giáo trình, chương trình các môn lý luận chính trị"*, Hà Nội.

[3]. Phạm Tất Dong (2021), Công dân số trên không gian mạng, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, số kì 1, tháng 4/2021, tr.11-14.

[4]. Ngô Thị Thu Dung (2021), Cơ sở lí luận về chuyển đổi số trong dạy học đại học, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Hòa Bình*, số 1, tháng 9/2021, tr.58-65.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Hồ Chí Minh (1996), Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Tô Hồng Nam (2020), Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Thông tin và Truyền thông*, số 2 tháng 4/2020, Hà Nội, tr.15-18.

[8]. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*, Hà Nội.

GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC THÔNG QUA TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

ThS HOÀNG THỊ TRANG[1]

Tóm tắt*:*

Một trong những giải pháp quan trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy và học Chính trị học là phải tạo được hứng thú, phát huy được năng lực, tính tích cực, tự giác của sinh viên trong học tập. Trên cơ sở phân tích thực trạng, ý nghĩa và một số nguyên tắc, yêu cầu khi xây dựng các hoạt động trải nghiệm, bài viết trình bày một số hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học Chính trị học đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: *chất lượng dạy học, Chính trị học, hoạt động trải nghiệm*

MỞ ĐẦU

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học đối với các môn học nói chung, các môn học ngành Chính trị học nói riêng. Thông qua các hoạt động trải nghiệm, người học được trải nghiệm, được bày tỏ quan điểm, ý tưởng sáng tạo để tự khẳng định bản thân, được tự đánh giá vá đánh giá kết quả hoạt động của chính mình, của nhóm và của bạn bè thông qua các hoạt động thực tiễn là một điều hết sức thiết thực và hiệu quả. Điều này cũng góp phần làm cho nội dung bài học thiết thực hơn, gần gũi với cuộc sống thực tế hơn, giúp các em vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống một cách dễ dàng, thuận lợi. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm còn góp phần khắc phục những tồn tại của việc dạy và học Chính trị học hiện nay, đáp ứng yêu cầu của

1 Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng, Thành phố Hồ Chí Minh

công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương II khóa VIII, Đảng Cộng sản Việt Nam là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa", đặc biệt là quán triệt sâu sắc nguyên tắc "học đi đôi với hành", "lý luận gắn liền với thực tiễn" trong dạy học Chính trị học.

NỘI DUNG

1. Tầm quan trọng của việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học ở các trường đại học

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học trước hết góp phần cụ thể hoá, làm sâu sắc, phong phú, sinh động kiến thức của môn học. Các nhà tâm lý giáo dục đã nghiên cứu và rút ra kết luận rằng: Chúng ta nhớ 10% những gì ta đọc, 20% những gì ta nghe, 30% những gì ta thấy, 40% những gì ta nghe và thấy, 50% những gì ta nói và 60% những gì ta trải nghiệm (Phát biểu ý kiến, đóng kịch, sắm vai, thực tập trong phòng thí nghiệm hay hiện trường để áp dụng các điều đã học...). Như thế với phương pháp thuyết giảng cùng với phương tiện nghe nhìn, sinh viên chỉ nhớ được 50% nội dung bài giảng, nhưng nếu được trải nghiệm như nói hay làm thì hiệu quả sẽ cao hơn. Albert Einstein đã từng nói "Chỉ có trải nghiệm mới là hiểu biết, còn tất cả các thứ khác chỉ là thông tin".

Không chỉ có tầm quan trọng đối với việc phát triển trí nhớ, tổ chức các hoạt động trải nghiệm chính là cơ hội để sinh viên rèn luyện kĩ năng bộ môn, giúp cho sinh viên có nhiều cơ hội trải nghiệm để vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn, hình thành những năng lực thực tiễn cũng như phát huy vai trò cụ thể, tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của bản thân.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm còn góp phần giúp giảng viên giảng dạy Chính trị học có thể tăng hàm lượng kiến thức thực tế vào môn học. "Hiệu ứng cộng hưởng" khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm cũng chính là cơ hội để giảng viên "kết nối" được kiến thức với đời sống, tự "cập nhật" cho giáo án của chính mình.

Tóm lại, tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học góp phần phát huy năng lực, tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khơi gợi niềm đam mê, hứng thú của sinh viên khi học tập. Đây được xem là chìa khóa thực hiện việc học đi đôi với hành, học qua làm, học giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cuộc sống ngay trong lớp, trong trường hiện nay.

2. Thực trạng tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học ở các trường đại học hiện nay

Nhìn chung, giảng viên giảng dạy Chính trị học đã bước đầu có những nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và sự cần thiết của việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, góp phần quan trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Một số giảng viên đã tích cực vận dụng lý thuyết dạy học trải nghiệm để tổ chức đa dạng các hoạt động trải nghiệm cả trong và ngoài lớp học như thảo luận, trò chơi, tham quan dã ngoại...., phối hợp nhiều hình thức và phương pháp đánh giá giúp đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện năng lực sinh viên. Vì vậy đã phát huy tốt vai trò của người học và khai thác tối đa năng lực sẵn có của người học trong quá trình tổ chức hoạt động thông qua việc khơi dậy động cơ học tập và hướng dẫn để người học trải nghiệm (quan sát, thiết kế, tổ chức hoạt động,...). Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế cần phải khắc phục.

Thứ nhất, do nhận thức của mỗi giảng viên về vị trí, vai trò của việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học không giống nhau nên việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm được thực hiện ở những mức độ khác nhau, với các hình thức và biện pháp khác nhau. Nhìn chung, mức độ giảng viên vận dụng lí thuyết dạy học trải nghiệm trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm chưa thường xuyên. Một số giảng viên vẫn chưa quan tâm đúng mức đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, phát huy tính sáng tạo của sinh viên, một bộ phận giảng viên vẫn còn duy trì các hình thức dạy học truyền thống như thuyết trình, trình chiếu kết hợp thuyết giảng mà ít có sự kết hợp với các hình thức và phương pháp dạy học trải nghiệm tích cực.

Thứ hai, các hình thức dạy học trải nghiệm gắn với thực tế ở bên ngoài lớp học chưa nhiều nên sinh viên ít có cơ hội được học bên ngoài thực tế để giải quyết những vấn đề lý luận gắn với thực tiễn. Thực tế cho thấy giảng viên chủ yếu tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho sinh viên trong lớp học, hình thức tổ chức còn đơn điệu, chưa phong phú và đa dạng, chủ yếu là thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi nhưng không thường xuyên và hiệu quả đem lại cũng chưa cao.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên chủ yếu xuất phát từ những khó khăn của giảng viên trong quá trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm. Theo chia sẻ của một số giảng viên có tổ chức các hoạt động trải nghiệm, khó khăn lớn nhất của giảng viên khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm là sự thiếu chủ động của sinh viên trong việc tham gia các hoạt động trải nghiệm. Một bộ phận không nhỏ sinh viên hiện nay còn có thái độ thụ động, thiếu ý chí vươn lên và mơ hồ về động cơ học tập. Các em thiếu sự tự tin và nhiệt tình khi tham gia các hoạt động trải nghiệm. Đây là

trở ngại lớn nhất ảnh hưởng đến việc tổ chức và đem lại hiệu quả cao của các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học hiện nay.

Mặt khác, để tổ chức các hoạt động trải nghiệm có hiệu quả, giảng viên phải dành rất nhiều thời gian, công sức cho công tác biên soạn, lên kịch bản cho các hoạt động trải nghiệm nên rất nhiều giảng viên chưa thực sự đầu tư công sức, tâm huyết cho việc thiết kế, tổ chức các hoạt động trải nghiệm. Việc giảng viên chưa thực sự tâm huyết, chưa tự tin vào năng lực của bản thân, ngại áp dụng các phương pháp dạy học mới và sinh viên chưa hào hứng tham gia các hoạt động trải nghiệm trong học tập là nguyên nhân chính dẫn đến việc các hoạt động trải nghiệm chưa được tổ chức thường xuyên và hiệu quả trong dạy học Chính trị học ở trường đại học hiện nay.

3. Xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học

3.1. Một số yêu cầu trong xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học

Về nguyên tắc: Khi xây dựng các hoạt động trải nghiệm, giảng viên cần đảm bảo các nguyên tắc về mục tiêu, nội dung của bài học, nhu cầu, hứng thú của sinh viên, khai thác tối đa vốn kinh nghiệm của cá nhân sinh viên, sự thống nhất giữa vai trò chủ thể tích cực, tự giác học tập của sinh viên và vai trò tổ chức, hướng dẫn của giảng viên.

Về quy trình xây dựng các hoạt động trải nghiệm: Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm cần được thực hiện qua 5 bước:

Bước 1: Xác định nhu cầu cần thiết tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chương trình môn học ở từng đơn vị bài, theo đề cương môn học, lựa chọn và đặt tên chủ đề hoạt động trải nghiệm.

Bước 2: Tiến hành xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm phù hợp từng đơn vị bài, theo quỹ thời gian nhất định.

Bước 3: Phổ biến, thông qua kế hoạch, chuyển giao nhiệm vụ cụ thể để sinh viên nắm rõ yêu cầu cần phải thực hiện.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện nội dung hoạt động đúng tiến độ thời gian quy định.

Bước 5: Giảng viên thiết kế giáo án, hướng dẫn sinh viên tiến hành hoạt động theo kế hoạch chung. Báo cáo sản phẩm của từng nhóm trong lớp và phần đánh giá, nhận xét của giảng viên sau mỗi hoạt động.

3.2. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học

Thứ nhất: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị thông qua tổ chức thảo luận. Tổ chức thảo luận là cách thức tổ chức dạy học trải nghiệm đơn giản và dễ thực hiện nhất trong các hoạt động trải nghiệm hiện nay. Thông qua thảo luận, các em được phát biểu suy nghĩ, nêu ra ý kiến của mình về các sự kiện,

vấn đề trao đổi, được bộc lộ mình, được rèn luyện trong tư duy, từ đó tích cực, chủ động trong tiếp nhận kiến thức. Mặt khác, tổ chức thảo luận còn làm cho quan hệ bạn bè, quan hệ thầy trò thêm gắn bó. Để nâng cao hiệu quả của việc tổ chức thảo luận, giảng viên cần xây dựng cho mình ngân hàng các vấn đề thảo luận của môn học và có những hình thức tổ chức thảo luận hấp dẫn với tất cả đối tượng sinh viên nhằm phát triển năng lực ở người học.

Thứ hai: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học thông qua tổ chức trò chơi. Tổ chức trò chơi là một hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm "Học mà chơi, chơi mà học" ở ngay trong giờ học gây hứng thú cho sinh viên, giúp sinh viên không những thích thú với bài học, dễ tiếp thu kiến thức, phát huy tính sáng tạo mà còn tạo được bầu không khí thân thiện trong lớp học. Để nâng cao hiệu quả của việc tổ chức trò chơi, giảng viên phải biết lựa chọn thời điểm, nội dung thích hợp, sử dụng phương tiện tổ chức trò chơi hấp dẫn sinh viên, cách thức tổ chức như thế nào cho có hiệu quả nội dung trò chơi. Nội dung tổ chức trò chơi phải vừa sức sinh viên, phải đảm bảo đủ thông tin kiến thức mà sinh viên đã nắm được, không dễ quá và cũng không khó quá. giảng viên có thể sử dụng trò chơi vào đầu giờ học để kiểm tra bài cũ và giới thiệu bài mới, sử dụng trò chơi nhằm hình thành tri thức mới, sử dụng trò chơi để hình thành kĩ năng, sử dụng trò chơi nhằm củng cố tri thức, hình thành thái độ....Nhưng mỗi buổi học giảng viên chỉ nên tổ chức 1 đến 2 trò chơi ở 1 đến 2 đơn vị nội dung bài học, không nên lạm dụng quá sẽ dẫn đến dàn trải, thiếu trọng tâm, không khai thác hết nội dung bài học, kết quả giờ học sẽ không cao. Giảng viên có thể tùy từng bài, từng thời gian và thực tế sinh viên để tổ chức những trò chơi như: trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi khởi động, trò chơi mô phỏng game truyền hình như: Đường lên đỉnh Olympia, Ai là triệu phú, Đấu trường 100, Rung chuông vàng, trò chơi hái hoa dân chủ....

Thứ ba: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học thông qua tổ chức dự án. Tổ chức dự án là một phương pháp dạy học, trong đó sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên sẽ tự lực giải quyết một bài tập tình huống có thật trong đời sống, theo sát chương trình học, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành với hình thức làm việc chủ yếu theo nhóm, có tạo ra các sản phẩm cụ thể để giới thiệu, trình bày. Qua quá trình thực hiện dự án, sinh viên sẽ rèn luyện những kĩ năng sống như giải quyết vấn đề, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng quản lí thời gian, kĩ năng tổ chức và kĩ năng thuyết trình...

Để nâng cao hiệu quả của việc tổ chức dự án trong dạy học Chính trị học, giảng viên phải chọn tên chủ đề dự án có sức thu hút người học, phải thường xuyên trao đổi và định hướng cho người học trong suốt quá trình thực hiện dự án và tạo nhiều cơ hội để đánh giá nhóm dự án. Khi tổ chức dự án, giảng viên chỉ đóng vai trò định hướng, tổ chức, giám sát, giúp đỡ sinh viên thực hiện dự án và phát triển năng lực của sinh viên,

tạo điều kiện cho sinh viên chủ động đề xuất đề tài, chủ đề dự án và xác định mục tiêu, nhiệm vụ và xây dựng dự án. Còn sinh viên đóng vai trò trung tâm của hoạt động, có nhiệm vụ hoàn thành nhiệm vụ đó. Các bước thực hiện tổ chức dự án gồm: Chọn chủ đề cho dự án và chia nhóm → Xây dựng đề cương dự án → Thực hiện dự án → Thu thập kết quả và trình bày dự án → Đánh giá dự án, rút kinh nghiệm.

Giảng viên chia lớp thành nhiều nhóm (mỗi nhóm khoảng 5-7 sinh viên), hướng dẫn các nhóm xác định mục tiêu, nhiệm vụ, cách thức tiến hành, kế hoạch thực hiện, những tài liệu cần thiết để hỗ trợ trong quá trình thực hiện dự án như các tài liệu kĩ thuật số, tài liệu giấy, các nguồn tài liệu tham khảo...Thực hiện theo dõi quá trình thực hiện của sinh viên như tìm kiếm thông tin, phân tích những thông tin đúng và giải quyết những câu hỏi mà sinh viên gặp phải trong quá trình thực hiện, hỗ trợ những kiến thức có liên quan tới đề tài. Sau khi nhận dự án, các nhóm phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên và các thành viên thực hiện kế hoạch đã đề ra, tiến hành thu thập, xử lí thông tin từ các nguồn khác nhau rồi tổng hợp, tích lũy kiến thức. Dự án có thể trình bày trên powerpoint, thiết kế trang website...Trong buổi trình bày dự án, giảng viên tổ chức cho sinh viên trình bày kết quả và tổ chức cho các nhóm trao đổi ý kiến, đặt các câu hỏi yêu cầu nhóm dự án giải trình, góp ý cho nhóm thực hiện hoàn thiện dự án cho nhóm. Các nhóm cần phải bảo vệ có sức thuyết phục dự án của mình, giải trình lí do lựa chọn dự án, tính khả thi và khả năng áp dụng vào cuộc sống của dự án. Cuối cùng, giảng viên và các nhóm đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm được rút ra cho việc thực hiện các dự án tiếp theo.

Thứ tư: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học thông qua sân khấu tương tác. Sân khấu tương tác là một hình thức nghệ thuật tương tác dựa trên hoạt động diễn kịch, trong đó vở kịch chỉ có phần mở đầu đưa ra tình huống, phần còn lại được sáng tạo bởi những người tham gia. Mục đích của hoạt động này là nhằm tăng cường nhận thức, thúc đẩy để sinh viên đưa ra quan điểm, suy nghĩ và cách xử lí tình huống thực tế gặp phải trong bất kỳ nội dung nào của cuộc sống. Thông qua sân khấu tương tác, sự tham gia của sinh viên được tăng cường và thúc đẩy, tạo cơ hội để rèn luyện những kĩ năng như: Kĩ năng phát triển vấn đề, kĩ năng phân tích vấn đề, kĩ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo khi giải quyết tình huống và khả năng ứng phó với những thay đổi của cuộc sống...

Để tiết học bằng hình thức sân khấu hóa phát huy hiệu quả tối đa, quan trọng nhất là các khâu chuẩn bị, lên ý tưởng. Có 5 bước cơ bản để thực hiện một giờ dạy theo hình thức cải tiến này: Giảng viên lựa chọn bài dạy, xác định mục tiêu, kế hoạch dạy học → Giao nhiệm vụ cho sinh viên (hoạt động theo nhóm) → Sinh viên nghiên cứu bài học, xây dựng ý tưởng cách thức thực hiện và trao đổi với giảng viên → Giảng viên sửa chữa, góp ý, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu và bổ sung ý tưởng → Sinh viên hoàn thành ý tưởng đã thống nhất, cùng nhau luyện tập chuẩn bị. Giảng

viên quan sát, góp ý và chỉnh sửa tiếp để hoàn chỉnh sau đó là tổ chức dạy học trên lớp hoặc trong giờ ngoại khóa. Đây là hình thức dạy học hấp dẫn, thu hút sinh viên. Thay vì tiếp nhận kiến thức một cách khô khan theo lối dạy học truyền thống, với hình thức sân khấu hóa, các em sẽ được trải nghiệm thực tế. Các hình thức có thể lựa chọn gồm: múa, hát, kịch, diễn xướng, hài kịch... miễn sao thể hiện được các nội dung liên quan đến nội dung bài học. Trong tiết học được sân khấu hóa, vai trò của giảng viên sẽ là Ban giám khảo, nhận xét đánh giá kết quả tìm hiểu và nghiên cứu của các em, động viên khuyến khích tinh thần tự học sáng tạo của các em, đồng thời giảng viên có thể bổ sung thêm các kiến thức và chỉnh sửa các phần còn thiếu sót, giúp các em thu nạp tối đa phần kiến thức cần thiết.

Thứ năm: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học thông qua hội thi, cuộc thi. Hội thi, cuộc thi là một trong những hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm hấp dẫn, lôi cuốn sinh viên tham gia và là yêu cầu quan trọng, cần thiết đạt hiệu quả cao trong dạy học Chính trị học. Mục đích tổ chức hội thi, cuộc thi là nhằm lôi cuốn sinh viên tham gia một cách chủ động, tích cực vào các hoạt động giáo dục của môn học, phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của sinh viên, góp phần bồi dưỡng cho các em động cơ học tập tích cực, kích thích hứng thú trong quá trình nhận thức. Hội thi, cuộc thi có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: Thi viết, thi tìm hiểu, thi đố vui, thi giải ô chữ, thi tiểu phẩm, thi kể chuyện... có nội dung gắn kết với nội dung chương trình môn học. Để nâng cao hiệu quả của hội thi, cuộc thi điều quan trọng khi tổ chức cuộc thi, hội thi là giảng viên phải linh hoạt, sáng tạo, tránh máy móc và kết hợp với các hình thức tổ chức khác (như văn nghệ, trò chơi...) để cuộc thi, hội thi phong phú, đa dạng, thu hút được nhiều sinh viên tham gia hơn.

Thứ sáu: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học thông qua tổ chức tham quan, dã ngoại. Tham quan, dã ngoại là một hình thức tổ chức học tập thực tế hấp dẫn đối với sinh viên. Mục đích của tham quan, dã ngoại là để các em được đi thăm, tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các thắng cảnh, các di tích lịch sử, văn hóa, công trình, nhà máy hoặc một địa danh nổi tiếng của đất nước ở xa nơi các em đang sống, học tập,... giúp các em có được những kinh nghiệm từ thực tế, từ các mô hình, cách làm hay và hiệu quả trong một lĩnh vực nào đó, từ đó có thể áp dụng vào cuộc sống của chính các em, tạo cơ hội để các em thực hiện phương châm "học đi đôi với hành", "lí luận đi đôi với thực tiễn". Các lĩnh vực tham quan, dã ngoại có thể được tổ chức trong dạy học Chính trị học có thể là: các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa, các công trình công cộng, nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất, làng nghề, các Viện bảo tàng, tham quan du lịch truyền thống, dã ngoại theo các chủ đề học tập,...Để nâng cao hiệu quả của việc tổ chức tham quan ngoại khóa, giảng viên cần chú ý tuân thủ việc lựa chọn địa điểm, thời điểm tổ chức

phù hợp với nội dung kiến thức cơ bản của chương trình học nhằm giúp sinh viên hiểu sâu sắc, mở rộng hơn những kiến thức đã học trong bài học. Trước khi tổ chức, giảng viên cần xây dựng kế hoạch cụ thể và có sự chuẩn bị chu đáo cho buổi tham quan như xác định rõ chủ đề, mục tiêu chương trình tham quan, khảo sát và liên hệ địa điểm, chuẩn bị các phương tiện phù hợp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho sinh viên, xác định rõ phương pháp, hình thức tổ chức, định hướng cho sinh viên tham gia theo hướng thực hành, trải nghiệm.

KẾT LUẬN

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học là một trong những giải pháp quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập Chính trị học hiện nay ở các trường đại học. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Chính trị học mở ra cơ hội để sinh viên được khám phá, tự hình thành kiến thức bài học, rèn luyện các kĩ năng và hình thành thái độ, hành vi đúng đắn, từ đó phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên trong học tập. Không có phương pháp dạy học nào là tối ưu nên để tổ chức hiệu quả các hoạt động trải nghiệm trong dạy Chính trị học đòi hỏi mỗi giảng viên phải nắm vững lý luận dạy học, phải có kiến thức chuyên môn sâu, lòng yêu nghề, sự sáng tạo, linh hoạt trong vận dụng các phương pháp, biện pháp, phải biết kết hợp giữa kiến thức với những kĩ năng cơ bản để biến thành những kinh nghiệm phong phú và có ý nghĩa. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cũng đòi hỏi sinh viên phải thay đổi vai trò, cách học phù hợp để đem lại kết quả cao nhất trong học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Thái Hữu Linh, Trần Thanh An (2016), "Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn Giáo dục công dân cho sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị trường Đại học sư phạm, Đại học Thái Nguyên", *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt, tr. 142-145.

[2]. Nguyễn Thị Ngọc Phúc (2018), "Thực trạng tổ chức dạy học trải nghiệm của giảng viên khoa sư phạm, trường Đại học Cần Thơ", *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, tập 54, tr. 101-105.

[3]. Nguyễn Thị Ngọc Phúc (2018), "Phát triển năng lực dạy học cho giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục", *Tạp chí Giáo dục*, số 439, tr 22-24.

[4]. Phạm Mạnh Thắng (2018), "Vận dụng phương pháp dạy học theo dự án đối với môn Giáo dục Công dân khối 11 tại trường Trung học Thực hành - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, Số 15 tr.162-172.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

LÊ VĂN SƠN[1]

Tóm tắt:

Nghiên cứu, giảng dạy môn Chính trị học góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên việc giảng dạy Chính trị học hiện nay vẫn bộc lộ nhiều mặt hạn chế, bất cập cần đổi mới. Bài viết làm rõ tính tất yếu đổi mới cũng như đề xuất một số giải pháp đổi mới công tác nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *chính trị học, đổi mới, giải pháp, giảng dạy, nghiên cứu*

MỞ ĐẦU

Chính trị học là môn khoa học nghiên cứu và giảng dạy nhằm cung cấp hệ thống tri thức cơ bản và có tính chỉnh thể về các vấn đề của chính trị. Chính trị học dựa trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp thống trị, của các đảng phái chính trị cầm quyền và bảo vệ nền tảng, hệ tư tưởng chính trị ấy. Chính trị và chính trị học nếu xa rời nền tảng tư tưởng chính trị sẽ không có lý do tồn tại và phát triển. Giới nghiên cứu chính trị học ở quốc gia nào cũng luôn tôn trọng những vấn đề có tính nguyên tắc là bảo vệ nền tảng tư tưởng, hệ tư tưởng, mục tiêu lý tưởng, lợi ích và sự tồn tại, phát triển sống còn của giai cấp thống trị, đảng cầm quyền và quốc gia - dân tộc của mình; nghiên cứu chính trị, quan hệ chính trị có nhiều nội dung khác nhau chứ không chỉ có vấn đề giai cấp, nhưng giá trị và lợi ích giai cấp luôn là "mạch ngầm" chi phối các nghiên cứu và giảng dạy chính trị học. Chính trị học ở Việt Nam chính thức trở thành một chuyên ngành khoa học từ đầu những năm

1 Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thạch Hà

1990 và đang phát triển, dựa vững trên thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cụ thể hơn, chính trị học Việt Nam dựa trên nền tảng của triết học mác-xít, kinh tế chính trị học mácxít, chủ nghĩa xã hội khoa học và tư tưởng Hồ Chí Minh... Chính trị học Việt Nam nghiên cứu và cung cấp hệ thống tri thức cơ bản về chính trị nói chung và chính trị ở Việt Nam nói riêng; phát triển các năng lực nhận thức, vận dụng và sáng tạo những tri thức kinh nghiệm, tri thức lý luận về chính trị và các tri thức có liên quan đến chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức (cán bộ lãnh đạo, quản lý, mặt trận, đoàn thể...) và nhân dân trong hoạt động chính trị, chính sách; hình thành và phát triển năng lực, đạo đức, nghiệp vụ và kỹ năng trong hoạt động chính trị, chính sách; xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị và xã hội, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển đất nước.

NỘI DUNG

1. Tính tất yếu của yêu cầu đổi mới hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học

Nghiên cứu, giảng dạy Chính trị học ở nước ta hiện nay trước hết phải làm rõ phạm trù, khái niệm chính trị và sử dụng đúng đắn khái niệm này trong toàn bộ các chương trình chính trị học. Trong đó, cần bám sát các quan điểm, luận điểm về chính trị của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; theo đó, chính trị là lĩnh vực quan hệ giai cấp, là lợi ích giai cấp (cũng như quan hệ, lợi ích quốc gia, dân tộc); là vấn đề quyền lực (quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, quyền lực - quyền làm chủ của nhân dân, quyền độc lập và chủ quyền quốc gia) và vấn đề giành, giữ, tổ chức và sử dụng quyền lực chính trị, nhà nước; là hoạt động chính trị thực tiễn của giai cấp, tầng lớp xã hội, đảng chính trị, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân nhằm xây dựng và thực hiện thắng lợi mục tiêu, đường lối chính trị đúng đắn của Đảng. Do vậy, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hay là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nhất là bảo vệ những quan điểm, luận điểm khoa học và cách mạng về chính trị, phản bác quan điểm sai trái, thù địch về những nội dung này một cách kiên quyết và có cơ sở khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học ở nước ta luôn là yêu cầu tất yếu, khách quan.

Việc giảng dạy Chính trị học hiện nay vẫn bộc lộ nhiều mặt hạn chế, bất cập cần đổi mới. Việc giảng dạy và học tập "nền tảng tư tưởng" này chưa thực sự hấp dẫn và chưa hiệu quả đúng như tầm quan trọng của nó. Nội dung, chương trình còn nặng, phương pháp giảng dạy chủ yếu là thuyết trình, người học chưa phát huy được tính tích cực, chủ động; dạy và học theo lối tầm chương trích cú, kinh viện, giáo

điều, lý luận chưa gắn nhiều với những biến đổi của thực tiễn trong nước và quốc tế, chưa tăng cường thực hành, thực tế chính trị - xã hội... Đội ngũ giảng viên giảng dạy Chính trị học nhìn chung còn thiếu về số lượng, chưa mạnh về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm (nhất là ở các Trung tâm chính trị cấp huyện - Trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên cho huyện, đang phấn đấu xây dựng Trung tâm chuẩn nhưng hướng tới chủ trương xây dựng thật đơn giản: Tổ chức bộ máy không bằng một trường học Mầm non ở cấp xã, giám đốc Trung tâm và kế toán thực hiện chế độ kiêm nhiệm, mỗi Trung tâm chỉ được một phó giám đốc và từ một đến hai giảng viên, trình độ chuyên môn có khi không phù hợp...). Tài liệu giảng dạy và học tập còn chưa cập nhật, chưa phong phú; nhận thức của xã hội đối với các chính trị không cao, một bộ phận cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên và người học chưa thực sự coi trọng các học phần Chính trị học. Người học chưa thực sự hứng thú với các học phần Chính trị học, thậm chí họ cho rằng là Chính trị học trừu tượng, xa rời cuộc sống. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ đã chỉ ra 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong đó có chỉ rõ biểu hiện thứ ba là: "nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước" [1]. Các học phần Chính trị học không trực tiếp cung cấp các giải pháp công nghệ, không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, không trực tiếp thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng lại trực tiếp cung cấp thông tin, bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, bồi dưỡng thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng và củng cố lòng tin vững chắc cho người học vào quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Điều này có ý nghĩa lớn lao trong việc "Khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn" và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về tính tất yếu của yêu cầu đổi mới hoạt động giảng dạy môn chính trị nhằm hướng đến bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đã được nêu rõ trong văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: "Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại; đưa việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp" [2, tr.182-183]. Trong thời kỳ mới, Đại hội xác định quan điểm: "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" [2, tr.180].

Thứ nhất, chú trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ giảng viên.

Để nâng cao chất lượng giảng dạy Chính trị học, trước hết phải bắt đầu từ đội ngũ giảng viên. Công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên dạy Chính trị học về năng lực chuyên môn, tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức và việc đổi mới, cải tiến nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật từng bước hiện đại nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác giảng dạy và học lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết.

Có thể nói, nếu đội ngũ này đủ về số lượng, mạnh về chất lượng thì đây là yếu tố tiên quyết cho sự thành công của việc đổi mới giảng dạy chính trị. Kết luận 94-KL/TW ngày 28 - 3 - 2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đổi mới việc học tập chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, khẳng định: xây dựng cho được đội ngũ giảng viên chính trị tâm huyết, yêu nghề, tuyệt đối trung thành, có niềm tin, có kiến thức mới gắn với thực tiễn. Các cơ sở đào tạo cần tuyển đủ số lượng giảng viên cho các môn chính trị theo đúng chuyên ngành được đào tạo. Bên cạnh đó, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực sử dụng ngoại ngữ của giảng viên chính trị.

Giảng viên ngoài chuyên môn thì cần phải thiết kế sáng tạo các hoạt động học tập, trau dồi, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học để ứng dụng công nghệ vào bài giảng dạy chính trị, thiết kế video bài giảng, tìm các tình huống, sự kiện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội để yêu cầu người học vận dụng sáng tạo, nhận định, đánh giá các vấn đề kinh tế - chính tri - xã hội từ góc độ lý luận chính trị. Đa số giảng viên chính trị có kiến thức lý luận tốt nhưng do phương pháp giảng dạy, khả năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế nên chưa có những bài giảng thật sự hấp dẫn người học, chưa liên hệ, vận dụng nhiều vào những biến động của thực tiễn trong nước và quốc tế vào bài giảng nên chưa làm cho người học hiểu hết vai trò nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn xây dựng đất nước cũng như công cuộc đổi mới ở Việt Nam trên mọi phương diện kinh tế - chính trị - xã hội... Các bài giảng chính trị mặc dù đảm bảo nội dung nhưng chưa giàu sức lôi cuốn đối với người học, đa phần rơi vào tình trạng khô cứng, dài dòng, khó nhớ, khó hiểu. Không thể phủ nhận rằng tình trạng đó do nhiều nguyên nhân khách quan như dung lượng kiến thức giáo trình quy định khá lớn trong khi số tiết giảng dạy không nhiều, kiến thức môn chính trị tương đối trừu tượng... nhưng cơ bản vẫn là do phương pháp giảng dạy chưa thực sự thu hút được người học.

Hiện nay, vẫn còn giảng viên nặng về sử dụng phương pháp dạy học theo lối truyền thụ một chiều, ngại đổi mới. Việc sử dụng phương tiện hỗ trợ khác, nhất là phương tiện hiện đại đòi hỏi tốn nhiều thời gian, công sức thậm chí tốn kém nên họ ngại thay đổi, ngại đầu tư. Một số giảng viên khác lại đồng nhất giữa phương pháp tích cực và phương pháp có sử dụng phương tiện hiện đại, họ sử dụng giáo án điện tử

và trình chiếu bằng máy Projector nhưng chỉ trình chiếu lướt qua rất nhiều nội dung, khiến cho người học không theo dõi kịp hoặc rơi vào tình trạng "nhìn chép". Có thể nói, do đặc điểm hàn lâm và khối lượng của kiến thức chính trị nhiều nên sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống ưu điểm là có tính hệ thống, tính logic cao. Tuy nhiên, khi vai trò trong lớp học chủ yếu là từ người thầy thì dễ làm cho người học thụ động tiếp thu kiến thức, chưa phát huy được tính tích cực, chủ động của họ. Bởi vậy, giờ giảng trở nên đơn điệu, có thể gây mệt mỏi cho người học. Còn giảng dạy theo phương pháp tích cực, giảng viên là người giữ vai trò hướng dẫn, gợi ý, tổ chức, giúp cho người học tự tìm kiếm, khám phá những tri thức mới theo kiểu tranh luận, thảo luận nhóm... Ưu điểm của phương pháp giảng dạy tích cực là rất chú trọng kỹ năng thực hành, kỹ năng vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn, coi trọng việc rèn luyện năng lực tự nghiên cứu, khả năng sáng tạo của người học. Vì vậy, việc kết hợp phương pháp giảng dạy truyền thống với phương pháp giảng dạy tích cực là hết sức quan trọng và cần thiết để nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc dạy - học Chính trị học.

Thứ hai, tăng cường tính tích cực, chủ động, tự giác của người học trong học tập, nghiên cứu Chính trị học.

Trên thực tế việc học tập, nghiên cứu Chính trị học chưa thực sự nghiêm túc, còn thực hiện qua loa, đại khái, hình thức. Động cơ học tập không trong sáng, vẫn còn tư tưởng học vì bằng cấp để đủ điều kiện đề bạt, bổ nhiệm chức vụ trong công tác. Bởi thế, người học chưa thật sự toàn tâm, toàn ý, chưa tích cực chủ động, tự giác trong học tập, nghiên cứu Chính trị học. Bên cạnh đó, người học với vai trò tích cực tự giác sẽ giúp vai trò chủ đạo của giảng viên phát huy tác dụng tốt hơn. Khuyến khích sự tham gia của người học cũng tạo nên cách học năng động, người học tự trải nghiệm những kiến thức mới và nhớ, hiểu kiến thức nhanh hơn cách học thụ động. Tính tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo của người học sẽ thúc đẩy trách nhiệm, ý thức kỷ luật của họ trong quá trình học tập, nghiên cứu lý luận chính trị. Họ chủ động tìm kiếm tri thức, thông tin, xây, nâng cao các kỹ năng, tự phát hiện vấn đề, tự tìm ra cách giải quyết vấn đề dưới vai trò dẫn dắt, định hướng của giảng viên. Giảng viên cần có cách tổ chức giờ giảng phù hợp, giảm bớt thời gian thuyết trình, tăng cường sự tham gia của người học bằng các hình thức làm việc nhóm, giải quyết tình huống, chia sẻ thông tin, khảo sát thực tế... Giảng viên phải sát sao và thường xuyên nâng cao hiệu quả công việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của người học để có những giải pháp kịp thời nhằm nâng cao, bồi dưỡng, khuyến khích thêm ý thức tự giác, tích cực cho người học.

Thứ ba, trau dồi kỹ năng sàng lọc thông tin của giảng viên và sinh viên trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay

Đối với giảng viên, trong quá trình giảng dạy, việc thường xuyên thu thập các nguồn tài liệu về các sự kiện đang diễn ra trên mọi lĩnh vực ở trong nước cũng như

quốc tế là điều cần thiết, làm cho bài giảng phong phú và người học thấy tính thực tiễn của các môn lý luận chính trị. Tuy nhiên, việc lựa chọn các thông tin, sự kiện cũng cần được tính toán, phân tích để thông tin vừa mang tính thời sự, chính xác nhưng cũng không hời hợt, manh mún và không sát thực với lý luận đang cần chứng minh. Bởi nếu không bài giảng sẽ không những không nâng cao được tính thực tiễn mà có thể lý luận còn bị tầm thường hóa, không đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính tư tưởng. Bên cạnh đó, giảng viên cần vận dụng nội dung các văn kiện, nghị quyết của đảng vào bài giảng vì đây là nguồn tài liệu chính thống và đáng tin cậy. Đối với người học việc sử dụng công nghệ là một thế mạnh. Họ bình luận, chia sẻ, kết nối với nhiều đối tượng, với các mục đích khác nhau. Tuy nhiên, một số sinh viên tỏ ra bàng quan với những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước, họ chưa nhận thức đúng, thiếu tích cực, tự giác trong bồi dưỡng kỹ năng đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Thêm vào đó, một nhóm nhỏ sinh viên thích nổi tiếng, thích được mọi người chú ý, đôi khi đưa các thông tin tiêu cực sai trái. Có thể do chưa nhận thức được đầy đủ vì thiếu bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng đang trong quá trình hoàn thiện, thích khám phá cái mới.

Thứ tư, phát huy vai trò của cấp ủy, lãnh đạo cơ sở đào tạo và đoàn thể chính trị - xã hội trong việc nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy Chính trị học.

Cấp uỷ, lãnh đạo cơ sở đào tạo cần chú trọng công tác sinh hoạt tư tưởng, chủ động dự báo, nắm bắt tình hình dư luận xã hội của cán bộ, giảng viên và học viên, kịp thời phát hiện, góp ý, phê bình, hướng dẫn, định hướng giá trị không để cán bộ, giảng viên và học viên có lệch lạc về nhận thức, hành vi trong giảng dạy cũng như trong học tập chính trị. Tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, các buổi toạ đàm về đấu tranh, phản bác, chống lại các quan điểm thì địch, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cho cán bộ, giảng viên, học viên cùng tham gia, trao đổi. Tăng cường giáo dục tạo sự chuyển biến về nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên như bồi dưỡng những kiến thức về mạng xã hội và đấu tranh trên mạng xã hội, nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch, kỹ năng và kinh nghiệm xử lý các tình huống. Đồng thời tổ chức các hoạt động cụ thể khác như tổ chức các cuộc thi, câu lạc bộ sinh hoạt theo chủ điểm, thông tin khoa học, hướng giảng viên, học viên xây dựng các đề tài, luận án, luận văn, nghiên cứu khoa học liên quan đến chủ đề. Các đoàn thể chính trị - xã hội cần phát huy sức sáng tạo trong việc phối hợp với các nhà khoa học, các giảng viên giảng dạy chính trị để đấu tranh các quan điểm thù địch, sai trái, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Có nhiều con đường, biện pháp nhằm trang bị tri thức lý luận chính trị nhưng có thể nói con đường chủ yếu và quan trọng nhất là qua giáo dục - đào tạo. Thông qua sự tương tác giữa người dạy và người học, những nội dung lý luận chính trị được người học tiếp nhận và biến chúng thành tri thức của mình. Từ đó, những tri thức

này lại tiếp tục được lan tỏa ra toàn xã hội. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch, phản động khai thác triệt để những thời điểm nhạy cảm chính trị, nhân những sự kiện trọng đại, những ngày lễ lớn của đất nước, những thời khắc bất thường do thiên tai, dịch bệnh tạo ra... để tuyên truyền, xuyên tạc, làm người dân hoang mang, dao động, mất lòng tin vào các cấp ủy Đảng, chính quyền. Vì thế, sự đổi mới từ nhận thức đến hành động trong hoạt động giảng dạy môn chính trị chính là nhằm thúc đẩy lan tỏa và đi vào chiều sâu việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu Chính trị học là tự hoàn thiện, khẳng định vị thế, năng lực của bản thân và góp phần bảo vệ Tổ quốc, con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bởi lẽ, thiếu nền tảng chính trị đúng đắn thì không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. V.I Lênin khẳng định: "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng"; Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi". Nếu không chú tâm nghiên cứu lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không vững lý luận chính trị sẽ dẫn đến suy thoái về tư tưởng chính trị. Suy thoái đó diễn ra mà không ngăn chặn sẽ dẫn đến coi thường lý luận, không đủ sức bảo vệ chính mình và dễ tiếp thu tư tưởng trái chiều. Vì thế, đổi mới việc nghiên cứu, giảng dạy Chính trị học là rất cần thiết để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ*, truy cập ngày 20/8/2022 tại: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-hoi-nghi-lan-thu-tu-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-tang-cuong-xay-dung-chinh-don-dang-ngan-chan-2410

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

[3]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TS NGUYỄN THỊ TÌNH[1] - ThS NGUYỄN THỊ KIM CHI[2]

Tóm tắt:

Theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19/7/2019, của Bộ Giáo dục và Đào tạo bắt đầu từ năm học 2019 - 2020, đối với các môn Lý luận chính trị sẽ thực hiện theo chương trình, giáo trình mới. Theo đó, từ năm học 2019 - 2020, trong tất cả các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - một trong năm môn học Lý luận chính trị cơ bản được triển khai theo chương trình, giáo trình mới. Trong bài viết, tác giả phân tích tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tới giáo dục nói chung, dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới.

Từ khóa: bối cảnh hiện nay, chất lượng giảng dạy, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

Thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân"; ngày 19/7/2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDĐH về việc thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Bài viết bước đầu tập trung, đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu về chương trình, giáo trình mới; trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình, giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Hy vọng rằng, kết quả của bài viết sẽ góp

1 Trường Đại học VH-TT&DL Thanh Hoá
2 Trường Đại học Vinh

phần đưa ra những gợi mở góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả dạy học các môn Lý luận chính trị, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học, Cao đẳng hiện nay. Trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4, giáo dục nói chung, dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng cần phải đổi mới mạnh mẽ để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, dạy học.

NỘI DUNG

Trong bối cảnh hiện nay, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhằm đào tạo ra những công dân toàn cầu, đủ kiến thức, kỹ năng và sức sáng tạo, thích ứng với thời cuộc, bên cạnh mục tiêu góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện lập trường, tư tưởng chính trị,... như các môn lý luận chính trị khác, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh còn giúp sinh viên nắm vững được nền tảng đường lối, chính sách của Đảng; vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước; bồi dưỡng năng lực tư duy độc lập; rèn luyện đạo đức, phong cách và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân thông qua việc lĩnh hội hệ thống quan điểm, luận điểm và đặc biệt qua chính tấm gương của của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, có thể nhận thấy rằng sự yêu thích và hiệu quả giáo dục của môn học này đối với sinh viên không dễ dàng và không phải là không có khoảng cách giữa thực tế đạt được với mục tiêu mà môn học muốn hướng đến.

Nguyên nhân của tình trạng đó, trước hết, bắt nguồn từ chính nguồn thông tin đồ sộ mà cuộc mạng công nghiệp 4.0 (như chúng ta quen gọi) đem lại. Công nghệ thông tin và Internet kết nối vạn vật không chỉ giúp con người giao tiếp với con người, mà còn là con người giao tiếp với máy, con người giao tiếp với đồ vật và đồ vật giao tiếp với nhau trong thời đại số đã giúp người học có thể tiếp cận với một khối lượng tài nguyên tri thức khổng lồ, phong phú, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu về tài liệu, nội dung cho mọi trình độ khác nhau một cách dễ dàng và nhanh chóng mà không có bất kỳ một giới hạn nào về không gian và thời gian. Đây chính là một trong những điều đặc biệt chưa từng thấy ở các cuộc cách mạng khoa học trước đó.

Với lợi thế lớn là sự phổ biến của điện thoại thông minh và mạng Internet như hiện nay, theo Báo cáo Tổng quan phát triển kỹ thuật số Việt Nam 2021 do We are social và Kepios công bố đầu năm 2022: Việt Nam có 76,95 triệu người dùng mạng xã hội (chiếm 97,8% dân số từ 13 tuổi trở lên). Lượng người dùng mạng xã hội cũng có xu hướng tăng nhanh (năm 2022 tăng 6,9% so với năm 2021) [3]. Đây là những con số đáng mơ ước với bất kỳ loại hình truyền thông nào, cho thấy tiềm năng lớn của mạng xã hội trong truyền thông chính trị ở Việt Nam. Kho tư liệu phong phú, tiếp cận dễ dàng sẽ giúp sinh viên khi nghiên cứu học nói chung và tập môn Tư tưởng

Hồ Chí Minh nói riêng được tiếp cận với những nguồn tư liệu quý, sinh động về tư tưởng và về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh; với những tác phẩm mà Người để lại trong suốt qua trình hoạt động, đấu tranh cách mạng của mình cũng như rất nhiều các bài nói, bài viết, bài bình luận về nội dung của các tác phẩm đó. Điều này giúp sinh viên hiểu sâu hơn những vấn đề mà trong giới hạn dung lượng của giáo trình và thời gian của các giờ học trên lớp họ chưa thể lĩnh hội hết

Tuy nhiên, một mặt việc tiếp cận với kho thông tin một cách dễ dàng và thuận lợi, một mặt giúp cho người học có được vốn tri thức phong phú, đa chiều trên internet và mạng xã hội như đã nói ở trên, nhưng mặt khác lại luôn ẩn chứa những nguy cơ tiềm tàng, dễ làm cho người học lạc trong "mê cung" của thông tin, thậm chí bị tác động bởi những thông tin phi chính thống của các thế lực thù đich với âm mưu "diễn biến hòa bình" trên không gian mạng. Chúng triệt để sử dụng các trang web, blog, trang mạng xã hội với danh nghĩa tự do, dân chủ, nhân quyền đăng tải các bài viết, hình ảnh, clip với nội dung xuyên tạc về cuộc đời, sự nghiệp nhằm hạ uy tín của Hồ Chí Minh, từ đó phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phản bác chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Những điều này gây tò mò và có sức hấp dẫn không nhỏ đối với những người trẻ vốn thiếu tri thức và kinh nghiệm sống và nếu không được định hướng kịp thời sẽ dẫn tới nguy cơ giảm sút niềm tin vào lãnh tụ, vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, hoài nghi con đường phát triển của dân tộc.

Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 này cũng tác động rất mạnh mẽ theo cả hướng tích cực lẫn tiêu cực. Tác động dễ nhận thấy nhất là làm một bộ phận cán bộ giảng viên rơi vào hai thái cực: hoặc có tâm lý an bài, muốn ổn định, không chịu thay đổi tư duy; e dè, sợ sệt, không dám tìm hiểu, nghiên cứu và đối mặt vói những vấn đề mới với cách tiếp cận mới; hoặc hoang mang, choáng ngợp dẫn tới hoài nghi chính những điều họ vốn đã tin, sa vào "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Bên cạnh đó, do có nhiều hạn chế về ngoại ngữ và công nghệ nên một số giảng viên không tận dụng được nguồn thông tin, tư liệu vô cùng rộng lớn và phong phú trên mạng internet. Điều này làm cho bài giảng của giáo viên nghèo tư liệu, khô khan, một chiều và mang tính áp đặt, không có sự phản biện... nên khó lôi cuốn người nghe, làm giảm hiệu quả giáo dục của môn học.

Trước thực trạng đó, để nâng cao chất lượng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, cần phải chú ý những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, phải có sự đổi mới về nội dung, chương trình môn học.

Sự đổi mới đó phải bắt đầu từ sự nhận thức đúng về vai trò, nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới: "học tập lý luận thì nhằm mục đích

học để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận". Truyền bá tư tưởng Hồ Chí Minh phải gắn liền với việc làm sáng tỏ chủ trương, đường lối của Đảng; hình thành và hoàn thiệ lý tưởng, đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin trong sinh viên về tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng, giữ vững ổn định chính trị - tư tưởng, tăng cường định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề mới nảy sinh...

Đó cũng chính là những vấn đề được đặt ra trong Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện nội dung chương trình, phương thức đào tạo ở các cấp học theo hướng "đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người" cũng như trong Công văn số 3506/BGDĐT-GDĐH năm 2019 hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị; Chương trình, giáo trình mới các môn lý luận chính trị đã được áp dụng cho các khóa đào tạo trình độ đại học tuyển sinh từ năm học 2019-2020, nhằm thực hiện Kết luận số 94-KL/TW năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân và Kết luận số 363-TB/BTGTW năm 2019 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai giảng dạy đại trà các môn lý luận chính trị khối chuyên và không chuyên trình độ đại học theo tinh thần áp dụng cho các khóa đào tạo đại học từ năm học 2019 - 2020. Trên tinh thần đổi mới đó, giáo trình học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh đã có những điều chỉnh nội dung theo hướng vừa bảo đảm giữ được những vấn đề có tính nguyên lý, vừa bổ sung thêm những vấn đề lý luận mới trong tư tưởng Hồ Chi Minh trong quá trình nghiên cứu trước tác của Người và đã được thực tiễn kiểm nghiệm và đúc kết qua hơn 30 năm đổi mới của Đảng trên cơ sở giảm tải về chương trình đối với các môn Lý luận chính trị nói chung.

Thứ hai, đảm bảo hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy

Việc thay đổi phương pháp giảng dạy, việc áp dụng công nghệ thông tin là yếu tố cốt lõi. Như đã nói ở trên, với thành tựu của khoa học kỹ thuật, không gian mạng đem lại cho giảng viên những nguồn tư liệu quý, đa dạng về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Sự kết hợp giữa các phương pháp truyền thống (thuyết trình, đàm thoại, luyện tập...) với các phương pháp mới (giải quyết vấn đề, dạy học tình huống, dạy học định hướng hành động...) gắn với công nghệ hiện đại như dạy học trực tuyến E-learning sự tương tác, trao đổi thông tin giữa giảng viên - giảng viên, giữa giảng viên - sinh viên, giữa sinh viên - sinh viên được thường xuyên, đầy đủ, kịp thời. Sự ứng dụng các phần mềm tin học như tạo ra các mô hình, sơ đồ hóa kiến thức, bức ảnh, các bài nói, bài viết, bài bình luận của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước... làm cho giờ dạy trở nên sinh động hơn, giúp sinh viên hiểu sâu hơn và có hứng thú tìm hiểu những vấn đề mà trong giới hạn dung lượng của giáo trình và thời gian của các giờ học trên lớp họ chưa thể lĩnh hội hết.

Thứ ba, phải thay đổi phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ trong giảng day, kiểm tra và đánh giá hoạt động dạy - học.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã tác động trực tiếp đến hoạt động giảng dạy của người thầy. Phương pháp giảng dạy đã chuyển từ hình thức chuyển giao kiến thức từ Thầy sang Trò (thầy đọc - trò chép), không có sáng tạo sang vai trò hướng dẫn, định hướng, cố vấn và tạo môi trường học tập để người học tự khám phá, lĩnh hội tri thức.

Do đó, chỉ có đổi mới phương pháp giảng dạy mới phát huy được tính tích cực, năng động, sáng tạo của sinh viên; tránh thái độ thụ động, rập khuôn theo bài giảng của giảng viên, giúp họ có được phong cách tư duy độc lập trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học. Dạy và học Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở câu chữ, ở nội dung cụ thể của quan điểm Hồ Chí Minh mà quan trọng hơn là phải hiểu đúng, hiểu sâu sắc bản chất cách mạng, khoa học, lập trường... của từng quan điểm, luận điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh và cao hơn nữa là có thể áp dụng, giải quyết cho những vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Với đặc thù là môn học giảng dạy về tư tưởng của Hồ Chí Minh - một con người có một trí tuệ lớn với vốn tri thức sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, nếu mỗi giảng viên không thường xuyên tự bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức cần thiết cho mình, tích cực trong nghiên cứu khoa học thì khó có thể truyền tải được hết những kiến thức cơ bản trong những quan điểm, luận điểm của Hồ Chí Minh. Mặt khác, ngoài việc nâng cao trình độ chuyên môn thì họ cần phải có kiến thức liên ngành, khả năng ngoại ngữ để nắm bắt kịp sự phát triển của thực tiễn.

Có như vậy, giảng viên mới có thể tiếp cận được những nguồn tư liệu mới về Hồ Chí Minh, hiểu biết thấu đáo về lý luận và thực tiễn trong nước và thế giới để phân tích, chứng minh và có quan điểm chính kiến rõ ràng về những vấn đề đang còn tranh luận do có sụ khác biệt về quan điểm, bảo vệ được lẽ phải lẽ phải, đấu tranh không khoan nhượng với những tư tưởng sai lầm, lệch lạc; trung thực với những nội dung mà mình giảng dạy, không tô hồng cũng như không vì một lý do nào đó mà bôi đen, xuyên tạc cho dù trong thực tế xã hội hiện nay có những vấn đề lý luận và thực tiễn còn độ "vênh" nhất định. Chính sự hiểu biết sâu rộng đó của người thầy là yếu tố quan trọng góp phần kích thích sinh viên nỗ lực tự giác, tự động học tập trên cơ sở độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng.

KẾT LUẬN

Trong các trường đại học hiện nay, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đang được triển khai dạy học theo học chế tín chỉ, là học phần bắt buộc, có ý nghĩa nền tảng cho toàn bộ các môn Lý luận chính trị, góp phần bồi dưỡng cơ sở thế giới quan,

nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học cho sinh viên. Do đó, nghiên cứu, tìm ra các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học là đòi hỏi khách quan, cần thiết, cấp bách, quan trọng. Các biện pháp dạy học nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học rất phong phú, đa dạng, sinh động, sáng tạo. Trong bài viết bước đầu nghiên cứu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhằm đào tạo ra những công dân toàn cầu, đủ kiến thức, kỹ năng và sức sáng tạo, thích ứng với thời cuộc các nhà trường phải chú ý công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật thường xuyên và kịp thời những kiến thức liên quan về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, giảng viên lý luận nói chung và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, những người vốn ít có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với khoa học công nghệ để họ làm chủ được công cụ, phương tiện để có thể giảng dạy tốt trong môi trường Cách mạng công nghiệp 4.0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Chương trình học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Ban hành theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với trình độ đào tạo các ngành không chuyên về lý luận chính trị).

[3]. Nguyễn Thị Trường Giang, Nguyễn Thị Thu, *Sử dụng mạng xã hội trong truyền thông chính trị ở Việt Nam,* truy cập ngày 09/9/2022 tại: http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/4465-su-dung-mang-xa-hoi-trong-truyen-thong-chinh-tri-o-viet-nam.html

[4]. TS. Lê Thị Son, "Vai trò của giảng viên lý luận chính trị ở trường đại học trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0", *Tạp chí Lý luận chính trị,* 11//2019.

[5]. Vũ Tuấn, Học viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng, *Giáo dục 4.0 và những yêu cầu, giải pháp đổi mới giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học hiện nay*, truy cập ngày 28/5/2019 tại: http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dao-tao-boi-duong/item/2829-%E2%80%9Cgiao-duc-40%E2%80%9D-va-nhung-yeu-cau-giai-phap-doi-moi-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-trong-cac-truong-dai-hoc-hien nay.html

THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ HIỆN NAY

LƯƠNG THỊ HOÀI THANH[1]

Tóm tắt:

Trong xu thế chung của công cuộc đổi mới và hội nhập giáo dục, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng và những môn thuộc lĩnh vực khoa học chính trị nói chung cũng phải luôn luôn đổi mới để đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của thực tiễn giảng dạy. Bài viết nghiên cứu về thực trạng giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học.

Từ khóa: *giải pháp, thực trạng, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, tư tưởng Hồ Chí Minh*

MỞ ĐẦU

Đối với mỗi cơ sở giáo dục, để đào tạo nguồn nhân lực có đức và có tài cho đất nước cần sự tổng hợp của nhiều yếu tố. Trong đó, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần quan trọng trong việc bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện phong cách sống, phong cách học tập, công tác một cách khoa học, văn minh và hiệu quả. Tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, việc giảng dạy môn học tư tưởng Hồ Chí còn nhiều khó khăn và hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng giảng dạy chung của nhà trường. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng và đề ra những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

NỘI DUNG

1 Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ xây dựng và phát triển trên cơ sở là Khoa Y - Nha - Dược thuộc Trường Đại học Cần Thơ vào tháng 7 năm 1979. Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã đóng vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực y tế, nghiên cứu khoa học, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Thành quả này là sự tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó có vai trò quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh [6].

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần vào việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống của sinh viên, giúp sinh viên ý thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân đối với sự phát triển của xã hội; củng cố lòng yêu nước, hiểu thêm về việc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh và Đảng ta, từ đó tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, phản động.

Tuy nhiên, một bộ phận sinh viên vẫn chưa nhận thức tốt vai trò của môn học, chưa có ý thức nghiên cứu bài trước khi đến lớp, chưa tích cực tham gia hoạt động trên lớp, chưa làm bài tập tự học thầy cô giao cho, trong quá trình học còn hay sử dụng điện thoại làm việc riêng, gian lận trong kiểm tra thi cử... Do đó, cần có những giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác dạy và học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong giai đoạn tới.

1.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài viết là sinh viên đã học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và có kết quả học phần trong năm học 2021 - 2022 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp lịch sử và lôgíc; phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp thống kê, quan sát; phương pháp tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận...

Cỡ mẫu nghiên cứu: tính theo công thức:

$$n = \frac{Z^2 \times p \times (1-p)}{d^2}$$

Với độ tin cậy 95% (Z=1,96)

Tỷ lệ sinh viên thích học môn lý luận chính trị theo nghiên cứu của Nguyễn Việt Hùng và cộng sự tại trường Đại học Tây Đô năm 2019 là 50.6% [3, tr.120-134], ta có p = 0,506.

Sai số cho phép 6% (d = 0,06)

Tính được cỡ mẫu n = 267. Thực tế có 320 sinh viên tham gia khảo sát.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Tất cả sinh viên đăng ký học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đã có kết quả cuối kỳ trong năm học 2021-2022.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên không đồng ý tham gia khảo sát.

1.4. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Số liệu được khảo sát và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0, phân tích thống kê mô tả.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Trong số 320 sinh viên tham gia khảo sát, sinh viên nam là 122 (38.1%), sinh viên nữ là 198 (61.9%). Số lượng sinh viên từ cao xuống thấp theo thứ tự là Khóa 46 (49.4%), Khóa 33 (28.4%), Khóa 45 (14.1%), Khóa 34 (8.1%).

Bảng 1. Đặc điểm ngành học và khóa học

		Khóa				Tổng (n)
		Khóa 33	Khóa 34	Khóa 45	Khóa 46	
Ngành	Y khoa	91	3	0	3	97
	Dược học	0	1	0	58	59
	Y học dự phòng	0	1	0	72	73
	Điều dưỡng	0	0	45	0	45
	Y học cổ truyền	0	21	0	25	46
Tổng		**91**	**26**	**45**	**158**	**320**
		28.4%	**8.1%**	**14.1%**	**49.4%**	**100.0%**

2.2. Nhận thức của sinh viên về vai trò của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

Bảng 2. Nhận thức của sinh viên về vai trò của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Vai trò	Tần suất	Tỷ lệ
1	Góp phần rèn luyện đạo đức, nhân cách làm người	291	97.0%
2	Nâng cao tinh thần yêu nước	271	90.3%
3	Nâng cao bản lĩnh chính trị	201	67.0%

4	Thấy được vai trò, giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam	295	98.0%
5	Nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc	251	83.7%
6	Vận dụng sáng tạo môn học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập	226	75.3%
7	Khác	14	4.7%

Từ số liệu khảo sát cho thấy đa số sinh viên nhận thức tốt vai trò của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, việc vận dụng môn học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống chưa được sinh viên nhận thức cao (75%). Do vậy, cần có những giải pháp phù hợp để nâng cao nhận thức và khả năng vận dụng môn học vào thực tiễn.

2.3. Thái độ của sinh viên đối với môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong năm học 2021 - 2022, có 44% sinh viên thích học, 30% sinh viên rất thích, 25% sinh viên thấy bình thường và 1% sinh viên không thích học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

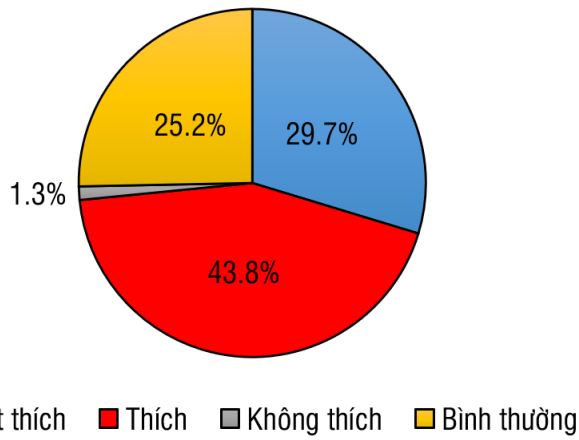

Hình 1. Thái độ của sinh viên đối với môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

2.4. Sự phân bố môn học và hoạt động giảng dạy của giảng viên

Bảng 3. Đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên

STT	Phân bố môn học và hoạt động giảng dạy của giảng viên	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Tạm đồng ý (%)	Không đồng ý (%)
1	Môn học được phân bố hợp lý theo năm học	55.3	42.8	1.6	0.3
2	Thầy/Cô giúp người học liên kết/ứng dụng nội dung bài học vào thực tiễn	66.9	31.3	1.6	0.3

3	Công cụ dạy học được sử dụng rõ ràng, chuyển tải được kiến thức, kỹ năng cho sinh viên	59.7	38.1	1.9	0.3
4	Phương pháp giảng dạy của giảng viên rõ ràng, dễ hiểu, hấp dẫn, sinh động	68.1	30.3	1.6	0.3
5	Người học được giảng viên hướng dẫn cụ thể, rõ ràng cách tự học	67.2	30.9	1.6	0.3
6	Hình thức và phương pháp kiểm tra/đánh giá rõ ràng, phù hợp	64.4	33.4	1.9	0.3
Trung bình		**63.5**	**34.5**	**1.7**	**0.3**

Từ số liệu khảo sát cho thấy đa số sinh viên đánh giá sự phân bố môn học và hoạt động của giảng viên ở mức đồng ý trở lên. Tuy nhiên, vẫn còn sinh viên không đồng ý (0.3%) với phương pháp dạy và kiểm tra đánh giá của giảng viên cũng như sự phân bố môn học. Do vậy, cần có những giải pháp để nâng cao hiệu quả giảng dạy của giảng viên và giúp sinh viên hài lòng hơn về phương pháp kiểm tra, đánh giá môn học.

2.5. Hoạt động học tập của sinh viên với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

Bảng 4. Hoạt động học tập của sinh viên

STT	Hoạt động học tập của sinh viên	Rất thường xuyên (%)	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Hiếm khi (%)	Chưa bao giờ (%)
1	Nghiên cứu bài trước khi đến lớp	15.0	52.2	31.9	0.6	0.3
2	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	27.8	48.8	21.9	1.3	0.3
3	Làm bài tập tự học theo hướng dẫn của giảng viên	38.6	54.1	5.3	1.6	0.3
Trung bình		27.1	51.7	19.7	1.2	0.3
4	Nói chuyện riêng trong giờ học	8.8	9.7	29.7	39.1	12.8
5	Sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học	8.4	8.1	23.1	41.6	18.8
6	Gian lận trong kiểm tra, thi cử	8.1	8.8	2.8	15.9	64.4
Trung bình		**8.4**	**8.9**	**18.5**	**32.2**	**32.0**

Nhìn chung, đa số sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng không nghiên cứu bài trước khi đến lớp, không tham gia hoạt động trên lớp hay làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Cũng có một bộ phận không nhỏ sinh viên thường xuyên nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học, thường xuyên gian lận trong kiểm tra, thi cử.

2.6. Kết quả học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

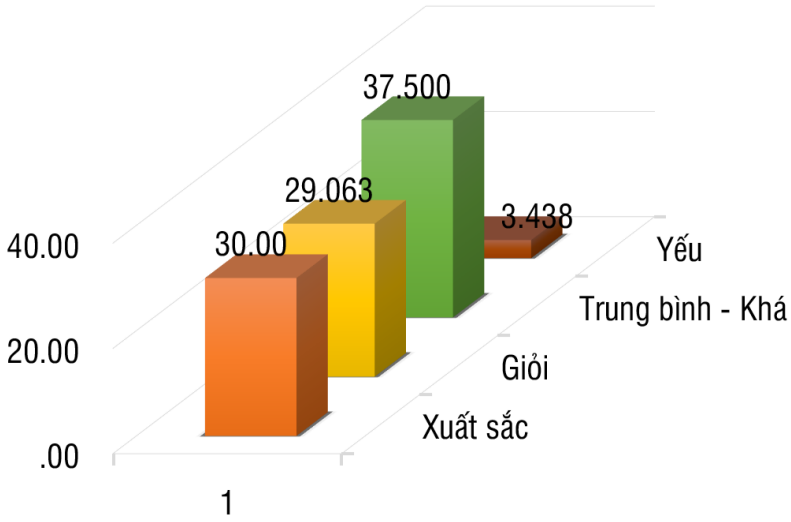

Hình 2. Kết quả học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh của sinh viên

Kết quả học tập môn học cho thấy số sinh viên đạt loại xuất sắc là 30%, loại giỏi 29,1%, loại trung bình - khá 37,5%, loại yếu là 3,4%. Do đó, cần có những giải pháp góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên, đặc bệt là sinh viên học lực loại yếu.

2.7. Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ

2.7.1. Vận dụng linh hoạt những phương pháp giảng dạy tích cực

Phương pháp giảng dạy quyết định hiệu quả giảng dạy của mỗi giảng viên. Với môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng và các môn thuộc khoa học chính trị nói chung, việc sử dụng linh hoạt những phương pháp dạy học tích cực là yếu tố quan trọng hàng đầu để nâng cao hiệu quả giảng dạy, nâng cao hứng thú của sinh viên với môn học vốn "khô khan" này. Vì thế, cần đổi mới tư duy trong cách dạy học môn tư tưởng bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng phải thực tế, sáng tạo trên những cái cơ bản đã có. Trong quá trình giảng dạy, cần có sự tương tác nhiều giữa giảng viên và sinh viên; cần tạo ra nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề, cho bài tập tự luận vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu; khi giảng đến mỗi nội dung Tư tưởng Hồ Chí Minh cần mở rộng, liên hệ đến những sự kiện đặc biệt như việc

kỷ niệm thành lập Đảng, kỷ niệm quốc khánh; đưa thêm nhiều ví dụ thực tiễn, ứng dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống.... Áp dụng phương pháp kể chuyện, đóng vai vào giảng dạy; sử dụng nhiều hình ảnh và phim tư liệu về hoạt động của Hồ Chí Minh, về lịch sử, kết hợp với dẫn sinh viên đi tham quan ngoại khóa các di tích liên quan đến Hồ Chí Minh để tăng tính trực quan cho môn học.

Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa các hình thức và nội dung đánh giá trong quá trình giảng dạy môn học, trong kiểm tra thường xuyên, thi giữa kỳ và cuối kỳ. Để làm được điều đó, cần thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng, tổ chức những hội thảo để giới thiệu những phương pháp giảng dạy tích cực cho giảng viên; lấy ý kiến phản hồi của người học; tổ chức dự giờ chuyên môn, tạo điều kiện cho giảng viên tham quan, dự giờ chuyên môn ở những trường đại học khác, đặc biệt là những trường có đào tạo chuyên ngành Hồ Chí Minh học.

2.7.2. Nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số liệu *Bảng 2* cho thấy, có những nội dung sinh viên chưa nhận thức cao về vai trò của môn học như: nâng cao bản lĩnh chính trị, vận dụng sáng tạo môn học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập... Do đó, trong quá trình giảng dạy, giảng viên nên cho sinh viên biết mục đích, ý nghĩa của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học đối với sinh viên. Giúp sinh viên hiểu được môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung Tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nên phân tích vai trò của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với việc hình thành hệ tư tưởng của Đảng và với sự phát triển của dân tộc Việt Nam. Giảng viên hướng dẫn sinh viên vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh để nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

2.7.3. Giúp sinh viên có thái độ tích cực đối với môn học

Kết quả khảo sát cho thấy có 43.8% sinh viên thích và 29.7% sinh viên rất thích môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, có 25.2% sinh viên cho là bình thường và 1.3% sinh viên không thích học môn học này. Để sinh viên có thái độ tích cực hơn đối với môn học, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho việc dạy học. Phòng học nên có máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh, wifi ổn định để giảng viên có thể dễ dàng áp dụng những phương pháp dạy học khác nhau, tạo hứng thú cho sinh viên.

Hai là, Bài giảng của thầy cô cần ngắn gọn, phù hợp, trình bày được những nội dung cơ bản nhất. Các slide nên có hình ảnh, video minh họa hoặc sơ đồ, phối hợp

màu sắc sinh động để thu hút người học, khiến người học không bị nhàm chán khi theo dõi.

Ba là, tạo nhiều bài tập tình huống để nâng cao sự quan tâm đến môn học của sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên mạnh dạn phát biểu ý kiến cá nhân.

Bốn là, tổ chức những trò chơi với những câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

Năm là, sử dụng công nghệ số trong quá trình dạy học. Sử dụng một số phần mềm ứng dụng để thu hút sinh viên tham gia như Kahoot, Quizizz, Wordwall... hướng dẫn sinh viên học trên E-learning; tạo ra các ứng dụng về câu hỏi trắc nghiệm hoặc xây dựng webside cung cấp về tư liệu tài liệu liên quan đến môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh...

2.7.4. Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

Qua khảo sát sinh viên (*Bảng 3*), trung bình có 0.3% sinh viên không đồng ý và 1.7% sinh viên tạm đồng ý với việc phân bố môn học và hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá của giảng viên đối với môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Do đó, để nâng cao chất lượng giảng dạy môn học, cần thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Xukhomlinxki từng cho rằng: "Đối với người giáo viên, cần phải có kiến thức, có hiểu biết sư phạm về quy luật xã hội, có khả năng dùng lời nói để tác động đến tâm hồn học sinh. Có kỹ năng đặc sắc nhìn nhận con người và cảm thấy những rung động tinh tế nhất của trái tim con người". Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng "Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh" [6]. Đối với mỗi cơ sở giáo dục, giảng viên chính là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả của môn học, góp phần vào việc tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Để đáp ứng nhu cầu giáo dục trong môi trường đại học giai đoạn hiện nay, đội ngũ giảng viên phải cập nhật những kiến thức hiện đại, những tri thức khoa học trên thế giới, trao đổi học thuật, nghiên cứu khoa học; phải ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo. Do đó, bên cạnh bồi dưỡng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, cần thường xuyên mở những lớp tập huấn, các khóa học ngắn hạn, tạo điều kiện cho giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, lý luận chính trị, kỹ năng sư phạm, kỹ năng soạn thảo ngân hàng câu hỏi, biên soạn giáo trình... để họ chủ động tham gia các hình thức đào tạo tiên tiến, đào tạo trực tuyến, để vừa nâng cao trình độ, vừa tiếp cận các mô hình dạy học mới, qua đó giúp họ bổ sung kiến thức, đa dạng hóa các hình thức giảng dạy; đẩy mạnh công tác bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cho đội ngũ giảng viên môn Tư tưởng Hồ Chí Minh để họ có thể ứng dụng các phương pháp hiện đại, cập nhật những kiến thức mới vào công tác giảng dạy.

2.7.5. Phát huy tính tích cực trong hoạt động học tập của sinh viên

Giáo dục là một quá trình, trong đó sự tích cực học tập của sinh viên đóng vai trò quan trọng. Kết quả khảo sát cho thấy, có 0.6% sinh viên hiếm khi và 0.3% sinh viên chưa bao giờ nghiên cứu bài trước khi đến lớp. Có 0.3% sinh viên không bao giờ và 1.3% sinh viên hiếm khi tích cực tham gia hoạt động trên lớp; có 0.3% sinh viên không bao giờ và 1.6% sinh viên hiếm khi làm bài tập tự học. Bên cạnh đó, có 9.7% sinh viên thường xuyên, 8.8% sinh viên rất thường xuyên nói chuyện trong giờ học; có 8.1% sinh viên thường xuyên và 7.4% sinh viên rất thường xuyên sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học; có 8.8% sinh viên thường xuyên, 8.1% sinh viên rất thường xuyên gian lận trong kiểm tra, thi cử. Do đó, để nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học, cần phát huy tính tích cực trong hoạt động học tập của sinh viên. Cụ thể:

Một là, giúp sinh viên nhận thức được, đối với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng và tất vả các môn học bậc đại học nói chung, vai trò chủ động của người học được xem là yếu tố quyết định toàn bộ tiến trình tích lũy kiến thức.

Hai là, tư vấn cho sinh viên phương pháp học môn học phù hợp, phương pháp tự học, tự nghiên cứu tài liệu.

Ba là, tư vấn cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập phù hợp, từ đó cho phép người học xem cách họ sử dụng thời gian của mình và đảm bảo rằng họ đang dành đủ thời gian bên ngoài lớp học để hoàn thành bài tập, ôn tập cho các bài kiểm tra cũng như xem lại và lưu giữ thông tin đang học.

Bốn là, thường xuyên nhắc nhở sinh viên những quy định, quy chế về học tập, các văn bản pháp luật về quyền và nghĩa vụ của sinh viên. Đặc biệt nhấn mạnh những hình thức kỷ luật khi sinh viên vi phạm những hình thức như: gian lận trong kiểm tra, thi cử, làm việc riêng, nói chuyện trong giờ học, không làm bài tập tự học...

2.7.6. Lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Hằng năm, nên tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên nói chung và giảng viên giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên khách quan nhất là thông qua sinh viên. Nội dung lấy ý kiến phản hồi từ người học phải đảm bảo khảo sát được phương pháp giảng dạy, thái độ, trang phục, trách nhiệm, hiệu quả giảng dạy của giảng viên, sự hứng thú của sinh viên, tác phong sư phạm, khả năng quản lý lớp, khả năng truyền tải kiến thức của giảng viên. Cần lấy ý kiến ở tất cả đối tượng sinh viên mà giảng viên tham gia giảng dạy để có đánh giá khách quan nhất. Sau mỗi lần lấy ý kiến, bộ môn cần tổng hợp, rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp để cải thiện những tiêu chí còn chưa cao, cần tổ chức những hội thảo để học tập trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn học.

KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu thực trạng giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh năm học 2021 - 2022 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy: Đa số sinh viên nhận thức được vai trò của môn học, có thái độ tích cực đối với môn học; sinh viên cũng đánh giá cao hoạt động giảng dạy của giảng viên và cũng có ý thức trong hoạt động học tập môn học. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều sinh viên chưa có thái độ yêu thích đối với môn học, chưa đồng ý về hoạt động giảng dạy của thầy cô cũng như chưa tích cực trong hoạt động học tập. Bài viết cũng đề xuất một số giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Trần Văn Hiếu (2011), "Thực trạng dạy và học các môn lý luận chính trị khảo sát ở trường Đại học Cần Thơ, Đại học Đồng Tháp và Đại học An Giang", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 19a, tr.78-85.

[2]. Võ Minh Hùng (2019), "Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay", *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt kì 2, tr.296-301.

[3]. Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thị Thúy Vân, Lê Thị Ngần (2019), "Hiện trạng học tập lý luận chính trị của sinh viên trường Đại học Tây Đô", *Tạp chí nghiên cứu Khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô*, số 06, 2009, tr.120-134.

[4]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Taaoj 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Trương Thị Thanh Quý, (2018), "Thực trạng dạy, học các môn lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm 2017-2018 và một số yếu tố liên quan", *Tạp chí Giáo dục*, số 431, tr.61-64.

[6]. Cổng Thông tin điện tử Trường Đại học Y Dược Cần Thơ: http://ctump.edu.vn/

ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ NHẬN THỨC CHƯA ĐÚNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH TRONG DẠY HỌC MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ThS HOÀNG THỊ NGA[1]

Tóm tắt:

Trong quá trình giảng dạy các môn lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường cao đẳng và đại học, đội ngũ gảng viên cần phải nắm bắt được những nhận thức chưa đúng của sinh viên trong quá trình học tập bộ môn để định hướng đúng đắn cho thế hệ trẻ và góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đây cũng chính là trách nhiệm lớn lao mà Đảng đã giao phó cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, trong đó có giảng viên giảng dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Từ khóa: *Chủ nghĩa xã hội khoa học, nhận thức sai lệch, Trường Đại học Vinh, tư tưởng của Đảng*

MỞ ĐẦU

Việc học tập các môn lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần đưa chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đến với thế hệ trẻ, đảm bảo thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong hệ thống các môn lý luận, Chủ nghĩa xã hội khoa học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc định hướng nhận thức và hành động của sinh viên với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay ở nước ta.

1 Trường Đại học Vinh

NỘI DUNG

Mục tiêu của bộ môn Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm khẳng định các quy luật chính trị - xã hội của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, kiên định các giá trị bền vững của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực. Hình thành tư duy sáng tạo trong nghiên cứu, vận dụng lý luận, tổng kết thực tiễn, giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra về chủ nghĩa xã hội và góp phần phát triển lý luận chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Bộ môn còn góp phần khẳng định các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, đấu tranh phê phán các luận điểm sai trái, đối lập nhằm phủ định lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Trong quá trình dạy học ở Trường Đại học Vinh, tôi nhận thấy sinh viên có một số nhận thức chưa đúng về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Với tư cách là một giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, người có trách nhiệm định hướng về nhận thức, tư tưởng; bồi dưỡng lối sống cho sinh viên, giảng viên cần phải làm rõ những vấn đề mà sinh viên nhận thức chưa đúng, hoặc có sự tác động từ bên ngoài (từ mạng xã hội - truyền thông; các thế lực thù địch) dẫn tới nhận thức và hành động chưa đúng. Nhận thức chưa đúng thể hiện trên nhiều nội dung với những câu hỏi khác nhau, dưới dây là một số tiêu biểu:

Câu hỏi thứ nhất, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội có phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử xã hội loài người không?

Đây chính là sự băn khoăn nhiều nhất của người học khi đến với bộ môn Chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong quá trình dạy học, giảng viên cần làm rõ sự vận động và phát triển của lịch sử xã hội loài người nói chung và sự vận động từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội nói riêng, để sinh viên hiểu rằng: Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội phù hợp với sự vận động và phát triển của lịch sử xã hội loài người.

Cần phải nhận thức rằng, mong ước về một chế độ xã hội công bằng và bình đẳng đã xuất hiện từ khi xã hội phân chia giai cấp. Đây là mong ước chính đáng của xã hội loài người.

Sự xuất hiện và phát triển của chủ nghĩa tư bản đã mang lại bước tiến nhảy vọt cho xã hội loài người, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đánh giá: "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỉ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại" [1, tr.603].

Nhưng đây lại chính là nguyên nhân làm xuất hiện mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Sản xuất càng phát triển mâu thuẫn càng gay gắt, đòi hỏi phải xuất

hiện những yếu tố để giải quyết mâu thuẫn đó. Cũng chính sự phát triển của nền đại công nghiệp làm xuất hiện giai cấp có lợi ích đối lập với giai cấp tư sản, đủ sức để giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong xã hội tư bản chủ nghĩa - đó chính là giai cấp công nhân. Sự phát triển của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống lại áp bức bất công, chống lại chủ nghĩa tư bản cần thiết phải có một hệ thống lý luận dẫn đường. Đó chính là sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa xã hội khoa học là hệ thống lý luận soi đường cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Năm 1917, dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ V.I.Lênin và Đảng Bônsêvích do Người đứng đầu, cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga giành thắng lợi, lật đổ chính quyền Sa hoàng - tư sản, thiết lập chính quyền của các Xô viết công - nông - binh và khẳng định mục tiêu, con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu hỏi thứ hai, nhận thức về sự sụp đổ của Liên xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và bài học nào cho Việt Nam?

Đây là sự băn khoăn về mặt thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm mất niềm tin của thế hệ trẻ vào sự thành công của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Cần phải hiểu rằng: những gì trái với quy luật lịch sử, tất yếu sẽ bị lịch sử đào thải. Đi lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển tất yếu của nhân loại. Nhưng đi như thế nào, với những mô hình nào? Có nhất thiết tất cả các quốc gia phải đi theo một mô hình giống nhau không? Trả lời những câu hỏi này, giảng viên sẽ giải đáp thỏa đáng cho những thắc mắc, băn khoăn của sinh viên trong quá trình học tập.

Sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước ở Đông Âu cho thấy, đây là sụp đổ của một mô hình cụ thể chứ không phải sự sụp đổ của một lý tưởng trên nền móng hệ thống lý luận. Hơn nữa, mô hình chủ nghĩa xã hội của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu là những mô hình giống nhau, không phân biệt bản sắc của các mô hình trong sự phát triển đa dạng của chủ nghĩa xã hội ở từng quốc gia. Mô hình này không tính đến tính đặc thù trong sự phát triển của từng quốc gia, hạn chế sự vận dụng sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của mỗi nước. Cộng với mắc phải sai lầm chủ quan nghiêm trọng để cho quá trình "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" diễn ra trong nội bộ Đảng, Nhà nước, làm cho cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, dao động, hoài nghi về những giá trị của chủ nghĩa xã hội, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, hạ thấp và đi đến xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Một chế độ xã hội không đủ sức để bảo vệ chính mình thì sớm muộn cũng sẽ sụp đổ. Các thế lực thù địch chưa bao giờ ngừng cuộc chiến lật đổ chủ nghĩa xã hội, nhưng sự "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" bên trong mới là tác nhân chính dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã để lại cho các quốc gia xã hội chủ nghĩa nhiều bài học có giá trị. Cùng với thời gian Việt Nam đã chứng minh cho sức sống của chủ nghĩa xã hội, chứng minh cho sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia để đi đến thành công. Để thực hiện được con đường chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần làm tốt công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng bởi theo Hồ Chí Minh: "Đảng ta vĩ đại, vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác" [2, tr.402], nhưng nếu Đảng không đạo đức, văn minh, cán bộ đảng viên không trong sạch, vững mạnh thì mọi thành quả cách mạng sẽ tiêu tan. Hồ Chí Minh đã từng cảnh báo: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định ngày hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân" [3, tr.672]. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu và học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng là góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, làm cho thế hệ trẻ hiểu gia trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự thành công của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Câu hỏi thứ ba, có phải sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX là do ý chí chủ quan của những người cộng sản?

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, triều đình nhà Nguyễn lần lượt kí các hiệp ước đầu hàng và làm tay sai cho Pháp nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân vẫn nổ ra ở khắp ba miền Bắc, Trung, Nam theo tư tưởng phong kiến. Đầu thế kỷ XX, Việt Nam xuất hiện các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Nhưng tất cả các khuynh hướng cứu nước đều thất bại. Trong bối cảnh đó, sự ra đời và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam đã làm cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam xuất hiện dấu hiệu của một thời đại mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Chỉ có *giai cấp công nhân* là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân" [2, tr.407].

Như vậy, con đường cứu nước theo khuynh hướng phong kiến và dân chủ tư sản đã không mang lại kết quả. Con đường giải phóng dân tộc nhất định phải có một lựa chọn mới, con đường cách mạng vô sản. Chính con đường đúng đắn đó đã mang lại độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

Câu hỏi thứ tư, có phải chỉ có CNTB mới thực sự có tự do, dân chủ, bảo vệ quyền con người không?

Có rất nhiều sinh viên đặt ra câu hỏi này trong quá trình học tập, thảo luận. Để có câu trả lời thật sự không dễ dàng đối với giảng viên trong dạy học.

Chủ nghĩa tư bản trong quá trình tồn tại và phát triển đã tạo ra nền dân chủ tư sản mang lại nhiều giá trị tích cực cho sự phát triển của xã hội loài người. Những tuyên bố về tự do, bình đẳng, bác ái, tư tưởng về nhà nước pháp quyền là những giá trị lớn lao của dân chủ tư sản. Tuy nhiên nền dân chủ đó không chỉ do riêng giai cấp tư sản tạo ra, mà là kết quả đấu tranh của nhân dân lao động, kết quả của quá trình nhận thức và tất yếu của tiến bộ xã hội. Dân chủ tư sản chi là dân chủ cho số ít và áp đặt đối với đa số còn lại trong xã hội.

Trong bài viết "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: cho đến nay "chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó" [4, tr.19] khủng hoảng, suy thoái kinh tế, đặc biệt là cuộc khủng hoảng nhiều mặt, cả về y tế, xã hội lẫn chính trị, kinh tế vẫn đang diễn ra dưới tác động của đại dịch Covid-19 và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sự bất lực của chủ nghĩa tư bản trong giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội đang làm gia tăng bất công xã hội, giảm sút nghiêm trọng đời sống nhân dân, gia tăng thất nghiệp, khoảng cách giàu-nghèo, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc. Hãy nhìn xã hội Mỹ, một xã hội được coi là điển hình cho tự do dân chủ nhưng Cựu Tổng thống Mỹ vẫn bị khóa tài khoản Twistter; tự do của người này nhưng lại ảnh hưởng rất lớn đến quyền tự do dân chủ của người khác - đó là những vụ xả súng đẫm máu và kinh hoàng; đó là thanh niên da đen bị cảnh sát ghì đến chết và còn rất nhiều vấn đề trong tất cả các lĩnh vực làm bùng nổ các xung đột xã hội và ở không ít nơi từ tình huống kinh tế đã trở thành tình huống chính trị với các làn sóng biểu tình, bãi công, làm rung chuyển cả thể chế.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng đã khẳng định: "Đó là hậu quả của một quá trình phát triển kinh tế-xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội. Đó cũng chính là những đặc trưng cốt yếu của phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa. Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của nó" [4, tr.20].

Bản chất kinh tế quyết định thể chế chính trị. "Dân chủ tự do" của chủ nghĩa tư bản không thể bảo đảm quyền lực thật sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, mà chủ yếu vẫn thuộc về và phục vụ lợi ích thiểu số giàu có, phục vụ lợi ích của những tập đoàn tư bản.

"Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con

người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới" [4, tr.24].

KẾT LUẬN

Trong quá trình dạy học, sinh viên có thể đặt ra nhiều câu hỏi trên phương diện lý luận và thực tiễn, đòi hỏi giảng viên phải hiểu sâu về lý luận, có kiến thức thực tế, cập nhật tính thời sự của vấn đề để định hướng nhận thức và hành động cho sinh viên. Công cuộc đấu tranh chống các thế lực thù địch, bảo vệ tư tưởng của Đảng trong đối tượng sinh viên - thế hệ trẻ có tri thức là một vấn đề hết sức quan trọng, đòi hỏi đội ngũ giảng viên phải luôn luôn rèn luyện đạo đức tư cách, trau dồi kiến thức và năng lực sư phạm cũng như bản chất chính trị kiên định, vững vàng của một người đảng viên góp phần cùng với toàn hệ thống chính trị bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập,* Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG HIỆU QUẢ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG

ThS TRẦN THANH XUYÊN - ThS LÊ VĂN TRUNG - CN HUỲNH HỮU NGHỊ[1]

Tóm tắt:

Hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin (CNTT) đã tác động đến tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Đặc biệt, CNTT được ứng dụng trong dạy học nói chung và giảng dạy môn Giáo dục chính trị nói riêng. Giảng viên đã sử dụng CNTT trong soạn giáo án (bao gồm giáo án chi tiết và giáo án điện tử), nghiên cứu thông tin, tài liệu… hoặc trong giảng dạy trên lớp, giảng viên đã sử dụng CNTT hỗ trợ cho đổi mới phương pháp dạy học. Nhờ đó, nâng cao chất lượng bài giảng và hỗ trợ đổi mới phương pháp truyền tải kiến thức đến người học, làm cho mỗi bài giảng phong phú về nội dung và hấp dẫn về phương pháp. Nhận thức được vai trò của CNTT trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, bài viết đề xuất "Một số giải pháp ứng dụng hiệu quả CNTT trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang".

Từ khóa: *giáo dục chính trị, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, ứng dụng công nghệ thông tin*

MỞ ĐẦU

Ứng dụng CNTT vào dạy học là một xu hướng hiện đại hóa quá trình dạy và học, làm thay đổi cách dạy và cách học, giúp người học tham gia học tập một cách chủ động, tích cực và sáng tạo, tăng cường tính trực quan, góp phần nâng cao chất lượng lĩnh hội và nắm vững kiến thức, phát triển năng lực tư duy độc lập, sáng tạo của người học.

1 Giảng viên - Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang

Trong đào tạo theo mô hình niên chế, việc giảng dạy môn Giáo dục chính trị ở bậc cao đẳng chủ yếu theo phương pháp dạy học truyền thống "thầy đọc, trò ghi" một cách thụ động, chưa thực sự gây hứng thú và phát huy tính tích cực, chủ động của người học. Hiện nay, trong đào tạo theo mô hình tín chỉ với vị trí trung tâm đã được hoán đổi từ "thầy" sang "trò", lấy "tự học làm cốt" thì vấn đề đặt ra là phải làm sao phát huy được tính tích cực, chủ động của người học. Hơn nữa, trong xu thế đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, đổi mới phương pháp giảng dạy là vấn đề hết sức quan trọng đặt ra cho đội ngũ giảng viên giảng dạy môn Giáo dục chính trị.

Việc dạy và học trong thời đại mới luôn chứa đựng một khối lượng tri thức lớn, bùng nổ và tăng nhanh. Nội dung thông tin ngày càng chuyên sâu và phức tạp khiến việc dạy học theo phương pháp truyền thống không đáp ứng được, tất yếu đòi hỏi phải có phương pháp tiếp cận thông tin mới, có cách dạy và học mới. Người thầy giờ đây "chỉ nên giới thiệu những giá trị cốt lõi, còn lại chủ yếu là gợi mở, giúp cách học, cách tiếp cận, cách phân tích và tổng hợp, giải quyết vấn đề, tức là nhằm phát triển năng lực" [2, tr.15-16]. Tức là, thay vì dạy kiến thức thì người dạy phải trang bị cho người học cách học, phương pháp tự học một cách hiệu quả, nói cách khác thầy giáo giờ đây không phải là "thầy dạy" mà phải là "thầy học".

Hiệu quả của ứng dụng CNTT trong dạy học đã được chứng minh bằng thực tiễn sự phát triển nhanh chóng của giáo dục và đào tạo trong nước và trên thế giới những năm qua, khẳng định tính ưu việt của nó đối với sự phát triển của nền giáo dục hiện đại. Chính vì vậy, đổi mới phương pháp dạy học bằng việc ứng dụng CNTT là một chủ đề lớn được UNESCO đưa ra thành chương trình của thế kỷ XXI và dự đoán sẽ tạo ra sự thay đổi căn bản của nền giáo dục. Quán triệt quan điểm đó, đối với giáo dục nghề nghiệp, CNTT có tác động mạnh mẽ, làm thay đổi phương pháp, phương thức dạy và học. CNTT là phương tiện để tiến tới một xã hội học tập.

Tuy nhiên, những kết quả đã đạt được về ứng dụng CNTT trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị vẫn còn khiêm tốn. Hiện nay, trình độ, kiến thức về CNTT, kỹ năng sử dụng máy tính và các phương tiện hỗ trợ của giảng viên không đồng đều, kỹ năng về CNTT của một số giảng viên chưa đủ vượt ngưỡng trong sử dụng các thao tác cơ bản, dẫn đến sự né tránh. Bên cạnh đó, phương pháp dạy học "truyền thống" Phương pháp truyền thống ko thể bị xóa bỏ. Các phương pháp dạy học truyền thống luôn là những phương pháp quan trọng trong dạy học. Đổi mới không có nghĩa là loại bỏ các phương pháp truyền thống mà cần cải tiền, kết hợp các phương pháp…, vẫn còn tồn tại như một lối mòn, thói quen khó thay đổi, sự tương tác giữa người và máy trong hỗ trợ dạy học còn lúng túng, chưa khai thác và phát huy đầy đủ vai trò, tính ưu việt của CNTT trong dạy học để khắc phục những hạn chế, nhược điểm của phương pháp dạy học truyền thống. Đây là một trở ngại lớn trong việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị hiện nay.

Vì vậy, việc đề xuất các giải pháp ứng dụng hiệu quả CNTT trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang là rất cần thiết.

NỘI DUNG

Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang luôn chú trọng, quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ giảng viên, đặc biệt các giảng viên đều được bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực. Trong đó, quan tâm bồi dưỡng chuyên sâu về sự kết hợp các phương pháp dạy học tích cực với phương tiện CNTT. Hiện nay, hầu hết giảng viên của nhà trường đều sử dụng laptop, máy chiếu, radio, video.... để khai thác các nguồn tư liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu, soạn và giảng bài. Do đó, việc ứng dụng CNTT làm cho quá trình dạy - học hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, được sự quan tâm của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang đã được trang bị một số phòng học với đầy đủ thiết bị máy chiếu, tăng âm, loa đài… tạo điều kiện tốt nhất để giảng viên ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Đồng thời giảng viên phải nhận thức rõ CNTT hỗ trợ cho quá trình dạy - học để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy của giảng viên, nó không phải là đổi mới phương pháp nên nếu lạm dụng, sử dụng không đúng mục đích, đúng lúc, đúng chỗ thì sẽ gây phản tác dụng.

Từ những khó khăn, vướng mắc và những thách thức trên, chúng tôi đề xuất giải pháp ứng dụng hiệu quả CNTT góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn Giáo dục chính trị tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang trong thời gian tới như sau:

Sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học hiện đại, khai thác tối đa tính ưu việt của CNTT để hỗ trợ cho quá trình nghiên cứu và giảng dạy. Một trong những yêu cầu cấp thiết hiện nay đối với giảng viên môn Giáo dục chính trị là phải sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong nghiên cứu và giảng dạy. Các phương tiện đó bao gồm: máy vi tính, laptop, máy ghi âm, projector, video, radio, băng đĩa hình… Các phương tiện này nhằm bổ sung và làm phong phú thêm cho những nội dung của bài giảng; thay đổi cách học và phương pháp học, tạo sự hứng thú, kích thích tìm tòi, đi sâu nghiên cứu của học viên, làm cho học viên phát huy được tính chủ động, sáng tạo. Sử dụng các phương tiện kỹ thuật nhằm thay đổi phương pháp dạy chay, học chay; giúp học viên tiếp cận được khoa học kỹ thuật, gợi mở cho học viên gắn lý luận với thực tiễn, gắn học với hành. Hiện nay, sử dụng thành tạo vi tính là một trong những phương tiện hỗ trợ đắc lực, có hiệu quả cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên. Vi tính giúp cho giảng viên soạn bài giảng Powerpoint, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo, hình ảnh hay thước phim minh hoạ… Tuy nhiên, cũng phải chú ý tránh lạm dụng máy vi tính, phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy, coi đó như sự đổi mới phương pháp dạy học.

Một là, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của CNTT trong dạy học hiện đại từ

đó nâng cao trình độ, kỹ năng CNTT tương xứng cho đội ngũ giảng viên. Quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nói giáo dục nói chung, cũng như trong giảng dạy môn Giáo dục chính trị nói riêng. Tiếp đó là việc bồi dưỡng kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm hỗ trợ soạn giảng cơ bản, cần thiết cho giảng viên, cần tập trung chủ yếu vào những kỹ năng, thao tác mà giảng viên thường sử dụng hàng ngày, như tra cứu, tìm kiếm thông tin, soạn giảng, cách sử dụng một số phương tiện như máy ghi âm, ghi hình, máy chiếu, máy quay phim, chụp ảnh, cách thiết kế các phần mềm cơ bản, thông dụng để soạn giảng, làm đề thi, kiểm tra, nhất là về trắc nghiệm… Song điều quan trọng hơn đó là giảng viên phải hướng dẫn và trang bị cho học viên có được những kỹ năng về CNTT phù hợp để họ có thể phát huy được tính tích cực, chủ động, tự giác trong học tập, tìm kiếm, khai thác, tiếp thu và xử lý các thông tin liên quan từ kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại để biến chúng thành kiến thức của mình.

Cần phải đặt ra những tiêu chí yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng CNTT trong quá trình tuyển chọn, thi nâng ngạch giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp… để mỗi giảng viên phải tự học tập, trau dồi những kiến thức liên quan phục vụ cho công việc nghiên cứu và giảng dạy. Chống mọi biểu hiện thụ động, đối phó hay ngại học hỏi để ứng dụng CNTT trong thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy. Cần có cơ chế phù hợp khuyến khích đội ngũ giảng viên phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu sáng tạo, tham gia viết phần mềm, thiết kế giáo án điện tử, bài giảng điện tử, tập hợp sưu tầm các kho tư liệu để chia sẻ, trao đổi thông tin, thống nhất phần mềm trong khai thác, ứng dụng soạn giảng.

Hai là, bảo đảm tính sư phạm khi ứng dụng CNTT trong dạy học hiện đại. Việc chuẩn bị một bài giảng có ứng dụng CNTT cần đảm bảo không những tính nội dung khoa học mà còn phải đặt mạnh tiêu chí về tính sư phạm. Tính sư phạm ở đây bao gồm: sự phù hợp về mặt tâm sinh lí người học, tính thẩm mỹ của trang trình chiếu, sự thể hiện nhuần nhuyễn các nguyên tắc dạy học và các phương pháp dạy học. Tuy nhiên, không phải mọi chuyên đề bài giảng đều phải sử dụng máy tính, cho dù đã có đủ điều kiện về cơ sở vật chất cũng như các kĩ năng của giảng viên đủ điều kiện thích hợp cho công việc. Điều quan trọng là ngoài ý thức, khả năng, trình độ am hiểu CNTT, sử dụng máy tính, giảng viên còn phải biết lựa chọn đúng các chuyên đề bài giảng cần thiết và biết thiết kế một cách hợp lý thì sẽ tận dụng được tối đa tính ưu việt của máy tính cả về phương diện khoa học: cung cấp thông tin, gợi mở ý tưởng tìm kiếm sáng tạo, gây được sự quan tâm, hấp dẫn đối với người học, mà còn cho phép khả năng khai thác tối đa các tiện ích, lợi thế của CNTT trong giảng dạy, nhất là giảng dạy theo phương pháp nêu vấn đề. Đồng thời, cần khắc phục những biểu hiện chạy theo phong trào, lạm dụng máy tính trong giảng dạy làm cho người học bị phân tán sự chú ý, chẳng những không cung cấp được nhiều kiến thức, thông tin gì mới và quan trọng, mà còn gây ức chế cho người học...

Ba là, tuân thủ quy trình thiết kế bài giảng điện tử với sự trợ giúp của CNTT. Để thực hiện có hiệu quả các chuyên đề bài giảng có ứng dụng CNTT đòi hỏi giảng viên khi thiết kế bài giảng điện tử cần chuẩn bị trước kịch bản, cần lưu ý về phông chữ, màu chữ (xanh, đen trắng, vàng/đỏ) và hiệu ứng thích hợp (hiệu ứng đơn giản, nhẹ nhàng tránh gây mất tập trung vào nội dung bài giảng). Nội dung bài giảng điện tử cần thiết kế một cách cô đọng, súc tích; các hình ảnh, các mô phỏng cần xác định rõ tính mục đích, tính giáo dục thuyết phục, tính sư phạm… phù hợp với chuyên đề (trong một slide không nên nhiều hình, nhiều chữ); các nội dung bài giảng chứa nhiều liên kết nhất là liên kết đến hệ thống câu hỏi (nêu vấn đề) để khắc phục những tình huống sư phạm phát sinh… và có thể đặt trong slide chủ.

Tuyệt đối không được lạm dụng CNTT nếu chúng không tác động tích cực đến quá trình dạy học và sự mở rộng, phát triển kiến thức của người học; khi sử dụng công nghệ mô phỏng nếu không phản ánh đúng nội dung, giá trị nghệ thuật và thực tế thì không nên sử dụng. Mặt khác, cần phải biết sử dụng và kết hợp các phương pháp dạy học khác một cách linh hoạt để làm phong phú, hấp dẫn nội dung chuyên đề bài giảng.

Bốn là, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và hệ thống trang thiết bị CNTT hiện đại, đồng bộ để đáp ứng nhu cầu giảng dạy môn Giáo dục chính trị. Phải có hệ thống trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, phù hợp, đồng bộ để giúp giảng viên và sinh viên chủ động, tích cực trong nghiên cứu và học tập, cụ thể như: hệ thống giảng đường, phòng học chuyên dụng với PC, projector, mạng nội bộ… (phục vụ việc giảng dạy và thảo luận, làm việc nhóm của học viên); hệ thống phòng đọc thư viện, phòng truy cập mạng (phục vụ việc tự học, tìm kiếm và khai thác thông tin liên quan); website và hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu CNTT của nhà trường (cung cấp thông tin chính thống liên quan đến các hoạt động của nhà trường, của các khoa về thời khóa biểu, kế hoạch dạy học, các tài liệu trong thư viện điện tử)... Tất cả đều phải được xây dựng, quản lý và khai thác một cách đồng bộ và hiệu quả. Việc đầu tư là của nhà trường, của cơ sở đào tạo, nhưng việc khai thác và sử dụng cho hiệu quả lại là việc liên quan nhiều đến đội ngũ giảng viên và học viên. Chỉ khi nào có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận này thì mới hy vọng sự hỗ trợ của CNTT phát huy được tính ưu việt của nó trong quá trình dạy học trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay.

KẾT LUẬN

Đổi mới phương pháp dạy học là vấn đề cấp bách đặt ra, là một trong những mục tiêu trọng tâm trong cải cách giáo dục ở nước ta hiện nay. Phát huy vai trò hỗ trợ CNTT trong dạy học môn Giáo dục chính trị tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang là một công việc lâu dài, khó khăn, phức tạp là trách nhiệm chung của mọi người, của

các lực lượng liên quan trong hệ thống giáo dục, nhưng trong đó và trước hết đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng vượt bậc của đội ngũ giảng viên và điều kiện cơ sở vật chất, tiếp tục hoàn thiện và hiện đại hoá thiết bị, công nghệ dạy học, nhất là hoàn thiện hạ tầng CNTT để có thể khai thác đầy đủ và tốt nhất. Đây cũng là một trong những nhân tố quyết định đến chất lượng dạy và học, đồng thời góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả một trong số những nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo đã đặt ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), *Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân"*.

[2]. Ban Tuyên giáo TW - Tổng cục dạy nghề - Viện nghiên cứu phát triển phương Đông (2012), *Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

[3]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), *Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân"*.

[4]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), *Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng,* Nxb Chính trị quốc gia.

[5]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), *Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

[6]. Bộ Chính trị (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*

[7]. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), *Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.*

[8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[9]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước,* Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[10]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

CỤC DIỆN THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY VÀ NHỮNG LƯU Ý TRONG GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH TRỊ HỌC VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ

TS HẮC XUÂN CẢNH[1] - TS VÕ VĂN THẬT[2]

Tóm tắt:

Cục diện thế giới là yếu tố có ảnh hưởng lớn, quyết định đến sự hình thành và vận hành của trật tự thế giới. Đây cũng là một nội dung quan trọng trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu về chính trị học và quan hệ quốc tế. Trong giai đoạn hiện nay, cục diện thế giới vẫn đang trong quá trình xuất hiện những yếu mới và mang những đặc điểm mới so với trước. Bài viết này sẽ làm rõ về cục diện thế giới và những đặc điểm nổi bật của cục diện thế giới hiện nay, đồng thời nêu lên một số vấn đề cần lưu ý khi giảng dạy, nghiên cứu về cục diện thế giới trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu về chính trị học và quan hệ quốc tế.

Từ khoá: *chính trị học, cục diện thế giới, giảng dạy, nghiên cứu, quan hệ quốc tế*

MỞ ĐẦU

Nhận định đúng đắn tình hình thế giới, khu vực là yếu tố quan trọng để hoạch định và thực thi chính sách đối với mỗi quốc gia. Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chỉ ra rằng, "có đánh giá đúng xu thế thế giới mới kết hợp hiệu quả sức mạnh thời đại, tạo nguồn lực tổng hợp để cách mạng thành công" [3]. Trong các kỳ đại hội, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng việc phân tích, đánh giá kỹ lưỡng tình hình, cục diện thế giới, khu vực để từ đó xác định chiến lược đúng đắn, kịp thời. Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước chúng ta hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng thì nhiệm vụ bảo đảm các lợi ích an ninh, phát triển và vị thế của đất nước phụ thuộc rất lớn vào việc đánh giá và nhận định tình hình quốc tế. Từ lý luận và thực tiễn nói

1 Trường Đại học Vinh
2 Trường Đại học Sài Gòn

trên cho thấy, cục diện thế giới là nội dung hết sức quan trọng và cần thiết trong việc giảng dạy và nghiên cứu về chính trị và quan hệ quốc tế. Việc nắm vững tình hình, đặc điểm, tác động… của cục diện thế giới trong giai đoạn hiện nay sẽ góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề về lý thuyết và thực tiễn đối với những người giảng dạy, học tập và nghiên cứu về chính trị và quan hệ quốc tế.

NỘI DUNG

1. Nhận thức về cục diện thế giới

Về lý thuyết, mỗi một trật tự thế giới muốn hình thành đều phải dựa trên nền tảng một cục diện thế giới nhất định, do đó, muốn xem xét sự ra đời của trật tự thế giới thì phải tìm hiểu cục diện chiến lược quốc tế vào thời điểm đó.

Khi nói về cục diện thế giới, nhiều nhà nghiên cứu đều cho rằng đây là một khái niệm có nội hàm rộng lớn và có thể tiếp cận ở những góc độ khác nhau.

Theo Lý Thực Cốc, *Cục diện chiến lược thế giới là cơ cấu lực lượng có tác dụng chủ đạo và chi phối trong quan hệ quốc tế cũng như trạng thái và hình thức chiến lược hình thành giữa các lực lượng trong một thời kỳ tương đối ổn định*" [5, tr.8].

Theo tác giả Phạm Bình Minh, *cục diện thế giới là tình hình mọi mặt của thế giới trong một khoảng thời gian nhất định. Có thể coi cục diện là bức tranh toàn cảnh, phản ánh tương quan lực lượng và quan hệ giữa các chủ thể chính của quan hệ quốc tế, trước hết là các cường quốc, các trung tâm quyền lực lớn trong một phạm vi không gian và ở một khung thời gian nhất định. Cục diện thế giới bao quát tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, quân sự đến văn hóa, tôn giáo*…[7, tr.66].

Có thể thấy, khi nghiên cứu về quan hệ quốc tế, các nhà nghiên cứu thường tập trung vào lĩnh vực chính trị - an ninh, các yếu tố khác như văn hóa, kinh tế... được xem xét như là bối cảnh chung.

Chúng tôi cho rằng, *Cục diện thế giới có thể hiểu là tình hình thế giới, phản ánh tương quan lực lượng và quan hệ giữa các chủ thể chính của quan hệ quốc tế có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành và vận hành của quan hệ quốc tế trong một thời gian nhất định*. Một cục diện được hình thành khi các lực lượng biến đổi đạt đến sự ổn định nào đó. Nó là sự tổng kết cuộc đấu tranh quốc tế ở giai đoạn trước và quyết định phương hướng cơ bản, quy mô và cách thức của cuộc đấu tranh quốc tế ở giai đoạn sau. Khi xem xét cục diện thế giới ở một thời điểm nhất định, chúng ta thường xem xét các thành tố chính của nó như: cấu trúc thế giới dựa trên so sánh quyền lực giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực; các đặc điểm chính của của quan hệ quốc tế và hệ thống thể chế/cơ chế quản lý, hợp tác ở các cấp độ toàn cầu, liên khu vực, khu vực và tiểu khu vực (gọi tắt là hệ thống thể chế quốc tế).

2. Cục diện thế giới trong giai đoạn hiện nay

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự thế giới hai cực tan rã, quá trình hình thành trật tự thế giới mới diễn biến rất phức tạp, biểu hiện qua cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa các nước, trước hết là giữa các nước lớn. Bên cạnh đó, các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. Nhiều nước đang tích cực đấu tranh cho một thế giới bình đẳng, công bằng với sự đề cao vai trò của các tổ chức quốc tế lớn như Liên Hợp Quốc và sự tôn trọng luật pháp quốc tế trong quan hệ quốc tế. Các xu thế đan xen nói trên khiến cho cục diện thế giới diễn biến hết sức phức tạp, chịu sự tác động của nhiều nhân tố.

Đánh giá về cục diện thế giới trong thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI, Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) khẳng định: "*Trên thế giới, trong những năm tới tình hình sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng... Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường.... Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn. Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích của từng quốc gia tiếp tục diễn ra rất phức tạp*" [1]. Đến Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII (2021), Đảng ta tiếp tục khẳng định: "*Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn… Nhìn chung, mặc dù cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm, về cơ bản các nước lớn vẫn vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, song khía cạnh "đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng*" [8, tr.105-106].

Những đánh giá nói trên của Đảng Cộng sản Việt Nam cho thấy, trong hai thập niên đầu và bước sang thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI, cục diện thế giới tuy đã dần được định hình nhưng vẫn diễn biến hết sức phức tạp, trong đó xuất hiện những yếu tố mới có tác động mạnh mẽ đến sự ổn định của cục diện thế giới. Cục diện thế giới nói trên có tác động mạnh mẽ đến sự ổn định của chính trị thế giới cũng như quá trình vận động thành lập trật tự thế giới nói riêng và quan hệ quốc tế thời kỳ sau Chiến tranh lạnh.

Có thể thấy, cục diện thế giới hiện nay có những đặc điểm chính sau:

Một là, cục diện thế giới diễn biến phức tạp, chứa đựng nhiều nhân tố bất định, khó lường. Có thể thấy, sau sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, cục diện thế giới và quan hệ quốc tế thay đổi một cách cơ bản. Cơ cấu địa chính trị và sự phân bố quyền lực toàn cầu bị đảo lộn, cán cân so sánh lực lượng trên thế giới nghiêng về phía có lợi cho chủ nghĩa tư bản. Quá trình hình thành trật tự thế giới mới chứa đựng nhiều yếu tố bất định, khó lường, trong đó nổi lên các xu hướng khác nhau: Mỹ tham vọng thiết lập trật tự thế giới đơn cực do Mỹ lãnh đạo, trong khi đó đa số các nước khác, nhất là các nước lớn lại hướng tới một trật tự thế giới đa cực. Hiện nay, cục diện thế giới đang ở giai đoạn hết sức nhạy cảm, trong đó cạnh tranh nước lớn gia tăng về cường độ và quy mô, tạo ra nguy cơ cuốn các nước vừa và nhỏ vào tình thế "lưỡng nan" về ngoại giao và an ninh. Trong bối cảnh đó, các vấn đề an ninh truyền thống diễn biến phức tạp, các "điểm nóng" đều tăng nhiệt, một số tranh chấp lãnh thổ tái bùng phát thành xung đột cục bộ, trong khi các cơ chế quản lý xung đột và các nỗ lực kiểm soát vũ khí chiến lược ít phát huy tác dụng. Một số chuyên gia cho rằng, thế giới hậu dịch bệnh COVID-19 sẽ nghèo hơn, kém cởi mở và ít tự do hơn, trong đó tư duy "cùng có lợi" bị ảnh hưởng đáng kể [4].

Hai là, toàn cầu hóa là nhân tố có vai trò quan trọng và tác động mạnh mẽ đến xu thế hợp tác, tương quan lực lượng trong cục diện quốc tế. Toàn cầu hóa là xu thế vận động mang tính hệ thống và khách quan của thế giới trên phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa diễn ra trên tất cả các mặt đời sống xã hội của các quốc gia trên thế giới, trong đó cốt lõi của toàn cầu hóa là toàn cầu hóa về kinh tế diễn ra mạnh mẽ trên các lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư, tài chính… Toàn cầu hóa làm tăng tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, các nền kinh tế cũng như các trung tâm quyền lực của thế giới, góp phần hình thành xu thế vừa hợp tác vừa cạnh tranh, xu hướng liên minh, tập hợp lực lượng trong cục diện quốc tế mới. Trong những năm gần đây, toàn cầu hóa gặp nhiều khó khăn do xu thế dân túy, dân tộc, bảo hộ thương mại và thách thức to lớn do dịch bệnh COVID-19. Tuy nhiên, "quá trình điều chỉnh toàn cầu hóa và liên kết kinh tế vẫn tiếp tục được thúc đẩy với những đặc điểm mới do nhu cầu phát triển kinh tế của các nước" [3].

Ba là, đi đôi với toàn cầu hóa và trái ngược với toàn cầu hóa, sự nổi lên của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ và dân tộc chủ nghĩa ngày càng nổi lên, trở thành xu thế mới tác động mạnh mẽ đến cục diện quốc tế và quan hệ quốc tế. Trong những năm gần đây nhiều khía cạnh của toàn cầu bị chững lại do sự nổi lên của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ và chủ nghĩa dân tộc. Xu thế chuyển dịch tư bản (và kéo theo nhiều lĩnh vực khác) vẫn diễn tiến theo hướng từ Tây sang Đông, Bắc xuống Nam. Trong những năm vừa qua, đồng thời với thúc đẩy tự do hóa thương mại và thuận lợi hóa đầu tư, nhiều chính phủ phải tính đến lợi ích của tổng thể hoặc một bộ phận thiểu số người dân. Phong trào "áo vàng" ở Pháp, Brexit ở Anh, vấn đề người nhập cư tại Mỹ, Đức, Áo cho thấy rõ điều đó.

Bốn là, tuy cục diện thế giới cơ bản vẫn vận động trong trạng thái Mỹ là siêu cường duy nhất, nhưng sự thay đổi trong tương quan lực lượng đang diễn ra nhanh chóng hơn, theo đó, phân bố quyền lực đang có những thay đổi theo hướng sự hình thành ngày càng rõ nét của thế đa cực, đa trung tâm. Dưới tác động của quy luật phát triển không đều giữa các quốc gia, tương quan sức mạnh kinh tế giữa các nước liên tục thay đổi, từ đó dẫn đến sự thay đổi về tương quan sức mạnh tổng thể của quốc gia. Vì vậy, tập hợp lực lượng hiện nay đa dạng, phức tạp, lỏng lẻo hơn, chủ yếu trên cơ sở lợi ích quốc gia, đồng thời khái niệm "cực" quyền lực cũng không còn mang ý nghĩa kiểm soát đơn tuyến từ trên xuống. Trong cấu trúc và phân bố quyền lực sau Chiến tranh lạnh, khi vai trò của các nước tầm trung ngày càng tăng lên thì khả năng đơn phương chi phối của các cực ngày càng giảm xuống. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng dù các cực với khả năng kiểm soát lỏng lẻo hơn trước nhưng quan hệ giữa các nước lớn vẫn mang tính định hình cục diện, cạnh tranh hay hợp tác giữa các nước này có tác động lớn đến chiều hướng vận động của tình hình.

Năm là, vai trò của các tổ chức, thiết chế quốc tế và đa phương ngày càng lớn hơn, nhưng chủ nghĩa đơn phương cũng ngày càng gia tăng. Có thể thấy, bên cạnh hoạt động của Liên Hợp Quốc, các tổ chức quốc tế và những thể chế đa phương đã phát huy vai trò to lớn trong việc giải quyết những vấn đề quốc tế lớn, góp phần vào tiến trình dân chủ hóa đời sống quốc tế, trở thành diễn đàn của các nước vừa và nhỏ đấu tranh cho một trật tự quốc tế mới, đề cao tính đa phương trong quan hệ quốc tế, chống lại xu thế đơn cực trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh đó, chủ nghĩa đơn phương cũng có dấu hiệu tăng lên, nhất là trong thời gian gần đây. Việc Mỹ rút khỏi nhiều hiệp ước, thể chế đa phương như Hiệp định Hạt nhân P5+1 với Iran, Hiệp ước lực lượng hạt nhân tầm trung (INF), UNESCO, Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc, Cơ quan Bưu chính Quốc tế, hay việc Anh quyết định rời khỏi EU… đang cho thấy rõ xu thế này. Xu thế đa phương toàn cầu có thể được củng cố ở mức độ nhất định do thực tiễn phòng, chống dịch bệnh COVID-19 cho thấy nhân loại cần phải chung tay đối phó với thách thức an ninh phi truyền thống chưa từng có này.

Tuy nhiên, cạnh tranh nước lớn khiến những cải cách mang tính đột phá của các cơ chế đa phương toàn cầu tiếp tục gặp trở ngại. Các nước ưu tiên hợp tác tại các cơ chế tiểu đa phương (minilateralism) ở cấp độ khu vực và tiểu vùng.

Sáu là, sự cạnh tranh giữa các lực lượng trong quan hệ quốc tế đang có sự dịch chuyển về trọng tâm. Sau Chiến tranh lạnh, châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động nhất và là trọng tâm địa chiến lược mới của thế giới, đem đến cả cơ hội và thách thức cho các quốc gia khu vực. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, các nước lớn như Mỹ, Anh, Pháp, Đức… đều xây dựng và công bố chiến lược mới với hướng ưu tiên là khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Đây được xem là một khu vực địa chiến lược với những tiềm năng rất lớn về mọi mặt. Vì vậy, trong cục diện quốc tế hiện nay, lực lượng nào kiểm soát được khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương sẽ có tiếng nói quan trọng trong việc định hình trật tự thế giới.

Bảy là, cách mạng công nghiệp 4.0 thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất, đưa khoa học công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và là công cụ quan trọng hàng đầu trong việc xây dựng sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia, đồng thời làm quốc tế hóa sâu sắc quá trình mở rộng sản xuất, phân phối trên phạm vi toàn cầu, tạo nên sự tùy thuộc lẫn nhau ngày càng lớn giữa các nước trong khu vực và trên thế giới. Công nghệ mới khiến tư duy chính sách, tổ chức, quản trị thay đổi, phi truyền thống, làm thay đổi tư duy và phương thức quan hệ giữa các nước, đặc biệt là các trung tâm quyền lực. Cách mạng khoa học công nghệ còn làm thay đổi tư duy của các nước về thế giới quan và chiến lược đối ngoại, thay đổi phương thức quan hệ giữa các quốc gia. Phương thức tập hợp lực lượng trong quan hệ hợp tác đấu tranh, hợp tác cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng.

Tám là, cục diện quốc tế mới hiện nay vẫn thiếu vắng một thể chế siêu quốc gia bảo đảm cưỡng chế thi hành luật pháp quốc tế, do đó, bên cạnh xu thế hòa bình là chủ đạo, thế giới vẫn diễn ra những xung đột tiềm ẩn nguy cơ chiến tranh, hiện tượng bất chấp những quy định được nhiều nước thừa nhận. Ví dụ việc Phán quyết của Tòa Trọng tài theo phụ lục VII của Công ước Luật biển năm 1982 chưa được tuân thủ trên thực tế đã cho thấy sự bất chấp những quy tắc được cộng đồng quốc tế thừa nhận.

Chín là, trong cục diện quốc tế mới, lợi ích quốc gia dân tộc ngày càng trở thành yếu tố cơ bản nhất quyết định thái độ và quan hệ giữa các nước. Đây là nhân tố cơ bản tác động đến việc thay đổi thực lực của mỗi quốc gia, cũng như quyết định sự hợp tác, liên minh, tập hợp lực lượng trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai.

Như vậy, cục diện thế giới trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI vẫn tiếp tục có nhiều biến động phức tạp, diễn biến khó lường. Những đặc điểm trên đây một mặt

phản ánh sự biến đổi của tương quan lực lượng trong quan hệ quốc tế, mặt khác là những nhân tố có ảnh hưởng lớn đến cục diện thế giới và sự hình thành trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh.

3. Một số lưu ý khi giảng dạy, nghiên cứu về cục diện thế giới hiện nay trong giảng dạy, nghiên cứu về chính trị học và quan hệ quốc tế

Chính trị và quan hệ quốc tế là một bộ phận tạo thành tiến trình phát triển lịch sử nhân loại, đồng thời chịu sự chi phối của những biến động lịch sử. Các môn học chính trị học, quan hệ quốc tế nghiên cứu lịch sử phát triển và biến động của hệ thống chính trị và các mối quan hệ giữa các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế, những vấn đề có liên quan đến sự hưng thịnh, tồn vong của dân tộc, quốc gia, có ảnh hưởng đến vận mệnh của nhiều thế hệ. Đây cũng là những nội dung cơ bản trong chương trình đào tạo ở các trường đại học. Nghiên cứu những vấn đề chính trị, quan hệ quốc tế sẽ góp phần không nhỏ vào việc hoạch định đường lối chính sách đối ngoại cũng như việc triển khai hiệu quả đường đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, giúp chúng ta có được những bài học kinh nghiệm từ chính sách đối ngoại cũng như đối nội của các nước trong tiến trình phát triển.

Thực tế cho thấy, công tác nghiên cứu và giảng dạy về chính trị và quan hệ quốc tế hiện nay đã có những đổi mới đáng kể nhưng vẫn còn những bất cập về nội dung cũng như phương pháp tiếp cận. Nhìn chung, hiện nay, phương pháp đánh giá về chính trị thế giới và quan hệ quốc tế theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và phương pháp luận mác xít là phương pháp bao trùm toàn bộ công tác nghiên cứu và giảng dạy. Đó là một phương pháp luận khoa học, là cơ sở lý luận để từ đó chúng ta thấy được đặc điểm, sự phát triển biện chứng của chính trị thế giới và quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, trong phương pháp tiếp cận này, nhiều khi chúng ta đã quá nhấn mạnh đến những vấn đề về mâu thuẫn thời đại, về đấu tranh giai cấp, trong cách nhìn nhận và đánh giá các vấn đề chính trị quốc tế. Bên cạnh đó, lăng kính ý thức hệ vẫn được sử dụng trong việc xem xét nhiều vấn đề về chính trị thế giới và quan hệ quốc tế.

Tuy là một nội dung quan trong trong đời sống chính trị thế giới nhưng việc giảng dạy và nghiên cứu về cục diện thế giới lại chưa thực sự được chú ý. Cho đến hiện nay, trong thực tế giảng dạy và nghiên cứu về chính trị và quan hệ quốc tế, vấn đề cục diện thế giới chỉ được đề cập dưới dạng là một khái niệm hoặc một yếu tố tác động mà chưa được quan tâm phân tích một cách toàn diện.

Từ thực tế nói trên, chúng tôi cho rằng, để đảm bảo tính khách quan, khoa học trong giảng dạy và nghiên cứu về cục diện thế giới trong giai đoạn hiện nay, người dạy, người học tập và nghiên cứu cần lưu ý mấy vấn đề sau:

Một là, cần thống nhất cách hiểu về cục diện thế giới. Như trên đã đề cập, cho đến nay, vẫn còn những cách hiểu khác nhau về khái niệm cục diện thế giới hay cục diện quốc tế. Thậm chí, còn có nhiều người đồng nhất khái niệm cục diện thế giới với trật tự thế giới mà chưa phân biệt được sự khác nhau về nội hàm cũng như thấy được mối quan hệ chặt chẽ giữa hai khái niệm này. Nếu không nắm chắc và thống nhất được cách hiểu về khái niệm cục diện thế giới sẽ ảnh hưởng tới việc nghiên cứu, tìm hiểu, lý giải về sự hình thành cục diện thế giới và trật tự thế giới, không thấy được các yếu tố tác động và quy định đến cục diện thế giới và vai trò của cục diện thế giới đối với sự hình thành trật tự thế giới, từ đó không hiểu và lý giải được nhiều vấn đề liên quan đến chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Vì vậy, mỗi giảng viên, người nghiên cứu cần nắm vững và thống nhất được cách hiểu về khái niệm cục diện thế giới trong giảng dạy và nghiên cứu.

Hai là, cần có cách tiếp cận mới - tiếp cận đa chiều, có chọn lọc trong nghiên cứu về cục diện thế giới. Cục diện thế giới là vấn đề có tính phức tạp trong nghiên cứu về chính trị và quan hệ quốc tế. Do vậy, cùng với cách đánh giá về cục diện thế giới cơ sở khoa học của thế giới quan mác xít, cần phải tham khảo hệ thống lý luận quan hệ quốc tế phổ biến trên thế giới để thấy được những điểm giống và khác nhau giữa các nhóm tiếp cận, đồng thời lựa chọn và tìm ra những ưu điểm, lợi thế cũng như nhược điểm của từng phương pháp. Khi phân tích cục diện thế giới, về các đặc điểm, xu thế phát triển của cục diện thế giới cần có xuất phát điểm là những phạm trù chung nhất của các lý thuyết về quan hệ quốc tế chứ không phải chỉ dựa trên một lý thuyết duy nhất.

Ba là, cần phân tích được những nhân tố tác động và làm nổi bật các điểm của cục diện thế giới. Mỗi cục diện thế giới được hình thành luôn chịu tác động của nhiều nhân tố khác nhau. Do vậy, việc phân tích nhân tố tác động, quy định việc hình thành và vận hành của cục diện thế giới sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về nội dung, đặc điểm của cục diện thế giới, đồng thới thấy được vai trò, tác động của cục diện thế giới đối với hệ thống chính trị và quan hệ quốc tế. Bên cạnh đó, việc làm rõ những đặc điểm nổi bật của cục diện thế giới sẽ giúp nhà nghiên cứu, người giảng dạy nắm vững về cục diện đó, đồng thời thấy được xu thế vận động và những tác động của cục diện thế giới đối với chính trị quốc tế và hệ thống quan hệ quốc tế.

Bốn là, cần làm rõ tác động của cục diện thế giới đối với chính trị thế giới và quan hệ quốc tế. Cục diện thế giới có vai trò và tác động rất lớn đối với chính trị thế giới và hệ thống quan hệ quốc tế ở những thời điểm nhất định. Cục diện thế giới vừa phản ánh chính trị thế giới do phản ánh tương quan lực lượng, đồng thời là yếu tố cho phép phân tích, đánh giá và dự đoán về sự vận hành của hệ thống quan hệ quốc tế. Do vậy, việc làm rõ tác động của cục diện thế giới đối với chính trị thế giới

và quan hệ quốc tế sẽ giúp cho việc giảng dạy, nghiên cứu về chính trị học và quan hệ quốc tế đạt hiệu quả cao.

Năm là, cần làm rõ những tác động của cục diện thế giới đối với việc hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước ta, xác định được vị trí của Việt Nam trong cục diện thế giới hiện nay. Trong quá trình hoạch định chiến lược và xây dựng chính sách, Đảng ta rất coi trọng việc cân nhắc, phân tích kỹ lưỡng cục diện thế giới và khu vực. Chính sự phân tích kỹ lưỡng đó đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để đưa ra những chủ trương, chính sách và giải pháp phù hợp. Bên cạnh việc phân tích xu thế phát triển, tác động của cục diện thế giới, chúng ta cũng luôn nhìn nhận và đánh giá đúng vị trí của Việt Nam trong cục diện thế giới để từ đó phát huy những yếu tố thuận thợi và hạn chế những tác động tiêu cực của cục diện thế giới đến Việt Nam. Vì vậy, có thể nói, khi nghiên cứu, giảng dạy về cục diện thế giới, các nhà nghiên cứu, giảng dạy cần làm rõ được những vấn đề nói trên. Điều đó sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của việc nghiên cứu, giảng dạy về chính trị và quan hệ quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Cục diện thế giới là vấn đề mà mọi quốc gia phải quan tâm nghiên cứu trước khi hoạch định chiến lược phát triển đất nước trên mọi lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực kinh tế và đối ngoại. Cục diện thế giới dù biến đổi lớn hay nhỏ đều tác động trực tiếp đến các mối quan hệ quốc tế, từ đó làm thay đổi tư duy và việc điều chỉnh chính sách của các quốc gia ở mọi thời đại. Cục diện thế giới là một nội dung quan trong trong giảng dạy, nghiên cứu về chính trị học và quan hệ quốc tế. Việc nắm vững những kiến thức, hình thành những kỹ năng phân tích, đánh giá về cục diện thế giới sẽ góp phần luận giải nhiều vấn đề về chính trị thế giới và hệ thống quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu về chính trị và quan hệ quốc tế, vấn đề về cục diện thế giới vẫn chưa có sự quan tâm đúng mức. Vẫn còn những hạn chế về phương pháp nghiên cứu, hệ thống lý thuyết nghiên cứu về cục diện thế giới. Trước sự biến đổi phức tạp của cục diện thế giới hiện nay, với sự xuất hiện nhiều điểm mới của cục diện thế giới, chúng ta cần có cái nhìn tổng thể, đánh giá khách quan, khoa học, lý giải thoả đáng nhiều vấn đề về cục diện thế giới để phát huy hơn nữa hiệu quả của việc nghiên cứu, giảng dạy về chính trị và quan hệ quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, truy cập ngày 6/10/2022 tại: https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xii-cua-dang-1600

[2]. Lương Thị Bằng (2018), *Đặc điểm của cục diện thế giới và tác động của nó đến Việt Nam*, truy cập ngày 6/10/2022 tại: http://truongchinhtri.caobang.gov.vn/index.php/news/Nghien-cuu-khoa-hoc/Dac-diem-cua-cuc-dien-the-gioi-va-tac-dong-cua-no-den-Viet-Nam-492/

[3]. Lê Hải Bình, *Những điểm mới về cục diện thế giới và khu vực trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: Một số phân tích thực tiễn*, truy cập ngày 8/10/2022 tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/822102/nhung-diem-moi-ve-cuc-dien-the-gioi-va-khu-vuc-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang--mot-so-phan-tich-thuc-tien.aspx

[4]. H. Brands, F. Gavin (2020), "*Covid-19 and world order, Covid-19 and world order: The future of conflict, competition and cooperation*", Johns Hopkins University Press, Maryland.

[5]. Lý Thực Cốc, *Mỹ thay đổi lớn chiến lược toàn cầu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

[6]. Nguyễn Thị Việt Hà (2019), *Một số vấn đề cần chú ý khi giảng bài tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, truy cập ngày 8/10/2022 tại: http://truongchinhtritinhphutho.gov.vn/khoa-ly-luan-mac-lenin-tu-tuong-ho-chi-minh/mot-so-van-de-can-chu-y-khi-giang-bai-tinh-hinh-the-gioi-va-chinh-sach-doi-ngoai-cua-dang-va-nha-nuoc-viet-nam-trong-giai-doan-hien-nay.html

[7]. Phạm Bình Minh (2010), *Xu thế phát triển của cục diện thế giới đến năm 2020 và định hướng chiến lược đối ngoại của Việt Nam, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài, mã số KX.04.03/06-10*, Hà Nội.

[8]. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[9]. Trần Thị Vinh (2013), *Một cách tiếp cận mới trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Thế giới thế kỷ XX trong các trường đại học*, truy cập ngày 9/10/202 tại: http://lichsu.tnus.edu.vn/chi-tiet/266-Mot-cach-tiep-can-moi-trong-nghien-cuu-va-giang-day-lich-su-The-gioi-the-ky-XX-trong-cac-truong-dai-hoc

SỰ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC CỦA CÁC NƯỚC LỚN ĐỐI VỚI CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THỊ LÊ VINH[1]

Tóm tắt:

Trong những thập niên qua, châu Á - Thái Bình Dương (CA-TBD) trở thành một trong những động lực chủ yếu cho sự phát triển của thế giới. Hầu hết tất cả các nước lớn đều chú trọng và có sự điều chỉnh chiến lược đối với khu vực có tầm quan trọng đặc biệt này. Việc nắm bắt, khai thác cơ hội và vượt qua thách thức từ sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn phụ thuộc vào quan điểm, đường lối chiến lược của mỗi quốc gia trong khu vực. Bài viết làm rõ sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đối với khu vực CA - TBD thông qua phương pháp phân tích và tổng hợp các bài phát biểu của giới lãnh đạo, các nghiên cứu của các học giả ở Việt Nam và trên thế giới về chiến lược của các nước lớn; chỉ ra tác động của sự điều chỉnh này đối với Việt Nam để từ đó khuyến nghị chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Từ khóa: *Châu Á - Thái Bình Dương, chiến lược, chính sách đối ngoại, nước lớn, Việt Nam.*

MỞ ĐẦU

Điều chỉnh chiến lược thực chất là việc các nước lớn thay đổi đường lối, chính sách; phát huy thế mạnh để tìm kiếm và đan xen lợi ích từ bên ngoài; xác lập vị thế vượt trội của các quốc gia trên các diễn đàn quốc tế và khu vực; hướng các quốc gia khác, các khu vực khác đi theo quỹ đạo riêng phục vụ cho lợi ích của mình. Đó là sự thay đổi, điều chỉnh chiến lược một cách công khai, dễ nhận biết. Tuy nhiên, trong thực tế, các nước lớn còn tiến hành điều chỉnh ngầm, khó nhận diện. Khu vực CA-TBD là trọng tâm của sự cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn trong thế kỷ XXI.

1 Trường Đại học Vinh

NỘI DUNG

1. Vị trí và vai trò của châu Á - Thái Bình Dương

Với sự trỗi dậy của các cường quốc CA-TBD, sự phát triển của nền kinh tế và sự leo thang đáng lo ngại của các xung đột nơi đây, phần lớn lịch sử thế kỷ XXI sẽ được viết lên ở CA-TBD. Nếu như có thể mô tả Trung Đông là "vòng cung bất ổn" thì cũng có thể coi khu vực trải rộng từ Nhật Bản qua Trung Quốc và Đông Nam Á đến Ấn Độ là "vòng cung phát triển".

Thứ nhất, về điều kiện tự nhiên - xã hội, CA-TBD là một khu vực rộng lớn về diện tích bao gồm hai bộ phận đó là biển Thái Bình Dương, đại dương lớn nhất thế giới (178,7 triệu km^2); phần đất liền là lãnh thổ các quốc gia trong khu vực với diện tích hơn 60 triệu km^2. Với 65% nguồn nguyên liệu toàn cầu và có nhiều tuyến hàng hải quan trọng, CA-TBD là huyết mạch thương mại và năng lượng của thế giới, về cả trọng tải và giá trị. Hàng năm, trên ½ tải trọng thương mại thế giới cùng ½ khối lượng khí đốt thương mại và 1/3 khối lượng dầu lửa thương mại đi qua các vùng biển trong khu vực này [3, tr.107]. Về dân số, các nước CA-TBD được lợi từ cái mà các nhà kinh tế gọi là "lợi tức dân số" với số người ở độ tuổi lao động chiếm 68% dân số toàn khu vực [3, tr.75-76]. Ưu thế về lao động tạo ra cơ hội cho tăng trưởng kinh tế, vì sản lượng bình quân của người lao động cao hơn so với sản lượng bình quân của trẻ nhỏ và người già.

Thứ hai, về vị trí kinh tế, CA-TBD là khu vực năng động, giàu tiềm năng, nơi hội tụ của nhiều nền kinh tế hàng đầu thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc…

CA-TBD là khu vực phục hồi nhanh nhất và đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất sau những tác động của khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu với mức tăng trưởng kinh tế hàng năm trên 6%, có thể kể đến Trung Quốc (10,2%), Úc (3,8%) là những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất của thế giới [8, tr.24-26]. CA-TBD đang trở thành một trong ba trung tâm kinh tế hàng đầu của thế giới, GDP chiếm 61% của thế giới, khối lượng buôn bán thương mại chiếm 45% toàn cầu, đạt hơn 3400 tỷ USD/năm [3, tr.90]. Nơi đây còn có nhiều trung tâm tài chính lớn vào bậc nhất của thế giới như: Tokyo, Hồng Kông, Singapore… Sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn đối với CA-TBD nhằm tìm kiếm lối thoát, mở rộng thị trường, khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế cũng như có thể hưởng lợi từ sự phát triển năng động của khu vực này.

Thứ ba, về vị trí chính trị - an ninh, CA-TBD đang là nơi hội tụ, giao thoa lợi ích chiến lược của tất cả các nước lớn. Quan hệ Mỹ - Trung nổi lên trở thành mối quan hệ chủ đạo, chi phối nhiều mặt của cục diện khu vực. Sự cạnh tranh giữa Trung Quốc và Nhật Bản ngày càng rõ nét đối với vai trò lãnh đạo ở Đông Á. Nga và Trung

Quốc là hai cường quốc đang "trỗi dậy" về kinh tế, chính trị và quân sự, cùng tìm kiếm tiếng nói lớn hơn trong các vấn đề quốc tế và khu vực, vừa tăng cường hợp tác, vừa cảnh giác lẫn nhau. Bên cạnh đó, CA-TBD duy trì được môi trường hòa bình và ổn định một cách tương đối nhờ hệ thống các thể chế an ninh khu vực đan xen, nhiều tầng nấc. Các thỏa thuận an ninh song phương và cơ chế hợp tác an ninh đa phương phát triển dày đặc ở khu vực này. Tuy nhiên, chưa có một cơ chế nào có thể đóng vai trò làm "đầu tàu" để giải quyết các vấn đề an ninh còn tồn tại trong khu vực. CA-TBD đang phải vật lộn với các vấn đề gây mất ổn định kinh niên như vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên; các tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải giữa các nước trong khu vực; cuộc đấu tranh với Hồi giáo cực đoan; các mối đe dọa an ninh phi truyền thống như thiên tai, buôn bán người và ma túy…

2. Điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tác động đối với Việt Nam

Sự điều chỉnh chiến lược đáng chú ý nhất của Mỹ là đầu năm 2011, Tổng thống Mỹ B. Obama tuyên bố chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu sang CA-TBD. Việc triển khai chiến lược "Xoay trục châu Á - Thái Bình Dương" đã chứng minh nước Mỹ coi CA-TBD là khu vực địa - chiến lược, địa - chính trị trọng yếu, quan hệ trực tiếp đến an ninh quốc gia và vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ. Để thực hiện có hiệu quả chính sách này, Mỹ củng cố quan hệ đồng minh với các nước như Australia và Nhật Bản; hợp tác với các đối tác mới như Ấn Độ và Việt Nam; tăng cường công cụ quân sự và kinh tế của nghệ thuật lãnh đạo; can dự với các thiết chế đa phương; duy trì giá trị dân chủ và tìm cách định hình cho sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc liên quan tới CA-TBD thể hiện trong chính sách đối ngoại với sáng kiến chiến lược "Một vành đai, một con đường" được Chủ tịch nước Tập Cận Bình đề xuất tháng 9/2013. Sáng kiến này bao gồm Vành đai kinh tế Con đường Tơ lụa (SREB) - được xây dựng dọc theo hành lang Âu - Á từ bờ biển Thái Bình Dương tới biển Baltic và Con đường Tơ lụa trên biển thế kỷ XXI (MSR) cùng với 6 hành lang kinh tế cốt lõi kết nối MSR và SREB [7, tr.257]. Sáng kiến chiến lược này cho thấy tham vọng xây dựng một trật tự thế giới mới do Trung Quốc "viết luật chơi", phá vỡ "sự bao vây" của Mỹ tại CA-TBD và kiềm chế sự trỗi dậy của Ấn Độ. Vào năm 2014, Trung Quốc đưa ra quan điểm an ninh CA-TBD mới với nội hàm xây dựng một nền an ninh cộng đồng, an ninh tổng hợp, an ninh hợp tác và an ninh bền vững ở CA-TBD. Theo đó, Trung Quốc chủ trương "công việc của châu Á cần dựa vào nhân dân châu Á để giải quyết". Chủ trương này khác với những lần tuyên bố trước đây rằng "Thái Bình Dương đủ rộng để dung nạp cả Trung Quốc và Mỹ" [6, tr.103].

Sự điều chỉnh chiến lược của Nga đối với CA-TBD không mang tính tình thế hoặc nhất thời nhằm đối phó với Mỹ và phương Tây, mà là cam kết tăng cường sự can dự của Nga về kinh tế, chính trị và an ninh với các nước ở CA-TBD. Sự điều

chỉnh của Nga thể hiện qua chính sách "Hướng Đông" được Tổng thống V. Putin tuyên bố vào năm 2010, một năm trước khi chính quyền Tổng thống B. Obama công bố chiến lược "Xoay trục châu Á - Thái Bình Dương". Chính sách "Hướng Đông" của Nga có mục tiêu (1) khai thác tiềm năng các nền kinh tế đang phát triển nhanh ở CA-TBD để thu hút đầu tư cho phát triển khu vực Siberia và Viễn Đông của Nga; (2) tiếp cận thị trường rất lớn về tài nguyên năng lượng ở CA-TBD với vai trò là nhà xuất khẩu năng lượng lớn nhất thế giới; (3) mở rộng thị trường vũ khí trang thiết bị rộng lớn ở CA-TBD [6, tr.104].

Đối với Pháp, châu Á từng là "khu vực bị lãng quên" trong suốt một thời gian dài sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khi quốc gia này tập trung xây dựng châu Âu, hướng tới các nước láng giềng và coi khu vực châu Phi là ưu tiên trong chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, trong bối cảnh CA-TBD ngày càng trở thành trung tâm và động lực tăng trưởng của kinh tế toàn cầu, Pháp đã thay đổi quan điểm và bắt đầu kế hoạch xoay sang CA-TBD vào năm 2012. Tổng thống François Hollande ngay từ khi lên nắm quyền vào năm 2012 đã thể hiện mong muốn thiết lập một sự hiện diện rõ rệt và đa dạng hơn của Pháp tại CA-TBD, bất chấp việc phải cạnh tranh trực tiếp với Mỹ, quốc gia đang đẩy mạnh chiến lược hướng sang khu vực này nhằm hạn chế ảnh hưởng của Trung Quốc. Sách trắng về quốc phòng và an ninh quốc gia Pháp năm 2013 đã dành một vị trí ưu tiên cho khu vực CA-TBD và kêu gọi Pháp gia tăng gắn kết với châu lục này [1, tr.57-58]. Mục tiêu cơ bản của chính sách xoay trục sang CA-TBD của Pháp là tìm lại vị thế chiến lược của mình tại khu vực này, nói cách khác là vị thế của một nước Pháp có vai trò và được lắng nghe. Ý tưởng về xoay trục của Pháp không giống với chính sách "xoay trục" hay "tái cân bằng" ở CA-TBD của Mỹ đã triển khai năm 2011 dưới thời tổng thống Barack Obama. Trọng tâm "xoay trục" của Pháp không đi kèm với việc tái cơ cấu quân sự trong khu vực mà chủ yếu tập trung vào kinh tế và các hoạt động ngoại giao. Cụ thể, chính sách xoay trục của Pháp tập trung giải quyết hai vấn đề chính: thứ nhất là tìm kiếm các thị trường thương mại mới, thứ hai là đa dạng hóa và làm sâu sắc hơn các quan hệ đối tác chiến lược tại khu vực CA-TBD.

Sự điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản thể hiện qua chính sách hướng Nam mà Thủ tướng Shinzo Abe gọi là chiến lược "An ninh dân chủ kim cương". Với mục tiêu liên kết tất cả những quốc gia từ Ấn Độ kéo dài xuống Đông Nam Á và đến tận Australia, chiến lược "An ninh dân chủ kim cương" được Nhật Bản xây dựng với 4 quốc gia trụ cột là Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và Australia. Sau nửa thế kỷ tự kiềm trong chính sách hiếu hòa, Nhật Bản bắt đầu chuyển mình để đảm nhận vai trò của một đại cường quốc kinh tế và quân sự. Ngày 1/7/2014 là dấu mốc quan trọng trong quá trình điều chỉnh chính sách quốc phòng của Nhật Bản, thể hiện qua việc nước này đưa ra lời giải thích mới về nội dung Điều 9 của Hiến pháp, theo đó Lực lượng phòng vệ Nhật Bản sẽ tham gia sứ mệnh phòng thủ tập thể bên ngoài lãnh thổ quốc gia.

Sự điều chỉnh chiến lược của Ấn Độ đối với CA-TBD được thể hiện qua chính sách "Hành động phía Đông" được công bố chính thức vào năm 2014 trong bản tuyên bố chung sau cuộc gặp cấp cao giữa Thủ tướng Ấn Độ N. Modi và Tổng thống Mỹ B. Obama [7, tr.259]. Chính sách này được đưa ra thay cho chính sách "Hướng Đông" của Ấn Độ công bố năm 1991. Quyết định đổi tên chính sách "Hướng Đông" thành "Hành động phía Đông" thể hiện Ấn Độ sẽ chủ động và hành động có mục đích hơn trong khu vực để khẳng định vai trò xứng đáng của Ấn Độ với vị thế của một cường quốc ở khu vực và thế giới.

Liên minh châu Âu chính thức đưa ra một tầm nhìn mới với tên gọi "Chiến lược Kết nối Á - Âu" vào năm 2018 [5, tr.34]. Đây là lần đầu tiên EU có một chiến lược cụ thể, rõ ràng đối với châu Á và cũng có thể coi là câu trả lời của EU đối với những chiến lược đầy tham vọng của các đối tác khác.

Mối quan tâm của các cường quốc khu vực và thế giới khiến khu vực CA-TBD ngày càng "nóng" lên. Cùng với cơ hội phát triển, thách thức đang gia tăng đối với nhiều quốc gia trong khu vực. Việc nắm bắt, khai thác cơ hội, thời cơ và vượt qua thách thức từ sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn phụ thuộc vào quan điểm, đường lối chiến lược của mỗi quốc gia trong khu vực

Việc các nước lớn đều có những điều chỉnh chiến lược đối ngoại đối với CA-TBD đã và đang tác động nhiều mặt đối với khu vực. Trước hết, sự quan tâm, chú ý và tăng cường hiện diện, trong đó có hiện diện quân sự của các nước lớn ở CA-TBD làm gia tăng cạnh tranh nước lớn ở khu vực, đặt các nước trong khu vực, nhất là các nước vừa và nhỏ, trước sức ép lớn, buộc phải điều chỉnh chính sách phù hợp. Việt Nam hiện nay được đánh giá là cường quốc địa chính trị của khu vực CA-TBD và nằm trong vùng xoáy của những lực kéo - đẩy từ sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn, Việt Nam cũng chịu nhiều tác động thuận nghịch phức tạp.

Về tác động tích cực, với sự quan tâm của các nước lớn đối với khu vực, Việt Nam có điều kiện phát triển quan hệ hợp tác với tất cả các nước lớn, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư. Các nước lớn điều chỉnh chính sách theo hướng tích cực hơn đối với Việt Nam bởi với chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, có quan hệ sâu rộng với tất cả các cường quốc của mình, Việt Nam đã và đang thu hút sự quan tâm của các nước lớn mong muốn thúc đẩy quan hệ nhiều mặt với Việt Nam.

Về tác động tiêu cực, sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn cũng khiến Việt Nam phải có đường lối và chính sách ứng xử khéo léo, mềm dẻo để duy trì, củng cố quan hệ tốt đẹp với tất cả các nước, cả trên bình diện đa phương và song phương. Bên cạnh đó, sự gia tăng hiện diện quân sự ở Biển Đông của một số nước lớn cũng gây thách thức khó lường về an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

3. Khuyến nghị chính sách đối ngoại của Việt Nam

Đứng trước cơ hội và thách thức đan xen, trước những biến động to lớn của khu vực, Việt Nam cần xác định mục tiêu tối thượng của chính sách đối ngoại là bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi. Hoạt động đối ngoại phải nhằm "bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" [4, tr.324]. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ trong Văn kiện Đại hội XIII quan điểm chỉ đạo liên quan đến đối ngoại: "Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi" [4, tr.324] và "Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực" [4, tr.325].

Trong bối cảnh các nước lớn có những điều chỉnh chính sách, Việt Nam vẫn cần tăng cường quan hệ tốt đẹp với các nước, từng bước đưa quan hệ đi vào chiều sâu, ổn định và hiệu quả hơn trên cơ sở tìm điểm tương đồng và bảo vệ tối đa lợi ích quốc gia dân tộc. Thúc đẩy hợp tác với các nước lớn thường đi kèm với việc tập hợp lực lượng. Cạnh tranh giữa các nước lớn trong khu vực đang gia tăng nhanh chóng, Việt Nam cần hết sức tỉnh táo để tránh phải lựa chọn bên này hay bên kia. Nhất quán chính sách "cân bằng chiến lược" giữa các nước lớn chính là chìa khóa quan trọng nhất để thúc đẩy hợp tác, tranh thủ các cơ hội to lớn do sự điều chỉnh chính sách của các nước đem lại.

Chính sách "cân bằng chiến lược" dựa trên sự tự chủ theo nguyên tắc "bốn không" (không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế [2, tr.25]. Nhất quán chính sách này cũng nhằm phát huy trường phái đối ngoại và ngoại giao rất đặc sắc và độc đáo của Thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc "cây tre Việt Nam", "gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển".

Trước đây, do yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và phương thức tập hợp lực lượng của hai hệ thống xã hội đối lập trong Chiến tranh lạnh, Việt Nam lựa chọn quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa làm ưu tiên hàng đầu và quan hệ với Liên Xô trở thành "hòn đá tảng" trong chiến lược đối ngoại. Do vậy, sự nghiệp cách mạng của Việt Nam nhận được sự hậu thuẫn to lớn của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam giành thắng lợi trong cuộc chiến lịch sử với các thế lực thực dân, đế quốc hùng mạnh, bảo vệ nền độc lập dân tộc, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chiến tranh lạnh kết thúc đặt cột mốc cho sự quá độ của thế giới từ trật tự hai cực sang hình thành trật tự mới theo hướng đa cực, với sự xuất hiện của nhiều trung tâm quyền lực quốc tế. Chính

vì vậy, Việt Nam cần nhận định, đưa ra những dự báo về tình hình thế giới, khu vực và thực tiễn của thời đại để xác định mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đối ngoại trong những năm tới bởi tình hình thế giới, khu vực sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, tác động trực tiếp đến nước ta, tạo ra cả thời cơ và thách thức.

Việt Nam là quốc gia phải chịu một môi trường chiến lược có nguy cơ cao do phải đối mặt với những tính toán của các cường quốc, với những tranh chấp ở Biển Đông và với mối quan hệ bất đối xứng với nước láng giềng Trung Quốc. Vì vậy Việt Nam luôn luôn phải đối mặt với việc xử lý mối quan hệ với các nước lớn. Việc nhất quán chính sách "cân bằng chiến lược" giữa các nước lớn phục vụ chiến lược phát triển đất nước trở thành đòi hỏi tất yếu và cấp bách của đối ngoại Việt Nam.

Nhất quán chính sách "cân bằng chiến lược" là lựa chọn tất yếu trong duy trì quan hệ với các cường quốc. Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay, chính sách này dù là lựa chọn hàng đầu cũng cần có cách tiếp cận linh hoạt để đạt được lợi ích tối đa. Theo đó, cùng với chủ trương phát triển quan hệ với các nước lớn, Việt Nam cần đẩy mạnh quan hệ với các nước đang phát triển thông qua những cơ chế hợp tác, đối thoại, trao đổi phù hợp nhằm tạo thế đan xen lợi ích với từng đối tác. Qua đó, tăng cường hợp tác và đấu tranh, trong đó, có thể tranh thủ quan hệ với nước lớn này để tác động quan hệ với nước lớn khác trong xử lý các tình huống cụ thể, tránh trở thành "con bài" để các nước lớn "mặc cả" lợi ích. Đây là cách ứng xử rất linh hoạt, sáng tạo, bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia.

Khi đánh giá ngoại giao Việt Nam là ngoại giao Hồ Chí Minh và quán triệt truyền thống của ông cha ta từ hàng nghìn năm nay, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khi phát biểu chỉ đạo *tại Hội nghị đối ngoại toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng ngày 14/12/2021* đã dùng hình ảnh cây tre để miêu tả bản sắc ngoại giao Việt Nam là kiên cường nhưng mềm dẻo, linh hoạt. Thực tế cho thấy, các nước nhỏ cần kết hợp linh hoạt, uyển chuyển và khôn khéo giữa chủ nghĩa hiện thực chính trị, những nguyên tắc của chủ nghĩa lý tưởng mang bản sắc chủ nghĩa quốc gia và những nhân tố của chủ nghĩa tự do trong thời đại toàn cầu hóa. Trong đó, "đặt lợi ích quốc gia lên trên tất cả" phải là nguyên tắc xuất phát điểm; là cơ sở; là mục tiêu cho việc hoạch định, triển khai chính sách đối ngoại và cũng là thước đo để đánh giá chính sách đối ngoại.

Trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia của mình trước các nước lớn, cần giữ vững nguyên tắc và lập trường, không được thỏa hiệp vô nguyên tắc hoặc để bị chèn ép. Trong đó, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ là lợi ích quốc gia cốt lõi, căn bản nhất phải kiên quyết đấu tranh, giữ gìn, bảo vệ. Bên cạnh đó, trong ba mục tiêu của chính sách đối ngoại, phát triển phải là động lực quan trọng hàng đầu. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng nhất bảo đảm an ninh, thịnh vượng bền vững, cũng như có được sự nể trọng của quốc tế.

KẾT LUẬN

Sau hơn ba thập kỷ tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước, thế và lực của Việt Nam đã lớn mạnh lên nhiều. Việt Nam có lợi thế rất lớn là tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hoà bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tiếp tục tạo điều kiện để Việt Nam phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn, đặc biệt trước những biến động to lớn của khu vực đến từ những tính toán chiến lược của các nước lớn. Việt Nam cần kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế và nhất quán chính sách "cân bằng chiến lược" giữa các nước lớn để nâng cao hiệu quả của công tác đối ngoại phục vụ phát triển đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Quốc phòng Pháp (2013), *Livre blanc sur la défense et la sécurité nationale (Sách trắng về quốc phòng và an ninh),* truy cập ngày 25/8/2019 tại

http://www.livreblancdefenseetsecurite.gouv.fr/pdf/le_livre_blanc_de_la_defense_2013.pdf.

[2]. Bộ Quốc phòng Việt Nam (2019), *Quốc phòng Việt Nam 2019*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3]. Kurt M. Campell (dịch giả Nguyễn Văn Sảnh, Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Tuấn Linh, Nguyễn Hồng Quang) (2017), *Xoay trục: Tương lai nghệ thuật lãnh đạo của Mỹ ở châu Á,* Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[5]. Ngô Hữu Kỷ (2018), "Liên minh châu Âu "xoay trục" sang châu Á: Thực trạng và tác động ban đầu", *Tạp chí Quan hệ quốc phòng,* quý IV/2018, tr.34-40.

[6]. Đồng Xuân Thọ (2016), "Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương", *Tạp chí Cộng sản,* số 887, tr. 101-105.

[7]. Đỗ Thị Thủy (chủ biên) (2020), *Những vận động mới của trật tự thế giới và cục diện khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

[8]. Ủy ban Đối ngoại Quân sự -Thượng viện Pháp (2016), *Australie: quelle place pour la France dans le Nouveau monde?* (Úc: Định hình vị thế nước Pháp trong thế giới ngày nay) truy cập ngày 28/5/2020 tại: https://www.senat.fr/notice-rapport/2016/r16-222-notice.html

CỤC DIỆN CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI NHÌN TỪ BẤT ỔN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

ThS PHAN THỊ NHUẦN[1]

Tóm tắt:

Thay đổi địa chính trị có tác động rất lớn đến môi trường, không gian phát triển của mỗi quốc gia. Việc biến thách thức thành cơ hội phát triển hay chấp nhận thất bại phụ thuộc phần nhiều vào việc nhận diện đúng sự thay đổi, tác động của địa chính trị thế giới và sự lựa chọn của quốc gia đó. Hiện nay, những tác động của bất ổn chính trị trên thế giới đang làm cho nguy cơ khủng hoảng địa chính trị gia tăng và thay đổi cục diện chính trị thế giới. Bài viết trình bày một số vấn đề về bất ổn chính trị và tác động của nó đến cục diện chính trị thế giới hiện nay, qua đó nêu lên một số gợi ý chính sách đối với Việt Nam trong tình hình mới.

Từ khoá: *chính sách đối ngoại, địa chính trị, khủng hoảng chính trị, quan hệ quốc tế*

MỞ ĐẦU

Địa chính trị là lĩnh vực nghiên cứu về tác động của các yếu tố địa lí tới hành vi của các quốc gia và quan hệ quốc tế. Cụ thể, địa chính trị xem xét các yếu tố như vị trí địa lí, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, dân số hay địa hình tác động như thế nào tới chính sách đối ngoại của một quốc gia và vị thế của quốc gia đó trong hệ thống quốc tế. Dòng chảy thương mại, đầu tư, vốn, công nghệ hay nhân lực ngày càng trở nên tự do và thay thế dần các đường biên giới chính trị và địa lí cố định trong việc tạo ra nền tảng và khuôn khổ cho cho các mối quan hệ kinh tế và chính trị giữa các quốc gia.

Cục diện thế giới, hiểu một cách chung nhất, là tình hình mọi mặt của thế giới trong một khoảng thời gian nhất định; là bức tranh toàn cảnh, phản ánh tương quan lực lượng và quan hệ giữa các chủ thể chính của quan hệ quốc tế, trước hết là các cường quốc, các trung tâm quyền lực lớn trong một phạm vi không gian và

1 Trường Đại học Vinh

ở một khung thời gian nhất định, bao quát tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, quân sự đến văn hóa, tôn giáo…trong đó lĩnh vực chính trị có vị trí đặc biệt quan trọng đối với cục diện thế giới.

Tình hình chính trị của thế giới biến động hằng ngày, tương đương với nó, cục diện chính trị thế giới cũng đổi thay không ngừng. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, bất ổn chính trị trên toàn cầu đang có tác động không nhỏ đối với cục diện chính trị thế giới. Vấn đề này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các nhà hoạch định chính sách trong việc phân tích và nhận định tình hình, từ đó đề ra những chính sách phù hợp cho mỗi quốc gia đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

NỘI DUNG

1. Bất ổn chính trị

Sự bất ổn về chính trị xảy ra ở một số quốc gia, khu vực và trên thế giới thời gian qua, nguyên nhân sâu xa đều bắt nguồn từ việc tranh giành quyền lực chính trị; mâu thuẫn lợi ích giữa các đảng phái hoặc ngay nội bộ của đảng cầm quyền. Hậu quả của bất ổn chính trị không chỉ là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia mà còn gây ra rất nhiều hệ luỵ mang tính chất toàn diện đến đời sống nhân dân các quốc gia trực tiếp có bất ổn chính trị và nhân dân trên toàn thế giới. Đặc biệt là tác động đến cục diện chính trị thế giới hiện nay.

Bất ổn chính trị ở Myanmar xảy ra từ đầu năm 2021 được xem là điển hình cho sự khủng hoảng chính trị của một quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, dấu mốc quan trọng là tháng 4/2021, ở cấp cao nhất, các nước ASEAN đã đạt được thỏa thuận, đó là Đồng thuận 5 điểm[1] của ASEAN về Myanmar. Đồng thuận nhấn mạnh giải quyết hòa bình và ổn định câu chuyện Myanmar vì lợi ích của chính Myanmar nhưng cũng đóng góp vào lợi ích của khu vực và ASEAN. Tuy nhiên, theo tuyên bố chung của Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN (AMN) đưa ra ngày 5/8/2022, ASEAN "vô cùng thất vọng" trước những tiến triển hạn chế trong việc thực hiện đồng thuận 5 điểm nhằm chấm dứt xung đột ở Myanmar. Điều này cho thấy, bất ổn chính trị ở đất nước này vẫn đang là mối đe doạ đối với an ninh chính trị khu vực, đầu tiên là tác động trực tiếp đến ASEAN.

Từ trước đến nay vấn đề biển Đông luôn được đánh giá là phức tạp và thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là các nước lớn. Tình hình Biển Đông đang có dấu hiệu ngày càng phức tạp hơn trước sự tham

1 Năm điểm thống nhất của ASEAN về Myanmar bao gồm: chấm dứt bạo lực, đối thoại mang tính xây dựng giữa tất cả các bên liên quan, gửi viện trợ cho Myanmar, bổ nhiệm đặc phái viên ASEAN để tạo điều kiện cho các cuộc đàm phán và cho phép đặc phái viên ASEAN đến Myanmar.

gia hoạt động quân sự của nhiều nước trong khu vực này. Cùng với các hoạt động tập trận diễn ra với tần suất cao của Trung Quốc đe dọa hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải, gây căng thẳng và làm phức tạp thêm tình hình ở Biển Đông. Bên cạnh đó, các chiến hạm của Mỹ, Nhật Bản và Australia cũng tham gia cuộc diễn tập hải quân đa quốc gia ở Biển Đông. Tuy nhiên, sự phức tạp của vấn đề biển Đông vẫn đang nằm trong tính toán của các bên, xung đột giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ về quyền lợi của mình trên các khu vực tranh chấp ở vùng biển này vẫn được coi là ít xẩy ra.

Cuộc khủng hoảng chính trị Nga - Ukraine hiện nay đang diễn biến rất phức tạp. Bắt nguồn từ sau khi kết thúc Chiến tranh lạnh đến nay, gần hơn là năm 2014 khi Nga sáp nhập bán đảo Crimea, tiếp theo là một số bất ổn ở khu vực Donbass, phía đông của Ukraine - nơi có hai nước Cộng hòa tự xưng là Donetsk và Luhansk. Xoay quanh việc Nga triển khai lực lượng quân sự lớn tới khu vực giáp biên giới với Ukraine từ cuối tháng 11/2021, ngày 22/2/2022, Tổng thống Nga Vladimir Putin đã công bố quyết định công nhận độc lập của hai nước Donetsk và Luhansk, đồng thời điều quân đến đây để thực hiện "nhiệm vụ gìn giữ hòa bình" [5]. Từ góc độ chủ nghĩa hiện thực chính trị, khi tìm hiểu về quy luật vận động và đấu tranh của nền chính trị quốc tế. Nằm trên lục địa Âu - Á, Ukraine là "vùng đệm tự nhiên" giữa Đông và Tây. Cả Nga và phương Tây đều cho rằng, bên kia là mối nguy cơ an ninh, đe dọa sự tồn tại của mình. Xung đột quân sự Nga - Ukraine - một sự kiện làm rung chuyển toàn cầu trong thời gian qua được đánh giá sẽ tác động không nhỏ tới cấu trúc an ninh khu vực châu Âu, thậm chí cả cục diện chính trị thế giới. Châu Âu hiện là khu vực đang đối mặt với các thách thức lớn nhất, bao gồm: Thách thức an ninh từ Nga và tác động lan tỏa của cuộc chiến từ ngay trong lòng châu Âu là Ukraine; Tác động kinh tế, đặc biệt là các hệ lụy từ việc lệ thuộc năng lượng vào Nga quá mức. Ở Italy, lạm phát trong tháng 6/2022 đã tăng 8% so với cùng kỳ năm trước, đánh dấu mức tăng lạm phát hàng tháng cao nhất trong 36 năm qua. Giá năng lượng đẩy giá thực phẩm chế biến lên cao với mức tăng 8,2% trong tháng 6, thực phẩm không chế biến tăng 9,6%, dịch vụ giải trí và chăm sóc cá nhân tăng 5,0%, vận tải tăng 7,2% và các dịch vụ chung tăng 3,4% [4].

Như vậy, bất ổn chính trị ở các quốc gia, khu vực và thế giới hiện nay đang đặt ra nhiều vấn đề đối với thay đổi cục diện chính trị thế giới, trong đó, các nước lớn tiếp tục giữ vai trò chi phối cục chủ yếu, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, kiềm chế và ngăn chặn lẫn nhau. Trong bàn cờ chính trị quốc tế, các nước lớn đóng vai trò chính trong việc định hình trật tự, cục diện thế giới, xây dựng luật chơi và cơ chế giải quyết các vấn đề nổi lên ở khu vực và thế giới. Trong đó cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét, gia tăng nguy cơ xung đột gây bất ổn chính trị nhiều khu vực trên thế giới.

2. Tác động của bất ổn chính trị đến cục diện chính trị thế giới hiện nay

Sự tác động được đánh giá theo hai chiều hướng tích cực và tiêu cực, tuy nhiên đối với bất ổn chính trị tác động đến cục diện chính trị thế giới hiện nay chủ yếu diễn ra theo chiều hướng tiêu cực. Bởi vì:

Thứ nhất, dưới tác động của bất ổn chính trị hiện nay các quốc gia trên thế giới sẽ phải "tính toán" lại các chính sách tiêu chuẩn và thúc đẩy các bước tiến xa hơn, hướng tới một thực tế mà ở đó, các chính phủ can thiệp vào thị trường vì lý do an ninh và các chính sách tài chính và tiền tệ gắn kết lẫn nhau rất nhiều. Bất ổn chính trị đã tạo nên một loạt tác động đến toàn bộ nền kinh tế thế giới, đặc biệt là vấn đề gia tăng lạm phát và đứt đoạn chuỗi cung ứng khiến nhiều quốc gia lâm vào tình thế chật vật để giải cứu nền kinh tế vốn đã bị suy thoái. Cùng với những xung đột đứt gãy hệ thống chính trị, xã hội; dưới sự tác động mạnh của dịch bệnh COVID-19 sẽ khiến trật tự thế giới hiện nay thay đổi.

Thứ hai, bất ổn chính trị ở cấp độ quốc gia, khu vực và thế giới sẽ khiến an ninh chính trị và hòa bình thế giới trở nên bất ổn, khó lường và nguy cơ khủng hoảng toàn diện. Hiện nay cuộc khủng hoảng Ukraine và các lệnh trừng phạt nhằm vào Nga đang gây ảnh hưởng đến các nền kinh tế trên toàn cầu. Đến nay, tình hình căng thẳng tại Ukraine chưa có dấu hiệu giảm nhiệt và sẽ còn nhiều tác động lên kinh tế - chính trị của các bên liên quan cũng như toàn cầu. Không chỉ tác động đến thị trường năng lượng toàn cầu cũng như các thị trường mang tính sống còn khác như lương thực, nguyên vật liệu đầu vào then chốt… cuộc xung đột Nga - Ukraine còn đang tác động sâu rộng tới thế cuộc toàn cầu vốn định hình thời gian dài sau Chiến tranh Lạnh, sự thay đổi cục diện chính trị thế giới theo đó ngày càng rõ nét hơn rõ nét hơn. Mặc dù chưa trở thành xu hướng, nhưng cuộc khủng hoảng Nga - Ukraine hiện nay, với sự can thiệp của Mỹ và phương Tây trước đó ở Kosovo, Iraq và Lybia đang làm dấy lên sự quan ngại về việc xem nhẹ vai trò của luật pháp quốc tế và Liên hợp quốc, cũng như các nguyên tắc cơ bản ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc, như giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế. Trật tự thế giới hình thành sau Chiến tranh thế giới lần thứ II được ba cường quốc chiến thắng là Liên Xô, Mỹ và Anh thiết lập. Hiện nay, Liên Xô không còn tồn tại, vai trò của Mỹ và Anh cũng đã thay đổi, còn Trung Quốc và Đức đang tích cực hướng tới vị thế siêu cường. Trong trật tự thế giới mới, tam giác quan hệ Mỹ - Trung Quốc - Nga đóng vai trò then chốt, trong bối cảnh đó, xung đột giữa Nga – Ukraine đang đặt ra nhiều giả thuyết khó đoán định đối với cục diện chính trị thế giới hiện nay.

Thứ ba, thế giới chứng kiến các nước lớn có sự cạnh tranh chiến lược gay gắt, phức tạp. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, gia tăng sức mạnh quân sự, tiếp tục can dự, chi phối an ninh, chính trị thế giới, khu vực và các nước khác. Các nước lớn kết hợp răn đe quân sự với các biện pháp kinh tế, văn hóa, chính trị, ngoại giao,

tạo "sức mạnh mềm", sẵn sàng can thiệp vũ trang, tấn công các nước nhỏ bằng các biện pháp vũ trang và phi vũ trang, buộc các nước phải khuất phục, thay đổi chế độ chính trị... Vai trò của luật pháp quốc tế, thể chế quốc tế tăng lên, nhưng một số nước lớn vẫn đang tìm cách thay đổi "luật chơi" trong quan hệ quốc tế. Ranh giới giữa chiến tranh và hòa bình, môi trường chiến lược diễn biến ngày càng phức tạp, thúc đẩy chạy đua vũ trang, tập hợp lực lượng. Do đó, bất ổn chính trị ở từng quốc gia, khu vực và lan rộng ra phạm vi càng lớn càng sẽ càng lôi cuốn nhiều quốc gia vào vòng xoáy bất ổn, đặc biệt là những toan tính của các nước lớn, cục diện chính trị thế giới theo đó sẽ có nhiều biến động.

Thứ tư, bất ổn chính trị lan rộng sẽ tác động xấu đến tình hình thế giới và trật tự quốc tế. Mỹ và phương Tây đang chiếm ưu thế một phần trong mối quan hệ quốc tế khi có tiếng nói quan trọng trong các định chế quốc tế. Thế nhưng, vai trò của Mỹ và đồng minh bắt đầu có dấu hiệu giảm dần, các cường quốc mới nổi đang dần thay thế, trong đó có Nga - Trung Quốc. Hiện tại, Mỹ và phương Tây muốn tiếp tục giữ vai trò áp đảo của mình trước sự vươn lên của Nga và Trung Quốc. Tuy nhiên, Nga - Trung Quốc đang muốn thay đổi trật tự quốc tế từ đơn cực với sự thống trị của Mỹ và đồng minh sang đa cực. Trong đó, Nga và Trung Quốc sẽ có vai trò ngang bằng với Mỹ trong nhiều vấn đề khác nhau. Đây sẽ là xu hướng diễn ra sắp tới, hiện nay mới ở thời gian đầu triển khai và phải mất thời gian để dự báo.

3. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: "Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức" [1, tr.12]. Trong bối cảnh địa chính trị thế giới có những biến động sâu sắc, mau lẹ, với nhiều yếu tố khó lường như hiện nay, Việt Nam cần:

Kiên trì thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Đồng thời dựa trên thế và lực của đất nước sau hơn 35 năm đổi mới, xuất phát từ nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn chiến lược hiện nay và phục vụ trực tiếp các mục tiêu phát triển của đất nước tới năm 2025, năm 2030 và năm 2045, để thích ứng với tình hình mới, Việt Nam cần phát huy tối đa nội lực và tranh thủ ngoại lực, đảm bảo mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích quốc tế. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc diễn ra ngày càng quyết liệt, các quốc gia vừa và nhỏ đều nhận thấy lợi ích quốc gia - dân tộc chỉ có thể được bảo đảm khi lợi ích chung của cộng đồng quốc tế được bảo đảm dựa trên luật lệ quốc tế.

Trước những thay đổi khó đoán định của tình hình quốc tế, khu vực; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực tiếp tục diễn ra gay gắt, Việt Nam cần theo dõi, nghiên cứu, đánh giá tác động của cuộc bất ổn chính trị thế giới đối với cục diện chính trị thế giới, nhất là quan hệ giữa Mỹ, phương Tây và Nga, Trung Quốc, qua đó, có sự chuẩn bị trước để nắm bắt kịp thời các diễn biến tiếp theo của tình hình.

KẾT LUẬN

Bất ổn chính trị hiện nay đang có dấu hiệu gia tăng và lôi cuốn nhiều quốc gia vào vòng xoáy của khủng hoảng chính trị trên phạm vi toàn thế giới. Từ các cấp độ quốc gia, khu vực và thế giới, bất ổn chính trị đang diễn ra với những mức độ khác nhau đe doạ an ninh chính trị toàn cầu. Bất ổn chính trị tác động đến sự thay đổi của cục diện chính trị thế giới theo hướng tiêu cực nhiều hơn, điều này đòi hỏi các quốc gia, tổ chức trên thế giới phải có những tính toán và chính sách phù hợp để đảm bảo giữ vững ổn định và an ninh chính trị toàn cầu.

Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, trong bối cảnh đó đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam cần có những dự báo tình hình và đề ra những đối sách phù hợp để đảm bảo lợi ích quốc gia – dân tộc và phát huy vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Bên cạnh đó, đối với công tác nghiên cứu và giảng dạy các bộ môn Chính trị học hiện nay cần chủ động nắm bắt tình hình thế giới và khu vực, đặc biệt trong bối cảnh thay đổi địa chính trị thế giới trước tác động của bất ổn chính trị hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Colin Flint, Peter J. Taylor (2018), *Political Geography: World-Economy, Nation-State and Locality,* Routledge, London.

[3]. Phan Văn Lãn (2022), *Một số tình hình thế giới nổi bật và hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta trong những tháng đầu năm 2022"*, Cổng thông tin điện tử đảng bộ tỉnh Quảng Trị, truy cập ngày 22/8/2022 tại: https://tinhuyquangtri.vn/mot-so-tinh-hinh-the-gioi-noi-bat-va-hoat-dong-doi-ngoai-cua-dang-nha-nuoc-ta-trong-nhung-thang-dau-nam-2022

[4]. Trương Khắc Trà (2022), *Khủng hoảng chính trị Italy đe dọa Châu Âu"*, *Diễn đàn Doanh nghiệp*, truy cập ngày 22/8/2022 tại https://diendandoanhnghiep.vn/khung-hoang-chinh-tri-italy-de-doa-chau-au-227486.html

[5]. Hoàng Anh Tuấn (2022), *Khủng hoảng Ukraine và dự báo thay đổi địa-chính trị trên phạm vi toàn cầu"*, *Sóng Việt - Ấn phẩm của báo Tiếng nói Việt Nam*, truy cập ngày 22/8/2022 tại: http://songvietvov.vn/p/khung-hoang-ukraine-va-du-bao-thay-doi-dia-chinh-tri-tren-pham-vi-toan-cau

PHẦN THỨ HAI

NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC TA HIỆN NAY

PGS. TS LÊ VĂN ĐÍNH[1]

Tóm tắt:

Trong những năm qua, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần vào thành tự to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 35 năm đổi mới; nhưng nghiêm túc nhìn lại vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đề ra; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, chồng chéo, nhiều tầng nấc, hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả. Do đó, việc tìm hiểu điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị nhằm tiếp tục đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả vừa là đòi hỏi tất yếu khách quan; vừa là yêu cầu, nhiệm vụ cấp thiết trong tình hình hiện nay, vừa góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ khóa: *hệ thống chính trị Việt Nam, văn kiện Đại hội XIII*

MỞ ĐẦU

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã luôn căn cứ vào quy luật khách quan và xuất phát từ tình hình thực tế của đất nước để kịp thời điều chỉnh, chuyển

1 Học viện Chính trị khu vực III

đổi mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cho thích nghi, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của từng giai đoạn cách mạng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Ban Chấp hành Trung ương cũng thẳng thắn chỉ rõ rằng: mặc dù đã qua nhiều lần kiện toàn, sắp xếp, nhưng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, chưa đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đề ra; do vậy việc tiếp tục đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả vừa là yêu cầu, nhiệm vụ cấp thiết trong tình hình hiện nay, vừa góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn thế nữa, công cuộc đổi mới đất nước và sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới, nhất là công nghệ thông tin và cuộc cách mạng 4.0, đòi hỏi chúng ta phải đổi mới tổ chức bộ máy để thích ứng với điều kiện mới và tinh giản biên chế của hệ thống chính trị, góp phần thúc đẩy hội nhập. Trong bối cảnh đó, nếu chúng ta không đổi mới, ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu khoa học của nhân loại để góp phần xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn và tinh giản biên chế của hệ thống chính trị thì đất nước ta sẽ ngày càng bị tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Việc tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị nhằm cụ thể hóa và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII, XIII của Đảng, đưa chủ trương, Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới, đòi hỏi tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

NỘI DUNG

1. Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị Việt Nam về mặt thiết chế bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền

nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cơ chế vận hành của hệ thống chính trị nước ta được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ" [1, tr.173]. Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức xét đến cùng "phải phục vụ lợi ích của nhân dân. Giải quyết hài hoà các quan hệ lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân" [1, tr.165-166]. Đồng thời, "Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [1, tr.173]. Chủ đề của Đại hội XIII là "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và *hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh*; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa" [1, tr.57]. Các thành tố trong chủ đề Đại hội XIII so với Đại hội XII có một số điểm mới, bao gồm: Bổ sung *"xây dựng hệ thống chính trị"* vào nội dung xây dựng Đảng thành "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và *hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh"*. *Mục tiêu tổng quát được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII là: "*Nâng cao năng lực lãnh đạo, *năng lực cầm quyền* và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và *hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện*; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, *nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"* [1, tr.111-112]. Mục tiêu tổng quát trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII xác định mục tiêu tổng quát có những điểm mới là:

- *Một là,* bổ sung *"năng lực cầm quyền"* vào nội dung "nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng" thành *"Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng"*. Sau khi Đảng giành được chính quyền, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền. Trong 5 năm tới và những năm tiếp theo, tình hình thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Đất nước ta bên cạnh những thời cơ thuận lợi phải đương đầu với những khó khăn, thách thức. Điều đó, đòi hỏi Đảng

ta không chỉ nâng cao *năng lực lãnh đạo*, mà cần phải nâng cao *năng lực cầm quyền.* Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là những yêu cầu đối với Đảng để Đảng làm tốt vai trò lãnh đạo của Đảng đối với mọi mặt hoạt động... *Cầm quyền là lãnh đạo nhưng thông qua Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.* Nội dung và phương thức cầm quyền có điểm chung, nhưng cũng có điểm khác với phương thức lãnh đạo: Chủ yếu đề cập đến việc Đảng *nắm, định hướng, kiểm soát hoạt động của Nhà nước* trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; khắc phục tình trạng tình trạng Đảng làm thay hoặc buông lỏng Nhà nước. Đảng phải *chịu trách nhiệm chính* về hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Đảng định hướng cơ chế vận hành của hệ thống chính trị sao cho đảm bảo tính hoàn thiện, đồng bộ trong cơ cấu; tính khoa học và hợp lý trong cấu trúc; tính hiệu quả trong việc kiểm soát quyền lực; tính kỷ luật, kỷ cương nghiêm minh nhằm đảm bảo đẩy lùi mọi hiện tượng tha hóa quyền lực (tham nhũng, lãng phí, quan liêu) ra khỏi hệ thống chính trị để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ. Cơ chế vận hành của hệ thống chính trị nước ta được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII là "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, *Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ"*. Cùng với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, thành tố *Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội* được xác định rõ chức năng *"làm nòng cốt để nhân dân làm chủ"* [1, tr.173].

- *Hai là,* bổ sung *"hệ thống chính trị"* vào nội dung "xây dựng Đảng" thành "xây dựng Đảng và hệ thống chính trị" và nêu yêu cầu *xây dựng Đảng và hệ thống chính trị "trong sạch, vững mạnh toàn diện"*. Yêu cầu xây dựng Đảng gắn liền với "xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh" chính là đặt thành tố (thiết chế) Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong cơ cấu thống nhất của hệ thống chính trị, đòi hỏi đảm bảo tính đồng bộ của các thành tố (thiết chế) cấu thành hệ thống chính trị, tất nhiên trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo, cầm quyền.

- *Ba là,* đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [1, tr.173].

Cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta hiện là *"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ"* [1, tr.173]**.** *Một điểm mới trong định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trên lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị* là "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"* [1, tr.173]. So với Văn kiện các Đại hội trước, Văn kiện Đại hội lần này bổ sung nội dung, phương châm thực hiện dân chủ "*dân giám sát, dân thụ hưởng"* [1, tr.173]. Bởi vì xét đến cùng "Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công

chức xét đến cùng *phải phục vụ lợi ích của nhân dân.* Giải quyết hài hoà các quan hệ lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân" [1, tr.173].

Nhấn mạnh "*quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân*" là nhấn mạnh việc phát huy hiệu quả tích cực, thực tế vai trò là chủ và làm chủ của người dân trong đời sống xã hội, thể hiện đúng và đầy đủ hơn bản chất tốt đẹp của chế độ ta là chế độ của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Ngoài việc "*Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, trí tuệ, quyền và trách nhiệm của nhân dân* tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội..."[1, tr.173-174]; Văn kiện Đại hội XIII cũng yêu cầu trách nhiệm của "Cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội" [1, tr.173].

2. Định hướng giải pháp đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị

Một trong 06 nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong nhiệm kỳ Đại hội XIII là: "Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa" [1, tr.173]; đây là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Để xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả cần tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- *Thứ nhất, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị:* Cụ thể hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ". Trong đó trọng tâm là tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới. Đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính tự chủ, năng động, sáng tạo của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị: "Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền" đi đôi với việc "kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện phân cấp, phân quyền, chống tha hóa quyền lực"; "có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo" gắn với "đề cao trách nhiệm" và "đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của trung ương" [1, tr.198]. Đồng thời, tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới.

- Thứ hai, xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ trong những năm đến, tình hình thế giới và trong nước sẽ tác động mạnh, nhiều chiều đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đội ngũ, cán bộ, đảng viên, đặc biệt là các nguy cơ: "Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta... Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ cũng như mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp" [1, tr.108]; do vậy cần đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng, chinh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Xây dựng Đảng là công việc cơ bản, thường xuyên của một đảng cầm quyền; chỉnh đốn Đảng được đặt ra cấp bách khi xuất hiện tình hình đặc biệt cần có giải pháp đặc biệt - chỉnh đốn Đảng là nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh (khi gặp thuận lợi không chủ quan, tự mãn, ngủ quên trên vòng nguyệt quế; khi gặp khó khăn không được dao động, ngã nghiêng...). Cụ thể cần tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp: Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, về tư tưởng, về đạo đức, về tổ chức. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên. Tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới [1, tr.180-198]. Đặc biệt là phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu.

- Thứ ba, Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn sau 35 năm đổi mới, đặc biệt là sau 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Những nội dung cơ bản của việc việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là: (1) "xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả

thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững". (2) Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. (3) Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. (4) Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. (5) Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định. (6) Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước.

- *Thứ tư, tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong bối cảnh mới.* (1) phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên về vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. (2) làm tốt hơn nữa vai trò giám sát và phản biện xã hội theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 và các quy định của Bộ Chính trị. (3) đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. (4) tăng cường kiểm tra, giám sát đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. (5) xây dựng kiện toàn tổ chức bộ máy Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có phẩm chất, năng lực, uy tín. (6) Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư; thực hiện tốt và có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Giải pháp tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư được xem như một trong những nhiệm vụ trọng tâm: Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với nhiệm vụ bao trùm là tập hợp, tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Do đó, phải bám sát nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, những bức xúc, kiến nghị của nhân dân để lựa chọn nội dung cho phù hợp. Cần hướng vào các nội dung, như chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm, chợ... để tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên. Nhận diện chính xác những bức xúc trong nhân dân, như:quy hoạch, đất đai, giải tỏa, đền bù, tái định cư... để có phương thức giải thích, tuyên truyền, vận động hiệu quả. Thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất,

tinh thần của đoàn viên, hội viên, tạo sự phấn khởi đồng thuận, động lực khát vọng trong nhân dân. Đổi mới phương thức, phương pháp hoạt động theo hướng sát với thực tiễn, mềm dẻo, linh hoạt, "đối tượng nào phương pháp đó" để vận động, thuyết phục nhân dân có hiệu quả. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải bám sát thực tiễn, hóa thân vào các phong trào, thực hiện "ba cùng" với nhân dân để vận động, thuyết phục nhân dân tham gia tích cực, hiệu quả các phong trào. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đề cao tính tự quản, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân về các phong trào hoạt động của mình. Để hoạt động có hiệu quả, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải tiếp tục rà soát, bổ sung điều chỉnh quy chế phối hợp cho phù hợp với thực tiễn mới, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn hiện nay. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay đòi hỏi hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải thay đổi sao cho phù hợp với những yêu cầu mới. Lợi ích kinh tế là cơ sở để người lao động có thể bảo đảm và cải thiện dần điều kiện sinh hoạt, học tập, bảo vệ sức khoẻ, vui chơi, giải trí, nâng cao dần chất lượng cuộc sống... Quần chúng chỉ gắn bó với đoàn thể, khi họ tìm thấy ở đó những lợi ích chính đáng và được đoàn thể bảo vệ những lợi ích đó Lâu nay, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội dựa vào nguồn kinh phí của Nhà nước là chủ yếu. Trong thời gian tới, các tổ chức chính trị - xã hội phải có phương án tự chủ kinh phí một phần, giảm tải gánh nặng nguồn lực tài chính của Nhà nước. Đây là vấn đề khá nhạy cảm, khó khăn nhưng không thể không làm. Kinh nghiệm của Singapore đã cho thấy: Liên đoàn Lao động Quốc gia Singapore (NTUC) đóng vai trò to lớn trong việc thực hiện sự đồng thuận xã hội trong cộng đồng - *lấy đối thoại thay cho đối đầu, lấy hòa giải thay cho tranh chấp* - để giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững. Các loại doanh nghiệp xã hội và các tổ chức liên quan của NTUC có vai trò rất lớn trong việc tạo công ăn việc làm, giải quyết vấn đề nhà ở thu nhập thấp, dịch vụ vay ưu đãi và cung cấp các mặt hàng thiết yếu giá rẻ cho người lao động; thực hiện các dịch vụ chăm sóc bệnh nhân hậu phẫu, chăm sóc người già và ký túc xá và dạy nghề cho sinh viên. Với các hoạt động này họ đã phần nào đáp ứng các nhu cầu, lợi ích thiết thực cho đoàn viên, hội viên; đồng thời, thông qua cán bộ của Đảng Hành động Nhân dân PAP có môi trường để trải nghiệm thực tiễn. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bên cạnh việc tìm mô thức phát triển kinh tế, tổ chức các phong trào gây quỹ, cần chủ động huy động nguồn lực tài chính từ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm trong và ngoài nước để hỗ trợ nguồn lực tài chính phục vụ cho các hoạt động an sinh xã hội có hiệu quả).

- Thứ năm, Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII chỉ rõ công tác cán bộ thực sự là "then chốt của then chốt", do vậy tập trung xây dựng đội

ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Cụ thể cần: Nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược ngang tầm nhiệm vụ. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; chống chạy chức, chạy quyền. Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về công tác tổ chức, cán bộ. Đặc biệt, chú trọng việc *khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung* theo tinh thần Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị.

KẾT LUẬN

Thực hiện tốt những điểm mới về đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị theo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng sẽ đem lại một số kết quả cụ thể như sau: (1) Góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước; chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. (2) Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được tinh gọn, nhất là việc tinh gọn đầu mối bên trong của từng cơ quan, tổ chức; khắc phục được sự chồng chéo, trùng lắp về nhiệm vụ giữa các tổ chức; giảm được một số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố quá nhỏ. (3) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được cơ cấu lại, sắp xếp, bố trí hợp lý hơn và hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ sẽ cao hơn. (4) Tạo lập cơ chế vận hành đồng bộ của các thiết chế trong hệ thống chính trị

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Hội đồng lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Chính trị quốc gia Sự thật

[4]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị khu vực III (2022), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở Học viện Chính trị khu vực III*, Đà Nẵng 30 - 9 - 2022

QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM VỀ NĂNG LỰC VÀ PHƯƠNG THỨC CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC

TS TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO[1]

Tóm tắt:

Năng lực và phương thức cầm quyền của Đảng là một trong những nội dung cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân chính trị học. Việc cập nhật hệ thống quan điểm mới của Đảng về vấn đề này trong các kỳ đại hội Đảng là khách quan và cần thiết nhằm đảm bảo tính Đảng, tính cách mạng và tính khoa học trong đào tạo. Đại hội XIII của Đảng là đại hội đánh dấu bước ngoặt trong nhận thức của Đảng về quan điểm năng lực và phương thức cầm quyền của Đảng. Việc nghiên cứu nội dung đại hội XIII của Đảng về vấn đề này để chỉ rõ nội hàm năng lực, năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng. quan điểm của Đảng ta về năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền là cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Từ khóa: *Đại hội XIII của Đảng, giảng dạy chính trị học, năng lực, năng lực lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng.*

MỞ ĐẦU

Vấn đề đảng cầm quyền không phải là vấn đề mới, giới khoa học đã quan tâm nghiên cứu và làm rõ một số nội dung liên quan vấn đề này. Trong những năm gần đây, thực tiễn lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đặt ra vấn đề cấp thiết là phải làm rõ các vấn đề của đảng cầm quyền, phân biệt đảng cầm quyền với đảng lãnh đạo. Tại Đại hội XI, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong*

1 Trường Đại học Vinh

thời kỳ quá độ lên CNXH (Bổ sung, phát triển), Đảng ta khẳng định: *ĐCS Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.... Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.* [6, tr.88-89]. Từ đó, Đảng đề ra nhiệm vụ: "*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta...*" [6, tr.255].

Đến Đại hội XII, Đảng chỉ rõ những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng: "*Chưa xác định rõ nội dung và phương thức cầm quyền*" [7, tr.197]. Đảng đề ra phương hướng, nhiệm vụ: "*Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả*" [7, tr.199]; "*Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần phải phòng ngừa đối với đảng cầm quyền*" [7, tr.217].

Đến Đại hội XIII, vấn đề đảng cầm quyền vẫn được đặt ra và nhấn mạnh nhiều lần, nhất là trong *Báo cáo chính trị*. Về các bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công cuộc đổi mới, Đảng ta nhấn mạnh: "*Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ...; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng*" [8, tr.197]; "*Nhận thức sâu sắc hơn bản chất, tính cách mạng, tín tiên phong của Đảng; vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng*" [8, tr.100]. Trong quan điểm chỉ đạo và trong mục tiêu phát triển, Đảng ta khẳng định lại: "*nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng*" [8, tr.111]. Phương hướng hoạt động của Đảng cũng được xác định: "*Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng*" [8, tr.180]. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội XIII là: "*Đổi mới* phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng" [8, tr.200].

NỘI DUNG

1. Quan niệm về năng lực lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng

Lãnh đạo là giáo dục, thuyết phục, tập trung sức mạnh của tổ chức, dẫn dắt tổ chức hành động theo mục tiêu đề ra; là tập hợp, gây ảnh hưởng nhằm hướng các nỗ lực của mọi người, tập thể cùng hợp tác để thực hiện một mục tiêu chung. *Đảng lãnh đạo là đảng đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức, động viên, thuyết phục, tập hợp các tầng lớp nhân dân thực hiện*. Vai trò lãnh đạo của đảng được xác lập ngay từ khi ra đời, khi đảng đấu tranh vươn tới vị trí cầm quyền, hoặc tác động tới đảng cầm quyền theo hướng có lợi cho mình và cho khối quần chúng đi theo đảng.

Cầm quyền là nắm giữ quyền lực. *Đảng cầm quyền là đảng đại diện cho một giai cấp đang nắm giữ chính quyền nhà nước để điều hành, quản lý đất nước nhằm trước hết phục vụ lợi ích của giai cấp mình, sau đó là lợi ích của xã hội.*

Trong thể chế đa đảng, đảng cầm quyền là đảng nắm giữ đa số ghế trong Hạ viện (thể chế đại nghị) hoặc nắm giữ chức Tổng thống (thể chế cộng hòa tổng thống). Đó là đảng có năng lực cạnh tranh dân chủ mạnh mẽ nhất bằng *cương lĩnh, chính sách phát triển đất nước* trên cơ sở Hiến pháp và phù hợp với từng thời kỳ lịch sử cụ thể (nhiệm kỳ), được thực hiện bằng nhà nước và thông qua các đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước. Yếu tố cầm quyền của đảng được thể hiện ở các điểm: 1) Được Hiến pháp và pháp luật thừa nhận về sự cầm quyền; 2) Có vai trò quyết định trong lập hiến và lập pháp; 3) Trực tiếp đưa đảng viên của mình nắm các chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước.

Là đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam có những đặc điểm chung như tất cả các đảng cầm quyền trên thế giới, đồng thời có những đặc điểm riêng: *Một là*, Đảng cầm quyền trong thể chế chính trị nhất nguyên, từ cuối năm 1988 đến nay là Đảng chính trị duy nhất ở Việt Nam; *Hai là*, Đảng cầm quyền không qua tranh cử mà như một tất yếu đương nhiên sau khi lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền nhà nước và cầm quyền liên tục từ năm 1945 đến nay; *Ba là*, Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với các lực lượng vũ trang; *Bốn là*, Đảng có cơ sở chính trị là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, có thể huy động các tổ chức này tham gia xây dựng Đảng; giám sát, phản biện xã hội, phối hợp hoạt động đối với các cơ quan nhà nước và giám sát cán bộ, công chức nhà nước.

Năng lực là đặc điểm của tổ chức, cá nhân, thể hiện mức độ thông thạo một hay một số dạng hoạt động nào đó. Năng lực lãnh đạo của Đảng là: 1) năng lực hoạch định đường lối, chính sách và khả năng tổ chức chỉ đạo thực hiện; 2) năng lực lãnh đạo Nhà nước thể chế hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng; 3) năng lực lãnh đạo các tổ chức chính trị- xã hội, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân; năng lực tổng kết lý luận- thực tiễn, tạo thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng; 5) năng lực thuyết phục nhân dân hiểu rõ và thực hiện nghiêm túc những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Năng lực cầm quyền của Đảng là tổng hòa những phẩm chất, tri thức, kinh nghiệm, phương thức lãnh đạo của Đảng tạo thành sức mạnh, uy tín giúp Đảng có thể tập hợp lực lượng, đấu tranh giành chính quyền và tổ chức thực hiện thành công lý tưởng, mục tiêu chính trị, củng cố địa vị cầm quyền của Đảng**.** Năng lực cầm quyền của Đảng được thể hiện ở: 1) Năng lực xây dựng Nhà nước thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; 2) Năng lực phát huy vai trò của Nhà nước thể chế hoá đúng đắn, kịp thời và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quan điểm, chủ trương của Đảng liên quan tới phát triển đất nước; 3) Năng lực đào tạo và phát huy đội ngũ cán bộ, công

chức nhà nước có đủ phẩm chất, năng lực tổ chức thực hiện có hiệu quả - bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước; 4) Năng lực xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ; 5) Năng lực kiểm tra, giám sát, đấu tranh có hiệu quả chống quan liêu, tham nhũng, sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, trong tổ chức đảng và bộ máy nhà nước; 6) Năng lực lãnh đạo phát triển kinh tế và các lĩnh vực của đời sống xã hội, tăng cường sức mạnh an ninh, quốc phòng, đảm bảo thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2. Quan niệm về phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng

Phương thức lãnh đạo của Đảng là những biện pháp, cách thức, phương pháp mà Đảng tác động lên Nhà nước và xã hội nhằm đạt mục tiêu giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta xác định phương thức lãnh đạo của Đảng là: 1) Lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; 2) Lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; 3) Lãnh đạo công tác cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị; 4) Lãnh đạo thông qua các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Phương thức cầm quyền của Đảng là tổng hợp những phương pháp, cách thức, biện pháp để nắm giữ, tác động vào Nhà nước, thể chế hóa quyền lực chính trị của Đảng thành quyền lực nhà nước; chuyển hóa ý thức hệ giai cấp công nhân thành chế định luật pháp và mô hình tổ chức quyền lực nhà nước; xây dựng cơ chế sử dụng hiệu quả các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng và thực hiện nội dung cầm quyền của Đảng.

Hoạt động lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam giao thoa với nhau. Sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện thông qua việc cầm quyền. Sự lãnh đạo của Đảng là tiền đề và cơ sở của cầm quyền, không có địa vị lãnh đạo sẽ không có địa vị cầm quyền, hoạt động lãnh đạo của Đảng có một phần nội dung của cầm quyền. Hoạt động cầm quyền của Đảng cũng là bảo đảm để thực hiện địa vị lãnh đạo của Đảng. Đảng thể hiện được năng lực cầm quyền mới có thể tăng cường và củng cố địa vị lãnh đạo. Do đó, cần nhận thức, nắm vững phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền, thấy rõ mối liên hệ giữa chúng và phải thấy sự khác biệt nhất định giữa hai khái niệm này.

Đảng lãnh đạo là đề ra mục tiêu lâu dài và dẫn dắt toàn thể nhân dân, xã hội cùng phấn đấu để đạt mục tiêu đó. Phương thức lãnh đạo chủ yếu dựa vào hoạt động chính trị, là phương pháp vận động, thuyết phục, gây ảnh hưởng đến toàn xã hội, trong đó có Nhà nước. Còn phương thức cầm quyền chủ yếu dựa vào hoạt

động pháp trị, mang tính bắt buộc, thậm chí cưỡng chế. Đảng chỉ đạo Nhà nước, yêu cầu cán bộ, công chức nhà nước thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong quản lý và phát triển tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên phạm vi quốc gia, từ con người đến tài nguyên thiên nhiên; đối nội, đối ngoại, bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia.

Cầm quyền là một hình thức lãnh đạo. Phương thức cầm quyền của Đảng thể hiện cách thức, biện pháp để đạt mục đích nắm giữ quyền lực nhà nước. Phương thức cầm quyền hẹp hơn phương thức lãnh đạo. Đảng ra đời đã thực hiện chức năng lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đấu tranh giành quyền lực nhà nước. Khi có chính quyền nhà nước, Đảng vừa lãnh đạo, vừa cầm quyền. Đối tượng lãnh đạo đa dạng, phong phú hơn cầm quyền. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nhưng Đảng chỉ cầm quyền thông qua Nhà nước.

Để cầm quyền tốt, Đảng phải lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thiết kế được mô hình tổ chức của Đảng, của Nhà nước, và của hệ thống chính trị phù hợp, hiệu quả; có cơ chế bố trí, kiểm tra, giám sát đội ngũ đảng viên là công chức nhà nước, để bảo đảm chắc chắn đường lối, quan điểm của Đảng được thực hiện bằng chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Có ý kiến cho rằng [10], phương thức cầm quyền của Đảng bao gồm: 1) Đảng định ra cương lĩnh, đường lối, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; Đảng xác định mô hình tổ chức nhà nước để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng; 3) Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa Cương lĩnh, đường lối của Đảng; 4) Đảng lựa chọn nhân sự giới thiệu bầu cử vào bộ máy nhà nước; 5) Đảng cầm quyền bằng tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước; 6) Đảng cầm quyền bằng kiểm soát quyền lực nhà nước.

Từ các quan điểm khác nhau, có thể xác định phương thức cầm quyền của Đảng như sau:

- *Thứ nhất*, Đảng cầm quyền bằng đường lối, chính sách; chỉ đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, chương trình, kế hoạch để toàn xã hội thực hiện. Đảng phải có đường lối đúng, trước hết thể hiện trong Cương lĩnh, nghị quyết của Đảng. Sau khi nghị quyết của Đảng được ban hành, các cơ quan nhà nước phải xây dựng kế hoạch, chương trình hành động để thực hiện. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng qua đó nhanh chóng đi vào thực tiễn, trở thành yếu tố thúc đẩy sự phát triển đất nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

1. *Thứ hai,* Đảng chỉ đạo xây dựng bộ máy nhà nước, định hướng thiết kế mô hình nhà nước theo hướng tinh gọn, khoa học, hiệu quả, chỉ đạo Nhà nước quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước**.** Mô hình nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc

tất cả quyền lực thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, tổ chức bộ máy nhà nước theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát để thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đảng chỉ đạo để Quốc hội và Chính phủ quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước: vấn đề nhân sự cấp cao, tổ chức bộ máy nhà nước, đối nội, đối ngoại, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội hàng năm, 5 năm, 10 năm..., xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Mọi quyết định quan trọng của các cơ quan nhà nước đều phải có ý kiến chỉ đạo từ tổ chức đảng cơ quan.

2. *Thứ ba,* Đảng quyết định công tác cán bộ, lựa chọn đảng viên nắm giữ những vị trí chủ chốt của bộ máy nhà nước. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú ứng cử vào các chức danh quan trọng của bộ máy nhà nước, đảm bảo mọi tổ chức và hoạt động của Nhà nước đều đúng quan điểm, chủ trương của Đảng. Thực hiện chủ trương tiến hành Đại hội Đảng các cấp trước, sau đó mới tiến hành bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp. Đảng có trách nhiệm làm tốt công tác cán bộ, từ đào tạo, bồi dưỡng đến đánh giá, bố trí sắp xếp cán bộ; xây dựng nguồn quy hoạch, thử thách cán bộ thông qua luân chuyển cán bộ, cử cán bộ tham gia công tác thực tiễn, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn để giới thiệu cho bộ máy nhà nước

Thứ tư, Đảng kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước thông qua tổ chức đảng và đảng viên làm việc trong các cơ quan nhà nước. Các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, các chỉ thị, nghị quyết, quy chế, quy định... của Đảng. Đảng giám sát hoạt động của đội ngũ đảng viên làm việc trong bộ máy nhà nước, giám sát việc thực thi chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước; giám sát, kiểm soát việc thực thi Hiến pháp và pháp luật của các cơ quan, công chức nhà nước, nhằm bảo đảm Nhà nước phải phục vụ nhân dân, bảo vệ quyền lợi ch nh đáng của nhân dân, giữ vững bản chất giai cấp công nhân. Các đảng viên nắm giữ những chức vụ trong bộ máy nhà nước có trách nhiệm báo cáo công tác trước chi bộ, cấp ủy đảng, nơi sinh hoạt đảng về chức trách, nhiệm vụ được giao và mức đội hoàn thành công việc của mình. Do đó, Đảng xây dựng cơ chế hiệu quả để giám sát hoạt động của đội ngũ đảng viên làm việc trong bộ máy nhà nước. Đồng thời, Đảng quản lý nghiêm minh đảng viên trong bộ máy nhà nước, thực hiện cầm quyền bằng chế độ kỷ luật Đảng.

KẾT LUẬN

Để nâng cao năng lực cầm quyền và đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng, trong thời gian tới, cần tăng cường giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức về phương thức cầm quyền của Đảng, ý thức trách nhiệm của đảng viên trong việc

bảo vệ uy tín và kỷ luật đảng. Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức quyền lực nhà nước theo nguyên tắc tập trung, thống nhất trong các mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; giữa chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương. Đảm bảo mọi chủ trương, đường lối của Đảng nhanh chóng được cụ thể hóa thành chính sách, pháp luật. Đổi mới quy trình để lựa chọn được người có đức có tài, có tâm vào bộ máy nhà nước, đồng thời xây dựng cơ chế để kiểm soát chặt chẽ quyền lực của tất cả các cơ quan, quan chức nhà nước. Tăng cường quản lý đội ngũ đảng viên trong bộ máy nhà nước, tăng cường kỷ luật đảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Tổ chức Trung Ương, Tạp chí Cộng sản, Tỉnh ủy Bắc Ninh: Kỷ yếu Hội thảo khoa học *"Phương thức cầm quyền của Đảng, những vấn đề lý luận và thực tiễn"*

[2]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6]. Lương Khắc Hiếu, Trương Ngọc Nam (đồng chủ biên) (2016), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Nguyễn Văn Huyên (Chủ biên) (2010), *Đảng Cộng sản cầm quyền, nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[8]. Đỗ Hoài Nam (chủ biên) (2004), *Vị trí cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước pháp quyền XHCN của dân do dân, vì dân và hội nhập kinh tế quốc tế,* Báo cáo tổng quan đề tài cấp nhà nước, Hà Nội.

[9]. Trần Khắc Việt (2018, "Bàn về nội dung lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam", *Tạp chí Lý luận chính trị,* số 9/2018.

[10]. Nguyễn Viết Thông, *Một số vấn đề về phương thức cầm quyền của Đảng*, Tham luận HTKH "Phương thức cầm quyền của Đảng, những vấn đề lý luận và thực tiễn", do Ban Tổ chức Trung ương, Tạp chí Cộng sản, Tỉnh ủy Bắc Ninh tổ chức ngày 31-3-2021; tr. 32

[11]. Nguyễn Phú Trọng, Tô Huy Rứa, Trần Khắc Việt (2004), *Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

PHÁT HUY TINH THẦN ĐỔI MỚI CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC, GÓP PHẦN NÂNG CAO NHẬN THỨC CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

Đại úy ThS NGUYỄN TRUNG HIẾU[1]

Tóm tắt:

Phát huy tinh thần đổi mới của nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong giảng dạy lý luận chính trị nói chung, giảng dạy chính trị học nói riêng, góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng. Trước những tác động đa chiều, nhanh chóng của tình hình an ninh, chính trị, xã hội trên thế giới của khu vực và trong nước đang đặt ra nhiều thách thức trong công tác giảng dạy chính trị học. Bài viết tập trung làm rõ sự cần thiết nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy môn chính trị học gắn với nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên đáp ứng yêu cầu mới hiện nay.

Từ khóa: *Nghị quyết Đại hội XIII; chính trị học; nhận thức chính trị của sinh viên*

MỞ ĐẦU

Chính trị học nghiên cứu đời sống chính trị như một chỉnh thể nhằm nhận thức, giải thích thực tiễn chính trị và vận dụng những quy luật chung nhất chi phối sự vận động và biến đổi của đời sống chính trị. Chính trị học là môn học cung cấp hệ thống những tri thức nền tảng cơ bản liên quan đến những vấn đề chính trị - xã hội, được xem là một trong những môn học rất quan trọng trong chương trình đào tạo của nhiều cơ sở giáo dục đại học và trung tâm nghiên cứu khoa học trên cả nước hiện nay.

Trước những diễn biến mau chóng, phức tạp, khó lường của tình hình kinh tế, chính trị, an ninh thế giới, cùng quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu

1 Học viện An ninh nhân dân

rộng... đang trực tiếp tác động rất nhanh, làm thay đổi diện mạo của đời sống xã hội nước ta. Tình hình đó đang đặt ra những vấn đề hết sức mới cho nhận thức thực tiễn và giảng dạy các môn lý luận chính trị nói chung, giảng dạy môn chính trị học nói riêng trong các trường đại học hiện nay. Xác định nhiệm vụ trọng tâm trong giảng dạy đòi hỏi cần thiết phải vận dụng, quán triệt những nội dung đổi mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy môn chính trị học, nhằm trang bị hệ thống lý luận nhận thức và tư duy khoa học góp phần hình thành nhận thức chính trị, đồng thời giúp người học nhận thức sâu sắc những biến đổi của đời sống chính trị - xã hội, trên cơ sở đó định hình các giá trị của thời đại, vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách hiệu quả. Nghiên cứu những nội dung này sẽ cung cấp kiến thức tổng hợp, chung nhất về đời sống chính trị, giúp sinh viên có tri thức nền tảng, có năng lực phân tích, đánh giá tình hình chính trị - xã hội, là cơ sở xác định lập trường bản lĩnh chính trị. Bản lĩnh chính trị thể hiện ở sự kiên định với mục tiêu, lý tưởng, kiên định đường lối đổi mới của Đảng; không dao động trước mọi tình huống, quyết tâm vượt mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ; kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và thành quả cách mạng của dân tộc. Trong Văn kiện Đại hội XIII Đảng ta luôn nhấn mạnh: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, tích cực, kịp thời và hiệu quả... chú trọng hơn nữa đối với giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc... khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" [1, tr.181]. Quá trình xây dựng và nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên hiện nay gắn liền với mục tiêu giảng dạy môn chính trị học, cùng các hoạt động sinh hoạt chính trị ngoài giờ khác. Do đó, giảng dạy môn chính trị học với những nội dung khoa học có ý nghĩa không chỉ đối với mục tiêu đào tạo chung của mỗi nhà trường, mà còn góp phần xây dựng phát triển năng lực toàn diện thế hệ trẻ hiện nay - những chủ nhân tương lai của nước nhà.

NỘI DUNG

Xác định nội dung trọng tâm của công tác giảng dạy chính trị học nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên hiện nay là đòi hỏi tất yếu của quá trình đổi mới. Vì vậy cần phải nhận thức một cách sâu sắc, khách quan và khoa học nhiệm vụ này.

1. Sự cần thiết xây dựng và nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới trong tình hình hiện nay

Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm tới công tác giáo dục chính trị cho thế hệ trẻ. Trong di chúc, Người đã căn dặn: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và cần thiết" [2, tr.8]. Nhận thức sâu sắc lời dạy đó,

Đảng ta luôn chú trọng quan tâm đến công tác giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, chăm lo, bồi dưỡng, đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị cho đội ngũ sinh viên. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: "Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ" [1, tr.136]. Chú trọng giáo dục đạo đức nhân cách coi đây là nhiệm vụ then chốt trong các nhà trường. Bởi mục tiêu giáo dục chính trị tư tưởng không chỉ nhằm cung cấp tri thức về khoa học chính trị, nhận thức về thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho người học, mà còn giáo dục ý thức hệ cho sinh viên, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, vai trò và trách nhiệm của thế hệ sinh viên, thanh niên Việt Nam hiện nay; hình thành nhãn quan chính trị sắc bén nhận diện các âm mưu hoạt động phá hoại thành quả cách mạng và con đường đổi mới của đất nước, trở thành vũ khí lý luận để đấu tranh với các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp, đang tác động không nhỏ tới nhận thức, lập trường chính trị, lý tưởng cách mạng của sinh viên. Sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, mạng Internet kết nối vạn vật, cùng với xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đang tạo ra nhiều cơ hội học tập, giao lưu, làm việc với nhiều nước phát triển trên thế giới, quá trình kết nối, tìm hiểu tri thức gần hơn bao giờ hết. Bên cạnh những tác động tích cực không thể không kể tới những ảnh hưởng tiêu cực từ điều kiện mới như trên, đó là xu hướng tôn sùng lối sống và các giá trị vật chất, tư tưởng bảo thủ lai căn, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, lối sống đề cao vật chất và đồng tiền, những biểu hiện phai nhạt các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống dân tộc, thờ ơ và bàng quang với tình hình chính trị của đất nước ở một bộ phận thanh niên, sinh viên.

Mặt khác, việc gia tăng áp lực trong đời sống xã hội hiện đại, cùng với việc gia tăng âm mưu, phương thức và các thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trong thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" đối với nước ta, chúng ráo riết thực hiện nhiều hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, phá hoại thành quả cách mạng của nhân dân ta, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và hướng lái đất nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa. Các thế lực thù địch sử dụng những luận điệu xuyên tạc, thù địch, đánh tráo khái niệm, sai sự thật để tiến hành chống phá Đảng và Nhà nước, tung tin bịa đặt về tình hình chính trị Việt Nam gây nhiễu loạn thông tin, tác động tới tâm lý gây hoang mang, giao động trong nhận thức của một bộ phận thanh niên, sinh viên. Không chỉ dừng lại ở đó, các thế lực thù địch đặc biệt quan tâm tác động, chuyển hóa tư tưởng chính trị của đội ngũ thanh niên, sinh viên Việt Nam, bởi đây là những chủ nhân tương lai của đất nước, sẽ quyết định con đường

và mục tiêu phát triển của Việt Nam. Trước âm mưu đó của các thế lực thù địch thì vấn đề nâng cao nhận thức chính trị cho thế hệ trẻ nước ta có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp mỗi thanh niên, sinh viên chủ động trang bị năng lực nhận định, đánh giá tình hình một cách đúng đắn, khoa học trước những diễn biến của đời sống chính trị, xã hội. Củng cố niềm tin, ý chí kiên định mục tiêu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã lựa chọn, kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch. Đây cũng chính là một nhiệm vụ chính trị quan trọng phải thực hiện trong việc giáo dục và đào tạo các thế hệ sinh viên của các trường đại học. Bởi lẽ, nếu nhiệm vụ trên không được coi trọng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới nhận thức chính trị của sinh viên, ảnh hưởng tới sự lãnh đạo của Đảng, sự tồn vong của chế độ xã hội và những thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã dày công xây dựng.

2. Vận dụng những nội dung đổi mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy chính trị học

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng được kết tinh trên cơ sở tổng kết thực tiễn qua 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, mà trực tiếp là 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội XII đã bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng dựa trên nền tảng lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã bổ sung, phát triển nhiều quan điểm lý luận, từng bước hoàn thiện đường lối cách mạng. Điều đó thể hiện tư duy lý luận của Đảng ngày càng sâu sắc, phù hợp hơn với thực tiễn cách mạng nước ta.

Bởi vậy, trong quá trình truyền đạt, giảng dạy các học phần chính trị học nói riêng và các môn lý luận chính trị nói chung, cần thường xuyên thu thập các nguồn tài liệu, các sự kiện đang diễn ra hàng ngày hàng giờ trên mọi lĩnh vực ở trong nước cũng như quốc tế để cập nhật vào bài giảng, những biến động của tình hình chính trị xã hội làm ảnh hưởng tới nhận thức, tâm lý và lối sống con người hiện đại, làm cho bài giảng phong phú để người học thấy tính thực tiễn của môn học. Việc vận dụng nội dung văn kiện của Đảng vào bài giảng là cần thiết vì đây là nguồn tài liệu chính thống và đáng tin cậy. Triển khai những nội dung này vào trong quá trình giảng dạy chính trị học đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện Nghị quyết, Chủ trương, đường lối của Đảng, thúc đẩy quá trình hiện thực hóa Nghị quyết sớm đưa vào cuộc sống; đồng thời thông qua Nghị quyết, vai trò nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí, Quan điểm của Đảng và Nhà nước cũng được chứng minh một cách sáng tỏ hơn. Để đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống cũng như đáp ứng yêu cầu giảng dạy, đòi hỏi cần tập trung cập nhật, vận dụng vào bài giảng những vấn đề mới, mang tính thời sự sau:

Một là, nhận thức về những yếu tố tác động và tình hình diễn biến trong đời sống chính trị - xã hội của thời đại ngày nay. Văn kiện Đại hội XIII đã chỉ rõ những yếu tố tác động và đưa ra những dự báo mang tính thời sự: "Trong những năm tới

dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Do tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng..." [1, tr.30,31]. Đây là những vấn đề quan trọng cần được cập nhật trong bài giảng giúp sinh viên nhận thức, nắm bắt kịp thời các vấn đề hơi thở của thời đại.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện thể chế chính trị. Văn kiện Đại hội XIII xác định lấy "phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt" [1, tr.110]. Hay, tinh thần "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..." [1, tr.114]; "Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Khi đề cập đến phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đại hội XIII nhấn mạnh đi đôi với phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân, phải xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân. Trên tinh thần đó, Đại hội XIII đã đề cập nội dung hoàn thiện thể chế một cách bao quát, rộng lớn trên tất cả lĩnh vực nhưng phải bảo đảm tính bền vững, ổn định phát triển đi lên của đất nước, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đồng bộ không có nghĩa là ồ ạt, không có trọng tâm, trọng điểm mà phải hướng đến phục vụ nhiệm vụ chung của đất nước phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; Nhân dân ấm no, hạnh phúc được hưởng những thành quả từ việc hoàn thiện thể chế đem lại, vị thế, uy tín, tiềm lực của đất nước ngày được củng cố vững chắc trên trường quốc tế.

Ba là, nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Cần quán triệt tinh thần Đại hội XIII: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội, con người..., đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị, với định

hướng chung là: "Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững" [1, tr.174,175]. Theo định hướng đó, Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra trong thời gian tới phải: *"Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính"* [1, tr.284] là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Bốn là, về vấn đề giai cấp và dân tộc. Tinh thần của Đại hội XIII chỉ rõ : "Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước"[1, tr.110].

Năm là, xây dựng và phát triển con người Việt Nam, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: "Phát triển con người Việt Nam toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc... Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước". Trong giai đoạn hiện nay, Đại hội XIII xác định phải: "phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư". Đại hội XIII cũng đề ra nhiệm vụ "Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người, gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới"; "xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại" [1, tr.47].

Sáu là, trong nhận thức về chính trị, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đưa ra: "chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; xử lý đúng đắn, linh hoạt, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng, đánh giá đúng xu thế, nắm bắt trúng thời cơ. Phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của đất nước kết hợp với sức mạnh của thời đại; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" [1, tr.98]. Trang bị, cập nhật những nội dung này giúp sinh viên có cái nhìn khách quan về sự vận động biến đổi của đời sống xã hội, hình thành nhãn quan khoa học và cách mạng trong tiếp cận kiến thức chuyên ngành. Để nâng cao chất lượng dạy và học các học phần chính trị học cần đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, truyền đạt kiến thức. Việc lồng ghép nội dung Văn kiện Đại hội XIII vào các bài giảng cần linh hoạt, sinh động, vừa sức, phù hợp với năng lực tiếp cận của sinh viên.

Một số thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy Chính trị học ở các trường đại học Việt Nam hiện nay:

Thuận lợi: hiện nay, các trường thực hiện rất tốt việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân và công văn số 3056-BGDĐT-GDĐH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị; là cơ sở để hoàn thiện và đổi mới tích cực toàn diện nhiều mặt về giáo trình, tài liệu dạy học cũng như chất lượng đội ngũ giảng viên.

Hoạt động giảng dạy các môn lý luận chính trị nói chung, học phần chính trị học nói riêng luôn nhận được sự quan tâm của Đảng bộ các cấp, cũng như sự quan tâm của Ban giám hiệu các trường. Giáo dục lý luận chính trị nhất là nâng cao nhận thức chính trị cho thế hệ trẻ, trong đó giảng dạy chính trị học để tiếp tục chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục nhận thức, đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị cho sinh viên, coi đây là nhiệm vụ then chốt trong các nhà trường.

Chất lượng giảng viên trong giảng dạy ngày càng được nâng cao, trong đó giảng viên có chức danh, học hàm, học vị cao, kiến thức chuyên sâu ngày càng được nâng cao đáp ứng yêu cầu công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy, truyền đạt những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, hệ thống, tổ chức của Đảng và Nhà nước, góp phần đào tạo những cán bộ tương lai có kiến thức chuyên

sâu, hiểu biết rộng, năng lực, nghiệp vụ giỏi, có phẩm chất cách mạng trong sáng, có lý tưởng sống cao đẹp, để cống hiến cho quá trình xây dựng đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Các nhà trường thường xuyên tăng cường các hoạt động ngoại khóa: tham quan thực tế, tổ chức các câu lạc bộ học tập, tọa đàm, hội thảo khoa học; tổ chức các cuộc thi Olympic, thi tìm hiểu về Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền, tìm hiểu về các thể chế chính sách... Qua đó, sinh viên có thêm cơ hội để củng cố kiến thức lý luận chính trị, vận dụng kiến thức lý luận vào thực hành chính trị, nâng cao các phẩm chất chính trị, tích cực tham gia các hoạt động chính trị - xã hội. Thường xuyên tổ chức các buổi nghe, quán triệt nghị quyết của Đảng, liên tục cập nhật, vận dụng nội dung thực tiễn trong các Văn kiện vào nội dung bài giảng. Với chương trình môn học được xây dựng khoa học, có tính cập nhật chủ trương, đường lối của Đảng, gắn liền với đặc thù của từng đơn vị đào tạo, việc vận dụng lý luận môn chính trị học trong các trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Quá trình dạy học, truyền đạt, vận dụng tinh thần nghị quyết đổi mới của Đại hội Đảng, góp phần trang bị hạt nhân lý luận khoa học giúp người học đánh giá những diễn biến phức tạp trong đời sống chính trị - xã hội một cách đúng đắn, biết đấu tranh chống lại những hiện tượng xã hội tiêu, có quan điểm và thái độ phê phán trước những biểu hiện sai trái, lệch lạc trong đời sống xã hội, những cám dỗ, mặt trái của thời cuộc, phân biệt, nhận diện đúng các âm mưu thủ đoạn ngày càng tinh vi của các thế lực thù địch đang hàng ngày, hàng giờ chống phá Đảng và Nhà nước và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Nâng cao nhận thức chính trị, sinh viên biết xác định đúng đắn vị trí của bản thân mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước từ đó có thái độ học tập tốt để đáp ứng đòi hỏi khách quan của xã hội.

Những khó khăn, hạn chế: Việc áp dụng giảng dạy theo khung chương trình đổi mới của Bộ giáo dục, làm cho nhiều giáo viên chưa cập nhật kịp thời những vấn đề mới mang tính thời đại. Tác động của đại dịch covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động liên kết tổ chức khoa học, hoạt động giảng dạy của giảng viên. Bên cạnh đó những ảnh hưởng tác động tiêu cực của tâm lý thị trường, mặt trái của mạng Internet như hiện tượng sùng bái thần tượng, văn hóa ngoại lai, thông tin đa điều, thiếu kiểm chứng, các hiện tượng mạng xã hội... đã làm không ít sinh viên dễ dàng tiếp cận với các thông tin xấu độc, xuyên tạc phản động, những sản phẩm văn hóa, lối sống thiếu lành mạnh, xuất hiện những tâm lý tiêu cực, nhận thức lệch lạc, dao động tư tưởng, thờ ơ, thiếu trách nhiệm với những hoạt động chính trị, xã hội... Vấn đề này nếu không được quản lý, giáo dục, định hướng thường xuyên, hiệu quả của nhà trường thì sẽ ảnh hưởng rất lớn tới nhận thức chính trị của sinh viên. Một số giảng viên trẻ, thiếu kỷ năng và kinh nghiệm nên việc tiếp cận, vận dụng lý luận vào bài học chưa sát với thực tiễn; một bộ phận sinh viên vẫn còn tâm lý ngại học, ngại nghiên cứu,

hoặc có nghiên cứu một cách qua loa, tư duy hời hợt, không phục vụ thiết thực cho thực tiễn công tác sau này. Những khó khăn, hạn chế nêu trên có những ảnh hưởng nhất định tới nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên hiện nay.

3. Giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy môn chính trị học gắn với nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên đáp ứng yêu cầu mới hiện nay

Tiếp tục phát huy những mặt tích cực, thành quả đạt được trong quá trình giảng dạy chính trị học góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên hiện nay, đồng thời khắc phục những khó khăn, hạn chế trong giảng dạy chính trị học cần làm tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ủy, ban giám hiệu nhà trường một cách thường xuyên, có hiệu quả trong quán triệt nghị quyết Đại hội XIII của Đảng một cách cụ thể và thiết thực vào trong hoạt động và nhận thức của cán bộ và sinh viên. Hiện thực hóa những chủ trương trong Văn kiện XIII qua các sản phẩm, nghiên cứu khoa học, trong nhận thức, tư duy và hành động.

Thứ hai, đầu tư nâng cao chất lượng giảng viên giảng dạy chính trị học đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo viên của ngành giáo dục. Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy mới, phương pháp dạy học tích cực, tiên tiến làm tăng tính hiệu quả của việc triển khai các nội dung trong Văn kiện Đại hội XIII vào thực tiễn học tập cũng như quá trình công tác, gắn lý luận với thực tiễn đất nước.

Thứ ba, giảng viên giảng dạy chính trị học cần khơi dậy, phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên trong tự rèn luyện và nâng cao nhận thức chính trị. Sinh viên cần nắm vững và quán triệt sâu sắc Nghị quyết 35- NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới". Từ đó, sinh viên cần xác định được ý thức, trách nhiệm, nhiệm vụ trong học tập, rèn luyện, xây dựng ý thức chính trị của bản thân.

Thứ tư, đổi mới sáng tạo trong tổ chức các hoạt động, chương trình, cuộc thi nâng cao tính giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà trường và các đoàn thể trong việc triển khai Nghị quyết, nhất là Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống bằng các hình thức thi trực tuyến, qua phần mềm; tổ chức các hoạt động thực tế chính trị - xã hội, tổ chức các chương trình phối hợp, hợp tác với các cơ quan đơn vị, đoàn thể khác nhau để nâng cao hoạt động nhận thức cho sinh viên ... Đặc biệt, ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, sinh viên có thể tham gia đóng vai những nhà hoạt động chính trị để giải quyết các tình huống này sinh trong đời sống chính trị - xã hội... Đây chính là những hoạt động thực tế có tác dụng củng cố nhận thức chính trị, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn công tác, và hơn nữa là nâng năng lực nhận thức và hành động trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Thứ năm, đối với sinh viên cần phải nhận thức rõ việc quán triệt Nghị quyết, cập nhật những nội dung Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là cơ sở để nâng cao lý luận, tư duy biện chứng, xây dựng và củng cố bản lĩnh chính trị là một yêu cầu rất quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Bởi lẽ, trong công cuộc xây dựng Đảng, Nhà nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân thì đòi hỏi ở họ không chỉ có kiến thức nghiệp vụ, pháp luật mà phải có nhận thức chính trị đúng đắn và có một bản lĩnh chính trị vững vàng. Đấu tranh chống các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về tư tưởng chính trị, chệch hướng mục tiêu bảo vệ, mục tiêu đấu tranh, từ đó có những hành động đi ngược lại lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Thứ sáu, để nâng cao chất lượng giảng dạy môn chính trị học trong giai đoạn hiện nay, thì việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào giảng dạy truyền đạt nội dung kiến thức, tạo hứng thú học tập cho sinh viên, trong đó phát huy hiệu quả những ứng dụng, phần mềm công nghệ vào trong quá trình thực nghiệm, truyền đạt kiến thức gắn liền lý luận với thực tiễn chính trị là một trong những đổi mới quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy chính trị học.

KẾT LUẬN

Quá trình đổi mới giáo dục của nước nhà đang bước sang những trang sử mới, với nhiều thời cơ và thách thức đang đặt ra cho quá trình giảng dạy chính trị học. Đòi hỏi việc giảng dạy những nội dung cơ bản thuộc học phần chính trị học, cũng như nhanh chóng đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống là việc làm cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Để thực hiện tốt những mục tiêu này đòi hỏi mỗi cơ sở giáo dục, mỗi cán bộ giảng viên, những người đang trực tiếp truyền đạt nền tảng tri thức khoa học chính trị phải là những đầu tầu trong quá trình hiện thực hóa nghị quyết đến các thế hệ sinh viên, góp phần trang bị cho họ thế giới quan và phương pháp luận khoa học, xây dựng lập trường chính trị vững vàng, có tình cảm chính trị đúng đắn, có ý chí cách mạng kiên định, có niềm tin chính trị khoa học và có hành động chính trị chuẩn mực, để họ thực sự trở thành chủ nhân tương lai cống hiến vào công cuộc xây dựng đất nước phát triển, phồn vinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Hồ Chí Minh (2021), Toàn tập, tập 4 tr.8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

[3]. Trần Viết Quang - Thái Ngọc Châu (2020), "Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên các trường đại học hiện nay", *Tạp chí Khoa học,* số 3, tr.50.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY VẤN ĐỀ QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ

TS NGUYỄN DUY TRÌNH[1]

Tóm tắt:

Trên cơ sở các yếu tố tác động và những biến đổi của quyền lực chính trị trên thế giới, bài viết chỉ ra và vận dụng những quan điểm của Văn kiện đại hội XIII của Đảng vào việc nghiên cứu, giảng dạy vấn đề quyền lực chính trị hiện nay như: dự báo các yếu tố tác động và những biến đổi của quyền lực chính trị trên thế giới; cơ chế thực thi quyền lực chính trị và những biến đổi trong tổ chức và thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam.

Từ khoá: *quyền lực chính trị, Văn kiện đại hội XIII, vận dụng quan điểm*

MỞ ĐẦU

Trong xu thế phát triển của thế giới ngày nay, các nhà nghiên cứu chính trị học nhận thấy có 3 yếu tố chủ yếu tác động, làm biến đổi quyền lực chính trị trên thế giới cũng như quyền lực chính trị của các quốc gia đó là: Quá trình toàn cầu hóa; Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ; Quá trình dân chủ hóa. Chính từ 3 yếu tố này nó đã tác động làm cho quyền lực chính trị trên thế giới và các quốc gia biến đổi theo 4 chiều hướng: Biến đổi về cơ sở thực tiễn của quyền lực chính trị; Biến đổi về cấu trúc phân bổ quyền lực chính trị; Biến đổi trong phương thức thực thi quyền lực chính trị; Biến đổi trong phương thức kiểm soát quyền lực chính trị.

1 Học viện Chính trị khu vực III

NỘI DUNG

1. Dự báo các yếu tố tác động và những biến đổi của quyền lực chính trị trên thế giới

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã dự báo những yếu tố tác động và những biến đổi ở những nội dung cơ bản sau:

Một là, thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế.

Hai là, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

Ba là, cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thỏa hiệp, nhưng đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng. Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới.

Bốn là, kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19. Các quốc gia, nhất là các nước lớn, điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi các chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu.

Năm là, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc.

Sáu là, những vấn đề toàn cầu như: bảo vệ hòa bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường... tiếp tục diễn biến phức tạp.

Bảy là, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á có vị trí chiến lược ngày càng quan, là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn [1, tr.105-108].

2. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị và những biến đổi trong tổ chức và thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, về cơ chế thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam.

Hệ thống chính trị Việt Nam được cấu thành bởi ba bộ phận cơ bản gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Mỗi bộ phận có vị trí, vai trò khác nhau và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác nhau trong hệ thống chính trị, nhưng tất cả đều hướng đến mục tiêu chung của hệ thống chính trị, đó là xây dựng một xã hội "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Các bộ phận trên gắn bó chặt chẽ với nhau, hợp thành một hệ thống chính trị thống nhất, vận hành theo cơ chế chủ đạo: "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ".

Để hoạt động với tư cách là một chỉnh thể thống nhất, các thành tố trong hệ thống phải thiết lập các mối quan hệ và sự tương tác với nhau. Có thể nói, cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" thể hiện sự thống nhất về bản chất của hệ thống chính trị Việt Nam. Cơ chế này xác định mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; xác định vai trò, địa vị làm chủ của nhân dân trong quá trình xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Đảng lãnh đạo

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: Xây dựng chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng [1, tr.180]. Trong đó, tập trung hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp: 1) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị; 2) Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng; 3) Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức; 4) Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; 5) Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; 6) Tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu; 7) Tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; 8) Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; 9) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; 10) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.

- Nhà nước quản lý

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh:

+ Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ

quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước [1, tr.174-175].

+ Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách dựa trên luận cứ khoa học và thực tiễn trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... Nâng cao chất lượng dịch vụ công; tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hoạt động hiệu quả [1, tr.178-179].

+ Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước. Tăng cường kỷ luật kỷ cương... Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật [1, tr.178-179].

- Nhân dân làm chủ

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [1, tr.173]. Vì vậy cần:

+ Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

+ Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

+ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ.

+ Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương. Chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân [1, tr.172-173].

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát huy dân chủ, pháp quyền, tăng tính chuyên nghiệp trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội trong thực hiện chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao [1, tr.175].

+ Thiết lập đồng bộ, gắn kết cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân [1, tr.176].

Thứ hai, một số biến đổi trong tổ chức và thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh hiện nay, quyền lực chính trị trên thế giới có những biến đổi quan trọng trong cách thức tổ chức và thực thi. Với tư cách là một phần của hệ thống thế giới, Việt Nam ít nhiều cũng bị ảnh hưởng bởi các xu hướng này:

- Quyền lực chính trị ngày càng được thể chế hóa

Sự chuyển đổi từ hệ thống chuyên chính vô sản sang hệ thống chính trị, từ nhà nước chuyên chính vô sản sang nhà nước pháp quyền đã đánh dấu sự thay đổi rõ nét về các phương thức thực thi quyền lực chính trị ở Việt Nam. Là chủ thể lãnh đạo hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng nhận thức rõ hơn sự cần thiết phải nâng cao tính chính đáng về quyền lực của mình trong đời sống xã hội.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định:

+ Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội, con người, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị. Tổng kết các mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, khắc phục sự chồng chéo và những bất hợp lý trong tổ chức của Đảng và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị [1, tr.185].

+ Đẩy mạnh việc hoàn thiện, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, hiện đại, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, có sức cạnh tranh quốc tế, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân [1, tr.51].

- *Mức độ phân cấp, phân quyền, dân chủ hoá gia tăng*

Quá trình tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước ở nước ta trong những năm qua cũng cho thấy sự chuyển đổi dần từ mô hình tập trung sang mô hình phi tập trung quyền lực. Từ thực tiễn Việt Nam, có thể hiểu sự phân cấp quản lý nhà nước là một xu hướng tất yếu trong sự phát triển của các quốc gia nói chung, các tổ chức nói riêng. Đây chính là sự phân định thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp chính

quyền trên cơ sở bảo đảm sự phù hợp giữa chức năng, nhiệm vụ với năng lực và điều kiện thực tế của từng cấp. Thực chất quá trình này nhằm tăng thêm tính chủ động, tính chịu trách nhiệm, sự năng động của chính quyền địa phương, khắc phục được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định:

+ Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, gắn với phân định và nâng cao trách nhiệm của Trung ương và địa phương [1, tr.128].

+ Xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành [1, tr.177].

+ Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đo thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định; thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Gắn kết và đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp. Cải cách phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng phân định rõ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nâng cao tính chủ động, tự chủ của ngân sách địa phương [1, tr.178].

Thúc đẩy sự phát triển dân chủ thông qua việc cung cấp những cơ hội tốt hơn để người dân tham gia trực tiếp vào các quá trình ra quyết định của các cơ quan nhà nước. Với phương châm, "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng" [1, tr.173].

Sự chuyển dịch một phần quyền lực nhà nước sang cho xã hội cũng tương đối rõ nét. Nhiều lĩnh vực trước đây thuộc phạm vi thẩm quyền của nhà nước, đến nay đã được trao cho xã hội thông qua hình thức xã hội hóa, hoặc đối tác công - tư. Nhiều thủ tục hành chính trước đây do nhà nước đảm nhận, giờ khu vực tư nhân có thể tham gia.

Thứ ba, tăng cường các biện pháp kiểm soát quyền lực chính trị.

Trong những năm gần đây, kiểm soát quyền lực chính trị ở Việt Nam đã có những bước tiến đáng ghi nhận, không chỉ thiết lập được cơ chế kiểm soát quyền lực đối với bộ máy nhà nước, mà còn thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực đối với tổ chức đảng và đảng viên; đồng thời phát huy các phương thức kiểm soát quyền lực từ các tổ chức đảng, từ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội, từ truyền thông báo chí và từ chính nhân dân.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế nhằm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng cấp trên đối với cấp dưới. Kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với giám sát, thanh tra, kiểm toán và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác kiểm tra giám sát của Đảng. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, gắn với kiểm soát quyền lực, chạy chức chạy quyền. Chú trọng đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tăng cường phối hợp giữa giám sát, kiểm tra của Đảng với giám sát, thanh tra của Nhà nước và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội [1, tr.188-191], các cơ quan, đại biểu dân cử, nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí.

KẾT LUẬN

Chính trị học là khoa học nghiên cứu đời sống chính trị như một chỉnh thể. Trong đó, quyền lực chính trị là phạm trù cốt lõi, trung tâm, xuyên suốt. Vì vậy, việc vận dụng những quan điểm của Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào nghiên cứu, giảng dạy vấn đề quyền lực chính trị hiện nay là hết sức cần thiết nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của đời sống chính trị ở nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS LỮ QUANG NGỜI[1]

Tóm tắt:

Chính trị học nghiên cứu chính trị với tính cách một chỉnh thể, từ phạm trù trung tâm, xuất phát là quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, dựa trên nền tảng tư tưởng chính trị của một giai cấp, tầng lớp xã hội nhất định. Giảng dạy Chính trị học nhằm cung cấp cho người học hệ thống tri thức cơ bản, nền tảng về các vấn đề chính trị, xã hội của đất nước. Trong bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến việc vận dụng nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung, phát triển nhiều vấn đề mới, đặc biệt là cách tiếp cận mới về xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam để tiếp tục nghiên cứu, giảng dạy Chính trị học ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *Chính trị học, giảng dạy, Nghị quyết Đại hội XIII, nghiên cứu*

MỞ ĐẦU

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã thể hiện cách tiếp cận mới về xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam, cụ thể là: Đại hội dành nhiều hơn dung lượng nói về hệ thống chính trị, với nhiều quan điểm mới. Điều đó xuất phát từ điều kiện lịch sử đã chín muồi và những thách thức mới của thời đại đang đặt ra. Đây là văn kiện quan trọng mang tầm định hướng chiến lược, là kim chỉ nam cho việc tiếp tục nghiên cứu, giảng dạy chính trị học ở Việt Nam hiện nay.

1 Tỉnh ủy Vĩnh Long

NỘI DUNG

Sự cần thiết khách quan của việc vận dụng Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong nghiên cứu, giảng dạy chính trị học ở nước ta

Chính trị học Việt Nam dựa trên nền tảng của triết học mácxít, kinh tế chính trị học mácxít, chủ nghĩa xã hội khoa học và tư tưởng Hồ Chí Minh... Chính trị học Việt Nam nghiên cứu và cung cấp hệ thống tri thức cơ bản về chính trị nói chung và chính trị ở Việt Nam nói riêng; phát triển các năng lực nhận thức, vận dụng và sáng tạo những tri thức kinh nghiệm, tri thức lý luận về chính trị và các tri thức có liên quan đến chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức và Nhân dân trong hoạt động chính trị, chính sách; hình thành và phát triển năng lực, đạo đức, nghiệp vụ và kỹ năng trong hoạt động chính trị, chính sách; xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị và xã hội, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển đất nước.

Do đó, việc vận dụng Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng một cách khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy chính trị học ở nước ta là yêu cầu tất yếu, khách quan hiện nay nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu giảng dạy chính trị học trong tình hình mới. Điều đó, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, giảng viên chính trị học không chỉ có kiến thức chuyên môn phong phú, phương pháp giảng dạy hiện đại mà còn biết vận dụng quan điểm, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước vào từng nội dung bài giảng cho phù hợp, gắn lý luận với thực tiễn và định hướng chính trị cho người học. Đây là quá trình biện chứng giữa nghiên cứu, học tập, quán triệt và trực tiếp tham gia tuyên truyền Nghị quyết của Đảng.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung một số nội dung quan trọng về xây dựng hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị:

Thứ nhất, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quan điểm về xây dựng Nhà nước của Đảng đã được cụ thể hóa, với những nội dung và nguyên tắc của nhà nước pháp quyền Việt Nam, gắn chức năng kiến tạo phát triển với nhà nước pháp quyền trong chủ trương "xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động" [1, tr.284]. Quan điểm mới ở Đại hội XIII là xác định rõ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị: "xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị" [1, tr.174]

Trong đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước nói chung, Quốc hội nói riêng, những khoảng trống về lý luận, những hạn chế về thực tiễn tổ chức và hoạt động đều được Đại hội thẳng thắn chỉ ra, đó là: cơ chế bảo hiến, chất lượng

ban hành luật, tính chuyên nghiệp của Quốc hội và hiệu lực, hiệu quả của giám sát tối cao.

Thứ hai, về đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, Đại hội tập trung vào những vấn đề, cho đến nay còn nhiều lúng túng, đó là: tính phục vụ, tính chuyên nghiệp, năng lực kiến tạo phát triển, năng lực quản lý vĩ mô; đi kèm với những điều đó là năng lực phân cấp, phân quyền; năng lực tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với từng loại lãnh thổ, địa bàn dân cư; năng lực xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cải cách phân cấp ngân sách theo hướng bảo đảm sự chủ động cho ngân sách địa phương... Đại hội nhấn mạnh: "Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành" [1, tr.177].

Thứ ba, về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nội dung mới trong Nghị quyết Đại hội XIII là tập trung xây dựng Đảng về đạo đức và đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức. Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức, có 5 nội dung mới: Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị (Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị); thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25-10-2018 của Ban Chấp hành Trung ương); coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp với phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, báo chí và Nhân dân đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương; nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các giá trị đạo đức cách mạng theo tinh thần "Đảng ta là đạo đức, là văn minh" cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; xây dựng các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày.Để đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức, Đại hội chủ trương tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức "hai bộ máy", bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội, con người... đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đại hội XIII có nhiều quan điểm mới về hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam, trên đây tác giả chỉ nêu một số quan điểm nổi bật, có sự phát triển mới về cách tiếp cận và nội dung so với các đại hội trước.Mỗi cán bộ, giảng viên chính trị học cần chủ động bổ sung, cập nhật vào bài giảng những quan điểm,

nhận thức và định hướng mới của Đại hội XIII mà các chương trình, giáo trình còn thiếu hoặc chưa thể hiện đầy đủ; chủ động thay thế những nội dung đã lạc hậu, những nội dung không còn phù hợp; rà soát lại để chính xác hóa các khái niệm, các thuật ngữ, bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống và sát với những nội dung, tinh thần của Đại hội XIII.

Một số vấn đề đặt ra trong việc vận dụng Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong nghiên cứu, giảng dạy chính trị học

Thứ nhất, về mục đích vận dụng

Đối với bất cứ môn học nào, việc vận dụng văn kiện Đảng vào giảng dạy cũng nhằm đến mục đích đầu tiên là kịp thời cập nhật những quan điểm mới của Đảng về chuyên ngành có liên quan để qua đó chứng minh sự phát triển không ngừng trong tư duy, nhận thức của Đảng về những vấn đề trọng yếu của đất nước. Đối với môn chính trị học, việc phân tích những quan điểm mới của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị còn hướng tới mục đích khẳng định thái độ trung thực, cầu thị của Đảng khi đánh giá tiến trình lãnh đạo đất nước nói chung và tiến trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói riêng cũng như quyết tâm xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh của Đại hội lần thứ XIII. Giảng viên phải luôn ý thức về mục tiêu trên để việc cung cấp thông tin cũng như phân tích vấn đề sao cho sát đúng với chủ đích.

Thứ hai, về nội dung vận dụng

So với các kỳ Đại hội trước, dung lượng các Văn kiện Đại hội XIII lớn hơn. Cụ thể, Văn kiện Đại hội XII có 447 trang nhưng Văn kiện Đại hội XIII gồm 2 tập có tổng số trang là 646 trang. Khi thời lượng giảng dạy chính trị học có giới hạn mà dung lượng văn kiện lại tăng lên thì điều quan trọng là người giảng viên phải lựa chọn cho được những nội dung căn cốt nhất để bổ sung vào bài giảng. Mỗi giảng viên cần phân tích làm rõ nội dung tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là yêu cầu quan trọng, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính đồng bộ, sự phù hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, đưa nước ta phát triển nhanh, bền vững.

Thứ ba, về phương pháp vận dụng

Giảng viên phải có kỹ năng, phương pháp lồng ghép có hiệu quả nội dung Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào các chuyên đề giảng dạy, thảo luận. Cần xác định việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và là thế mạnh của giảng viên. Từng

bài giảng phải thể hiện được tính đảng sâu sắc, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, toát lên niềm tin mãnh liệt vào sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo.

Để không bị trùng lặp về kiến thức và để học viên dễ dàng lĩnh hội những nội dung mới trong Nghị quyết Đại hội XIII, giảng viên phải bám sát vào văn kiện của các kỳ đại hội, so sánh các quan điểm cơ bản về hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam với các nội dung trong Nghị quyết Đại hội XIII và của các kỳ đại hội trước đó. Bằng phương pháp lịch sử - lôgic và phương pháp so sánh, giảng viên sẽ giúp học viên nắm được sự trưởng thành trong tư duy lý luận của Đảng và vai trò lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối mà Đảng đang thực hiện.

Một số đề xuất nhằm vận dụng Nghị quyết Đại hội XIII vào giảng dạy chính trị học trong thời gian tới

Một là, về đội ngũ giảng viên và phương pháp giảng dạy chính trị học.

Các cơ sở đào tạo cần tuyển đủ số lượng giảng viên cho các môn chính trị học theo đúng chuyên ngành được đào tạo. Bên cạnh đó, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực sử dụng ngoại ngữ của giảng viênchính trị học. Giảng viên ngoài chuyên môn thì cần phải nghiên cứu, nắm vững những nội dung đã đề cập trong Nghị quyết Đại hội XIII liên quan đến lĩnh vực chính trị học. Bên cạnh đó, tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, thiết kế sáng tạo các hoạt động học tập, trau dồi, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học để ứng dụng công nghệ vào bài giảng dạychính trị học, thiết kế video bài giảng, tìm các tình huống, sự kiện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội để yêu cầu người học vận dụng sáng tạo, nhận định, đánh giá các vấn đề kinh tế - chính tri - xã hội từ góc độchính trị họcđã đề cập trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Giảng viên chính trị họccần tiếp tục nghiên cứu, biên soạn những bài giảng chính trị học thật sự hấp dẫn người học, liên hệ, vận dụng nhiều những biến động của thực tiễn trong nước và quốc tế mà Nghị quyết Đại hội XIII đã đề cập vào bài giảng làm cho người học hiểu hết vai trò nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn xây dựng đất nước cũng như công cuộc đổi mới ở Việt Nam trên mọi phương diện kinh tế - chính trị - xã hội. Đồng thời, phải tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường đối thoại, trao đổi, thảo luận để học viên được nêu lên quan điểm, suy nghĩ cá nhân, qua đó nắm bắt, định hướng kịp thời lập trường tư tưởng cho học viên.

Hai là, những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy chính trị học ở nước ta, cần: nghiên cứu môn học này từ chính trị học trong nước đến chính trị học nước ngoài, nắm vững đối tượng, phương pháp, những hướng nghiên cứu và nội dung nghiên cứu chủ yếu và cập nhật của môn học khoa học chính trị cơ bản này. Nghiên cứu, nắm vững những mục tiêu, yêu cầu và kết cấu của chương trình đào tạo chính trị

học, nhất là mục tiêu, yêu cầu (về cả tri thức, tư tưởng và kỹ năng) của môn chính trị học cũng như mục tiêu, yêu cầu của từng bài (chuyên đề) của môn chính trị học trong chương trình. Không ngừng nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cần được học tập các "Chương trình giới thiệu tác phẩm kinh điển mácxít" nói chung và giới thiệu tác phẩm kinh điển mácxít về chính trị nói riêng, nắm vững những quan điểm, luận điểm - nhất là những quan điểm, luận điểm mácxít có tính nền tảng về chính trị. Chủ động nghiên cứu và theo dõi kịp thời các nghiên cứu có tính lý thuyết, học thuật về chính trị học; bám sát đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bám sát thực tiễn chính trị trong và ngoài nước, bám sát người học để có những phân tích, liên hệ thực tế, từ đó có cách thức uyển chuyển đưa những vấn đề mới trong Nghị quyết Đại hội XIII đến người học một cách hiệu quả, thuyết phục. Đồng thời, học tập từ chính người học để có những tri thức mới, kinh nghiệm mới, phương pháp mới cho nghiên cứu, giảng dạy của mình. Nâng cao ý thức trách nhiệm, niềm tin và tính đảng, tính chiến đấu; làm tăng tính khoa học, tính cách mạng và tính hấp dẫn đối với chính trị học.

Ba là, về tính tích cực, chủ động, tự giác của người học trong học tập, nghiên cứu các môn chính trị học.

Phải thừa nhận trên thực tế việc học tập, nghiên cứu chính trị học vẫn còn không ít học viên chưa thực sự nghiêm túc, còn thực hiện qua loa, đại khái, hình thức. Bởi thế, người học chưa thật sự toàn tâm, toàn ý, chưa tích cực chủ động, tự giác trong học tập, nghiên cứu chính trị học, cũng như việc nghiên cứu Nghị quyết Đại hội XIII để cập nhật những điểm mới liên quan đến lĩnh vực chính trị học mà Nghị quyết đề cập.

Học viên chính trị họclà chủ thể của quá trình tiếp nhận kiến thức, nhân tố quyết định đến kết quả tự học. Vì vậy, mỗi học viên chính trị họcphải xác định tốt thái độ, động cơ, trách nhiệm tự học; chủ động làm tốt công tác chuẩn bị cho quá trình học tập theo hướng dẫn của giảng viên, kịp thời trao đổi, rút kinh nghiệm trong tổ, nhóm, lớp khi nghiên cứu, đề xuất những vấn đề chưa hiểu, chưa rõ với giảng viên để tìm giải pháp. Và nắm chắc nội dung và phương pháp tự học; chủ động tìm kiếm tri thức, thông tin, nâng cao các kỹ năng, tự phát hiện vấn đề, tự tìm ra cách giải quyết vấn đề dưới vai trò dẫn dắt, định hướng của giảng viên. Tính tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo của mỗi học viên chính trị học sẽ thúc đẩy trách nhiệm, ý thức kỷ luật của bản thân trong quá trình học tập, nghiên cứu chính trị họccũng như cập nhật Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Giảng viên có vai trò quan trọng trong việc hình thành, phát triển tính tự giác, tích cực chủ động của học viên trong quá trình học tập. Khuyến khích sự tham gia của người học cũng tạo nên cách học năng động, người học tự trải nghiệm những kiến thức mới mà Nghị quyết Đại hội XIII đã nêu, từ đó nhớ, hiểu kiến thức nhanh

hơn cách học thụ động. Giảng viên cần có cách tổ chức giờ giảng phù hợp, giảm bớt thời gian thuyết trình, tăng cường sự tham gia của người học bằng các hình thức làm việc nhóm, giải quyết tình huống, chia sẻ thông tin, khảo sát thực tế, tăng cường những nội dung ôn tập, thảo luận liên quan đến những vấn đề mới về lĩnh vực chính trị học đề cập trong Nghị quyết Đại hội XIII. Giảng viên phải sát sao và thường xuyên nâng cao hiệu quả công việc kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của người học để có những giải pháp kịp thời nhằm nâng cao, bồi dưỡng, khuyến khích thêm ý thức tự giác, tích cực cho người học.

Bốn là, giảng viên, học viên chính trị học kiên quyết đấu tranh chống lại những âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, chống phá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị.

Bên cạnh việc khẳng định, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; cần tiếp tục đấu tranh chống lại những âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch. Trước hết, cần hệ thống hóa các nội dung đang bị các thế lực chống phá, từ đó xây dựng luận cứ đấu tranh phản bác trên từng vấn đề cụ thể. Đồng thời, chuyển trọng tâm của việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên mặt trận tư tưởng, lý luận truyền thống là chủ yếu sang đấu tranh trên internet và mạng xã hội. Đây là một sự chuyển hướng cần thiết nhằm nắm bắt xu thế tất yếu của thời đại. Đó là sự chống phá ngày càng tinh vi, quyết liệt của các thế lực thù địch trên không gian mạng khiến mạng xã hội trở thành không gian tranh chấp chính trên trận tuyến đặc biệt quan trọng này. Điều này cũng được Đảng ta chỉ rõ ở Đại hội XIII như sau: "Chủ động cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan, đúng định hướng để phòng, chống "diễn biến hòa bình", thông tin xấu độc trên internet và mạng xã hội" [2, tr.234]. Ngoài ra, cần áp dụng những quy định của pháp luật để xử lý nghiêm minh những đối tượng có hành vi xuyên tạc, chống phá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh dưới bất kỳ hình thức nào.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu, vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào thực tiễn cuộc sống là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp trong hệ thống chính trị. Đặc biệt, đối với các trường đào tạo chuyên ngành chính trị học thì việc nghiên cứu, vận dụng Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, việc nghiên cứu, giảng dạy môn chính trị học sẽ tiếp tục được bổ sung, đổi mới về cả nội dung và phương pháp góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Hội đồng Lý luận Trung ương (2020), *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

TĂNG CƯỜNG BẢN CHẤT DÂN CHỦ CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS ĐỖ QUANG HUY[1]

Tóm tắt:

Xây dựng nhà nước pháp quyền mang bản chất dân chủ ưu việt của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là chủ trương đúng đắn được Đảng chính thức xác định kể từ Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII năm 1994. Đến Đại hội XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định và đưa ra những nội hàm, nội dung, định hướng cụ thể hơn nữa nhằm tăng cường bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trên cơ sở luận giải, làm rõ quan điểm của Đại hội XIII về bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời chỉ ra một số vấn đề trong xây dựng và phát huy tính dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng tôi đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *dân chủ, Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại hội XIII, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

MỞ ĐẦU

Tư tưởng về xây dựng nhà nước pháp quyền (nhà nước thực hiện quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật) được manh nha ngay từ khi nước ta mới giành độc lập, song, phải đến Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII năm 1994, chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mới chính thức được Đảng xác định và ghi nhận trong Văn kiện. Từ đó đến nay, qua mỗi kỳ Đại hội, Đảng ta đều nghiêm

1 Học viện An ninh nhân dân

túc thực hiện tổng kết thực tiễn, phân tích những thành tựu và hạn chế trong quá trình đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền, đồng thời rút ra những những bài học kinh nghiệm và từ đó đưa ra những quan điểm chỉ đạo ngày càng đúng đắn để nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện mô hình nhà nước pháp quyền với những đặc trưng mang bản chất dân chủ ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đến Đại hội XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: "Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân", "Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả..." [1, tr.38]. Từ đó cho thấy, việc xây dựng và tăng cường tính dân chủ trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một điều tất yếu. Việc nghiên cứu bản chất dân chủ trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tinh thần Đại hội XIII ra sao? Cần phải chú ý một số vấn đề gì trong quá trình xây dựng tính dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa? Từ đó, cần đưa ra những giải pháp căn cơ nào để tăng cường bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là những điều rất đáng quan tâm.

NỘI DUNG

1. Quan điểm của Đại hội XIII về bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhất quán với quan điểm từ các kỳ Đại hội trước, Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị, là một trong những định hướng chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ 2021 - 2030 và là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới thực hiện thắng lợi mục tiêu Chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, có thể thấy rõ quan điểm nhất quán và kiên định của Đại hội XIII về nhà nước pháp quyền mà Việt Nam đã và đang xây dựng là:

Thứ nhất, Nhà nước pháp quyền mà Việt Nam xây dựng là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chứ không phải là nhà nước pháp quyền tư sản như ở các quốc gia tư bản chủ nghĩa. Lựa chọn xây dựng nhà nước dưới hình thức nhà nước pháp quyền (một hình thức nhà nước được ghi nhận là có khả năng thực thi dân chủ tốt nhất cho đến thời điểm hiện nay) xuất phát từ mục tiêu, ước vọng của cả dân tộc Việt Nam về một nhà nước dân chủ, một chế độ dân chủ, một xã hội dân chủ chứ không phải là sự bắt chước, học theo nhà nước tư sản, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa nhưng ngại không dám thừa nhận nên ngụy tạo ra tên gọi nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như trong luận điệu xuyên tạc của các thế lực

thù địch. Theo lập luận của các thế lực thù địch thì nhà nước pháp quyền chính là nhà nước tư sản và trên thực tế không có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cách lập luận này không chỉ là sự xuyên tạc lố bịch mà còn thể hiện lối tư duy thiển cận, thiếu tính khoa học. Bởi lẽ, nhà nước pháp quyền thực chất chỉ là một hình thức nhà nước, một phương thức thực thi quyền lực nhà nước mà các nhà nước tư sản sử dụng để quản lý, điều hành xã hội. Hình thức nhà nước đó thực hiện quản lý, điều hành xã hội dựa trên cơ sở luật pháp, dùng pháp luật để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội cũng như thực hiện sự quản lý của nhà nước đối với xã hội. Và, tất nhiên, với những giá trị mà nó mang lại, nhà nước pháp quyền được thừa nhận là hình thức nhà nước có khả năng thực thi dân chủ tốt nhất cho đến ngày nay. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa cứ áp dụng hình thức nhà nước pháp quyền là mặc nhiên thực hiện và bảo đảm được dân chủ, hay nói cách khác, cứ là nhà nước pháp quyền thì đương nhiên là nhà nước dân chủ. Nhà nước pháp quyền chỉ là hình thức nhà nước có khả năng thực thi dân chủ tốt, còn việc có thực hiện được dân chủ hay không, có bảo đảm dân chủ thực sự hay không, có thực thi dân chủ rộng rãi hay không thì chủ yếu lại phụ thuộc vào bản chất của chế độ, bản chất của nhà nước có dân chủ hay không. Thực tế đã chứng minh, nhà nước tư sản dù cũng tồn tại dưới hình thức nhà nước pháp quyền, dù cũng luôn tuyên bố là nhà nước dân chủ, chế độ dân chủ, thậm chí họ còn luôn tự hào là chế độ dân chủ tốt nhất, ưu việt nhất nhưng thực chất nhà nước đó ngay từ đầu đã luôn là nhà nước của giai cấp tư sản, là công cụ quyền lực để giai cấp tư sản thực hiện sự thống trị của mình đối với nhân dân và toàn xã hội, các chính sách của nhà nước đó suy cho đến cùng luôn bảo vệ tối đa quyền và lợi ích cho giai cấp tư sản - những người giàu có, quyền thế trong xã hội chứ không phải cho đông đảo tầng lớp nhân dân. "Cho dù các nhà tư sản luôn khẳng định nhà nước tư sản là nhà nước của dân, do dân, vì dân, nhưng thực tế ngày càng chứng minh nhà nước đó thực chất chỉ là nhà nước của 1%, do 1% và vì 1% những người giàu có mà thôi" [3]. Theo thống kê, trong năm 2020, lương của CEO tập đoàn Amazon cao gấp 741 lần một nhân viên, CEO tập đoàn công nghệ Aptiv năm 2020 thu nhập cao gấp 5.000 lần một lao động bình thường; ở một loạt các tập đoàn lớn thuộc S&P 500 như Coca Cola, Hilton, Gap, Nike, Microsoft, v.v. chênh lệch giữa lương của lãnh đạo và lương của nhân viên trung bình cũng khoảng 300 lần [4, tr.807]. Tình trạng mất công bằng trong tiếp cận và thụ hưởng các thành quả phát triển xã hội cũng như các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế; sự phân biệt đối xử bất công với người nghèo, người da màu, người nhập cư, v.v. cũng là hiện thực không khó để thấy trong xã hội tư bản chủ nghĩa vốn được các nhà tư sản tuyên bố là dân chủ, tự do, bình đẳng.

Thứ hai, Nhà nước pháp quyền mà Việt Nam xây dựng mang bản chất dân chủ khác biệt của nhà nước xã hội chủ nghĩa so với nhà nước pháp quyền tư sản. Đại hội

XIII khẳng định, "bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân" [1, tr.100], "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân" [1, tr.173] chứ không phải quyền lực thuộc về chỉ 1% những người giàu có, quyền thế như trong chế độ tư bản chủ nghĩa, càng không phải quyền lực chỉ là của bộ phận cán bộ, quan chức trong nhà nước để trục lợi, vơ vét của công như trong luận điệu xuyên tạc của các phần tử phản động. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mọi chủ trương, chính sách của nhà nước đều nhằm "phục vụ lợi ích của nhân dân" [1, tr.165], "lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân là trung tâm" [1, tr.285], "lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu" [1, tr.28] chứ không vì lợi ích của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn nỗ lực phấn đấu bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phát huy vai trò của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước trên tinh thần "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" [1, tr.173], "Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân" [1, tr.174]. Trong quá trình hoạt động, các cơ quan nhà nước luôn quán triệt rõ phải lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân, chú trọng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân, "không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân" [1, tr.116], "thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam" [1, tr.202], "Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, cố gắng bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm", "phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế" [1, tr.149-151] trên tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình phát triển đất nước, nhất là trong những giai đoạn khó khăn, dịch bệnh, v.v.. Nhà nước luôn nỗ lực nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện hiệu quả các chính sách về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ và tầm vóc người Việt Nam, bảo đảm toàn dân đều được quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ, hướng tới mục tiêu cao đẹp của cả dân tộc là "phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn" [1, tr.46], xây dựng thành công nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" [1, tr.56] như mong ước, nguyện vọng của cả dân tộc từ bao đời nay. Như vậy, Đại hội XIII không chỉ tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mà còn nhấn mạnh, làm rõ những đặc trưng dân chủ ưu

việt thực sự của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với nhà nước pháp quyền tư sản ở các quốc gia tư bản chủ nghĩa.

Thứ ba, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngay từ cơ sở kinh tế đã thể hiện và bảo đảm tính dân chủ của mình. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam dựa trên cơ sở chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất cơ bản, mọi của cải, tài nguyên, v.v. trong xã hội đều thuộc sở hữu của các tầng lớp nhân dân và do đó, nhà nước có cơ sở khách quan để bảo đảm mọi quyền lực nhà nước cũng là của nhân dân. Nhân dân là chủ, nhân dân trao quyền cho các cơ quan nhà nước để thực hiện và bảo vệ quyền dân chủ của mình. Mọi chính sách của Nhà nước đều hướng tới bảo đảm và bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng cho mọi giai tầng trong xã hội chứ không phải chỉ bảo vệ lợi ích cho những người có quyền thế, giàu có, hay cho nhóm cán bộ, quan chức như luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Thậm chí nhóm những người yếu thế, gặp rủi ro, không may trong cuộc sống, người dân ở các vùng miền khó khăn, biên giới hải đảo, miền núi, vùng sâu vùng xa, v.v., Nhà nước đều có những chính sách quan tâm đầy đủ, bảo đảm những nhu cầu thiết yếu, trợ cấp an sinh xã hội, v.v, để không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình phát triển đất nước. Mục tiêu quan trọng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh, thịnh vượng chứ không vì bất cứ một lý do nào khác hay vì lợi ích của bất kỳ cá nhân nào. Khi và chỉ khi có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu thì nhà nước mới có thể thực hiện và bảo đảm được bản chất dân chủ thực sự của mình còn nếu nhà nước đó ngay từ cơ sở kinh tế đã là bất bình đẳng, mọi của cải chỉ thuộc sở hữu của số ít người (chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất) như nhà nước pháp quyền tư sản ở các quốc gia tư bản chủ nghĩa thì nhà nước đó sẽ luôn chỉ là công cụ thống trị chính trị và bảo vệ lợi ích cho thiểu số giai cấp, tầng lớp những người có của mà thôi. Tất nhiên, dù Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có cơ sở, tiền đề bảo đảm bản chất dân chủ, song với điều kiện của một đất nước đã chịu nhiều tổn thất do những cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài, một đất nước có xuất phát điểm đi sau, không có được những điều kiện, tiền đề vật chất vững vàng như ở nhiều quốc gia tư bản chủ nghĩa thì việc muốn có ngay mọi thành quả như mong đợi, nhanh chóng đưa đất nước phát triển thịnh vượng, người nhân được sống khá giả, sung túc, v.v, là điều khó thể đạt được nhanh chóng. Nhưng chắc chắn, chỉ cần có sự điều hành của nhà nước mang bản chất ưu việt, dân chủ xã hội chủ nghĩa, chỉ cần mọi hoạt động của nhà nước đó luôn vì lợi ích của nhân dân, luôn hướng đến mục tiêu tốt đẹp là mang lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, v.v. thì không có gì là không thể.

Thứ tư, bản chất dân chủ ưu việt của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không chỉ được khẳng định, ghi nhận, tuyên bố mà còn được thể hiện,

minh chứng trong thực tiễn. Đại hội XIII đưa ra những số liệu minh chứng thực tế trong hơn 25 năm qua, dưới sự điều hành, quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đất nước đã gặt hái được nhiều thành tựu đáng mừng được cộng đồng quốc tế coi trọng, đánh giá cao: kinh tế phát triển tốt kể cả trong bối cảnh nền kinh tế thế giới gặp khủng hoảng, suy thoái hay có đại dịch (tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 6%/năm, riêng năm 2020 tăng trưởng GDP vẫn đạt 2,91% là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới); đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao (năm 2020 thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đã đạt 2.779 USD/người); tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn dưới 3%; đã hoàn thành các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, trong đó có nhiều mục tiêu về giảm nghèo, y tế, giáo dục hoàn thành trước thời hạn, được đánh giá là điểm sáng của thế giới; các quyền dân chủ của người dân ngày càng được đảm bảo và mở rộng, Nhà nước tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân tăng cường tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe, tiếp thu, giải quyết những bức xúc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, v.v.. [1, tr.61-71]. Đặc biệt, trong những năm gần đây, đất nước phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, nhiều thiên tai lớn đã xảy ra gây những tổn thất nặng nề về người và của, dịch bệnh Covid hoành hành kéo dài với diễn biến hiện vẫn vô cùng phức tạp, với bản chất dân chủ ưu việt tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn luôn sát cánh cùng nhân dân cả nước nỗ lực chống chọi để khắc phục những khó khăn, tổn thất, duy trì sản xuất, đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân.

Tuy nhiên, xây dựng và tăng cường tính dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng bộc lộ một số hạn chế, cụ thể như: (1) "Công tác thông tin, tuyên truyền một số chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa phong phú, thường xuyên, kịp thời, chưa đáp ứng được mong đợi của nhân dân" [1, tr.91]; (2) "Các nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chưa được phát huy tốt. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có mặt chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới, chưa thật sâu sát với các tầng lớp nhân dân và cơ sở; chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đều" [1, tr.88]; (3) "Tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội" [1, tr.93]; (4) "Công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn các thông tin xấu độc, quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao" [1, tr.91]. Đây là những kết luận quan trọng để đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới.

2. Một số giải pháp tăng cường bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Hiện nay, chúng ta đang xây dựng Nhà nước theo hướng Nhà nước pháp quyền, do đó phương thức lãnh đạo của Đảng cũng cần phải đổi mới cho tương thích, phù hợp với Nhà nước pháp quyền. Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng bản thân Đảng, cán bộ lãnh đạo của Đảng, các tổ chức Đảng cũng phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Quyền lực Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đảng lãnh đạo Nhà nước phải lãnh đạo cả trên ba phương diện lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cần tránh khuynh hướng cực đoan là Đảng bao biện làm thay Nhà nước, khuynh hướng này dẫn tới không phát huy được hết vai trò, chủ động, sáng tạo của Nhà nước, đồng thời dẫn tới nguyên tắc pháp quyền không được đảm bảo. Hậu quả là cả Đảng và Nhà nước đều hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả, dẫn tới cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" vận hành không đạt hiệu quả như nhân dân mong muốn.

Hai là, tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần tiếp tục kiện toàn tổ chức, đổi mới nội dung hoạt động, trong đó coi trọng việc tham gia xây dựng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, coi đây là một kênh quan trọng thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, là phương thức để Mặt trận thực hiện vai trò đại diện, cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Tham gia xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật hướng vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ của người dân. Tập trung nâng cao các hình thức tham gia xây dựng pháp luật của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như góp ý kiến, phản biện xã hội các văn bản quy phạm pháp luật; giám sát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những văn bản trái thẩm quyền, còn bất cập, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; phản ánh ý kiến của nhân dân về các vấn đề liên quan đến xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Ba là, kiên quyết, kiên trì thực hiện đấu tranh phòng, chống tham nhũng; tăng cường công khai, minh bạch, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước; tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân

phục vụ, vì sự phát triển của đất nước. Thực hiện tốt được công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí sẽ làm cho nhân dân tin tưởng vào con đường, mục tiêu mà Đảng, Nhà nước ta đang thực hiện. Bên cạnh đó, xuất phát từ thực tế chúng ta còn lúng túng trong việc xác định vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Vì vậy, đây là giải pháp hết sức quan trọng, bởi thực hiện được giải pháp này thì chức năng của từng cơ quan nhà nước sẽ rõ ràng, không chồng chéo, không bỏ sót; như vậy, hoạt động của bộ máy nhà nước mới thống nhất và hiệu quả. Khi các chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp được xác định rõ ràng thì việc phối hợp, kiểm soát quyền lực mới hiệu quả, tránh được tình trạng lạm quyền, lộng quyền, độc đoán hoặc buông lỏng quyền lực. Tuy nhiên, quyền lực của Nhà nước Việt Nam là quyền lực của Nhân dân, do vậy không thể dùng quyền lực của nhân dân phân chia cho cơ quan, bộ phận nào của Nhà nước. Quyền lực nhà nước của chúng ta về bản chất luôn là thống nhất, phục vụ nhân dân.

Bốn là, tăng cường công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm xuyên tạc bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bản chất dân chủ và tính ưu việt của nền dân chủ trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được khẳng định và làm sáng tỏ cả về lý luận cũng như thực tiễn. Tuy nhiên, với âm mưu, thủ đoạn nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, các thế lực thù địch luôn tận dụng những thiếu sót của Nhà nước trong quá trình điều hành, xây dựng đất nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội hoặc tung hô, mị dân những giá trị của phương Tây nhằm công kích, hạ bệ vị trí, vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì vậy, trong thời gian tới, công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần bám sát thực tiễn, kiên quyết, triệt để và đạt được những hiệu quả thiết thực hơn nữa để cho quần chúng nhân dân nhận diện, không tin theo những luận điệu sai trái, thù địch.

KẾT LUẬN

Quan điểm của Đại hội XIII chính là những khẳng định, cam kết cho nỗ lực quyết tâm xây dựng nhà nước pháp quyền mang bản chất dân chủ ưu việt của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Những nội dung trong Văn kiện XIII về vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không chỉ là những khẳng định nhằm phản bác lại những luận điệu xuyên tạc lố bịch của những thế lực thù địch, phản động về bản chất dân chủ ưu việt của nhà nước Việt Nam, mà còn là những định hướng chỉ đạo quan trọng để nhà nước Việt Nam phấn đấu thực hiện, xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự là chế độ dân chủ, mọi quyền lực của nhà nước thực sự thuộc về nhân dân, mọi

hoạt động của nhà nước đều thực sự vì lợi ích của nhân dân, không ngừng cải thiện và nâng cao mọi mặt đời sống của nhân dân, nhanh chóng hoàn thành những mục tiêu tốt đẹp đã đề ra vì một nước Việt Nam dân chủ, công bằng, phồn vinh, hạnh phúc và hội nhập cùng các nước trên thế giới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Mạnh Hưởng (2012), *Phải chăng ngày nay giai cấp công nhân không còn sứ mệnh lịch sử*, truy cập ngày 02/7/2022 tại: http://tapchiqptd.vn/vi/binh-luan-phe-phan/phai-chang-ngay-nay-giai-cap-cong-nhan-khong-con-su-menh-lich-su/1205.html

[4]. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2021), K*ỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Quán triệt Văn kiện Đại hội XIII Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy các môn Lý luận chính trị tại các cơ sở giáo dục đại học*, Tập 1, Nxb Dân trí, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Thanh Tuấn (2022), Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 1, tr.61-66.

NHẬN THỨC VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG THEO TINH THẦN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII TRONG GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC HIỆN NAY

TS MAI DIỆU ANH[1]

Tóm tắt:

Việt Nam là một quốc gia có sự ổn định chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và hệ thống chính trị vững mạnh, quyết tâm thực hiện con đường xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện đường lối xây dựng, phát triển Việt Nam thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, Đại hội Đảng lần thứ XIII nhấn mạnh yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng với những nội dung mới có tính đột phá, có nhiều điểm mới so với các văn kiện trước đó. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục khoa học chính trị, các cơ sở đào tạo trên cả nước tích cực nghiên cứu và quán triệt những nội dung mới về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vào nội dung giảng dạy Chính trị học. Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII vào giảng dạy Chính trị học là quá trình biện chứng giữa nghiên cứu, học tập, quán triệt và trực tiếp tham gia tuyên truyền Nghị quyết của Đảng. Bài viết này tập trung vào hai nội dung cơ bản: 1) Quan điểm của Đại hội Đảng lần thứ XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; 2) Vận dụng văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vào giảng dạy môn Chính trị học hiện nay.

Từ khóa: *Chính trị học, Đại hội Đảng lần thứ XIII, đổi mới, giảng dạy, phương thức lãnh đạo*

1 Học viện An ninh nhân dân

MỞ ĐẦU

Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Ngay từ khi mới hình thành, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn thể hiện tính cách mạng, khả năng quy tụ sức mạnh của giai cấp, của dân tộc. Trong Sách lược vắn tắt của Đảng, vai trò lãnh đạo của Đảng sớm được khẳng định: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng" [11, tr.3]. Phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống các quan điểm chỉ đạo, các phương pháp, hình thức, giải pháp mà Đảng tác động vào đối tượng lãnh đạo nhằm đạt được mục tiêu chính trị đã đề ra. Phương thức lãnh đạo đúng đắn có vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một trong những nhiệm vụ quan trọng để xây dựng Đảng.

NỘI DUNG

1. Quan điểm của Đại hội Đảng lần thứ XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Thực tiễn đã chứng minh, Đảng Cộng sản Việt Nam muốn lãnh đạo và thuyết phục được quần chúng nhân dân đi theo ủng hộ sự nghiệp cách mạng phải xác định đường lối, mục tiêu đúng đắn, phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân. Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối, chiến lược, những quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội. Đường lối, mục tiêu ấy phải sát với nhiệm vụ thực tiễn của từng giai đoạn lịch sử. Trước khi giành được chính quyền, Đảng lấy uy tín của mình để tuyên truyền, thuyết phục quần chúng tin tưởng, đi theo và ủng hộ những đường lối, cương lĩnh, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Khi giành được chính quyền, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng được hiện thực hóa vào đời sống, củng cố vững chắc sự lãnh đạo của Đảng với toàn xã hội. Không thể phủ nhận rằng, nhận thức về phương thức lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ngày càng sát với tình hình thực tiễn đất nước và cụ thể hơn.

Tại Đại hội III, Đảng đặt ra vấn đề "cải tiến công tác lãnh đạo", trong đó nhấn mạnh Đảng luôn phải lãnh đạo xã hội bằng đường lối đúng đắn, giữ cho tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong sạch, có uy tín, giữ vững niềm tin trong nhân dân, từ đó nhân dân mới tự nguyện trao quyền cho Đảng nắm giữ những vị trí quan trọng trong cơ quan nhà nước thông qua bầu cử.

Đại hội VI - Đại hội của sự đổi mới - xác định một trong những vấn đề hệ trọng phải tiến hành đổi mới, đó là "Quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng theo tinh thần cách mạng và khoa học" [4, tr.544]. Điều đó có nghĩa Đảng phải lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết, phát huy

tính chủ động của Nhà nước nhằm đảm bảo việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Lần đầu tiên, cụm từ "phương thức lãnh đạo của Đảng" được sử dụng trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa VI (tháng 3/1989).

Kể từ năm 1986 đến nay, Đảng ta hết sức coi trọng phương thức lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội. Một trong những biểu hiện của đổi mới tư duy chính trị là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, là bước phát triển về lý luận khi xác định rõ các phương thức lãnh đạo của Đảng: "Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng Cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, các nghị quyết, nguyên tắc giải quyết các vấn đề lớn, có ý nghĩa chính trị quan trọng" [5, tr.355].

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII nhấn mạnh: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới" [8, tr.196]. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục đánh giá "Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị tiếp tục được tăng cường, nhất là với Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đồng thời phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và quyền làm chủ của nhân dân" [9, tr.213-214]. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một nhiệm vụ quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới "Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới. Ban hành và thực hiện nhiều quy định bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đề cao nguyên tắc pháp quyền, phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đổi mới cách học tập, quán triệt nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ. Coi trọng việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội" [8, tr.76-77].

Muốn đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng một cách quyết liệt, cần khắc phục tình trạng ban hành nghị quyết thiếu tính khả thi, phải đổi mới việc xây dựng, ban hành và nâng cao hơn nữa chất lượng các nghị quyết của Đảng. Qua đó thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng. Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng thực hiện đúng chức năng quản lý xã hội với hệ thống pháp luật là sự thể chế hóa từ đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện nguyện vọng và ý chí của nhân dân.

Đảng lãnh đạo thông qua các tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên, vì thế yêu cầu cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu là yêu cầu bắt buộc trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định phải xây dựng "cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, bị xử lý kỷ luật, không còn uy tín đối với nhân dân" [8; tr179]. Các cán bộ, đảng viên luôn phải giữ được bản lĩnh vững vàng, tính gương mẫu, đi đầu khi thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong các tổ chức đảng, trong bộ máy Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Vận dụng văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vào giảng dạy Chính trị học hiện nay

Chính trị học là môn học nghiên cứu chính trị với tư cách là một chỉnh thể, là khoa học về việc giành, giữ, thực thi quyền lực chính trị. Ở Việt Nam, môn Chính trị học chính thức trở thành một chuyên ngành khoa học từ năm 1990, dựa trên thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Môn học này góp phần cung cấp các tri thức về đời sống chính trị, cung cấp cơ sở, luận cứ khoa học cho việc xây dựng, đổi mới và hoàn thiện thể chế chính trị ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Điều 4, Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định: Đảng "là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội" [13, tr10]. Trong giảng dạy môn Chính trị học, nội dung hệ thống chính trị Việt Nam là nội dung hết sức quan trọng, chỉ ra mục tiêu, bản chất của hệ thống này là hệ thống chính trị bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là trung tâm của hệ thống; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là cơ sở chính trị của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình giảng dạy phải nhấn mạnh cho học viên nắm vững phương thức lãnh đạo của Đảng. Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội, cũng là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện các Cương lĩnh, đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Đảng lãnh đạo xã hội thông qua hệ thống tổ chức cơ sở Đảng các cấp và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Chính vì thế, công tác cán bộ là nhiệm vụ hết sức quan trọng để lựa chọn, bố trí, giới thiệu cán bộ có đủ tiêu chuẩn vào các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước, các tổ chức chính

trị - xã hội và các đoàn thể quần chúng. Đảng còn lãnh đạo bằng phương thức giáo dục, thuyết phục, nêu gương...

Trong tình hình mới, cần tiếp tục kiện toàn tổ chức đảng, cắt giảm những đầu mối, khâu trung gian, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bằng các định hướng, đường lối, chiến lược đúng đắn, sáng suốt của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng hiện nay yêu cầu Đảng phải tập trung lãnh đạo việc thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng thành cơ chế, chính sách, pháp luật, hướng tới thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội chủ yếu bằng pháp luật, thông qua pháp luật.

Thời gian qua, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 09/3/2021 của Bộ Chính trị về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: "Việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là công việc thường xuyên, phải được thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản, khoa học trong suốt cả nhiệm kỳ...", trong đó việc đưa Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII vào giảng dạy Chính trị học là nhiệm vụ cấp thiết, giúp học viên nắm vững thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống các tri thức cơ bản của môn Chính trị học, cập nhật quan điểm, chủ trương của Đảng, góp phần củng cố nhận thức chính trị một cách khoa học và cách mạng, phát huy năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách hiệu quả.

Để nâng cao chất lượng giảng dạy Chính trị học, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu cần tập trung vào các vấn đề sau đây:

Thứ nhất, mỗi giảng viên cần nhận thức rõ trách nhiệm học tập, quán triệt văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nói riêng là góp phần truyền thụ đường lối, quan điểm của Đảng đến người học, từ đó phải tự giác học tập, nghiên cứu, quán triệt và nắm vững những quan điểm cơ bản, nội dung cốt lõi và nhận thức mới trong các Văn kiện Đại hội XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Cần nâng cao chất lượng bài giảng môn Chính trị học thông qua việc tập trung nghiên cứu, cập nhật, bổ sung các nội dung mới trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong các bài giảng Chính trị học ở tất cả các lớp, các loại hình đào tạo, bồi dưỡng. Mỗi giảng viên Chính trị học không chỉ là người cung cấp tri thức như những giảng viên các môn học khác mà còn là người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng - lý luận của Đảng.

Thứ hai, giảng viên Chính trị học cần liên hệ các vấn đề thực tiễn, các sự kiện chính trị - xã hội trong nước và quốc tế đang diễn ra hiện nay liên quan tới vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Cần lưu ý rằng các vấn đề thực tiễn phải phù hợp với nội dung lý luận của bài giảng, phù hợp với nhận thức của người học, có giá trị giáo dục. Giảng viên cần nỗ lực không ngừng, tìm hiểu các vấn đề thực tiễn sống động, đọc sách báo, sử dụng các phương tiện thông tin để nâng cao kiến thức thực tiễn và cập nhật những vấn đề mới nhất. Bám sát những tư liệu về tổng kết thực tiễn đã được đúc rút như trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII để đảm bảo tính khách quan, khoa học và có luận cứ rõ ràng. Chẳng hạn, khi chỉ ra việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn hạn chế trên một số lĩnh vực, có thể kế thừa quan điểm tổng kết của Đảng trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII: "Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả chưa cao". Tuy nhiên, trong từng bài giảng, ngoài việc liên hệ với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, các giảng viên phải hết sức chú ý tính đảng sâu sắc, truyền thụ niềm tin mãnh liệt vào sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo.

Thứ ba, giảng viên cần gắn nhiệm vụ giảng dạy các nội dung cơ bản của Chính trị học với việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho người học. Người học ở nhiều hệ đào tạo đã, đang và sẽ là cán bộ, đảng viên, khi được học tập các nội dung về hệ thống chính trị, về đảng chính trị, về phương thức lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ hiểu về kiến thức, quan trọng hơn là được bồi dưỡng tình cảm, tư tưởng, đạo đức cách mạng, làm cho người học thấy được yêu cầu phải rèn luyện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, đạo đức lối sống... Từ đây, học viên có lập trường vững vàng nhận thức âm mưu của các thế lực thù địch như Đại hội Đảng lần thứ XIII đã nhấn mạnh "làm cho tư tưởng tiến bộ tích cực thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, có tác dụng uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, sai trái" [9, tr.232].

Thứ tư, khi phê phán các quan điểm chính trị, tư tưởng sai trái, đi ngược với các nguyên tắc của bài học, giảng viên Chính trị học phải có sự phê phán trên cơ sở khoa học, uốn nắn những lệch lạc, đấu tranh làm thất bại luận điệu, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch. Rèn luyện cho người học năng lực đấu tranh, phản bác có hiệu quả với các quan điểm sai trái, bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng trong điều kiện mới, xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên, giúp họ có lập trường vững vàng trước sự lôi kéo của các thế lực thù địch. Sau quá trình học tập, học viên hình thành, củng cố và phát triển niềm tin, sự tự hào về quá trình lịch sử, sự phát triển của đất nước ta hiện nay, sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng trong công cuộc đổi mới, những triển vọng trên con đường tiến lên Chủ nghĩa xã hội.

Thứ năm, đổi mới hình thức, phương pháp nghiên cứu các quan điểm Đại hội XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu Chính trị học. Tổ chức hội thảo khoa học, viết các chuyên đề, đề tài khoa học, tổ chức tốt hoạt động thông tin khoa học và tập huấn định kỳ của chuyên ngành để làm rõ những vấn đề mới về lý luận đối với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII. Thông qua hình thức tổ chức này sẽ tạo ra sự thống nhất, những điều kiện thuận lợi để các giảng viên vận dụng hiệu quả những nội dung mới về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vào giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học viên. Đây là một trong những biện pháp có hiệu quả cao, góp phần đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào thực tiễn hoạt động giáo dục đào tạo ở các nhà trường hiện nay. Ngoài ra, trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, cần tận dụng tối đa việc tiếp cận tri thức thông qua internet trong giảng dạy Chính trị học tại các cơ sở đào tạo. Giảng viên trở thành người truyền năng lượng, người hướng dẫn, điều phối, thiết kế bài giảng, tạo môi trường học tập để học viên tiếp nhận tri thức, khai thác lựa chọn thông tin. Thông qua việc sử dụng tối đa tính trực quan trên mạng Internet, giảng viên cụ thể hóa các kiến thức về Chính trị học, về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để học viên nắm bắt kiến thức sâu sắc hơn, chủ động trong học tập và đào sâu nghiên cứu.

Thứ sáu, xác định vai trò quan trọng hàng đầu là phải có sự chỉ đạo thống nhất của Đảng ủy, Ban giám đốc học viện, nhà trường, các cơ sở đào tạo và sự phối hợp thường xuyên của lãnh đạo, quản lý các cấp, của mỗi giảng viên trong chỉ đạo và thực hiện công tác giảng dạy Chính trị học và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII cho sát nội dung Chính trị học. Lãnh đạo các Khoa, bộ môn giảng dạy cần thường xuyên kiểm tra để đánh giá chất lượng, hiệu quả vận dụng, các nội dung lý luận về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn Chính trị học ở các hệ lớp hiện nay.

Thứ bảy, các cơ sở đào tạo cần chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy môn Chính trị học nói riêng, các môn học nói chung theo hướng tích cực. Phòng học cần được đảm bảo về số lượng cho phù hợp với quy mô lớp nhỏ, được trang bị đầy đủ các phương tiện dạy học hiện đại, học viên dễ dàng tiếp cận kho tài liệu ngay tại lớp học để khai thác thông tin phục vụ việc xây dựng bài giảng cùng giảng viên. Hệ thống thư viện đảm bảo số đầu sách, báo, tạp chí cập nhật mới, tăng cường số lượng, phát triển các phòng đọc tự chọn, phòng đọc chuyên dùng, phòng học điện tử cùng đội ngũ cán bộ phục vụ cả trong và ngoài giờ hành chính với thái độ tốt nhất cho học viên tự nghiên cứu, học tập. Từ đó mới góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu giảng dạy Chính trị học nói riêng và các môn học tại các cơ sở đào tạo trong tình hình mới.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu, vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp, đặc biệt, đối với việc giảng dạy Chính trị học, điều này cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Với nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc đưa những nội dung mới trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng sẽ được thấm nhuần và vận dụng có hiệu quả trong giảng dạy Chính trị học, góp phần quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Tuyên giáo Trung ương (2021), *Tài liệu học tập các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Đăng Dung - Đỗ Đức Minh (Đồng chủ biên) (2021), *Giáo trình Chính trị học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập 47, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 65, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[9]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[10] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị: Chính trị học,* Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[11] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội

[12] Lê Hữu Nghĩa (2021), "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng yêu cầu mới", *Tạp chí Tổ chức Nhà nước,* số 6/2021.

[13] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM VÀ VẬN DỤNG VÀO NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TS PHẠM THỊ HOA - ThS NGÔ ĐỨC PHƯƠNG[1]

Tóm tắt:

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nấc thang trong sự phát triển của nhân loại, là mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản trong chiến lược phát triển ở các quốc gia theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề này tuy không mới nhưng chưa bao giờ cũ nên rất cần được tiếp tục nghiên cứu để làm rõ hơn, thống nhất hơn những nội hàm cơ bản của nó. Ở Việt Nam, dân chủ cũng là một trong những vấn đề chính trị - xã hội đặc biệt quan trọng, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, được đề cập đến trong các văn kiện của Đảng qua các thời kỳ, phản ánh sự thay đổi trong nhận thức của Đảng ta. Việc tìm ra những điểm mới trong nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa của Đại hội XIII để vận dụng vào thực tiễn xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, từ đó xây dựng kế hoạch lồng ghép trong nghiên cứu và giảng dạy chính trị học là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn hiện nay.

Từ khóa: *dân chủ, dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đại hội XIII, giảng dạy chính trị học, nghiên cứu*

MỞ ĐẦU

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nấc thang, một trình độ cao trong lịch sử phát triển dân chủ của nhân loại và cho đến nay, nó vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện ở một số nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Vì thế, có thể

1 Học viện Báo chí và Tuyên truyền

nói, dân chủ xã hội chủ nghĩa và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là vấn đề mới mẻ, cần được tiếp tục nghiên cứu. Ở Việt Nam, dân chủ cũng là một trong những vấn đề chính trị - xã hội đặc biệt quan trọng, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: "Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm" [5, tr.84-85]. Trong văn kiện các kỳ Đại hội Đảng đều đề cập rất sâu sắc nội dung về dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nội dung này một lần nữa được bàn đến trong Văn kiện Đại hội XIII với những nội dung mới hơn về nhận thức so với trước đây. Việc tìm ra những điểm mới trong nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa của Đại hội XIII để vận dụng vào thực tiễn xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, từ đó xây dựng kế hoạch lồng ghép trong nghiên cứu và giảng dạy chính trị học là một hướng triển khai có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn hiện nay.

NỘI DUNG

1. Sự hình thành và phát triển quan niệm về dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trước Đại hội Đảng XIII

Nhận thức về dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một quá trình và được thể hiện qua các kỳ Đại hội. Đại hội IV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra quan niệm: "Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là xây dựng một xã hội trong đó người làm chủ là nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nội dung làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt: Làm chủ về chính trị, kinh tế, xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở. Quyền làm chủ tập thể bao gồm tự do chân chính của cá nhân". Đồng thời, khẳng định "phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động", coi việc "xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa" là một trong những "nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội".

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những bước phát triển quan trọng trong nhận thức lý luận về dân chủ và thực hiện dân chủ.

Tại Đại hội VI - Đại hội mở đầu của sự nghiệp đổi mới, khi nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển đất nước, Đảng ta đã khẳng định, "trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động",

coi "làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa cần phải được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống".

Tại Đại hội VII, khi thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991), Đảng ta đã đưa ra một quan niệm mới về dân chủ: "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và pháp luật bảo đảm" [3, tr.145]. Có thể khẳng định rằng, luận điểm trên thể hiện bước tiến mới trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ xã hội chủ nghĩa và cũng từ đây, Đảng không sử dụng các khái niệm "làm chủ tập thể", "chế độ làm chủ tập thể" khi nói về dân chủ.

Vấn đề dân chủ và phát huy dân chủ được Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng nhận thức sâu sắc và thực hiện đầy đủ hơn. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: "Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước" [5, tr.84-85]. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng một lần nữa đề cập đến vấn đề phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa: "Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần phải phòng ngừa đối với đảng cầm quyền" [7, tr.217].

Như vậy, ở Việt Nam, dân chủ xã hội chủ nghĩa được coi là một hình thức chính trị - nhà nước thừa nhận quyền tự do, bình đẳng của công dân, xác định nhân dân là chủ thể của quyền lực và điều đó được bảo đảm bằng Hiến pháp và pháp luật. Chế độ dân chủ ở nước ta do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là dân chủ của đa số, vì đa số và người lao động; là chế độ mà ở đó, nhân dân lao động làm chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, được pháp luật bảo đảm; là sự thể hiện quyền lực của nhân dân, tập trung và thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

2. Những nhận thức mới về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng của quá trình phát triển. Chính vì vậy, trong Văn kiện Đại hội XIII, khái niệm dân chủ xã hội

chủ nghĩa và những nội hàm của nó đã được thể hiện một cách rõ nét. Trong đó, có những nhận thức mới về vấn đề này cần chú ý để vận dụng vào thực tiễn. Những điểm mới như sau:

Thứ nhất, trong quan điểm chỉ đạo, Văn kiện Đại hội XIII xác định quan điểm "Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững" [8, tr.324-325].

Thứ hai, trong các định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Văn kiện Đại hội lần này đã ba lần đề cập đến vừa trực tiếp, vừa gián tiếp khái niệm dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng như những nội hàm của nó thể hiện cụ thể trong định hướng thứ 4 và thứ 5 và trực tiếp nhất là định hướng thứ 9. "Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước" [8, tr.330]; "Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân" [8, tr.330]. Và "Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội" [8, tr.332].

Dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng được nhắc đến khi nói về các mối quan hệ lớn cần nắm vững và xử lý tốt trong nhiệm kỳ Đại hội này: "Quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng

sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Trong nhận thức và giải quyết các quan hệ lớn, cần chú trọng hơn đến bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân" [8, tr.333-334].

Các nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII cũng tập trung vào nhiệm vụ xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Cụ thể là:

(4) Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam [8, tr.336].

(5) Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc [8, tr.336-337].

Từ đó, Đại hội xác định một trong các đột phá chiến lược chính là: "Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" [8, tr.338].

Như vậy, có thể thấy vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là một nội dung tuy không mới nhưng vì nhận thức được

thấu đáo, đầy đủ để có thể xây dựng được và phát huy như một nguồn lực của sự phát triển đất nước thì là một vấn đề không hề đơn giản, cần tiếp tục nhận thức và khái quát thực tiễn để những nội dung đưa ra ngày càng sâu sắc hơn.

3. Vận dụng Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vào nghiên cứu và giảng dạy chính trị học trong bối cảnh hiện nay

Hiện nay, nước ta đang đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với những thời cơ, thuận lợi to lớn, song cũng có không ít khó khăn, thách thức. Trong khi đó, với sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và xã hội thông tin bùng nổ, các thế lực thù địch tuy ngấm ngầm nhưng ngày càng tinh vi, thâm độc hơn trong chống phá cách mạng Việt Nam, phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng ta, bôi nhọ hòng làm suy giảm uy tín của Đảng ta và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; xuyên tạc, bôi đen hoặc phủ nhận những thành tựu mà Đảng và nhân dân ta đã đạt được trong quá trình đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa... nhằm lật đổ chế độ chính trị của ta. Một trog những nội dung bọn chúng hướng tới chính là xuyên tạc về dân chủ xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ mà chúng ta đang xây dựng, bóp méo và phủ nhận những giá trị tích cực, tiến bộ về dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh mà chúng ta đã đạt được. Chính vì vậy, trách nhiệm của những người nghiên cứu và giảng dạy chính trị học là phải tập trung nghiên cứu, làm sáng rõ và sâu sắc những luận điểm cơ bản về dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ quan niệm đến hình thức biểu hiện, mục tiêu và những kết quả đạt được để khẳng định bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy chính trị học, trước hết, cần tiếp tục quán triệt nhận định: dân chủ XHCN là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước; xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân là vấn đề cơ bản nhất của dân chủ XHCN. Dân chủ XHCN phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, thông qua hoạt động của nhà nước do nhân dân bầu ra và các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm. Nhà nước quy định và bảo vệ các quyền công dân, quyền con người, đi đôi với đề cao nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi người; đồng thời, chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của mỗi người.

Thứ hai, cần lồng ghép quan điểm: xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân chính là hướng tới thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đây là vấn đề thuộc về nguyên tắc đảm bảo cho nền dân chủ XHCN ở nước ta không ngừng phát triển và hoàn thiện.

Thứ ba, cần quán triệt quan điểm gắn xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với phát huy vai trò quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; trong việc đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, chăm lo lợi ích của đoàn viên, hội viên... Đồng thời, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không thể tách rời xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là Đảng cầm quyền, đủ sức lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội là vấn đề nguyên tắc, quyết định đến bản chất, phương thức, tổ chức hoạt động và hiệu quả của nền dân chủ XHCN ở nước ta.

Rất nhiều môn học, học phần trong các chương trình đào tạo chính trị học ở các hệ, các cấp đều có nội dung trọng tâm hướng vào làm rõ bản chất, đặc trưng, mục tiêu của dân chủ xã hội chủ nghĩa và việc xây dựng, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với những thiết chế, thể chế hữu hiệu. Trong đó, phải kể đến những môn học, những học phần cốt lõi của chính trị học như: Quyền lực chính trị; Chính trị học Việt Nam; Thể chế chính trị; Chính trị với quản lý xã hội; Quan hệ đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; Chính trị học so sánh... Và vì đây là một trong những nội dung quan trọng được đề cập đến trong Văn kiện các kì Đại hội Đảng mà mới nhất là Đại hội Đảng XIII nên những đề tài liên quan đến nội dung này sẽ trở thành những hướng ưu tiên trong nghiên cứu chính trị học hiện nay và yêu cầu lồng ghép, vận dụng những quan điểm này vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy chính trị học là một yêu cầu cũng là nhu cầu tự thân của khoa học này.

KẾT LUẬN

Dân chủ là một thành tố cơ bản trong hệ đặc trưng "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đang ra sức xây dựng. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung quan trọng trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân tộc. Trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta coi dân chủ xã hội chủ nghĩa không chỉ là một trong những nội dung thể hiện bản chất tốt đẹp, ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, mà còn là mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Phát huy tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, khơi dậy được sức mạnh tiềm tàng và vô tận trong dân chính là những đảm bảo chắc chắn góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để đạt được mục tiêu đó, một phần trách nhiệm lớn lao thuộc về khoa học chính trị mà trực tiếp là đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học, các giảng viên nghiên cứu và giảng dạy khoa học này trong các cơ sở đào tạo chính trị học trong cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập,* Tập 51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết Đại hội Đảng lần XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[9]. Nguyễn Viết Thông (2021), *Một số điểm mới nổi bật trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Trang thông tin điện tử của Hội đồng lý luận trung ương, truy cập ngày 10/3/2021 tại:

http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/mot-so-diem-moi-noi-bat-trong-cac-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang-phan-1.html

QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VỀ TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGUYỄN HỒ THANH[1]

Tóm tắt:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức từ ngày 25/01 đến ngày 01/02/2021 tại Hà Nội. Các văn kiện được thông qua tại Đại hội được xây dựng trên cơ sở tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn; kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Bài viết khái quát những nhận định, đánh giá của Đại hội XIII qua tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và 35 năm đổi mới đất nước về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc; đồng thời, trình bày một số điểm mới về tăng cường quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới trong Nghị quyết Đại hội XIII.

Từ khóa: *bảo vệ Tổ quốc, Đại hội XIII, quốc phòng an ninh.*

MỞ ĐẦU

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại của Đảng ta, đất nước và dân tộc ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cho thấy nội dung các Văn kiện Đại hội của Đảng đã đánh giá đúng tình hình nhiệm vụ của cách mạng, xác định rõ đường lối, phương hướng và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, trên cơ sở tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn 35 năm đổi mới, có sự kế thừa, bổ sung, phát triển nội dung Văn kiện Đại hội XII và của các Hội Nghị Trung ương trong nhiệm kỳ; đường lối, quan

1 Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

điểm của Đảng trong các nhiệm kỳ trước. Các Văn kiện Đại hội tiếp tục khẳng định, hoàn thiện quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng ta trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện nước ta, thể hiện trình độ phát triển tư duy lý luận của Đảng trên tất cả các lĩnh vực. Đây cũng là những vấn đề gắn liền với nội dung chủ yếu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, sinh viên, học viên trong các trường chính trị, đại học, cao đẳng hiện nay, đặc biệt là những nội dung về tăng cường quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa trong tình hình hiện nay.

NỘI DUNG

1. Đánh giá của Đại hội XIII về kết quả thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc qua tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và 35 năm đổi mới đất nước

Đại hội XIII của Đảng đã đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với nhiều điểm mới:

Một là, thành tựu bao trùm, tổng thể của thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc sau tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và 35 năm đổi mới đất nước vừa qua được Đại hội XIII của Đảng khẳng định là đã: "Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của dân tộc, của hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa" [3, tr.155-156]. Đồng thời, có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp gìn giữ hòa bình, đẩy mạnh hợp tác, phát triển của thế giới và khu vực. Đó là những yếu tố tạo nên bức tranh tổng thể về lĩnh vực quốc phòng, an ninh trong nhiệm kỳ 2016-2020 với nhiều triển vọng phát triển sáng tạo, đạt kết quả tốt đẹp ở nhiệm kỳ tiếp theo.

Hai là, phương châm bảo đảm quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên được toàn Đảng, toàn dân và toàn quân quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt; kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; bổ sung và hoàn thiện lý luận nhận thức về quốc phòng, an ninh; tiếp tục phát triển tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi đất nước chưa lâm nguy, phù hợp với điều kiện lịch sử mới, nhất là trước những diễn biến nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, đặc biệt là sự tác

động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thành tựu phát triển khoa học công nghệ quân sự hiện đại.

Ba là, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng cùng với Đảng, Nhà nước luôn quan tâm xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và ban hành các chiến lược, đề án, dự án, chương trình, kế hoạch về quân sự, quốc phòng, an ninh và triển khai thực hiện đồng bộ các chiến lược, đề án, kế hoạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc (cụ thể là xây dựng và triển khai thực hiện: Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược an ninh quốc gia, Chiên lược an toàn, an ninh mạng quốc gia). Công tác đầu tư, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc đã từng bước kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội (đã phát huy vai trò nòng cốt của 28 khu kinh tế - quốc phòng, tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn chiến lược đặc biệt khó khăn; từng bước bố trí lại dân cư thành các cụm làng, xã, thôn, bản theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh).

Bốn là, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cùng với toàn Đảng, toàn dân đã góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn, hoạt động "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, khủng bố của các thế lực thù địch, phản động; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, "phi chính trị hóa" lực lượng vũ trang, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Năm là, công nghiệp quốc phòng, an ninh có bước phát triển, đạt thành tựu quan trọng, đã nghiên cứu, chế tạo và sản xuất được nhiều loại phương tiện, thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang tinh, gọn, mạnh, có sức chiến đấu cao. Đồng thời, được thừa nhận và đánh giá cao khi cung cấp nhiều thiết bị máy móc, sản phẩm dân dụng phục vụ nhu cầu dân sinh (chẳng hạn như: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội).

Sáu là, đã chủ động ứng phó kịp thời, hiệu quả với các mối đe dọa an ninh quốc gia (an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống), đặc biệt là chống dịch Covid-19. Đảm bảo công tác an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh con người, an ninh, trật tự tại các địa bàn chiến lược. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh với các hành động của nước ngoài vi phạm vùng trời, vùng biển, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.

Bảy là, hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh được các cấp, các ngành quan tâm và ngày càng được đẩy mạnh. Trong đó, chủ động, tích cực tham gia và thực hiện hiệu quả hoạt động gìn giữ hòa bình ở Nam Xu-đăng và Trung Phi và các hoạt động khác của Liên Hợp quốc là một trong những điểm sáng, thể hiện rõ tính chính nghĩa, nhân văn, nhân đạo của Việt Nam.

Bên cạnh đó, Đại hội XIII của Đảng cũng chỉ ra những hạn chế, bất cập về công tác quốc phòng, an ninh cần phải khắc phục trong thời gian tới, đó là: "Việc quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc có lúc, có nơi chưa nghiêm, hiệu quả chưa cao. Công tác nắm tình hình, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh có lúc chưa thật chủ động; tội phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; an ninh trên một số địa bàn, lĩnh vực chưa thật vững chắc...Việc kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh ở một số địa phương, đơn vị thiếu hiệu quả, còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, nặng về lợi ích kinh tế đơn thuần, trước mắt" [3, tr.87-88]. Ngoài ra, đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ một số địa phương chưa tương xứng với tiềm năng, tốc độ phát triển kinh tế. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng còn hạn chế, khó khăn.

2. Một số định hướng của Đại hội XIII về tăng cường quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

So với Đại hội XII, việc định hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Đại hội XIII đậm nét hơn và có những điểm mới:

Thứ nhất, về nội dung mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh

Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã thống nhất về cơ bản với nội dung của Văn kiện Đại hội XII về mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh, nhưng có bổ sung thêm một đoạn mới để nhấn mạnh những nhiệm vụ mới cần giải quyết: "giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa" [3, tr.156]. Đây vừa là định hướng chiến lược, vừa là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Điều đó thể hiện sự tư duy lý luận của Đảng về tăng quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, Đại hội XIII còn nhấn mạnh thêm "Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển" [3, tr.156-157].

Thứ hai, nội dung xây dựng tiềm lực quốc phòng và ninh rõ nét hơn, toàn diện hơn

Nếu như Văn kiện Đại hội XII khái quát: Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Báo cáo chính trị Đại hội XIII thể hiện vấn đề này một cách đầy đủ hơn: "Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng và phát huy mạnh mẽ "thế trận lòng dân" trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân... Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể" [3, tr.157]. Như vậy, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được tăng cường, tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, thế trận quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc được xây dựng vững chắc. Thế bố trí chiến lược quốc phòng, an ninh được quy hoạch, điều chỉnh phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân được xác định rõ hơn

Cũng tương tự như nội dung trong văn kiện Đại hội XII là xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: "Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ" [3, tr.158]. Văn kiện Đại hội XIII đã bổ sung mới nhiệm vụ "Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển. Quan tâm xây dựng lực lượng bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cơ sở đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở" [3, tr.158]. Đây là sự bổ sung, phát triển tư duy lý luận mới trong việc chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang tạo ra sức mạnh quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh, bảo vệ Tổ quốc khi tình hình thế giới và khu vực dự báo sẽ có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường.

Ngoài ra, Văn kiện Đại hội XIII còn nhấn mạnh điểm mới: "Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" [3, tr.160]. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh hạnh phúc, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành

tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

Thứ tư, nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển lý luận về quốc phòng, an ninh được xác định rõ hơn

Trước những diễn biến mới nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực cũng như sự phát triển mạnh mẽ các loại vũ khí, trang thiết bị hiện đại do việc ứng dụng những thành quả khoa học và công nghệ, cần phải có sự nghiên cứu, phát triển lý luận về an ninh, quốc phòng. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "Tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận về quốc phòng, quân sự, an ninh, nghệ thuật quân sự, nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh xã hội trong tình hình mới. Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, giữ vững thế chủ động chiến lược, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức và cho toàn dân, bảo đảm phù hợp với từng đối tượng. Chú trọng giáo dục, thống nhất, nâng cao nhận thức về đối tác và đối tượng; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" [3, tr.159].

Thứ năm, xác định rõ hơn nhiệm vụ triển khai thực hiện các chiến lược về quốc phòng, an ninh

Văn kiện Đại hội XII nhấn mạnh: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh. Đến nay các chiến lược về quốc phòng, an ninh đã được hoàn thiện nên Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh điểm mới là: "Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược an ninh mạng quốc gia và các chiến lược quốc phòng, an ninh chuyên ngành khác" [3, tr.160].

Để thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, Báo cáo chính trị Đại hội XIII xác định: "Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về chính trị, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" [3, tr.160-161].

Bên cạnh những điểm nêu trên, Văn kiện Đại hội XIII cũng chỉ rõ những hạn chế về quốc phòng, an ninh, "các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế" [6, tr.5]. Đó là việc quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc có lúc, có nơi

chưa nghiêm, hiệu quả chưa cao. Công tác nắm tình hình, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh có lúc chưa thật chủ động; tội phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; an ninh trên một số địa bàn, lĩnh vực chưa thật vững chắc, nhất là an ninh mạng, an ninh trong đầu tư nước ngoài; nhiều yếu tố ảnh hưởng đến an ninh, an toàn con người chưa được quan tâm giải quyết triệt để; xử lý khiếu kiện đông người về đất đai và một số tình huống phức tạp nảy sinh ở một số địa bàn, cơ sở có lúc, có nơi còn bị động, lúng túng. Các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình", chống phá cách mạng nước ta ngày càng tinh vi nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, phi chính trị hóa lực lượng vũ trang. Công tác quản lý, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng còn hạn chế. Việc kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh ở một số địa phương, đơn vị thiếu hiệu quả, còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, nặng về lợi ích kinh tế đơn thuần, trước mắt.

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó dự báo; đất nước đứng trước nhiều thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức; nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết. Vì vậy, Đại hội XIII xác định: Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

KẾT LUẬN

Có thể khẳng định rằng, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là những chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp lớn, có ý nghĩa chiến lược mang tầm vĩ mô, sâu sắc và hoàn toàn đúng đắn; là kết quả của việc tổng kết thực tiễn, đúc rút, khái quát kinh nghiệm, phát triển lý luận về xây dựng, củng cố, quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và tổng kết 35 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 (bổ sung và phát triển).

Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện thắng lợi những chủ trương, quan điểm Đại hội XIII của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị nhằm thực hiện kế sách giữ nước từ từ sớm, từ xa, để xây dựng, phát triển đất nước, lập thành tích cao nhất hướng tới chào mừng kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng (03/02/1930 - 03/02/2030) và 100 năm Ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2045) của chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Hội đồng Lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên) (2016), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[7]. Quân ủy Trung ương (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI*, ngày 30 tháng 9 năm 2020.

[8]. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Tầm nhìn chiến lược và ý chí vươn lên của dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[9]. Lê Huy Vinh (2021), Tư duy mới của Đảng về củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 4, trang 3-8.

QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM CỦA ĐẠI HỘI XIII VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SỚM, TỪ XA TRONG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

ThS TRẦN VĂN LONG[1]

Tóm tắt:

Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lí luận để Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra chủ trương, đường lối chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời đại ngày nay khi tình hình thế giới, khu vực và trong nước đang có nhiều biến đổi và diễn biến phức tạp. Nghiên cứu và nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII có tính cấp thiết cả về lí luận và thực tiễn đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh.

Từ khóa: *bảo vệ Tổ quốc, Đại hội XIII, giáo dục quốc phòng - an ninh*

MỞ ĐẦU

Quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nên luôn được đề cập rõ nét trong văn kiện các Đại hội Đảng. Những nhận thức và tư duy của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII về bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" có ý nghĩa lí luận quan trọng trong giáo dục quốc phòng an ninh.

NỘI DUNG

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Thời kỳ C.Mác và Ph.Ăngghen, do điều lịch sử quy định nên các ông chưa bàn nhiều đến bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, các ông là những người đầu

1 Trường Đại học Vinh

tiên vạch ra những quan điểm khoa học về tính tất yếu phải bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Bài học kinh nghiệm của Công xã Pari có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo vệ thành quả cách mạng, sau khi giai cấp vô sản giành chính quyền, nhưng mới chỉ là ý kiến ban đầu về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một cống hiến mới của V.I.Lênin vào kho tàng lí luận chủ nghĩa Mác, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đặt ra trực tiếp ở nước Nga Xô-viết ngay sau khi cách mạng vô sản Nga thành công vào năm 1917.

Trong những năm đầu của chính quyền Xô-viết, V.I.Lênin trực tiếp lãnh đạo xây dựng đất nước, chống lại sự chống phá của kẻ thù trong nước và sự can thiệp của đế quốc bên ngoài. V.I.Lênin chỉ rõ: bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Người luôn lạc quan tin tưởng về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người khẳng định: "Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã biết, đã cảm và trông thấy rằng họ bảo vệ chính quyền của mình, chính quyền Xô-viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ sự nghiệp mà một khi thắng lợi sẽ đảm bảo cho họ cũng như con cái họ có khả năng hưởng thụ mọi thành quả văn hoá, mọi thành quả lao động của con người" [4, tr.378].

V.I.Lênin chỉ ra rằng Đảng Cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ đảng viên gương mẫu. Sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh vững chắc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luận giải đầy đủ cả cơ sở lý luận và thực tiễn; trong đó, Người khẳng định bảo vệ Tổ quốc là quy luật sinh tồn của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam. Trong bản Tuyên ngôn độc lập, Người khẳng định: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy" [5, tr.15]. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Người kêu gọi: Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa.

Để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân, coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc. Người khẳng định Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa phải do Đảng lãnh đạo.

2. Quan điểm của Đại hội XIII về bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa"

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Báo cáo chính trị Đại hội XII, phần phương hướng nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, an ninh, Đảng ta xác định: "Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột "từ sớm, từ xa". Chủ động phòng ngừa phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến" [1, tr.687]. Đến Đại hội XIII kế sách còn được nhấn mạnh hai lần: "Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột "từ sớm, từ xa"; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố, nguy cơ gây đột biến" [2, tr.117] và "Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột "từ sớm, từ xa" [2, tr.156].

Quan điểm bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" của Đảng là sự kế thừa bài học, kế sách "giữ nước từ khi nước chưa nguy" trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Quan điểm này còn thể hiện tư duy, tầm nhìn chiến lược, tính chủ động, sáng tạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

"Giữ nước từ khi nước chưa nguy"

Nhìn lại hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, ông cha ta luôn coi trọng việc bảo vệ Tổ quốc từ xa bằng rất nhiều biện pháp như tích cực hoạt động bang giao, hòa hiếu, hữu nghị với các nước láng giềng, tránh nạn binh đao; đồng thời, chăm lo xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, giữ vững vùng phên dậu quốc gia, thực hiện kế sách khoan thư sức dân...

Trong thời đại Hồ Chí Minh, kế sách bảo vệ Tổ quốc từ xa tiếp tục được kế thừa và phát triển lên một tầm cao mới. Sinh thời, Bác Hồ khẳng định: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi" và căn dặn toàn dân, toàn quân Việt Nam: "Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước;" "Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, Việt Nam cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước."

Kế thừa quan điểm, tư tưởng, bài học kinh nghiệm quý báu ấy, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiếp tục khẳng định chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa", đồng thời triển khai toàn diện trên mọi lĩnh vực,

phương diện của đất nước. Bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" đã trở thành tư tưởng chỉ đạo, hành động xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt Nam.

Kế sách bảo vệ Tổ quốc từ xa đã được Quân đội Nhân dân Việt Nam vận dụng sáng tạo, linh hoạt. Nhiều năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã triển khai xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ở từng khu vực và trên phạm vi cả nước; thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

Cùng với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân được xây dựng vững chắc nhằm quản lý, tập hợp và huy động sức mạnh tổng hợp cho sự nghiệp quốc phòng; xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quần chúng góp phần xây dựng cơ sở chính trị địa phương, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng

Tư duy chiến lược về bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" của Đảng gồm nhiều nội dung, trong đó tập trung vào một số vấn đề cơ bản như chủ động nắm bắt, nghiên cứu, phân tích, dự báo chính xác tình hình thế giới, khu vực, trong nước; tăng cường tiềm lực, xây dựng lực lượng, thế trận quốc phòng vững mạnh; phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa;" đẩy mạnh công tác đối ngoại, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Tư duy về phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc của Đảng được Đại hội XIII nhấn mạnh: "Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc..."

Đây là nét đặc trưng trong truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, là quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam, nhằm động viên, quy tụ, phát huy cao độ sức mạnh của các nhân tố chính trị-tinh thần, tư tưởng, văn hóa, quốc phòng, an ninh, kinh tế, đối ngoại; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và cả hệ thống chính trị, tạo sức mạnh tổng hợp to lớn để bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi tình huống. Đó còn là sự kết hợp chặt chẽ sức mạnh bên trong với sức mạnh bên ngoài, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Đại hội XIII của Đảng cũng nhấn mạnh: "Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát huy tối đa nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước" [3, tr.162]

Lần đầu tiên, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rất rõ đối ngoại gồm ba trụ cột: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân. Đây là ba kênh đối ngoại Trung ương - lực lượng nòng cốt đấu tranh ngoại giao, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế cả về vật chất, tinh thần trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế trong công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước.

Đáng chú ý, cùng với đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân, đối ngoại quốc phòng-an ninh tiếp tục khẳng định là kênh quan trọng đóng góp vào quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, góp phần trực tiếp xây dựng lòng tin chiến lược, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đại hội XIII của Đảng xác định nhiệm vụ của đối ngoại quốc phòng là, "đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác, tạo thế đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc" [2, tr.163].

3. Vận dụng các nội dung về Bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" theo quan điểm của Đại hội XIII vào giáo dục quốc phòng - an ninh

Thứ nhất, khi giảng dạy về Bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" theo quan điểm của Đại hội XIII, cần trình bày nhận định của Đảng về tình hình, cục diện thế giới, khu vực cùng với các xu hướng chủ đạo như sau:

Tình hình, cục diện của thế giới, khu vực châu Á, ASEAN, biển Đông. Phân tích các xu hướng vận động chủ yếu sau: Xu hướng toàn cầu hóa đang có những cản trở và phải điều chỉnh bởi chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân túy; Xu hướng từ đơn cực đang chuyển sang đa cực đa trung tâm; Xu hướng vừa hợp tác vừa cạnh tranh, trong đó mặt cạnh tranh đậm nét hơn, toàn diện hơn, phức tạp hơn, quyết liệt hơn. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, đi kèm theo đó là sự điều chỉnh chiến lược, chính sách ở nhiều quốc gia, tập hợp lực lượng ngày càng linh hoạt, phức tạp [3, tr.88]. Với vị trí địa chiến lược quan trọng của Việt Nam tại châu Á - Thái Bình Dương đang thu hút sự cạnh tranh quyết liệt giữa Mỹ và Trung Quốc cùng với sự can dự của các nước lớn khác. Biển Đông trở thành tiêu điểm của cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc.

Thế giới đang chứng kiến sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tác động sâu rộng, đưa tới những chuyển biến sâu sắc về mọi mặt như cơ cấu và phương thức sản xuất kinh doanh, sự vận hành của hệ thống tài chính tiền tệ, cơ cấu và chất lượng lao động, phương cách làm việc và lối sống của con người, phương

thức học tập, chữa bệnh, phương tiện và phương thức bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, xác định mục tiêu, nội hàm của chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới với sáu nội dung có quan hệ chặt chẽ với nhau: (i) bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời vùng biển của Tổ quốc Việt Nam; (ii) bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; (iii) bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. (iv) bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc; (v) bảo vệ an ninh chính trị, trật tự toàn xã hội và nền văn hóa; (vi) giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, phân tích những nội dung chủ yếu của bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa".

Bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" là tổng thể tư tưởng và hành động của Đảng, nhà nước và nhân dân ta chủ động diễn ra từ trước nhằm sớm phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi, triệt tiêu những âm mưu hành động chống phá chế độ, xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc, không để Tổ quốc bị động bất ngờ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa" gồm nhiều nội dung, cần tập trung phân tích những nội dung chủ yếu sau:

Chủ động xây dựng tiềm lực, lực lượng, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân vững mạnh.

Phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa": Nhằm động viên, quy tụ, phát huy cao độ sức mạnh của các nhân tố chính trị. Tinh thần, tư tưởng - văn hóa, quốc phòng an ninh, kinh tế, đối ngoại, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và cả hệ thống chính trị. Kết hợp sức mạnh bên trong và bên ngoài, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới và nâng cao uy tín và vị thế của đất nước.

KẾT LUẬN

Phương thức bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa": Bảo vệ Tổ quốc từ sớm nghĩa là về thời gian phải bảo vệ từ trước, phải chủ động phòng ngừa, tích cực chuẩn bị các điều kiện để bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong thời bình, khi đất nước chưa có chiến tranh, nguy biến. Bảo vệ Tổ quốc từ xa nghĩa là về không gian phải chủ động bảo vệ từ bên ngoài lãnh thổ của đất nước nhằm thực hiện hóa mục tiêu bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong thời bình, từ sớm từ xa. Bảo vệ vững chắc Tổ quốc mà không phải tiến hành chiến tranh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới - Phần II (Đại hội X, XI, XII),* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập,* Tập 38, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va.

[5]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* Tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

TS HOÀNG THANH HIẾN[1]

Tóm tắt:

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Đảng, là giải pháp quan trọng hàng đầu để xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay. Bài viết làm rõ vai trò của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ góc nhìn thực tiễn, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: *bồi dưỡng, cán bộ, Đại hội XIII, đào tạo*

MỞ ĐẦU

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng đội ngũ cán bộ, Người xem cán bộ là gốc của mọi vấn đề, công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém: "Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được" [5, tr.68]. Theo Người, cán bộ là những người đem đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ tuyên truyền cho dân hiểu, dân tin, dân theo, dân làm; đồng thời, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của

1 Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Bình

nhân dân với Đảng, Chính phủ để Đảng, Chính phủ xây dựng, hoạch định đường lối, chính sách đúng, phù hợp với tình hình thực tiễn.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam rất coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, năng lực công tác, phẩm chất, đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ. Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* nhấn mạnh: "Một trong những nội dung quan trọng nhất của chiến lược cán bộ là phải tạo được nguồn cán bộ, xây dựng được quy hoạch và chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Càng đi vào kinh tế thị trường, càng hội nhập với khu vực và thế giới, trong thời đại của trí tuệ, bùng nổ thông tin thì nhiệm vụ cách mạng ngày càng khó khăn, phức tạp; công việc càng mới mẻ. Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước ta càng phải ý thức sâu sắc tầm quan trọng quyết định của vấn đề cán bộ, ra sức chăm lo xây dựng, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ" [1, tr.263-264]. Gần đây, Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII *về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược...*, tiếp tục khẳng định: "Cấp ủy các cấp và người đứng đầu phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, tạo điều kiện, cơ hội phát triển cho cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số..." [10, tr.54]. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: "Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ" [3, tr230].

NỘI DUNG

1. Một số khái niệm liên quan

1.1. Khái niệm cán bộ

Khi cách mạng đang ở thời kỳ mà Đảng chưa nắm được chính quyền, C.Mác và Ph.Ăngghen chưa có điều kiện để bàn nhiều về vấn đề cán bộ. Nhưng tư tưởng của hai ông đã đặt nền móng cho sự phát triển lý luận về công tác cán bộ của giai cấp vô sản. C.Mác đã khẳng định: Muốn thực hiện tư tưởng thì cần có những con người sử dụng lực lượng tư tưởng. V.I.Lênin, người kế thừa và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác đã quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ những nhà cách mạng chuyên nghiệp cho phong trào vô sản. Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công tác cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra định nghĩa về cán bộ hết sức khái quát, giản dị và dễ hiểu: "Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời, đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng. Vì vậy, cán bộ là gốc của mọi công việc" [6, tr.309]. Nói cán bộ là gốc của mọi việc có nghĩa là mọi việc đều phải bắt đầu từ cán bộ, dựa vào cán bộ có đạo đức cách mạng,

có năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn, có tác phong khoa học sâu sát địa phương và cơ sở.

Ở nước ta, theo cách hiểu thông thường, cán bộ được coi là tất cả những người làm việc trong bộ máy chính quyền, Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang. Theo *Từ điển tiếng Việt*: "cán bộ là người làm công tác có nghiệp vụ chuyên môn trong cơ quan nhà nước", "cán bộ là người làm công tác có chức vụ trong một cơ quan, một tổ chức, phân biệt với người thường không có chức vụ" [9, tr.137]. Theo *Luật cán bộ, công chức 2008* (sửa đổi, bổ sung năm 2019), cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã khẳng định cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu "then chốt" của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả.

Như vậy, *cán bộ là những người được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp Trung ương đến cơ sở, được hưởng lương từ ngân sách nhà nước; là những người đem chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân và tổ chức cho nhân dân thực hiện các chủ trương, đường đối, chính sách ấy.*

1.2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một trong những khâu quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng. Đây là một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có tính khoa học và nghệ thuật. V.I.Lênin cho rằng, trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiền phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào. Đồng thời, ông đã đưa ra chủ trương đào tạo những đại biểu ưu tú từ chính nhân dân lao động, bởi "trong công nhân và nông dân bình thường có rất nhiều người trung thành với quyền lợi của quần chúng lao động và có khả năng làm công tác lãnh đạo. Trong số đó, có rất nhiều người có tài tổ chức và quản lý mà chủ nghĩa tư bản không để cho họ được phát triển tài năng, nhưng chúng ta thì hết sức giúp đỡ và phải giúp đỡ họ vươn lên và bắt tay vào việc xây dựng chủ nghĩa xã hội" [4, tr.257].

Vận dụng một cách sáng tạo và phát triển những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công tác cán bộ nói chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói riêng vào điều kiện của Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn cho rằng "cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng" [7, tr.309]. Quán triệt tinh thần học tập "học, học nữa, học mãi" của V.I.Lênin, theo Hồ Chí Minh, việc học tập cần được thực hiện suốt đời, người dạy cũng như người học phải không ngừng học tập; đã làm cán bộ cách mạng là phải học và không ngừng học "Công việc ngày càng nhiều và càng phức tạp. Xã hội ngày càng tiến lên. Vì vậy, trình độ của đảng viên và cán bộ cũng phải tiến lên mới làm trọn được nhiệm vụ. Cho nên đảng viên và cán bộ phải cố gắng học tập chính trị, văn hóa và chuyên môn" [7, tr.187].

Theo *Từ điển tiếng Việt*, "đào tạo là làm cho trở thành người có năng lực theo những tiêu chuẩn nhất định" [9, tr.364], "bồi dưỡng là làm cho tăng thêm năng lực hoặc phẩm chất" [9, tr.102]. Như vậy, xét về mặt hình thức, đào tạo, bồi dưỡng là một hoạt động, nó không gắn với hoạt động quản lý, điều hành, nhưng nó giữ vai trò bổ trợ và trang bị kiến thức để người cán bộ có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Giáo dục và đào tạo là con đường cơ bản để nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực tư duy của mọi người. Không phải trong suốt thời gian công tác, người cán bộ chỉ học một lần mà ngược lại, cán bộ cần được đào tạo, bồi dưỡng bổ sung và cập nhật kiến thức một cách liên tục, thường xuyên. Đào tạo, bồi dưỡng không chỉ giới hạn ở việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, mà cần đặc biệt quan tâm tới đào tạo, bồi dưỡng những kỹ năng cần thiết của cán bộ và những kiến thức có liên quan đến công việc được giao và vị trí việc làm, góp phần tạo nên tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ trong thực thi nhiệm vụ.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Trải qua hơn 90 năm lãnh đạo cách mạng, nhất là hơn 35 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm, trong đó khẳng định: "Công tác cán bộ phải thực sự là "then chốt của then chốt", tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ" [2, tr.96,]. Tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII, Đảng ta đã khẳng định: "Công tác cán bộ là nhiệm vụ "then chốt" của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh của chế độ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân" [3, tr.226].

Trong những nhiệm kỳ gần đây, nhất là tại Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng, công tác cán bộ có nhiều đổi mới, được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đồng bộ, có chuyển biến rõ rệt, đạt được một số kết quả quan trọng. Trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ được quan tâm, chú trọng. "Tính từ đầu nhiệm kỳ đến ngày 30/9/2020, Trung ương đã tổ chức 3 lớp cập nhật kiến thức mới cho các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, 5 lớp bồi dưỡng cho 222 đồng chí diện quy hoạch cán bộ cấp chiến lược khóa XIII và có nhiều đổi mới so với nhiệm kỳ trước; tổ chức 258 đoàn, với 5.570 cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài. Các cấp ủy chỉ đạo mở 6.582 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 590.601 lượt cán bộ, đảng viên về lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ; mở 40.217 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho 4.530.676 lượt học viên" [3, tr.193].

Trước yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: "Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ" [2, tr.180]. Đây là một trong những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII khi Đảng rất coi trọng công tác cán bộ và khẳng định đây là một mặt, một nội dung rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Trên cơ sở đó, Đảng xác định: "Tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ... Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết" [2, tr.187]. Đồng thời, Đảng yêu cầu: "Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, sự gương mẫu, tinh thần vì nhân dân phục vụ của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt và người đứng đầu các cấp... Chú trọng cơ cấu hợp lý, sớm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số ở các cấp, nhất là ở cơ sở" [3, tr. 242-243].

Học tập, quán triệt, thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nghị quyết của Đảng về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ *"Công việc ngày càng nhiều và càng phức tạp. Xã hội ngày càng tiến lên. Vì vậy, trình độ của đảng viên và cán bộ cũng phải tiến lên mới làm trọn được nhiệm vụ. Cho nên đảng viên và cán bộ phải cố gắng học tập chính trị, văn hóa và chuyên môn"* [8, tr.187], trong những năm gần đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cấp ủy các cấp, các địa phương, cơ quan, đơn vị đã xác định đào tạo, bồi dưỡng là khâu rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Trong đó, chú ý đào tạo, bồi

dưỡng cả về tư tưởng chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ, bảo đảm đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, tuyệt đối trung thành với Đảng, có phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh, sự tinh thông, nhanh nhạy và sáng tạo, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ là những chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực công tác.

Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên là một khâu quan trọng trong công tác tư tưởng và công tác tổ chức, cán bộ của Đảng. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng", từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị luôn được cấp ủy từ Trung ương đến cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Thông qua các khóa huấn luyện, lớp đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, đảng viên có đủ trình độ nhận thức và trưởng thành trong các hoạt động cách mạng; nâng cao ý thức tu dưỡng đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có tư tưởng, lập trường vững vàng, có năng lực tổ chức, tập hợp, động viên, giáo dục, thuyết phục quần chúng, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng trong mọi thời kỳ.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một trong các khâu của công tác cán bộ, vì thế để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiệu quả, trước hết phải xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hằng năm và cả nhiệm kỳ. Thường xuyên quán triệt quan điểm coi cán bộ là nhân tốt quyết định thành bại của cách mạng; chăm lo nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để chuẩn bị tốt nguồn nhân lực. Đồng thời, phải giữ vững nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu cấp ủy về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Người đứng đầu cấp ủy các cấp phải dành thời gian, công sức chăm lo xây dựng tổ chức bộ máy, kịp thời phát hiện nhân tố tích cực để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, chặt chẽ, đồng bộ giữa các khâu; bảo đảm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vừa có tầm nhìn xa, vừa có chương trình, kế hoạch, lộ trình cụ thể, thích hợp. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ gắn với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và gắn với việc bố trí sử dụng cán bộ; tránh tình trạng đào tạo không đúng chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ, không theo yêu cầu chuyên môn của vị trí công tác. Phải chú trọng nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải bảo đảm trang bị đủ kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ theo yêu cầu, quy định theo tiêu chuẩn cho từng đối tượng. Kiến thức cơ bản phải cung cấp cho người học phương pháp nghiên cứu, phương pháp phát hiện, xử lý, giải quyết các vấn đề thực tiễn.

3. Vấn đề đặt ra và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn hiện nay

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vẫn còn hạn chế. Một số nội dung và phương thức đào tạo, bồi dưỡng chưa phù hợp với từng đối tượng. Đặc biệt là tình trạng hụt hẫng nguồn cán bộ kế cận, một số cán bộ có năng lực, kinh nghiệm công tác đã sắp đến tuổi nghỉ hưu, trong khi đó đội ngũ cán bộ kế cận có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyên nhân chính là do một số cán bộ chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu. Tư duy về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa phản ánh đầy đủ bản chất của đào tạo, bồi dưỡng, nhất là chưa gắn với yêu cầu phát triển năng lực. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là phải xác định được những "khoảng trống" mà cán bộ còn thiếu để "lấp đầy"; đồng thời xác định được những năng lực cần có trong giai đoạn tiếp theo cho họ, trong khi đó nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Một số cán bộ chưa thật sự tâm huyết với công việc, còn ngại học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa bảo đảm tính toàn diện; đánh giá mới chỉ dừng lại ở việc thống kê về số lượng khóa học, lớp học, số lượt cán bộ tham gia, hoặc đánh giá về số lượng, chương trình, tài liệu, tức là mới chỉ đánh giá những yếu tố "đầu vào" chứ chưa đánh giá kết quả "đầu ra". Xác định nhu cầu, xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chưa đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở. Công tác bồi dưỡng chức danh chưa được xây dựng toàn diện, đồng bộ, thống nhất, chỉ bồi dưỡng được một số đối tượng. Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng vẫn nặng về lý thuyết; chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng xử lý tình huống chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Phương pháp dạy và học hiện đại chưa được sử dụng đồng bộ, hiệu quả. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng còn bất cập, nhất là đào tạo, bồi dưỡng bằng hình thức trực tuyến. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ và các cơ sở đào tạo chưa chặt chẽ, hiệu quả.

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân từ khách quan, chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là cơ bản. Từ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, thiết nghĩ, để thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ "vừa hồng", "vừa chuyên", cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp về vị trí, vai trò quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Phải xác định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là khâu rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Trong đó, chú ý đào tạo, bồi dưỡng cả về lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ, bảo đảm đội ngũ cán bộ vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định và tuyệt đối trung thành với Đảng, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sáng, lành mạnh, vừa phải thực

sự tinh thông, nhanh nhạy và sáng tạo, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ là những chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực công tác. Mặt khác, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có mối quan hệ mật thiết với công tác quy hoạch cán bộ, quy hoạch cán bộ phải thực sự là căn cứ quan trọng có tính pháp lý để cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng. Do vậy, sau khi quy hoạch, cần thực hiện sớm và đúng thứ tự ưu tiên trong việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở kiểm tra, giám sát của đảng viên, cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị và cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đó.

Hai là, cần đổi mới nội dung, hình thức, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng thiết thực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Xã hội luôn vận động và phát triển, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để cập nhật kiến thức chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ ngày càng lớn. Các cơ sở đào tạo cần phải có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại cán bộ theo tinh thần "thiếu cái gì học cái ấy" nhằm không ngừng nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng để làm việc tốt hơn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là đào tạo, bồi bồi dưỡng ai, đào tạo, bồi dưỡng như thế nào và bằng cách nào nhằm đảm bảo tính thiết thực trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng, đòi hỏi các cấp, các ngành phải nhận thức đúng đắn, nếu không có sự chỉ đạo cụ thể, thiết thực trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thì công tác này có nguy cơ tụt hậu. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là trang bị những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lĩnh vực công tác, giúp cán bộ có tư duy sáng tạo, năng lực thực hành và giải quyết tốt những vấn đề thực tiễn đặt ra. Vì vậy, nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải thiết thực, phù hợp với từng đối tượng cán bộ, đảm bảo tính toàn diện về phẩm chất đạo đức, kiến thức cơ bản, chuyên sâu và kĩ năng công tác, về cả lý luận và thực tiễn; chú trọng bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các kiến thức về lịch sử, văn hóa... Việc đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn, theo phương châm "dạy cái mà cán bộ cần".

Ba là, tăng cường công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, coi trọng công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức ngang tầm với công tác đào tạo cán bộ. Công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ là việc làm thiết thực nhằm thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 30/7/2005 của Bộ Chính trị là: Rút ngắn thời gian đào tạo... Phân định rõ ràng giữa đào tạo cơ bản và bồi dưỡng theo chức danh và các Nghị quyết Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết trung ương 9 khóa X: Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ, coi đây là giải pháp quan trọng hàng đầu trong thực hiện chiến lược cán bộ trong giai đoạn mới. Đồng thời, phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của người học, đạt được các mục tiêu về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến

lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đa dạng, phong phú các hình thức đào tạo, trang bị những kiến thức về tầm nhìn và tư duy chiến lược, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, kỹ năng xử lý tình huống gắn với vị trí việc làm và chức trách của cán bộ.

Bốn là, cần có kế hoạch cụ thể để đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ. Một vấn đề từ thực tiễn đặt ra là đội ngũ cán bộ công tác trong các cơ quan Đảng, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và trong các cơ quan hành chính nhà nước, nhiều người không được đào tạo đúng chuyên ngành, do đó, việc đào tạo và đào tạo lại đối với đội ngũ cán bộ là một trong những điều kiện để họ phát huy khả năng sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp của mình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện nay chủ yếu được đào tạo, bồi dưỡng ở Trường Chính trị tỉnh, Học viện chính trị quốc gia, với các loại hình đào tạo tập trung, vừa làm vừa học, chủ yếu là đào tạo cao cấp lý luận chính trị và các chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Trong khi đó, việc đào tạo và đào tạo lại chuyên môn chuyên sâu cho cán bộ hiện nay ngoài việc đào, bồi dưỡng ở các học viện và trường chính trị các tỉnh, cán bộ cần được đào tại các trường đại học có chất lượng, tuy nhiên, vấn đề này còn nhiều bất cập và chưa được các cấp ủy quan tâm. Chính vì thế, cần có kế hoạch, lộ trình, xây dựng nội dung đào tạo, đào tạo lại phải gắn với công việc chuyên môn và những kỹ năng cần thiết của đội ngũ cán bộ. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần xây dựng kế hoạch, lựa chọn và cử một số cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, trung hạn, đào tạo sau đại học những chuyên ngành chuyên sâu tại các học viện và các trường đại học, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay.

Năm là, các cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ cần có cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với cơ quan quản lý cán bộ để thống nhất về nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng gắn với vị trí việc làm và những yêu cầu cần thiết để lấp đầy "khoảng trống" mà cán bộ còn thiếu để sau khi được đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ sẽ áp dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn công tác đảm bảo có hiệu quả.

Sáu là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đổi mới công tác đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đánh giá chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần tập trung vào đánh giá "đầu ra", nhất là kết quả cuối cùng của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Việc đánh giá kết quả "đầu ra" của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng là đánh giá học viên ngay sau khi kết thúc khóa học, dựa trên các chỉ số về năng lực, kiến thức, kỹ năng thực hành. Việc đánh giá này có thể được thực hiện thông qua các bài kiểm tra trước và sau quá trình đào tạo, bồi dưỡng. Bài kiểm tra

cần được xây dựng, thiết kế thực sự công phu, bao gồm hệ thống câu hỏi về kiến thức và các bài tập thực hành để đánh giá hiện trạng của cán bộ trước và sau khi tham gia khóa học.

Bảy là, tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở trong nước và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài. Cần quán triệt sâu sắc tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: "Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo. Phấn đấu đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về giáo dục và đào tạo ở khu vực, bắt kịp với trình độ tiến tiến của thế giới, tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế [2, tr.140]. Để nâng cao chất hượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, các cơ sở đào tạo cán bộ cần mời các chuyên gia, nhà quản lý ở những nước phát triển trực tiếp giảng dạy, huấn luyện cho đội ngũ cán bộ. Cán bộ sau khi được học tập các kiến thức ở trong nước, cần tổ chức cho họ đi nghiên cứu thực tế ở nước ngoài để họ có thể hình dung đầy đủ hơn về việc vận dụng các kiến thức vào thực tiễn công tác.

KẾT LUẬN

Trong hành trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta luôn xác định: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Có nhiều nhân tố quan trọng để tạo nên sức mạnh của Đảng như chủ trương, đường lối, hệ thống tổ chức, sự trung thành của đội ngũ cán bộ, đảng viên....; tuy nhiên, đội ngũ cán bộ, đảng viên có vị trí đặc biệt quan trọng vì suy cho cùng, đường lối của Đảng đúng đắn, tổ chức của Đảng chặt chẽ cũng là do đội ngũ cán bộ của Đảng thực hiện và tạo dựng.

Để công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có hiệu quả, xây dựng được đội ngũ cán bộ vững mạnh, đáp ứng các yêu cầu của thời kỳ đổi mới, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cần thực hiện thống nhất, đồng bộ các giải pháp nêu trên. Bên cạnh đó cần làm tốt công tác đánh giá, quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ. Hàng năm, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng cán bộ sau đào tạo, tiến hành điều tra khảo sát thực trạng đội ngũ cán bộ và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để có hướng sắp xếp, qui hoạch cán bộ. Các khâu này đều liên quan đến nhau và đến kế hoạch lập nguồn cán bộ đưa đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm đạt được yêu cầu, mục đích đặt ra của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng,* Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[8]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 14, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[9]. Hoàng Phê (Chủ biên) (2016), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức, Thanh Hoá.

[10]. Văn phòng Trung ương Đảng (2018), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII,* Hà Nội.

QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM CỦA ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII VỀ LỢI ÍCH QUỐC GIA VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA LỢI ÍCH QUỐC GIA VỚI LỢI ÍCH NHÂN LOẠI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TS LÊ HOÀNG NAM[1]

Tóm tắt:

Lợi ích quốc gia là vấn đề sống còn của mỗi quốc gia, phản ánh sự tồn vong và vị thế quốc gia trong quan hệ chính trị quốc tế từ lịch sử hình thành và phát triển các mối quốc tế đến nay. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp 4.0 cùng sự biến động khôn lường của đời sống chính trị thế giới thì việc xem xét, nhận diện bản chất lợi ích quốc gia và mối quan hệ của vấn đề này với các quốc gia khác có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở giữ vững sự tồn vong của chế độ, "hòa nhập" nhưng không "hòa tan", đánh mất các chủ quyền quốc gia trên mọi lĩnh vực. Vì vậy, quán triệt vấn đề lợi ích quốc gia được đề cập trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII sẽ là cơ sở thể chế hóa các chính sách đối ngoại của nước ta hiện nay, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia với lợi ích giai cấp và nhân loại.

Từ khóa: *Đại hội XIII, lợi ích, lợi ích nhân loại, lợi ích quốc gia, xã hội chủ nghĩa*

MỞ ĐẦU

Bối cảnh thế giới ngày nay có nhiều biến động và thay đổi nhanh chóng, đã tác động không ngừng đến lợi ích của mỗi quốc gia, dân tộc. Nhận xét về bối cảnh thế giới hiện nay, Đảng ta đã nhận định: "Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng

1 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

đang bị đe doạ bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Do tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng. Tại Đông Nam Á, môi trường an ninh, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, nhất là an ninh mạng, ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe doạ nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta" [1, tr.12]. Với xu thế biến động về kinh tế, chính trị, an ninh, khoa học, công nghệ, môi trường của thế giới như hiện nay thì vấn đề lợi ích quốc gia và mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia với lợi ích giai cấp, nhân loại cần được xem xét khách quan hơn. Kể cả các đặc điểm của lợi ích mỗi quốc gia cũng có sự biến đổi theo xu hướng chung, gắn với chính sách đối ngoại của mỗi nước. Từ đó, quyền và nghĩa vụ của mỗi quốc gia cũng cần được thể hiện rõ nét hơn trong môi trường kinh tế, chính trị, an ninh mỗi khu vực và thế giới. Khi một quốc gia không có sự điều chỉnh các chính sách đối ngoại thường xuyên thì khó đảm bảo được an nình, sự toàn vẹn và chủ quyền quốc gia trên mọi phương diện. Như vậy, có thể thấy rằng, xu hướng toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng...Vai trò của của các nước lớn, dẫn đầu về kinh tế và quốc phòng tác động có ý nghĩa quyết định đến an ninh và xu hướng chung của thế giới. Điều này cũng là nguyên nhân làm cho đặc điểm lợi ích mỗi quốc gia thay đổi khi các nước lớn có sự điều chỉnh chiến lược theo hướng tích cực (cái chung) hay theo hướng cái riêng có lợi cho bản thân quốc gia đó và một số quốc gia khác. Cho nên, vấn đề thứ nhất đặt ra bối cảnh hiện nay lợi ích cơ bản của mỗi quốc gia dễ bị hòa tan, cuốn theo thậm chí phụ thuộc vào lợi ích quốc gia khác. Thứ hai, việc nhận diện lợi ích quốc gia, đặc biệt là những lợi trung hạn và dài hạn này càng khó khăn hơn khi các nước có xu hướng chạy theo sự phát triển kinh tế là chủ yếu. Thứ ba, mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích quốc gia với lợi ích giai cấp (lực lượng lãnh đạo, cầm quyền trong quốc gia đó) với mối quan hệ với lợi ích nhân loại cần được nhận diện và điều chỉnh cho phù hợp trong chính sách đối ngoại mỗi thời kỳ để quốc gia đó củng cố, đảm bảo vững chắc được an ninh, chủ quyền đồng thời góp phần khẳng định vị thế của mình vào sự phát triển chung của thế giới. Vấn đề lợi ích quốc gia được coi là kim chỉ nam, hòn đá tảng cho chính sách đối ngoại của mỗi nước. Trên cơ sở giải quyết lợi ích quốc gia và mối quan hệ lợi ích quốc gia với thế giới thể hiện quan điểm đối ngoại của Đảng ta hiện nay có ý nghĩa

quan trọng trong việc giữ vững nguyên tắc ứng xử "dĩ bất biến, ứng vạn biến" và mục tiêu xuyên suốt: "độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội".

NỘI DUNG

1. Quan điểm của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII về việc nhận diện và giải quyết các vấn đề lợi ích quốc gia

"Lợi ích quốc gia - dân tộc là toàn bộ những nhu cầu sống còn, trường tồn và phát triển của một quốc gia đã được nhận thức và biến thành mục tiêu của chính sách đối ngoại trong quan hệ với thế giới còn lại ở mỗi thời kỳ lịch sử nhất định, là công cụ hết sức quan trọng trong phân tích chính sách đối ngoại" [1, tr.4]. Với phương châm "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển", Đại hội XIII thể hiện bản lĩnh, ý chí kiên cường và quyết tâm đi tới của cả dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh - mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong quan điểm phát triển của Đảng cũng như các nhiệm vụ trọng tâm, ba khâu đột phá và phướng hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thể hiện sâu sắc về việc coi trọng vấn đề lợi ích quốc gia trong sự phát triển và mối quan hệ quốc tế. Đảng coi trọng cả lợi ích kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, sự toàn vẹn lãnh thổ...hiện nay và trong thời gian tới. Có thể khẳng định điều này không nằm ngoài quy luật chung của sự phát triển các quốc gia, đặc biệt sau chiến tranh lạnh đến nay, khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ. Do đó, tầm nhìn và định hướng phát triển của nước ta được Đảng hoạch định trong nhiệm kỳ và thời gian tới là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, đổi mới mô hình kinh tế, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng hạ tầng kinh tế số, xã hội số...

- Đảng khẳng định lợi ích cơ bản, quyết định, lâu dài là lợi ích chính trị, an ninh của quốc gia

"Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân" [1, tr.93]. Đây là luận điểm được Đảng khẳng định mang tính tổng quát trong bối cảnh tình hình thế giới hiện nay. Thực tiễn lịch sử nhân loại cũng như lịch sử dân tộc đã chứng minh nguyên tắc sống còn của lợi ích quốc gia, trước hết đó phải là lợi ích của tự do, độc lập dân tộc, là chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia. Quyền lợi chính trị của quốc gia, dân tộc độc lập là cơ sở cho sự tồn tại của dân tộc đó trong hiện tại và tương lai. Thực tiễn lịch sử cho

thấy có những dân tộc đánh mất chủ quyền lãnh thổ quốc gia và trở thành dân tộc không có lãnh thổ, bị xua đuổi. Ngược lại, có những dân tộc có lãnh thổ quốc gia nhưng lợi ích chính trị và an ninh quốc gia bị phụ thuộc nên đã mất mất quyền tự quyết và trở thành quốc gia lệ thuộc, đánh mất vị thế trên trường quốc tế. Từ sau chiến tranh lạnh, xu thế hòa bình là xu thế chính, sự phát triển của lực lương sản xuất hiện đại đang đưa các quốc gia vào quá trình phân công lao động và toàn cầu hóa về kinh tế. Toàn cầu hóa kinh tế và kinh tế tri thức tạo ra cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang đưa các quốc gia vào vòng xoáy của sự tăng trưởng kinh tế, thậm chí là sự tăng trưởng nóng. Sự phụ thuộc kinh về, công nghệ dễ đẩy các quốc gia vào sự phụ thuộc về quốc phòng, an ninh và tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nghĩa bảo hộ lam rộng. Đây cũng là một sự đe dọa không nhỏ đến lợi ích quốc gia nếu đó quốc gia đó không có những sách lược và chiến lược đúng đắn. Do đó, đối với nước ta từ năm 1930, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã khẳng định kiên định, giữ vững nguyên tắc về lợi ích dân tộc và quyền lợi quốc gia và trên hết, trong đó quyền tự do - lợi ích chính trị của dân tộc có ý nghĩa quyết định.

- Đảng khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích các quốc gia, trong đó trọng tâm là mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị hiện nay

Như một nhu cầu tất yếu của sự phát triển, quan hệ giữa các quốc gia về mặt lợi ích là mối liên hệ phổ biến, biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau, tùy theo từng thời kỳ, do lợi ích của giai cấp cầm quyền thì mức độ phụ thuộc hay đấu tranh đó sẽ khác nhau và biểu hiện ra các hình thức là khác nhau. Ngay bản thân trong nội bộ một quốc gia, các lợi ích kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh, quốc phòng, khoa học, công nghệ... cũng có mối quan hệ ràng buộc. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà các quốc gia đi tìm thế mạnh và sự hợp tác đầu tư với nhau cũng như bản thân một quốc gia tự xây dựng cho mình những chính sách riêng có để phát huy lợi thế so sánh của mình trong khu vực và thế giới. Bước vào công cuộc đổi mới, bắt đầu từ đổi mới kinh tế, giải phóng lực lượng sản xuất, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, giải phóng quan hệ sản xuất; kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hôi chủ nghĩa. Như vậy, Đảng đã khẳng định về mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích kinh tế và chính trị. Đây là hai lợi ích cơ bản, giữ vai trò trọng tâm trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Vì vậy, lợi ích kinh tế thể hiện ở các chủ trương phát triển kinh tế bền vững của Đảng, giải quyết bài toán kinh tế là cơ sở giữ vững ổn định chính trị, phát huy dân chủ, Đảng khẳng định về việc giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích này là "giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh

tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ" [1, tr.95]. Đảng nhất quán nhiệm vụ của công cuộc đổi mới là "Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trưởng định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ. Huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện theo cơ chế thị trường" [1, tr.95], trong đó việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường được coi là một khâu đột phá và "Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao" [1, tr.93-94]. Như vậy, chủ trương của Đảng là giải quyết tốt các vấn đề kinh tế là cơ sở giải quyết các vấn đề chính trị, dân chủ trong xã hội, bảo đảm các lợi ích khác trong xã hội của người dân được đảm bảo.

- Đảng nhận diện và khẳng định việc củng cố lợi ích quốc gia trong quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số nhằm phát triển bền vững đất nước

Đảng sớm nhận thấy việc xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm bắt kịp cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là một nhiệm vụ cấp thiết. Do đó, phương hướng chung trong thời gian tới là "Phát triển mạnh hạ tầng số, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số [1, tr.96]. Một trong ba khâu đột phá được Đảng chỉ ra trong thời gian tới đó là đột phá về cơ sở hạ tầng (hiểu theo nghĩa rộng gồm cả hạ tầng giao thông, thông tin...). Hiện nay, cách mạng công nghệ thông tin, sự phát triển của mạng xã hội đang là thách thức lớn đối với các quốc gia trong quá trình thưc hiện dân chủ hóa, đảm bảo sự thống nhất lợi ích quốc gia. Việc tham gia vào quá trình chuyển đổi số trên thế giới hiện nay mang lại nhiều lợi mới cho mỗi quốc gia như: lợi ích của việc chủ động tham gia quá trình toàn cầu hóa kinh tế, lợi ích của truyền thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, lợi ích của việc được đảm bảo phát triển bền vững...Vì vậy, quá trình chuyển đổi số này đặt ra cho mỗi nước ba vấn đề cơ bản: thứ nhất là tiếp thu các thành tựu của công nghệ thông tin cho

sự phát triển. Thứ hai là khai thác và phát huy lợi thế tiềm năng của chuyển đổi số từ trong nước. Thứ ba là đảm bảo các lợi ích của quốc gia mình trong công cuộc chuyển đổi số toàn cầu. Hiện nay, nước ta đã và đang thực hiện tốt vấn đề thứ nhất. Đối với việc phát huy lợi thế và khai thác lợi thế thì cần nhiều giải pháp cụ thể ở mỗi địa phương, đặc biệt là việc phát huy sức mạnh của nguồn nhân lực. Điều này đòi hỏi thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, đặc biệt là các giải pháp đối với giáo dục và đào tạo. Đối với vấn đề đảm bảo và bảo vệ lợi ích quốc gia trước công cuộc chuyển đổi số thì chúng ta còn nhiều bỡ ngỡ. Đó là việc hoàn thiện thể chế pháp luật trong nước phù hợp với thông lệ quốc tế để có thể quản lý được các hoạt động công nghệ thông tin và phù hợp với sân chơi quốc tế, nhất là trong điều kiện bùng nổ thông tin thì việc đảm bảo các lợi ích an toàn thông tin và phát huy dân chủ hóa trong đời sống xã hội phải trên nguyên tắc vì lợi ích quốc gia, dân tộc làm tối thượng, là mục tiêu cao nhất trong sự phát triển đất nước.

2. Nhận thức của Đảng về mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích quốc gia và lợi ích nhân loại trong bối cảnh mới

- Đảng tiếp tục quán triệt về mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích quốc gia với lợi ích nhân loại hiện nay

Trong các nhiệm vụ và phương hướng phát triển đất nước từ nay đến năm 2030, các lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội...đều được Đảng xác định rõ, trong đó có thể thấy chính sách đối ngoại thể hiện trực tiếp chủ trương của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong việc giải quyết mối quan hệ giữa các lợi ích quốc gia với lợi ích quốc tế, đó là: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế" [1, tr.69]. Với chủ trương này, thành tựu nước ta đạt được là "Từ chỗ bị bao vây, cấm vận ngặt nghèo, đến nay, nước ta là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế: có quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, thiết lập quan hệ đối tác với 16 quốc gia, quan hệ đối tác toàn diện với 14 quốc gia; là nước duy nhất trong ASEAN đã thiết lập khuôn khổ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với 5 nước thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, với toàn bộ các nước trong nhóm phát triển (G7), với 17/20 nước và tổ chức trong Nhóm các nền kinh tế mới nổi và phát triển hàng đầu thế giới (G20). Đồng thời, tham gia vào 70 tổ chức quốc tế và khu vực, ký trên 40 hiệp định thương mại song phương; có quan hệ kinh tế - thương mại với trên 220/255 quốc gia và vùng lãnh

thổ; kim ngạch ngoại thương nhiều năm qua đạt từ 150 - 200% quy mô GDP, thu hút 270 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và gần 90 tỷ USD viện trợ phát triển chính thức (ODA) được cam kết. Nhờ có đường lối đối ngoại đúng đắn, đến nay, nước ta đã tham gia hầu hết các thiết chế liên kết khu vực và toàn cầu, như: AFTA, APEC, ASEM, TPP, WTO...[xem 5]. Việc chủ động hội nhập quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề quốc tế vì sự tiến bộ chung của nhân loại khẳng định lợi ích nước ta không thể tách rời lợi ích các quốc gia trên thế giới. Trong đó các mối quan hệ lợi ích đó thì chính sách đối ngoại là lấy lợi ích chung làm cơ sở để đảm bảo lợi ích riêng, cũng như cần có các nguyên tắc để đảm bảo lợi ích riêng của dân tộc, trên cơ sở phát huy tiềm năng, sức mạnh của mỗi quốc gia cũng như khoa học, công nghệ hiện đại, lấy mục tiêu phát triển bền vững, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển làm lợi ích cao nhất.

- Đảng đưa ra các giải pháp vừa mang tính chiến lược, vừa mang tính sách lược trong quá trình giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia và lợi ích nhân loại

Giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới được Đảng xác định rõ từng loại lợi ích trước mắt hay lâu dài, trong khu vực và trên quốc tế một cách rõ ràng, trong đó thể hiện nhất quán lập trường của dân tộc. Ví dụ như Đảng xác định mối quan hệ về lợi ích kinh tế là đối với toàn tất cả các nước trên thế giới, còn đối vơi khu vực Đông Nam Á thì vấn đề an ninh, quốc phòng, trong đó có vấn đề giải quyết hài hòa lợi ích liên quan đến biển Đông là vấn đề mang tính chiến lược. Đảng xác định: ''Tiếp tục thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 [1, tr.70] và "Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội; đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước, nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và khả năng thích ứng của đất nước [1, tr.71]. Trong chính sách đối ngoại hiện nay, vấn đề xác định đối tượng vạch ra sách lược và chiến lược được Đảng quan tâm sâu sắc. Khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí trong thời kỳ chiến tranh lạnh, Đảng vạch ra đường lối đối ngoại căn cứ vào mỗi loại lợi ích. Nhìn về bề ngoài thì thường thấy các quốc gia căn cứ vào lợi ích kinh tế là chủ yếu nhưng về chiều sâu thì các lợi ích đan xen nhau phức tạp, có lợi ích cơ bản, có lợi ích không cơ bản, có lợi ích cục bộ, có lợi ích toàn bộ...Chính vì vậy nên chính sách đối ngoại của Đảng đòi hỏi thục hiện khá toàn diện, trong đó ứng phó thường xuyên với sự biến đổi của tình hình chính trị quốc tế để có sách lược phù hợp là yêu cầu mang tính nguyên tắc.

- Đảng quán triệt lợi ích chính trị, chủ quyền, an ninh quốc gia là những lợi ích giữ vai trò quyết định trong mối quan hệ chính trị quốc tế hiện nay

Lợi ích quốc gia thống nhất với lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Lợi ích quốc gia có mối quan hệ biên chứng với lợi ích của nhân loại tiến bộ, vì hòa bình, dân chủ, hợp tác và phát triển, vì sự phát triển chung của loài người. Điều này trở thành kim chỉ nam cho mọi chính sách của Nhà nước hiện nay. Tuy nhiên, khi xác định vấn đề lợi ích thì Đảng ta luôn quán triệt lợi ích chính trị, chủ quyền quốc gia là lợi ích giữ vai trò quyết định, cơ bản, lâu dài. Bởi lẽ, lợi ích chủ quyền quốc gia quyết định các loại lợi ích khác từ trước cho đến nay, dù mỗi quốc gia có thể chế chính trị khác nhau nhưng đây vẫn là lợi ích cơ bản. Giải quyết lợi ích này là cơ sở để giải quyết các xung đột về mặt lợi ích khác trong các mâu thuẫn giữa các quốc gia (mâu thuẫn biện chứng) vì các quan hệ kinh tế và lợi ích kinh tế cũng đã bị chi phối bởi lợi ích của lực lượng đại diện nắm quyền trong quốc gia. Đối với nước ta là nhà nước xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đảm bảo lợi ích này nhằm củng cố tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường của quốc gia, nhất là trong điều kiện hiện nay đòi hỏi sự tự chủ về kinh tế, khoa học, kỹ thuật, công nghệ đối với một nước đang phát triển như nước ta. Lợi ích chính trị thể hiện trong quan điểm của Đảng về việc giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là cơ sở cho các chính sách an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, an sinh xã hội... Ngoài ra, đảm bảo lợi ích chính trị là nhất quán đường lối đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trở thành kim chỉ nam cho việc giải quyết tốt các lợi ích khác trong xã hội, đặc biệt là việc hiện thực các chính sách xã hội trên cơ sở mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Vì vây, "phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hoá và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa [1, tr.66]. Do đó, việc giữ vững độc lập, tự chủ; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình chính là sự cụ thể hóa về vai trò quyết định của lợi ích chính trị trong mối quan hệ với thế giới hiện nay.

KẾT LUẬN

Tóm lại, lợi ích quốc gia bao gồm nhiều loại, căn cứ vào nhiều tiêu chí khác nhau nhưng có thể thấy Đảng ta đã quán triệt các lợi ích cơ bản, quan trọng, lâu

dài, bất di bất dịch là lợi ích về độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và đảm bảo an ninh quốc gia. Đây là lợi ích xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Thời đại Hồ Chí Minh, lợi ích này được phát triển lên một tầm cao mới, gắn với tự do, hạnh phúc, công bằng của nhân dân ta và hài hòa với nhân loại tiến bộ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, lợi ích quốc gia dễ bị hòa tan trong lợi ích nhân loại, cuốn vào vòng quay của toàn cầu hóa kinh tế, toàn cầu hóa văn hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì lợi ích nhân loại dường như vượt lên trên trong các mối quan hệ quốc tế. Do đó, việc nhận thức lại về mối quan hệ này nhằm giải quyết lợi ích quốc gia trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin có ý nghĩa quan trọng, tránh lập trường chủ nghĩa dân tộc hay chủ nghĩa bảo hộ, tư tưởng nước lớn...Đảng ta khẳng định sự cần thiết của các lợi ích trong sự phát triển quốc gia, trong đó lấy lợi ích kinh tế làm trung tâm để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và cần có từng phương hướng giải pháp cụ thể đối với mỗi loại lợi ích, trong đó xét đến cùng, lấy lợi ích chính trị, chủ quyền, an ninh quốc gia giữ vị trí quyết định. Đây cũng là cơ sở quan trọng để nhất quán nguyên tắc độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự biến động của chính trị thế giới hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Thái Văn Long (2018), Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ đối ngoại - Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam hiện nay, truy cập ngày 24/9/2022 tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi- ngoai1//2018/823927/quan-diem-cua-chu-tich-ho-chi-minh-ve-loi-ich-quoc-gia---dan-toc-trong-quan-he-doi-ngoai---nhung-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam-hien-nay.aspx

[3]. Nghiêm Thị Thanh Thúy (2018), Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trong bối cảnh hiện nay, truy cập ngày 24/9/2022 tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/825429/bao-dam-loi-ich-quoc-gia---dan-toc-trong-boi-canh-hien-nay.aspx

[4]. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2014), *Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Chí Vịnh (2020), *Quán triệt nguyên tắc "Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi" trong quan hệ đối ngoại thời kỳ hội nhập quốc tế,* truy cập ngày 24/9/2022 tại: http://tapchiqptd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/quan-triet-nguyen-tac-bao-dam-loi-ich-toi-cao-cua-quoc-gia-dan-toc-tren-co-so-cac-nguyen-t/15960.html

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

LÊ THỊ SON[1]

Tóm tắt:

Trên cơ sở lý luận về sự cần thiết phải nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển ở trường đại học; quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về việc phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo; bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị ở trường đại học theo tinh thần Nghị quyết đại hội lần thứ XIII của Đảng: (1) phải luôn nêu cao tính Đảng và tư duy lý luận; (2) phải không ngừng trau dồi kiến thức sâu rộng; (3) phải luôn đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực theo hướng tiếp cận năng lực khoa học và phẩm chất nghề nghiệp của sinh viên; (4) phải luôn đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá một cách hiệu quả theo hướng đánh giá năng lực tư duy của sinh viên.

Từ khóa: *Đại hội XIII, đại học, giảng viên, lý luận chính trị*

MỞ ĐẦU

Giảng viên lý luận chính trị có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo cũng như trong công tác tư tưởng của Đảng. Trong hệ thống giáo dục quốc dân, giảng viên lý luận chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc xác lập nền tảng lý luận chính trị cho sinh viên, góp phần đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, không chỉ giỏi và nhuần nhuyễn các kỹ năng chuyên môn mà còn

1 Trường Đại học Tiền Giang

vững vàng về bản lĩnh chính trị và từng bước hoàn thiện thế giới quan khoa học và nhân sinh quan tích cực. Trong công tác tư tưởng của Đảng, họ là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, tuyên truyền và đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Để hoàn thành sứ mệnh cao cả đó, đặc biệt là trong bối cảnh thế giới nhiều biến động như hiện nay thì đòi hỏi đội ngũ giảng viên lý luận chính trị ở các trường đại học phải không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới và sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác lý luận trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

NỘI DUNG

1. Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển ở trường đại học theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng

Ngày nay, nhân loại đang bước vào nền văn minh trí tuệ, nền kinh tế tri thức. Trong nền kinh tế tri thức, ưu thế không hoàn toàn lệ thuộc vào các nhân tố truyền thống như tài nguyên, đất đai, nhân công,... mà nhân tố có ý nghĩa quyết định là trí tuệ con người, là đội ngũ lao động chất lượng cao, là chất xám của các chuyên gia. Vì vậy, chỉ có thể đi bằng con đường phát triển giáo dục, chúng ta mới có thể đi tắt, đón đầu, phát huy thế mạnh của con người Việt Nam để xây dựng và phát triển đất nước.

Tri thức là sức mạnh, giáo dục và đào tạo là động lực của phát triển. Hồ Chí Minh cho rằng: Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc, trong đấu tranh giành chính quyền cần trí thức, kháng chiến, kiến quốc cần trí thức, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội càng cần trí thức hơn. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã khẳng định: Đội ngũ cán bộ khoa học, đặc biệt là cán bộ có trình độ khoa học cao là vốn quý báu của dân tộc. Và ngay từ Đại hội VIII - Đại hội xác định nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng ta đã chỉ rõ: Cùng với khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, bồi dưỡng nhân tài... Hội nghị Trung ương 8 khóa XI cũng đã ra Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, và đã chỉ đạo: Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh đến ba chiến lược: thể chế, hệ thống kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng

cao. Về vấn đề nguồn nhân lực, tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng tiếp tục nhấn mạnh về phát triển nguồn nhân lực một cách toàn diện hơn, đầy đủ hơn và chính xác hơn. Văn kiện Đại hội XIII yêu cầu ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho các lĩnh vực then chốt; tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đổi mới sáng tạo, khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam.

Với sự ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã được đề ra trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII cho thấy, đường lối, chủ trương về phát triển nguồn nhân lực ở nước ta theo xu hướng đáp ứng được chất lượng, yêu cầu trong bối cảnh thế giới hiện nay đó là cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế số, cạnh tranh, hội nhập quốc tế. Đây cũng là bước đột phá chiến lược trong điều kiện trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp khi bước vào thời đại kỷ nguyên số này... Do đó, yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là trí lực có ý nghĩa quyết định tới sự thành công của sự nghiệp đổi mới và phát triển bền vững. Nguồn lực con người, vốn, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất - kỹ thuật, khoa học - công nghệ... có mối quan hệ nhân - quả với nhau, trong đó nguồn nhân lực được xem là quan trọng nhất, chi phối các nguồn lực khác trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. So với các nguồn lực khác, nguồn nhân lực với yếu tố hàng đầu là trí tuệ, chất xám có ưu thế nổi bật là không bị cạn kiệt nếu biết bồi dưỡng, khai thác và sử dụng hợp lý.

Các môn lý luận chính trị là những môn học bắt buộc trong các trường đại học ở nước ta với mục tiêu góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện lập trường, tư tưởng chính trị cho sinh viên. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, những môn lý luận chính trị thường rất trừu tượng, có tư duy khái quát cao. Do đó, việc nhận thức, lượng kiến thức thu nhận được, sự yêu thích các môn học này của sinh viên phụ thuộc rất nhiều vào trình độ kiến thức, năng lực lý luận và thực tiễn; phẩm chất, nhân cách đạo đức cũng như phương pháp giảng dạy của người thầy - đội ngũ giảng viên lý luận chính trị - đúng như câu nói của nhà giáo dục lỗi lạc người Mỹ - William A.Warrd rằng: "Người thầy trung bình chỉ biết nói; người thầy giỏi biết giải thích; người thầy xuất chúng biết minh họa; người thầy vĩ đại biết cách truyền cảm hứng".

Những năm qua, các thế lực thù địch thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" chống phá cách mạng nước ta bằng cách thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" với nhiều hình thức phong phú, đa dạng nhằm gây chia rẽ đoàn kết nội bộ, trước hết là trên lĩnh vực chính trị. Lĩnh vực này diễn ra rất phức tạp, đa dạng, nhiều cấp độ, trong đó biểu hiện cao nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị trên các vấn đề cơ bản như: phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng ta là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đòi hỏi Đảng phải từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ và thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập... Hơn nữa, cuộc cách mạng công nghiệp

4.0 đang tác động không nhỏ đến nền giáo dục Việt Nam, đặc biệt là giáo dục đại học như đã nói ở phần trên. Tình hình đó đòi hỏi chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị phải không ngừng được nâng cao, để có thể vừa tham gia vào cuộc đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng trong sự nghiệp đổi mới đất nước; vừa góp phần đào tạo ra những công dân có năng lực tư duy đổi mới và sáng tạo, có đủ tố chất để làm việc hiệu quả trong kỷ nguyên mới này.

2. Một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển ở trường đại học theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng

Thứ nhất, đội ngũ giảng viên lý luận chính trị phải luôn nêu cao tính Đảng và tư duy lý luận

Có thể nói, điều kiện tiên quyết đối với một người giảng viên lý luận chính trị phải có tính Đảng cao. Nhiệm vụ của người giảng viên lý luận chính trị là truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối của Đảng; củng cố niềm tin trong sinh viên về tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta. Trong quá trình giảng dạy, tất nhiên người giảng viên lý luận chính trị đã trở thành một chiến sĩ tiên phong trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Trong thực tế xã hội hiện nay, có những vấn đề lý luận và thực tiễn còn độ "vênh" nhất định, cùng với nhiều luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, là những khó khăn, thách thức trong giảng dạy lý luận chính trị hiện nay. Thế nhưng không phải vì vậy mà người giảng viên lý luận chính trị sa sút tinh thần chiến đấu, tính Đảng của mình. Chỉ có kiên trì tính Đảng cao, người giảng viên lý luận chính trị mới trở thành "người truyền lửa" cho sinh viên, giúp sinh viên có niềm tin vào những giá trị tốt đẹp. Hơn nữa, với tính Đảng cao, người giảng viên lý luận chính trị luôn biết đấu tranh bảo vệ lẽ phải, đấu tranh không khoan nhượng với những tư tưởng sai lầm, lệch lạc. Tính Đảng cao giúp giảng viên lý luận chính trị trung thực với những nội dung mà mình giảng dạy, không tô hồng cũng như không vì một lý do nào đó mà bôi đen, xuyên tạc.

Bên cạnh cần phải có tính Đảng cao, người giảng viên lý luận chính trị phải là những người có tư duy lý luận cao. Tư duy lý luận là hình thức cao nhất của tư duy. Nó là quá trình mà tư duy tiếp cận, nắm bắt nhận thức và tái tạo hiện thực khách quan bằng lý luận. Người giảng viên lý luận chính trị có vị trí, vai trò rất quan trọng, không chỉ đơn thuần là nhận thức, phát hiện ra quy luật của thực tiễn mà còn có nhiệm vụ truyền đạt lại để sinh viên hiểu, nắm vững và biết vận dụng quy luật mới đó.

Thứ hai, người giảng viên lý luận chính trị phải luôn không ngừng trau dồi kiến thức sâu rộng

Mục đích của việc giảng dạy lý luận chính trị là trang bị cho sinh viên quan điểm đúng đắn và phương pháp biện chứng duy vật, nghĩa là nắm được tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; đứng vững trên lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng, giải quyết cho tốt những vấn đề diễn ra trong thực tiễn, để tiếp thu các môn khoa học khác có hiệu quả và chất lượng cao hơn; giáo dục cho sinh viên biết nhìn nhận, xem xét thế giới, xã hội, con người, các sự vật hiện tượng trong mối liên hệ phổ biến, vận động và phát triển, độc lập tư duy, có cách nhìn toàn diện nhưng cũng phải biết phân tích một vấn đề cụ thể trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể, nắm vững quy luật vận động và phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Xây dựng, bồi dưỡng cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học, niềm tin cộng sản, lý tưởng, đạo đức cách mạng. Đây là cơ sở khoa học giúp cho sinh viên có năng lực giải quyết những vấn đề chính trị thực tiễn đúng quy luật, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch trong quá trình học tập. Vì vậy, việc làm chủ kiến thức, tinh thông các môn lý luận chính trị trước hết là phải hiểu đúng, hiểu sâu sắc bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phải hiểu sâu sắc bản chất cách mạng, khoa học, lập trường, tính cách mạng và khoa học của từng nguyên lý, quy luật, khái niệm, phạm trù và toàn bộ học thuyết, tư tưởng trong sự vận động, phát triển, chuyển hóa lẫn nhau, gắn với thực tiễn cách mạng; hiểu giá trị trường tồn của học thuyết trong tính chỉnh thể của nó, đồng thời hiểu một số những quan niệm đã bị lịch sử vượt qua, những quan niệm cần bổ sung, phát triển; hiểu biết thấu đáo về lý luận và thực tiễn trong nước và thế giới để phân tích, chứng minh và có quan điểm chính kiến rõ ràng. Bên cạnh đó, trước yêu cầu phát triển ở các trường đại học như hiện nay, mỗi người giảng viên lý luận chính trị bên cạnh việc tinh thông chuyên môn thì cần phải có kiến thức liên ngành, khả năng ngoại ngữ và đặc biệt là phải nắm bắt kịp sự phát triển của khoa học công nghệ nhằm phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy của mình, từ đó kích thích sinh viên nỗ lực tìm tòi, nghiên cứu.

Để làm được điều đó thì bản thân mỗi giảng viên lý luận chính trị phải thường xuyên tự bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức cần thiết cho mình, tích cực trong nghiên cứu khoa học. Thế giới thay đổi từng ngày, mỗi sự kiện, hiện tượng trong thế giới ngày nay cũng luôn thay đổi. Người giảng viên lý luận chính trị không thể nằm ngoài những sự kiện chính trị sôi động đó nên bản thân họ phải thường xuyên cập nhật những tri thức, thông tin mới là điều hết sức cần thiết. C.Mác đã từng nói "Chính những con người đã làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục" [2, tr.10].

Thứ ba, người giảng viên lý luận chính trị phải luôn đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực theo hướng tiếp cận năng lực khoa học và phẩm chất nghề nghiệp tương lai của sinh viên

Trước yêu cầu phát triển như hiện nay, người giảng viên lý luận chính trị cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp để nhằm góp phần tạo ra những "sản phẩm" chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Mục đích của việc đổi mới phương pháp giảng dạy là nhằm phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo của sinh viên; tránh thái độ thụ động, rập khuôn theo bài giảng của giảng viên, từ đó sinh viên có được phong cách tư duy độc lập trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, việc đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị sẽ góp phần làm cho sinh viên thêm quan tâm, hứng thú học tập và nghiên cứu, từ đó sẽ thúc đẩy chất lượng và hiệu quả của việc dạy và học các môn khoa học này.

Điều đó đòi hỏi người giảng viên lý luận chính trị trước hết phải thường xuyên khơi dậy, rèn luyện và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự đặt vấn đề và tự giải quyết vấn đề của sinh viên ngay trong quá trình học tập ở trường. Ngoài ra, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên cách ghi chép, đọc tài liệu, chuẩn bị xêmina... Đây là quá trình rèn luyện cho sinh viên năng lực tư duy chính xác và phẩm chất tư duy biện chứng. Mà điều này thì cực kỳ cần thiết vì như Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: "Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận" [3, tr.489].

Trong đổi mới phương pháp giảng dạy, người giảng viên lý luận chính trị cần phải phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo của sinh viên trong quá trình lĩnh hội tri thức. Điều đó có thể thực hiện được thông qua việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, đàm thoại, thảo luận nhóm, trực quan và sự kết hợp một cách nhuần nhuyễn các phương pháp với nhau tùy điều kiện cụ thể. Giảng viên cần có phương pháp xây dựng các tình huống đòi hỏi sự tìm tòi, đào sâu suy nghĩ, phát triển và mở rộng kiến thức của sinh viên. Bản thân mỗi phương pháp đều có những ưu, nhược điểm. Do vậy, không nên coi bất kỳ phương pháp nào là tối ưu cho việc truyền thụ tri thức bài giảng. Thậm chí cùng là một bài giảng, nhưng khi giảng cho các đối tượng khác nhau thì phương pháp vận dụng cũng phải khác nhau.

Bên cạnh đó, việc đổi mới phương pháp dạy học các môn lý luận chính trị cần phải thực hiện triệt để phương châm lấy người học làm trung tâm, cho nên người giảng viên cần kết hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau tùy thuộc vào nội dung bài giảng và đối tượng sinh viên. Thông qua đó, sinh viên rèn luyện được các kỹ năng cần thiết như kỹ năng diễn đạt, thuyết trình, thảo luận; kỹ năng đặt vấn đề

và giải quyết vấn đề; kỹ năng nói trước đám đông; kỹ năng tổ chức các hoạt động chuyên môn. Để kích thích tính chủ động của sinh viên thì người giảng viên cũng phải luôn luôn động não, phát huy tính sáng tạo của mình trong quá trình triển khai bài giảng, đồng thời sinh viên phải tập trung vào bài giảng, phải suy nghĩ, đóng góp ý kiến vào bài học.

Ngoài ra, giảng viên cần phải kết hợp sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại trong quá trình giảng dạy. Để phương tiện dạy học phát huy hiệu quả, giảng viên cần có sự đầu tư ứng dụng các phần mềm tin học như tạo ra các mô hình, sơ đồ hóa kiến thức, sưu tầm phim, các hình ảnh liên quan đến nội dung bài học... làm cho giờ dạy trở nên sinh động hơn.

Thứ tư, người giảng viên lý luận chính trị phải luôn đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá một cách hiệu quả theo hướng đánh giá năng lực tư duy của sinh viên

Để kiểm tra, đánh giá có hiệu quả, giảng viên cần lưu ý đến những yếu tố sau:

Một là, việc đánh giá kết quả học tập cần phải được tiến hành một cách thường xuyên trong suốt quá trình học tập, bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm chuyên cần... Để thực hiện tốt điều này, giảng viên cần chuẩn bị hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, trả lời ngắn, các chủ đề bài tập nhóm... để có thể chủ động kiểm tra, đánh giá kết quả một cách thường xuyên.

Hai là, không chỉ đánh giá về kiến thức mà còn đánh giá về năng lực tự học, khả năng tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Trong quá trình lên lớp, giảng viên không chỉ thuần túy trao đổi với sinh viên những kiến thức trong giáo trình mà ở mỗi chương, mỗi nội dung bài học, giảng viên nên có những câu hỏi gợi mở, liên hệ với thực tiễn, đưa ra những bài tập tình huống nhằm giúp sinh viên làm quen với việc phân tích và giải quyết vấn đề, vận dụng thực tiễn...

Ba là, cần đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo tính hiệu quả, hiện thực. Việc kiểm tra, đánh giá có thể được tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau cho những đối tượng sinh viên khác nhau. Chẳng hạn, trong quá trình kiểm tra thường xuyên, giảng viên có thể thường kiểm tra bằng nhiều hình thức khác nhau: trắc nghiệm, trả lời ngắn, tự luận, vấn đáp, báo cáo nhóm... thậm chí trong các bài báo cáo nhóm, giảng viên cho sinh viên chất vấn trực tiếp để được tính điểm tích lũy. Đối với đề thi kết thúc học phần, việc chọn đề đóng hay mở cũng vậy, phải tùy vào từng đối tượng sinh viên cụ thể chứ không nên cứng nhắc một hình thức thi đối với mọi đối tượng sinh viên. Bên cạnh đó, cũng cần phải lưu ý đến việc xây dựng đề thi phải đảm bảo theo nguyên tắc: vừa đảm bảo được kiến thức cốt lõi của môn học, vừa gắn lý luận với thực tiễn cuộc sống. Với sự đa dạng về hình thức đánh giá như vậy sẽ kích thích sinh viên nâng cao năng lực tự học bằng việc chủ động thay đổi thái độ học tập từ buộc phải học sang muốn được học, muốn được khẳng định bản thân.

Thiết nghĩ, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên cần được tiến hành một cách thường xuyên với nhiều hình thức đánh giá, kết hợp phương pháp đánh giá truyền thống với hiện đại, chuyển từ tập trung vào kiến thức có sẵn sang năng lực tư duy sẽ đánh giá được trình độ hiểu biết của sinh viên, đồng thời đánh giá được khả năng vận dụng những tri thức mới của bài học để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đã và đang đặt ra của sinh viên.

KẾT LUẬN

Việt Nam đã trải qua những thời kỳ lịch sử khác nhau nhưng người thầy vẫn là những người được tôn vinh, kính trọng; nghề dạy học vẫn là "nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý". Tuy nhiên, bên cạnh sự biết ơn và lòng tôn kính đối với người thầy, còn là sự yêu cầu, đòi hỏi cao của học trò và xã hội đối với họ, hay nói cách khác, đó chính là trách nhiệm, là bổn phận của người thầy đối với xã hội. Để làm được điều đó, những người thầy nói chung, người thầy lý luận chính trị nói riêng phải luôn tìm tòi, sáng tạo không ngừng để tiếp nối một cách xứng đáng thế hệ những người đi trước, rèn luyện, hoàn thành tốt vai trò, sứ mệnh cao cả của mình đối với xã hội. Người thầy lý luận chính trị không được tự bằng lòng với những kiến thức mình đang có mà phải luôn nêu cao tính Đảng và tư duy lý luận, không ngừng nâng cao, vươn xa hơn về nhận thức, tiếp cận tốt hơn với phương pháp giảng dạy tích cực và đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá hiệu quả nhằm tạo ra những "sản phẩm" tốt, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập,* Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập,* Tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Phạm Thị Hạnh (2020), "Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư", *Tạp chí Cộng sản,* tháng 2/2020.

[5]. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2016), "Một số vấn đề về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam", *Tạp chí Tổ chức nhà nước,* tháng 11/2016.

[6]. Lê Thị Son (2018), "Vai trò của giảng viên lý luận chính trị ở trường Đại học trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học của Trường Đại học Cần Thơ.*

BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI GÓP PHẦN NÂNG CAO HÌNH ẢNH, VỊ THẾ VIỆT NAM THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

ThS NGUYỄN THANH HẢI[1]

Tóm tắt:

Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: "tổ chức tốt công tác thông tin đối ngoại tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam ra thế giới" [5, tr.156]. Trong suốt quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, báo chí đối ngoại luôn đồng hành, sát cánh với đối ngoại đa phương, có đóng góp thiết thực trong việc nâng cao hình ảnh, vị thế Việt Nam trong mắt bạn bè, đối tác quốc tế. Bài viết phân tích những đóng góp của báo chí đối ngoại trong việc nâng cao hình ảnh, vị thế Việt Nam ra thế giới theo tinh thần Nghị quyết đại hội XIII của Đảng và đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị về công tác thông tin đối ngoại nâng cao hình ảnh vị thế Việt Nam của các cơ quan báo chí hiện nay.

Từ khóa: *báo chí đối ngoại, Đại hội XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam, hình ảnh, vị thế, Việt Nam*

MỞ ĐẦU

Trong thế giới toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế với nhiều biến đổi phức tạp hiện nay, việc nâng cao hình ảnh, vị thế quốc gia ngày càng được các nước chú trọng, coi như chiến lược sức mạnh mềm. Bởi hình ảnh quốc gia không chỉ ảnh hưởng đến các mối quan hệ quốc tế mà còn tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như năng lực cạnh tranh của đất nước. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ, cần tổ chức tốt công tác thông tin đối ngoại, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước,

1 Trường Đại học Vinh

con người, văn hóa Việt Nam ra thế giới. Thực hiện đường lối lãnh đạo của Đảng, trong suốt quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, báo chí đối ngoại đã có những đóng góp thiết thực, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

NỘI DUNG

1. Tổng quan về Báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay

Trong quá trình thực hiện công tác thông tin đối ngoại, báo chí là một lực lượng quan trọng. Đến cuối năm 2020, cả nước có 844 cơ quan báo chí in, với 184 báo, 660 tạp chí, cùng 24 cơ quan báo chí điện tử độc lập. Năm 2020, số lượng cơ quan báo chí và nhân sự hoạt động là 41 nghìn nhân sự, 779 cơ quan báo chí (trong đó có 142 báo, 612 tạp chí in, 25 cơ quan báo chí điện tử độc lập), 72 cơ quan được cấp phép hoạt động phát thanh truyền hình với tổng số 87 kênh phát thanh và 193 kênh truyền hình. Trong đó, nhiều cơ quan báo chí Việt Nam có ấn phẩm hoặc chuyên trang xuất bản bằng tiếng nước ngoài. Riêng về báo chí truyền thông đối ngoại, có khoảng 40 báo, tạp chí đối ngoại với trên 700 ấn phẩm, như: Vietnam News, Le Courrier du Vietnam, Vietnam Law and Legal Forum, Vietnam Economics Times, Saigon Times Daily, Thế giới &Việt Nam, Tạp chí Quê hương, Tạp chí Thông tin đối ngoại, Báo điện tử Tổ quốc, Tạp chí Cửa sổ Văn hóa... [1].

Các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương đã có nhiều đóng góp tích cực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác thông tin đối ngoại, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, nâng cao uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Nhiều cơ quan báo chí chủ lực đã xây dựng được các kênh thông tin đối ngoại chuyên biệt như: Ban Truyền hình đối ngoại VTV4, Đài Truyền hình Việt Nam; Hệ Phát thanh đối ngoại quốc gia VOV5, Đài Tiếng nói Việt Nam; Kênh Truyền hình thông tấn, Thông tấn xã Việt Nam; Báo Nhân dân điện tử; Báo Quân đội nhân dân điện tử... Các kênh thông tin đã có nhiều nỗ lực ngày càng nâng cao chất lượng, tăng tính hấp dẫn của sản phẩm thông tin đối ngoại, tăng thời lượng, nâng cao chất lượng các bản tin, chương trình bằng tiếng nước ngoài... Thông tin báo chí bằng tiếng nước ngoài đặc biệt đã hướng tới các địa bàn trọng điểm. Ví dụ, Báo Nhân dân điện tử thông tin bằng các các thứ tiếng Anh, Trung, Pháp, Nga; báo Quân đội nhân dân điện tử thông tin bằng tiếng Anh, Trung, Lào, Khmer; báo Ảnh Việt Nam bằng tiếng Anh, Trung, Lào, Tây Ban Nha, Hàn Quốc; Thời báo Kinh tế Việt Nam với ba ấn phẩm bằng tiếng Anh; VTV4 với các chương trình bằng tiếng Anh, Nga, Pháp, Nhật, Trung; VOV5 thông tin với 13 ngoại ngữ khác nhau... Các cơ quan báo chí trong nước đã thiết lập các kênh hợp tác, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm về thông tin đối ngoại với các báo quốc tế có uy tín. Điển hình như Thông tấn xã Việt Nam đã tăng cường hợp tác với tổng số 40 hãng thông

tấn, báo chí trong khu vực và trên thế giới. Một số cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình đang tiếp tục mở văn phòng đại diện ở nước ngoài trong thời gian tới. Hiện nay số văn phòng báo chí Việt Nam thường trú tại nước ngoài năm 2018 là 57 văn phòng, số lượng phóng viên Việt Nam thường trú tại nước ngoài năm 2018 là 148 người. Trong những năm qua, báo chí đối ngoại trong quá trình thực hiện vai trò nhiệm vụ của mình đã có nhiều đóng góp quan trọng trong tuyên truyền, giới thiệu, nâng cao hình ảnh, vị thế Việt Nam ra thế giới.

2. Báo chí đối ngoại góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế Việt Nam ra thế giới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

Thứ nhất, báo chí đối ngoại thông tin, tuyên truyền về sức mạnh tổng hợp của đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại Nhân dân

Báo cáo chính trị của Đại hội XIII đã xác định: "Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân" [5; tr.117]. Đây là định hướng có tính đột phá khi hoạt động đối ngoại được cấu thành bởi ba trụ cột nhằm tạo ra sức mạnh mang tính toàn diện, hiện đại. Đồng nghĩa với đó, vai trò của hoạt động thông tin báo chí đối ngoại sẽ dựa vào sức mạnh tổng hợp của ba hoạt động của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân với sự đổi mới hiện đại và toàn diện. Báo chí đối ngoại đã thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền những hoạt động đối ngoại của cả ba hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Cụ thể:

Tuyên truyền hình ảnh Việt Nam qua kênh đối ngoại Đảng được báo chí đối ngoại thực hiện bằng thông tin thành tựu đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua hoạt động đối ngoại Đảng, nhất là của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong những chuyến viếng thăm, tiếp xúc, gặp gỡ song phương (giữa Đảng ta với các đảng) và đa phương (trong các lực lượng cộng sản, công nhân và diễn đàn của các chính đảng không phân biệt khuynh hướng và tư tưởng chính trị).

Báo chí đối ngoại thông tin tuyên truyền về ngoại giao Nhà nước là các hoạt động đa dạng của các cơ quan đối ngoại của Chính phủ, Quốc hội. Đối với Chính phủ, hoạt động thông tin đối ngoại nói chung và hoạt động tuyên truyền hình ảnh quốc gia nói riêng do Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan. Do đó, hình thức và phương tiện của hoạt động thông tin đối ngoại của Chính phủ rất đa dạng như: hoạt động đối ngoại của lãnh đạo nhà nước, quan chức chính phủ; thông qua phát ngôn đối ngoại, xuất bản phẩm, các sự kiện tổ chức ở nước ngoài và Việt Nam...

Trong đối ngoại Nhân dân, hoạt động tuyên truyền hình ảnh Việt Nam được báo chí đối ngoại thông tin đầy đủ các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và những tổ chức nhân dân ở Trung ương...

Báo chí đối ngoại đã góp phần tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho đối ngoại đa phương, làm cầu nối quan trọng đưa Việt Nam ra thế giới khi thông tin đầy đủ, kịp thời và chính xác, giúp dư luận nước ngoài hiểu rõ hơn về các chủ trương, chính sách, đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong đó có đường lối đối ngoại là bạn, là đối tác tin cậy trong cộng đồng thế giới. Báo chí đối ngoại quảng bá mạnh mẽ tiềm năng hợp tác, lợi thế của Việt Nam thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế đa phương. Song song đó, báo chí đối ngoại đã chuyển tải thông tin về tình hình thế giới đến với người dân trong nước, giúp họ hiểu rõ hơn ý nghĩa, giá trị việc Việt Nam tham gia vào các cơ chế đa phương, các công việc chung như tổ chức thành công các sự kiện đa phương mang tầm cỡ quốc tế và khu vực..., qua đó góp phần tạo dựng được sự đồng thuận của dư luận đối với chủ trương, chính sách, hoạt động đa phương của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Những kết quả này cũng được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: "Mặc dù năm 2020 kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, thiên tai, bão lụt nghiêm trọng ở miền Trung nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2016-2020 đạt khoảng 6%/năm và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới" [5, tr 263 - 264]. Trong bối cảnh đó, "các hoạt động ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài và công tác bảo hộ công dân được triển khai tích cực trong điều kiện tăng cường hội nhập quốc tế, nhất là trong thời gian dịch bệnh COVID-19" [5, tr. 264]. Kết quả này đã làm "nổi bật lên những giá trị văn hóa, đạo đức xã hội...", đồng thời là sức mạnh mềm mà chúng ta đã tận dụng hữu hiệu, tạo sức lan tỏa với thế giới về một Việt Nam - điểm đến đầu tư, du lịch hấp dẫn, an toàn; khẳng định những kết quả đạt được thông qua "tổ chức tốt công tác thông tin đối ngoại tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam ra thế giới" [5, tr 117].

Thứ hai báo chí đối ngoại thông tin, tuyên truyền về nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc.

Định hướng thứ tư trong phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội XIII là "...xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đã bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc" [5, tr 8]. Trong phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, Đảng ta xác định: "... Hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp văn hóa; phát triển những sản phẩm, loại hình văn hóa độc đáo, sáng tạo có sức lan tỏa để quảng bá, giới thiệu ra thế giới" [5, tr 48]. Theo đó, tuyên truyền văn hóa Việt Nam ra thế giới cần đưa ra các thông điệp

vừa làm nổi bật được những nét đặc sắc của văn hóa của Việt Nam, trong đó có tính khác biệt với thông điệp của các quốc gia khác, vừa đảm bảo sự "hài hòa" với xu thế chung của nhân loại, đồng thời phải tác động đến tình cảm, đáp ứng được nhu cầu và thuyết phục đối tượng tiếp nhận. Báo chí đối ngoại cũng đã góp phần thông tin, tuyên truyền về nền văn hóa đậm đà bản sắc, hội nhập quốc tế rất hiệu quả. Bao gồm tăng cường giới thiệu, thông tin về nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bao gồm những thành tựu trong các lĩnh vực giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật...; giá trị đặc sắc của văn hóa vật thể và phi vật thể, phong tục tập quán truyền thống các địa phương, vùng miền... trên các kênh thông tin báo chí đối ngoại của các loại hình báo chí.

Hiện nay báo in có khoảng 40 báo, tạp chí đối ngoại với trên 700 ấn phẩm như: Vietnam News, Le Courrier du Vietnam, Vietnam Law and Legal Forum, Vietnam Economics Times, Saigon Times Daily, Thế giới &Việt Nam, Tạp chí Quê hương, Tạp chí Thông tin đối ngoại, Báo điện tử Tổ quốc, Tạp chí Cửa sổ Văn hóa...Hay đối với báo điện tử đối ngoại có lượng lớn truy cập từ nước ngoài VietnamPlus.vn của thông tấn xã Việt Nam đều có các chuyên mục chuyên biệt riêng như văn hóa, xã hội, du lịch để đăng tải các thông tin hình ảnh, video quảng bá, giới thiệu về thiên nhiên, đất nước, văn hóa, con người Việt Nam.

Không chỉ ở trên báo in, tạp chí, báo điện tử mà ở loại hình báo phát thanh, truyền hình cũng có rất nhiều cơ quan báo chí có những chương trình, chuyên mục quảng bá về văn hóa Việt Nam trên các kênh đối ngoại ví dụ như: Chương trình S - VietNam - một chương trình giới thiệu về du lịch vẻ đẹp đất nước, văn hóa con người Việt Nam trên kênh VTV4. Chương trình với đa dạng chủ đề như ẩm thực, lễ hội, khám phá lịch sử, sắc màu dân tộc, văn minh dân gian, biển hát...với mục đích giới thiệu vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, văn hóa Việt Nam trên khắp dải đất hình chữ S. Với nội dung hấp dẫn sáng tạo chương trình đã nhận được sự ủng hộ rất nhiều khán giả, trong đó có các khán giả là người nước ngoài quan tâm, tham gia trở thành nhân vật trải nghiệm. Chương trình cũng nhận được sự tương tác cao với hơn 250 nghìn lượt theo dõi trên mạng xã hội qua Fanpage "S - VietNam". Năm 2022 kênh ra mắt chương trình mới "Hãy nói tiếng nói của người Việt trên thế giới". Chương trình đã góp phần nâng cao năng lực tiếng Việt cho thế hệ trẻ trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài, sự năng động, nhạy bén trong công nghệ của các bạn trẻ sẽ góp phần đưa hình ảnh Việt Nam ra với bạn bè thế giới.

Đài tiếng nói Việt Nam- Đài phát thanh quốc gia ngoài kênh phát thanh đối ngoại VOV5 phát sóng 13 thứ tiếng thì còn có kênh truyền hình đối ngoại VTC10 với 26 mũ chương trình trong đó cũng một chương trình chuyên biệt phát sóng mang tên "Văn hóa Việt" truyền tải các thông tin, sự kiện, vấn đề về các nội dung như việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam, cập

nhật các hoạt động giao lưu văn hóa nghệ thuật giữa Việt Nam và bạn bè thế giới, phản ánh xu hướng hội nhập của Việt Nam trên lĩnh vực văn hóa...Cũng trên kênh này, nhằm kết nối cộng đồng người Việt ở nước ngoài, gìn giữ, phát huy lan tỏa văn hóa truyền thống, nhà đài đã tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa Việt Nam như cuộc thi " Kiều bào thi hát dân ca" năm 2021. Năm 2022 lần đầu tiên VOV5 đã đưa âm nhạc Pháp vào phần thi phát sóng trực tiếp trên đa nền tảng, đây là chương trình sáng tạo sử dụng âm nhạc để chuyển tải, chia sẻ giao lưu ngôn ngữ, văn hóa giữa hai nước Việt Nam và Pháp nhưng cũng nhận được sự quan tâm theo dõi của các thính giả quốc tế khác. Qua đó có thể khẳng định báo chí đối ngoại là nhịp cầu nối văn hóa Việt Nam và bạn bè quốc tế và ngược lại.

Thứ ba, báo chí đối ngoại đấu tranh chống xuyên tạc, bôi nhọ hình ảnh Việt Nam, định hướng dư luận xã hội theo đúng hướng.

"Đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị" là một trong những nội dung trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 được Đảng ta xác định trong Văn kiện Đại hội XIII. Văn kiện Đại hội XIII cũng chỉ rõ: "Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại... Tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên internet. Kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, phản động, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong mỹ tục" [5, tr 48].

Hoạt động tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới không thể tách rời với việc đấu tranh phản bác, chống các luận điểm xuyên tạc, bôi nhọ hình ảnh Việt Nam. Đây cũng chính là một trong những lĩnh vực quan trọng của công tác tư tưởng nói chung và công tác báo chí đối ngoại nói riêng. Có thể lấy một số ví dụ: Ngày càng có nhiều các chuyên mục, chuyên trang với những bài viết, chương trình phát sóng mang nội dung chuyên biệt phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, được các cơ quan báo chí tổ chức. Trong đó trên các kênh đối ngoại của báo chí có các chuyên mục chuyên mục đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của báo chí cả nước có hàng nghìn tác phẩm được đăng tải, phát sóng. Nội dung đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực được đưa thông tin đầy đủ trong chương trình thời sự quốc gia bao gồm cả VTV4 - Kênh truyền hình đối ngoại, kênh phát thanh VOV5 có phạm vi phủ sóng toàn thế giới. Ngoài ra trên báo đối ngoại như Vietnam News, báo điện tử của Chính Phủ cũng liên tục cập nhật minh bạch, chính xác những thông tin bài viết trong công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cách mạng trong giai đoạn mới. Gần đây nhất trên trang thông tin chính thức của Chính phủ có đăng tải toàn văn phát biểu Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban chỉ đạo chủ trì phiên họp thứ 22 để kiểm điểm đánh giá kết

quả hoạt động 6 tháng đầu năm, xác định nhiệm vụ những tháng cuối năm 2022 vào ngày 17/8/2022 trong đó có đoạn như sau: "...Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng tiêu cực ngày càng quyết liệt, hiệu quả. Có thể nói chưa bao giờ chúng ta xử lý mạnh mẽ, nghiêm minh hành vi tham nhũng, tiêu cực như vừa qua. Nhất là việc xử lý khẩn trương nhanh chóng, kịp thời, đồng bộ dứt điểm giữa kỉ luật Đảng với kỷ luật hành chính và xử lý hình sự đối với 2 trường hợp Ủy viên Trung ương là bộ trưởng, nguyên bộ trưởng trong vụ Việt Á gần đây đã thể hiện nhất quán quan điểm: "không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể đó là ai" [3]. Việc đăng tải công khai minh bạch những nội dung như vậy trên các kênh báo chí đối ngoại góp phần khẳng định quan điểm nhất quán, đường lối chỉ đạo đúng đắn đi đôi với hành động của Đảng, Nhà nước, bảo vệ và nâng cao uy tín và hình ảnh của đất nước trên các diễn đàn đa phương. Đồng thời phản bác các luận điệu xuyên tạc thù địch về tình hình Việt Nam.

Hoặc như báo điện tử Vietnamplus của Thông tấn xã Việt Nam- một trong những kênh thông tin đối ngoại quốc gia quan trọng cũng có rất nhiều tác phẩm, chuyên mục hay như chuyên mục RapNewsPlus, chuyên mục có tác phẩm đoạt giải nhất Giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại cho Bản tin nhạc rap Biển Đông với 12 ngôn ngữ (tiếng Việt, Anh, Trung, Nhật, Arab, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Italy, Hàn, Bahasa-Malaysia và tiếng Nga). Đây là sản phẩm truyền thông độc đáo, mang tính chính trị, tính chuyên môn, tính định hướng đi cùng tính giải trí; tạo sức mạnh lan tỏa trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. Chuyên mục RapNewsPlus này của Vietnamplus đã được nhiều cơ quan báo chí trong nước và quốc tế chú ý, giới thiệu, như BBC, Guardian (Anh), VOA (Hoa Kỳ), Deustche Welle (Đức), Canal+ (Pháp), NHK (Nhật Bản)...

Trong bối cảnh dịch bệnh hay bình thường mới sau dịch Covid-19 Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá rất cao về thành công trong phòng chống, kiểm soát dịch. Trong quá trình đó báo chí truyền thông nói chung và báo chí đối ngoại Việt Nam nói riêng đã làm rất tốt từ nội dung đến hình thức, phương thức thể hiện độc đáo để góp phần đưa hình ảnh về một Việt Nam nỗ lực kiên cường, đoàn kết, một lòng của cả hệ thống chính trị và người dân trong nước. Kết quả của cuộc khảo sát do tổ chức Dalia Research, có trụ sở tại Berlin (Đức), tiến hành tại 45 quốc gia và vùng lãnh thổ, cho biết: Việt Nam có tỉ lệ người dân tin tưởng vào các biện pháp ứng phó dịch bệnh COVID-19 của Chính phủ cao nhất thế giới [2]. Uy tín của Việt Nam trong cuộc chiến phòng, chống COVID-19 trong dịch, sau dịch và những thành tựu về kinh tế - xã hội hiện nay cũng là một minh chứng hùng hồn phản bác những luận điệu xuyên tạc, hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng, về mục tiêu, con đường mà Việt Nam đã lựa chọn. Đồng thời, góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

Qua các ví dụ trên cho thấy việc đăng tải phủ sóng rộng rãi những thông tin cả trong nước và cộng đồng quốc tế của báo chí đối ngoại đã góp phần đáng kể vào cuộc đấu tranh ngăn chặn sự phá hoại tư tưởng nhằm thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, định hướng dư luận xã hội theo đúng hướng đối với Đảng, Chính Phủ, nhân dân Việt Nam.

3. Một số đề xuất khuyến nghị

Để tăng cường, phát huy tối đa nhiệm vụ góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam, các cơ quan báo chí thực hiện thông tin đối ngoại cần quan tâm đến những nội dung sau:

Thứ nhất, về nội dung: tiếp tục tích cực, chủ động kịp thời thông tin tuyên truyền về thành tựu của công cuộc đổi mới, về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tiềm năng phát triển và hợp tác của Việt Nam, về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa và những giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc. Tăng cường thông tin về kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư nước ngoài, xúc tiến thương mại, du lịch, hội nhập quốc tế của Việt Nam; các bài viết, chuyên mục có sức thuyết phục về các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo, dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, các vấn đề môi trường phát triển bền vững... Ngoài ra có thể khuyến khích đầu tư, tổ chức các cuộc thi cho các sáng kiến, dự án nâng cao hiệu quả nội dung chương trình trong thông tin đối ngoại.

Thứ hai, về phương thức: báo chí đối ngoại cần tăng cường đa dạng hóa hình thức, phương tiện thông tin, tranh thủ tối đa các lực lượng truyền thông, ứng dụng truyền thông mới trên nền tảng internet trong đó có mạng xã hội, các hình thức thông tin đa phương tiện có tính tương tác cao. Ngoài ra, cần liên kết hiệu quả các mối quan hệ với các tập đoàn truyền thông, tập đoàn công nghệ trên thế giới để đưa nội dung lên các nền tảng mới như các ứng dụng mạng xã hội để tăng sự tiếp cận, tương tác, nhất là khán giả là người nước ngoài. Ví dụ như các kênh Postcad, App mobile, youtube, facebook, tiktok...

Thứ ba, về nguồn nhân lực: hiện nay lực lượng báo chí đối ngoại còn khiêm tốn. Bởi phóng viên đối ngoại ngoài yêu cầu nghiệp vụ phải có ngoại ngữ, đào tạo một phóng viên đối ngoại luôn cần sự đầu tư. Chính vì vậy các cơ quan báo chí cần tận dụng nội lực, kêu gọi ngoại lực để xây dựng, hoàn thiện và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ, các phóng viên đối ngoại, đặc biệt là các chuyên gia viết bài đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực cơ hội, thù địch. Ngoài ra, để giữ được chất xám trong báo chí đối ngoại các cơ quan báo chí nói riêng và nhà nước cần có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cụ thể, thiết thực cùng với cơ sở vật chất tác nghiệp phù hợp. Công tác bổ sung, mở rộng phạm vi phóng viên, biên tập viên thường trú các khu vực trên thế giới cũng là vấn đề cần

lưu ý khi mà lực lượng phóng viên thường trú Việt Nam ở nước ngoài vẫn đang được đánh giá là khá mỏng.

Thứ tư, về hợp tác quốc tế: các cơ quan báo chí cần tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài triển khai các hoạt động báo chí đối ngoại như: mời phóng viên báo chí nước ngoài vào Việt Nam để đưa tin, viết bài, thuê khoán cộng tác viên nước ngoài làm phóng viên và biên tập tin phù hợp với các đối tượng; hợp tác với các cơ quan báo chí nước ngoài để xây dựng các bài viết, phóng sự quảng bá hình ảnh Việt Nam, bên cạnh đó chủ động tạo điều kiện tiếp xúc, giao lưu, hợp tác quốc tế, phát huy thế mạnh của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong hoạt động báo chí đối ngoại.

Thứ năm, về tài chính: kêu gọi đầu tư, đổi mới và hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật cho cơ quan báo chí đối ngoại. Các cơ quan báo chí thông tin đối ngoại có thể đề xuất xin miễn thuế, giảm thuế đối với nguồn thu ngoài ngân sách để tái đầu tư cho nhân lực và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thông tin đối ngoại.

KẾT LUẬN

Trong một thế giới đầy biến động với những thuận lợi, thời cơ, khó khăn, thách thức đan xen, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định cho quá trình phát triển, Việt Nam đang có những bước chuyển tích cực trên mọi mặt kinh tế, chính trị, xã hội. Hình ảnh, vị thế và uy tín quốc gia của Việt Nam ngày càng được khẳng định và nâng cao trên trường quốc tế. Niềm tin của cộng đồng quốc tế vào thể chế chính trị, năng lực quản trị quốc gia Việt Nam ngày càng vững chắc. Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 nước thành viên Liên hợp quốc, có quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với 224 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Việt Nam là thành viên của 63 tổ chức quốc tế và khu vực, có quan hệ với hơn 500 tổ chức phi chính phủ [4]. Trên cơ sở đó, hình ảnh về một Việt Nam ổn định, đầy tiềm năng phát triển, tham gia kiến tạo hòa bình chung cùng thế giới càng cần được tiếp tục lan tỏa, quảng bá rộng rãi, góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng. Cùng với sự lãnh đạo, quản lý của Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và toàn dân, công tác thông tin đối ngoại nói chung và báo chí đối ngoại nói riêng cần nắm vững, bám sát đường lối chính sách của Đảng, trong đó tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nỗ lực hơn nữa trong thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại, xây dựng, nâng cao hình ảnh, vị thế Việt Nam và giới thiệu rộng rãi ra thế giới, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục Thông tin Đối ngoại (2020), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và triển khai chương trình công tác năm 2021*, Hà Nội.

[2]. Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế (2020), *Nếu thực hiện đúng, nghiêm các chỉ đạo, chắc chắn chúng ta sẽ kiểm soát tốt dịch bệnh,* truy cập ngày 18/8/2022 tại: https://moh.gov.vn/tin-noi-bat/-/asset_publisher/3Yst7YhbkA5j/content/neu-thuc-hien-ung-nghiem-cac-chi-ao-chac-chan-chung-ta-se-kiem-soat-tot-dich-benh

[3]. Cổng thông tin điện tử Chính phủ (2022), *Tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cách mạng trong giai đoạn mới,* truy cập ngày 17/08/2022 tại https://baochinhphu.vn/tiep-tuc-day-manh-cuoc-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-dap-ung-yeu-cau-ngay-cang-cao-cua-cach-mang-trong-giai-doan-moi-102220817174512713.htm.

[4]. Cổng thông tin điện tử Chính phủ (2021), *Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại,* truy cập ngày 14/8/2022 tại: https://baochinhphu.vn/xay-dung-nen-ngoai-giao-toan-dien-hien-dai-102305458.htm.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG TRONG NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY MÔN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

TS NGUYỄN THỊ HẢI YẾN[1]

Tóm tắt:

Đại hội XIII của Đảng là sự kết tinh trí tuệ và bản lĩnh của chính đảng có bề dày lịch sử 92 năm xây dựng và phát triển. Văn kiện Đại hội XIII đề cập đến rất nhiều vấn đề mới trên các lĩnh vực đời sống xã hội, mở ra một thời kỳ mới trong quá trình phát triển đất nước, trong đó, có những quan điểm mới về quản lý kinh tế. Để góp phần quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra, bài viết này tập trung nghiên cứu vận dụng quan điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong nghiên cứu, giảng dạy môn Quản lý nhà nước về kinh tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Quản lý nhà nước ở trường Đại học Vinh trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: *Đại hội XIII, giảng dạy, nghiên cứu, quản lý nhà nước về kinh tế*

MỞ ĐẦU

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về lĩnh vực kinh tế được thể hiện từ nhận thức lý luận đến định hướng chính sách ở cả đánh giá tình hình thực tiễn đến xác định những nội dung chính sách cho giai đoạn tới. Một trong những vấn đề nổi bật trong quan điểm của Đảng tại đại hội lần này là chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

1 Trường Đại học Vinh

NỘI DUNG

1. Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng

1.1. Quan điểm về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình sáng tạo của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trải qua hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nhận thức và hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đang ngày càng phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước. Những thành tựu có ý nghĩa lịch sử của mô hình kinh tế này đã cho thấy việc xây dựng và phát triển KTTT định hướng XHCN là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và nhân dân ta.

Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ: "Kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng XHCN vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước" [1, tr.128]. Từ nội hàm của khái niệm, có thể đề cập một số tiêu chí của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong bối cảnh ngày nay như sau:

Thứ nhất, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là mô hình tự thân mang tính tất yếu khách quan, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam là sự vận động có chủ đích và định hướng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Thứ hai, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế vì con người, lấy con người là trung tâm của sự phát triển. Định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam được thể hiện qua các mặt:

Về mục tiêu phát triển: Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Về quan hệ sở hữu: Phát triển nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực quan trọng của sự phát triển.

Về quản lý: Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Về phân phối: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường... giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người; hoàn thiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

Thứ ba, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam là nền kinh tế thị trường hiện đại và có năng lực hội nhập quốc tế. Tiến trình hội nhập quốc tế theo chiều rộng và chiều sâu không những thể hiện nền kinh tế Việt Nam là một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế thị trường thế giới, mà còn đưa đến nhiều cơ hội cho sự phát triển.

Thứ tư, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam là nền kinh tế giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường để đảm bảo hiệu quả kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường bền vững. Một trong những điểm mới của Đại hội XIII khi bàn về mối quan hệ giữa Nhà nước với các chủ thể khác trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đó là mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Vấn đề này lần đầu tiên đã được đề cập đến trong Văn kiện Đại hội XII, đến Hội nghị Trung ương 5 khóa XII, "mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường" đã được bổ sung thêm yếu tố "xã hội" và Đại hội XIII đã hoàn thiện thành "mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội", trong đó, "Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động; điều tiết, định hướng, thúc đẩy kinh tế phát triển... Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường" [1, tr.130-131].

1.2. Chức năng quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

Chức năng quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường là những hoạt động tổng quát mà Nhà nước phải thực hiện để đạt mục tiêu đã đề ra, đồng thời là cơ sở khách quan để xây dựng hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế và bố trí cán bộ, công chức quản lý kinh tế cho phù hợp. Đại hội XIII của Đảng khẳng định: "Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn hiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiến nền kinh tế, thúc đẩy

sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển" [1, tr 103]. Theo tinh thần đó có thể khái quát thành 5 chức năng quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta hiện nay như sau:

Thứ nhất, tạo lập môi trường

Bằng quyền lực và sức mạnh kinh tế của mình, Nhà nước có trách nhiệm chính trong việc xây dựng và bảo đảm môi trường thuận lợi, bình đẳng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời bảo đảm môi trường phù hợp cho chính cơ chế mới đang hình thành, phát triển và phát huy tác dụng. Với chức năng này, nhà nước có vai trò như một bà đỡ giúp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh phát triển, đồng thời bảo đảm các điều kiện tự do, bình đẳng trong kinh doanh bảo đảm xã hội phát triển lành mạnh, có văn hóa.

Thứ hai, định hướng, hướng dẫn

Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước có chức năng định hướng phát triển kinh tế và hướng dẫn các chủ thể kinh tế hoạt động hướng đích theo các mục tiêu chung của đất nước. Nhà nước không can thiệp thô bạo bằng mệnh lệnh hành chính vào nền kinh tế thị trường mà chủ yếu định hướng và hướng dẫn bằng các công cụ như chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch, thông tin và các nguồn lực của nhà nước vừa bảo đảm tính tự chủ các chủ thể kinh tế, vừa thực hiện mục tiêu chung.

Thứ ba, tổ chức

Nhà nước có trách nhiệm tổ chức, sắp xếp lại các ngành, các lĩnh vực, các vùng kinh tế quan trọng, các cơ quan quản lý của nhà nước về kinh tế từ trung ương đến cơ sở, đổi mới thể chế và thủ tục hành chính, đào tạo và đào tạo lại, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước và quản lý doanh nghiệp nhà nước, thiết lập mối quan hệ kinh tế với các nước và các tổ chức quốc tế...

Thứ tư, điều tiết

Trong khi điều hành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước vừa phải tuân thủ và vận dụng các quy luật khách quan của thị trường, phát huy mặt tích cực, hạn chế những tiêu cực của thị trường, vừa điều tiết sự hoạt động của thị trường theo định hướng của Nhà nước, đảm bảo cho kinh tế phát triển ổn định, công bằng và có hiệu quả. Để điều tiết, Nhà nước phải sử dụng các chính sách, các công cụ như: tài chính, tiền tệ, thuế, tín dụng, lãi suất, các nguồn lực mạnh để điều tiết nền kinh tế thị trường.

Thứ năm, kiểm tra và xử lý vi phạm

Nhà nước thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm nhằm thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng vi phạm pháp luật, sai phạm chính sách, bảo vệ tài sản quốc gia và lợi ích của Nhân dân, góp phần tăng trưởng kinh tế và từng bước thực hiện công bằng xã hội.

Hiện nay các chức năng của Nhà nước phải thể hiện và bảo đảm thật sự là Nhà nước kiến tạo, Nhà nước phục vụ doanh nghiệp, phục vụ nhân dân; Nhà nước phải khích lệ, hỗ trợ, bảo hộ và bảo vệ cho các chủ thể kinh tế kinh doanh đúng pháp luật. Tùy theo yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và kinh tế - xã hội của từng giai đoạn mà việc sắp xếp thứ tự ưu tiên và nội dung cụ thể của các chức năng có thể thay đổi.

1.3 Sự cần thiết đổi mới quản lý của Nhà nước về kinh tế trong giai đoạn hiện nay

Từ thực tiễn, nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện cương lĩnh xây đựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, "đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước" [1, tr.103-104]. Cụ thể: "Kinh tế nước ta duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân khá cao (khoảng 6% năm). Nhiều khó khăn, vướng mắc, hạn chế, yếu kém từ các năm trước đã được tập trung giải quyết và đạt những kết quả bước đầu. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; kinh tế vĩ mô ổn định khá vững chắc; lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp; các cân đối lớn của nền kinh tế tiếp tục được bảo đảm và có bước được cải thiện; kỷ luật, kỷ cương hành chính - ngân sách nhà nước được tăng cường. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh, hiệu quả sử dụng được nâng lên. Môi trường đầu tư, kinh doanh, tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế tiếp tục tăng lên" [1, tr 20-21]. Những thành quả đạt được trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội là minh chứng rõ nét về sự cần thiết và vai trò to lớn của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, đồng thời cũng là luận cứ để bác bỏ một cách thuyết phục sự xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch khi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò quản lý của Nhà nước XHCN.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đánh giá một cách khách quan, nền kinh tế nước ta đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm, chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh so với một số nền kinh tế trong khu vực còn thấp. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chưa phát huy đầy đủ những mặt tích cực và hạn chế tính tự phát, tiêu cực, khuyết tật của KTTT; chưa tách biệt rõ chức năng chủ sở hữu với chức năng quản lý của Nhà nước, chức năng quản lý nhà nước với chức năng sản xuất kinh

doanh của doanh nghiệp. Chính vì thế, việc đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế là nhiệm vụ cấp thiết, song còn nhiều khó khăn, phức tạp đòi hỏi sự tích cực, chủ động, nỗ lực và sáng tạo cao của toàn dân, của cả hệ thống chính trị với những lộ trình, bước đi, cách thức và giải pháp mang tính đồng bộ, khoa học và khả thi.

2. Giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

Để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định rõ những quan điểm, mục tiêu và các giải pháp cơ bản trên tất cả các lĩnh vực. Đây là những nội dung thể hiện sự kế thừa có phát triển những quan điểm trong các văn kiện của Đảng trước đó, là sự tiếp nối thành quả quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, thể hiện sự phát triển về tư duy lý luận của Đảng về đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở một tầm cao mới. Ở góc độ quản lý của Nhà nước, cần tập trung vào những nội dung lớn sau đây:

Một là, nâng cao vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN bằng việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Để thực hiện giải pháp này, cần tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau:

- Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội [1, tr.285]. Chính phủ tập trung vào quản lý vĩ mô, nâng cao chất lượng xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Tăng cường năng lực dự báo và khả năng phản ứng chính sách trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế [1, tr.287].

- Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng được hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân là trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới [1, tr.287].

- Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chú trọng quản lý phát triển xã hội, thực hiện ngày càng tốt hơn vấn đề an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, bảo vệ và trợ giúp các đối tượng dễ bị tổn thương trong nền kinh tế thị trường, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh kinh tế.

Hai là, Nhà nước cần có lộ trình giải quyết thực sự chủ động, tích cực đối với các mục tiêu cụ thể.

Nhà nước cần cải thiện môi trường kinh doanh, đa dạng hóa các kênh tương tác trực tiếp giữa người dân và chính quyền, xây dựng một cơ chế mà các chủ thể trong xã hội có thể tham gia một cách hiệu quả, trực tiếp hơn vào quá trình hoạch định chính sách, pháp luật để quá trình hoạch định này gắn với thực tiễn, nhận được sự đồng thuận từ quá trình hoạch định đến quá trình thực thi. Bên cạnh đó, Nhà nước cần thiết lập được thể chế thúc đẩy sự sáng tạo, cụ thể là cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo, nuôi dưỡng sự sáng tạo trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội.

Ba là, đổi mới mạnh mẽ tư duy và phương pháp quản lý kinh tế của Nhà nước.

Để quản lý kinh tế có hiệu quả, phát huy tối đa các nguồn lực trong xã hội, Nhà nước cần đổi mới theo hướng:

Thứ nhất, đổi mới tư duy quản lý kinh tế, chuyển dần chức năng "làm kinh tế" sang thực hiện tốt vai trò là "trọng tài" trong nền kinh tế; triệt để gạt bỏ cơ chế xin - cho; phân biệt rõ chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước, trong đó "tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích. Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước", chức năng hành chính với chức năng dịch vụ công; xây dựng một nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động và hiệu quả, lấy kết quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm tiêu chí đánh giá.

Thứ hai, đổi mới phương thức quản lý nền kinh tế thông qua việc giảm tối đa các can thiệp quá sâu bằng mệnh lệnh hành chính, sự tham gia trực tiếp của Nhà nước vào các hoạt động kinh tế vĩ mô, hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Thay vào đó, cần chuyển sang phương thức quản lý, điều hành gián tiếp, có tính định hướng và giám sát nhiều hơn, tập trung vào quản lý kinh tế vĩ mô bằng pháp luật và biện pháp kinh tế là chủ yếu; điều tiết nền kinh tế bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hoạch định chính sách để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của đất nước, trên cơ sở các nguyên tắc của thị trường.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trong đó, phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý kinh tế, xã hội giữa trung ương và địa phương, bảo đảm sự tập trung thống nhất quản lý của trung ương và phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương. Tập trung cải cách thủ tục hành chính gắn với nâng cao chất lượng chính sách, pháp luật; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đáp ứng theo yêu cầu thực tế và nhiệm vụ quản lý nhà nước, phù hợp cam kết hội nhập và thông lệ quốc tế.

3. Vận dụng quan điểm Đại hội XIII về vai trò quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong giảng dạy môn Quản lý nhà nước về kinh tế

Quan điểm Đại hội XIII của Đảng về phát huy vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam có giá trị và ý nghĩa to lớn đối với việc nghiên cứu, giảng dạy các môn lý luận nói chung, môn Quản lý nhà nước về kinh tế trong chương trình cử nhân Quản lý nhà nước nói riêng. Do vậy, người giảng viên trong công tác của mình cần lưu ý thực hiện những nội dung sau:

Thứ nhất, giảng viên cần quán triệt sâu sắc, đúng đắn, đầy đủ, toàn diện quan điểm Đại hội XIII của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Chủ động đẩy mạnh việc nghiên cứu, trao đổi để làm sáng tỏ những điểm mới, nội dung trọng tâm, cốt lõi trong quan điểm của Đảng về những vấn đề kinh tế cơ bản như: kinh tế thị trường định hướng XHCN; mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường và xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô; hoàn thiện bộ máy trong quản lý trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, từ đó tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động, triển khai thực hiện cũng như việc vận dụng sáng tạo, khoa học, hiệu quả quan điểm Đại hội XIII của Đảng trong giai đoạn mới.

Thứ hai, cần tiếp tục hoàn thiện chương trình, kế hoạch giảng dạy bảo đảm phù hợp với nội dung nghiên cứu cũng như đặc điểm người học. Việc bổ sung, cập nhật các nội dung vào chương trình môn học cần tiến hành theo hướng chọn lọc, thiết thực, phù hợp với người học, trong đó chú trọng tính định hướng chính trị, phương pháp luận, khả năng vận dụng giải quyết các tình huống trong thực tiễn.

Thứ ba, trong quá trình giảng dạy các môn kinh tế cần chú trọng đến việc bồi dưỡng, hình thành ở người học thế giới quan cách mạng, nhân sinh quan cộng sản trong việc tiếp cận, nghiên cứu, tiếp nhận những tư tưởng, quan điểm của Đảng về kinh tế và quản lý kinh tế trong văn kiện Đại hội XIII. Thông qua những phương pháp dạy học tích cực, giảng viên giúp người học nhận thức đầy đủ, sâu sắc những điểm mới, sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về kinh tế và quản lý kinh tế trong văn kiện; giúp họ thấy được giá trị, ý nghĩa của quan điểm về kinh tế và quản lý kinh tế của Đảng trong văn kiện.

Thứ tư, trong quá trình giảng dạy môn học cần coi trọng việc hình thành ở người học ý chí quyết tâm cao, động cơ phấn đấu vươn lên đúng đắn trong học tập, rèn luyện, luôn hướng tới mục tiêu thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Định hướng cho người học tự giác tu dưỡng, rèn luyện theo những tiêu chuẩn

chung về trình độ, phẩm chất đạo đức của người cán bộ quản lý trong bộ máy nhà nước. Khuyến khích người học không ngừng nỗ lực, nâng cao trình độ nhận thức, tu dưỡng đạo đức, lối sống, rèn luyện bản lĩnh, tác phong của thanh niên thời đại mới; kiên quyết đấu tranh và phòng chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đồng thời, phát huy dân chủ, khuyến khích, khơi gợi người học tích cực tham gia ý kiến về nghị quyết, về về chủ trương, đường lối của Đảng, phê phán những quan điểm sai trái, đấu tranh với những luận điệu chống phá Đảng và Nhà nước trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

KẾT LUẬN

Có thể nói, các quan điểm của Đại hội XIII đã chỉ rõ những luận cứ khoa học quan trọng cho việc nghiên cứu, giảng dạy các môn học lý luận chính trị nói chung, môn Quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng. Việc nghiên cứu những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, giúp cho nội dung bài học đảm bảo tính cấp thiết, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong việc tuyên truyền, quán triệt đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước, đưa nội dung nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo trong bối cảnh lịch sử có nhiều thay đổi như trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Hội đồng Lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC VINH
Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Vinh, Nghệ An
Điện thoại: 0238. 3551345 (Máy lẻ: 312) - Fax: 0238.3855 269
Email: nxbdhv@vinhuni.edu.vn

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY CHÍNH TRỊ HỌC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Chịu trách nhiệm nội dung và xuất bản:
Giám đốc kiêm Tổng biên tập
PGS.TS. NGUYỄN HỒNG QUẢNG

Biên tập:
CAO THỊ ANH TÚ

Bìa, trình bày:
QUANG MINH

Sửa bản in:
BAN BIÊN TẬP NỘI DUNG

ISBN 978-604-923-675-4

In 300 cuốn, khổ 19 x 27 cm
tại Công ty TNHH In Hòa Nhơn - Số 6/6 Lê Khôi, TP. Vinh, Nghệ An
Đăng ký Kế hoạch xuất bản số: 3802-2022/CXBIPH/2-11/ĐHV
Quyết định xuất bản số: 38-2022/QĐXB-NXB ngày 2/11/2022
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2022